

越南史略

VIỆT-NAM SỬ-LƯỢC

NHỮNG SÁCH ĐÃ XUẤT-BẢN CỦA SOẠN-GIẢ

Sơ-học luân-lý.	0 \$ 50
Sư-phạm khoa yếu-lược	0 . 40
Việt-Nam sử-lược (tập thứ nhất)	0 . 80
Việt-Nam sử-lược (tập thứ nhì)	1 . 00
47 hiệu giáo hóa đời Lê triều: dịch ra chữ Pháp.	0 . 30

越南史略

VIỆT-NAM SỬ-LƯỢC

(HISTOIRE DE VIỆT-NAM)

TRẦN TRONG-KIM

SOẠN

QUYỂN HẠ

Nam Bắc phân tranh thời-dại
Cận-kim thời-dại.

IN LẦN THỨ HAI

Sửa lại căn-thận



HANOI

IMPRIMERIE VINH & THÀNH

1928

Nez pas l'aire saché que l'air qu'on

NHỮNG SÁCH DẪNG ĐỀ KÊ-CỨU

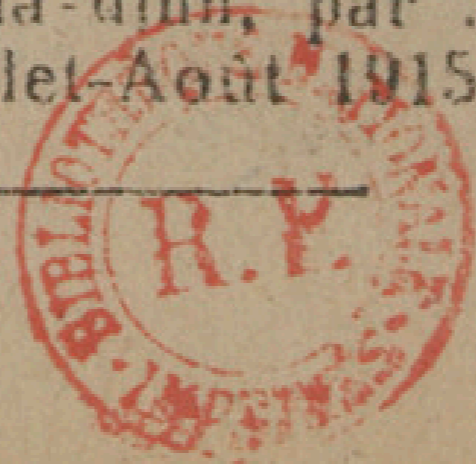
(Liste des ouvrages consultés par l'auteur)

A. SÁCH CHỮ NHO VÀ SÁCH QUỐC-NGŨ :

- 1° Đại-Việt sử-ký, của NCO-SĨ-LIÊN.
- 2° Khâm-định Việt-sử Thông-giám-cương-mục.
- 3° Trần-triều thế-phổ hành-trang.
- 4° Bình-Nguyên công-thần thực-lục.
- 5° Hoàng-Lê nhất thống chí.
- 6° Lịch-triều hiến-chương, của PHAN-HUY-CHỮ.
- 7° Đại-Nam thực lục tiền biên.
- 8° Đại-Nam thực lục chính biên.
- 9° Đại-Nam thống chí.
- 10° Đại-Nam chính biên liệt truyện.
- 11° Đại-Nam điển lễ toát yếu, của ĐỖ-VĂN-TÂM.
- 12° Minh-Mệnh chính yếu.
- 13° Quốc-triều sử toát yếu, của CAO-XUÂN-DỤC.
- 14° Thanh-triều sử-ký.
- 15° Trung-quốc lịch-sử.
- 16° Hạnh-thục ca, của bà NGUYỄN-NHƯỘC-THỊ.

B. SÁCH CHỮ PHÁP :

- 1° Cours d'Histoire Annamite, par TRƯƠNG-VĨNH-KỶ.
- 2° Notion d'Histoire d'Annam, par MAYBON ET RUISSIER.
- 3° Pays d'Annam, par E. LURO.
- 4° L'Empire d'Annam, par GOSSELIN.
- 5° Abrégé de l'Histoire d'Annam, par SCHREINER.
- 6° Histoire de la Cochinchine, par P. COLTRU.
- 7° Les origines du Tonkin. } par J. DUPUIS.
- 8° Le Tonkin de 1872 à 1836. }
- 9° La vie de Monseigneur Puginier, par E. LOUVET.
- 10° L'insurrection de Gia-dinh, par J. SILVESTRE (*Revue Indochinoise*, Juillet-Août 1915).



越南史略

VIỆT-NAM SỬ-LƯỢC

Quyển IV

NAM BẮC PHÂN TRANH THỜI-ĐẠI

南北分爭時代

(1528-1802)

NHÀ HẬU-LÊ

後黎

Thời kỳ phân tranh

(1533-1788)

CHƯƠNG I

LỊCH TRIỀU LƯỢC KÝ

1. Nam triều Bắc triều. — 2. Trịnh Nguyễn phân tranh

Nước Nam ta từ khi Ngô-vương Quyền đánh đuổi được quân Nam-Hán, vua Đinh Tiên-hoàng dẹp yên được loạn Thập-nhị Sứ-quân lập thành một nước tự-chủ, đời nọ qua đời kia kế truyền được non 600 năm. Đến đầu thập-lục thế-kỷ, bởi vì vua nhà Lê hoang dâm vô độ, bỏ việc chính trị đồ nát, cho nên trong nước loạn lạc, nhà Mạc nhân dịp mà làm sự thoán-đoạt. Nhà Lê tuy đã mất ngôi, nhưng lòng người còn tưởng nhớ đến công đức của vua Thái-tổ và vua Thánh-tôn, cho nên lại theo phò con cháu nhà Lê trung-hưng lên ở phía nam, lập ra một Triều-đình riêng ở

vùng Thanh-hóa Nghệ-an, đễ chống nhau với nhà Mạc. Ấy là hành ra Nam-triều và Bắc-triều, hai bên đánh nhau trong năm sáu mươi nam trời.

Đến khi nhà Lê nhờ có họ Trịnh giúp rập, dứt được nhà Mạc, tưởng là giang sơn lại nhất thống như cũ, ai ngờ họ Trịnh và họ Nguyễn lại sinh ra lòng ghen ghét, gây nên mối thù oán, rồi mỗi họ hùng-cứ một-phương, chia nước ra làm hai mảnh: họ Nguyễn giữ xứ Nam, họ Trịnh giữ xứ Bắc, mỗi họ chiếm giữ một xứ để làm cơ-nghiệp riêng của mình. Từ đó giang sơn chia dẽ, Nam Bắc phân tranh, ấy là một thời đại riêng trong lịch sử nước ta vậy.

Nhà Hậu-Lê 後黎 từ khi trung-hưng lên, con cháu vẫn giữ ngôi làm vua, nhưng quyền chính-trị ở cả họ Trịnh 鄭. Còn ở phía nam thì từ sông Linh-giang trở vào là cơ-nghiệp của họ Nguyễn 阮. Tuy vậy, hai họ chỉ xưng chúa, chứ không xưng vua, và bề ngoài vẫn tôn phò nhà Lê. Sau này ta hãy chép tóm cả các đời vua và các đời chúa để cho rõ sự kế truyền. Còn những công việc về thời bấy giờ thì ta sẽ bàn riêng ra từng mục cho rõ ràng.

I. — NAM-TRIỀU 南朝, BẮC-TRIỀU 北朝

NAM TRIỀU 南朝

Lê Trang tôn 莊宗
(1533-1548)

Niên-hiệu: Nguyên-hòa 元和

Trang-tôn húy là Duy-Ninh 維寧 con rể vua Chiêu-tôn. Ông Nguyễn-Kim 阮滄 lập ngài lên làm vua ở đất Cầm-châu (Lào), sau đưa ngài về Thanh-hóa, lập hành-điện ở Vạn-lại 萬賴.

Trang-tôn làm vua được 16 năm, thọ 31 tuổi.

BẮC-TRIỀU 北朝

Thái-tổ Mạc Đăng-Dung

太祖莫登庸 (1527-1529)

Niên-hiệu: Minh-đức 明德

Thái-tôn Mạc Đăng-Doan

太宗莫登瀛 (1530-1540)

Niên-hiệu: Đại-chinh 大正

Nhà Lê trung-hưng lên ở Thanh-hóa.

Hiển-tôn Mạc Phúc-Hải

憲宗莫福海 (1541-1546)

Niên-hiệu: Quảng-hòa 廣和

Lê Trung-tôn 黎中宗

(1548-1556)

Niên-hiệu : Thuận-bình 順平

Trung-tôn húy là Duy-Huyền 維暄, con vua Trang-tôn. Ngài làm vua được 8 năm, thọ 28 tuổi.

Lê Anh-tôn 黎英宗

(1556-1573)

Niên-hiệu : Thiên-hữu 天祐

(1557) - Chính-trị 正治 (1558-1571) - Hồng-phúc 洪福 (1572-1573).

Anh-tôn húy là Duy-Bang 維邦, cháu huyền-tôn ông Lê Trừ 黎除, anh vua Thái-tổ ngày trước. Vua Trung-tôn không có con, cho nên ông Trịnh-Kiểm mới đi tìm ngài về lập lên làm vua.

Khi Trịnh-Kiểm mất rồi, quyền về Trịnh-Tùng, ngài phải trốn về Nghệ-an. Trịnh-Tùng sai người đuổi theo bắt về giết đi. Ngài làm vua được 16 năm, thọ 42 tuổi.

Lê Thế-tôn 黎世宗

(1573-1599)

Niên-hiệu : Gia-thái 嘉泰 (1573-

1577) Quang-hưng 光興 (1578-1599)

Thế-tôn húy là Duy-Đàm 維潭, con thứ 5 vua Anh-tôn. Trịnh-Tùng lập ngài lên làm vua từ lúc còn 7 tuổi.

Trong đời ngài làm vua, Trịnh-Tùng giết được họ Mạc, lấy lại đất Đông-dô. Ngài làm vua được 27 năm, thọ 33 tuổi.

Tuyên-tôn Mạc Phúc-

Nguyên 宣宗莫福源

(1546-1556)

Niên-hiệu : Vĩnh-dinh 永定

(1547) - Cảnh-lich 景曆 (1548-

1553) - Quang-bảo 光寶

(1554-1561)

Mạc-phúc-Nguyên cố đánh lấy Thanh-hóa nhưng không được.

Mạc-mậu-Hợp 莫茂洽

(1562-1592)

Niên-hiệu : Thuần-phúc 淳福

(1562-1565) - Sùng-khang 崇康

(1566-1577) - Diên-thành 延成

(1578-1585) - Đoan-thái 端泰

(1586-1587) - Hưng-trị 興治 (1588-

1590) - Hồng-ninh 洪寧

(1591-1592)

Mạc-mậu-Hợp làm vua được 30 năm. Sau bị Trịnh-Tùng bắt được đem về chém ở Thăng-long và đem đầu vào bêu ở trong Thanh-hóa.

Nhà Mạc mất ngôi từ đây. Nhưng con cháu được nhờ nhà Minh bênh vực, còn được giữ đất Cao-bằng ba đời nữa.

II. — TRỊNH NGUYỄN PHÂN TRANH

Lê Kinh-tôn 黎敬宗 (1600-1619)

Niên-hiệu: Thân-đức 慎德 (1600) — Hoàng-định 弘定 (1601-1619)

Kinh-tôn húy là Duy-Tân 維新, con vua Thế-tôn. Ngài làm vua đến năm kỷ-mùi (1619), bị Trịnh-Tùng bắt phải thắt cổ mà tự tận. Trị vì được 20 năm thọ 32 tuổi

TRỊNH

NGUYỄN

Bình-an-vương Trịnh-Tùng 鄭松 (1570-1620)

Miêu-hiệu là: Thành-lô Triết-vương

Trịnh-Tùng tranh quyền của anh, nổi nghiệp Trịnh-Kiểm đánh phá nhà Mạc, lấy lại đất Đông đô. Lập ra nghiệp chúa Trịnh, nhưng vẫn tôn vua Lê.

Đoan-quận-công Nguyễn-Hoàng 阮潢 (1600-1613)

Truy tôn là Thái-tổ Gia-du Hoàng-đế, đương thời gọi là chúa Tiên.

Ông Nguyễn-Hoàng là con thứ hai ông Nguyễn-Kim, vào trấn đất Thuận-hóa và Quảng-nam lập ra nghiệp chúa Nguyễn.

Lấy đất của Chiêm-thành lập ra phủ Phú-yên. Mất năm qui-sửu (1613), thọ 89 tuổi.

Thụy-quận-công Nguyễn-phúc Nguyễn 阮福源 (1613-1635)

Truy tôn là Hi-tôn Hiền-văn Hoàng-đế, đương thời gọi là chúa Sãi. Ngài là con thứ 6 ông Nguyễn-Hoàng, cải họ là Nguyễn-Phúc 阮福.

LÊ THẦN-TÔN 黎神宗 (1619-1643) (lần thứ nhất)

Niên-hiệu : Vĩnh-tộ 永祚 (1620-1628) — Đức-long 德隆 (1629-1634) —
Dương-hòa 陽和 (1635-1643).

Thần-tôn húy là Duy-Kỳ 維祺, con vua Kinh-tôn. Làm vua đến năm quý-mùi (1643) thì nhường ngôi cho Thái-tử, mà làm Thái-thượng-hoàng.

TRỊNH

Trịnh-Tùng mất năm quý-hợi (1623)

Thanh-dò-vương Trịnh-Tràng 鄭 樞 (1623-1657)

Miếu-hiệu là: Văn-tổ Nghị-vương
Trịnh-Tràng đánh họ Mạc ở Cao-bằng và khởi sự đánh nhau với họ Nguyễn ở đất Quảng-bình.

NGUYỄN

Ông Nguyễn-phúc-Nguyên chống với họ Trịnh ở Quảng-bình. Mất năm ất hợi (1635), thọ 73 tuổi.

Nhân-quận-công Nguyễn-phúc-Lan 阮福瀾
(1635-1648)

Truy-tôn là Thần tôn, Hiếu-chiêu Hoàng-đế, đương thời gọi là chúa Thượng.

Ông Nguyễn-phúc-Lan là con thứ hai chúa Sãi, đánh nhau với họ Trịnh ở Quảng-bình.

LÊ CHÂN-TÔN 黎真宗 (1643-1649)

Niên-hiệu : Phúc-thái 福泰

Chân-tôn húy là Duy-Hựu 維祐, con vua Thần-tôn, làm vua được 6 năm, thọ 20 tuổi.

Trong đời ngài, vua nhà Minh là Quế-vương đóng ở Quảng-lây sai sứ sang phong cho ngài là An-nam quốc-vương.

TRINH

Trình-Tráng đánh họ
Nguyễn ở phía nam.

NGUYỄN

Ông Nguyễn-phúc-Lan mất
năm mậu-ti (1648) thọ 48 tuổi.

Dùng-quận công Nguyễn-
phúc Tần 阮福瀕
(1648-1687)

Truy-tôn là *Thái-tôn Hiếu-
triết Hoàng-đế*, đương thời
gọi là *chúa Hiền*.

Ông Nguyễn-phúc-Tần
đánh nhau với họ Trình ở
đất Nghệ-an. Lấy đất Chiêm-
thành lập ra phủ Ninh-hòa
và phủ Diên-khánh (tức là
đất Khánh hòa bây giờ).

IÊ THẦN TÔN (1649-1662) (lần thứ hai)

Niên-niệm : Khánh đức 慶德 (1649-1652) — Thịnh-đức 盛德 (1653
1657) — Vĩnh thọ 永壽 (1658-1661) — Vạn-khánh 萬慶 (1662).

Chân-tôn mất không có con, Trình-Tráng lại rước Thần-
tôn Thái thượng-hoàng về làm vua. Lần thứ hai này ngài
làm vua được 13 năm thì mất, thọ 56 tuổi

TRINH

Trình-Tráng mất năm đinh-
dậu (1657).

Tây-vương Trịnh-Tạc 鄭柞
(1657-1682)

Miếu-hiệu là : Hoàng-tổ Dương-
vương

Trình-Tạc đánh con cháu
nhà Mạc lấy lại đất Cao-
bằng. Đặt ra lệ vào châu vua
không lạy, só tấu không viết
tên, và đặt giường ngồi ở
bên tả ngai vua ngự.

NGUYỄN

Nguyễn-phúc-Tần (chúa
Hiền).

LÊ HUYỀN-TÔN 黎玄宗 (1663-1671)

Niên-hiệu : Cảnh-tri 景治

Huyền-tôn húy là Duy-Vũ 維禩, con thứ hai vua Thần-tôn. Trong đời ngài làm vua mới khởi đầu thông sứ với nhà Thanh, và cấm đạo Gia-tò. Ngài làm vua được 9 năm, thọ 18 tuổi.

TRỊNH
Trịnh-Tạc

NGUYỄN
Nguyễn-phúc-Tân
(Chúa Hiền)

LÊ GIA-TÔN 黎嘉宗 (1672-1675)

Niên-hiệu : Dương-dức 陽德 1672-1673) — Đức-nguyên 德元 (1674-1675)

Gia-tôn húy là Duy-Hội 維禔, con thứ ba vua Thần-tôn. Lúc ngài mới lên 2 tuổi thì Thần-tôn mất, Trịnh-Tạc, đem về nuôi trong phủ. Khi vua Huyền-tôn mất, không có con, Trịnh-Tạc lập ngài lên làm vua, được 4 năm thì mất, thọ 15 tuổi.

TRỊNH
Trịnh-Tạc

NGUYỄN
Nguyễn-phúc-Tân
(Chúa Hiền)

LÊ HI-TÔN 黎熙宗 (1676-1705)

Niên-hiệu : Vĩnh-trị 永治 (1676-1680) — Chính-hòa 正和 (1680-1705)

Hi-tôn húy là Duy-Hợp 維洽, con thứ tư vua Thần-tôn. Khi Thần-tôn mất, bà Trịnh-thị mới có thai được bốn tháng. Trịnh-Tạc đem về nuôi ở bên phủ. Gia-tôn mất không có con, Trịnh-Tạc lập lên làm vua được 29 năm rồi truyền ngôi cho Thái-tử mà làm Thái-thượng-hoàng.

TRINH

Trịnh-Tạc mất năm nhâm-tuất (1682).

Định-vương Trịnh-Cần
鄭 根
(1682-1709)

Miền-hiện là: Chiêu-tô Khang-vương

Trịnh-Cần làm chúa được 28 năm thì mất, truyền ngôi chúa cho cháu huyền-tôn là Trịnh-Cương.

NGUYỄN

Nguyễn-phúc-Tân mất năm đinh-mão (1687), thọ 68 tuổi.

Hoàng quốc-công Nguyễn-phúc-Trần 阮 福 濂
(1687-1691)

Truy-tôn là *Anh-tôn Hiếu-nghĩa Hoàng-đế*, đương thời gọi là chúa Nghĩa.

Lập phủ ở Phú-xuân là chỗ kinh-đô bảy giờ. Mất năm tân-mùi (1691), thọ 43 tuổi.

Tộ-quốc-công Nguyễn-phúc-Chu 阮 福 澗
(1691-1725)

Truy-tôn là *Hiển-tôn Hiếu-minh Hoàng-đê*, đương thời gọi là quốc-chúa.

Ông Nguyễn-phúc-Chu lấy hết nước Chiêm-thành (nay là đất Bình-thuận) và lại lấy đất Gia-định, Hà-tiên của Chân Lạp.

LÊ DỤ TÔN 黎 裕 宗 (1706 1729)

Niên hiệu: Vĩnh-thịnh 永 盛 (1706-1719) — Bảo-thái 保 泰 (1720-1729)

Dụ-tôn húy là Duy-Dương 維 禧, làm vua được 21 năm, bị Trịnh-Cương bắt phải truyền ngôi cho Thái-tử là Duy Phương. Mất năm tân-hợi (1731), thọ 52 tuổi.

TRINH

Trinh-Căn mất năm kỷ-sửu (1709).

An-dô - vương Trinh-Cương 鄭 綱 (1709-1729)

Miêu-hiệu là: Hi-tô Nhân-vương

Mất năm kỷ-dậu (1729).

NGUYEN

Nguyễn-phúc-Chu mất năm ất-tí (1725), thọ 51 tuổi, có 146 người con.

Đĩnh-quốc-công Nguyễn-phúc-Trú 阮 福 樹 (1725 1738)

Truy-tôn là Túc-tôn Hiêuninh Hoàng-đế mở mang đất Gia đình, và bảo-hộ nước Chân-lạp.

LÊ ĐỀ DUY PHƯƠNG 維 勅 (1729-1732)

Niên-hiệu : Vĩnh-khánh 永 慶

Duy-Phương làm vua được 3 năm, bị Trinh-Giang vu cho tư thông với vợ Trinh-Cương, phải bỏ, giáng xuống làm Hôn-đức-công, rồi đến năm nhâm-tí (1732) thì bị giết.

TRINH

Trinh-Cương mất.

Uy-nam-vương Trinh-Giang 鄭 綱 (1729-1740)

Miêu-hiệu là: Dụ-tô Thuận-vương

Trinh-Giang làm chúa xa xỉ và hung ác quá độ, giặc đã nổi lên rất nhiều.

NGUYEN

Nguyễn-phúc-Trú

LÊ THUẦN-TÔN 黎 純 宗 (1732 1735)

Niên-hiệu : Long-đức 龍 德

Thuần-tôn húy là Duy-Tường 維 祥. Ngài là con vua Du-tôn, trước đã được lập làm Thái-tử, sau bị Trinh-Cương bỏ để lập Duy-Phương. Trinh-Giang lại bỏ Duy-Phương lập ngài lên làm vua, mất năm ất-mão (1735), thọ 37 tuổi.

TRINH

Trinh-Giang

NGUYEN

Nguyễn-phúc-Trú

LÊ Ý-TÔN 黎 懿 末 (1735-1740)

Niên-hieu . Vinh-hựu 永 祐

Ý tôn húy là Duy-Thin 維 張, con vua Duy-tôn, Trịnh-Giang bỏ con vua Thuần-tôn mà lập ngài.

Năm canh-thân (1740) Trịnh-Doanh bắt ngài phải nhường ngôi cho con vua Thuần-tôn, rồi làm Thái-thượng-hoàng, mất năm kỷ mao (1759), thọ 41 tuổi.

TRỊNH

Trịnh-Giang bị bỏ năm canh thâu (1740), làm Thái-thượng-vương. Em là Trịnh-Doanh lên thay.

Minh-đô-vương Trịnh-Doanh 鄭 橙 (1740-1767)

Miêu-hiệu là: Nghi tồ Ân vương Trịnh-Doanh đánh dẹp giặc dã trong nước.

NGUYỄN

Nguyễn-phúc-Trú mất năm mậu-ngọ (1738), thọ 43 tuổi.

Vô-vương Nguyễn-phúc-Khoát 阮 福 濶 (1738-1765)

Truy-tôn là *Thế-tôn Hiếu-vô Hoàng-đế*.

Ông Nguyễn-phúc-Khoát đánh Chân-lạp mở thêm đất ở Gia định.

LÊ HIỂN TÔN 黎 顯 宗 (1740-1786)

Niên-hiệu: Cảnh hưng 景 興

Hiển-tôn-huy là Day Dao 日 晫, con vua Thuần-tôn. Làm vua được 46 năm, thọ 70 tuổi.

TRỊNH

Trịnh Doanh mất năm đinh-hợi (1767).

Tĩnh-dô-vương Trịnh-Sâm

鄭森

(1767-1782)

Miêu-hiệu là: Thánh-tổ Thịnh-vương

Trịnh-Sâm dẹp yên giặc ở xứ Bắc. Lấy đất Thuận-hóa và đất Quảng-nam của chúa Nguyễn. Nhưng vì say đắm nàng Đặng-thị-Huệ, mới bỏ con trưởng lập con thứ, làm thành ra cái mối biến loạn. Mất năm nhâm-dần (1782).

Tôn-dô-vương Trịnh-Cán 鄭楷. Làm chúa được 2 tháng bị lính Tam-phủ bỏ đi, lập anh là Trịnh-Khai lên làm chúa.

Đoan-nam-vương Trịnh-Khai 鄭楷 (1783-1786)

Bị Tây-sơn bắt được, phải tự tử năm binh ngọ (1786).

NGUYỄN

Võ-vương Nguyễn-phúc-Khoát xưng vương hiệu năm giáp-tí (1744), và mất năm ất-dậu (1765).

Định-vương Nguyễn-phúc-

Thuần 阮福淳

(1765-1777)

Truy-tôn là *Duyệt-tôn Hiếu-dịnh Hoàng-đế*.

Đời ngài làm chúa bị Trương-phúc-Loan chuyên quyền. Quân Tây-sơn nổi lên đánh phía nam, quân họ Trịnh đánh phía bắc.

Sau quân chúa Trịnh vào lấy mất Phú xuân, Định-vương chạy vào Gia-dịnh, bị tướng Tây-sơn là Nguyễn-văn-Huệ giết mất. Ngài thọ 24 tuổi.

Nguyễn-vương Nguyễn-phúc-Anh 阮福瑛. tức là vua Thế tổ Cao hoàng đế nhà Nguyễn khởi binh ở Gia-dịnh.

LÊ MẢN-ĐẾ 黎愍帝 (1781-1788)

Niên-hiệu: Chiêu-thống 昭統

Mản đế là cháu đích-tôn vua Hiến-tôn. Ngài bị quân Tây-sơn đánh thua chạy sang Tàu cầu cứu, sau đánh thua lại trở sang Tàu, bị quan Tàu làm nhục, rồi mất ở Yên kinh.

TRỊNH

Ân - đô - vương Trịnh-Bồng 鄭樅 Khi quân Tây-sơn về Nam rồi, dăng họ Trịnh lại lập Trịnh-Bồng lên làm chúa. Vua gọi Nguyễn Hữu-Chính ra đánh họ Trịnh. Trịnh-Bồng bỏ đi tu.

NGUYỄN

Nguyễn - vương Nguyễn Phúc-Anh khôi phục đất Gia-định.

CHƯƠNG II

NAM TRIỀU, BẮC-TRIỀU

(1527 — 1592)

1. Chính-trị nhà Mạc. — 2. Việc nhà Mạc giao-thiệp với nhà Minh. — 3. Họ Nguyễn khởi nghĩa giúp nhà Lê. — 4. Quyền về họ Trịnh. — 5. Trịnh-Tùng thống lĩnh binh quyền. — 6. Khôi phục thành Thăng-long. — 7. Nhà Mạc mất ngôi. 8. Việc nhà Hậu-Lê giao thiệp với nhà Minh. — 9. Con cháu nhà Mạc ở Cao-bằng.

1. Chính-trị nhà Mạc. — Năm dinh-hợi 1527 Mạc-dăng-Dung cướp ngôi nhà Lê lên làm vua, đặt niên-hiệu là Minh đức.

Nhà Mạc tuy đã làm vua, nhưng còn sợ lòng người nhớ nhà Lê, cho nên công việc gì cũng theo phép nhà Lê cả, rồi lại tặng phong cho những người vị nhà Lê mà tuân tiết, và lục dạng những con cháu các quan cựu thần, phong cho quan tước để dụ về với mình. Nhưng mà kẻ thì trốn tránh vào ở chỗ sơn lâm, kẻ thì đi ra ngoại quốc, kẻ thì đổi họ đổi tên, không mấy người chịu phục. Lại có kẻ tức giận vì họ Mạc làm điều gian ác, tụ họp những người nghĩa khí nổi lên đánh phá, như Lê công Uyển 黎公淵, Nguyễn-Ngã 阮我, Nguyễn-thọ-Trường 阮壽長 khởi nghĩa ở đất Thanh-hóa, nhưng vì thế lực không đủ, cho nên phải thua. Sau lại có Lê-Ý 黎意 nổi lên đánh họ Mạc ở đất Mã-giang, mấy phen đã được thắng trận, nhưng cũng vì khinh địch cho nên đến nổi phải bắt.

Mạc Đăng-Dung bắt-luộc lối nhà Trần làm vua được ba năm thì nhường ngôi cho con là Mạc Đăng-Doanh 莫登瀛, rồi về ở Cổ-trại, làm Thái-thương-hoàng.

Năm canh-dần (1530) Mạc Đăng-Doanh lên làm vua, đặt niên-hiệu là Đại-chính. Đăng-Doanh tuy làm vua nhưng công việc trong nước thường do Đăng-Dung quyết đoán cả.

Mạc-đăng-Doanh làm vua được 10 năm, đến năm canh-tí (1540) thì mất, truyền ngôi lại cho con là Mạc-phúc-Hải.

Mạc-phúc Hải 莫福海 lên nối ngôi, đổi niên-hiệu là Quảng-hòa 廣和.

2. Việc nhà Mạc giao-thiếp với nhà Minh. — Từ khi nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê rồi, quan nhà Lê đã có người sang kêu cầu bên Tàu để xin viện binh. Vua nhà Minh đã sai quan đi đến Vân-nam cùng với quan Tuần-phủ sở-tại tra xét việc bên An-nam thực hư thế nào.

Quan nhà Lê sang Vân-nam kể rõ việc họ Mạc làm điều thi nghịch. Quan nhà Minh tâu với vua xin cử binh mã sang đánh.

Việc định sang đánh họ Mạc không phải là vua nhà Minh có vị gì họ Lê, nhưng chẳng qua cũng muốn nhân lúc nước Nam có biến, lấy cơ mà sang làm sự chiếm giữ như khi trước sang đánh họ Hồ vậy. Ta phải biết rằng phàm những việc nước nọ giao-thiếp với nước kia thì thường là người ta chỉ mượn tiếng « vị nghĩa » mà làm những việc « vị lợi » mà thôi.

Năm đinh-dậu (1537) vua nhà Minh bèn sai người Cừu-Loan 仇 雋 làm Đô-đốc, người Mao-bá-Ôn 毛 伯 溫 làm Tán-lý-quân-vụ, đem quân sang đóng gần cửa Nam-quan, rồi truyền hịch đi mọi nơi, hễ ai bắt được cha con Mạc-đăng-Dung thì thưởng cho quan tước và 2 vạn bạc. Lại sai người đưa thư sang cho Mạc-đăng-Dung bảo phải đưa sổ ruộng đất và nhân dân sang nộp và chịu tội, thì được tha cho khỏi chết.

Mạc-đăng-Dung sai bọn Nguyễn-văn-Thái 阮 文 泰 sang sứ nhà Minh để xin hàng.

Đến tháng 11 năm canh-tí (1540), Mạc-đăng-Dung thấy quân nhà Minh sửa soạn sang đánh, sợ hãi quá chừng, bèn để Mạc-phúc-Hải ở lại giữ nước, rồi cùng với bọn Vũ như-Quế 武 如 桂 cả thảy hơn 40 người, tự trời mình ra hàng, sang chịu tội ở cửa Nam-quan, lấy phục xuống đất¹ nộp sổ điền thổ và sổ dân đinh, lại xin dâng đất 5

động : là động *Tê-phù*, động *Kim-lạc*, động *Cờ-xung*, động *Liêu-cát*, động *La-phù* vào đất Khâm châu. Lại đem vàng bạc dâng riêng cho quau nhà Minh.

Quan nhà Minh tuy làm bộ hống hách nói đem binh sang đánh, nhưng cũng sợ phải cái va như mấy năm Bình-định ngày trước, và lại được tiền bạc của Đặng-Dung rồi, cái lòng nhiệt-thành vị-quốc cũng nguội đi, cho nên mới tâu với vua nhà Minh xin phong cho Mạc Đăng-Dung làm chức Đô-thống-sứ 都統使, hàm quan nhị phẩm nhà Minh.

Mạc Đăng-Dung đã làm tói nhà Lê mà lại giết vua để cướp lấy ngôi, ấy là một người nghịch-thần; đã làm chủ một nước mà không giữ lấy bờ cõi, lại đem cắt đất mà dâng cho người, ấy là một người phản quốc. Làm ông vua mà không giữ được cái danh giá cho trọn vẹn, đến nỗi phải cỡi trần ra, trời mình lại, đi đến qui lạy ở trước cửa một người tướng của quân nghịch, để cầu lấy cái phũ qui cho một thân mình và một nhà mình, ấy là một người không biết liêm sỉ.

Đối với vua là nghịch thần, đối với nước là phản quốc, đối với cách ăn-ở của loài người, là không có nhân phẩm; một người như thế thì ai mà kinh phục? Cho nên dẫu có lấy được giang sơn nhà Lê, dẫu có mượn được thế nhà Minh bênh-vực mặc lòng, một cái cơ-nghiệp dựng nên bởi sự gian-ác hèn-hạ như thế, thì không bao giờ bền trật được. Cũng vì cơ ấy cho nên con cháu họ Lê lại trung-hung lên được.

3. Họ Nguyễn khởi nghĩa giúp nhà Lê, — Khi Mạc-đăng-Dung làm sự thoán-đoạt thì các quan cựu thần trốn tránh đi cũng nhiều. Thuở ấy có người con ông Nguyễn-hoảng-Dụ 阮弘裕, tên là Nguyễn-Kim 阮淦 (hay là Nguyễn-hoảng-Kim¹) làm quan Hữu-vệ Điện-tiền Tướng-quân,

(1) Xem sách Việt-Nam khai-quốc-chí truyện. thì ông Nguyễn-Kim tức là ông Nguyễn-hoảng Kim, là con ông Nguyễn-hoảng-Dụ, cháu ông Nguyễn-văn-Lang, đều làm quau nhà Lê cả.

Án-thanh hầu 右衛殿前將軍安博侯, trốn sang Ai-lào, Vua nước ấy là Xạ Đẩu 乍斗 cho đến ở xứ Cầm-châu 岑州 (thuộc Trấn-man phủ, về đất Thanh-hóa). Ông Nguyễn Kim đến ở Cầm-châu rồi cho người đi tìm con cháu nhà Lê để đỡ sự khôi phục. Đến năm qui-tỵ (1532) tìm được một người con rể vua Chiêu-tôn, tên là Duy-Ninh 維寧 lập lên làm vua, tức là Trang tôn 莊宗

Khi ấy lại có một người tướng giỏi tên là Trịnh-Kiểm 鄭檢, ở làng Sóc-sơn, huyện Vĩnh-lộc, phủ Quảng-hóa. Ông Nguyễn-Kim thấy người có tài, gả con gái là Ngọc-Bảo cho, đề cùng ra sức giúp nhà Lê, dứt nhà Mạc.

Vua tôi nhà Lê nương-náu ở Cầm-châu để chiêu tập quân sĩ, mãi đến năm canh-ti (1540), ông Nguyễn-Kim mới đem quân về đánh Nghệ-an. Năm nhâm-dần (1542) Trang-tôn mới cất quân về đánh Thanh hóa và Nghệ-an, qua năm sau (1543) thì thu phục được đất Tây-đô, quan Tổng-trấn nhà Mạc là Dương-chấp Nhất 楊執一 ra hàng.

4. Quyển về họ Trịnh. — Năm ất-tý (1545) ông Nguyễn-Kim đem quân tiến lên đánh Sơn-nam, đi đến huyện Yên-mô⁶ bị người Dương Chấp-Nhất là hàng-tướng nhà Mạc, đánh thuốc độc chết. Những binh quyển giao cả lại cho con rể là Trịnh-Kiểm.

Trịnh-Kiểm rút quân về Thanh-hóa lập hành-diện ở đồn Vậu-lại (thuộc huyện Thụy-nguyên, Thanh-hóa) để cho vua ở, rồi chiêu mộ những kẻ hào kiệt⁷ luyện tập quân-sĩ, tích trữ lương thảo để lo việc đánh họ Mạc.

Bấy giờ có những người danh sĩ như là bọn ông Phùng-khắc-Khoan 馮克寬 (tức là trạng Bùng) và ông Lương-hữu-Khánh 梁有慶 đến vào giúp nhà Lê. Giang sơn bấy giờ chia làm hai: từ Thanh hóa trở vào thuộc về nhà Lê, làm Nam-triều, từ Sơn nam trở ra thuộc về họ Mạc, làm Bắc-triều.

Năm binh ngo (1546) Mạc phúc-Hải mất, truyền ngôi lại cho con là Mạc phúc-Nguyên 莫福源, niên hiệu Vĩnh-dịuh.

Năm mậu-thân (1548) vua Trang-tôn mất, Trịnh-Kiểm lập Thái-tử tên là Duy-Huyền 維 渲 lên làm vua, được 8 năm thì mất, tức là Trung-tôn.

Vua Trung-tôn mất không có con, mà bấy giờ dòng dõi họ Lê cũng không có ai, việc binh quyền thì ở trong tay Trịnh-Kiểm cả.

Tục truyền rằng Trịnh-Kiểm đã lưỡng lự muốn tự xưng làm vua, nhưng còn chưa dám định hẳn bề nào, các quan cũng không ai biết làm thế nào cho phải. Sau Trịnh-Kiểm cho người đi lên ra Hải-dương hỏi ông Nguyễn-bình-Khiêm 阮 秉 謙¹, tức là trạng Trình, xem nên làm thế nào.

Ông Nguyễn-bình-Khiêm không nói gì cả, chỉ ngảnh lại bảo đầy-tớ rằng : « Năm nay mất mùa, thóc giống không « tốt, chúng mày nên tìm giống cũ mà gieo mạ ». Nói rồi lại sai đầy-tớ ra bảo tiên quét dọn chùa và đốt hương, để ông ra chơi chùa, rồi bảo tiên rằng : « Giữ chùa thờ phật « thì ăn oản ».

Sứ gia về kể chuyện lại cho Trịnh-Kiểm nghe. Trịnh-Kiểm hiểu ý, mới cho người đi tìm con cháu họ Lê. Sau tìm được người cháu huyền-tôn ông Lê-Trừ 黎 除 là anh vua Thái-tổ, tên là Duy-Bang 維 邦, ở làng Bồ-vệ, huyện Đông sơn, rước về lập lên làm vua.

Bấy giờ nhà Lê thì lo đánh họ Mạc, để khôi phục lại đất Đông đô nhà Mạc thì muốn trừ họ Lê, để nhất thống thiên-hạ. Nhưng từ khi ông Nguyễn-Kim mất rồi, và trong mấy năm về đời vua Trung-tôn, Trịnh-Kiểm cứ giữ thế thủ ở đất Thanh-hóa, để sửa sang việc binh lương, đợi ngày ra đánh họ Mạc.

Nhà Mạc thì sai Mạc-kính-Điền 莫 敬 典, là chú Mạc-phúc-Nguyên cầm quân đi đánh họ Lê.

Mạc kính-Điền đem binh vào đánh Thanh-hóa cả thầy kẻ hơn 10 phen, phen nào cũng phải thua trở về. Trịnh-Kiểm cũng ra đánh Sơn-nam kẻ vừa 6 lần, nhưng không

(1) Ông Nguyễn-bình-Khiêm làm quan nhà Mạc, được phong là Trình-quốc-công, cho nên mới gọi là trạng Trình, sau về trí sĩ ở làng Trung-am, huyện Vĩnh-lại, tỉnh Hải-dương.

có lần nào được toàn thắng. Chỉ có năm kỷ-mùi (1559) Trịnh-Kiểm đem 6 vạn quân ra đánh mặt bắc, đã lấy được những tỉnh Sơn-tây, Hưng-hóa, Thái-nguyên, Kinh-bắc, Lạng-sơn và các huyện ở mặt Hải-dương, tưởng đã sắp thành công, nhưng lại bị Mạc-kinh-Điền đem một đạo quân đi đường bộ vào đánh Thanh-hóa nguy cấp lắm, Trịnh-Kiểm lại phải bỏ xứ bắc về giữ đất Tây-dô. Thành ra hai bên cứ giữ nhau mãi : nhà Lê tuy đã trung hưng, nhưng giang-sơn vẫn chưa thu lại được như cũ, mà nhà Mạc có làm vua, thì cũng chỉ làm vua ở xứ Bắc mà thôi.

Năm tân-dậu (1561) vua nhà Mạc là Phúc Nguyên mất, con là Mạc-mậu-Hợp 莫茂洽 lên nối ngôi làm vua.

Việc tranh chiến vẫn cứ như trước : khi thì Trịnh-Kiểm ra đánh Sơn-nam khi thì Mạc-kinh-Điền vào đánh Thanh-hóa, hai bên không bên nào được hẳn mà cũng không bên nào thua hẳn.

5. **Trịnh-Tùng thông lĩnh binh quyền.** — Năm canh-ngọ (1570) Trịnh-Kiểm mất, trao quyền lại cho con trưởng là Trịnh-Cối 鄭梈 để lo việc đánh dẹp. Nhưng Trịnh-Cối hay say đắm tửu sắc, tướng sĩ không mấy người phục ; lại có em là Trịnh-Tùng 鄭松 ý muốn cướp quyền của anh, bèn cùng với bọn Lê-cấp-Đề 黎及節, Trịnh Bạch 鄭栢 rước vua về đồn Vạn-lại, rồi chia quân ra chống với Trịnh-Cối.

Đương khi hai anh em họ Trịnh đánh nhau, thì Mạc-kinh-Điền lại đem hơn 10 vạn quân vào đánh Thanh-hóa; Trịnh-Cối liêu thể địch không nổi, bèn đem quân về hàng họ Mạc được giữ quan tước như cũ. Quân nhà Mạc thừa thế tiến lên đến sông Mã-giang, tràn sang đóng ở đất Hà-trung, rồi đến vây đánh An-trường (thuộc huyện Thủy-nguyên) là chỗ vua nhà Lê đóng.

Bây giờ vua Anh-tôn về ở Đông-sơn, phong cho Trịnh-Tùng làm Tả-thừa-trưởng, tiết chế chư quân, để chống giữ với quân nhà Mạc. Trịnh-Tùng sai các tướng giữ mọi nơi rất là chắc chắn. Mạc-kinh-Điền đánh mãi không được, lâu ngày hết lương phải rút quân về bắc.

Quân nhà Mạc rút về rồi, vua phong cho Trịnh-Tùng làm Thái-uy, Trưởng-quốc-công 太尉長國公, và thăng-thưởng cho các tướng sĩ. Lại sai ông Phùng-khắc-Khoan đi chiêu tập những hoang dân ở Thanh-hóa về yên nghiệp làm ăn, và chỉnh-đốn việc chính-trị lại.

Bấy giờ công việc gì cũng do ở Trịnh-Tùng quyết đoán cả, uy quyền hống hách, vua cũng lấy làm lo, ông Lê-cập-Đệ 黎及第 thấy vậy, mưu với vua để trừ họ Trịnh, nhưng Trịnh-Tùng biết ý dùng mưu giết Cập-Đệ đi, vua Anh-tôn biết sự không thành, lo sợ lắm, bèn cùng với bốn hoàng-tử chạy vào Nghệ an.

Trịnh-Tùng thấy vua xuất ngoại rồi, bèn cho người đi rước hoàng-tử thứ năm là Duy-Đàm 維潭 ở làng Quảng-thị, huyện Thụy-nguyên về lập lên làm vua, rồi sai người Nguyễn-hữu-Liêu 阮有僚 đem binh đi đuổi theo vua Anh-tôn.

Anh-tôn vào đến đất Nghệ-an, thấy quân đuổi đến, vội vàng ẩn vào trong vườn mía, nhưng bị Hữu-Liêu tìm thấy đưa về, đến huyện Lôi-dương thì Trịnh-Tùng sai người đến giết đi, rồi nói rằng vua tự thắt cổ chết.

Trịnh-Tùng giết vua Anh-tôn rồi thăng thưởng cho những người đồng đảng với mình, và chia quân phòng giữ các nơi để chống với quân nhà Mạc.

○ Từ năm quý-dậu (1573) cho đến năm quý-vi (1583) vừa 10 năm, Trịnh-Tùng cứ giữ vững đất Thanh-hóa, Nghệ-an, để cho quân nhà Mạc vào đánh phải hao binh tổn tướng. Trong bấy nhiêu năm tướng nhà Mạc là Mạc-kinh-Điền 莫敬典, Nguyễn-Quyện 阮倦 và Mạc ngọc-Liễn 莫玉璣, khi thì vào đánh Thanh-hóa, khi thì vào đánh cả mặt Thanh và mặt Nghệ, nhưng mà không bao giờ thành công: phen nào cũng chỉ được một vài trận rồi lại thua, phải rút quân về.

Từ năm ất-mão (1578) trở đi, Mạc-kinh-Điền mất rồi, Mạc-đôn-Nhượng 莫敦讓 đem binh vào đánh họ Lê, nhưng cũng không được trận nào.

6. Khởi phục thành Thăng-long. — Đến năm quí-mùi (1583) Trịnh-Tùng xem thế mình đã mạnh, mới cử binh mã ra đánh Sơn-nam lấy được thóc gạo đem về Từ đó về sau năm nào cũng ra đánh, bắt quân nhà Mạc phải đổi thế công ra thế thủ. Và nhà Mạc thấy thế nhà Lê một ngày một mạnh, bèn bắt quân dân đắp ba từng lũy, đào ba lần hào ở ngoài thành Đại-la để làm kế thủ bị.

Quân nhà Lê ra đánh trận nào được trận ấy, Trịnh-Tùng bèn quyết ý cử đại binh ra đánh Thăng-long.

Năm tân-mão (1591) Trịnh-Tùng sai Diên-quận-công Trịnh văn-Hải 演郡公鄭文海, Thái-quận công Nguyễn thất-Lý 太郡公阮七里 đem binh trấn thủ các cửa bể và các nơi hiểm yếu. Sai Thọ-quận-công Lê-Hòa 壽郡公黎和 ở lại giữ ngự-dinh và cả địa hạt Thanh-hóa. Phòng bị đâu đấy rồi, bèn đem hơn 5 vạn quân chia ra làm 5 đội, sai quan Thái-phó Nguyễn Hữu-Liên 太傅阮有傑, quan Thái-úy Hoàng Đình-Ái, 太尉黃廷愛, Lân-quận-công Hà Thế-Lộc 麟郡公何世祿, Thế-quận-công Ngô Cảnh-Hựu 世公郡吳景祐, mỗi người lĩnh một đội, còn Trịnh-Tùng tự lĩnh 2 vạn quân ra cửa Thiên-quan (Ninh-binh), qua núi Yên-mã (ở huyện An-sơn) đất Tân-phong (tức là Tiên-phong) rồi kéo về đóng ở Tốt-lâm (?)

Vua nhà Mạc là Mạc Mậu-Hợp cũng điều tất cả quân bốn vệ và quân năm phủ được hơn 10 vạn, sai Mạc Ngọc-Liên và Nguyễn-Quyện lĩnh hai đạo đi làm tá hữu dực; Mậu-Hợp tự dẫn trung quân đến đóng đối trận với quân Trịnh-Tùng.

Trịnh-Tùng thấy quân Mạc đã đến, bèn tự mình đốc tướng sĩ thế đánh cho được giặc dễ báo thù. Quân họ Trịnh đánh rất hăng, quân nhà Mạc chống không nổi, thua to, chết đến hàng vạn người. Mạc-mậu-Hợp bỏ chạy. Quân họ Trịnh thừa thế đuổi trận gần đến thành Thăng-long. Nhưng vì bấy giờ vừa đến tết Nguyên-đán, cho nên Trịnh-Tùng đành chiến lại cho quân sĩ nghỉ ngơi ăn tết. Qua sang tháng giêng năm nhâm-thìn (1592) Trịnh-Tùng

lập đàn tế trời đất và các vua nhà Lê rồi đặt ba điều ước để cấm quân sĩ :

- 1° Không được vào nhà dân mà lấy đồ ăn và lấy củi đuốc.
- 2° Không được cướp lấy của-cải và chặt lấy cây-cối.
- 3° Không được dám hiếp đàn-bà con gái, và không được vị tư thù ma giết người.

Ai phạm ba điều ấy thì cứ theo quân pháp mà trị. Đoạn rồi, tiến quân lên đánh Thăng-long-thành.

Mạc-mậu-Hợp thấy quân nhà Lê lại tiến lên, bèn sai Mạc-ngọc-Liên 莫玉璫, Bùi-văn-Khuê 裴文奎, Nguyễn-Quyện 阮倦 và Trần-bách-Niên 陳百年 ở lại giữ thành Thăng-long, rồi đem quân sang sông Nhị hà về đóng ở làng Thổ-khối 土塊

Trịnh-Tùng sai tướng chia quân vây đánh các cửa thành. Quân nhà Mạc giữ không nổi, ba tầng lũy đều phải phá cả, bọn Mạc-ngọc-Liên, Bùi-văn-Khuê phải bỏ thành mà chạy, Nguyễn-Quyện thì phải bắt.

Trịnh-Tùng lấy được thành Thăng-long rồi bắt quân phá những hào lũy đi, san phẳng ra làm bình địa, rồi về Thanh-hóa đem tin thắng trận cho vua biết.

Sử không nói rõ tại làm sao Trịnh-Tùng đã lấy được Thăng-long mà không đánh rấn đi, lại bỏ về Thanh-hóa. Có lẽ là tại quân họ Trịnh tuy thắng trận, nhưng tướng sĩ đều mỗi mệt cả, vả lại thế họ Mạc hãy còn mạnh, ở lại sợ giữ không nổi, cho nên phải bỏ mà về.

Trịnh-Tùng đã bỏ Thăng-long về Thanh-hóa, nhưng Mạc-mậu-Hợp không biết nhân lấy dịp ấy mà sửa sang việc vũ-bị, chỉnh-đốn việc chính-trị, lại cứ say đắm tửu sắc, bạc đãi các tướng sĩ, đến nỗi công việc hỏng nát, thân mình bị hại.

Bấy giờ Bùi-văn-Khuê có người vợ tên là Nguyễn-thị 阮氏 nhan sắc hơn người, Mạc mậu Hợp muốn giết Văn-Khuê đi để lấy Nguyễn-thị làm vợ.

Văn Khuê biết ý đem vợ vào ở huyện Gia-viên (thuộc Ninh-bình), Mậu-Hợp cho quân vào bắt. Văn-Khuê phải xin về hàng với Trịnh Tùng.

7. Nhà Mạc mất ngôi — Trinh-Tùng được Văn Khuê về hàng, mừng lắm, liền sai Hoàng-dinh-Ái ra đón Văn-Khue rồi đem đi làm tiền đội, tự mình lại đem đại binh trở ra Tràng-an gặp quân nhà Mạc ở sông Thiên-phái (ở về cuối huyện Ý yên và huyện Phong-doanh, tỉnh Nam-định), đánh nhau một trận, lấy được 70 chiếc thuyền. Tướng nhà Mạc là Trần-bách-Niên về hàng.

Quân Trinh-Tùng kéo ra Bình-lục sang Thanh-oai đóng ở bãi Tinh-thần (bây giờ là xã Thanh-thần ở huyện Thanh-oai) rồi tiến lên đến sông Hát giang (cửa sông Đáy ra sông Hồng-hà) gặp tướng nhà Mạc là Mạc-ngọc-Liên, đánh đuổi một trận lấy được chiến-thuyền kẻ hàng nghìn chiếc.

Mạc-mậu-Hợp được tin quân mình thua to, bỏ thành Thăng-long chạy sang Hải-dương về đóng ở Kim-thành 金城 thuộc Hải-dương.

Trinh-Tùng ra đến Thăng-long, rồi sai Nguyễn-thất-Lý, Bùi-văn-Khue và Trần-bách-Niên sang đánh Mậu Hợp ở Kim-thành, lấy được vàng bạc của cải nhiều lắm và bắt được mẹ Mậu-Hợp đem về.

Mạc-mậu-Hợp thấy quân mình thua luôn, bèn giao quyền chính-trị lại cho con là Mạc-Toàn 莫全 rồi tự mình làm tướng đem quân đi đánh.

Bấy giờ quan nhà Mạc là bọn Đỗ-Uông 杜汪, Ngô-Tạo 吳燧 cả thảy 17 người về hàng nhà Lê.

Trinh-Tùng sang đóng quân ở huyện Vĩnh lai, rồi sai Phạm-văn-Khoái 范文快 đem quân đi đuổi đánh Mậu-Hợp ở huyện Yên-dũng và huyện Vũ-ninh (nay là Vũ-giang) Mạc-mậu-Hợp phải bỏ thuyền chạy lên bộ, vào ẩn trong cái chùa ở huyện Phượng-nhơn Văn Khoái đuổi đến đấy, có người chỉ dẫn bắt được đem về Thăng-long, làm tội sống ba ngày, rồi chém đầu đem vào bêu ở trong Thanh-hóa.

Bấy giờ có con Mạc-kính-Điền là Mạc-kính-Chỉ 莫敬止 ở đất Đông-triều biết tin Mạc-mậu-Hợp đã bị bắt, bèn tự lập làm vua, đóng ở huyện Thanh-lâm. Con cháu họ Mạc hơn 100 người và các quan văn võ đều về đây cả, rồi treo hàng

chiêu mộ quân sĩ, chẳng bao lâu được sáu bảy vạn người. Mạc-Toàn là con Mạc-mậu-Hợp cùng theo về với Mạc kinh-Chỉ.

Trịnh-Tùng thấy Kinh-Chỉ lại nổi lên thanh thế to lắm, quan quân đánh mãi không được, bèn đem quân sang đánh ở huyện Cẩm giăng và huyện Thanh làm, bắt được Kinh-Chỉ, và con cháu họ Mạc cùng các quan cả thấy hơn 60 người.

Trịnh-Tùng đánh được trận ấy, rồi về Thăng-long, sai quan vào rước vua Thế-tôn ra Đông-đô, mở triều và thăng thưởng cho các tướng sĩ.

Năm sau tướng nhà Mạc là Mạc-ngọc-Liên tìm được một người con Mạc-kính-Điền là Mạc-kính-Cung 莫敬恭 lập lên làm vua, chiếm giữ châu Yên-bác ở đất Lạng-son để làm căn bản. Nhưng chẳng bao lâu quan Thái-úy là Hoàng-định-Ái đem binh lên đánh. Mạc-kính-Cung và Mạc-ngọc-Liên phải chạy sang Long-châu. Ít lâu Ngọc-Liên chết, có để thư lại dặn Kính-Cung rằng: « Nay họ Lê lại dậy lên được, ấy là số trời đã định; còn dân ta thì có tội gì, mà ta nỡ để khổ sở mãi về việc chiến tranh? Vậy ta nên đành phận lãnh mình ở nước ngoài, chớ đừng có đem lòng cạnh tranh mà lại mời người Tàu sang làm hại dân nước mình.

Trung hậu thay, mấy lời dặn lại của Mạc-ngọc-Liên! Chỉ tiếc vì họ Mạc không ai chịu theo!

Từ đó nhà Mạc mất ngôi làm vua, ngày sau tuy Mạc-kính-Cung nhờ có nhà Minh bênh vực được về ở đất Cao-bằng, nhưng cũng là ở một chỗ nhỏ mọn gần chỗ biên thùỵ mà thôi.

Nhà Mạc làm vua từ Mạc-đăng-Dung cho đến Mạc-mậu-Hợp là từ năm đinh-hợi (1527) đến năm nhâm-thìn (1592) kể vừa được 65 năm.

Trịnh-Tùng tuy đã lập được công to: gửi được nhà Mạc, lấy lại được đất Đông-đô, nhưng nhà Minh vẫn có ý bênh nhà Mạc không chịu nhận nhà Lê. Và con cháu họ Mạc hãy còn nhiều; nay xưng vương chỗ này, mai khởi

loạn chỗ khác, cho nên Trịnh-Tùng phải một mặt dùng trí mà giữ cho nhà Minh khỏi quấy nhiễu, và một mặt dùng lực mà đánh dẹp dư đảng họ Mạc.

8 Việc nhà Hậu-Lê giao-thiếp với nhà Minh. — Khi Trịnh-Tùng đã thu phục được thành Thăng-long rồi, người nhà Mạc sang kêu với vua nhà Minh rằng họ Trịnh nổi lên tranh ngôi, chứ không phải là con cháu nhà Lê.

Vua nhà Minh sai quan đến Nam-quan khám xét việc ấy.

Tháng 3 năm bình-thân (1596) vua Thế-tôn sai quan Hộ-bộ Thượng-thư là ông Đỗ-Uông 杜汪 và quan Đô-ngự-sứ là ông Nguyễn-văn-Giai 阮文階 lên Nam-quan tiếp quan Tàu. Sau lại sai 2 ông hoàng-thân là Lê-Cánh 黎梗, Lê-Lựu 黎榴 cùng với quan Công-bộ tả-thị-lang là ông Phùng-khắc-Khoan 馮克寬 đem 10 người kỳ mục, 100 cân vàng, 1.000 cân bạc, cái ấn An-nam Đô-thống-sứ của nhà Mạc và cái ấn An-nam quốc-vương của vua nhà Lê ngày trước, sang cho quan nhà Minh khám. Nhưng quan nhà Minh lại bắt vua Thế-tôn phải thân hành sang hội ở cửa Nam-quan.

Trịnh-Tùng sai bọn Hoàng-dình-Ái 黃廷愛, Nguyễn-hữu-Liêu 阮有僚 đem một vạn quân đi hộ giá, đưa vua sang phó hội. Sang đến nơi quan nhà Minh lại đòi phải nộp người vàng và ấn vàng như tích cũ, rồi không chịu đến hội. Vua chờ lâu, không xong việc lại phải trở về.

Đến tháng tư năm sau sứ nhà Minh lại sang mời vua Thế-tôn lên hội ở Nam-quan. Triều-dình sai quan Thái-úy Hoàng Đình-Ái đem 5 vạn quân đi hộ giá sang hội ở Nam-quan.

Đến khi xa giá về, Trịnh-Tùng đem các quan đi đón mừng rồi về sai Công-bộ tả-thị-lang Phùng-khắc-Khoan 馮克寬 làm Chánh-sứ, quan Thái-thường tự-khanh Nguyễn-nhân Thiềm 阮仁瞻 làm phó-sứ, đem đồ lễ sang Yên-kinh cống nhà Minh và xin phong.

Vua nhà Minh chỉ phong cho vua Thế-tôn làm An-nam Đô thống sứ. Ông Phùng-khắc-Khoan dâng sớ tâu rằng : « Đô thống sứ là chức cũ của họ Mạc, chứ vua nước Nam

là dòng dõi họ Lê, mà phong cho chức ấy thì không xứng đáng ». Vua nhà Minh nói giả lờ rằng: vẫn biết họ Lê không ví như họ Mạc, nhưng lúc đầu mới phong, hãy tạm cho chức ấy, rồi về sau sẽ phong vương.

Ông Phùng-khắc-Khoan phải chịu mà về. Từ đó nhà Minh với nhà Lê lại thông sứ như trước.

9. Con cháu nhà Mạc ở Cao-bằng — Từ khi Mạc-mậu-Hợp và Mạc-kinh-Chỉ phải bắt rồi, con cháu họ Mạc ẩn ở các nơi để mong đường khôi phục. Bảy giờ có Mạc-kinh-Chương 莫敬章 xưng làm Tráng-vương 壯王, chiếm giữ từ huyện Đông-triều cho đến đất Yên-quảng.

Năm binh-thân 1596) Trịnh-Tùng sai quan Trấn-thủ Hải-dương là Phan-Ngan 潘彥 đánh bắt được Kinh-Chương.

Lại có người Mạc-kinh-Dụng 莫敬用 là con Mạc-kinh-Chỉ chiếm giữ đất Yên-bắc (Lạng-sơn) xưng làm Uy-vương 威王, nhưng cũng chẳng bao lâu bị quân họ Trịnh bắt được.

Còn Mạc-kinh-Cung 莫敬恭 trước đã chạy sang ở Long châu, sau lại về cùng với đảng mình đánh phá ở đất Cao-bằng và đất Lạng-sơn. Trịnh-Tùng sai quan lên đuổi đánh, nhưng Mạc-kinh-Cung sang kêu với nhà Minh, vua nhà Minh cho đưa thư sang bắt nhà Lê phải để đất Cao-bằng cho con cháu họ Mạc.

Nhà Lê bất-đắc-dĩ phải để đất Cao-bằng cho họ Mạc ở.

MẠC-TRIỆU THẾ-PHỒ 莫朝世譜

1. MẠC-DĂNG-DUNG
莫登庸

2. MẠC DĂNG DOANH
莫登瀛

Mạc-chính-Trung
莫正中

3. MẠC-PHÚC-HẢI
莫福海

Mạc-kính-Điền
莫敬典

Mạc-đôn-Nhượng
莫敦讓

4. MẠC-PHÚC-NGUYỄN
莫福源

Kính-Chí
敬止

Kính-Phu
敬敷

Kính-Chương
敬章

Kính-Thận
敬慎

Kính-Giản
敬簡

Kính-Tuân
敬遵

Kính-Cung
敬恭

5. MẠC-MẬU-HỢP
莫茂洽

Kính-Dụng
敬用

Kính-Khoan
敬寬

Mạc-Toàn
莫全

Kính-Vũ
敬宇(完)

CHƯƠNG III

TRỊNH NGUYỄN PHÂN TRANH

1. *Họ Trịnh xưng chúa xứ Bắc.* — 2. *Họ Nguyễn xưng chúa xứ Nam.*

1. Họ Trịnh xưng chúa xứ Bắc. — Từ khi Trịnh Tùng 鄭松 giết được họ Mạc, thu giang sơn lại cho nhà Lê rồi, mỗi ngày một kiêu hãnh, chiếm giữ lấy quyền chính-trị, và lại hà hiếp nhà vua. Họ Nguyễn ở trong Thuận-hóa 順化 thấy họ Trịnh chuyên quyền, cũng tự xưng độc-lập ở xứ Nam, làm thành ra Nam Bắc đôi nơi, và gây nên sự chiến tranh rất là tàn hại cho nước nhà.

Năm kỷ-hợi (1599) đời vua Thế-tòn nhà Lê, Trịnh-Tùng thu xếp xong việc thông sứ với nhà Minh, và đã chịu nhường đất Cao-bằng cho con cháu nhà Mạc rồi, trong nước đã yên dân dần, bèn tự xưng làm Đô-nguyên-súy, Tổng-quốc chính, Thượng-phụ Bình-an-vương 都元帥 總國政尚父平安王, rồi định lệ cấp bổng cho vua được thu thuế 1.000 xã, gọi là lộc thượng-tiến 上進祿, cấp cho vua 5 000 lính để làm quân túc-vệ. Còn những việc đặt quan, thu thuế, bắt lính, trị dân, đều thuộc về quyền họ Trịnh cả. Chỉ có khi nào thiết-triều hay là tiếp sứ thì mới cần đến vua mà thôi.

Tự đó về sau, họ Trịnh cứ thế tập làm vương, tục gọi là chúa Trịnh.

Uy quyền họ Trịnh bấy giờ hống hách như thế và các quan lại theo về họ Trịnh cả, giả sử Trịnh-Tùng có muốn giết nhà Lê đi mà làm vua, thì cũng không khó gì. Tuy vậy mà Trịnh-Tùng không dám làm là tại sao? Tại lẽ rằng ở phía bắc sợ có nhà Minh sinh sự lôi thôi, lại có họ Mạc còn giữ đất Cao-bằng, lỡ có làm điều gì phản trắc, thì e quân nghịch nổi lên lấy tiếng phù Lê thảo Trịnh làm cớ.

Vả chẳng mặt nam còn có họ Nguyễn, thế lực cũng chẳng kém hèn gì, mà lại có ý độc lập để tranh quyền với họ Trịnh. Chứ bằng không lấy nước cũng như lấy nước, không làm vua mà lại hơn vua. Và bao giờ có phải đi đánh dẹp nơi nào, vẫn lấy linh thiên tử mà sai khiến mọi người, không ai bẻ bất gì được. Bởi thế cho nên họ Trịnh đành chịu ngôi thứ nhì trong nước mà giữ quyền cả nước.

2. Họ Nguyễn xưng chúa xứ Nam. — Nguyên khi xưa ông Nguyễn-Kim 阮淦 khởi nghĩa giúp nhà Lê đánh nhà Mạc, đã lấy được đất Thanh, Nghệ rồi, sau đem quân ra đánh Sơn-nam 山南, bị hàng tướng nhà Mạc là Dương-chấp-Nhất 楊執一 đánh thuốc độc chết, binh quyền giao cả lại cho rể là Trịnh-Kiểm 鄭檢 để đánh giặc.

Ông Nguyễn-Kim có hai người con là ông Nguyễn-Uông 阮汪 và ông Nguyễn-Hoàng 阮潢 cũng làm tướng lập được nhiều công. Người anh là ông Nguyễn-Uông được phong là Lạng-quận-công 朗郡公, người em là ông Nguyễn-Hoàng được phong là Thái úy, Hoan-quận công 端郡公.

Nhưng vì Trịnh-Kiểm sợ họ Nguyễn tranh mất quyền mình, bèn kiếm chuyện mà giết ông Nguyễn-Uông đi. Còn ông Nguyễn-Hoàng cũng sợ Trịnh-Kiểm có ý âm hại, chưa biết làm thế nào, mới cho người ra Hải-dương hỏi ông Nguyễn-bình-Khiêm Ông ấy bảo rằng: « *Hoành sơn nhất đại, vạn đại dung thân* » nghĩa là một giải Hoành-sơn¹ kia có thể yêu thân được muôn đời.

Ông Nguyễn-Hoàng mới nói với chị là bà Ngọc Bảo 玉寶 xin Trịnh-Kiểm cho vào trấn phía Nam.

Năm mậu-ngọ (1558) đời vua Anh-tôn, Trịnh-Kiểm mới tâu vua cho ông Nguyễn-Hoàng vào trấn đất Thuận-hóa 順化 Bấy giờ những người họ hàng ở huyện Tống sơn 宋山, cùng những quân lính ở đất Thanh, Nghệ nhiều người đưa cả vợ con theo đi. Ông Nguyễn-Hoàng vào đóng

(1) Núi Hoành sơn là núi đèo ngang ở về tỉnh Quảng-bình.

ở xã Ai-tử 愛子 (sau gọi là kho Cây Khế), thuộc huyện Đăng-xương, tỉnh Quảng-trị.

Ông Nguyễn-Hoàng là một người khôn ngoan mà lại có lòng nhân đức, thu dưng bào kiệt, yên ủi nhân dân, cho nên lòng người ai cũng mến phục.

Đến năm kỷ-tị (1569) ông ra châu vua ở An-tràng 安場. Qua năm sau Trịnh Kiểm gọi quan tổng-binh ở Quảng-nam là Nguyễn Bá-Quynh 阮伯翺 về giữ đất Nghệ-an, và lại cho ông vào trấn cả đất Thuận-hóa và đất Quảng-nam. Lệ mỗi năm phải nộp thuế 400 cân bạc, 500 tấm lụa.

Năm nhâm-thân (1572) nhân lúc Trịnh Kiểm mới mất, con là Trịnh-Cối 鄭楡 và Trịnh-Tùng 鄭松 đánh nhau, nhà Mạc đem quân vào đánh Thanh-hóa và sai tướng là người Lập-Bạo 立暴 đem một toán quân đi 60 chiếc thuyền, bởi đường hải-đạo kéo vào đóng ở làng Hồ-xá 胡舍 và ở làng Lạng-uyên 嶺苑 (thuộc huyện Minh-linh) để đánh ông Nguyễn Hoàng.

Ông mới sai một người con gái đẹp là Ngô-thị 吳氏 giả làm cách đưa vàng bạc sang nói với Lập-Bạo xin cầu hòa. Lập-Bạo mừng rỡ, không phòng giữ gì cả, bị quân họ Nguyễn đánh lên, bắt được giết đi, và đánh tan quân nhà Mạc.

Năm quý-tị (1593) Trịnh-Tùng đã lấy lại được thành Thăng-long, bắt được Mạc-mậu-Hợp nhưng mà đảng nhà Mạc còn nhiều, phải đánh dẹp nhiều nơi, ông Nguyễn-Hoàng đưa quân binh và súng ống ra Đông-đô, ở hằng 8 năm, giúp Trịnh-Tùng để đánh họ Mạc, lập được nhiều công to. Nhưng mà Trịnh-Tùng vẫn có ý ghen ghét không muốn cho ngài về Thuận-hóa, mà ngài cũng chưa có dịp gì mà về được.

Năm canh-ti (1600) nhân vì họ Trịnh kiêu-bãnh quá, các quan có nhiều người không phục bọn Phan-Ngan 潘彥, Ngô-Đình-Nga 吳廷鹹, Bùi Văn-Khuê 裴文奎 khởi binh chống lại với họ Trịnh ở cửa Đại-an (thuộc Nam-định), ông Nguyễn-Hoàng mới đem bản bộ tướng sĩ giả cách nói đi đánh giặc, rồi theo đường hải đạo về Thuận-hóa.

Ông Nguyễn-Hoàng về Thuận-hóa rồi, sợ họ Trịnh nghi ngờ, bèn đem người con gái là bà Ngọc-Tú 玉秀 ra gả cho Trịnh-Trọng 鄭重 là con giai Trịnh-Tùng. Ngài ở giữ đất Thuận-hóa, cho người con thứ 6 vào trấn đất Quảng-nam dựng ra kho tàng, tích trữ lương thực.

Từ đây trở đi, nam bắc phân biệt, bề ngoài thì làm ra bộ hòa-hiếu, nhưng bề trong thì vẫn lo việc phòng bị đề chống cự với nhau.

1. H
—
nho
thi

1.
1599
triều
là K
Ngô-d
Trịnh
vua và
Đảng
bà thờ
quốc-n
Cao-bá
Phan
lân nha
Trin
ra lấy
hiến ch
đoạn r
thị giết
thành ở
Kim-th
Trinh-
ra, và sai
nguyên, L
Trinh T
không chuy

CHƯƠNG IV

SỰ CHIẾN-TRANH

1. Họ Trịnh đánh họ Mạc ở Cao-bằng. — 2. Nhà Thanh dấy nghiệp.
3. Tình thế họ Nguyễn ở xứ Nam. — 4. Đánh nhau lần thứ nhất.
— 5. Đánh nhau lần thứ hai. — 6. Đánh nhau lần thứ ba. — 7. Đánh
nhau lần thứ tư. — 8. Đánh nhau lần thứ năm. — 9. Đánh nhau lần
thứ sáu. — 10. Đánh nhau lần thứ bảy.

1. Họ Trịnh đánh họ Mạc ở Cao-bằng. — Năm kỷ hợi (1599) vua Thế-tôn mất, Trịnh-Tùng cùng với các quan triều thần lập hoàng-tử là Duy-Tân 維新 lên làm vua, tức là Kinh-tôn 敬宗. Qua năm sau (1600) bọn Phan-Ngạn, Ngô-dinh-Nga và Bùi-văn-Khuê nổi loạn ở cửa Đại-an. Trịnh-Tùng ở Thăng-long sợ bốn mặt thù địch bên rước vua vào Thanh hóa.

Đảng họ Mạc thấy thành Thăng-long bỏ không, bên rước bà thứ-mẫu của Mậu-Hợp là Bùi-thị 裴氏 về tôn lên làm quốc-mẫu, rồi cho người lên đón Mạc kinh-Cung ở đất Cao-bằng.

Phan-Ngạn và Bùi-văn-Khuê lại nghi ngờ nhau rồi giết lẫn nhau, còn Ngô-dinh-Nga thì về giúp nhà Mạc.

Trịnh-Tùng đem Kinh-tôn vào Thanh-hóa rồi, thu xếp ra lấy lại Thăng-long, nhưng còn sợ mặt Thuận-hóa có biến chẳng, bèn sai quan vào ủy dụ ông Nguyễn-Hoàng; đoạn rồi đem thủy bộ đại quân ra bắc, đánh bắt được Bùi-thị giết đi, còn Mạc kinh-Cung 莫敬恭 bỏ chạy sang Kim-thành ở Hải-dương, sau thấy đảng của mình thua cả, lại bỏ Kim-thành chạy lên Cao-bằng.

Trịnh-Tùng lấy lại Thăng-long rồi sai quan vào rước vua ra, và sai các tướng đi chiêu trừ đảng họ Mạc ở mặt Thái-nguyên, Lạng-son và Yên-quảng.

Trịnh-Tùng càng ngày càng kiêu hãnh qua, vua cũng không chịu được, lại nhân họ Trịnh có con là Trịnh-Xuân

鄭樞 muốn giành quyền với người con trưởng là Trịnh-Tráng 鄭樞. Vua Kinh-lôn mời mưu với Trịnh-Xuân để giết Trịnh-Tùng, nhưng chẳng may sự không thành, Trịnh-Tùng bức vua phải thắt cổ chết, và bắt Trịnh-Xuân giam mấy tháng rồi tha.

Trịnh-Tăng giết vua Kinh-lôn rồi lập Hoàng-tử là Duy-Kỳ lên làm vua, tức là Thần-tôn.

Năm qui-hợi (1623) Trịnh-Tùng đau, hội các quan lại giao binh quyền cho con là Trịnh-Tráng 鄭樞, và cho Trịnh-Xuân 鄭樞 làm phó.

Trịnh-Xuân không bằng lòng, đem binh làm loạn đốt phá kinh thành, Trịnh-Tùng thấy biến, chạy về xã Hoàng mai, vào nhà Trịnh-Đỗ 鄭杜, rồi cho gọi Trịnh-Xuân đến bắt giết di. Được mấy hôm Trịnh-Tùng mất ở chùa Thanh-xuân, thuộc huyện Thanh-tri.

Trịnh-Tráng lên nối nghiệp làm chúa. Nhưng vì đảng Trịnh-Xuân còn làm loạn, cho nên mới đưa vua về Thanh-hóa. Vua phong cho Trịnh-Tráng làm Thái-úy Thanh-quốc-công 尉清國公, tiết chế thủy bộ chư quân.

Bấy giờ có Mạc-kinh-Khoan 莫敬寬 là cháu Mạc-kinh-Cung xưng làm Khánh-vương 慶王 ở đất Thái-nguyên. Trước đã bị quân họ Trịnh đánh phá mấy trận, phải lên ẩn nấp ở đất Cao-bằng, nay thấy người nhà họ Trịnh làm loạn, lại đem quân về đóng ở làng Thổ-khối 土塊, ở huyện Gia-lam. Nhưng chẳng bao lâu Trịnh-Tráng ở Thanh hóa ra đánh, Kinh-Khoan lại phải chạy về Cao bằng.

Trịnh-Tráng dẹp yên đất Đông đô lại vào rước vua ra, và tự xưng làm Nguyên-sủy, Thống quốc-chính, Thanh-dô-vương 元帥, 統國政, 清都王, rồi sai con là Trịnh-Kiều 鄭橋 đem quân lên đánh Cao bằng (ất-sửu 1625) bắt được Mạc-kinh-Cung đem về giết di. Mạc-kinh-Khoan thì chạy sang Tàu rồi cho người về dâng biểu xin hàng.

Triều-dinh phong cho Kinh-Khoan làm Thái-úy Thông-quốc-công 太尉通國公 và cho giữ đất Cao-bằng theo lệ cống tiến.

2. Nhà Thanh dấy nghiệp. -- Khi Trịnh-Tráng ở An-nam ta mới lên nối nghiệp làm chúa và đang phải đánh dẹp họ Mạc ở đất Cao-bằng, thì ở bên Tàu nhà Minh mất nước.

Nguyên ở phía đông-bắc nước Tàu có một xứ gọi là Mãn-châu 滿洲, có giống người Nữ-chân 女真 ở. Về đời nhà Tống người Nữ-chân đã lập nên một nước lớn gọi là Kim 金, xưng đế được 120 năm, rồi bị nhà Nguyên lấy mất. Nhà Nguyên đặt Van-hồ-phủ để cai-trị đất Mãn-châu

Sau nhà Minh giết được nhà Nguyên, tuy ở Mãn-châu nhà Minh có đặt vệ-địa, nhưng mà người xứ ấy vẫn tự cai-trị lấy.

Đất Mãn-châu bây giờ chia làm 4 bộ :

- 1^o Mãn-châu-bộ 滿洲部, (thuộc về Kiến-châu vệ-địa.)
- 2^o Trường-bạch-bộ 長白部, (thuộc về Kiến châu vệ-địa.)
- 3^o Đông-hải-bộ 東海部, (thuộc về Dạ-nhân vệ-địa.)
- 4^o Hồ-luân-bộ 呼伦部, (thuộc về Hải-tây vệ-địa.)

Về cuối đời nhà Minh ở Trường-bạch-bộ có một người tên là Nỗ-nhĩ-cáp-xích 努爾哈齊, tức là vua Thái-tổ nhà Thanh, đánh lấy tất cả đất bốn bộ, đóng kinh đô ở đất Thẩm-dương 瀋陽, là Thịnh-kinh bây giờ.

Nỗ-nhĩ-cáp-xích mất, con lên nối nghiệp tức là Thanh Thái-tôn. Sau nhân được cái Truyền-quốc-tử của nước Tần, Thái-tôn mới cải quốc-hiệu là Đại-thanh 大清.

Con Thái tôn tên là Phúc-lâm 福臨 lên làm vua, tức là Thanh Thế-tổ, đánh lấy được cả đất Liêu-tây của nhà Minh.

Khi tướng nhà Minh là Ngô-tam-Quế 吳三桂 đang chống với quân nhà Thanh ở Sơn-hải-quan, thì người Lý-tự-Thành 李自成 nổi lên vây đánh Yên-kinh. Vua Trang-liệt nhà Minh gọi Ngô-tam-Quế về cứu, nhưng về đến nửa đường, Tam-Quế được tin Yên-kinh đã thất thủ, Trang-liệt-đế và Hoàng-hậu đã bị giết. Tam-Quế lại trở về Sơn-hải-quan 山海關.

Lý-tự-Thành cho người gọi Tam-Quế về hàng, Tam-Quế không về. Tự-Thành đem quân đến đánh Sơn-hải-quan.

Tam-Quế xin hàng nhà Thanh để lấy binh vệ đánh Tự-Thanh.

Lý-tự-Thành đánh thua, phải bỏ Yên-kinh mà chạy, quân nhà Thanh vào giữ Yên-kinh rồi dời kinh-sư về đó.

Các quan cựu thần nhà Minh lập Phúc-vương 福王 lên làm vua ở Nam-kinh, nhưng sau vì các tướng không hòa với nhau, Phúc-vương phải ra hàng.

Phúc-vương hàng Thanh rồi, Đường-vương 唐王 xưng đế ở Phúc-châu, chẳng bao lâu cũng bị bắt, phải nhịn ăn mà chết.

Dòng dõi nhà Minh là Quế-vương 桂王 xưng đế ở đất Triệu-khánh (thuộc tỉnh Quảng-tây) được mấy năm, bị quân nhà Thanh đến đánh, phải chạy sang Diển-diện. Vua Diển-diện bắt Quế-vương nộp cho Ngô-tam-Quế Tam-Quế đem giết đi. Từ đây nhà Thanh nhất thống nước Tàu.

Khi Quế-vương xưng đế ở đất Quảng-tây, có ý muốn nhờ An-nam cứu viện, cho nên mới phong cho vua Thần-tôn nhà Lê làm An-nam quốc-vương và phong cho Trịnh-Tráng làm phó vương.

Khi ấy ở phía bắc nước Tàu đang loạn, họ Mạc thì đã về hàng, Trịnh-Tráng mới nhân dịp quyết ý đi đánh họ Nguyễn ở phía nam.

3. Tình thế họ Nguyễn ở xứ Nam — Từ khi ông Nguyễn-Hoàng 阮潢 về Thuận-hóa rồi, bề ngoài tuy vẫn chưa ra mặt chống với họ Trịnh, nhưng bề trong thì hết sức lo sợ phòng bị. Xem như năm qui-sửu (1613), khi ông Nguyễn-Hoàng sắp mất gọi người con thứ 6 là ông Nguyễn-phúc-Nguyễn 阮福源 vào dặn rằng: « Đất Thuận, Quảng này bên bắc thì có núi Hoành-sơn 橫山, sông Linh-giang, bên nam thì có núi Hải-vân và núi Bi-sơn thật là một nơi trời để cho người anh-hùng dựng võ. Vậy ta phải thương yêu nhân dân luyện tập quân sĩ để mà gây dựng cơ-nghiệp về muôn đời ». Xem lời ấy thì biết họ Nguyễn đã có ý muốn độc-lập để chống với họ Trịnh.

Khi ở ngoài Bắc Trịnh-Tùng 鄭松 mất, chúa Sãi là ông Nguyễn-phúc-Nguyên bảo các quan rằng: ta muốn nhân dịp này mà ra đánh họ Trịnh, nhưng hiềm vì công việc chưa xong, vậy thì hãy sai người ra phúng điếu, trước là cho phải cái nghĩa hôn-nhân với nhau, sau là nhân thể xem tình ý ngoài Bắc ra thế nào.

Bấy giờ ở xứ Nam lại có những người tài giỏi giúp rập, như bọn ông Nguyễn-hữu-Dật 阮有鎰, ông Đào-duy-Từ 陶維慈 và ông Nguyễn-hữu-Tiến 阮有進 đều là người có tài trí cả.

Nguyễn-hữu-Dật 阮有鎰 là người làng Gia-miêu, huyện Tống-sơn, tỉnh Thanh hóa, học rộng tài cao, và lại có tài hùng biện, đánh giặc giỏi, thật là một bậc văn võ kiêm toàn.

Đào-duy-Từ 陶維慈 là người làng Hoa-trai, huyện Ngọc-sơn, phủ Tĩnh gia, tỉnh Thanh-hóa. Vì ông là con nhà xường hát cho nên không được đi thi, ông phân trí mới đi vào xứ Nam tìm đường lập công, nhưng chưa gặp được người tiến cử cho, bèn vào ở chẵn trâu cho một nhà phú-gia ở làng Tùng-châu 叢洲 phủ Hoài-nhân (nay là Bình-định). Ông làm bài « *Ngoa-long-cương* 臥龍崗 » để tự ví mình với ông Gia-cát-Lượng. Sau có quan Khám-lý là Trần-dức-Hòa 陳德和 biết Duy-Từ là người có tài, đem về nuôi, và gả con gái cho, rồi đưa dâng chúa Sãi. Chúa dùng làm Nội-tán 內贊, phong làm Lộc-khê-hầu 祿溪侯¹.

Nguyễn-hữu-Tiến 阮有進 cũng là người Thanh-hóa, làng Vân-trai, huyện Ngọc-sơn, võ nghệ tinh thông, dùng binh rất có kỹ-luật, thật là một người làm tướng có tài vậy.

Những người ấy giúp chúa Nguyễn, bày mưu định kế, luyện tập quân lính, xây đồn đắp lũy để chống với quân họ Trịnh².

(1) Đào-duy-Từ giúp chúa Sãi được 8 năm thì mất, thọ 63 tuổi.

(2) Đào-duy-Từ lập đồn Trường-dục 長育 ở huyện Phong-lộc (Quảng-binh) và xây cái lũy dài ở cửa Nhật-lê 日麗 (cửa Đông nói tức là cái Trường-thành ở Quảng-binh bây giờ. Người ta thường gọi lũy ấy là lũy Thầy, nghĩa là lũy của Đào-duy-Từ đắp ra.

Khi những đồn lũy đã kiên cố, binh lương đã đủ rồi, chúa Sãi mới ra mặt không thân phục họ Trịnh nữa, và sai tướng ra chiếm giữ lấy đất Nam-bổ-chính 南布政 là đất ở phía nam sông Linh-giang 潞江 để làm chỗ chống giữ. Từ đó họ Trịnh và họ Nguyễn đánh nhau tai hại trong khoảng 45 năm ở đất Quảng-bình, Hà-tĩnh bây giờ.

4 **Bán nhau lần thứ nhất** — Năm丁卯 (1627) nhân khi nhà Minh bên Tàu còn đang chống nhau với nhà Thanh, và họ Mạc ở Cao-bằng thì đã về hàng, Trịnh-Tráng 鄭樞 mới sai quan vào Thuận-hóa giả tiếng nhà vua sai vào đòi tiền thuế từ ba năm về trước.

Tờ sắc làm bằng chữ nôm như sau này :

Hoàng-thượng sắc dụ cho Thái-bảo Thụy-quận-công là Nguyễn-phúc Nguyễn được biết rằng :

Mệnh lệnh triều-đình,

Đạo làm tôi phải nên tuân thủ ;

Thuế mà phải huyện,

Tướng ngoài cõi không được tự chuyên

Trước đây trẫm có sai Công-bộ Thượng thư là Nguyễn-duy-Thì, Bá-khê-hầu là Phan-văn-Trị vào Thuận-hóa-dạo đất tình ý, chỉ bảo đường họa phúc, để cho tỉnh biết mà phục tùng quyền chính triều-đình. Không ngờ nhà người mang lòng dưng dưng, tôi dưng tôi lui, nói thoai thạc cho lời thoai ngay thảng, để đến nỗi thuế-mà thiếu thốn, không đủ việc chi nhu, đạo làm tôi như thế đó phải chưa ? Nhà người nay nên đổi lời trước giữ gìn phép tắc. Phạm ngạch thuế trong hai xứ Thuận, Quảng, từ năm qui hội về trước, có phải đã mất mùa thì xá cả cho ; còn từ năm giáp-ti đến nay phải tính cho đủ số theo lệ trước, tải thuyền đem ra nộp cho đủ ; và phải chỉnh tề binh mã, hoặc thân đến kinh đô triều hạ, hoặc phải sai con đi thay, để coi xem nghi vệ trong nước, và để tỏ giải lấm lòng làm tôi. Nếu thế thì Triều-đình sẽ phong thêm cho chức tước vinh hiển, để rạng tỏ đến tỏ tôn. Nhược bằng thoai thạc không đến, thì tức là phạm tội với triều-đình.

Khâm tại dụ sắc !

Chúa Sãi tiếp sứ nhưng không chịu nộp thuế. Trịnh Tráng lại sai sứ mang sắc vua Lê vào dụ chúa Sãi cho con ra châu, và lấy 30 con voi cùng 30 chiếc thuyền để đưa đi cống nhà Minh. Chúa Sãi cũng không chịu.

Trịnh-Tráng thấy vậy, bèn quyết ý đánh họ Nguyễn, sai Nguyễn-Khải 阮啓 và Nguyễn danh-Thế 阮名世 đem 5.000 quân đi làm tiên-phong vào đóng ở xã Hà-trung 河中, (tục gọi là Cầu-doanh rồi đem đại binh, rước vua Lê đi đánh mặt Nam.

Chúa Sãi sai cháu là Nguyễn-phúc-Vệ 阮福衛 làm tiết-chế cùng với Nguyễn-hữu-Dật đem binh mã ra giữ các nơi hiểm yếu. Quân họ Trịnh đến đánh, chết hại rất nhiều. Bọn Nguyễn-hữu-Dật lại đặt ra một kế khiến cho quân Trịnh phải rút về, sai người đi nói phao ra rằng ở ngoài Bắc có Trịnh-Gia 鄭嘉 và Trịnh-Nhạc 鄭岳 sắp làm loạn.

Trịnh-Tráng nghe tin ấy trong bụng sinh nghi, không biết thực hư thế nào, bèn rước vua và rút quân về Bắc.

5. Đánh nhau lần thứ hai. — Năm canh-ngọ (1630) chúa Sãi nghe lời Đào-duy-Từ, sai người đem sắc dụ ra trả vua Lê, rồi sai tướng đánh lấy phía nam ngạn sông Linh-giang để chống với quân họ Trịnh. Đến năm qui-dậu (1633) nhân khi chúa Sãi có người con thứ ba tên là Ánh 洪, trấn-thủ ở đất Quảng-nam, có ý muốn tranh quyền, bèn sai người đưa thư ra Thăng-long xin chúa Trịnh đem quân vào đánh, bầu sủng làm hiệu, thì sẽ làm nội ứng. Ánh lại xin chúa Sãi cho ra trấn-thủ đất Quảng-binh để cho tiện làm mưu gian, nhưng chúa Sãi có lòng ngờ, không cho.

Khi Trịnh-Tráng được cái thư của người Ánh gửi ra, liền đem đại-binh vào đóng ở cửa Nhật-lệ 日麗 (cửa Đồng-hới).

Chúa Nguyễn sai Nguyễn-văn-Thắng 阮雲勝 và Nguyễn-hữu-Dật 阮有繼 đem quân ra chống giữ.

Quân họ Trịnh đến đợi hơn 10 ngày, không thấy tin tức gì của người Ánh, bèn lui quân ra để chờ.

Quân lính đợi lâu thành ra lười biếng, quân họ Nguyễn mới xuất kỳ bất ý, đổ ra đánh đuổi.

Trịnh-Tráng thấy sự không thành, rút quân về.

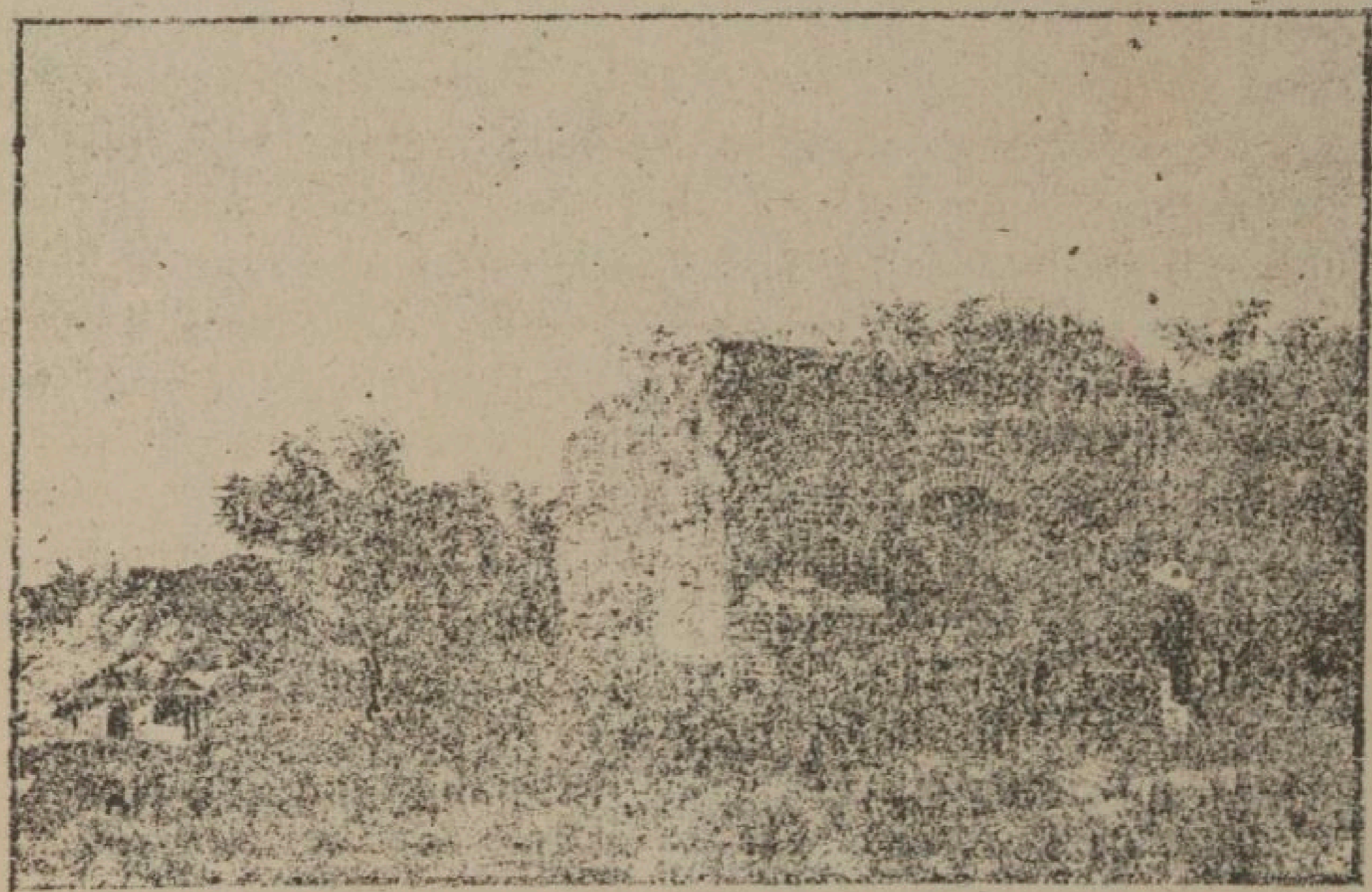
6. **Đánh nhau lần thứ ba.** — Năm ất hợi (1635) chúa Sãi là Nguyễn-phúc-Nguyên mất, con là Nguyễn-phúc-Lan 阮福瀾 lên nối nghiệp làm chúa, gọi là chúa Thượng.

Lúc ấy người Anh ở Quảng-nam nghe tin chúa Sãi mất rồi anh lên nối nghiệp, bèn phát binh làm-phản. — Bấy giờ có ông Nguyễn-phúc-Khê giúp chúa Thượng, sai quân vào đánh, bắt được người Anh, lấy nghĩa « Anh em là tình riêng, phép nước là nghĩa lớn » đem giết đi.

Trịnh-Tráng thấy anh em họ Nguyễn tranh nhau, sai tướng vào đánh đất Nam-bổ-chính, giết được tướng họ Nguyễn là Bùi-công-Thắng 裴公勝, rồi tiến lên đóng ở cửa Nhật-lê.

Đến năm quý vị (1643) Trịnh-Tráng đem đại-binh và rước vua Lê vào đất Bắc-bổ-chính. Nhưng bấy giờ đang tiết tháng tư, khi giới nóng lắm, quân sĩ chết hại rất nhiều, Trịnh-Tráng phải rút về bắc.

7. **Đánh nhau lần thứ tư.** — Năm mậu-ti (1648) Trịnh-Tráng sai đô-đốc Tiến-quận-công 進郡公 là Lê-văn-Hiền 黎文曉¹ đem quân thủy bộ vào đánh xứ Nam; bộ binh



Thành Trường-dục của ông Đào-Day-Tư xây ở Đồng-khai.

(1). Có nơi chép là Trịnh-Đào 鄭濤, hay là Hồ-Tiến.

tiền lên đông ở đất Nam-bổ-chính; còn thủy quân thì vào đánh cửa Nhật lệ.

Bấy giờ có hai cha con người Trương-phúc-Phấn 張福奮 cố sức giữ lũy Trường-dục 長育, quân họ Trịnh đánh mãi không tiến lên được.

Chúa Nguyễn sai con là Nguyễn-phúc-Tầu 阮福灝 đem binh ra chống giữ với họ Trịnh, khi ra đến Quảng-bình, ông Nguyễn-phúc-Tân hội các tướng lại bàn rằng: « Quân kia tuy nhiều, nhưng mà người đánh giỏi thì ít. Nếu đến đêm ta cho voi xông vào rồi đem đại quân đến đánh là chắc phá được. » Đoạn rồi, một mặt cho thủy-quân đi phục sẵn ở sông Cẩm la để chặn đường quân Trịnh chạy về; một mặt sai Nguyễn-hữu-Tiến đem 100 con voi đều canh năm xông vào trại quân Trịnh, quân bộ tiếp sau vào đánh phá. Quả nhiên quân Trịnh thua to chạy về bắc, lại gặp quân thủy của họ Nguyễn đón đường đuổi đánh mãi đến sông Lâm-giang mới thôi.

Trận ấy quân họ Nguyễn bắt được mấy người tướng và 3.000 quân của họ Trịnh.

Trịnh Tráng thấy quân mình thua, sai Lê-văn-Hiểu 黎文曉 cùng với Trần-ngọc-Hậu 陳玉厚 lĩnh một vạn quân đóng ở Hà trung, Lê-hữu-Đức 黎有德 cùng với Vũ-Lương 武良 đóng ở Hoành-sơn, Phạm-tất-Toàn 范必全 đóng ở đất Bắc-bổ-chính để phòng giữ quân họ Nguyễn.

Lúc bấy giờ ở trong Nam thì chúa Thượng mất, truyền nghiệp chúa lại cho con là Nguyễn-phúc-Tân, gọi là chúa Hiền. Ở ngoài Bắc thì vua Chân-tôn mất, không có con, Trịnh-Tráng lại rước Thần-tôn, Thái-thượng-hoàng, về làm vua lần nữa.

Họ Trịnh vào đánh họ Nguyễn đã mấy phen, đánh phen nào thì hao binh tổn tướng phen ấy, thế mà vẫn không chịu thôi việc chiến-tranh. Đến năm ất-vị (1655) quân nhà Trịnh lại vào đánh đất Nam-bổ-chính. Bấy giờ chúa Hiền mới quyết ý đem quân ra đánh họ Trịnh.

8. Đánh nhau lần thứ năm. -- Tháng tư năm ất-vị (1655) chúa Hiền sai Thuận-nghĩa-Bầu là Nguyễn-hữu-Tiến 阮有進, Chiên-vũ-hầu là Nguyễn-hữu-Dạt 阮有錫 đem quân qua sông Linh-giang ra đánh đất Bắc-bổ-chính, tướng họ Trịnh là Phạm-tất-Toàn về kháng.

Quan nha Nguyen tien len den Hoanh-son, gap quan của Lê-hữu-Đức, đánh đuổi một trận, rồi thừa thắng đánh đến đồn Hà-trung. Lê-văn-Hiểu chống không nổi, phải cùng với Lê-hữu-Đức rút quân về giữ An-trường 安場 (tức là thành Nghệ-an bây giờ).

Nguyễn-hữu Tiến đem binh đến đóng ở huyện Thạch-hà, Lê-văn-Hiểu và Lê-hữu-Đức lại sang đóng ở xã Đại-nại 大奈.

Trịnh Tráng thấy bọn Lê-văn-Hiểu bãi binh ở Hà-trung, bèn cho sứ vào trùu về kinh, và sai Trịnh-Trượng 鄭杖 vào làm Thống-lĩnh, kinh-lược đất Nghệ-an.

Lê-văn-Hiểu bị đạn ở chân, về đến nửa đường thì chết, còn bọn Lê-hữu-Đức, Vũ-Lương đều phải giáng chức cả.

Trịnh-Trượng tiến binh lên đến huyện Kỳ-hoa, cho thủy-binh vào đóng ở cửa Kỳ-la.

Nguyễn hữu Tiến thấy quân họ Trịnh đã tiến, bèn rút quân về sông Linh giang để dử quân nghịch. Nhưng mà Trịnh-Trượng thấy tự nhiên quân Nguyễn bỏ về như vậy, sợ có mưu kế gì, không dám đuổi, bèn đóng quân ở lại Lạc-xuyên 樂川, rồi cho 500 người vào đóng ở đồn Hà-trung.

Nguyễn-hữu Tiến thấy quân họ Trịnh không đuổi, bèn đem quân đến đánh quân Trịnh ở Lạc-xuyên; còn Nguyễn-hữu Dật thì đem thủy binh ra đánh cửa Kỳ-la, đuổi chiến thuyền của họ Trịnh về cửa Châu-nhai.

Nguyễn-hữu-Tiến và Nguyễn-hữu-Dật thừa thắng tiến binh lên đánh quân họ Trịnh, rồi chiếm giữ lấy đồn Lạc-xuyên. Binh tướng họ Trịnh phải chạy về An-tràng.

Bây giờ những huyện ở phía nam sông Lam-giang (tức là sông Cả bây giờ) là huyện Kỳ-hoa, huyện Thạch-hà, huyện Thiên-lộc, huyện Nghi-xuân, huyện La-son, huyện Hương-sou, huyện Thanh-chương, cả thảy là bảy huyện đều thuộc về họ Nguyễn cả.

Đến quân Trịnh thua ở Lạc-xuyên ra đến Thăng-long, Trịnh-Tráng giáng Trịnh-Trượng xuống làm đò-đốc, rồi sai con là Trịnh-Tạc 鄭柞 vào Nghệ-an làm Thống-lĩnh để chống giữ với quân họ Nguyễn.

Bốn Nguyễn hữu-Tiến thấy quân Trịnh-Tạc lui tiến, liền lui quân về đóng ở Hà trung để giữ trận thế. Nhưng bấy giờ ở ngoài bắc làm việc Trịnh-Tráng phải gọi Trịnh-Tạc về, để tướng là Đào-quang-Nhiều 陶光饒 ở lại trấn thủ đất Nghệ-an, đóng ở An-Tràng, sai Thân-văn-Quang 申文煒, Mãn-văn-Liên 閔文蓮 đóng ở làng Tiếp-vũ 接武 (thuộc huyện Thiên lộc) thủy quân đóng ở sông Khu-độc 驅犢 (thuộc huyện Nghi-xuân).

Qua năm binh-thân (1656) quân họ Nguyễn đến đánh đồn Tiếp-vũ, bọn Thân-văn-Quang bỏ chạy, Nguyễn-hữu-Tiến đem quân đến đóng ở sông Tam-chế. Còn Nguyễn-hữu-Dật tiến binh đến núi Hồng Lĩnh 鴻嶺, gặp quân họ Trịnh đánh đuổi đến đất Mãn-tương, rồi lại gặp thủy binh của Vũ-văn-Thiểm 武文添, đánh phá một trận, Văn-Thiểm thua chạy. Quân họ Nguyễn thừa thắng tiến lên đến làng Minh-lương và làng Bình-lạng gặp quân của Đào-quang-Nhiều, hai bên đánh nhau một trận rất dữ, Đào-quang-Nhiều thua chạy về An-tràng, dâng biểu tạ tội và xin viện binh.

Trịnh-Tráng sai người con út là Ninh-quận-Công Trịnh-Toàn 寧郡公鄭栻 (tục hay gọi là ông Ninh) vào làm tể tướng trấn thủ đất Nghệ-an.

Trịnh-Toàn vào đến Nghệ-an, đốc chư quân tiến lên đến Thạch-hà 石河, sai Đào-quang-Nhiều 陶光饒 và Dương-Hồ 楊湖 đem binh đến đóng ở làng Hương-bộc và ở làng Đại-nại, sai Lê-sĩ-Hậu 黎仕厚, Bùi-sĩ-Lương 裴士良 đem thủy quân đến đóng ở Nam-giới (?), và sai Vũ-văn-Thiểm 武文添 đem thủy quân đến đóng ở Châu-nhai.

Nguyễn-hữu-Tiến thấy quân họ Trịnh cứ đóng như vậy, bèn sai bọn Dương-Trí 楊智, Tống-phúc-Khang 宋福康 cùng với Nguyễn-hữu-Dật 阮有鑑 đem thủy bộ quân đến đánh quân Trịnh ở Nam-giới, lấy được hơn 30 chiếc thuyền, rồi tràn xuống sông Lam-giang đánh Vũ-văn-Thiểm ở Châu-nhai. Vũ-văn-Thiểm phải bỏ thuyền mà chạy.

Trịnh-Toàn thấy các đạo thủy binh của mình đã thua, bèn rút về đóng ở bến Hoại 涑, bỗng nghe tin loạn quân

của Đạc-quang-Nhiều bị vây ở Hương-bộc 香 澤, lập tức đem quân đến cứu, hai bên đánh nhau ở làng Đại nại 大 奈, quân họ Nguyễn chạy về Hà-trung. Trịnh-Toàn và Đào quang-Nhiều đem quân đuổi đến Tam-lộng bị quân của Nguyễn-hữu-Tiến và Nguyễn-hữu-Dật đón đường đánh phá. Trịnh-Toàn lại thua, phải chạy về An trảng.

Trịnh-Toàn từ khi vào trấn-thủ đất Nghệ-an, hậu đãi tướng sĩ, yêu mến quân dân, lòng người đều phục : nhưng chẳng được bao lâu. Trịnh-Trang mất, Trịnh-Tạc 鄭 作 lên thay, thấy em có nhiều người mến phục, lấy làm nghi kỵ, bèn cho con là Trịnh-Cần 鄭 根 vào cùng trấn đất Nghệ-an, có ý giữ để cho khỏi biến loạn. Doạn rồi, cho người vào đòi Trịnh-Toàn về kinh, trách sao không về chịu tang, bắt bỏ ngục giam chết.

Bình quyền ở Nghệ-an giao lại cho Trịnh-Cần. Đến tháng 6 năm đinh-sửu (1657) Trịnh-Cần chia quân làm 3 đạo, sai Lê-Hiến 黎 憲 làm tướng trung-quân, sai Hoàng-nghĩa-Giao 黃 義 膠 làm tướng tả-quân, sai Trịnh-thế Công 鄭 世 功 làm tướng hữu quân, sang sông Lam-giang rồi tiến lên đánh tướng nhà Nguyễn là Tống-hữu-Đại 宋 有 大 ở làng Nam-hoa (thuộc huyện Thanh-chương).

Nhưng vì có người báo trước, bọn Nguyễn-hữu-Tiến đã phòng bị cả, đến khi quân Trịnh đến, thì mắc kế phải thua, may nhờ có quân Trịnh-Cần tiếp ứng, cho nên mới rút về được.

Từ đó quân hai bên cứ giữ nhau ở sông Lam-giang thỉnh thoảng đánh nhau một trận, như tháng chạp năm mậu-tuất (1658) đánh ở làng Tuần-lễ 循 禮 (huyện Hương-sơn) quân họ Nguyễn thua phải lùi; đến tháng tám năm canh-ti (1660) đánh ở Nghi-xuân, quân họ Trịnh thua bỏ thuyền mà chạy : qua tháng 9 năm ấy đang khi quân họ Nguyễn còn đóng ở làng Hoa-viên (tức là làng Xuân-viên bây giờ). Trịnh-Cần định sang lấy núi Lạn sơn 畧 山 để giữ trận thế, bèn sai Hoàng-nghĩa-Giao 黃 義 膠 và Phan-kiêm-Toàn 潘 兼 全 đem binh sang sông Lam-giang ở làng Âm-công, và sai Lê-Hiến

❶ ❷ ❸ đi xuống phía Hội thống rồi sang sông, chờ đến nửa đêm thì hai đạo cùng tiến cả.

Đạo quân của Đào-nghĩa-Giao đi đến Lận-sơn bị quân của Nguyễn-hữu-Dật đánh và vây ngặt lắm. Bảy giờ Trịnh-Căn đứng thì chiến ở trên núi Quyết-dũng (ở gần Bến-thủy vây giờ), trông thấy quân mình bị vây nguy cấp lắm, liền sai quân sang cứu, và truyền cho thủy quân đến bờ sông mà bắn lên, quân họ Nguyễn phải lui.

❹ Còn đạo quân của Lê-Hiến và Mãn-văn-Liên sang đến táng Tả-ao gặp quân họ Nguyễn, hai bên đánh nhau, Mãn-văn-Liên tử trận, nhưng quân họ Nguyễn phải bỏ Hoa-viên lui về đóng ở Nghi-xuân.

Lúc ấy đại-quân của Nguyễn-hữu-Tiến đóng ở Nghi-xuân, còn Nguyễn-hữu-Dật thì đóng ở Khu-dốc. Chúa Hiến cũng đem binh đến tiếp ứng, đóng ở làng Phú-lộ (nay là làng Pâu an thuộc huyện Bình-chính, Quảng bình). Nguyễn-hữu-Dật lên về ra mặt chúa Hiến, kể đầu đuôi mọi việc đánh lấy thế nào. Chúa Hiến mừng lắm, cho Hữu-Dật một thanh bảo-kiếm bằng vàng và lại sai trở lại đánh giặc.

❺ Nguyễn-hữu-Tiến biết việc ấy, trong bụng lấy làm không bằng lòng, và bảy giờ lại nhân có những sĩ tốt mới hàng ở đất Nghệ-an, thường hay bỏ trốn, Hữu-Tiến bèn hội chư tướng lại đề bàn xem nên đánh hay là nên lui về. Mọi người đều muốn lui về, duy chỉ có Nguyễn-hữu-Dật không chịu.

Khi các tướng họ Nguyễn đang bàn bạc, thì có tin rằng Trịnh-Căn sai bọn Lê-Hiến đi men bờ bể đến làng Cương-gián, bọn Hoàng-nghĩa-Giao đến làng Lũng-trâu và làng Mãn-trương, rồi tiến lên đánh ở làng An-điền và ở làng Phú-lưu; quân họ Nguyễn thua. Được tin ấy Nguyễn-hữu-Tiến quyết ý đem quân về, nhưng bề ngoài giả táng truyền lệnh cho các tướng rằng đến tối hôm 28 thì các đạo phải đều tiến sang đánh An-tràng, Nguyễn-hữu-Dật đem binh đi hậu tếp. Hoạn rồi, dặn riêng các tướng đến nửa đêm rút quân về Nam-bổ-chính, không cho Nguyễn-hữu-Dật biết. Nguyễn-hữu-Dật sấm sửa đầu vào dấy, chờ mãi không

(1) Có sách chép là Lê Thời-Hiến 黎時憲.

có trí tức gi. đến khi cho người đi thám về nói mới biết quân mình đã rút về nam rồi. Lúc ấy quân họ Trịnh đã sang sông đến đánh đồn Khu-độc. Hữu-Dật mới dùng kế nghi binh để cho quân Trịnh không dám tiến lên, rồi đem binh chạy về, đến Hoành-sơn mới gặp quân của Nguyễn-hữu-Tiến. Bảy giờ quân Trịnh-Căn vừa đuổi đến, hai bên đánh nhau một trận chết hại rất nhiều.

Trịnh-Căn lui về đóng ở Kỳ-hoa. Còn bên kia Nguyễn-hữu-Tiến đóng ở Nhật-lệ, Nguyễn-hữu-Dật đóng ở Đông-cao, giữ các chỗ hiểm-yếu. Từ bảy giờ 7. huyện ở phía nam sông Lâm-giang lại thuộc về đất bắc.

Trịnh-Căn thấy quân họ Nguyễn giữ gìn mọi nơi chắc chắn lắm, liệu thế đánh không được, bèn sai Đào-quang-Nhiên ở lại trấn-thủ đất Nghệ-an và kiêm lĩnh cả đất Bắc-bổ-chính để phòng giữ mọi nơi, rồi về Thăng-long.

9. Đánh nhau lần thứ sáu. -- Đến tháng 10 năm tân-sửu (1681) Trịnh-Tạc cử đại-binh và đem vua Lê vào đánh chúa Nguyễn: sai Trịnh-Căn làm Thống-lĩnh, Đào-quang-Nhiên làm Tổng-suất, Lê-hiến và Hoàng-nghĩa-Giao làm Đốc-suất, Lê-sĩ-Triệt và Trịnh-Tế làm Đốc-thị, đem binh sang sông Linh-giang rồi đến đóng ở làng Phúc-tự 福寺.

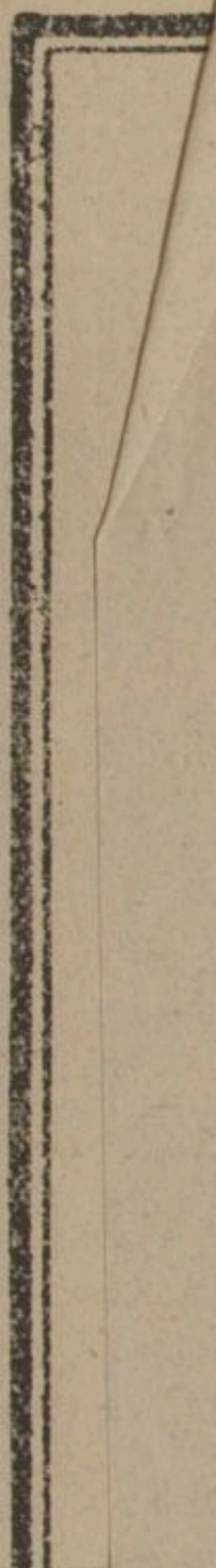
Quan Trấn-thủ Nam-bổ-chính của họ Nguyễn là Nguyễn-hữu-Dật đóng ở làng Phúc-lộc chia quân ra đắp lũy, giữ vững mọi nơi, quân Trịnh đánh mãi mấy tháng không được.

Đến tháng 3 năm nhâm-dần (1682) quân mệt, lương hết, Trịnh-Tạc phải thu quân và rước vua về bắc. Nguyễn-hữu-Dật đem binh đuổi đánh đến sông Linh-giang mới thôi.

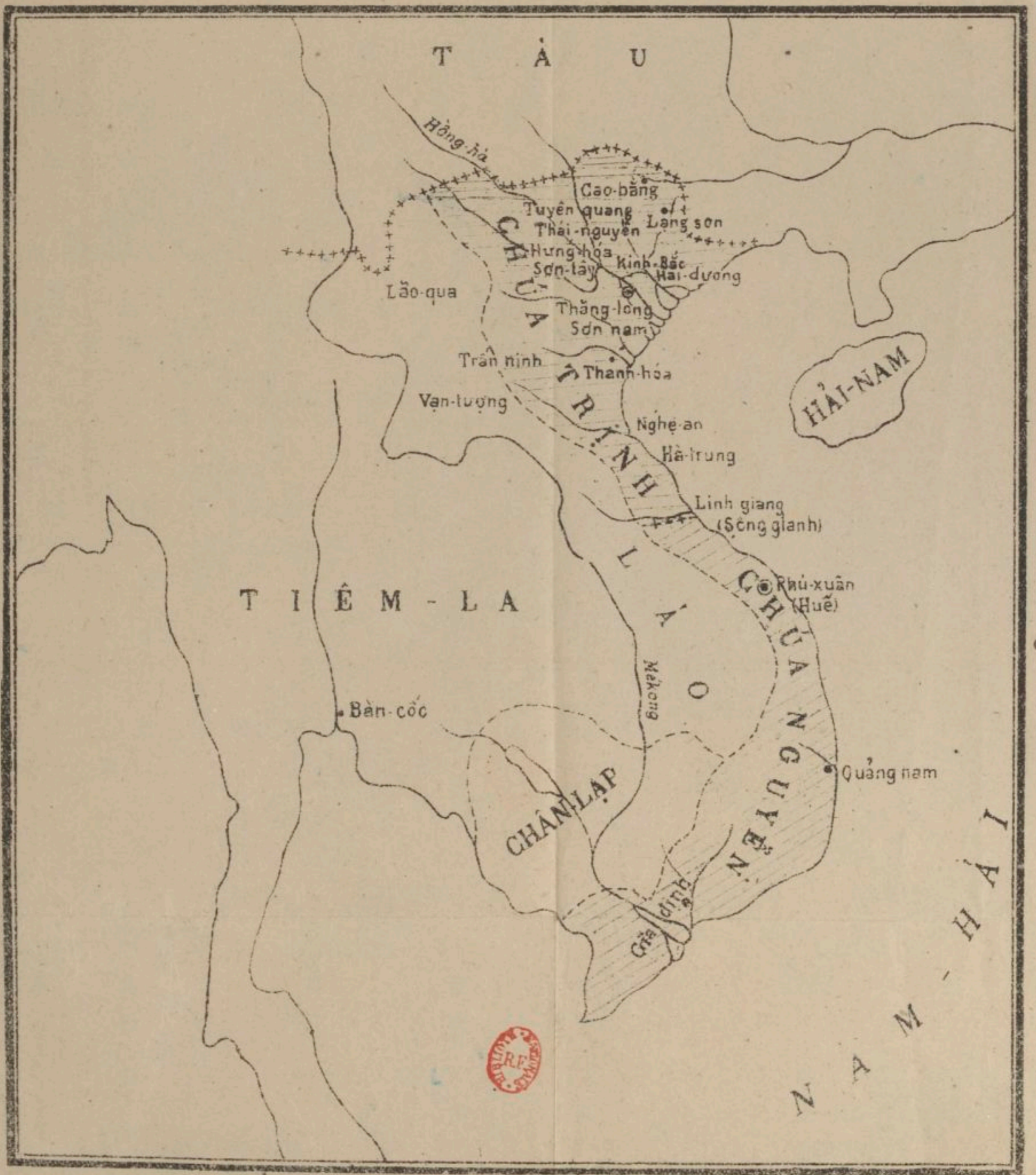
Năm ấy Thần-tôn về, rồi đến tháng 9 thì mất, Trịnh-Tạc lập Thái-tử là Duy-Vụ 維祿 lên làm vua tức là Huyền-tôn, Huyền-tôn làm vua được 8 năm thì mất. Trịnh-Tạc lại lập Hoàng-đệ là Duy-Hội 維禧 lên làm vua, tức là Gia-tôn.

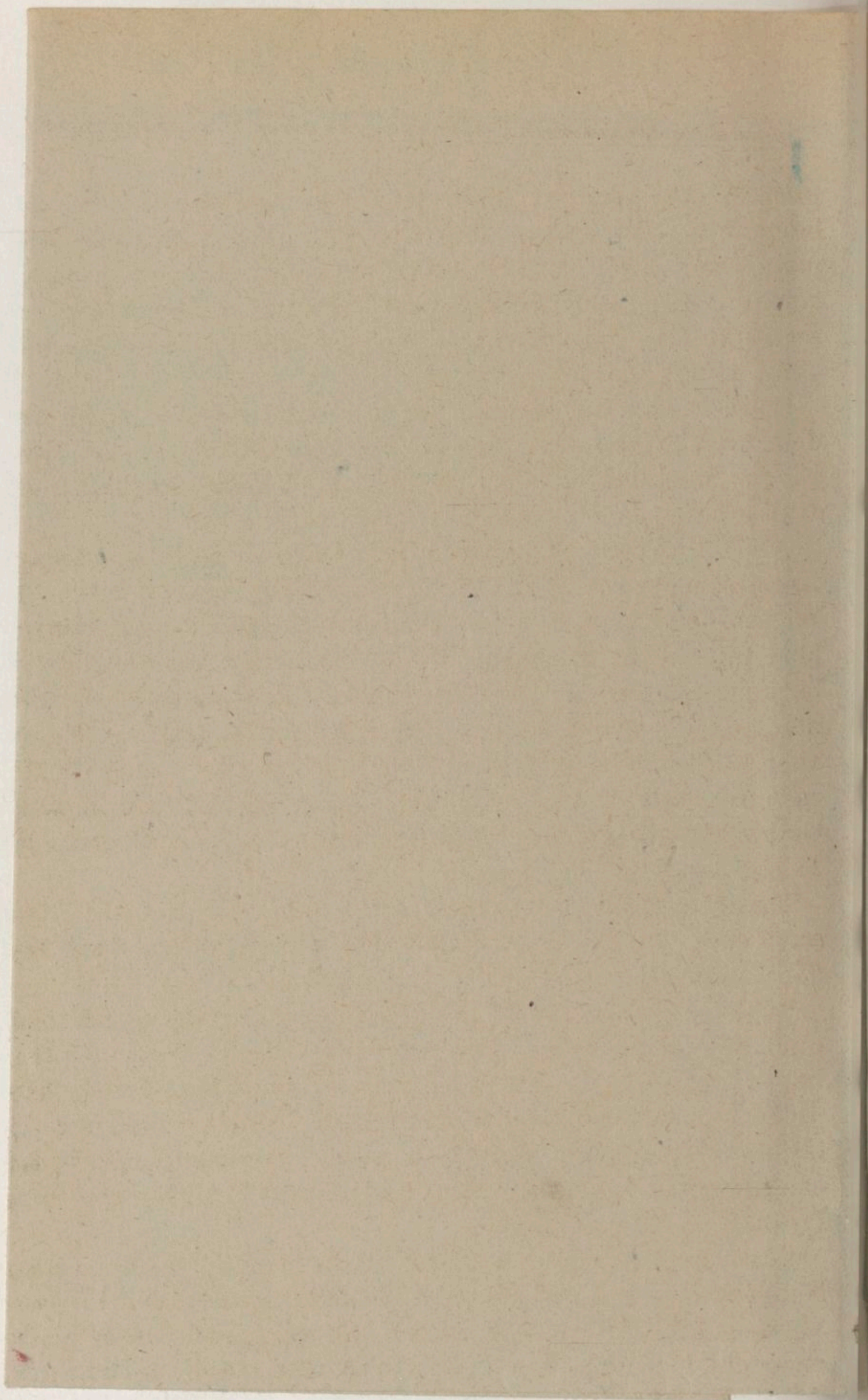
10. Đánh nhau lần thứ bảy. -- Từ năm tân-sửu (1681) quân họ Trịnh thua ở đất Bắc-bổ-chính rồi, Trịnh-Tạc về

le
ng
gh
h
u-
nh
n-
ng-
nia
iac
g-
c-
m
do
o-
ao
em
ir
ca-
gfr
ng
et,
ru-
fac
on.
lap



NƯỚC NAM VỀ ĐỜI CHÚA TRINH VÀ CHÚA NGUYỄN





đã
ru
sai
qu
đe
gi
đi
đã
hết
pha
lại
nạn
an,
các
Gia
Th
T
son
đat
K
nhã
họ
nhi
lấy
các
lại
C
Nguy
hân
chác
đôi

phải lo việc nước và phải đánh dẹp họ Mạc ở đất Cao-bằng, cho nên không dòm ngó đến phía nam, mãi đến năm nhâm-tí (1672) Trịnh Tạc lại đem mấy vạn quân và rước vua Gia-tôn vào đất Bắc-bố chính để đánh họ Nguyễn, sai Trịnh-Cấn làm thủy-quân Nguyễn sủy, Lê-Hiến làm bộ quân Tổng-suất.

Chúa Hiền cũng sai em thứ tư là Hiệp làm Nguyễn sủy đem binh ra cùng với Nguyễn-hữu-Dật và Nguyễn-mỹ-Đức giữ các nơi hiểm-yếu để ngự địch, chúa Hiền đem đại binh đi tiếp ứng.

Quân họ Trịnh đến đánh lũy Trấn-Ninh 鎮寧 rất hăng, đã hai ba phen sắp phá được lũy nhưng Nguyễn-hữu-Dật hết sức chống giữ, quân Trịnh đánh mãi không được, phải lui về Bắc-bố-chính. Đến tháng chạp, trời mưa rét và lại nghe tin rằng Trịnh-Cấn đi đến Linh-giang phải bệnh nặng Trịnh Tạc bèn sai Lê Hiến 黎憲 ở lại trấn-thủ Nghệ-an, Lê-sĩ-Triết 黎仕澈 làm Đô-đốc đóng ở Hà-trung để giữ các nơi yếu lộ, lấy sông Linh-giang 潞江, tức là sông Gianh bây giờ mà phân giới hạn Nam Bắc, rồi rút quân về Thăng-long

Từ đó nam bắc thôi việc chiến tranh, mãi đến khi Tây-son khởi binh, thì họ Trịnh mới nhân dịp vào đánh lấy đất Thuận-hóa.

Kể từ năm đinh-mão (1627) đời vua Thần-tôn lần thứ nhất, đến năm nhâm-tí (1672) đời vua Gia-tôn vừa 45 năm, họ Trịnh, họ Nguyễn đánh nhau cả thảy 7 lần. Trong bấy nhiêu lần, họ Nguyễn chỉ ra đánh họ Trịnh có một lần, đã lấy được 7 huyện ở phía nam sông Lam-giang, nhưng vì các tướng họ Nguyễn không đồng lòng với nhau, cho nên lại phải bỏ về giữ đất cũ.

Còn như thế lực binh lương thì họ Trịnh mạnh hơn họ Nguyễn, nhưng người Bắc phải đi đánh xa xôi, vận tải khó khăn, mà người Nam thì đánh ở đất nhà mình, có đồn lũy chắc chắn, tướng sĩ hết lòng, cho nên thành ra hai bên đối địch không làm gì được nhau, chỉ khổ cho những dân sự, phải sưu dịch vất vả, và bị tàn phá thiệt hại rất nhiều.

CHƯƠNG V

CÔNG VIỆC HỌ TRỊNH LÀM Ở XỨ BẮC

Việc giao-thiệp với nhà Thanh. — 2 Việc lấy đất Cao-bằng của họ Mạc — 3 Quan chế. — 4. Việc binh chế. — 5 Hình-luật. — 6. Thuế binh thuế điền và sưu dịch. — 7. Các thứ thuế. — 8 Số chi thu — 9. Việc khai mỏ — 10. Việc đúc tiền — 11. Sự đóng lương — 12. Việc in sách — 13. Việc học-dành thi-cử — 14. Trường học võ. — 15. Làm quốc-mã — 16. Sự đánh-dẹp giặc dã trong nước 1^o giặc Ngân-giê 2^o giặc Ninh-xá — 3^o Nguyễn-hữu-Câu — 4^o Nguyễn-danh-Phượng — 5^o Hoàng-công-Chất — 6^o Lê-duy-Mật.

1. Việc giao-thiệp với nhà Thanh. — Năm quý-mão (1663), lúc ấy nhà Minh đã mất rồi, vua nhà Thanh có cho sứ sang dụ An-nam về triều cống. Bấy giờ Trịnh-Tạc 鄭 恪 mới cho sứ đem đồ cống lễ sang Yên-kinh 燕 京 (tức là Bắc-kinh) để cầu phong cho vua Lê. Đến năm đinh-mùi (1667) vua Khang-hi nhà Thanh sai sứ sang phong cho vua Lê làm An-nam quốc-vương 安 南 國 王.

Từ đó hai nước thông sứ với nhau như thường. Về sau dần có lời thối về những việc giặc cướp và việc giới hạn ở phía thượng-du, nhưng bao giờ vua nhà Thanh cũng chú lấy sự hòa-bình, cho nên việc gì cũng trang trải xong cả.

2. Việc lấy đất Cao-bằng của họ Mạc. — Năm át-sửu (1625) Mạc-kinh-Khoan đã xin về hàng, được phong làm Thái-uy Thông-quốc-công, cho giữ đất Cao-bằng. Song đến năm mậu-dần (1638) Kinh-Khoan mất, con là Mạc-kinh-Vũ 莫 敬 宇 (có chỗ gọi là Mạc-kinh-Hoàn 莫 敬 完) không nhận chức và không chịu về cống, lại tự xưng làm vua, hiệu là Thuận-đức 順 德.

☉ Từ đó họ Mạc cứ thỉnh thoảng đem quân về cướp phá ở mạn Hải-nghuyên, qua quân đánh đuổi nhiều lần, nhưng không trừ hẳn đi được.

Năm đinh-vị (1667) Trịnh-Tạc 鄭作 đem đại binh cùng các tướng là Đinh-văn-Tả 丁文左, Lê-Châu 黎珠, Lê-Hiến 黎憲 lên đánh lấy đất Cao-bằng, Mạc-kính-Vụ phải bỏ chạy sang Tàu. Trịnh-Tạc mới treo bảng, chiêu tập dân sự về làm ăn, và đặt quan cai-trị, lại sai ông Vũ-Vinh 武榮 làm đốc-trấn đất Cao-bằng, ông Đinh-văn-Tả làm trấn-thủ đất Thất-tuyền (tức đất Thất-khe bây giờ).

Mạc-kính-Vụ ở bên Tàu, lấy vàng bạc đút lót cho quan nhà Thanh để tâu xin với Thanh để bắt họ Trịnh giả lại đất Cao-bằng cho họ Mạc. Thanh-đế cho Kính-Vụ về ở Nam-dinh 南寧, rồi sai sứ sang thương nghị với Nam triều về việc ấy. Triều-đình An-nam và sứ nhà Thanh bàn đi bàn lại mãi, sau Trịnh-Tạc phải chịu trả lại cho họ Mạc đất 4 châu ở Cao-bằng là châu Thạch-lâm, Quảng-uyên, Thượng-lang, Hạ-lang và triệu quan đốc-trấn Vũ-Vinh về.

Về sau Ngô-tam-Quốc 吳三桂 phản nhà Thanh ở đất Vân-nam và đất Quảng-tây, Mạc-kính-Vụ cũng về đảng với Tam-Quốc mà chống lại nhà Thanh. Đến khi Tam-Quốc chết rồi, nhà Thanh đã lấy lại đất Quảng-tây, họ Trịnh muốn nhân dịp ấy mà trừ họ Mạc cho xong, bèn một mặt sai sứ sang kể tội họ Mạc với quan nhà Thanh, một mặt sai ông Đinh-văn-Tả 丁文左 và ông Nguyễn-hữu-Đặng 阮有登 lên đánh Mạc-kính-Vụ. Đến tháng tam năm đinh-tị (1667) ông Đinh-văn-Tả lấy được thành Cao-bằng, Mạc-kính-Vụ cùng họ hàng chạy sang Long-châu, bị quan nhà Thanh bắt giải sang trả cho An-nam.

Từ khi Mạc-mậu-Hợp phải bắt, họ Mạc thất thủ Thăng-long rồi, con cháu chạy lên mạn ngược, nhờ thế nước Tàu, được giữ đất Cao-bằng, trong truyền được 3 đời, là Mạc-kính-Cung, Mạc-kính-Khoan, và Mạc-kính-Vụ; đến nay mới mất hẳn. Dòng dõi họ Mạc hoặc bị bắt, hoặc về hàng, có nhiều người được tha, cho làm quan với họ Trịnh.

3 Quan chế. — Trước khi họ Mạc cướp ngôi nhà Lê thì quan chế vẫn theo như đời Hồng đức 洪德, nhưng từ khi nhà Lê trung-hưng về sau, chính về họ Trịnh, cho nên

quan chế có khác ít nhiều. Về đường văn giai thi trên các quan Lục-bộ Thượng-thư¹, có đặt thêm quan Tham-tụng 參從 và quan Bồi-tụng 陪從 để coi việc chính-trị, như quan Lễ-tướng vậy. Đến năm mậu-tuất (1718) đời vua Dụ-tôn, ông Trịnh-Cương 鄭綱 lại đặt ra Lục-phiên 六番 ở bên phủ chúa cũng như Lục-bộ ở bên nhà vua. Từ đó việc gì cũng ở bên Lục-phiên làm cả, Lục-bộ không có quyền gì nữa. Về đường vũ giai thi trước vẫn có các Ngũ-phủ tả hữu Đô-đốc². Đến năm giáp-thìn (1664) đời vua Huyền-tôn, ông Trịnh-Tạc 鄭作 lại đặt thêm chức Chương-phủ-sự 掌府事 và Thự-phủ sự 署府事 để coi việc binh chính.

Ở bên nhà vua thì gọi là Triều-đình 朝廷, ở bên chúa thì gọi là Phủ-liêu 府僚. Quan thì chia ra văn ban, vũ ban và giám ban³.

Lúc ấy việc gì cũng ở bên phủ chúa quyết định cả, cho nên thường hay dùng chữ Phủ-liêu, chứ không mấy khi

(1) Lục-bộ là Lại-bộ, Hộ-bộ, Lễ-bộ, Binh-bộ, Hình-bộ, Công-bộ. Mỗi bộ có quan Thượng-thư làm đầu.

Lại-bộ thì coi việc chuyển bổ các quan viên, việc thăng hàm thưởng lước, việc cách chức giáng trật, nghĩa là mọi việc riêng về quan lại ở trong nước. — Hộ-bộ thì coi việc điều thổ nhân dân, kho tàng thuế khóa, và việc lượng tiền thu vào phát ra thế nào — Lễ-bộ thì coi việc lễ nghi tế tự, việc học-hành khoa cử, việc làm áo mũ ấn phù việc làm chương làm biểu, việc đi sứ nước ngoài, việc coi thiên-văn, làm thuốc, bói toán, việc táng đạo, việc đàn nhạc ca xướng, những việc ấy đều ở bộ Lễ coi cả. Hình-bộ thì coi việc binh pháp, kiện tụng. — Công-bộ thì coi việc thành trì, cầu cống, đường sá, sông ngòi, rừng núi, và các đền đài đình điện ở trong nước.

(2) Ngũ-phủ là Trung-quân-phủ, Đông-quân-phủ, Tây-quân-phủ, Nam-quân-phủ, Bắc-quân-phủ. Mỗi một quân có đặt Đô-đốc-phủ, có quan tả hữu Đô-đốc để coi việc binh trong quân. Về đời vua Thánh-tôn thì Thanh-hóa, Nghệ-an thuộc về Trung-quân; Hải-dương, An-bang thuộc về Đông-quân; Sơn-nam, Thuận-hóa, Quảng-nam, thuộc về Nam-quân; Tam-giang, Hưng-hóa thuộc về Tây-quân; Kìph-bắc, Lạng-sơn thuộc về Bắc-quân.

(3) Về sau họ Trịnh yêu dùng các quan bồi-giám thường cho ra làm quan coi việc triều chính cho nên mới đặt ra giám ban, mãi đến cuối đời Cảnh-hung mới bỏ.

dùng chữ Triều-đình, là vì lẽ rằng Triều-đình không quyền gì nữa.

Sự kén chọn các quan lại thì lệ cứ mấy năm lại khảo hạch một lần, ai không xứng chức thì phải giáng xuống.

Khi nào quan viên về hưu-trí thì được ăn dân-lộc, như là quan nhất phẩm thì mỗi năm được 400 quan tiền dân-lộc của bốn năm xã; quan nhị phẩm được 300 hoặc 250 quan của hai ba xã; quan tam phẩm được 250 hoặc 150 quan của một hai xã; quan tứ phẩm được 150 quan của một xã; quan ngũ phẩm được 100 quan của một xã.

Đời bấy giờ lại đặt ra một phép rất hay như là cấm không cho các quan viên lập trang trại ở chỗ mình làm quan, bởi vì thường có nhiều người ý quyền thế mà hê-hiếp lấy ruộng đất của dân, rồi nuôi những đồ gian-ác làm tội-lớ, để quấy nhiễu mọi người, đến nỗi có nhiều nơi dân phải xiêu tán đi. Ấy cũng là một việc dở hại cho dân, và lại có thể giữ liêm cho quan vậy.

Nhưng về sau, từ đời Trịnh-Giang 鄭 江 trở đi, nhà chúa chơi-bời xa-xỉ, lại có nhiều giặc-dã, phải tìm cách lấy tiền, đặt ra lệ cứ tứ phẩm trở xuống ai nộp 600 quan thì được thăng chức một bậc. Còn những người chân trắng mà ai nộp 2 800 quan thì được bổ tri-phủ, 1.800 quan thì được bổ tri-huyện 1.

Như thế, hễ ai có tiền là được quyền trị-dân, chứ không cần có tài năng gì cả, thành ra cái phẩm giá của những người làm quan đời bấy giờ cũng kém dần dần đi.

4, Việc binh-chế. — Khi nhà Lê trung hưng ra đánh họ Mạc, số quân chỉ có hơn 56.000 người mà thôi 2. Về

(1) Việc bán phẩm-hàm đã có từ đời vua Du-tôn nhà Trần và đời vua Thánh-tôn nhà Lê. Nhưng mà bấy giờ chỉ cho lấy hư hàm mà thôi, chứ không có thực chức.

(2) Khi vua Lê Thái-tổ ra đánh nhà Minh thì số binh bấy giờ được 25 vạn, chia ra làm 5 quân, gọi là trung-quân, tiền-quân, hậu-quân, tả-quân, hữu-quân.

Đến khi đánh dẹp xong rồi, cho 15 vạn về làm ruộng, còn để lại 10 vạn chia làm 5 đạo, gọi là đông-đạo, tây-đạo, nam-đạo, bắc-đạo và hải tây-đạo.

sau, từ lúc đánh được họ Mạc rồi, họ Trịnh chia ra làm hai thứ binh: một thứ gọi là *ưu-binh* 優兵 thì lấy lính ở ba phủ đất Thanh-hóa và ở bốn phủ đất Nghệ-an, lệ cứ ba suất đinh lấy một tên lính. Một thứ gọi là *nhất-binh* 一兵 thì lấy lính ở tứ trấn ở đất Bắc, là Sơn-nam, Kinh-bắc, Hải-dương. Sơn-tây, lệ cứ 5 suất đinh lấy một tên lính.

Lính *ưu-binh* thì đóng ở Kinh-thành, kén vào làm quân Túc-vệ để canh giữ những nơi đèo vua phủ chúa. Những lính ấy đã được cấp cho công điền, lại được thêm chức sắc

Lính *nhất-binh* thì chỉ để đủ giữ các trấn, và hầu hạ các quan, còn thì cho về làm ruộng có khi nào cần dùng đến thì mới gọi, như là về đời ông Trịnh-Đoan 鄭璠 có làm giặc-dã, phải đánh dẹp nhiều nơi, thì mới gọi đến lính tứ-trấn, cả thấy được độ chừng 11.500 người, chia ra làm 20 vệ. Sau lại đổi ra làm cơ làm đội, mỗi cơ có 200 người, để 100 người ở tại ngũ, còn 100 người cho về làm ruộng, rồi cứ lần lượt thay đổi nhau mà về.

5. Hình-luật. — Hình-luật về đời ấy thì đại khái cũng như đời Tiên-Lê. Hình pháp thì chia ra làm 5 thứ gọi là ngũ-bình: *xung*, *trượng*, *dồ*, *lưu* và *tử*. Nhưng trước thì tội gì cũng được cho chuộc cả¹, đến đời vua Huyền-tôn, Trịnh-Tạc 鄭梈 định lại: trừ những người được dự vào *bát-ngệ*² ra, còn ai phạm tội gì cứ chiếu theo tội nặng nhẹ mà luận hình, chứ không cho chuộc nữa.

Trước thì ai đã phải tội lưu, lại phải tội chặt tay nữa. Đến đời vua Dụ-tôn, ông Trịnh-Cương 鄭綱 mới bỏ cái

(1) Tội trượng thì cứ mỗi một trượng là quan tam phẩm phải chuộc 3 tiền, quan tứ phẩm phải chuộc 4 tiền, quan ngũ phẩm 3 tiền, quan thất bát phẩm 2 tiền, từ cửu phẩm cho xuống đến thứ bậc thì 1 tiền.

Tội đồ làm hình coi trưởng voi thì phải chuộc 60 quan, làm hình sơn-diễn thì 100 quan

Tội lưu cấp-châu thì phải chuộc 130 quan, viễn-châu thì 200 quan.

Tội tử thì phải chuộc 330 quan.

(2) Bề nơi ở đời vua Lê Thái-tổ.

Quét chặt tay và đổi lại như là ai phải chặt hai bàn tay và phải lưu đi việc-châu thì cải làm tội đồ chung thân; ai phải chặt một bàn tay và phải lưu ngoại-châu thì đổi làm tội đồ 12 năm; ai phải chặt hai ngón tay trở và phải lưu cận-châu, thì đổi làm tội đồ 6 năm. Còn như ai phạm tội trộm cướp thì không kể vào lệ ấy.

Ông Trịnh-Tạc lại định ra hai phép xử kiện. Chia những việc kiện tụng ra làm hai thứ. Những việc *man, sát, đạo, kiếp* thì gọi là đại tụng; những việc *hộ, hôn, ấu-đả* thì gọi là tiểu tụng. Quan xử kiện mà không hợp lẽ thì phải phạt tiền, mà những việc đã xử phải lẽ rồi, người đi kiện còn đi kiện nữa, thì người ấy cũng phải phạt tiền.

Những việc án mạng, trộm cướp và những việc *hộ, hôn, diên thổ* thì phải theo thứ tự mà xét xử. Như việc án mạng thì quan phủ huyện xét rồi, đệ lên để Thừa-ti 承 司 và Hiến-ti 憲 司 hội đồng xét lại. Việc trộm cướp, ở Kinh-đô thì do quan Đề-linh 提 領 xét lại, ở các trấn thì do quan Trấn-thủ 鎮 守 xét lại.

Phạm những việc đại-tụng tiểu-tụng cả ở huyện, phủ hay là ở Thừa-ti, Trấn-ti xử không xong thì đến Hiến-ti xét lại. Ở Hiến-ti không xong thì đến Giám-sát 監 察 xét lại. Ở Giám-sát và Đề-linh không xong thì đến Ngự-sử-dài 御 史 臺 xét lại.

Những việc nhân mạng thì hạn cho 4 tháng, việc trộm cướp diên thổ thì 3 tháng, việc hôn-nhân ấu-đả thì 2 tháng, chứ lệ không cho để lâu, làm mất công việc của dân.

6. Thuế đinh, thuế diên và sưu dịch. — Trước lệ cứ sáu năm làm sổ hộ tịch một lần, rồi cứ tùy số dân đinh nhiều ít mà đánh thuế, gọi là « *qui 季* » đồng nghĩa mỗi tên đinh cứ tùy hạng, hoặc đóng một quan hay là một quan tám tiền, tức là thuế thân. Đến năm kỷ dần (1669) đời vua Huyền-tôn, quan Tham-tụng là ông Phạm-công-Trừ 范 公 著 xin đặt ra phép binh lệ 平 例, nghĩa là làm sổ đinh nhất định một lần, rồi làng nào phải đóng bao nhiêu suất đinh, cứ theo như thế mà đóng mỗi chữ có để thêm ra cũng không kể, mà có chết đi cũng không trừ.

Lập phép ấy là để cho dân khỏi phải làm sổ, mà quan cũng khỏi phải tra xét, nhưng phải một điều bất tiện là về sau số đinh hơn kém bao nhiêu, quan không biết được nữa. Đến năm quí-tị (1713) đời vua Du-tôn sử chép rằng số dân nội-tích phải đóng thuế cho nhà vua cả thảy chỉ được 206.315 suất mà thôi.

Còn như thuế điền thì năm kỷ-hợi (1719) đời vua Du-tôn, ông Trịnh-Cương 鄭綱 sai các quan phủ huyện và quan Tả-ra-chinh, Hiến-sát làm việc đạc-diền để mà chia tiền thuế cho các dân xã cho đều. Lệ bấy giờ cứ đo công điền công thổ mà đánh thuế, gọi là « thuế 稅 », chia ra làm ba hạng: hạng nhất mỗi mẫu đồng niên đóng 1 quan, hạng nhì 8 tiền, hạng ba 6 tiền.

Những sưu-dịch như là việc tế tự trong đền vua phủ chúa, việc sửa sang trường-thi, việc làm cầu cống, đắp đường-sá, giữ đê điều v. v., thì cứ tùy nghi mà bỏ cho các suất đinh đê lấy tiền mà cung ứng cho đủ.

Ấy các thứ thuế trước đánh là vậy. Đến năm quí-mão (1723) quan Tham-tụng là ông Nguyễn Công-Hãn 阮公沆 theo phép tô 租 phép dung 庸 và phép điều 調 của nhà Đường mà chêm chước, sửa sang lại, như sau này:

Phép tô, tức là phép đánh thuế điền thổ, cứ mỗi mẫu công điền là phải nộp 8 tiền thuế, mà ruộng nào cấy hai mùa thì chia ba, quan lấy một phần thóc. Những đất bãi của quan, cứ mỗi mẫu nộp thuế 1 quan 2 tiền; chỗ nào giống dâu thì nộp một nửa bằng tơ, chỗ nào không giống dâu thì nộp cả bằng tiền.

Các ruộng tư điền ngày trước không đánh thuế, đến bấy giờ mới đánh: ruộng hai mùa mỗi mẫu 3 tiền, ruộng một mùa mỗi mẫu 2 tiền.

● *Phép dung*, tức là phép đánh thuế thân, cứ mỗi suất đinh là đồng niên đóng 1 quan 2 tiền. Những người sinh-đồ, lão-hạng và hoàng-dinh 1 thì đóng một nửa.

(1) Lão hạng là những người từ 50 tuổi đến 60 tuổi. Hoàng-dinh là người mới có 17 đến 19 tuổi.

Phép điều, tức là phép bắt dân đóng tiền sưu-dịch, cứ mỗi một suất đinh, một năm hai mùa, mùa hạ phải đóng 6 tiền, mùa đông phải đóng 6 tiền. Quan lấy tiền ấy mà làm các việc, không phiền đến dân nữa.

7. Các thứ thuế. Đời bấy giờ đánh thuế các thứ thổ sản thuế mỏ, thuế đò, thuế chợ, v. v., nhưng mà những thuế ấy, khi đánh khi thôi, không có nhất định.

1. *Thuế tuần-ti*. — Các thuyền bè chở hàng hóa đi buôn bán ở trong sông cũng phải chịu thuế. Trong nước lập ra cả thảy 23 sở tuần-ti để thu thuế: như tre gỗ thì cứ 10 phần đánh thuế một phần; những đồ tạp hóa thì 4 phần đánh thuế một phần,

2. *Thuế muối*. — Năm tân-sửu (1721) ông Trịnh-Cương đặt quan Giám đương 監當 để đánh thuế muối, cứ 10 phần quan lấy 2 phần. Những người buôn muối phải lĩnh thẻ của quan Giám-đương, thì mới được mua muối, mà trước phải mua của quan đã, rồi sau mới được mua của những người làm muối. Vì đánh thuế như thế cho nên giá muối cao đến một tiền một đấu muối, dân sự ăn uống khổ sở. Bởi vậy đến năm nhâm-ti (1732) ông Trịnh-Giang bỏ thuế muối không đánh nữa.

Đến năm bình-thìn (1748) ông Trịnh-Boanh lại lập lại phép đánh thuế muối, cứ chia ra 50 mẫu ruộng muối làm một bấp, mỗi bấp phải nộp 40 hộc muối thuế, mỗi một hộc đánh giá là 180 đồng tiền, tức là ba tiền.

3. *Thuế thổ sản*. — Năm giáp-thìn (1724) ông Trịnh-Cương định lệ đánh thuế các thổ sản, như là vàng, bạc, đồng, kẽm, son, diêm tiêu, than-gỗ, than đá, tre, gỗ, tơ lụa, quế, cá, măng, các đồ dụng-vật như là rượu, mật, dầu, và các đồ thạp-vật như là giấy, chiếu, vải v. v.

8. *Sở chi-thu*. — Về thời ông Trịnh-Giang làm chúa có lắm giặc dã phải chi tiêu nhiều việc, cho nên năm kỷ-mùi (1731) các quan xin đặt quan đề cùng với Hộ-phiên mà làm sổ biên số đồng niên thu vào được bao nhiêu và phát ra mất bao nhiêu, để liệu sự chi dụng cho vừa.

8. Việc khai mỏ. — Nước ta từ đời bấy giờ ở Tuyên-quang thì có mỏ đồng ở Tu-long, mỏ bạc ở Nam-xương và ở Long-sinh. Ở Hưng-hóa thì có mỏ đồng ở Trinh-lan và Ngọc-viên. Ở Thái-nguyên thì có mỏ đồng ở Sáng-mộc, Yên-hận, Liêm-tuyền, Tống-sinh, Vũ-nông; mỏ vàng ở Kim-mã, Tam-lặng; mỏ kẽm ở Côn-minh. Ở Lạng-sơn thì có mỏ đồng ở Hoài-viên.

Những mỏ ấy đều là người Tàu sang khai cả, bao nhiêu quyền lợi về tay người Tàu hết, của 10 phần nhà nước không được một. Mà những phau Tàu sang làm mỏ thường hay quấy nhiễu dân sự. Tuy rằng năm đình-dậu (1717) ông Trinh-Cương đã định lệ rằng những người Tàu sang khai mỏ: Chỗ đồng lắm chỉ được đến 300 người, chỗ đồng vừa 200 người, chỗ ít 100 người mà thôi. Thế mà về sau có nơi phu khách đông đến hàng vạn người, rồi sinh sự đánh nhau, thường phải dùng đến binh lính đi đánh dẹp mãi mới xong.

10. Việc đúc tiền. — Nhà Hậu-Lê trung hưng lên rồi vẫn tiêu tiền Hồng-đức, và ở trấn nào cũng có sở đúc tiền; nhưng vì có lắm sự nhiễu loạn cho nên đến năm quý-dậu (1753) Trịnh-Doanh mới bỏ sở đúc tiền ở các trấn, mà chỉ để hai sở ở gần đất Kinh-sư mà thôi. Đến năm bình-thủy (1776) đời Cảnh-hưng vua Hiến-tôn, khi họ Trịnh đã lấy được đất Thuận-hóa rồi, lại mở lò đúc tiền ở Phú-xuân, đúc ra 3 vạn quan tiền Cảnh-hưng nữa.

Đời bấy giờ cũng có đúc ra bạc lạng để tiêu dùng. Mỗi một lạng là 10 đồng, mỗi đồng giá hai tiền. Bạc ấy chặt ra mà tiêu cũng được.

11. Sự đóng lương. — Sự đóng lương thì trước vẫn theo lối cũ, cứ 6 hạp 合 là một thăng 升, nhưng từ năm giáp-thìn (1664) ông Phạm-công-Trứ định lại, lấy một cái ống gọi là hoàng-trung-quán 黃鐘管 làm chừng. Cái ống ấy đựng được 1.200 hộc thóc, gọi là một thước 石, rồi cứ 10 thước làm một hạp, 10 hạp làm một thăng, 10 thăng làm một đấu, 10 đấu làm một hộc.

12. Việc in sách. — Người nước ta học Hán tự đã lâu mà những sách học như là Tứ-thư Ngũ-kinh toàn thị dùng sách in của Tàu cả. Năm giáp-dân (1734) đời vua Thuận-tôn ông Trịnh-Giang mới bắt khắc bản in, in các sách phát ra mọi nơi và cấm không cho mua sách in bên Tàu nữa. Ấy cũng là một sự lợi cho sự tài-chính của nước ta.

13. Việc học-hành thi cử. — Sự học-hành về đời Hậu-Lê thi đại khái cũng giống như đời Tiên-Lê. trong nước ở đâu cũng lấy nho học làm trọng. Ở Quốc-tử-giám, thi đặt quan Tế-tử và quan Tư-nghiệp để làm giảng-quan, mỗi tháng một lần tiểu tập, ba tháng một lần đại tập.

Còn việc thi cử là việc nhà nước chọn lấy nhân tài để dùng làm việc nước, từ đời nào cũng có. Từ khi nhà Mạc và nhà Lê tranh nhau ngôi vua, Bắc-triều họ Mạc vẫn mở khoa thi ở Thăng-long; Nam-triều họ Lê vì bận việc binh cho nên mãi đến năm canh-thìn (1580) mới mở khoa thi Hội ở Tây-đô; từ đó về sau cứ ba năm một kỳ thi Hội; nhưng mà cách thức thi cử còn sơ lược, đến năm giáp-thìn (1664) đời vua Huyền-tôn, ông Trịnh Tạc mới định lại qui thức thi Hội.

Còn như thi Hương thì đến năm mậu-ngo (1678) mới định các điều lệ rõ ràng. Từ đó cứ ba năm một kỳ thi Hương: Thanh-hóa, Nghệ-an, Sơn nam, Sơn-tây, Kinh-bắc, Hải-dương, Thái-nguyên, Hưng-hóa, Tuyên-quang, Lạng-son, Yên-quảng đều có trường thi cả. Nhưng mà sự thi Hương bấy giờ hồ đồ lắm, không nghiêm như đời Hồng-đức, như là về đời vua Dụ-tôn, niên-hiệu Bảo-thái thì đặt lệ ai đi thi phải nộp tiền minh-kinh 明 銀 để lấy tiền làm nhà trường và khoản đốn quan-trường.

Đến năm canh-ngo (1750) đời Cảnh-hưng nhà nước thiếu tiền, lại đặt ra lệ thu tiền thông-kinh 通 銀, hễ ai nộp ba quan thì được đi thi, mà không phải khảo hạch. Thành ra lúc bấy giờ những người đi làm ruộng, đi buôn, đi bán thịt, ai cũng được nộp quyền vào thi, đến nỗi lúc vào thi, người tranh nhau vào trường xéo đạp lẫn nhau. có người

chết. Vào ở trong trường người thì dùng sách, kẻ đi thuê người làm bài, học-trò với quan trường thì thông với nhau, thành ra cái chợ thi. Phép thi-cử bấy giờ thật là bậy.

14. Trường học võ. — Đời vua Dụ-tôn, ông Trịnh-Cương lại mở ra trường học võ, đặt quan giáo-thụ để dạy, cho con cháu các quan vào học võ-kinh chiến-lược, cứ mỗi tháng một lần tiểu tập, ba tháng một lần đại tập. Mùa xuân mùa thu thi tập võ nghệ, mùa đông mùa hạ thi tập võ kinh.

Lại đặt ra lệ 3 năm một lần thi võ. Thi thi đại khái là phải bắn cung, múa giáo, múa gươm, phi ngựa mà bắn cung và chạy bộ mà bắn cung, rồi sau cùng hỏi nghĩa sách để xét học lực, hỏi phương lược để xét tài năng.

Năm canh-thần (1740) ông Trịnh-Doanh lập võ-miếu, chính vị thi thờ Vũ-thành-vương Khương-thái-công, Tôn Võ-tử, Quán-tử v. v. Ở đằng sau thi thờ Hưng-đạo-đại-vương Trần Quốc-Tuấn, và lại lập miếu riêng thờ Quan-công. Cứ xuân thu hai kỳ tế lễ.

15. Làm quốc-sử. — Từ khi ông Vũ Quỳnh 武瓊 làm sách Đại Việt-thông-giám 大越通鑑, mãi đến đời vua Lê Huyền-tôn nhà Hậu-Lê ông Trịnh-Tạc mới sai quan Tham-tụng là ông Phạm Công-Trứ 范公著 soạn sách Việt-sử-toàn-thư 越史全書 kể từ vua Trang-tôn nhà Hậu-Lê cho đến vua Thần-tôn, chia làm 23 quyển; nhưng mà bộ sử ấy không in. Đến năm bình-thần (1676) đời vua Hi-ôn sai ông Hồ-Sĩ-Dương 胡士揚 xét lại bộ quốc-sử, nhưng chẳng bao lâu ông ấy mất, lại sai ông Lê-Hi 黎億 và ông Nguyễn Qui-Đức 阮貴德 chép nối từ vua Huyền-tôn cho đến vua Gia-tôn, thêm vào 13 quyển, gọi là Quốc-sử-thực-lục 國史實錄.

Năm ất-vị (1775) đời Cảnh-hưng ông Trịnh-Dâm sai ông Nguyễn-Hoàn 阮侗, Lê Qui-Đôn 黎貴惇, Ngô Thời-Sĩ 吳時仕, Nguyễn-Du 阮攸 soạn quốc-sử chép thêm từ Hi-tôn cho đến đời Ý-tôn, gọi là Quốc-sử-tục-biên, cả thảy là 6 quyển.

16. Sự đánh-đẹp giặc dã trong nước. — Về thời ông Trịnh-Tạc, ông Trịnh-Căn, ông Trịnh-Cương làm chúa, thì ông nào cũng hết lòng lo việc trị dân, và lại nhờ có những người tài giỏi như ông Phạm Công-Trứ 范公著, ông Nguyễn Công-Hăng 阮公沆 v. v., đều hết sức giúp đỡ, cho nên sửa sang được nhiều việc, nước được yên trị. Nhưng mà từ khi ông Trịnh-Giang lên nối nghiệp chúa, giết vua Lê, hại cả các quan đại-thần như ông Nguyễn Công-Hăng 阮公沆 và ông Lê Anh-Tuấn 黎英俊. Tính ông ấy đã tàn ngược lại hay tiêu dùng xa-xỉ, thuế-má một ngày một nhiều, sưu-dịch một ngày một nặng, dân tình khổ sở, giặc-dã nổi lên khắp cả mọi nơi, đường sá trạm dịch đi không được, phải làm đồn hỏa-hiệu ở trên đỉnh núi để phòng khi có việc gì thì đốt lửa báo tin.

Bấy giờ ở trong Triều thì có mấy người tôn-thất như là ông Lê Duy-Mật 黎維密, Lê Duy-Quy 黎維祺, Lê Duy-Chúc 黎維祝¹, cùng với mấy người triều thần là ông Phạm Công-Thế 范公勢, ông Võ-Thước 武鑠 định đốt kinh-thành để trừ họ Trịnh, nhưng chẳng may việc lộ ra phải bỏ chạy. Ở ngoài các trấn thì chỗ nào cũng có giặc, ở Hải-dương thì có tên Nguyễn-Tuyền 阮選, Nguyễn-Cử 阮選 nổi lên ở làng Ninh-xá 寧舍 (thuộc huyện Chi-linh), tên Võ Trác-Oánh 武卓瑩 nổi lên ở làng Mộ-trạch 慕澤 (thuộc huyện Đường-an), ở đất Sơn-nam thì có tên Hoàng Công-Chất 黃公質 đều lấy tiếng phò Lê giết Trịnh làm cờ, bởi vậy cho nên dân mặt đông-nam mang bừa vác gậy đi theo giặc. Toán nào đông thì kẻ có hàng vạn người, toán nào ít thì cũng có đến hàng trăm hàng nghìn người, rồi đi cướp phá ở các hương thôn và vây các thành ấp, quan quân đánh dẹp không được.

Đang lúc giặc cướp như thế, Trịnh-Giang cứ dâm dật vô độ, lại đào hầm làm nhà ở dưới đất để cho khỏi sợ sấm sét, còn việc chính-trị thì để cho những hoạn-thần là bọn Hoàng Công-Phụ 黃公輔 chuyên quyền làm bậy. Các quan

(1) Duy-Mật và Duy-Quy là con vua Dụ-tôn. Duy-Chúc là con vua Hi-tôn.

ở phủ liêu là bọn ông Nguyễn-quí-Cánh 阮貴愨, Nguyễn-công-Thái 阮公寨, Võ-công-Tế 武公宰 bèn truất Trịnh-Giang mà lập em là Trịnh-Doanh lên làm chúa để lo việc đánh dẹp cho yên giặc-dã.

Đời bấy giờ giặc cướp thì nhiều, nhưng mà những giặc to phải đánh lâu, thì có Nguyễn-Tuyên 阮選, Nguyễn-Cừ 阮遷 và Võ-trác-Oánh 武卓塋 ở đất Hải-dương; Hoàng-công-Chất 黃公質, Võ-dinh-Dung 武廷鎔 ở Sơn-nam; Nguyễn-danh-Phương 阮名芳, Nguyễn-Diên 阮筵, Tế 濟, Bồng 蓬 ở Sơn-tây; Nguyễn-hữu-Cần 阮有求 ở mặt đông nam; Lê-duy-Mật 黎維祿 ở mặt Thanh-hóa và Nghệ-an. May lúc ấy lại có những quan đánh giặc giỏi như Hoàng-nghĩa-Bá 黃義伯, Hoàng-ngũ-Phúc 黃五福, Phạm-dinh-Trọng 范廷重, Nguyễn-Phan 阮潘, Bùi-thế-Đạt 裴世達 v. v. cho nên Trịnh-Doanh và Trịnh-Sâm mới dần dần dẹp yên được các nơi.

1. *Giặc Ngân-già.* — Năm canh-thân (1740) trong khi đất Hải-dương, ở làng Ninh-sò, có bọn Nguyễn-Tuyên, Nguyễn-Cừ làm loạn, thì đất Sơn-nam, ở làng Ngân-già, có bọn Vũ-dinh-Dung, Đoàn-danh-Chấn, Từ-Cao cướp phá rất dữ, giết cả quan Đốc-lĩnh là Hoàng-kim-Qua 黃金瓜. Thế giặc mạnh lắm, Trịnh-Doanh phải tự làm tướng đem binh đi đánh, bắt được là Võ-dinh-Dang đem chém, và đổi tên xã Ngân-già làm Lai-cách (nay là Gia-hòa).

2. *Giặc Ninh-xá.* — Bọn Nguyễn-Tuyên, Nguyễn-Cừ Vũ-trác-Oánh và Nguyễn-Diên dấy binh từ năm kỷ-mùi (1739) làm loạn ở Hải-dương trước hết cả rồi vây vùng ở đất Từ-sơn, Thuận-thành Nam-sách và Hồng-châu Nguyễn-Cừ thì giữ đất Đô-lâm ở Gia-phúc, Nguyễn-Tuyên thì giữ núi Phao-sơn ở Chí-linh, làm đồn xây lũy liên lạc với nhau, quân lính kẻ có hàng mấy vạn người, quan quân đi đánh có nhiều người phải bắt.

Năm tân-sửu (1741) quan Thống-lĩnh Hải-dương là Hoàng-nghĩa-Bá 黃義伯 phá được các đồn của giặc ở Phao-sơn, ở Ninh-xá và ở Gia-phúc, Nguyễn-Tuyên thua chạy rồi chết.

Vũ-trác-Oanh không biết đi đâu mất. Còn Nguyễn-Cừ thì chạy lên Lạng-sơn được mấy tháng lại về Đông-triều, nhưng vì hết lương phải vào nấp ở núi Nga vân-sơn, bị qua Hiệp-dũng là ông Phạm-dinh-Trọng 范廷重 bắt được đóng cửa đem về kinh làm tội. Từ đó giặc Cừ và giặc Tuyên mới tan.

3. Nguyễn-hữu-Cầu. -- Nguyễn-hữu-Cầu 阮有求 tục gọi là quận He, người Hải-dương, trước đi ẩn ở rốn, sau theo Nguyễn-Cừ làm giặc. Đến khi Nguyễn-Cừ bị bắt rồi, Nguyễn-hữu-Cầu đem đồ đảng về giữ núi Đồ-sơn và đất Vân-dầu. Năm quý-hợi (1743), Hữu-Cầu giết được quan Thủy-đạo đốc-binh là Trần-Bằng 阮平, rồi tự xưng làm Đông-đạo Thống-quốc Bảo-đán Đại-tướng-quân, thành thế lực lấy ở mạn ấy. Sau bị Hoàng-ngũ-Phúc 黃五福 đem binh đến vây ở núi Đồ-sơn, Hữu-Cầu phá vây ra về đánh lấy thành Kinh-bắc, quan Trấn-thủ là Trần-dinh Cầm 陳廷錫 và quan Đốc-dũng là Võ-phương-Đề 武方提 đánh thua ở Thị-cầu phải bỏ ấn tín mà chạy; ở Kinh-sư được tin ấy nao động cả lên.

Hoàng-ngũ-Phúc đem binh về, cùng với Trương-Khuông 張光 lấy lại thành Kinh-bắc, nhưng thế Nguyễn-hữu-Cầu vẫn mạnh, phá quân của Trương-Khuông ở làng Ngọc-lâm (thuộc huyện Yên-dũng), đuổi quân của quan Thống-linh Đinh-văn-Giai 丁文佳 ở Xương-giang (thuộc huyện Bảo-lộc) rồi lại về vây dinh Thị-cầu.

Trịnh-Doanh sai Hoàng-ngũ-Phúc và Phạm-dinh-Trọng đem binh đến đánh Hữu-Cầu ở Xương-giang, giết được tướng của giặc là tên Thông 通, lấy được quân như chiến-mã thật là nhiều.

Nguyễn-hữu-Cầu là một người kiệt-hiệt nhất trong bọn làm giặc thời bấy giờ, mà lại quí quyết, ra vào bất trắc lắm: có khi bị vây hàng mấy vòng, mà chỉ một mình một ngựa phá vây ra, rồi chỉ trong mấy ngày lại có hàng vạn người đi theo. Vì rằng ngày thường cướp được thóc gạo của thuyền buôn đem cho dân nghèo, cho nên đi đến đâu

cũng có người theo, muốn lấy bao nhiêu quân lương cũng có.

Các tướng sĩ ai cũng sợ nó, duy chỉ có ông Phạm Đình-Trọng là đánh được nó mà thôi, cho nên nó đào má mẹ ông ấy đổ xuống sông. Từ đó ông Phạm Đình-Trọng thế không cùng sống ở đời với Nguyễn Hữu-Cầu. Cũng vì lẽ ấy cho nên năm binh-dân (1746) Hữu-Cầu cho người đem vàng về dứt lót cho Đỗ Thế-Giai 杜世佳 và người nội-giám là Nguyễn Phương-Đĩnh 阮芳挺 đề xin về hàng. Trịnh-Doanh thuận cho và lại phong cho làm Hướng-nghĩa-hầu 向義侯, lại sai quan Thiêm-tri 僉知 là Nguyễn Phi-Sảng 阮丕爽 đem tờ dụ ra bảo ông Phạm Đình-Trọng đừng đánh Nguyễn Hữu-Cầu nữa.

Phạm Đình-Trọng khăng khăng một mực không chịu, bảo Nguyễn Phi-Sảng rằng: « Những người làm tướng ở ngoài dẫu có mệnh vua cũng có điều không nên chịu. Ông vâng mệnh vua đi gọi giặc về hàng, thì ông cứ đi, tôi vâng mệnh vua đi đánh giặc, thì tôi cứ đánh. » Nói xong, cất quân đi ngay.

Lúc ấy ông Phạm Đình-Trọng có mộ người ở huyện Thanh-hóa, huyện Tú-kỳ, huyện Vĩnh-lại và huyện Thượng-hồng, đặt làm 4 cơ, giao cho hai người thủ-hạ cai quản. Ở phủ-liều bọn Đỗ Thế-Giai nhân lấy điều ấy mà nói dèm với Trịnh-Doanh. Nhưng Trịnh-Doanh vốn biết ông Phạm Đình-Trọng là người trung thành không nói gì đến việc ấy, lại làm một bài thơ đưa ra cho ông ấy để ông ấy yên lòng.

Nguyễn Hữu-Cầu tuy đã xin về hàng, nhưng vẫn cứ cướp phá các nơi, sau lại về phá ở đất Sơn-nam. Một hôm ông Phạm Đình-Trọng đánh đuổi nó ở Cẩm-giang, nó bảo với thủ-hạ rằng: ta vừa mới thua có tin về Kinh, tất nhiên không ai phòng bị, nay ta lên về đánh có lẽ được. Nói đoạn, ngay đêm hôm ấy kéo quân về bến Bồ-đề. Đến nơi thì trời vừa sáng; có tin báo, Trịnh-Doanh tự đem quân ra giữ ở bến Nam-tân. Phạm Đình-Trọng biết tin ấy lập tức đem quân về đánh mặt sau, Hữu-Cầu lại thua bỏ chạy.

Từ khi thua trận Bồ-đề rồi, Hữu Cầu về cùng với Hoàng Công-Chất cướp ở huyện Thầu-khe và Thanh-quan. Phạm Đình-Trọng và Hoàng Ngũ-Phúc lại đem binh xuống đánh đuổi.

Hoàng Công-Chất chạy vào Thanh-hóa, Hữu-Cầu chạy vào Nghệ-an hợp đảng với tên Diên 堯 ở Hương-lâm (thuộc huyện Nam-dương. Phạm Đình-Trọng đem quân vào đánh phá trại giặc, rồi đuổi Hữu-Cầu ra đến làng Hoàng-mai bắt được, đóng cũi đem về nộp chúa Trịnh. Bảy giờ là năm tân-vị (1751) đời Cảnh-hưng thứ 12.

4. Nguyễn Danh-Phương. — Năm canh-thân (1740) tên Tế và tên Bồng làm loạn ở đất Sơn-tây, quan Chinh-tây đại-tướng-quan là Võ Tá-Lý 武佐理 đánh bắt được cả hai đưa ở huyện An-lạc (thuộc phủ Vĩnh-trương). Bảy giờ thủ-hạ tên Tế là Nguyễn Danh-Phương, tục gọi là quận Hèo đem dư-dãng về giữ núi Tam-đảo. Một mặt thì mộ quân trữ lương và một mặt thì cho người về nói dối xin hàng.

Lúc bấy giờ tên Cầu tên Chất đang làm loạn ở phía đông-nam, cho nên Trịnh-Doanh cũng tạm cho hàng.

Năm giáp-ti (1744) tên Phương đem hơn một vạn quân về giữ đất Việt-trì, sang phá cướp ở bên huyện Bạch-hạc. Bảy giờ quan Đốc-xuất Sơn-tây là Văn Đình-Ưc 文廷億 đem binh đến vây đánh, Danh-Phương chạy sang giữ làng Thanh-liều (huyện Bính-xuyên đất Thái-nguyên). Từ đó Danh-Phương lập đại đồn ở núi Ngọc-bội (giáp huyện Bình-xuyên và huyện Tam-dương), trung-đồn ở đất Hương-canh, ngoại-đồn ở đất Ưc-kỳ, rồi tự xưng là Thuận-thiên khải-vận-đại-nhân, làm cung điện, đặt quan thuộc, thu các thứ thuế ở đất Tuyên-quang, thành thế lưng lấy trong non 10 năm trời, thành ra một nước riêng trong nước Nam vậy.

Năm canh-ngọ (1750) Trịnh-Doanh tự đem đại quân đi đường Thái-nguyên đến đánh phá được đồn Ưc-kỳ. Khi quân liền lên đến đồn Hương-canh giặc bắn súng, đạn ra như mưa, quan quân không tiến lên được. Trịnh-Doanh mới lấy gươm cho ông Nguyễn-Phan 阮蕃 mà bảo rằng:

« Đồn này không phá được thì lấy quân pháp mà trị ! » Ông Nguyễn-Phan đem quân sẵn vào rồi cởi áo chiến bào ra, xuống ngựa đi bộ, và bảo những người thủ-hạ rằng: « Quân sĩ có tên ở trong sổ sách, việc gì đã có quân pháp. Chúng bay là người riêng của ta mà hôm nay là buổi ta phải bỏ mình để giúp nước, và lại chính là ngày chúng bay đền ơn cho ta. Vậy ai có cha già con dại thì cho lui ra, còn thì nên cùng với ta mà liều một trận sống chết để báo đền ơn nước, cho khỏi phụ cái tiếng râu mày ! » Thủ-hạ không ai chịu lui, đều xin cùng xông vào, phá được đồn Hương-cánh. Danh-Phương rút quân về giữ đồn Ngọc-bội, quân Trịnh-Doanh tiến lên đuổi đánh. Nguyễn-Phan sai thủ-hạ cầm đồ đoản binh cho tự tiện đi trước mà vào, đại quân theo sau. Giặc giữ không nổi bỏ chạy tan cả, Nguyễn-danh-Phương chạy vào núi Bộc-tôn, quan quân đuổi đến làng Tinh luyện ở huyện Lập-thạch thì bắt được. Trịnh-Doanh đem quan về Kinh-đô, đi đến làng Xuân hi, huyện Kim-anh, gặp người của Phạm-đình-Trọng giải Nguyễn-hữu-Cầu đến. Trịnh-Doanh bèn mở tiệc khao quân bắt tên Phương dâng rượu, tên Cầu thổi kèn, ba quân hôm ấy thật là vui vẻ.

Về đến Kinh-sư, tên Cầu và tên Phương đều phải chém cả

6° Hoàng-công-Chất — Hoàng-công-Chất cùng với bọn Nguyễn-Tuyên, Nguyễn-Cừ nổi lên một lúc, trước phá ở đất Sơn nam về hạt Khoái-châu và Xuân-trường. Đến năm át-sửu (1745) nó lại bắt được và giết quan trấn thủ Sơn nam là Hoàng-công Kỳ 黃公琦, sau vì quan quân đuổi đánh, nó chạy vào Thanh hóa rồi ra Hưng hóa cùng với tên Thành 成 làm loạn ở vùng ấy. Năm tân ty (1761) tên Thành bị quan quân bắt được, tên Chất chạy lên giữ động Mạnh thiên 猛天峯 phía bắc Hưng-hóa rồi chiếm giữ cả mấy châu gần đấy, đồ đảng của nó đông có hàng vạn người. Từ đó tên Chất cứ cướp phá ở đất Hưng hóa và đất Thanh-hóa. Mãi đến năm kỷ-sửu (1769) Trịnh-Sam mới

sai quan Thống-linh là Đoàn nguyên Thục 段阮叔 đem quân Sơn-tây lên đánh động Mạnh-thiên. Khi quan quân lên đến nơi thì Hoàng-công-Chất đã chết rồi, con là Hoàng-công-Toản 黃公縝 chống giữ không nổi, bỏ chạy sang Vân-nam, Đồ-dang tan cả.

6. Lê duy-Mật. — Năm mậu-dợ, (1738) đời vua Ý-tôn, bốn hoàng thân là Lê-duy-Mật, Lê-duy-Quy và Lê-duy-Chúc định mưu giết họ Trịnh, nhưng chẳng may sự không thành phải bỏ chạy vào Thanh-hóa. Sau Duy-Quy và Duy-Chúc phải bệnh mất, còn Duy-Mật giữ đất thượng-du phía tây-nam. Những người đồng mưu với Duy-Mật đều bị họ Trịnh bắt được giết cả. Bấy giờ có bắt được ông Phạm-công Thế 范公勢 đem ra hỏi rằng: « Ông là người khoa giáp sao lại theo nghịch? » — Ông Công-Thế cười mà nói rằng: « Đã lâu nay danh phận không rõ, lấy gì mà phân thuận nghịch? ». Nói rồi, giương cổ ra chịu binh.

Lê-duy-Mật từ khi chạy về Thanh-hóa, chiêu tập binh sĩ, rồi từ năm canh thân (1740) là Cảnh-hưng năm đầu về đánh ở đất Hưng-hóa và Sơn-tây, sau lại cùng với giặc là tên Trương 張 giữ đồn Ngọc-lâu (thuộc huyện Thạch-thành) Đến khi tướng họ Trịnh phá được đồn Ngọc-lâu, tên Trương tử trận. Lê-duy-Mật lại chạy vào Nghệ-an, rồi sang Trấn-ninh giữ núi Trinh quang 星光 làm căn bản.

Năm giáp-ti (1764) Lê-duy-Mật sai người đem thư vào cầu cứu với chúa Nguyễn là Vũ-vương. Nhưng chúa không muốn gây sự với họ Trịnh, cho nên không giúp.

5 Năm đinh-hợi (1767) được tin Trịnh-Doanh vừa mất, con là Trịnh-Sâm lên làm chúa, Lê-duy-Mật đem quân về đánh ở đất Hương-sơn và đất Thanh-chương rồi lại rút về Trấn-ninh. Trịnh-Sâm cho người đưa thư sang dỗ về không được, mới quyết ý dùng binh để giết mối loạn.

5 Năm kỷ-sửu (1769) Trịnh-Sâm sai Bùi-thế-Đạt 裴世達 làm thống-linh đất Nghệ-an, Nguyễn-Phan 阮潘 làm chánh-đốc-linh đất Thanh-hóa, Hoàng-dinh-Thê 黃廷體 làm đốc-linh đất Hưng-hóa, cả ba đạo đều tiến sang đánh Trấn-ninh.

Khai quốc của Hai Thế-Dại và Nguyễn-Phan đến vây Trịnh-Quang, Lê Duy-Mật định cứ giữ hiểm không ra đánh. Không ngờ người con rể là Lai Thế-Chiến 賴世招 làm phản, mở cửa lối cho quân họ Trịnh vào. Duy-Mật biết có nói biến,奔 cùng với vợ con tự dột mà chết.

Tóm lại mà xét, thì những công việc của họ Trịnh sửa đổi ở xứ Bắc cũng nhiều, và có thể chia ra làm ba thời-kỳ: Thời-kỳ thứ nhất vào khoảng ông Trịnh-Kiểm, Trịnh-Tùng và Trịnh-Tràng. Lúc bấy giờ còn phải đánh họ Mạc ở phía bắc, rồi lại chống với họ Nguyễn ở phía nam, cho nên trong thời-kỳ ấy chỉ có việc chiến tranh ở ngoài mà thôi, còn những công việc trong nước không sửa sang được mấy.

Thời-kỳ thứ hai là vào khoảng ông Trịnh-Tạc, Trịnh-Cần và Trịnh-Cương. Lúc bấy giờ việc chiến tranh đã yên, trong nước bình trị, cho nên trong thời-kỳ ấy các chúa mới sửa-sang và chỉnh-dốn lại những phép tắc, luật lệ, việc thuế khóa, sự học hành, thi cử, v. v.

Thời-kỳ thứ ba là vào khoảng ông Trịnh-Giang, Trịnh-Douah và Trịnh-Sâm. Vì Trịnh-Giang thất chính cho nên trong thời-kỳ này có lắm giặc-dã, quan quân phải đánh đàng đep bắc trong ba bốn năm trời, thành ra không làm được việc gì ích lợi, đến nỗi dân nghèo nước yếu, chính trị điêu tàn, bởi vậy cho nên chẳng bao lâu mà nhà Trịnh đổ, nhà Lê cũng mất.

CHƯƠNG VI

CÔNG VIỆC HỌ NGUYỄN LÀM Ở XỨ NAM

Quan chế. -- 2. Thi-cử, -- 3. Việc vũ-bi. -- 4. Việc thi-hố-khóa --
5. Số tiền chi tiêu trong nước. -- 6. Lấy đất Chiêm-thành. -- 7. Mở
đất Nam-kỳ và sự giao-thiệp với Chân-lạp. -- 8. Việc giao-thiệp với
nước Tiêm-la. -- 9. Việc lập dinh dinh phủ.

Họ Nguyễn đã giữ riêng một cõi ở phía nam, lập ra
nghiệp chú, lưu truyền đời nọ qua đời kia, bởi vậy cho
nên binh-trị, thuế-lệ, binh-linh, việc gì cũng tự sửa sang
và xếp đặt lấy như là một nước tự-chủ vậy.

1. Quan-chế. -- Lúc họ Nguyễn chưa ra mặt chống
nhau với họ Trịnh thì quan lại vẫn ở ngoài Bắc bỏ vào,
nhưng mà từ khi chúa Sãi là ông Nguyễn-phước-Nguyễn
阮福源 không chịu nộp thuế cho nhà Lê, và đem quân
chống giữ với quân họ Trịnh ở bắc Bộ-chinh 布政 thì các
quan viên đều do chúa Nguyễn đặt lấy cả.

Ở chính-dinh là chỗ chức, đồng thì đặt tam-ti 三司 để
giúp chúa coi việc chính trị. Tam-ti là: Xá-sai-ti 舍差司,
Trương-thần-lai-ti 將臣吏司, Linh-sử-ti 令史司.

10 Xá-sai-ti giữ việc tư tụng văn án. Có quan Đô-tri 都知,
Ký-lục 記錄 làm đầu.

20 Trương-thần-lai-ti giữ việc thu tiền thu thuế, chi phát
lương thực cho quân các đạo. Có quan Cai-bạ 該簿 làm
đầu.

30 Linh-sử-ti giữ việc tế tự, tết nhất và việc chi cấp lương
cho quân ở chính-dinh. Có quan Nua úy 衙尉 làm đầu.

Mỗi ti lại có quan Cai-hợp 該合, Thủ-hợp 首合 và các
lại-ti để làm mọi việc.

Ở ngoài các dinh thì có nơi chỉ đặt có một Linh-sử-ti
kiếm cả việc Xá-sai-ti, và Trương-thần-lai-ti, có nơi thì đặt
Xá-sai-ti và Linh-sử-ti để coi việc quân dân, tư tụng, dinh

điền, sổ sách, thuế khóa, v. v Nghĩa là tùy nơi quan trọng hay là không, mà thêm bớt quan viên.

Ở phủ huyện thì đặt tri-huyện, tri-phủ, để coi việc từ tụng, thuộc hạ thì có đề-lại, thông-lại, chuyên việc khám xét. Lại có huấn-đạo, lễ-sinh, chuyên việc tế tự ở chỗ sở tại. Còn việc thu thuế thì đặt quan khác để coi về việc ấy.

Đến đời ông Nguyễn-phúc-Lan 阮福瀾 (chùa Thượng: 1635-1648) lại đặt thêm chức nội-tả 內左, ngoại tả 外左, nội-hữu 內右, ngoại hữu 外右 gọi là tứ trụ để giúp chúa trị dân.

Về dăng quan võ thì đặt chức: chương-dinh, chương-co, cai-co, cai-đội để coi việc binh.

2. Thi-cử. — Năm đinh-hợi (1647) chúa Nguyễn mở khoa thi gọi là thi chính-dồ 正途 và thi hoa-văn 華文.

Thi chính-dồ chia ra làm ba kỳ: Kỳ đệ nhất thi tứ lục, kỳ đệ nhị thi thơ phú, kỳ đệ tam thi văn sách. Quan tri phủ tri-huyện làm sơ-khảo, quan cai-bạ, ký-lục, yê-úy làm giám-khảo. Những quyền đầu thi chia ra làm ba hạng: hạng thứ nhất gọi là giám-sinh, được bổ làm tri-phủ, tri-huyện; hạng thứ nhì gọi là sinh-dồ, được bổ làm huấn-đạo; hạng thứ ba cũng gọi là sinh-dồ được bổ làm lễ-sinh, hoặc làm nhiều-học.

Thi hoa-văn thì cũng phải ba ngày, mỗi ngày chỉ phải làm có một bài thơ mà thôi. Ai đậu thi được bổ vào làm việc ở Tam-li.

Năm ất-hợi (1695) chúa Nguyễn là Nguyễn-phúc-Chu 阮福錕 (Quốc-Chúa: 1691-1725) mở khoa thi ở trong phủ chúa, gọi là thi Văn chức 文職 và thi Tam-li 三司. Thi Tam-li là thi Xá-sai-ti, thi Tướng-thần-lại-ti và thi Linh-sử-ti. Thi Văn-chức thi thi tứ lục, thơ phú, văn sách; thi Xá-sai-ti thì hỏi về việc binh lính, tiền lương, từ tụng; thi Tướng-thần-lại-ti và Linh-sử-ti thì chỉ làm một bài thơ mà thôi.

Năm canh-thân (1740), Vũ-vương Nguyễn-phúc-Khoát 阮福澤 (1738-1765) định lại phép thi: những người đậu

kỳ đệ nhất, gọi là nhiên-học, được miễn sai 5 năm; đậu kỳ đệ nhị và kỳ đệ tam thì được miễn sai chung thân; đậu kỳ đệ tứ gọi là hương cống, được bổ đi làm tri-phủ tri-huyện

Xem như vậy thì sự thi-cử ở xứ Nam đời bấy giờ còn sơ lược lắm.

3. Việc vũ-bị. — Họ Nguyễn bấy giờ phải chống nhau với họ Trịnh cho nên phải lo việc vũ-bị hơn. Quân thì chia ra làm năm cơ gọi là: trung cơ, tả cơ, hữu cơ, tiền cơ, hậu cơ. Số quân độ chừng non ba vạn người.

Năm tân-mùi (1631) chúa Sãi lập ra sở đúc súng đại-bác và mở trường bắn, trường tập voi, tập ngựa, cứ hằng năm luyện tập để phòng bị sự chiến-tranh.

4. Việc thuế khóa Điền thổ chia ra làm 3 hạng để đánh thuế. Lại có hạng gọi là thu điền, khô thổ; nghĩa là ruộng đất sâu thì thuế đánh lại nhẹ hơn ruộng đất ti tròng.

Những công điền thì cấp cho dân cấy cấy để nộp thuế; còn ai khai khẩn được đất hoang ra làm ruộng thì cho là tư điền.

Thuế mỏ. — Ở đất Quảng-nam, Thuận-hóa có mỏ vàng; ở đất Quảng-nghĩa có mỏ bạc; ở đất Bồ-chính có mỏ sắt. Các mỏ ấy đều đánh thuế cả.

Thuế suất cảng nhập cảng. — Lệ cứ những tàu ở Thượng-hải và ở Quảng-dông-lại, thì phải nộp 3.000 quan, đến lúc đi phải nộp 300 quan. Tàu ở Ma-cao, ở Nhật-bản lại, thì phải nộp 4.000 quan, đến lúc đi phải nộp 400 quan. Tàu ở Liêm-la ở Lã-tống lại, thì phải nộp 2.000 quan, đến lúc đi phải nộp 200 quan. Tàu ở các nước phương tây lại thì phải nộp 8.000 quan, đến lúc về phải nộp 800 quan.

Thuế ấy chia ra làm 10 thành: 5 thành thì đem vào kho, còn 4 thành thì để nộp cho quan lại binh lính đã coi về việc thu thuế.

5. Sở liễn chi thu trong nước. — Năm qui dậu (1753) Vũ vương sai quan Chương-thái đảm 掌太監 là Mai-văn

Hoan 枚文歡 tính số vàng, bạc và tiền thu vào và phát ra mỗi năm là bao nhiêu.

Bấy giờ số tiền thì có năm thu vào được hơn 333.100 quan, mà phát ra mất hơn 364.400 quan; có năm được hơn 423.300 quan, mà phát ra mất hơn 369.100 quan. Vàng thì có năm thu được 830 lượng, có năm được 890 lượng. Bạc thì thứ giáp-ngân 甲銀 (?) có năm thu được 210 lượng, có năm được 390 lượng; thứ dung-ngân 丁銀 (?) có năm được 2.400 lượng, có năm được 1.800 lượng; thứ kê-ngân 雞銀 (?) có năm được 16.100 đồng, có năm được 400 đồng, cũng có năm không có đồng nào.

Tính đồ đồng lại từ năm binh dần (1746) đến năm nhâm-thân (1752) nghĩa là trong 7 năm số vàng được 5.768 lượng, số giáp-ngân được 9.973 lượng số dung-ngân được 14.276 lượng, số kê-ngân được 21.150 đồng.

Từ đó trở đi mỗi năm phải làm sổ kê rõ ra trong năm vàng bạc và tiền thu vào và phát ra mất bao nhiêu, lệ cứ đến ngày mồng ba tháng diêng năm sau dâng lên để chúa xem.

Những tiền tiêu ở trong nước, thì có tiền đồng và tiền kẽm, khắc hai chữ thái-bình 太平.

6. Lấy đất Chiêm-thành. — Trước Trịnh-Kiểm chỉ cho ông Nguyễn Hoàng vào trấn-thủ đất Thuận-hóa mà thôi, sau đến năm canh-ngọ (1570) họ Trịnh đòi quan trấn-thủ Quảng nam là Nguyễn-bá-Quỳnh về trấn đất Nghệ-an, để đất Quảng-nam cho ông Nguyễn-Hoàng kiêm lĩnh.

Năm tân-hợi (1611) ông Nguyễn-Hoàng vào đánh nước Chiêm-thành lấy đất lập ra phủ Phú-yên; chia ra làm hai huyện là Đồng-xuân và Tuyên-bòa. Đến năm qui-tị (1653) vua nước Chiêm-thành là Bà-Bật 婆 沓 sang quấy nhiễu ở đất Phú-yên, chúa Hiền là Nguyễn-phúc-Tần 阮 福 漸 mới sai quan cai-cơ là ngươì Hùng Lộc 雄 祿 sang đánh. Bà-Bật phải dâng thư xin hàng. Chúa Nguyễn để từ sông Phan-lang 潘 郎 江 trở vào cho vua Chiêm, còn từ sông Phan-lang trở ra lấy làm Thái-ninh-phủ, sau đổi làm phủ Diên-khánh

(tức là Khâm-hòa bảy giờ), đặt danh Thái-khang để Hàng-Lộc làm thái-thủ.

Năm qui-dậu (1693) vua nước Chiêm-thành là Bà-Tranh 𣎵 𣎵 hó không tiến cống, chúa Nguyễn là ông Nguyễn-phước-Chu 阮福潮 sai quan tổng-binh là Nguyễn-hữu-Kinh 阮有經 (con Nguyễn-hữu-Dật) đem binh đi đánh bắt được Bà-Tranh và bốn nghìn tử là Tả-trà-Viên, Kế-bà-Tử cũng thar



Đền cũ của Chiêm-thời ở Bình-dinh

thuộc là Bà-An đem về Phú-xuân. Chúa Nguyễn đổi đất Chiêm-thành làm Thuận-phủ, cho Tả-trà-Viên, Kế-bà-Tử làm chức Khâm-lý 𣎵 𣎵 và ba người con của Bà-An làm đề-đốc giữ Thuận-phủ, lại bắt phải đòi y phục theo như người An nam để phủ dụ dân Chiêm-thành. Qua năm sau lại đổi Thuận-phủ ra làm Thuận-thành-trấn, cho Kế-bà-Tử làm tả đóc-đốc. Năm định-sửu (1697) chúa Nguyễn

đặt ra phủ Bình-thuận lấy đất Phan-ly Phan-ri Phan-lang (Phan-rang) làm huyện Yên-phúc và huyện Hòa-đà.

Từ đó nước Chiêm-thành mất hẳn.

Nước Chiêm-thành chính là nước Lâm-áp ngày trước đã từng qua mấy trăm năm, cùng với họ Lý, họ Trần đối địch, chống với quân Mông-cổ, không cho xâm phạm vào cõi lập nên một nước có vua, có tôi, có chính-trị, có luật-phép. Nhưng chỉ hiềm vì người nước ấy cứ hay sang cướp phá ở đất An-nam, thành ra hai nước không mấy khi hòa hiếu được với nhau.

Đã là đối địch thì không sao tránh khỏi được cái luật chung của tạo-hóa là: *khỏe còn, yếu chết*. Vì vậy cho nên từ khi vua Thánh-tôn nhà Lê 黎 聖 宗 đã lấy đất Quảng-nam và đã chia nước Chiêm ra làm ba nước rồi, thì từ đó về sau thế lực nước ấy một ngày một kém dần dần một ngày một suy. Chẳng những là đến nỗi mất nước với chúa Nguyễn, mà chúng loại Chiêm thành bây giờ cũng chẳng còn được mấy nghìn người nữa. Một nước trước như thế mà nay như thế! Dầu rằng nước ấy đồng-hóa với nước ta mặc lòng song nghĩ cũng thương tâm thay cho những nước yếu hẹp không tránh khỏi được cái họa: cả nhỏ b cả lớn nước.

7. Mở đất Nam-kỳ và sự giao-thiệp với Chân-lạp. - Nguyên nước Chân-lạp ở vào quang dưới sông Mê-kông, có lắm sông nhiều ngòi, ruộng đất thì nhiều mà nước Nam ta thì thường hay mất mùa, dân tình phải đói khổ luôn, và lại vào lúc chúa Nguyễn chúa Trịnh đánh nhau, cho nên nhiều người bỏ vào khẩn đất, làm ruộng ở Mê-xoái (Baria) và ở Đồng-nai (nay thuộc Biên-hóa).

Năm mậu-luất (1658) vua nước Chân-lạp mất rồi chú cháu tranh nhau, sang cầu cứu bên chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn bấy giờ là chúa Hiền sai quan đem 3.000 quân sang đánh ở Mối-xúy 味 吹 (nay thuộc huyện Phúc-chánh, tỉnh Biên-hóa) bắt được vua nước ấy là Nặc ông-Chân 曷 龍 君 曷 龍 君 đem về giam ở Quảng-bình một độ, rồi tha cho về nước. bắt phải triều cống và phải bênh vực người An-nam sang làm ăn ở bên ấy.

Năm giáp-dần (1674) nước Chân-lạp có người Nặc-ông-Đại 匿翁大 遣 使 告 曰 cầu viện nước Tiêm-la để đánh Nặc-ông-Non 匿翁 讎.

Nặc-ông-Non bỏ chạy sang cầu cứu ở dinh Thái-khang nay là Khánh-hòa). Chúa Hiền ben sai quan Cao-cơ đạo Nha-trang là Nguyễn dương-Lam 阮 揚 林 cùng với ông Nguyễn đình-Phái 阮 廷 派 làm tham-mưu đem binh chia ra làm hai đạo sang đánh Nặc-ông-Đại, phá được đồn Sai-côn 柴 崙, rồi tiến quân lên vây thành Nam-vang. Nặc-ông-Đại phải bỏ thành chạy vào chết ở trong rừng, Nặc-ông-Lưu 匿翁 流 逃 出 境 ra hàng. Nặc-ông-Thu là chính đồng con trưởng cho nên lại lập làm chúa quốc vương đóng ở Long-uc, để Nặc-ông-Non làm đệ nhị quốc vương, đóng ở Sai-côn, bắt hằng năm phải triều cống.

Năm kỷ-vi (1679) có quan nhà Minh là tổng-binh Trần-thu đất Long-moa (Quảng-tây) Dương Ngạn-Địch 楊 彥 迪, phó-tướng Hoàng-Tiến 黃 進, tổng-binh châu Cao, châu Lôi, và châu Liêm (thuộc Quảng-tây) là Trần Thượng-Nuyên 陳 上 川, phó-tướng Trần An-Bình 陳 安 平, không chịu làm tôi nhà Thanh, đem 3.000 quân cùng 50 chiếc thuyền sang xin ở làm dân An-nam, chừa niên nhân muốn khai khẩn đất hân-lạp, bèn cho vào ở đất Đông-phổ 東 浦 (tức là đất Gia-dinh). Bọn Ngạn-Địch chia nhau ở đất Lộc-dã (tức là đất Đồng-nai thuộc Biên-hóa), ở Mỹ-tho (thuộc Đinh-lương), ở Ban-lân (thuộc Biên-hóa) rồi cấy ruộng làm nhà lập ra phường phố, có người phương tây, người Nhật-bản, người Chà-và đến buôn bán đông lắm.

Năm mậu-thìn (1688) những người khách ở Mỹ-tho làm loạn, Hoàng-Tiến giết Dương-ngạn-Địch đi, rồi đem chung đồng đồn ở Nan-kê, làm tàu đục súng để chống nhau với người Chân-lạp. Vua Chân-lạp là Nặc-ông-Thu cũng đảo hạo đập lũy để làm kế cố thủ và bỏ không chịu thần phục chúa Nguyễn nữa.

Bấy giờ chúa Nguyễn là ông Nguyễn-phúc-Trần 阮 福 濟 sai quan đem quân sang đánh dẹp, dùng mưu giết được Hoàng-Tiến và bắt vua Chân-lạp phải theo lệ triều cống.

Năm mậu-dần (1698) chúa Nguyễn là ông Nguyễn-phúc-Chu 阮福錫 sai ông Nguyễn-hữu-Kinh 阮有鏡 làm kinh lược đất Chân-lạp, chia đất Đông-phố ra làm dinh, làm huyện, lấy xứ Đông-nai làm huyện Phúc-long và xứ Sài-côn làm huyện Tân-bình. Đặt Trấn-biên-dinh 鎮邊營 (tức là Biên-hòa) và Phiên-trần-dinh 蕃鎮營 (tức là Gia-dinh) sai quan vào cai-trị. Lại chiêu mộ những kẻ lưu-dân từ Quảng-binh tồ vào để lập ra thôn xã và khai khẩn ruộng đất. Còn những người lâu ở đất Trấn-biên (Biên-hòa) thì lập làm xã Thanh-hồ 淸湖, những người ở đất Phiên-trần (Gia-dinh) thì lập làm xã Minh-hương 明鄉. Những người ấy đều thuộc về sổ bộ nước ta.

Bấy giờ lại có người khách Quảng-dông tên là Mạc-Cửu 莫玖 trong khi ghé Thanh-chợp ngồi nhà Minh bên Tàu, bỏ sang ở Chân-lạp, thấy ở phủ Sài-mại 柴末 có nhiều người các nước đến buôn bán, bèn mở sông đánh bạc, rồi lấy tiền chiêu mộ những lưu-dân lập ra 7 xã, gọi là Hà-tiên. Năm mậu-tí (1708) Mạc-Cửu xin thuộc về chúa Nguyễn, chúa phong cho làm chức tổng-biên, giữ đất Hà-tiên.

Đến khi Mạc-Cửu mất, chúa Nguyễn lại phong cho con Mạc-Cửu là Mạc-thiên-Tử 莫天賜 làm chức đô-đốc trấn ở Hà-tiên. Mạc-thiên-Tử đắp thành, xây lũy, mở chợ, làm đường và rước thầy về dạy như học để khai hóa đất Hà-tiên.

Thời bấy giờ đất Chân-lạp cứ loạn lặc luôn. Năm kỷ-mão (1699) vua nước ấy là Nặc-ông-Thu 匿翁蘇 đem quân chống với quốc chúa Nguyễn, chúa sai quan tổng-sứat Nguyễn-hữu-Kinh sang đánh. Quân ta sang đến thành Nam-vang 南望, Nặc-ông-Thu bỏ chạy, con Nặc-ông-Non là Nặc-ông-Yêm 匿翁淹 mở cửa thành ra hàng. Sau Nặc-ông-Thu cũng về hàng, xin theo lệ triều cống như cũ. Quân ta rút về.

Được ít lâu vua thế hai là Nặc-ông-Non mất, vua thế nhất là Nặc-ông-Thu phong cho con Nặc-ông-Non là Nặc-ông-Yêm làm quan và lại gả con gái cho. Sau Nặc-ông-Thu già yếu truyền ngôi cho con là Nặc-ông-Thâm 匿翁深.

Năm Ất-dậu (1705) Nặc-ông-Thâm nghĩ cho Nặc-ông-Yêm có ý làm phản, bèn khởi binh đánh nhau. Nặc-ông-Thâm lại đem quân Tiêm-la về giúp mình. Nặc-ông-Yêm phải chạy sang cầu cứu ở Gia-dinh.

Chúa Nguyễn sai quan cai-cơ là Nguyễn-cửu-Vân 阮久雲 sang đánh Nặc-ông-Thâm. Nguyễn-cửu-Vân sang phá được quân Tiêm-la, đem Nặc-ông-Yêm về thành La-bích 羅壁. Từ đó Nặc-ông-Thâm ở Tiêm-la cử binh thường đem quân về đánh Nặc-ông-Yêm.

Năm giáp-ngọ (1714) quân của Nặc-ông-Thâm về lấy thành La-bích và vây đánh Nặc-ông-Yêm nguy cấp lắm. Nặc-ông-Yêm sai người sang Gia-dinh cầu cứu. Quan đô-đốc Phiên-trấn (Gia-dinh) là Trác-thượng-Kuyên 曠上川 và quan phó-tướng Trấn-biên (Biển-hòa) là Nguyễn-cửu-Phu 阮久富 phát binh sang đánh, vây Nặc-ông-Thạ và Nặc-ông-Thâm ở trong thành La-bích. Nặc-ông-Thạ và Nặc-ông-Thâm sợ hãi, bỏ thành chạy sang Tiêm-la. Bọn ông Trác-thượng-Kuyên lập Nặc-Yêm lên làm vua Chân-lạp.

Năm tân-hợi (1729) quân Chân-lạp sang quấy nhiễu ở hạt Gia-dinh. Chúa Nguyễn bèn đặt sở điều-khiển 調遣 để đồng nhiếp việc binh ở mạn ấy.

Năm đinh-thìn (1736) Nặc-ông-Yêm mất, con là Nặc-ông-Thạ 曠蟻他 lên làm vua. Đến năm mậu-thìn (1748) Nặc-Thâm lại ở bên Tiêm-la về cử binh đánh đuổi Nặc-ông-Thạ đi, rồi chiếm lấy ngôi làm vua. Nặc-ông-Thạ phải bỏ chạy sang Gia-dinh.

Được ít lâu Nặc-ông-Thâm mất, con là Nặc-Đôn 曠敦, Nặc-Hiên 曠軒 và Nặc-Yêm 曠嚴 tranh nhau. Chúa Nguyễn bèn sai quan Điều-khiển là ông Nguyễn-hữu-Doãn 阮有允 đem quân sang đánh bọn Nặc-Đôn, và đem Nặc-ông-Thạ về nước.

Nặc-ông-Thạ về được mấy tháng lại bị người con thứ hai của Nặc-ông-Thâm là Nặc-Nguyên 曠原 đem quân Tiêm-la sang đánh đuổi đi. Nặc-ông-Thạ chạy sang chết ở Gia-dinh.

Nặc-Nguyên về làm vua Chân-lạp thường hay nhà hiệp rợ Cộn-man 昆曼¹ và lại thông sứ với chúa Trịnh ở ngoài Bắc đề lập mưu đánh chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn biết tình y ấy, đến năm qui-dậu (1753) sai bọn ông Nguyễn-cư-Trinh 阮居貞 sang đánh Nặc-Nguyên. Năm ất-hợi (1755) Nặc-Nguyên thua bỏ thành Nam-vang chạy sang Hà-tiên nhờ Mạc thiên Tứ.

Nam sau Mạc thiên Tứ dâng thư về nói rằng Nặc-Nguyên xin dâng hai phủ Tâm-bôn 尋奔 và Lôi-lạp 雷嶺 để chuộc tội và xin cho về nước. Chúa Nguyễn không muốn cho Bay gio ông Nguyễn-cư-Trinh dâng sớ bày tỏ cách khai thác nên dung kế « tâm thực » nghĩa là nên lấy dần dần như con tim ăn lá thì mới chắc chắn được. Chúa Nguyễn nghe lời ấy bèn nhận hai phủ và cho Nặc-Nguyên về Chân-lạp.

Năm丁酉 (1759) Nặc-Nguyên mất, chú họ là Nặc-Nhuận 阮潤 làm giam-quốc. Nặc-Nhuận còn đang lo đề xin chúa Nguyễn phong cho làm vua thì bị người con rể là Nặc-Hình 阮馨 giết đi, rồi cướp lấy ngôi làm vua.

Quan tổng-suất là Trương phúc Du 張福猷 thừa thế sang đánh, Nặc-Hình thua chạy bị thuộc hạ giết chết. Bấy giờ con Nặc-Nhuận là Nặc-Tôn 阮尊 chạy sang nhờ Mạc-thiên-Tứ ở Hà-tiên. Mạc-thiên-Tứ dâng thư về xin lập Nặc-Tôn làm vua Chân-lạp. Chúa Nguyễn thuận cho, sai Mạc-thiên-Tứ đem Nặc-Tôn về nước.

Nặc-Tôn dâng đất Tâm-phong-long để tạ ơn chúa Nguyễn. Chua bèn sai ông Trương-phúc-Du và Nguyễn-cư-Trinh đem dinh Long-hồ về xứ Tâm-bào, tức là chỗ tỉnh-ly tỉnh Vĩnh-long bây giờ, và lại đặt ra ba đạo là Đông-khâu-đạo ở Sa-đéc, Tân-châu-đạo ở Tiên-giang và Châu-đốc-đạo ở Hậu-giang.

Nặc-Tôn lại dâng 5 phủ là Hương-úc, Cần-bột, Trục-sâm, Sài-mạt và Linh-quỳnh để tạ ơn Mạc-thiên-Tứ. Mạc-thiên-Tứ đem những đất ấy dâng chúa Nguyễn, chúa cho thuộc về trấn Hà-tiên cai quản.

(1) Cộn-man là chỗ những người Chiêm-tuần sang tụ họp ở tại xứ Chân-lạp

Vậy đất 6 tỉnh Nam kỳ bây giờ là đất lấy của nước Chân-lạp.

8. Việc giao thiệp với nước Tiêm-la. — Tiêm-la là một nước ở về phía tây nam sông Mékong giông đối người Thái sang ở đây.

Cứ theo sử ta và sử Tàu thì thoạt đầu tiên gọi là nước Phù-nam 扶南. Đến quang nhà Tùy nhà Đường bên Tàu là vào quang thế-kỷ thứ 6; thứ 7 thì đất Phù nam chia ra làm hai: một nửa về phía đông có một dân-tộc khác đến lập ra nước Chân-lạp 真臘 còn một nửa về phía tây thì người Phù-nam ở, gọi là nước Xích-thổ 赤土.

Vào quang nhà Tống, nhà Kim (thế-kỷ thứ 11 thứ 12) thì nước Xích-thổ lại chia ra làm hai: một nước gọi là La-dấu 羅斛, một nước gọi là Tiêm 暹. Lúc nhà Nguyên làm vua bên Tàu (thế-kỷ thứ 13, thứ 14) thì sử có chép hai nước ấy sang cống.

Về sau nước La dẫu gồm được cả nước Tiêm, mới gọi là nước Tiêm la dẫu 暹羅斛. Đến đầu nhà Minh (cuối thế-kỷ thứ 14) vua nước ấy sang cầu phong bên Tàu, vua Thái-tổ nhà Minh mới phong là nước Tiêm-la 暹羅.

Nước Tiêm là lúc đầu còn nhỏ yếu thường bị người Chân-lạp áp chế. Sau cường thịnh dần dần lên, rồi vào khoảng năm Vạn-lich (1573-1620) nhà Minh, nước Tiêm-la lại đánh Chân-lạp mà hùng bá cả phương ấy.

Trong thời ấy vua Tiêm-la là Phra Naroi đồng dôi nhà Ayouthia dùng một người Hi-lạp tên là Constantin Phaulcon làm tướng. Người ấy xin vua giao-thiệp với nước Pháp. Bởi vậy năm 1620 mới có bọn sứ-thần Tiêm-la sang bài yết Pháp-hoàng Louis XIV ở tại Versailles.

§ Thuở bấy giờ chúa Nguyễn còn đang khai sáng ở đất Phú yên, Khánh-hóa. Nhưng về sau chúa Nguyễn lấy hết đất Chiêm-thành lại lấn sang đất Chân-lạp. Người Tiêm-la có ý muốn ngầu trở để giữ lấy đất Chân-lạp làm của mình. Nhưng vì thế chúa Nguyễn mạnh hơn, cho nên phải chịu dè chúa Nguyễn sang bảo hộ Chân-lạp.

Tuy vậy nước Tiêm-la thường hay dùng những người phản đối với vua Chân-lạp, rồi giúp binh lực cho về làm loạn trong nước. Nhiều khi quân ta phải sang đánh đuổi quân Tiêm-la để giúp quốc-vương Chân-lạp. Cũng có khi quân Tiêm-la sang đánh ở đất Hà-tiên, như năm ất-vi (1715) người Chân-lạp là Nặc-Thâm đem quân Tiêm-la sang cướp phá, quan tổng-binh Hà-tiên là Mac-Cửn phải bỏ thành mà chạy.

Quân ta và quân Tiêm-la đã giao chiến nhiều lần, cho nên hai bên không thông sứ với nhau. Mãi đến năm canh-ngo (1750) đời chúa Nguyễn là Võ-vương Nguyễn-phúc-Khoát thì mới thấy sứ chép rằng chúa sai quan đem thư sang trách nước Tiêm-la dùng túng kế nghịch thần để làm loạn nước Chân-lạp.

Năm ất-hợi (1755) nước Tiêm-la sai sứ sang xin dưng đánh thuê những thuyền của nước ấy sang buôn bán ở đất chúa Nguyễn. Chúa đáp thư lại rằng thuế ấy là quốc-lệ đã đặt ra không thể bỏ đi được.

Năm đinh-hợi (1767) quân nước Diên-diện 緬甸 sang đánh Tiêm-la bắt được vua nước ấy là Phong-vương 瘋王¹ và con là Chiêu-Độc 昭毒 cùng mấy vạn người dân đem về Diên-diện. Còn những người con của Phong-vương là Chiêu-Xi-Không 昭修 昭修 chạy sang Chân-lạp và Chiêu-Thủy 昭翠 thì chạy sang Hà-tiên.

Bây giờ nước Tiêm-la không có vua, chức Phi-nhã (Phya) đất Mang-tát là Trịnh Quốc-Anh 鄭國英 bên khởi binh tự lập làm vua. Trịnh Quốc-Anh là người Triều-châu, tỉnh Quảng-dòng, cha tên là Yển 僣 sang ở đất Tiêm-la làm trưởng ở Mang-tát. Yển chết, Trịnh Quốc-Anh lên nối nghiệp xưng là Phi-nhã, là một chức xã-trưởng vậy.

Trịnh-Quốc-Anh lên làm vua rồi sai sứ sang bắt vua Chân-lạp là Nặc-Tôn phải sang cống. Nặc-Tôn lấy lẽ rằng

(1) Vua nước Tiêm-la bây giờ có bệnh bại, cho nên sứ gọi là Phong-vương.

Trịnh-quốc-Anh không phải là giống đời người Tiêm-la, không chịu cống.

Vua Tiêm-la lấy điều ấy làm hiềm, sai tướng là Bôn-Ma đem người Chân-lạp tên là Nặc Non về đánh Nặc-Tôn. Nặc-Tôn giữ vững các nơi, quân Tiêm-la không làm gì được lại phải rút về.

Trịnh-quốc-Anh biết con vua cũ là Chiêu-Thúy còn ở Hà-tiên, sợ ngày sau sinh ra biến loạn, bèn đến tháng 10 năm tân mao (1771) đem binh thuyền sang vây đánh Hà-tiên. Quan tổng-binh là Mạc-thiên-Tứ giữ không nổi phải bỏ thành chạy về Châu-đốc.

Vua Tiêm-la đề tướng là Trần-Liên 陳聯 ở lại giữ Hà-tiên rồi tiến quân sang đánh Chân-lạp. Quốc-vương là Nặc-Tôn phải bỏ chạy. Vua Tiêm-la đóng quân ở thành Nam-vang và lập Nặc-Non lên làm vua Chân-lạp.

Tháng 8 năm sau (1772) chúa Nguyễn sai quan tổng-suất là Nguyễn-cửu-Đàm 阮久潭 lĩnh chức Điều-khiển đem binh thuyền đi đánh quân Tiêm-la. Quân của Nguyễn-cửu-Đàm tiến sang đến Nam-vang, quân Tiêm-la bỏ chạy về Hà-tiên, Nặc-Non cũng chạy về Cầu-Bột.

Nặc-Tôn lại về làm vua Chân-lạp.

Vua Tiêm-la về đến Hà-tiên sai người đưa thư sang gọi Mạc-thiên-Tứ về để giảng hòa. Mạc-thiên-Tứ không chịu. Vua Tiêm-la bèn đề Trần-Liên ở lại giữ Hà-tiên, rồi bắt con gái Mạc-thiên-Tứ và Chiêu-Thúy đem về nước.

Năm sau Mạc-thiên-Tứ thấy việc không xong, bèn sai người sang Tiêm-la xin hòa. Vua Tiêm-la gọi Trần-Liên về và cho người con gái của Mạc-thiên-Tứ về Hà-tiên. Còn Chiêu-Thúy thì đem giết đi.

Từ đó Mạc-thiên-Tứ lại về giữ đất Hà-tiên.

9. Lập dinh định phủ. — Lúc đầu, ông Nguyễn-Hoàng mới vào trấn đất Thuận-hóa thì đóng dinh ở làng Ái-tử 愛子 (thuộc huyện Đăng-xương, gần tỉnh-lý tỉnh Quảng-trị). Được 13 năm sau (1570), ông Nguyễn-Hoàng lại dời vào làng

Trà bát ở huyện ấy, tức là Cát-dinh 葛營. Đến năm binh-dân (626) chúa Sãi là ông Nguyễn-phúc Nguyên sắp sửa chống nhau với chúa Trịnh, mới dời dinh vào làng Phúc-an 福安 (thuộc huyện Quảng điền, tỉnh Thừa-thiên bây giờ) và dời chỗ tư sở là phủ.

Năm binh-tí (1636) chúa Thượng là ông Nguyễn phúc Lan lại dời phủ vào làng Kim-long 金龍, (thuộc huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên).

Năm đinh-mão (1687) chúa Nghĩa là ông Nguyễn-phúc Trăn đem phủ về làng Phú-xuân 富春, tức là đất Kinh-thành bây giờ, gọi là chính dinh. Chỗ phủ cũ để làm Thái-tôn-miếu, thờ chúa Hiền.

Năm giáp-tí (1744) Vũ-vương mới xưng vương hiệu dời phủ ra làm điện, sửa sang phép tắc, và định triều phục. Lại chia nước ra làm 12 dinh.

1. Chính-dinh 正營 (Phú xuân)
 2. Cựu-dinh 舊營 (Ái-tử)
 3. Quảng-bình-dinh 廣平營
 4. Vũ-xá-dinh 武舍營
 5. Bô-chính-dinh 布政營
 6. Quảng nam-dinh 廣南營
 7. Phú-yên-dinh 富安營
 8. Bình-khang-dinh 平康營
 9. Bình-thuận-dinh 平順營
 10. Trấn-biên-dinh 鎮邊營
 11. Phiên-trấn-dinh 藩鎮營
 12. Long-hồ-dinh 龍湖營.
- } đất Chiêm-thành
- } đất Chân Lạp

Dinh nào cũng đặt quan Trấn-thủ, quan Cai bạ, quan Ký-lục để coi việc cai-trị. Còn phủ Quảng-nghĩa và phủ Qui-nhơn thì thuộc về tỉnh Quảng-nam, cho nên mỗi phủ đặt riêng quan Tuần-phủ và quan Khâm-lý để coi mọi việc. Đất Hà-tiên thì đặt là trấn, có quan đô-đốc cai-trị.

Tóm lại mà xét, họ Nguyễn làm chúa xứ Nam, nhưng trước thì vẫn giữ chức vua Lê phong cho, mãi đến đầu thế-

kỷ thứ 18, năm nhâm-ngọ (1702) ông Nguyễn-phúc-Chu mới sai người sang cống vua nhà Thanh đề xin phong làm vua, nhưng Thanh-triều nói rằng nước Nam còn có họ Lê không phong được cho họ Nguyễn. Việc ấy lại im đi. Ông Nguyễn-phúc-Chu bèn xưng là quốc-chúa và đúc cái ấn *Đại-việt-quốc Nguyễn chúa vĩnh trấn chi bảo* 大越國阮主永鎮之寶 đề làm cái truyền quốc bảo, đến đời vua Thế-tổ mới thôi. Đến năm giáp-ti (1744) ông Nguyễn-phúc-Khoát mới xưng vương-hiệu và đổi lại chế-độ, định ra triều nghi.

Bấy giờ nước tuy độc lập, nhưng vẫn không đặt quốc-hiệu. Những người ngoại quốc thường gọi đất chúa Nguyễn là Quảng-nam-quốc 廣南國. Đây là vì ở Quảng-nam có phố Hội-an (Faifo) là chỗ người Tàu và người các nước ra vào buôn bán, cho nên mới lấy tên Quảng-nam mà gọi nước.

Còn những công việc họ Nguyễn làm ở phía nam quan-trọng cho nước Nam ta hơn cả, là việc mở mang bờ cõi, khiến cho nước lớn lên, người nhiều ra, và nhất là chiêu mộ những người nghèo khổ trong nước đưa đi khai hóa những đất phi nhiều bỏ hoang, làm thành ra một xứ Nam-kỳ bây giờ phần phũ hơn cả mọi nơi, ấy là cái công họ Nguyễn với nước Nam thật là to lắm vậy.

CHƯƠNG VII

NGƯỜI ÂU-CHÂU SANG NƯỚC AN-NAM

1. Sự đi tìm đất : Người Âu-châu sang Á-đông — Người Âu-châu sang đất An-nam. — 2. Sự đi truyền giáo : Đạo Thiên-chúa — Đạo Thiên-chúa sang nước An-nam.

Nguyên người Âu-la-ba đi du-lịch thiên-hạ là vì có hai cơ : một là đi tìm đất để mà buôn bán, hai là để truyền bá tôn-giáo Thiên-chúa ở các nước.

1. Sự đi tìm đất. — 1. Người Âu-châu sang Á-đông. — Từ đời La-mã, đã có sách chép người Âu-châu sang đến nước Tàu, nhưng không rõ cách giao-thiệp ra làm sao; đến thập-tam thế-kỷ mới có ông Marco Polo, người nước I-ta-li sang ở triều nhà Nguyên 元 về đời vua Thế-tổ Hốt-tất-Liệt; hằng 17 năm, rồi sau đi qua Ấn-độ-dương về nước, làm ra quyển sách : « Thế-giới kỳ-quan (Les merveilles du monde), kể những chuyện ông ấy đã biết.

Về sau vào đời thập-ngũ thế-kỷ ông Kha-luân-bố (Christophe Colomb) dùng địa-bàn chỉ nam (boussole) định đi qua Đại-tây-dương sang Ấn-độ, rồi tìm thấy châu A-mỹ-li gia (Amérique); đến năm 1497, người Bồ-đào-nha (Portugal) tên là Vasco de Gama đi vòng qua Hảo-vọng-giác (Cap Bonne Espérance) sang Ấn-độ-dương vào đất Ấn-độ. Năm 1521 lại có người Bồ-đào-nha tên là Magellan đi qua Ấn-độ-dương sang Thái-bình-dương vào đất Phi-luật-tân (Philippines).

Từ đó về sau người Bồ-đào-nha (Portugal), người Tây-ban-nha (Espagne) và người Hòa-lan (Hollande) mới sang Á-đông lấy đất thuộc-địa và mở cửa hàng buôn bán như sau này :

Năm qui-hợi (1563) về đời Gia-tĩnh nhà Minh, người Bồ-đào-nha đến ở đất Áo-môn (Ma-cao) nước Tàu.

Năm mậu-thìn (1568) người Tây-ban-nha sang lấy đất Phi-luật-tân làm thuộc-địa.

Năm bính-thân (1596) người Hòa-lan sang lấy đất Trà-và (Java) làm thuộc-địa. Về sau dần dần người Bồ-đào-nha, người Pháp-lan-tây (France) và người Anh-cát-li (Angleterre) đến ở đất Ấn-độ.

2. Người Âu-châu sang đất An-nam. — Người Âu-châu sang buôn bán ở nước ta, thì có người Bồ-đào-nha đến ở xứ Nam trước hết cả, mở cửa hàng ở phố Hội-an (tức là Faifo) thuộc đất Quảng-nam. Ở đấy lại có người Tàu, người Nhật-bản và người Hòa-lan đến buôn bán nhiều lắm. Sách của ông Maybon và Russier có chép rằng năm giáp-dần (1614) đời chúa Sãi đã có người Bồ-đào-nha tên là Jean de la Croix đến lập lò đúc súng ở đất Thuận-hóa, mà bây giờ ở Huế người ta còn gọi chỗ ấy là Phường-đúc.

Ở xứ Bắc thì trước đã có tàu của người Bồ-đào-nha ra vào buôn bán, nhưng mãi đến năm định-sửu (1637) đời vua Thần-tôn nhà Lê, Thanh-đô-vương Trịnh-tráng mới cho người Hòa-lan đến mở cửa hàng ở Phố-hiến (gần chỗ tỉnh-lỵ Hưng-yên bây giờ). Về sau ở đấy có người Nhật-bản, người Tàu, người Tiêm-la đến buôn bán kể có 2.000 nóc nhà, làm thành ra một chỗ vui vẻ lắm, cho nên tục ngữ bấy giờ có câu rằng: *Thứ nhất Kinh-kỳ, thứ nhì Phố-hiến.*

Lúc bấy giờ người Bồ-đào-nha sang buôn bán ở xứ Nam nhiều hơn, mà ở xứ Bắc thì có người Hòa-lan nhiều hơn, nhưng thuở ấy người hai nước ấy hay tranh cạnh với nhau, bởi thế chúa Trịnh và chúa Nguyễn đều có ý muốn nhân cơ- hội ấy mà nhờ họ giúp mình. Song vì lợi buôn bán cho nên họ không chịu ra mặt giúp hẳn, thành ra lâu ngày các chúa cũng chán và lại lơi-thôi về việc tôn-giáo, cho nên đến năm canh-thìn (1700) đời vua Lê Hi-tôn, người Hòa-lan thôi không vào buôn bán ở xứ Bắc nữa.

Đời bấy giờ người Anh-cát-li và người Pháp-lan-tây cũng vào buôn bán ở nước ta. Năm nhâm-tí (1672) đời vua Lê Hi-tôn, người Anh-cát-li đem chiếc tàu *Zant* vào xin mở cửa hàng buôn bán, chúa Triêu cho dựng ở Phố-hiến chợ

vì sau sự buôn bán không được thịnh lợi người Anh-cát-li chỉ ở đến năm đình-sửu (1697) thì thôi.

Còn người Pháp-lan-tây thì từ năm canh-thân (1680) đã có tàu vào xin mở cửa hàng ở Phố-hiến ; đến năm nhâm-tuất (1682) lại có chiếc tàu *Saint-Joseph* ở Tiêm-la sang đem phẩm vật dâng chúa Trịnh.

Ở xứ Nam thì năm bình-dân (1686) có người Pháp tên là Verret được phép mở cửa hàng ở cù-lao Côn-lôn. Đến năm kỷ-tị (1749) lại có một người Pháp tên là P. Poivre đi chiếc tàu *Machault* vào cửa Hội-an xin vào yết kiến chúa Nguyễn và dâng tờ quốc-thư cùng phẩm vật để tỏ tình giao-hiệp của hai nước. Chúa Nguyễn cũng phục thư lại, thuận cho người Pháp vào thông thương. Nhưng chẳng được bao lâu thì công-ti của Pháp ở Ấn-độ bãi đi, cho nên sự thông thương với người Pháp cũng bãi.

2. Sự di truyền giáo. — Đạo Thiên-chúa. — Nguyên khi xưa toàn xứ Âu-la-ba không có nhất định một tôn-giáo nào cả. Mỗi dân-tộc thờ một vài vị thần riêng của mình. Thường hay lấy cái lực hoạt-động của tạo-hóa mà tưởng-tượng ra các vị thần, rồi làm đền, làm đài, để thờ cúng. Như dân-tộc Hi-lạp (Grec) và dân-tộc La-mã (Romain) thờ thần Giu-bi-te (Jupiter), thần A-bô-lông (Apollon) và các vị thần khác vậy. Duy có dân-tộc Do-thái (Juifs) ở đất Tiều Á-tế-á, nay là đất Palestine thuộc quyền Bảo-hộ nước Anh, chỉ thờ một vị thần gọi là Jéhovah, ở thành Gia-lô-tân-linh (Jerusalem). Dân ấy tin rằng thần Jéhovah sinh hóa vạn vật và người, cho nên người chỉ phải thờ một vị thần ấy mà thôi. Đến đời dân La-mã đã kiêm-tính được cả đất Tiều Á-tế-á, đất bắc A-phi-li-gia và đất tây-nam Âu-la-ba, thì dân Do-thái cũng nội-thuộc về La-mã, mà đạo Do-thái bấy giờ cũng đã suy lảm rồi. Lúc ấy đức Gia-tô ra đời, nhân đạo Do-thái mà lập ra đạo mới¹, dạy người lấy sự yêu mến và tôn-kính

(1) Đạo của ông Gia-tô lập ra cho nên ta thường gọi là đạo Gia-tô; lại vì đạo ấy chỉ thờ Thiên-chúa mà thôi, cho nên lại gọi là đạo Thiên-chúa. Có nơi gọi là đạo Cơ-đốc bởi chữ Christ mà ra. Tuy gọi khác nhau, nhưng vẫn là một đạo cả.

Thiên-chúa làm gốc, lấy bụng từ-bi nhân thứ, coi người như anh em ruột thịt, làm cốt. Từ đó về sau các môn-đồ đem đạo ấy đi truyền bá các nơi. Ông Saint Pierre thì sang lập giáo-đường ở tại Kinh thành La-mã, ông Saint Paul thì đi truyền đạo ở các xứ trong nước.

Lúc đầu đạo Thiên-chúa bị nhiều phen vua La-mã nghiêm cấm, dùng cực hình mà giết hại các giáo sĩ và những người theo đạo mới, nhưng dầu nguy nan thế nào mặc lòng, các môn-đồ cứ một niềm đi truyền đạo khắp bốn phương. Mãi đến đầu đệ tứ thế-kỷ (313) vua La-mã là Constatin mới cho giảng đạo Thiên-chúa ở mọi nơi trong nước. Từ bấy giờ trở đi đạo Thiên-chúa một ngày một thịnh, lập Giáo-hoàng để thống nhất việc giáo, đặt Giám-mục để coi việc giáo ở các nơi, lại sai giáo-sĩ đi truyền đạo khắp trong thiên-hạ: hễ ở đâu có người là có giáo-sĩ đến dạy đạo. Bởi vậy cho nên chẳng bao lâu mà toàn Âu đều theo đạo Thiên-chúa cả.

Ở bên Á-đông ta thu từ đời nhà Đường 唐 (618-907) sử chép có Cảnh-giáo 景教¹ tức là một phái Gia-tô-giáo đã sang Tàu, nhưng vì bấy giờ đạo Phật đang thịnh, cho nên đạo Cảnh-giáo mất dần đi. Mãi đến đời nhà Nguyên, nhà Minh mới thật có giáo-sĩ sang giảng đạo Gia-tô ở nước Tàu.

Đạo Thiên-chúa sang nước Nam. — Ở nước Nam ta mà từ khi đã có người Âu-la-đá sang buôn bán thì tất là có giáo-sĩ sang dạy đạo. Cứ theo sách Khâm-định Việt sử, thì từ năm Nguyên-hòa nguyên-niên 元和元年, đời vua Trang tôn nhà Lê (1533) có người Tây tên là I-né-khu đi đường bể vào giảng đạo Thiên-chúa ở làng Ninh-cường, làng Quần anh, thuộc huyện Nam-chân (tức là Nam-trực) và ở làng Trà tử, thuộc huyện Giao thủy.

(1) Cảnh-giáo là một phái đạo Gia-tô của người chủ-giáo tên là Nestorius lập ra từ đệ ngũ thế-kỷ ở Đông-La-mã, rồi truyền bá sang nước Ba-lư (Perse) và nước Tàu.

Sách Nam sử của Trương-vĩnh-Ký chép rằng năm binh-thần (1596) đời ông Nguyễn-Hoàng có người giáo-sĩ Tây-ban-nha tên là Diego Adverte vào giảng đạo ở đất xứ Nam trước hết cả. Nhưng lúc bấy giờ lại có mấy chiếc tàu Tây-ban-nha cùng đến, chúa Nguyễn sợ có ý quấy nhiễu gì chăng, bèn đuổi đi.

Pến năm ất-mão (1615) đời chúa Sãi, giáo-sĩ là P. Busomi lại đến giảng đạo rồi đến năm giáp-ti (1624) có giáo-sĩ tên là Jean Rhodes, người Pháp-lan tây, đến giảng đạo ở Phú-xuân và lập ra các giáo-đường. Năm binh-dần (1626) đời vua Lê Thần-tôn, giáo-sĩ là Baldinoti vào giảng đạo ở xứ Bắc, bị chúa Trịnh không cho, phải bỏ đi. Được ít lâu ông Jean Rhodes ở xứ Nam ra Bắc vào yết kiến chúa Trịnh và đem dâng cái đồng-hồ quả lắc, chúa Trịnh cho ông Jean Rhodes được ở giảng đạo tại Kinh-đô.

Từ đó về sau các giáo-sĩ cứ dần dần vào nước dạy đạo, mà người mình càng ngày càng theo đạo cũng nhiều. Nhưng vì nước ta từ xưa đến nay vẫn theo nho-giáo, lấy sự thờ cúng ông cha làm trọng, lấy sự tế tự thần thánh làm phải, mà lệ nước thì lấy sự cúng tế làm một việc rất quan trọng. Đột nhiên thấy những người mình theo đạo Thiên-chúa, bỏ cả các thói cũ, chỉ chuyên về một mặt theo tạo mới, bởi vậy cho nên trong Nam ngoài Bắc, vua chúa tên cho đạo ấy là một tả-đạo, làm hủy hoại cả cái phong hóa của nước nhà xưa nay, bèn xuống chỉ cấm không cho người trong nước theo đạo mới nữa, và đặt ra phép nghiêm để bắt tội những kẻ không tuân theo chỉ dụ ấy.

Cứ theo trong sử thì năm tân-tị (1631) ở trong Nam chúa Thượng là Nguyễn-phúc-Lan cấm không cho người Tây vào giảng đạo ở trong nước.

Năm qui-mão (1663) ở ngoài Bắc chúa Trịnh là Trịnh-Tạc bắt đuổi các giáo-sĩ và cấm không cho người An-nam theo đạo Gia-tô

Năm giáp-thìn (1664) chúa Hiền ở xứ Nam bắt giết những người đi giảng đạo ở Đà-nẵng.

Năm binh-tí (1696) đời vua Lê Hi-tôn, ông Trịnh-Căn bắt đốt phá hết cả những sách đạo và nhà đạo ở các nơi và đuổi những người giảng đạo ra ngoài nước.

Năm nhâm-thìn (1712) đời vua Lê Du-tôn, Trịnh-Cương bắt những người theo đạo Gia-tô phải cạo trán và khắc vào mặt bốn chữ « học Hoa-lan-đạo »¹.

Năm giáp-tuất (1754) đời Cảnh-Hưng, Trịnh-Doanh lại nghiêm cấm một cách rất ngặt, không cho người ta đi theo đạo, và lại giết cả các đạo-trưởng và đạo-đồ

Từ đó về sau việc cấm đạo một ngày một nghiêm, mà người đi giảng đạo cũng không lấy luật nước làm sợ, cứ cố sức dụ cho được nhiều người theo đạo. Rồi dần dần người trong nước phân ra bên lương bên giáo, ghen ghét nhau hơn người cừ địch. Vua quan thì thấy dùng phép thường không cấm được, mới dùng đến cực hình để mà trừng trị, giết hại bao nhiêu người vô tội.

Tóm lại mà xét, thì giả sử người ngoại quốc vào nước ta mà chỉ có việc buôn bán mà thôi, thì chắc rằng nước ta xưa nay vốn là một nước văn-hiến, vua quan ta cũng không có lẽ gì mà ngăn cấm; nhưng bởi vì khi đã quan-hệ đến việc sùng-tin, thì dù hay dù dở thế nào mặc lòng, người ta ai cũng cho sự sùng-tin của mình là phải hơn, thành ra không ai khoan-dung cho ai, rồi cứ phải dùng thế lực để mà đè-nén nhau. Cũng vì thế cho nên về sau nước ta không chịu suy xét lẽ phải trái cho kỹ-càng, làm lắm sự tàn ác để-đến nỗi mất cả sự hòa hiếu với các nước ở Tây-dương, và gây nên cái mối biến loạn cho nước nhà vậy.

(1) Hoa-lan tức là Hòa-lan (Hollande). Người Hòa-lan sang buôn bán ở Bắc-kỳ trước hết cả cho nên mới gọi là đạo Hoa-lan. Và lúc bấy giờ người An-nam ta không phân biệt được những nước nào, hề thấy người Tây thì tưởng cứ gọi là Hòa-lan.

CHƯƠNG VIII

VẬN TRUNG SUY CỦA CHÚA NGUYỄN

1. Trương phúc-Loan chuyển quyền. — 2. Tây-sơn dấy binh. — 3. Quân họ Trịnh vào lấy Phú-xuân. — 4. Chúa Nguyễn vào Gia-định. — 5. Nguyễn-vương khởi binh đánh Tây-sơn — 6. Nguyễn-vương định cầu viện nước Pháp-lan-tây. — 7. Nguyễn-Huê phá quân Tiêm-la.

1. Trương-phúc-Loan chuyển quyền. — Từ ông Nguyễn-Hoàng trở đi, họ Nguyễn làm chúa ở xứ Nam : phía bắc chống nhau với họ Trịnh, phía nam đánh lấy đất Chiêm-thành và đất Chân-lạp, truyền đến đời Vũ-vương là Nguyễn-phúc-Khoát mới xưng vương hiệu. Vũ-vương định triều nghi, lập cung điện, ở đất Phú-xuân, và phong cho người con thứ 9 là Nguyễn-phúc-Hiệu 阮福昊 làm thế-tử.

Năm ất-dậu (1765) Vũ-vương mất. Bấy giờ thế-tử đã mất rồi, con thế-tử là Nguyễn-phúc-Dương 阮福陽 hãy còn nhỏ, mà người con trưởng của Vũ-vương cũng mất rồi. Tờ đi chiếu để lại định lập người con thứ hai lên nối nghiệp chúa¹. Nhưng khi ấy người quyền-thần là Trương-phúc-Loan 張福巒, ý muốn chuyển quyền làm bầy, bèn đổi tờ đi chiếu đi, mà lập người con thứ 16 của Vũ-vương, mới có 12 tuổi, lên làm chúa, gọi là Định-vương 定王.

Trương-phúc-Loan là người tham lam, làm nhiều điều tàn ác, trong nước ai ai cũng oán giận, bởi thế cho nên, ở phía nam thì có Tây-sơn 西山 dấy binh đánh phá tại đất Qui-nhon, mà ở mặt bắc thì có quân họ Trịnh vào lấy đất Phú-xuân, làm cho cơ-nghiệp họ Nguyễn xiêu đổ vậy.

2. Tây-sơn dấy binh. — Lúc bấy giờ ở huyện Phù-ly 符離 (nay đổi là Phù-cát) đất Qui-nhon, có người tên là Nguyễn-Nhạc 阮岳 khởi binh phản đối với chúa Nguyễn.

¹ (1) Tức là hoàng khảo vua Thế-tử, sau truy tôn là Hưng-tử Hiếu-khang Hoàng-đế 興獻孝康皇帝.

Nguyên ông tổ bốn đời của Nguyễn-Nhạc là họ Hồ cùng một tổ với Hồ Qui-Ly ngày trước, người ở huyện Hưng-nguyên, đất Nghệ-an, gặp lúc chúa Trịnh, chúa Nguyễn đánh nhau, bị bắt đem vào ở ấp Tây-sơn 西 山 邑¹ thuộc đất Qui-nhơn. Đến đời ông thân-sinh là Hồ Phi-Phúc 胡 丕 福 đời nhà sang ở ấp Kiên-thành 堅 城 邑, nay là làng Phú-lạc 富 樂, huyện Tuy-viên, sinh được 3 người con: trưởng là Nhạc 岳, thứ là Lữ 侶, thứ ba là Huệ 惠.

○ Bốn anh em ông Nhạc muốn khởi loạn, mới lấy họ mẹ là Nguyễn để khởi sự cho dễ thu phục nhân tâm, vì rằng đất xứ Nam vân là đất của chúa Nguyễn.

Nguyễn-Nhạc trước làm biện lại ở Vạn-dồn, cho nên sau người ta thường gọi là biện Nhạc. Nhưng vì tính hay đánh bạc tiêu mất cả tiền thuế, sợ phải tội, bỏ đi vào rừng làm giặc. Đến năm tân-mão (1771) mới lập đồn trại ở đất Tây-sơn chiêu nạp quân sĩ, người theo về càng ngày càng đông. Thường hay lấy của nhà giàu cho nhà nghèo, cho nên những kẻ nghèo khổ theo phục rất nhiều.

Thế ông Nguyễn-Nhạc mỗi ngày một mạnh, quân nhà chúa đánh không được. Và lại ông Nhạc là một người có can-đảm và lắm cơ-ri: một hôm định vào lấy thành Qui-nhơn, bèn lập mưu, ngồi vào trong cái cũi, cho người khiêng vào nộp quan Tuần-phủ ở đấy là Nguyễn Khắc-Tuyên 阮 克 宣. Nguyễn Khắc-Tuyên tưởng là thật, cho đưa vào trong thành. Đến nửa đêm ông Nhạc phá cũi ra, mở cửa thành cho quân mình vào đánh đuổi quan quân đi, giữ lấy thành Qui-nhơn làm chỗ căn bản. Bấy giờ lại có mấy người Khách buôn tên là Tập-Đình 集 亭 và Lý-Tài 李 才 cũng mộ quân nổi lên theo giúp Tây-sơn. Ông Nhạc chia quân ra làm 5 đồn là: trung, tiền, hậu, tả, hữu, rồi tiến lên đánh lấy đến đất Quảng-nam. Chẳng bao lâu từ đất Quảng-nghia bây giờ vào cho đến Bình-thuận đều thuộc về Tây-sơn cả.

3. Quân họ Trịnh vào lấy Phú-xuân. — Đang khi đất xứ Nam có quyền-thần chuyên chiếm ở trong, Tây-sơn đánh phá ở ngoài, ở xứ Bắc chúa Trịnh là Trịnh-Sâm 鄭 森 biết tình trạng như vậy, bèn sai đại-tướng là Hoàng-ngũ-Phúc

(1) Ấp Tây-sơn này là đất thôn An-khê 安 溪 và thôn Cửu-an 久 安, thuộc phủ Hoan-hóa.

黃丕福 đem thủy bộ hơn 3 vạn quân cùng với bọn Hoàng-phùng-Cơ 黃馮基, Hoàng-dình-Thê 黃廷禧, Hoàng đình-Bảo 黃廷寶 vào đất Bồ-chinh để đánh họ Nguyễn, giả nơi là vào đánh Trương-phúc-Loan.

Đến tháng 10 năm giảo ngo (1774) quân Hoàng ngũ-Phúc sang sông Linh-giang, sai Hoàng-dình-Thê đem binh đến đánh lấy lũy Trấn-ninh 鎮寧, nhờ có nội ứng, cho nên không đánh mà lấy được lũy. Trịnh-Sâm được tin Hoàng ngũ-Phúc đã phá được Trấn-ninh rồi, bèn quyết kế đem đại binh đi vào tiếp ứng. Đến tháng chạp, thì quân của Ngũ-Phúc tiến lên đóng ở làng Hồ-xá (thuộc huyện Minh-linh, Quảng-trị) rồi truyền lệnh đi nói rằng quân Bắc chỉ vào đánh Trương-phúc-Loan mà thôi, chứ không có ý gì khác cả. Các quan ở Phú-xuân bèn mưu bắt Phúc-Loan đem nộp.

Hoàng Ngũ-Phúc bắt được Trương Phúc-Loan rồi, lại tiến binh lên đến huyện Đãng-xương, sai người đưa thư đến Phú-xuân nói rằng tay Phúc-Loan đã trừ, nhưng mà Tây-sơn hãy còn, vậy xin đem binh đến hội tại Phú-xuân để cùng đi đánh giặc.

Chúa Nguyễn biết mưu Hoàng-ngũ-Phúc chực đánh lừa để lấy Kinh-thành, bèn sai Tôn-thất Tiệp 提 cùng với quan Chưởng-cơ là Nguyễn-văn-Chính 阮文政 đem thủy bộ quân ra an ngự ở sông Bái-đáp-giang (nay gọi là sông Phulê ở huyện Quảng-diên). Hoàng-ngũ-Phúc sai bọn Hoàng đình-Thê đem binh đi lên đường núi rồi tiến binh hai mặt đánh ập lại, quân họ Nguyễn vỡ tan bỏ chạy cả, quân Bắc tiến lên lấy thành Phú-xuân, chúa Nguyễn và các quan chạy vào Quảng-nam.

Bấy giờ Trịnh-Sâm đóng ở Hà-trung, được tin Hoàng Ngũ-Phúc đã lấy được Phú-xuân rồi mừng lắm, sai quan đưa cho Ngũ-Phúc 100 lạng vàng, và cho các tướng sĩ 5.000 lạng bạc, lại phong cho Ngũ-Phúc làm Đại-trấn-phủ 大鎮撫 đất Thuận-hóa để lo việc lấy đất Quảng-nam. Hoạn rồi, Trịnh-Sâm rút quân về Bắc.

4. Chúa Nguyễn vào Gia-định. — Chúa Nguyễn vào
tiền Quảng-nam đóng ở Bến-Và, lập châu là Nguyễn-
phúc-Dương 阮福陽 lên làm Đông-cung, để lo việc đánh
giặc. Được mấy tháng quân Tây-sơn ở Qui-nhon kéo ra
đánh lấy Quảng-nam, quân chúa Nguyễn đánh không nổi,
thua chạy về đóng ở Trà-sơn 茶山.

Chúa Nguyễn liệu chừng không chống giữ được, bèn
cùng người cháu là ông Nguyễn-phúc-Ánh 阮福映 xuống
thuyền chạy vào Gia-định, để Đông-cung ở lại Quảng-nam
chống giữ với giặc. Đông-cung đóng đồn ở làng Cầu đê
俱低 (thuộc huyện Hòa-vinh).

Ông Nguyễn-Nhạc biết Đông-cung thế yếu, và lại muốn
lấy tiếng đê mà sai chúng, bèn sai người đi rước Đông-cung
về đóng ở phố Hối-an 會安 (Faifo, thuộc Quảng-nam).

Ngay lúc ấy quân của Hoàng-ngũ-Phúc đã qua Hải-vân-
sơn vào lấy đồn Trung-sơn và đồn Cầu đê ở huyện Hòa-
vinh, Nguyễn-Nhạc sai người khách là Tập-Đình làm tiên
phong, Lý-Tài làm trung quân, tự mình làm hậu tập ra
đánh nhau với quân họ Trịnh ở làng Cẩm sa 錦沙 (thuộc
Hòa-vinh). Quân của Tập-Đình đều là người khách Quảng-
đông và những người mọi to lớn, ai nấy cỡi trần ra đội
khăn đỏ cầm phạng, đeo khiên, đánh thật là hung mạnh,
Quân tiên đội của Ngũ-Phúc đương không nổi, Ngũ-Phúc
mới sai Hoàng-đình-Thê và Hoàng-phùng-Cơ đem kỵ-binh
vào xông trận, rồi bộ binh đánh tràn vào. Tập-Đình thua
chạy. Nguyễn-Nhạc và Lý-Tài phải lui về giữ bến Phán
板津 rồi đưa Đông-cung về Qui-nhon. Tập-Đình vốn là
người bạo ngược, Nguyễn-Nhạc muốn nhân dịp thua trận
bắt giết đi. Tập-Đình biết ý bỏ chạy về Quảng-đông bị
quan nhà Thanh bắt được đem chém.

Lúc bấy giờ ở phía nam có quan Lưu-thử đất Long-hồ
là Tống-phúc-Hợp 宋福洽 đem quân đánh lấy lại được ba
phủ là Bình-thuận, Diên-khánh và Bình-khánh, rồi lại tiến
binh ra đánh đất Phú-yên; ở phía bắc thì có quân họ
Trịnh đóng ở Quảng-nam. Nguyễn-Nhạc liệu thế chống
không nổi, bèn sai Phan-văn-Tuế 潘文歲 đem thư và

vàng lụa ra nói với Hoàng-ngũ-Phúc xin nộp đất Quảng-nghĩa. Qui-nhơn, Phú yên và xin làm tiền khu đi đánh họ Nguyễn.

Hoàng-ngũ Phúc cũng muốn dùng Nguyễn-Nhạc để đánh đất Gia-định, bèn làm biểu xin chúa Trịnh cho Nguyễn-Nhạc làm Tiên-phong-tướng-quân, Tây-sơn Hiệu-trưởng 西山校長, sai Nguyễn hữu-Chính 阮有整 đem cờ và ấn kiểm vào cho Nguyễn-Nhạc.

Nguyễn-Nhạc không lo mặt bắc nữa, bèn lập mưu để đánh lấy đất Nam, đem con gái mình là Tho-Hương 壽香 dâng cho Đông-cung và khoản đãi một cách rất tốn kính, rồi sai người đến giả nói với Tống-phúc Hợp xin về hàng để lo sự khôi phục lại đất Phú-xuân. Tống-phúc Hợp cho sứ đến xem hư thực, ông Nguyễn-Nhạc đưa Đông-cung ra tiếp, rồi viết thư cho sứ đưa về nói lấy nghĩa phù lập Đông-cung, tôn an xã-tắc, Tống Phúc-Hợp tin là thực tình, không phòng bị gì nữa.

Ông Nguyễn-Nhạc biết rõ tình hình, sai em là ông Nguyễn-Huệ đem quân đến đánh quân Tống-phúc-Hợp. Quân họ Nguyễn thua to, bỏ chạy về giữ. Văn phong Nguyễn-Nhạc cho người đưa tin thắng trận ra cho Hoàng-ngũ Phúc biết. Ngũ-Phúc xin chúa Trịnh phong cho ông Nguyễn-Huệ làm Tây-sơn-biêu tiên-phong-tướng-quân.

Quân Hoàng Ngũ-Phúc đóng ở Châu ở 珠塢 giáp đất Quảng-nghĩa, đến tháng chạp năm ấy là năm ất vị (1775) bị dịch chết mất nhiều. Ngũ-Phúc viết thư ra xin chúa Trịnh cho rút về giữ Thuận hóa. Trịnh-Sâm thuận cho. Hoàng-ngũ-Phúc về đến Phú-xuân thì mất, chúa Trịnh sai Bùi-thế-Đạt 裴世達 vào thay, và sai Lê-qui-Đôn 黎貴傳 vào làm Tham-thị cùng giữ đất Thuận hóa.

Đất Thuận hóa bấy giờ kể từ đất Nam-bổ-chính trở vào là 2 phủ: Triệu-phong và Quảng-bình 1, 2 huyện 8 châu. Số nhân đinh được 126,857, số ruộng đất rộng được 265,507

(1) Triệu-phong-phủ có 5 huyện; Quảng-bình-phủ có 3 huyện 1 châu.

mẫu, nhưng mà trừ đất rừng và các thứ đi, thì còn được 153.181 mẫu phải đóng thuế.

Từ khi quân họ Trịnh lui về Thuận-hóa rồi, đất Quảng-nam lại thuộc về Tây-sơn. Năm binh-thân (1776) ông Nguyễn-Nhạc sai em là Nguyễn Lữ đem thủy quân vượt bể vào đánh Gia-định, lấy được thành Sài-côn 柴棍. Chúa Nguyễn phải chạy về Trấn-biên (tức là Biên-kòa.)

Bấy giờ ở Đông-sơn có Đỗ-thanh-Nhân 杜清仁 khởi binh chống với Tây-sơn lấy lại thành Sài-côn. Nguyễn-Lữ lấy thóc gạo rồi rút quân về Qui-nhơn.

Nguyễn-Nhạc, thấy thế mình một ngày một mạnh, bèn sai sửa lại thành Đồ-bàn (là kinh-thành cũ của Chiêm-thành ngày trước) rồi đến tháng ba năm binh-thân (1776) tự xưng làm Tây-sơn-vương và phong chức tước cho mọi người. Bấy giờ Tây-sơn đem Đông-cung ra ở chùa Thập-tháp, Đông-cung bèn trốn xuống thuyền chạy về Gia-định.

Người khách Lý-Tài trước đã bỏ Nguyễn-Nhạc theo giúp chúa Nguyễn, rồi sau lại phản lại, đánh chúa Nguyễn. Nay nghe Đông-cung trốn về, lại đem binh rước về Sài-côn, lập lên làm Tân-chính-vương 新政王, tôn Định-vương làm Thái-thượng-vương 太上王 đề cùng lo sự khôi phục.

Năm đinh-dậu (1777) Nguyễn Nhạc sai người ra xin với chúa Trịnh cho trấn-thủ đất Quảng-nam. Trịnh-Sâm bấy giờ cũng chán sự dụng binh, bèn nhân dịp phong cho Nguyễn-Nhạc làm Quảng-nam trấn-thủ, Tuyên-úy-đại-sứ, Cung-quận-công 廣南鎮守宣慰大使恭郡公.

Ông Nguyễn-Nhạc được phong rồi không phải phòng giữ mặt bắc nữa, bèn sai Nguyễn-Lữ và Nguyễn-Huệ đem thủy bộ quân vào đánh Gia-định. Lý-Tài chống không nổi phải bỏ chạy. Tân-chính-vương chạy về bến Trà (thuộc Định-tường) rồi lại chạy về Ba-việt thuộc Vĩnh-long), còn Thái-thượng-vương thì chạy về Long-xuyên. Nhưng chẳng bao lâu ông Nguyễn-Huệ đem quân đuổi bắt được cả Thái-thượng-vương và Tân-chính-vương, đem giết đi.

Nguyễn-Lữ và Nguyễn-Huệ lấy xong đất Gia-định, đề

Tổng-đốc Chu 朱 ở lại trấn thủ, rồi đem quân về Qui-nhơn. Qua năm sau là năm mậu-tuất (1778) ông Nguyễn-Nhạc tự xưng đế hiệu, đặt niên-hiệu là Thái đức 泰德, gọi thành Đồ-bản là Hoàng đế thành, phong cho Nguyễn-Lữ làm Tiết-chế, Nguyễn-Huệ làm Long-nhương-tướng quân

5. Nguyễn-vương khởi binh đánh Tây-sơn. — Khi Thái-thượng vương và Tân chinh-vương bị bắt, thì người cháu Thái-thượng-vương là ông Nguyễn-phúc Ánh, chạy thoát được. Đến khi Nguyễn-Lữ và Nguyễn-Huệ về Qui-nhơn rồi, ông Nguyễn-phúc Ánh lại tụ tập những tôi tớ cũ, khởi binh từ đất Long-xuyên, tiến lên đến Sa-đéc, và cùng với quan chưởng-dinh là Đỗ Thanh-Nhân 杜清仁, quan cai-đội Lê Văn-Quân 黎文勾¹ và các tướng là bọn Nguyễn Văn-Hoảng 阮文弘, Tống Phúc-Khuông 宋福匡, Tống Phúc-Lương 宋福樑 về đánh đuổi tổng-đốc Chu, lấy lại thành Sài-côn. Bấy giờ ông Nguyễn-phúc Ánh mới có 17 tuổi, các tướng đều tôn lên làm Đại-nguyên-sứ, Nhiếp-quốc-chính 大元帥, 攝國政.

Được ít lâu vua Tây-sơn lại sai tổng-đốc Chu 朱 tự khầu Uy 威 và quan hộ-gia Phạm-Ngan 范彦 đem quân thủy vào đánh Trấn biên và Phiên trấn cùng các xứ ở mặt bể. Đỗ thanh Nhân 杜清仁 đem quân Đông-sơn đánh chém được tư-khẩu Uy, đuổi được quân Tây-sơn đi, ông Nguyễn-phúc Ánh bèn sai Lê Văn-Quân đem binh ra đánh lấy thành Bình-thuận và thành Diên-khánh.

Từ khi khôi phục được đất Gia-định rồi, ông Nguyễn-phúc Ánh sai sứ sang thông với nước Tiêm-la, và lại sai Đỗ Thanh-Nhân 杜清仁, Hồ Văn-Lân 胡文璘 đem binh đi đánh Chân-lạp, lập con Nặc-Tôn là Nặc-In lên làm vua, để Hồ Văn-Lân ở lại bảo hộ. Ở đất Gia-định thì ngài sửa sang mọi việc: đặt quan cai-trị các dinh, định lệ tau thuế để nuôi binh lính, làm chiến thuyền, tập binh mã để phòng bị việc chiến tranh.

(1) Lê-văn-Quân là người ở Vĩnh-tường đất Gia-định, trước theo Chu-văn-Tiếp sau làm tào-đốc tướng Đỗ-thanh-Nhân

Năm canh-tí (1780) ông Nguyễn-phụng Ảnh xưng vương-
hiệu, rồi phong cho Đỗ Thanh-Nhân làm chức *Ngoại-hữu*,
Phụ chính, *Thượng-iương công* 外右, 輔政, 上將公, và
thăng thưởng cho các tướng sĩ. Nhưng sau vì Đỗ-thanh-
Nhân cậy công lòng quyền, cho nên Nguyễn-vương mới
giết đi. Cũng vì việc ấy cho nên quân Đông-sơn trước đã
nổi lòng giúp Nguyễn-vương, sau đều bỏ cả, và lại phân lại,
thành ra lòi-thời phải đánh dẹp mãi.

Tháng 10 năm tân-sửu (1781) vua nước Tiêm-la là Trịnh
Quốc-Anh sai tướng là Chát-Tri 質知 (Chakkri) và Xô-Xi 蘇希,
hai anh em sang đánh Chân-lạp. Nguyễn-vương sai quan
Chưởng-cơ là Nguyễn Hữu-Thụy 阮有瑞 và Hồ Văn-Lân
胡文璘 đem 3.000 quân sang cứu. Trong khi quân An-nam
và quân Tiêm-la còn đang chống giữ nhau ở Chân-lạp, thì ở
Vọng-các vua nước Tiêm-la bắt giam cả vợ con của hai
anh em Chát-Tri, bởi vậy hai tướng ấy mới giao kết với
Nguyễn-hữu-Thụy, thề phải cứu nhau trong lúc hoạn nạn.
Đoạn rồi Chát-Tri đem quân về Tiêm-la. Ngay lúc ấy ở
bên nước Tiêm có giặc nổi lên, vua nước ấy bị người
Phan-nha-văn-sản đuổi đi cướp mất ngôi. Chát-Tri về đến
Vọng-các sai người đi tìm quốc vương là Trịnh-quốc-Anh
đem giết đi, và bắt giết cả Phan-nha-văn-sản, rồi tự lập làm
vua, xưng là Phật-vương, phong cho em là Xô-Xi làm đệ-
nhị vương, cháu là Ma-lạc làm đệ-tam vương. Họ Chakkri
làm vua đến nay hãy còn, và các vua đều xưng là Rama.

Tháng 3 năm nhâm-dần (1782) vua Tây-sơn là ông Nguyễn-
Nhạc và ông Nguyễn-Huệ đem hơn 100 chiếc thuyền vào
cửa Cầu-giờ, đánh nhau với quân Nguyễn-vương ở Thất-kỳ-
giang 七岐江. Trận ấy quân Nguyễn-vương thua to, có
người nước Pháp tên là Mạn-Hoè (Mancel) làm chủ một chiếc
tàu phải đốt tàu mà chết. Nguyễn-vương phải bỏ thành Sài-
còn chạy về đất Tam-phụ 三埠, rồi ra lánh ở đảo Phú-
quốc 富國.

Vua Tây-sơn bình xong đất Gia-dịnh, rút quân về Qui-
nhơn, để bọn hàng-tướng là Đỗ Nhà-Trập 杜閑 贊 ở lại giữ
thành Sài-còn.

Khi quân ông Nguyễn-Nhạc và ông Nguyễn-Huệ về Qui-nhơn rồi, các tướng nhà Nguyễn lại nổi lên đánh quân Tây-sơn. Bấy giờ có Chu-văn-Tiếp 朱文接 là người ở Qui-nhơn, nhân lúc loạn, tự chúng giữ núi Trà-lang (thuộc Phú-yên). Đến khi chúa Nguyễn bỏ Phú-xuân chạy vào Gia-định, Chu-văn-Tiếp đem binh ra giúp. Sau chẳng may chúa Nguyễn thất thế ngộ hại, Nguyễn-vương lên nối nghiệp, Văn-Tiếp theo giúp được phong làm chức Chư-ng-cơ, đem binh ra đánh Tây-sơn, bị thua, phải bỏ về giữ Trà-lang. Nay được tin Gia-định lại thất thủ, Văn-Tiếp bèn đem quân từ Phú-yên về hợp với quân các đạo, đánh đuổi quân Tây-sơn đi, lấy lại được thành Sài-côn cho người ra Phú-quốc đón Nguyễn-vương về.

Nguyễn-vương về sửa sang mọi việc để chống giữ với Tây-sơn, nhưng qua năm quí-mão (1783) vua Tây-sơn lại sai ông Nguyễn-Lữ và ông Nguyễn-Huệ đem binh vào đánh, Nguyễn-vương lại phải rước vương-mẫu và cung quyến ra Phú-quốc. Đến tháng 6 năm ấy, ông Nguyễn-Huệ ra đánh Phú-quốc, Nguyễn-vương chạy về Côn-lôn; quân Tây-sơn lại đem thuyền đến vây Côn-lôn, nhưng may nhờ có cơn bão đánh đắm cả thuyền của Tây-sơn, cho nên Nguyễn-vương mới ra khỏi trùng vi, chạy về đảo Cỏ-cốt, rồi lại trở về Phú-quốc.

6. Nguyễn-vương định cầu viện nước Pháp-lan-tây. — Lúc bấy giờ lương thực hết sạch, Nguyễn-vương cùng với những người đi theo phải hái rau và tìm củ chuối mà ăn, thể lực cùng kiệt, thật là nguy nan quá. Nhân vì khi trước Nguyễn-vương có quen một người nước Pháp, làm giám mục đạo Gia-tô, tên là Bá-da-Lộc 百多祿 (Pierre Pigneau de Béhaine, évêque d'Adran), khi ấy đang ở đất Chân-bun (thuộc nước Tiêm-la), ngài bèn sai người mời đến bàn việc. Ông Bá-da-Lộc nói nên sang cầu cứu nước Pháp, nhưng phải cho Hoàng-tử đi làm tin thì mới được.

Nguyễn-vương theo lời ấy, bèn giao Hoàng-tử Cảnh 景 và cái quốc-ấn cho ông Bá-da-Lộc, lại làm tờ quốc-thư cho

Ông ấy được quyền tự tiện sang thương nghị với chính-phủ Pháp đề xin viện binh.

Tờ quốc-thư ấy có 14 khoản, đại lược nói nhờ ông Bá-đa-Lộc sang xin nước Pháp giúp cho 1.500 quân và tàu bè, súng ống, thuốc đạn đủ cả mọi thứ. Nguyễn-vương xin nhường cho nước Pháp cửa Hội-an (Faifo), đảo Côn-lôn và đề riêng cho người nước Pháp được đặc quyền vào buôn bán ở nước Nam¹.

Nguyễn vương lại làm một cái thư riêng đề dâng cho vua nước Pháp, và sai quan phó-vệ-úy là Phạm-văn-Nhân 范文仁, quan cai-cơ là Nguyễn-văn Liêm 阮文廉 theo hộ vệ Hoàng-tử Cảnh bấy giờ mới có 4 tuổi.

Mọi sự đã xếp đặt cả rồi, nhưng vì còn trái mùa gió cho nên ông Bá-đa-Lộc chưa khởi hành được. Nguyễn-vương tuy đã nghe lời ông Bá-đa-Lộc định sang cầu cứu nước Pháp, nhưng trong bụng chưa quyết hẳn, còn có ý muốn nhờ nước Tiêm-la.

● Nguyên lúc đánh thua ở Sài-côn, Chu-văn-Tiếp chạy sang Tiêm-la cầu cứu. Đến tháng 2 năm giáp thìn (1784) vua Tiêm-la sai tướng là Chát-xi-Đa đem thủy quân sang Hà-tiên, tìm Nguyễn-vương để mời sang bàn việc. Nguyễn-vương lại tiếp được mật biểu của Chu Văn-Tiếp, cho nên mới đến hội với tướng nước Tiêm, rồi cùng sang Vọng-các xin binh cứu viện.

Tiêm vương tiếp đãi Nguyễn-vương rất hậu, và sai hai tướng là Chiêu-tăng 昭曾, Chiêu-sương 昭霜 đem 2 vạn quân cùng 300 chiếc thuyền sang giúp Nguyễn-vương. Quân Tiêm-la sang lấy được Rạch-giá, Ba-thắc, Trà-ôn, Mân-thít, Sa-dec. Khi đánh ở Mân-thít, Chu-văn-Tiếp bị thương nặng mà mất. Từ đó quân Tiêm ý thể đi đến đâu quấy nhiễu dân sự, làm nhiều điều tàn ác, cho nên lòng người oán hận lắm.

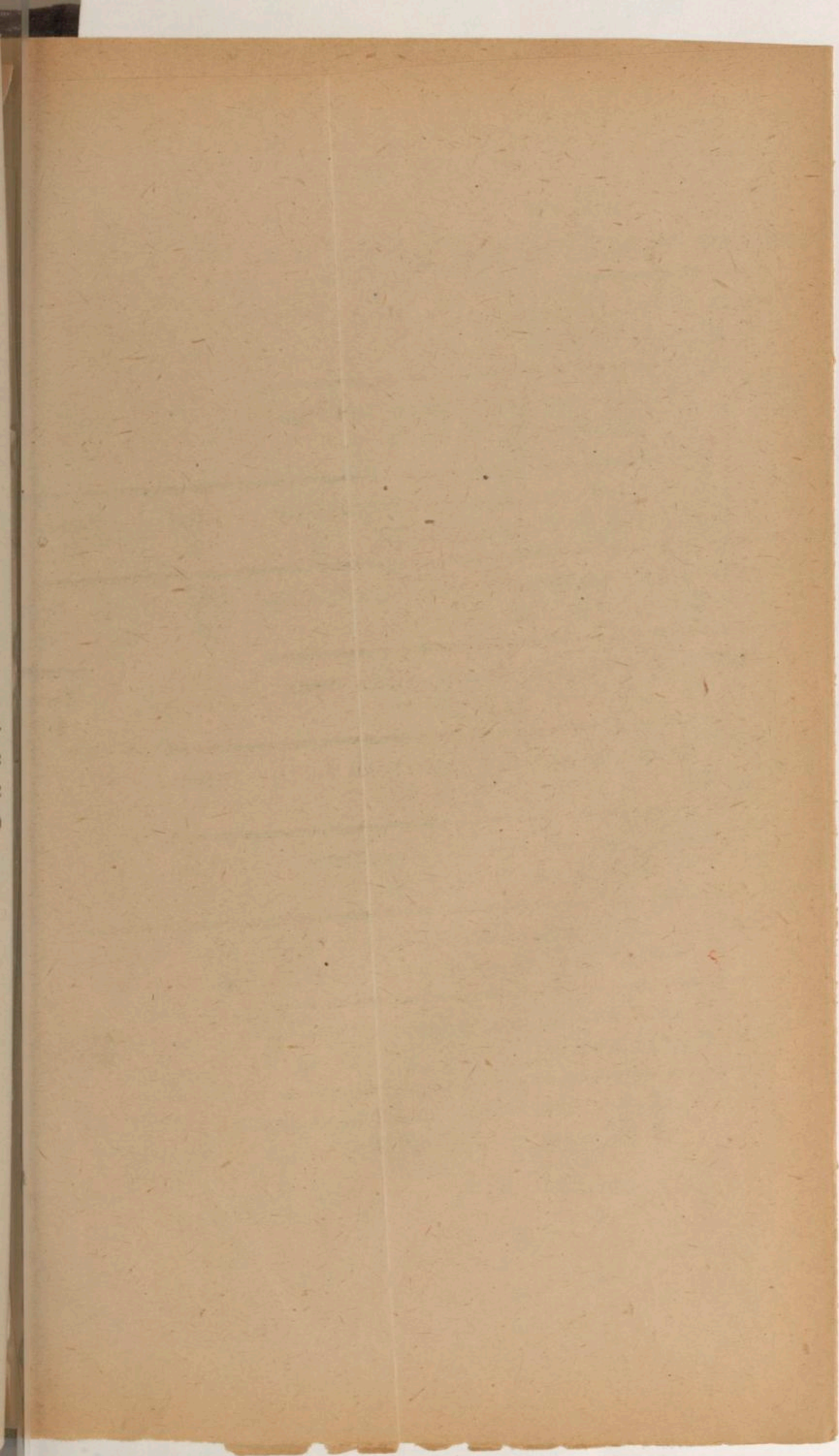
(1) Tờ quốc-thư này và cái thư của Nguyễn-vương viết cho vua nước Pháp nay hãy còn đề ở Ngoại-giao bộ tại Paris.

7. Nguyễn Huệ phá quân Tiêm-la. -- Tướng Tây-sơn giữ đất Gia-dinh là Trương Văn-Đa 張文多, thấy quân Tiêm-la sang đánh phá, thế lực mạnh lắm, bèn sai người về Qui-nhon phi báo. Vua Tây sơn sai ông Nguyễn-Huệ 阮惠 đem binh vào chống giữ.

Ông Nguyễn-Huệ vào đến Gia-dinh giữ quân Tiêm-la đến gần Bạch-gấm và Xoài-mít ở phía trên Mỹ-tho, rồi đánh phá một trận, giết quân Tiêm chỉ còn được vài nghìn người, chạy theo đường thượng đạo trốn về nước. Ông Nguyễn-Huệ phá được quân Tiêm-la rồi, đem binh đuổi đánh Nguyễn-vương. Nguyễn-vương bấy giờ hết cả lương thực, cùng với mấy người chạy về Trấn-giang, ra đảo Thổ-châu, đảo Cồ-cốt, rồi sang Tiêm-la.

Đánh dẹp xong, ông Nguyễn-Huệ đem quân về Qui-nhon đề đô-dốc là Đặng Văn-Chân 鄧文真 ở lại trấn đất Gia-dinh.

Nguyễn-vương biết thế không mong cậy được người Tiêm-la, bèn giục ông Bá-đa-Lộc đem Hoàng-tử đi sang nước Pháp cầu viện. Ông Bá-đa-Lộc đi rồi, Nguyễn-vương rước vương mẫu và cung quyến sang trú ở Vọng-các đề chờ có cơ hội lại về khôi phục.



NGUYỄN-THỊ THÈ-PHỒ 阮氏世譜

1. TRIỆU TỔ -- THÁI-TỔ NGUYỄN KIM
 承祖 -- 大宰阮淦

Ngọc-Bảo Ngọc-Ưông
 玉寶 阮汪
 (vợ Trịnh-Kiểm)

2. THÁI-TỔ GIA-DU -- ĐOAN QUẬN CÔNG NGUYỄN HOÀNG (CHÚA TIỀN)
 太祖嘉吉 -- 端郡公阮潢 (仙主)

Hà Hà Thành Dien Hai
 河 漢 成 演 海

3. HI-TÔN HIẾU-VĂN -- TRUY QUẬN CÔNG PHÚC-NGUYỄN (CHÚA SÀI)
 熙宗孝文 -- 瑞郡公福源 (佛主)

Hợp Trạch Khê
 洽 澤 溪

Vệ Tuyên
 衛 宣

Tuấn Kỳ
 浚 淇

4. THẦN-TÔN HIẾU-CHÍNH -- NHÂN QUẬN CÔNG PHÚC-LAN (CHÚA THƯỢNG)
 神宗孝正 -- 仁郡公福蘭 (上主)

Ánh Trung Từ
 漢 忠 祠

5. THÁI-TÔN HIẾU-TRIỆT -- ĐŨNG QUẬN CÔNG PHÚC-TÂN (CHÚA HIỆM)
 太宗孝哲 -- 勇郡公福漸 (賢主)

Thạnh
 井

Diễn
 演

6. ANH-TÔN HIẾU-NHĨA -- HOÀNG-QUẬN CÔNG PHÚC-TRẦN (CHÚA NGHĨA)
 英宗孝義 -- 弘聖公福善 (義主)

Hiệp
 協

7. HIỀN-TÔN HIẾU-MINH -- TỶ-QUẬN CÔNG PHÚC-CHU (QUỐC CHỨA)
 顯宗孝明 -- 祿威公福潤 (天祀主人)

Triệu
 奠

8. TỨC-TÔN HIẾU-NINH -- ĐỊNH QUỐC CÔNG PHÚC-CHU
 肅宗孝寧 -- 鼎國公福新 (雲泉道人)

Từ Diên Phong
 祠 淵 溥

9. THẾ-TÔN HIẾU-VŨ -- VŨ VƯƠNG PHÚC-KHOÁT
 世宗孝武 -- 武王福勳

Nghiêm
 城

Phúc-Cương
 福康

Hưng tổ-Phúc-Luân
 興祖 福倫

Văn Chí Hiên
 文 志 賢

10. ĐŨNG-TÔN HIẾU-DỊNH -- ĐỊNH VƯƠNG PHÚC-THUẬN
 定宗孝定 -- 定王福壽

Phúc-Cao
 福高

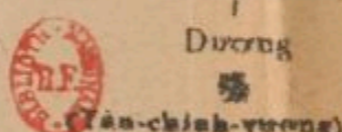
Phúc-Đông
 福東

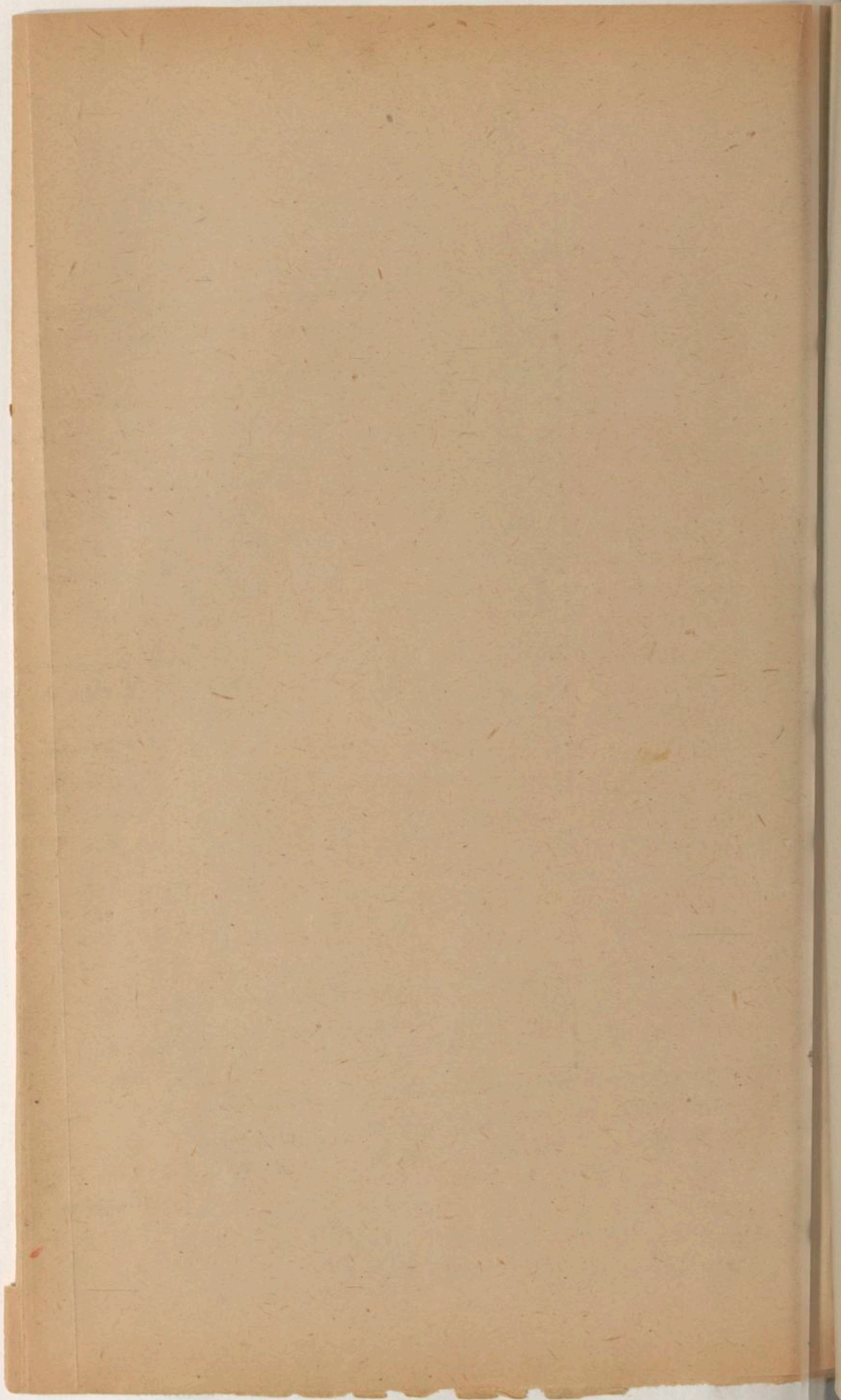
Phúc-Anh
 福安
 (Vua Bà-Lông)

Phúc-Mân
 福曼

Phúc-Điền
 福田

Dương
 陽





CHƯƠNG IX

HỌ TRỊNH MẤT NGHIỆP CHÚA

1. Chúa Trịnh bỏ trường lập thứ — 2. Kiêu-binh — 3. Tây sơn lấy Thuận-hóa. — 4. Tây-sơn giết họ Trịnh.

1. **Chúa Trịnh bỏ trường lập thứ.** — Từ khi quân chúa Trịnh lấy được đất Thuận-hóa rồi, Trịnh-Sâm đắc chí, càng thêm kiêu hãnh, lại có ý muốn cướp ngôi nhà Lê, bèn sai quan Thị-lang là Vũ Trần-Thiệu 武陳紹 sang nhà Thanh dâng biểu nói rằng con cháu họ Lê không có ai đáng làm vua nữa, và lại sai quan nội-giám đi với Vũ Trần-Thiệu đem tiền của sang dứt lót mà xin phong làm vua. Nhưng sang đến Động-dinh-hồ, thì Vũ Trần-Thiệu đem tờ biểu đốt đi, rồi uống thuốc độc mà chết, bởi vậy việc cầu phong lại bỏ không nói đến.

Sau Trịnh-Sâm say đắm nàng Đặng-thị Huệ 鄧氏惠 bỏ con trưởng là Trịnh-Khải 鄭楷 mà lập người con của Đặng-thị là Trịnh-Cán 鄭欽 làm Thế-tử. Từ đó người thì theo Đặng-thị, người thì phò Trịnh-Khải, trong phủ chúa chia ra b^à đảng.

Tháng chín năm nhâm-dần (1782) Trịnh-Sâm mất, để di-chiếu lập Trịnh-Cán làm chúa, và Huy-quận-công Hoàng-dinh-Bảo 暉郡公黃廷寶 làm phụ-chính. Trịnh-Cán còn ít tuổi mà lại lắm bệnh, không mấy người chịu phục, bởi vậy cho nên thành ra sự biến loạn.

2. **Kiêu-binh.** — Nguyên từ khi họ Trịnh giúp nhà Lê trong-bung về sau, đất Kinh-kỳ chỉ dùng lính Thanh, lính Nghệ gọi là *tru-binh* để làm quân túc-vệ

Những lính ấy thường hay cậy công làm nhiều điều trái phép. Năm giáp-dần (1674) đời ông Trịnh-Tạc (lính tam phủ tức là lính Thanh, lính Nghệ) đã giết quan Thanh-tụng là ông Nguyễn-quốc-Trình 阮國楨 và phá nhà ông Phạm-



công-Trứ 范公著. Năm tân-dậu (1741) quân ưu binh lại phá nhà và chức giết quan Tham-tụng Nguyễn-quí-Cảnh 阮貴整. Những lúc quân ưu-binh làm loạn như vậy, tuy nhà chúa có bắt những đũa thủ xướng làm tội, nhưng chúng đã quen thói, về sau hễ hơi có điều gì bất-bình h. thì lại dỗi lên làm loạn.

Đến năm nhâm-dần (1782) Trịnh Sâm mất, Đặng thị và Hoàng-dinh-Bảo lập Trịnh-Cán lên làm chúa. Con trưởng Trịnh Sâm là Trịnh Khái mưu với quân tam-phủ để tranh ngôi chúa. Bảy giờ có tên biện-lại thuộc đội Tiệp bảo tên là Nguyễn-Bằng 阮朋, người Nghệ an, đứng lên làm đầu, vào phủ chúa đánh ba hồi trống làm hiệu. Quân ưu-binh kéo đến vây phủ, vào giết Hoàng-dinh-Bảo, bỏ Trịnh-Cán và Đặng-thi-Huệ, lập Trịnh Khái lên làm chúa.

Trịnh Khái phong quan tước cho bọn Nguyễn-Bằng và trọng thưởng cho quân tam-phủ. Từ đó quân ấy một ngày một kiêu, cứ đi cướp phá các nhà, không ai kiềm chế được. Năm giáp thìn (1784) quân tam-phủ lại phá nhà quan tham-tụng Nguyễn-Ly 阮儼, nhà Dương-Khuông 楊匡 và giết Nguyễn-Triêm 阮霑 ở trước cửa phủ chúa. Khi bấy giờ Nguyễn-Ly chạy thoát được lên Sơn-tây cùng với em là Nguyễn-Điều 阮條 bàn định rước Trịnh-Khái ra ngoài, rồi gọi quân các trấn về trừ kiêu-binh. Nhưng sự lộ ra, quân kiêu-binh vào canh giữ phủ chúa, Trịnh-Khái không ra được. Quân ấy lại chia nhau ra giữ các cửa ô. Quân các trấn cũng sợ chúa bị hại đều phải rút về. Từ đó quân kiêu-binh kéo nhau hàng trăm hàng nghìn đi cướp phá các làng. Hễ có đũa nào đi lẻ loi thì dân làng lại bắt giết đi, thành ra quân với dân xem nhau như cừu địch, mà các vầu thần võ tướng cũng bó tay mà chịu không làm sao được. Sau có quan tham-tụng là ông Bùi-huy-Bích 裴輝璧 dõ đánh mãi mới dần dần hơi yên.

Lúc bấy giờ ở trong đang có kiêu-binh làm loạn, ở ngoài Tây-sơn nhân dịp đem quân vào đánh phá, hơi thế cho nên cơ-nghiệp họ Trịnh đổ nát vậy.

8 Tây-sơn lấy Thuận hóa. — Nguyên khi trước Hoàng-dinh Bảo trấn thủ đất Nghệ-an, có nhiều thủ-hạ giỏi, mà trong bọn ấy có một người ở huyện Chân-lộc, thuộc Nghệ-an, tên là Nguyễn-hữu-Chỉnh 阮有整, đồ hương-cống từ lúc 16 tuổi tục gọi là cống Chỉnh, tính hào hoa, lắm cơ trí, nhiều can đảm, mà lại có tài biện bác. Trước theo Hoàng-ngũ-Phúc, thường đi đánh giặc bề, giặc sợ lắm, gọi là *chim giữ*; sau khi Hoàng-ngũ-Phúc mất rồi, Hữu-Chỉnh về theo Hoàng-dinh-Bảo.

Đến khi kiên-binh đã giết Hoàng-dinh-Bảo rồi, có người đem tin cho Hữu-Chỉnh biết. Hữu-Chỉnh vào bàn với quan trấn-thủ Nghệ-an là Võ-tả-Giao 武佐瑤 để tự lập ở xứ Nghệ, nhưng mà Võ tả-Giao sợ không dám làm, Hữu-Chỉnh bèn bỏ vào với vua Tây-sơn là Nguyễn Nhạc.

Nguyên khi trước Nguyễn-hữu-Chỉnh theo Hoàng-ngũ-Phúc vào đánh Quảng-nam thường vẫn đi lại quen Nguyễn-Nhạc, cho nên Nguyễn-Nhạc tin dùng, đãi làm thượng-tán. Từ đó Nguyễn-hữu-Chỉnh bày mưu định kế xin vua Tây-sơn ra đánh Thuận-hóa và đất Bắc-hà.

Vả, từ khi Hoàng-ngũ-Phúc mất rồi, Trịnh-Sâm sai Bùi-thế-Đạt vào trấn thủ đất Thuận-hóa, sau lại sai Phạm-ngô-Cầu 范吳球 vào thay Bùi thế-Đạt. Phạm-ngô-Cầu là người nhu nhược vô mưu, mà lại có tính tham lam, chỉ lo việc làm giàu, chứ không nghĩ gì đến việc binh. Quan phó-đốc thị là Nguyễn-linh-Tân 阮令賓 đã viết thư về bày tỏ mọi lẽ và xin Trịnh-Sâm cho tướng khác vào thay Phạm-ngô-Cầu. Trịnh-Sâm không nghe, lại đòi Nguyễn-linh-Tân về.

Vua Tây-sơn biết đất Thuận hóa không phòng bị, bèn sai em là Nguyễn-Huệ làm tiết-chế, rề là Vũ Văn-Nhâm 武文任 làm tả-quân đô-đốc. Nguyễn-Hữu-Chỉnh 阮有整 làm hữu-quân đô-đốc đem quân thủy bộ ra đánh Thuận-hóa.

Một hôm Phạm-ngô-Cầu thấy một người khách buôn nói thuật số, đến bảo Ngô Cầu rằng: « hậu vận tương-công phúc lộc nhiều lắm, nhưng năm nay có cái hạn nhỏ có lẽ phải bị

Cầu, nên lập đàn làm chay mới được yên lành. -- Phạm-ngô-Cầu nghe lời ấy lập đàn cầu khẩn bảy đêm ngày, bắt quân sĩ phải phục dịch không được nghỉ ngơi chút nào. Chợt nghe tin quân Tây-sơn đã lấy được đồn Hải-vân, tướng giữ đồn là Hoang nghĩa-Hồ 黃義湖 đã tử trận, lại thấy báo rằng thủy quân của Tây-sơn đã vào cửa bể, thủy bộ hai mặt đều kéo đến đánh Ngô-Cầu bết hoảng, từ ở đàn chay về dinh, gọi binh tướng để chống giữ, nhưng quân lính đều mỗi một cá, không ai có lòng muốn đánh.

Phạm-ngô-Cầu lại có tính đa nghi, Nguyễn-hữu-Chỉnh bèn làm một cái thư đề ngoài gửi cho phó-tướng là Hoàng-dinh-Thể 黃廷體, rủ về hàng Tây-sơn, rồi giả tảng sai người đưa nhảm sang cho Ngô-Cầu. Ngô-Cầu bắt được thư ấy nghi cho Hoàng-dinh-Thể nhị tâm. Đến khi quân Tây-sơn đến đánh, Hoàng-dinh-Thể đem quân bản bộ ra trận đối địch bắn hết thuốc đạn. Ngô-Cầu đóng cửa thành lại không ra tiếp ứng. Hoàng-dinh-Thể cùng hai con và vị tướng là Vũ tá Kiên 武佐堅 đều tử trận cả.

Khi quân Tây-sơn kéo đến đánh thành Phạm-ngô-Cầu kéo cờ trắng mở cửa thành ra hàng. Quân họ Trịnh giữ ở các đồn đều tan vỡ bỏ chạy. Trong mấy ngày mà đất Thuận-hóa ra đến Linh-giang đều thuộc về Tây-sơn cả. Bây giờ là tháng năm năm binh-ngọ (1736) đời Cảnh-hưng năm thứ 47.

4. Tây-sơn dứt họ Trịnh. -- Nguyễn-Huệ lấy được đất Thuận-hóa rồi, sai người giải Phạm Ngô-Cầu về Qui-nhơn, định tội phải chém, đoạn rồi Nguyễn-Huệ hội các tướng lại bàn sai người ra sửa sang đồn Đồng-hới, và định giữ địa-giới cũ ở sông La-hà 羅河. Nguyễn-hữu-Chỉnh nói rằng: ông phụng mệnh ra đánh một trận mà binh được đất Thuận-hóa, uy kinh cả chốn Bắc-hà. Phàm cái phép dùng binh, một là thời hai là thế ba là cơ, có ba điều ấy đánh đâu cũng được. Bây giờ ở đất Bắc-hà tướng thì lười, quân thì kiêu, triều đình không có kỷ-cương gì cả, nếu ông nhân lấy cái uy thanh này đem binh ra đánh thì làm gì mà không được. Ông không nên bỏ mất cái cơ, cái thời và

cái thế ấy. — Nguyễn-Huệ nói rằng : ở Bắc hà có nhiều nhân tài không nên coi làm thường. — Hữu-Chỉnh đáp lại rằng : Nhân-tài Bắc-hà chỉ có một mình Chỉnh, nay Chỉnh đã bỏ đi, thì nước không có ai nữa, xin ông đừng có ngại gì. — Nguyễn-Huệ, cười mà nói rằng : Ấy ! người khác thì không ngại, chỉ ngại có ông đó thôi ! — Hữu-Chỉnh thất sắc đi rồi nói rằng : tôi tự biết tài hèn nhưng mà tôi nói thế là có ý tỏ cho ông biết ngoài Bắc không có nhân tài đó thôi. — Nguyễn-Huệ lấy lời nói ngọt để yên lòng Hữu-Chỉnh và bảo rằng : Nhà Lê làm vua đã mấy trăm năm nay, bây giờ cướp lấy, chưa chắc lòng người đã theo mình. — Hữu-Chỉnh nói : Nay Bắc-hà có vua lại có chúa, ấy là một sự cớ kim đại biến. Họ Trịnh tiếng rằng phụ Lê, thực là hiệp chế, cả nước không ai phục. Và xưa nay không ai làm gì để giúp nhà Lê, là chỉ sợ cái thế mạnh đó mà thôi, nay ông mà phụ Lê giết Trịnh thì thiên-hạ ai chẳng theo ông. — Nguyễn-Huệ nói : Ông nói phải lắm, nhưng ta chỉ phụng mệnh đi đánh đất Thuận-hóa mà thôi, chứ không phụng mệnh đi đánh Bắc-hà, sợ rồi can tội kiêu-mệnh thì làm thế nào ? — Hữu-Chỉnh nói : kiêu chiến là tội nhỏ, việc ông làm là công to. Và làm tướng ở ngoài, có điều không cần phải theo mệnh vua, ông lại không biết hay sao ?

Nguyễn-Huệ bèn sai Nguyễn-hữu-Chỉnh đem thủy binh đi tiên phong vào cửa Đại-an đánh lấy kho lương ở bên sông Vị hoàng. Nguyễn-Huệ tự đem đại binh đi sau, ước với Hữu-Chỉnh đến sông Vị-hoàng đốt lửa lên làm hiệu.

Nguyễn-hữu-Chỉnh đem quân đi qua Nghệ-an, Thanh-hóa, quan trấn-thủ là Bùi-thế-Toại 裴世遠 và Tạ danh-Thủy 謝名垂 không ai dám ra cự địch, khi ra đến Vị-hoàng 渭濱 quan coi đồn ở đây bỏ chạy. Hữu-Chỉnh lấy được hơn trăm vạn斛 lương, rồi đốt lửa làm hiệu, quân Nguyễn-Huệ kéo đến đóng giữ ở đây.

Trước kia thành Phú-xuân đã vỡ rồi, tin báo đến Thăng-long, các quan báo rằng : xứ ấy vẫn không phải là đất của triều đình, bây giờ mất cũng không thiệt hại gì. Vì thế, chỉ sai Trịnh tự-Quyền 鄭自機 đem 27 cơ vào giữ đất Nghệ-

an. Trịnh-tự-Quyền thu xếp hơn 10 ngày chưa xong, đến khi đi được độ 30 dặm thì đã có tin báo Tây-sơn đến đóng ở sông Vi-hoàng rồi. Tự Quyền bèn đem quân xuống giữ ở mặt Kim động 金洞. Quan trấn-thủ Sơn nam là Bùi thế-Dận 裴世胤 đem bộ binh đến đóng ở xã Phú-sa, thuộc huyện Đông an Đinh-tích-Nhượng 丁錫壤 đem thủy quân ra giữ cửa Luộc. Bấy giờ gió đông nam thổi to, đến đêm Nguyễn Huệ sai lấy tượng gỗ đề lên trên mấy chiếc thuyền rồi đánh trống kéo cờ thả thuyền cho trôi đi. Đinh tích-Nhượng trông thấy tưởng là quân Tây-sơn đến đánh liền thuyền ra thành trận chử nhất, rồi truyền lấy súng mà bắn. Bắn mãi, sau mới biết người ở trên thuyền là tượng gỗ. Lúc quân Tây sơn tiến lên đánh thì Đinh tích Nhượng hết cả thuốc đạn phải bỏ thuyền mà chạy. Quân của Bùi-thế-Dận và Trịnh tự Quyền cũng tan cả. Nguyễn Huệ hạ được thành Sơn nam, rồi một mặt truyền lệnh đi các lộ nói lấy nghĩa phù Lê giết Trịnh, một mặt kéo quân lên lấy Thăng-long.

Bấy giờ ở kinh-thành thì quân kiên-bình không sai khiến được, mà quân Tây-sơn thì đã đến nơi rồi Trịnh-Khải mới cho gọi Hoàng-phùng-Cơ 黃馮基 ở Sơn-tây về, đem quân đóng ở hồ Vạn-xuân (xã Vạn-phú, Thanh-tri còn thủy binh thì đóng ở bến Tây-long (Thọ-xương để phòng giữ. Quân Tây sơn tiến lên đánh tan thủy quân của nhà Trịnh, Hoàng-phùng-ơ phải bỏ chạy. Trịnh Khải mặc áo nhung y cưỡi voi thúc quân vào đánh, nhưng thế Tây-sơn mạnh lắm, đánh không được, Trịnh-Khải phải bỏ chạy lên Sơn-tây. Đi đến làng Hạ-lôi, huyện Yên lãng, gặp tên Nguyễn-Trang 阮莊 đánh lừa bắt đem nộp cho Tây-sơn. Trịnh Khải về đến làng Nhật-chiều lấy gươm cắt cổ tự tận. Bấy giờ là năm binh ngọ (1786). Nguyễn-Huệ cho lấy vương lễ mà tống táng cho chúa Trịnh, rồi vào thành Thăng long yết kiến vua Lê.

Họ Trịnh giúp nhà Lê trung-hưng lên, rồi giữ lấy quyền chính, lập ra nghiệp chúa, lưu truyền từ Trịnh-Tùng đến Trịnh-Khải được 210 năm (1576-1786) đến đây là hết,

TRINH-THI THE-PUO 鄭氏世譜

1. THAI-SU TRINH-KIEM 太師鄭檢

Trinh-Cối 鄭棜
2. BINH AN VUONG TRINH-TUNG 平安王鄭松
Trinh-Dó 鄭杜
Trinh-Bông 鄭桐

3. THANH DO VUONG TRINH TRANG 淸都王鄭橙

4. TAY-VUONG TRINH TAC 西王鄭柞
Trinh-Kieu 鄭橋
Trinh-Thuc 鄭樸
Trinh-Lê 鄭棣
Trinh-Cam 鄭椽
Trinh-Toan 鄭楸

5. DINH VUONG TRINH CAN 定王鄭根

6. AN DO VUONG TRINH-CUONG 安都王鄭桐 (cháu ba đời Trinh Cán) 鄭樺

7. UY NAM VUONG TRINH GIANG 威南王鄭杠
8. MINH DO-VUONG TRINH-DOANH 明都王鄭橙
Trinh-Kieu 鄭橋

9. TINH DO VUONG TRINH SAM 靖都王鄭森
Trinh-Lê 鄭棣

10. BOAN-NAM VUONG TRINH KHAI 端南王鄭楷
11. AN-DO VUONG TRINH-BONG 安都王鄭橙

CHƯƠNG X

NHÀ HẬU-LÊ MẤT NGÔI VUA

1. Tây-sơn rút quân về Nam. — 2. Nguyễn-hữu-Chính chuyên quyền ở xứ Bắc. — 3. Tây-sơn lấy đất Bắc-hà.

1. Tây-sơn rút quân về Nam. — Nguyễn-Huệ đã dứt được họ Trịnh rồi, vào thành Thăng-long, xuống lệnh cấm quân lính không được cướp phá dân gian, và định ngày xin vào yết kiến vua Lê, ở đền Vạn thọ.

Bấy giờ vua Hiến tôn đang đau, không ngồi dậy tiếp được, ngài mời Nguyễn-Huệ vào ngồi gần sập ngự, lấy lời ôn tồn mà phủ dụ. Nguyễn-Huệ tâu bày cái lễ đem binh ra phủ Lê giết Trịnh, chứ không dám có ý dòm ngó gì. Vua mừng rỡ mà tạ Nguyễn Huệ.

Khi quân Tây sơn ra đến Thăng long, các quan triều-thần chạy trốn cả, chỉ còn có mấy người nội giám ở lại hầu hạ vua mà thôi. Nguyễn-hữu-Chính thấy vậy vào tâu với vua xin xuống chiếu tuyền triệu các quan về triều; được mấy hôm có độ mười người lục tục kéo nhau trở về. Vua bèn định đến ngày mồng 7 tháng 7 lập đại trào ở điện Kinh-thiên, Nguyễn-Huệ đem các tướng vào lạy và dâng sổ quân sĩ, dân đinh để tỏ rõ cái nghĩa tôn phủ nhất thống, nghĩa là tự đó về sau nhà Lê có quyền tự chủ.

Vua phong cho Nguyễn-Huệ làm Nguyên-soái, Uy-quốc công 元帥威國公, và lại gả cho bà Ngọc-hân-công chúa 玉欣公主 là con gái ngài. Chẳng bao lâu vua Hiến-tôn mất, Hoàng-tôn là Duy-Kỳ lên nối ngôi, đặt niên hiệu là Chiêu thống.

Nguyên lúc trước vua Tây-sơn là Nguyễn-Nhạc vốn không có ý ra đánh Bắc-hà, đến khi tiếp được thư của Nguyễn-Huệ nói sắp ra đánh ngoài Bắc, Nguyễn-Nhạc

vội vàng sai người ra Thuận-hóa ngăn lại. Nhưng khi sứ thần ra đến nơi, thì Nguyễn Huệ đã cử binh đi rồi. Sau lại tiếp được thư nói rằng quân Tây-sơn đã lấy được Thăng-long rồi, và còn phải ở lại để giúp nhà Lê. Nguyễn-Nhạc sợ em ở lâu ngoài Bắc-hà có sự biến chẳng, bèn đem 500 quân ra Thuận-hóa, rồi lấy thêm 2.000 quân nữa, đi không kỳ ngày đem ra thăng Thăng long.

Vua Chiêu-thống được tin vua Tây-sơn ra Bắc bèn đem bách quan ra đón ở ngoài Nam-giao. Nhưng Nguyễn-Nhạc cứ đi thẳng, rồi cho người đến nói rằng: xin để ngày khác tiếp kiến. Được mấy hôm Nguyễn-Nhạc mời vua Chiêu-thống sang phủ-đường làm lễ tương kiến. Nguyễn-Nhạc ngồi giữa, vua Chiêu-thống ngồi bên tả, Nguyễn-Huệ ngồi bên hữu, các quan văn võ đứng hầu hai bên.

Khi vào làm lễ xong rồi, vua Chiêu-thống xin nhường mấy quận đề khao quân. Nguyễn-Nhạc nói rằng: « Vì họ Trịnh hiếp chế, cho nên chúng tôi ra giúp nhà vua; nếu bằng đất nước họ Trịnh thì một tấc đất cũng không để lại, nhưng mà của nhà Lê thì một tấc cũng không dám lấy. Xin mong nhà vua gắng sức làm việc, giữ yên cõi đất, để đời đời giao-hiểu với nhau, ấy là cái phúc của hai nước đấy ».

Đoạn rồi vua Chiêu-thống về điện, hôm sau anh em Tây-sơn bàn rút quân về Nam, và thấy Nguyễn-hữu-Chỉnh là người giáo quyết, định bỏ lại ở Bắc-hà, bèn mật truyền cho các tướng thu xếp quân thủy bộ, kho tàng có gì lấy hết, rồi đến nửa đêm ngày 17 tháng 8, kéo quân về xứ Nam. Sáng hôm sau Nguyễn-hữu-Chỉnh biết quân Tây-sơn về rồi, sợ hãi lắm, hoảng-hốt bỏ cả đồ đạc, chạy xuống chiếc thuyền buôn vào Nghệ-an, theo vua Tây-sơn. Nguyễn-Nhạc thấy Hữu Chỉnh lại theo về, không nỡ bỏ, cho ở lại cùng với Nguyễn Tuệ 阮 睿 giữ đất Nghệ-an.

Bấy giờ quyền binh ở đất Bắc-hà về cả vua nhà Lê, thật là một cái cơ-hội ít có để lập lại cái nền tự-chủ của nhà Lê, nhưng tiếc vì vua Chiêu-thống không có tài quyết-đoán, mà đình-thần lúc bấy giờ không có ai là người biết kinh

luan : hễ thấy có giặc thì bỏ chạy, giặc đi rồi thì kéo nhau ra bàn ngược bàn xuôi, người thì định lập lại nghiệp chúa, kẻ thì muốn tôn phù nhà vua. Lại có giòng dõi họ Trịnh là Trịnh Lệ 鄭棣 và Trịnh-Bồng 鄭樞 chia đảng ra đánh nhau để tranh quyền. Vua Chiêu-thống bắt đặc dĩ phải phong cho Trịnh-Bồng làm Án-dô-vương 晏都王, lập lại phủ chúa. Đàng họ Trịnh lại toan đường hiệp chế nhà vua, vua Chiêu-thống phải xuống mật chiếu với Nguyễn-hữu-Chỉnh ra giúp.

2. Nguyễn-hữu-Chỉnh chuyên quyền ở xứ Bắc. — Nguyễn hữu Chỉnh tự khi trở về Nghệ an, chiêu mộ dũng sĩ, ngày đêm luyện tập nhân có chiếu nhà vua vào gọi, bèn thu xếp được hơn một vạn quân ra giúp vua Lê. Trịnh Bồng đem quân ra chống giữ, đánh thua phải bỏ chạy. Hữu-Chỉnh vào yết kiến vua Chiêu thống và chuyên giữ binh quyền.

Trịnh Bồng có khởi binh mấy lần để toan sự khôi phục, nhưng không thành công, cho nên cũng chán sự đời bèn bỏ đi tu, về sau không biết chết ở đâu. Họ Trịnh mất từ đấy.

Nguyễn-hữu-Chỉnh đánh đuổi họ Trịnh đi rồi, vua phong cho chức Đại-tư-dồ Bằng-trung công 大司徒鵬忠公. Từ đó Hữu-Chỉnh cậy công khinh người, làm lắm điều trái phép, vua cũng lấy làm lo. Nhưng không biết trông cậy vào ai, cho nên đành phải chịu vậy.

3. Tây-sơn lấy đất Bắc-hà. — Ở xứ Nam thì từ khi vua Tây-sơn là Nguyễn-Nhạc về Qui-nhon rồi tự xưng làm Trung-ương Hoàng-đế 中央皇帝, phong cho Nguyễn Lữ làm Đông-định-vương 東定王, ở đất Gia-định; cho Nguyễn-Huệ làm Bắc-bình-vương 北平王, ở đất Thuận hóa, lấy Hải-vân sơn làm giới hạn.

Được ít lâu Nguyễn-Nhạc và Nguyễn-Huệ có chuyện hiềm khích với nhau, Nguyễn-Huệ đem binh vào vây đánh thành Qui-nhon, ngặt đến nỗi Nguyễn Nhạc phải thân lên thành mà kêu khóc, gọi Nguyễn-Huệ mà bảo rằng:

« Nữ lòng nào lại nời da nấu thịt như thế. »⁽¹⁾ — Nguyễn Huệ động lòng, mới giải vây rút quân về Thuận-hóa.

Trong khi anh em Tây-sơn đánh nhau, thì Nguyễn-hữu-Chính ra Bắc hà, đến khi anh em Tây-sơn đã giảng hòa rồi, Nguyễn Huệ ở Phú xuân thấy Hữu-Chính lừng lẫy ở đất Bắc, bèn sai Vũ văn-Nhậm ra bắt.

Tháng 11 năm đinh-vị (1787) Vũ-văn-Nhậm phá quân Nguyễn hữu Chính ở Thanh-quyết-giang (làng Thanh-quyết huyện Gia viên) và ở Châu-câu phủ Lý-nhân) rồi đánh đuổi ra đến Thăng long.

Vua Chiêu-thống thấy quân của Nguyễn-hữu-Chính đã thua rồi, bèn bỏ Kinh-đô, chạy sang Kinh bắc, và sai Lê Quỳnh 黎 偶 cùng với hơn 30 người tôn-thất đem bà Hoàng-thái hậu, bà Hoàng-phi, và Hoàng-tử lên Cao bằng. Còn vua thì cùng với Hữu-Chính về đóng ở núi Mục-sơn 睦 山 ở đất Yên-thế.

Tướng Tây-sơn là Nguyễn văn-Hòa 阮 文 和 đem binh lên đánh bắt được Hữu-Chính đem về làm tội ở Thăng-long.

Vũ-văn-Nhậm giết Nguyễn-hữu-Chính rồi, cho đi tìm vua Chiêu thống không được, bèn tôn Sùng-nhượng-công tên là Lê-duy Cẩn 崇 讓 公 黎 維 禛 lên làm Giám-quốc để thu phục lòng người.

Bấy giờ các quan không ai theo, Sùng-nhượng-công ở trong điện chỉ có vài người hoàng thân và mấy viên võ tướng, sớm tối hầu hạ, còn thì không ai tâu hỏi việc gì cả. Ngày ngày cứ đi bộ sang chầu chực bên dinh Vũ văn Nhậm. Văn Nhậm cũng không biết xử ra làm sao. Người kinh thành thấy vậy gọi Sùng-nhượng-công là thầy *đề-lại giám-quốc*. Khi Bắc-bình-vương Nguyễn-Huệ sai Vũ văn-Nhậm ra đánh Nguyễn-hữu-Chính thì đã có lòng nghi Văn Nhậm, cho nên lại sai Ngô văn-Sở 吳 文 楚 và Phan văn-Lân

(1) Tục người trong Bình-định hề đi sâu được hươu nai gì thì lột da ra làm nời mà nấu thịt, ở đây Nguyễn-Nhạc có ý nói rằng cũng da cùng thịt nữ nào lại hại lẫn nhau vậy.

儒文 謙 làm tham tán quân-vụ, để chia bớt binh quyền. Đến khi Văn Nhậm lấy được Thăng-long bắt được Hữu Chính rồi, có ý cậy tài và ra bộ kiêu ngạo Ngô-văn-Sơ đem ý ấy viết thư về nói Văn-Nhậm muốn làm phản. Bắc-bình-vương lập tức truyền lệnh kón quân kỵ, đêm ngày đi gấp đường ra Thăng-long, nửa đêm đến nơi bắt Vũ văn-Nhậm giết đi, rồi truyền gọi các quan văn vũ nhà Lê cho vào yết kiến, đặt quan lục bộ và các quan trấn-thủ, để Lê-duy Cận làm giám-quốc chủ trương việc tế-lễ, dùng Ngô Thời-Nhậm 吳時任 làm Lại-bộ tả-thị-lang. Còn các quan nhà Lê thì có người ở lại nhận chức, có người trốn đi, cũng có người tuân tiết.

Bắc bình-vương đã đời đặt quan quân, chỉnh đốn mọi việc xong cả rồi, chọn ngày về Nam, để bọn Ngô-văn-Sơ ở lại giữ đất Bắc-hà.

Vua Chiêu-thống từ khi thua trận Mục-sơn chạy về núi Bảo lộc, rồi nay ở Hải-dương, mai ở Sơn-nam, cùng với mấy người trung nghĩa lo sự khôi phục nhưng vì thế lực mỗi ngày một kém, bề tôi như bọn Đinh-tích-Nhượng thì giở mặt làm phản, còn ai thì trốn tránh đi mất cả, bởi thế cho nên cơ-nghiệp nhà Lê đổ nát vậy.

Nhà Lê kể từ vua Thái-tổ khởi nghĩa, đánh đuổi quân nhà Minh về Tàu, lập lại cái nền tự-chủ cho nước nhà, truyền đến vua Chiêu tôn thì bị họ Mạc cướp mất ngôi. Sau nhờ có họ Nguyễn và họ Trịnh giúp đỡ, nhà Hậu Lê lại trung hưng lên, truyền đến vua Chiêu thống tức là Mãn-dế 愍帝 thì hết.

Nhà Lê làm vua, kể cả Tiền-Lê và Hậu-Lê, được 360 năm (1428 1788), trước sau sửa sang được nhiều việc : sự học hành, việc luật phép, việc canh nông, đều được mở mang ra hơn trước. Nhưng từ khi trung hưng lên trở về sau nhà vua bị họ Trịnh hiếp chế thành ra có vua, lại có chúa Vua ngồi làm vi, chúa giữ cả quyền chính trị. Đến khi nghiệp chúa suy thì ngôi vua cũng đổ vậy.

HẬU-LÊ THẾ-PHỐ 後黎世譜

Lam quốc công Lê Trừ (anh vua Thái-tổ)

藍國公黎除

Lê-Khang 黎康

Lê-Thọ 黎壽

Lê-đuy-Thiện 黎維紹

Lê-đuy-Quang 黎維發

3. ANH-TÔN ĐUY-BANG

英宗維邦

4. THẾ-TÔN ĐUY-ĐÀM

世宗維潭

Đuy-Trì 維持

5. KINH-TÔN ĐUY-TÂN

經宗維坦

6. THẠ-TÔN ĐUY-KỶ

世宗維紀

CHỨC TÔN Ý (Tiền-Lê)

昭宗椅

1. TRẠNG-TÔN ĐUY-NINH

莊宗維寧

2. TRUNG-TÔN ĐUY-THUYẾT

中宗維諫

7. CHÂN-TÔN ĐUY-HIỆP

真宗維結

8. HUYỀN-TÔN ĐUY-VŨ

玄宗維語

9. GIA-TÔN ĐUY-HỒI

嘉宗維後

10. HI-TÔN ĐUY-HỢP

熙宗維合

11. ĐUY-TÔN ĐUY-ĐƯƠNG

祐宗維昂

Đuy-Chúc 維祝

13. THUẬN-TÔN ĐUY-TƯỜNG

純宗維祥

12. ĐUY-PHƯƠNG-ĐẾ

讓幼帝

14. Y-TÔN ĐUY-TỬ

懿宗維儀

Đuy-Mật 維密

15. HIỂN-TÔN ĐUY-ĐÀO

顯宗維祿

Đuy-Vĩ 維禕

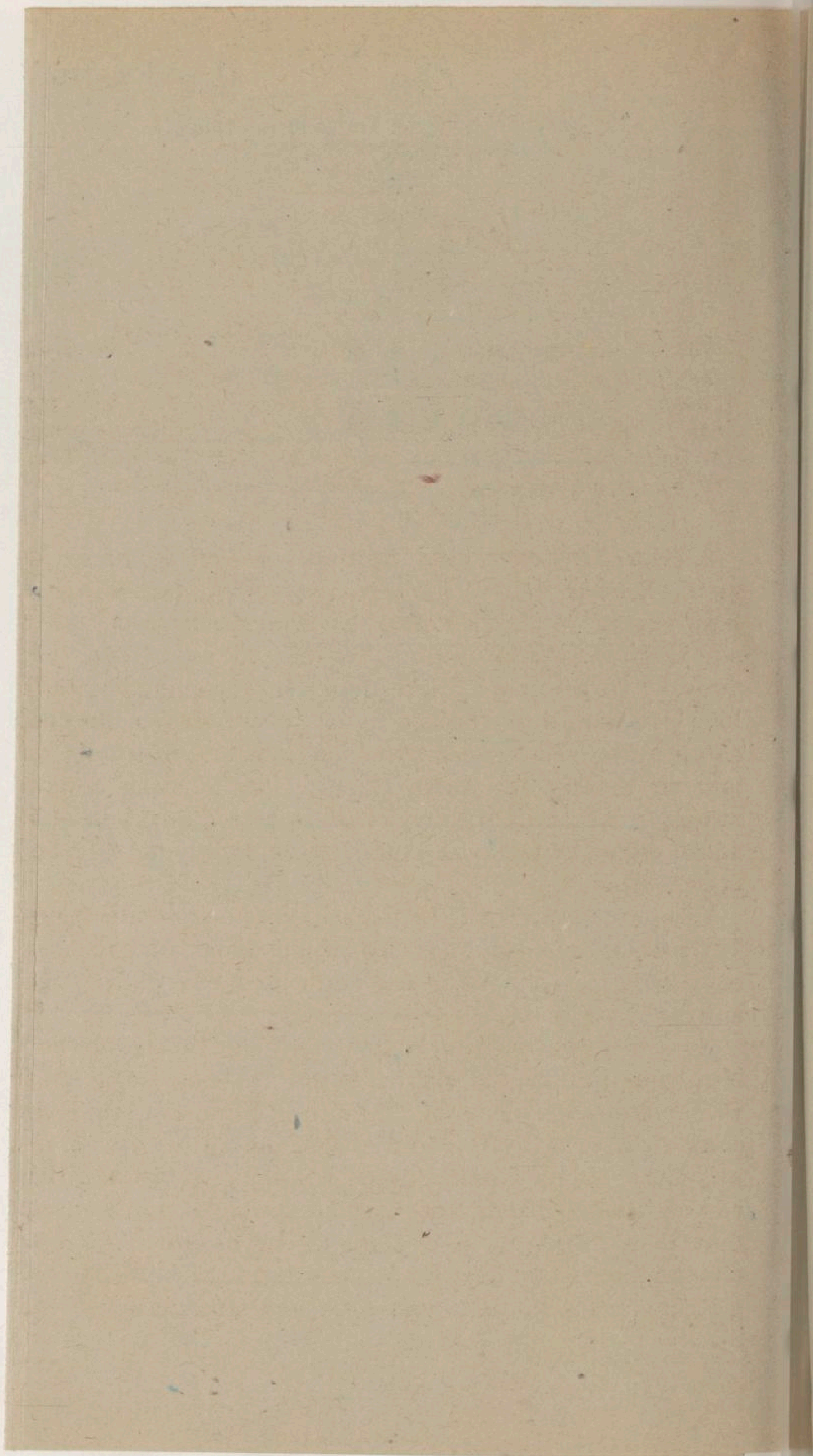
Đuy-Cần 維禎

Mãn-đế Đuy-Kỳ 愍帝維奇

Đuy-Du 維都

Đuy-Chi 維慈





CHƯƠNG XI

NHÀ TÂY-SƠN

(1788 — 1803)

1. Nhà Tây sơn dấy nghiệp. — 2. Vua Quang trung. — 3. Tôn-sĩ-Nghị đem quân sang An-nam — 4. Vua Quang-trung đại phá quân nhà Thanh — 5. Vua Quang-trung cứu phong. — 6. Vua Chiêu thông nhà Lê bị nhục bên Tàu. — 7. Chính trị của vua Quang-trung. — 8. Quan-chế. — 9. Việc đánh đồn. — 10. Việc định đánh Tàu. — 11. Vua Quang trung mất. — 12. Vua Nguyễn quang-Toản.

1. Nhà Tây-sơn dấy nghiệp — Những người làm quốc sử nước Tàu và nước ta, thường cứ chia nước nhà làm vua ra là *chính-thống* và *ngụy-triều*. Nhà nào mà một là đánh giặc mở nước, sáng tạo ra cơ nghiệp, hai là được kế truyền phân minh, thân dân đều phục; ba là dẹp loạn yên dân, dựng nghiệp ở đất trung nguyên, thì cho là *chính-thống*. Nhà nào mà một là làm tội cướp ngôi vua, làm sự thoán-đoạt không thanh; hai là xưng đế xưng vương ở chỗ rừng núi, hay là ở đất biên địa; ba là những người ngoại chủng vào chiếm nước làm vua, thì cho là *ngụy-triều*.

Vậy nay lấy những lẽ ấy mà xét xem nên cho nhà Nguyễn Tây sơn làm *chính-thống*, hay là *ngụy-triều*, để cho hợp lẽ công bằng và cho xứng cái danh hiệu của những người anh hùng đã qua.

Nguyên nước ta là nước quân chủ, lấy cái nghĩa vua tôi làm trọng hơn cả, thế mà từ khi nhà Lê trung-hưng lên trở về sau; họ Nguyễn hùng cứ phương Nam, họ Trịnh xưng chúa xứ Bắc; trên tuy còn tôn vua, nhưng mà quyền về cả nhà chúa. Trong nước ta đã có vua lại có chúa, làm thành ra vua không phải là vua, tôi không phải là tôi, ấy là một thời loạn. Đến sau ở xứ Nam thì có Trương phúc-Loan, chuyên quyền làm bậy, ở xứ Bắc thì có kiêu binh làm loạn, giết hại quan đại thần, vua chúa phải dấn mình mà chiêu

đãi đình-thần phải khoan tay mà chịu một bề, ấy lại là một lúc đại loạn vậy

Lúc ấy anh em ông Nguyễn Nhạc là người dân mặc áo vải, dấy binh ở núi Tây sơn, chống nhau với chúa Nguyễn để lập nghiệp ở đất Qui-nhon. Tuy rằng đối với họ Nguyễn là cứu địch nhưng mà đối với nước Nam thì chẳng qua cũng là một người anh-hùng lập thân trong lúc biến loạn đó mà thôi.

Còn như ông Nguyễn Huệ là vua Thái-tổ nhà Tây sơn, thì trước giúp anh bốn lần vào đánh đất Gia-định, đều được toàn thắng, phá hai vạn quân hùng beo của Liêm-la, chỉ còn được mấy trăm người lủi thủi chạy về nước; sau lại ra Bắc hà, giết họ Trịnh, tôn vua Lê, đem lại mối cương thường cho rõ ràng Ấy là đã có sức mạnh mà lại biết làm việc nghĩa vậy.

Nhưng vì vua nhà Lê nhu nhược, triều-thần lúc bấy giờ không ai có tài kinh luân, lại để cho Trịnh-Bồng và Nguyễn-hữu Chỉnh nổi nhau mà chuyên quyền, đến nỗi thành ra táng loạn. Dầu thế mặc lòng, khi ông Nguyễn-Huệ ra giết Vũ-văn-Nhâm rồi, không nỡ giết nhà Lê, đặt Giám-quốc để giữ tôn-miếu tiền triều; như thế thì cách ở với nhà Lê không lấy gì làm bạc.

Sau vua Chiêu-Thống và bà Hoàng-thái-hậu đi sang kêu cầu bên Tàu vua nhà Thanh nhân lấy dịp ấy mượn tiếng cứu nhà Lê để lấy nước Nam, bên sai binh tướng sang giữ thành Thăng-long. Bấy giờ cứ theo như tờ mật dụ của vua nhà Thanh thì nước Nam ta, bề ngoài tuy chưa ra mất hẳn, nhưng kỳ thực đã vào tay người Tàu rồi.

Vậy nước đã mất, thì phải lấy nước lại, ông Nguyễn Huệ mới lên ngôi Hoàng-đế, truyền hịch đi các nơi, đường đường, chính chính, đem quân ra đánh một trận, phá 20 vạn quân Tàu, tướng nhà Thanh là Tôn sĩ-Nghị phải bỏ cả ấn tín mà chạy làm cho vua tôi nước Tàu khiếp sợ, tướng sĩ nhà Thanh thất đảm. Tướng từ xưa đến nay nước ta chưa có võ công nào lắm liệt như vậy.

Và đánh đuổi người Tàu đi lấy nước lại mà làm vua thì có điều gì là trái đạo? Há lại chẳng hơn nhà Lý, nhà Trần

nhân lúc ấu-quân, nữ-chúa mà làm sự thoán-đoạt hay sao? Vậy thì lấy lẽ gì mà gọi là nguy? Huống chi sau vua nhà Thanh cũng công nhận cho ông Nguyễn-Huệ làm vua nước Nam, và lại sai sứ sang phong cho ông làm An-nam quốc-vương theo như lệ các triều trước, như thế thì nhà Tây-sơn mở nước có khác gì nhà Đinh và nhà Lê không? ☸

Tuy rằng chẳng được bao lâu nhà Tây-sơn sinh ra nội loạn, vua Thế-tổ Cáo-hoàng nhà Nguyễn ta lại thu phục được cơ-nghiệp cũ mà nhất thống cả nam bắc hai xứ lại làm một, nhưng việc thành bại hưng vong là mệnh trời, và lại khi hai người anh-hùng đuổi một con hươu, tất là người nọ gọi người kia là cừu địch. Vậy lấy lẽ tôn bản-triều mà xét thì nhà Tây sơn là nguy, mà lấy công-lý mà suy thì ông Nguyễn-Huệ là một ông vua cùng đứng ngang vai với vua Đinh Tiên-hoàng vua Lê Thái-tổ, mà nhà Tây-sơn cũng là một nhà chính-thống như nhà Đinh và nhà Lê vậy.

2. Vua Quang trung 1788-1792. — Ông Nguyễn-Huệ 阮惠 sau đổi tên là Nguyễn-quang-Bình 阮光平) là một người có sức khỏe tuyệt quần, lại có mưu trí quyền biến, mẹo mực như thần, khởi binh ở đất Tây-sơn (thuộc huyện An Khê, Bình định, giúp anh là ông Nguyễn Nhạc lập nên nghiệp lớn, được phong làm Bắc-bình-vương, đóng ở đất Phú-xuân.

Năm mậu-thân (1788) quân nhà Thanh mượn tiếng sang cứu nhà Lê chiếm giữ thành Thăng-long, có ý muốn lấy đất An-nam, Bắc-bình vương bèn lên ngôi Hoàng-đế đặt niên-hiệu là Quang-trung 光中, rồi đem binh đi đánh giặc.

3. Tôn sĩ-Nghị đem quân sang An-nam. — Nguyễn vua Chiêu thống 昭統 đã mấy lần toan sự khôi phục, nhưng không được, phải nương náu ở đất Lạng-giang; còn bà Hoàng-thái-hậu thì đem Hoàng tử sang Long-châu kêu van với quan Tàu, xin binh cứu viện. Bấy giờ quan Tổng-đốc lưỡng Quảng là Tôn-sĩ Nghị 孫士毅 dâng biểu tâu với vua Càn long nhà Thanh, đại lược nói rằng: "Họ Lê là cống thần nước Tàu, nay bị giặc lấy mất nước, mẹ và vợ Tự quân sang cầu cứu, tình cũng nên thương. Vả nước

Nam vốn là đất cũ của nước Tàu, nếu sau khi cứu nhà Lê phục quốc rồi sẽ để quân ở lại mà giữ; thế là cứu được nhà Lê, và lại lấy được đất An-nam, thực là lợi cả đôi đường. »

Vua Càn-long nghe lời tâu ấy sai Tôn-sĩ Nghị khởi quân 4 tỉnh Quảng-đông, Quảng tây, Qui-châu, Vân-nam đem sang đánh Tây-sơn. Tôn-sĩ-Nghị chia quân ra làm 3 đạo, sai quan tổng binh tỉnh Vân-nam và Qui-châu đem một đạo sang mạn Tuyên-quang¹, sai Sâm Nghi-Đống 岑宜棟 là tri-phủ Diên châu đem một đạo sang mạn Cao-bằng. Sĩ-Nghị cùng với đề đốc là Hứa-thế Hanh 許世亨 đem một đạo sang mạn Lạng-sơn, hẹn ngày tiến binh sang đánh An nam.

Tướng Tây-sơn là bọn Ngô-văn-Sở ở Thăng-long được tin quân Tàu đã sang, sợ thế yếu đánh không nổi, bèn rút quân thủy bộ về đóng giữ từ núi Tam-điệp² ra đến bờ bể, rồi sai người về Phú-xuân cáo cấp.

Tôn sĩ Nghị kéo quân đến Kinh-bắc (Bắc-ninh), vua Chiêu-thống ra chào mừng, rồi theo quân Tàu về Thăng-long. Sĩ-Nghị đóng đồn ở giữa bãi, về mé nam sông Nhị-hà, bắc cầu phao ở giữa sông để tiện đi lại, và chia quân ra đóng giữ các mặt.

Ngày hôm sau Sĩ-Nghị làm lễ tuyên đọc tờ sắc của vua nhà Thanh, phong cho vua Chiêu-thống làm An-nam quốc-vương.

Vua Chiêu-thống tuy đã thụ phong, nhưng các tờ văn thư đều phải đề niên-hiệu Càn long. Mà khi buổi chầu xong rồi, thì lại đến dinh Sĩ-Nghị đề châu chực việc cơ-mật quân quốc. Vua cưỡi ngựa đi với độ mười người lính hầu mà thôi. Sĩ-Nghị thì ngạo nghễ tự đắc, ý-tứ xử với vua rất là khinh bạc, có khi vua Chiêu-thống lại hầu, không cho vào yết kiến, chỉ sai một người đứng dưới gác chiêng truyền ra rằng: Không có việc quân quốc gì, xin ngài hãy về cung nghỉ.

Người hầy giở bàn riêng với nhau rằng: « Nước Nam ta

(1) Khi xưa đất Hà-giang, Lao-kay, Yên-báy thuộc địa hạt tỉnh Tuyên-quang.

(2) Núi Tam-điệp nước gọi là đèo Ba-dội ở chỗ phân địa giới tỉnh Ninh-binh và tỉnh Thanh-hóa.

từ khi có đế vương đến giờ, không thấy vua nào hèn hạ đến thế. Tiếng là làm vua mà phải theo niên-hiệu vua Tàu, việc gì cũng phải bẩm đến quan Tổng-đốc, thế thì có khác gì đã là nội thuộc rồi không ?

Vua và triều-thần bấy giờ việc gì cũng trông cậy vào Tôn-sĩ-Nghị ; ngày đêm chỉ lo việc báo ân báo oán, giết hại những người trước đã đi theo Tây-sơn. Mà Sĩ-Nghị thì càng ngày càng kiêu ngạo thêm, coi việc binh làm thường, lại thả quân lính ra cướp phá dân gian, làm lắm sự những nhiều. Vì thế cho nên lòng người mất cả trông cậy.

4. Vua Quang-trung đại phá quân nhà Thanh. — Bắc-bình-vương được tin quân nhà Thanh đã sang đóng ở Thăng-long, lập tức hội cả các tướng sĩ để bàn việc đem



*Tiền tượng vua Quang trung
của vua Càn-long nhà Thanh sai người vẽ đưa sang cho.*

Bình ra đánh, các tướng đều xin hãy chính ngôi tôn, để yên lòng người rồi sẽ khởi binh.

Bắc-bình-vương bèn sai đắp đàn ở núi Bàn-sơn, ngày 25 tháng một năm Mậu-thân (1788), vương làm lễ lên ngôi Hoàng-đế, rồi tự mình thống lĩnh thủy bộ đại binh ra đánh giặc Thanh. Ra đến Nghệ-an nghỉ lại 10 ngày để kén lấy thêm binh, cả thấy được 10 vạn quân và hơn 100 con voi.

Vua Quang-trung diêm duyệt quân sĩ, truyền dụ nhủ bảo mọi người phải cố gắng đánh giặc giúp nước. Đoàn rồi kéo quân ra Bắc, đến ngày 20 tháng chạp thì đến núi Tam-diệp. Bọn Ngô-văn-Sở, Ngô-thi-Nhiệm đều ra tạ tội, kể chuyện quân Tàu thế mạnh, sợ đánh không nổi, cho nên phải lui về giữ chỗ hiểm yếu.

Vua Quang-trung cười mà nói rằng : « Chúng nó sang phen này là mua cái chết đó thôi. Ta ra chuyến này thân coi việc quân đánh giặc đã định mẹo rồi, đuổi quân Tàu về chẳng qua 10 ngày là xong việc. Nhưng chỉ nghĩ nó là nước lớn gấp mười nước ta sau khi nó thua một trận rồi, tất nó lấy làm xấu hổ, lại mưu báo thù, như thế thì đánh nhau mãi không thôi. dân ta hại nhiều ta sao nỡ thế. Vậy đánh xong trận này, ta phải nhờ Thi-Nhiệm dùng lời nói cho khéo để chỉ việc chiến-tranh. Đợi mười năm nữa nước ta dưỡng được sức phú cường rồi, thì ta không cần phải sợ nó nữa. »

Vua Quang-trung truyền cho tướng sĩ ăn tết Nguyên đán trước, để đến hôm trừ-tịch thì cất quân đi; định ngày mồng 7 tháng giêng thì vào thành Thăng-long mở tiệc ăn mừng. Đoàn rồi, truyền lệnh cho ba quân đến nghe sai phái.

Đại-tư-mã Sở 楚, Nội-hầu Lân 麟 đem tiền quân đi làm tiên-phong.

Hàm-hồ-hầu 曷虎侯 đem hậu quân làm đốc-chiến.

Đại-dô-đốc Lộc 祿, Đô-đốc Tuyết 雪 đem hậu quân cùng thủy quân, vượt qua bể vào sông Lục-dầu. Rồi Tuyết thì kinh-lược mặt Hải-dương, tiếp ứng đương mé đông; Lộc thì

kéo về vùng Lạng-giang Phượng-nhơn, Yên-thế, để chặn đường quân Tàu chạy về.

Đại-dò đốc Bảo 保, Đô-dốc Mưu 謀 đem tá quân cùng quân tượng mã đi đường núi ra đánh phía tây. Mưu thì xuyên ra huyện Chương-đức (nay là Chương mỹ, tiện đường kéo thẳng đến làng Nhân-mục, huyện Thanh tri đánh quân Điền-châu. Bảo thì thống suất quân tượng mã theo đường huyện Sơn-lãng ra làng Đại-áng thuộc huyện Thanh-tri tiếp ứng cho mặt tả.

Năm quân được lệnh đều thu xếp đầu đấy, đến hôm 30 khuya trống kéo ra ngoài Bắc. Khi quân sang sông Giản-thủy (?), cánh nghĩa-quân của nhà Lê tan vỡ chạy cả. Vua Quang trung thân đốc các quân đuổi theo đến huyện Phú-xuyên bắt sống hết được toàn quân Tàu đóng ở đấy, không một người nào chạy thoát được, vì thế cho nên không có tin báo về, những quân Tàu đóng ở làng Hà-hồi 河 涸 và làng Ngọc-hồi 玉 涸 không biết gì cả. Nửa đêm ngày mồng 5 tháng giêng năm kỷ-dậu (1789) quân vua Quang trung đến làng Hà hồi vây kín đồn giặc, rồi bắc loa lên gọi, các quân dạ rầm cả lên, có hàng muôn người. Quân canh đồn bảy giờ mới biết, sợ hãi thất thổ, đều xin hàng, bởi thế lấy được hết cả quân lương và đồ khí giới. — Sáng mờ mờ ngày mồng năm quân Tây sơn tiến lên đến làng Ngọc-hồi, quân Tàu bắn súng ra như mưa. Vua Quang trung sai người lấy những mảnh ván, ghép ba mảnh lại làm một, lấy rơm cỏ giấp nước quấn ở ngoài, rồi sai quân kiêu dũng cứ 20 người khiêng một mảnh, mỗi người dắt một con giao nhon, lại có 20 người cầm khí giới theo sau. Vua Quang-trung cưỡi voi đi sau đốc chiến quân An-nam vào đến gần cửa đồn, bỏ ván xuống đất rút dao ra, xông vào chém, quân đi sau cũng kéo ùa cả vào đánh. Quân Tàu địch không nổi, xông xao tán loạn, xéo lẫn nhau mà chạy. Quân Nam thừa thế đánh tràn đi, lấy được các đồn giết quân nhà Thanh thấy nằm ngổn ngang khắp đồng, máu chảy như thác nước. Quân các đạo khác cũng đều được toàn thắng. Quan nhà Thanh là đề-dốc Hứa-thế-Hạnh 許 世 亨, tiên-phong Trương-

sĩ-Long 張士龍, tả dực Thượng-duy-Thăng 尙維昇 đều tử trận cả; quan phủ Điền-châu là Sầm-nghi-Đổng 岑宜棟 đóng ở Đống-đa¹ bị quân An nam vây đánh cũng thất cò mà chết.

Tôn sĩ-Nghị nửa đêm được tin báo, hoảng hốt không kịp thăng yên ngựa và mặc áo giáp, đem mấy tên lính kỵ chạy qua sông sang Bắc. Quân các trại nghe tin như thế, xôn xao tan ra chạy trốn, tranh nhau sang cầu, một lát cầu đổ, sa cả xuống sông chết đuối, sông Nhị-hà đầy những thây người chết.

Vua Chiêu-thống cũng theo Tôn-sĩ-Nghị sang sông cùng với bà Hoàng-thái-hậu và mấy người cận-thần chạy sang Tàu.

Đạo quân Vân-nam và Qui-châu đóng ở miền Sơn-tây² nghe tin quân Tôn Sĩ-Nghị đã thua, cũng rút quân chạy về.

Ngày hôm ấy vua Quang-trung đốc quân đánh giặc, áo ngự bào bị thuốc súng bắn vào đen như mực. Đến trưa thì vào thành Thăng-long, sai tướng đem binh đuổi đánh quân nhà Thanh đến cửa Nam-quan. Những dân Tàu ở gần Lạng-son sợ khiếp đi, đàn-ông đàn bà dắt diu nhau mà chạy, từ cửa ải về mé bắc hơn mấy trăm dặm, tịnh không nghe thấy tiếng một người nào!

Vua Quang-trung vào thành Thăng-long, hạ lệnh chiêu an, phạm những người Tàu trốn tránh ở đâu ra thú tội, đều được cấp cho áo mặc lương ăn. Lại bắt được cả ấn tín của Tôn-sĩ-Nghị bỏ lại, trong những giấy má bắt được có tờ mật-dụ của vua Càn-ong; nói rằng: *Việc quân nên từ đồ, không nên hấp tấp. Hãy nên đưa hịch truyền thanh thế đi trước, và cho các quan nhà Lê về nước củ hợp nghĩa-binh, tìm tư quân nhà Lê, đem ra đứng đầu đề đồ địch với Nguyễn Huệ, thử xem sự thế thế nào. Nếu lòng người nước Nam còn nhớ nhà Lê có quân ta kéo đến, ai là chẳng gắng sức. Nguyễn-Huệ tất phải tháo lui; ta nhân lấy dịp ấy mà*

(1) Ở cạnh Thái-hà-ấp gần Hà nội.

(2) Trước đất Phú thọ, Vĩnh-yên thuộc về địa hạt tỉnh Sơn-tây.

sai Tụ-quân đuổi theo, rồi đại binh của ta theo sau, như thế không khó nhọc mấy nổi mà nên được công to. Đó là mẹo hay hơn cả. Vì bằng suốt người trông nước, rĩa theo đàng nọ, nĩa theo đàng kia, thì Nguyễn Huệ tất không chịu lui. Vậy ta hãy đưa thư sang tỏ bảo đường họa phúc, xem nó đối đóp làm sao. Đợi khi nào thủy-quân ở Mãn, Quảng đi đường bẻ sang đánh mặt Thuận-hóa và Quảng-nam, rồi bộ-binh sẽ tiến lên sau, Nguyễn-Huệ rước sau bị địch thế tất phải chịu. Bây giờ ta sẽ nhân mà làm ơn cho cả hai bên: tự đất Thuận-hóa Quảng-nam trở vào Nam, thì cho Nguyễn-Huệ: tự châu Hoan, châu Ái trở ra Bắc thì phong cho Tụ-quân nhà Lê. Ta đóng đại-binh lại để kiểm chế cả hai bên, rồi sẽ có xử-trí về sau

Vua Quang trung đem tờ mật dụ ấy bảo với Ngô-thì-Nhiệm rằng: « Ta xem tờ chiếu của vua nhà Thanh chẳng qua cũng muốn mượn tiếng để lấy nước ta đó thôi. Nay đã bị ta đánh thua một trận, tất là lấy làm xấu hổ, chắc không chịu ở yên. Hai nước mà đánh nhau thì chỉ khổ dân. Vậy nên dùng lời nói khéo, để khiến cho khỏi sự binh đao, việc ấy nhờ nhà người chủ trương cho mới được. »

Ngô-thì-Nhiệm vâng lệnh làm thư đại khái nói rằng: nước Nam vốn không dám chống cự với đại quốc, nhưng chỉ vì Tôn-sĩ Nghi làm nhỡ việc cho nên phải thua. Vậy nay xin tạ tội và xin giảng hòa.

Vua Quang trung sai sứ đem thư sang Tàu, và lại sai đem những quân nhà Thanh đã bắt được, để ở một nơi, cấp cho lương thực, đợi ngày cho về nước. Xếp đặt mọi việc xong rồi, đem quân về Nam, lưu Ngô-văn-Sổ 吳文楚 và Phan-văn-Lân 潘文璘 ở lại tổng thống các việc quân quốc; còn những việc từ linh giao thiệp với nước Tàu thì ủy thác cho Ngô-thì-Nhiệm 吳時任 và Phan-huy-lch 潘輝益, cho được tự tiện mà khu xử, hề không có việc quan hệ thì bất tất phải đi lại tàu báo làm gì.

5. Vua Quang-trung cầu phong, — Vua nhà Thanh nghe tin Tôn-sĩ-giệ bãi binh, nổi giận dùng dùng, lập

tức giáng chỉ sai quan nội các là Phúc-Khang-An 福康安¹ ra thay Sĩ Nghị làm tổng-đốc lương Quảng, đem binh mã chín tỉnh sang kinh-lý việc An-nam.

Phúc-khang-An ra đến Quảng-tây nghe tiếng quân An-nam thế mạnh trong bụng đã sợ, có ý muốn hòa, bèn sai quan đưa thư sang nói việc lợi hại và bảo phải làm biểu tạ tội để cho yên việc binh đao.

Vua Quang-trung bèn cho người đưa vàng bạc sang đút lót cho Khang An, rồi sai người cháu là Nguyễn-quang Hiên 阮光顯 và quan là Vũ huy-Tấn 武輝璫 đem đồ cống phẩm sang Yên-kinh vào chầu vua nhà Thanh và dâng biểu xin phong.

Bấy giờ quan ngoài thì có Phúc-khang An đề đạt giúp đỡ, quan trong thì có các-thần là Hòa-Thần 和珅² làm chủ trương, cho nên vua nhà Thanh mới thuận cho giảng hòa. Bọn Hòa Thần được tiền bạc của vua Quang-trung đút lót, rồi dùng lời nói khéo, điều gì cũng hợp ý vua nhà Thanh. Vua nhà Thanh bèn sai sứ sang phong cho vua Quang-trung làm An nam quốc vương, và lại giáng chỉ với quốc vương vào chầu.

Vua Quang-trung bèn chọn một người hình dung giống mình tên là Phạm công-Trị 范公治, trá làm quốc-vương, rồi sai bọn Ngô-văn-Sở, Đặng-văn-Chân, Phan-huy Ích, Võ-huy Tấn đưa sang Yên-kinh, vào chầu vua Càn-long. Ngoài những phẩm vật phải đem cống vua Quang-trung tại đem cống thêm đôi tượng đực, làm cho các cung trạm ở dọc đường bên Tàu phải phục dịch đưa đón thật là vất vả. Quan tổng đốc lương Quảng là Phúc khang An 福康安 và quan tuần phủ Quảng-tây là Tôn vĩnh Thanh 孫永清 phải đưa Quốc-vương An-nam vào kinh.

Sang đến Yên kinh, vua Càn long nhà Thanh tưởng là Nguyễn Quang trung thật, với đến chầu ở Nhiệt hà cho vào

(1) Phúc-khang-An là người Mãn-châu, thuộc về dinh Hoàng kỳ, vốn là người tin dùng của vua nhà Thanh.

(2) Hòa-Thần cũng là người Mãn-châu và dinh Hoàng-kỳ, cùng với Phúc-khang An sai việc phiên-viên.

làm lễ ốm gối, như là tình cha con một nhà, và cho ăn yến với các thân-vương. Đến lúc về nước, vua lại sai thợ vẽ làm một bức tranh truyền-thần để ban cho, ân lễ thật là hậu.

6 Vua Chiêu-thống nhà Lê bị nhục bên Tàu. — Vua Chiêu thống theo Tôn-sĩ Nghị vào thành Nam ninh ở Quảng-tây, được ít lâu thì vua nhà Thanh sai các-thần là Phúc-khang-An ra thay Tôn-sĩ Nghị. Khang-An muốn giảng hòa với Tây-sơn, bèn mời vua Chiêu-thống về Quế-lâm. Bảy giờ những quan cựu thần nhà Lê là : Hoàng-thúc Lê-duy-An 黎維祚 Đĩnh nha-Hành 丁迓衡, Đĩnh-linh-Dận 丁令胤, Trần huy-Lâm 陳輝林, Lê-Doãn 黎允, Lê-Dĩnh 黎灝, Phan khải-Đức 潘啓德, Bế-nguyên-Cung 閉阮傑, Bế-nguyên-Doãn 閉阮允 đều lục tục sang theo vua Chiêu-thống, vào ra mắt Khang-An.

Khang-An dùng Đĩnh-nha-Hành làm chức thủ-bị Toàn-châu, Phan-khải Đức làm chức đô tư Liễu-châu, còn thì tùy tiện an trí mỗi người một nơi. Duy chỉ có Lê-duy-An, Trần-huy-Lâm, Lê-Doãn, Lê-Dĩnh về Quế-lâm theo vua nhà Lê.

Đến tháng tư năm kỷ-dậu (1789), vua tôi nhà Lê vào thành Quế-lâm, Khang-An nói thác ra bảo vua Chiêu-thống rằng : Trời đang mùa hè nắng nóng, sang đánh phương nam không tiện, nên đề đến mùa thu mát mẻ sẽ khởi binh. Vậy nhà vua nên gióng giả dẫn bọn tướng thuộc đi trước. Nhưng nhà vua hãy nên gọt đầu thay áo, làm như dáng người Tàu, để khi về nước, giặc không nhận được mặt. Việc hành binh phải nên biến trá, đợi khi thành công rồi lại theo tục nước mà ăn mặc. Vua Chiêu thống không ngờ là Khang An đánh lừa mình, bèn cùng với các quan cạo đầu gióc tóc, đổi đồ ăn mặc.

Phúc-khang-An bèn làm một tờ biểu tâu với vua nhà Thanh rằng : « Vua nước Nam là Lê-duy-Kỳ không có ý xin viện binh nữa, vua tôi hiện đã gióc tóc, thay áo, xin yên tâm ở lại nước Tàu. Vậy xin bãi binh đánh An nam ở trong lại cộ Hòa-Thần tán thành, bởi vậy vua nhà Thanh mới xuống chỉ bãi binh.

Vua nhà Thanh đã nghe lời bọn Phúc-khang-An và Hòa-Thân, và đã phong vương cho vua Quang-trung rồi, lại giáng chỉ triệu vua tôi nhà Lê về Yên-kinh¹.

Mùa xuân năm canh-tuất (1790) vua Chiêu-thống cùng với các quan tòng vong vào Kinh. Vua Càn-long đề vua Chiêu-thống, bà Thái-hậu và Hoàng-tử ở ngõ Hồ-đồng tòa Quốc-sử giám, cửa Tây-định ở Yên-kinh, ngoài cửa đề chữ: « Tây An-uam dinh ». Còn các quan An-nam đi theo, thì cho ở ngõ Hồ-đồng Dương-phố, cửa Đông-trực, ngoài cửa đề chữ: « Đông An-nam dinh ».

Vua Chiêu-thống đến Yên-kinh được mấy hôm, thì thấy quan Đô-thống Nương-hoàng kỳ là Kim Giản 鑲黃旗都統金簡, phụng chỉ vua nhà Thanh ra phong cho chức Tả-linh 佐領 và ban cho áo mũ quan tam-phẩm. Còn các quan đi theo, thì cấp cho mỗi người ba lạng bạc và một thạch gạo.

Vua Chiêu-thống giận vì người Tàu đánh lừa, bèn cùng với bề-tôi là bọn Phạm-như Tùng 范如松, Hoàng-ích-Hiệu 黃益曉, Lê-Hân 黎昕, Nguyễn-quốc-Đổng 阮國棟, Nguyễn viết Triệu 阮日肇, Lê-qui-Thích 黎貴適, Nguyễn đình Miên 阮廷綿, Lê-văn-Trương 黎文張, Lê-Tùng 黎松, Lê Thức 黎式 uống máu ăn thề, định sống chết thế nào thì cũng

(1) Bọn Lê Quýnh 黎儁, Trịnh-Hiến 鄭憲 cả thầy đến 10 người sau cũng bị Phúc-khang-An gọi về Quảng-tây, rồi bắt cắt áo gióc tóc như mọi người. Lê Quýnh nói rằng: « Ông cho gọi chúng tôi đến chẳng bàn được điều gì, lại đổ chúng tôi cắt áo, gióc tóc, ấy là nghĩa gì? Đầu chúng tôi có thể chặt được, chứ tóc không gióc đã có thể lột được, chứ áo không đứt! »

Phúc-khang-An tức giận cho giải cả về Yên kinh, đi đến Sơn-đông gặp vua Càn-long đi chơi, vua đời vào hỏi sao vua An nam đã chịu cắt áo gióc tóc theo nhà Thanh mà bọn ấy lại còn không chịu? Lê-Quýnh tâu rằng: « Chúng tôi muốn dậm tòng vong, xin cứ theo tục bản quốc vào ra mắt quốc-vương, rồi sau sẽ vâng chỉ ». Vua nhà Thanh khen là trung. Nhưng về sau Lê Quýnh không chịu gióc tóc, chiếu tội vi-mệnh phải giam mãi.

dâng biểu xin binh cứu viện. Nếu không cho, thì xin dặt hai tỉnh Tuyên-quang, Thái-nguyên, để phụng thờ tôn tự; mà không nữa, thì xin cho về nước, yao dặt Gia-dinh với chúa Nguyễn, để đề việc khôi-phục.

Văn biểu làm xong, đến nói lớt trước với Kim Giản 金簡, Kim-Giản không nghe, vua tới nhà Lê phục xuống dặt mà kêu khóc. Kim-Giản bắt dắc dĩ mời vào an ủy rồi nói rằng: hãy xin về quán nghỉ ngơi, đợi đề thương lượng thế nào, sau sẽ cho biết.

Kim-Giản bèn mưu với Hòa-Thân phân trí vua tới An-nam đi ở mỗi người một nơi, để cho khỏi kêu ca khó chịu.

Đến tháng tư năm tân-hợi (1791) Hoàng Ích-Hiệu phải đày sang I lệ (thuộc Hồi-bộ ở Tây-vực, phía tây nước Tàu), Lê-Hán đày đi Phụng-thiên (Mãn-châu); Phạm Như-Tùng đày lên Hắc long-giang (Mãn-châu); Nguyễn-quốc Đông đày đi Cát lâm (Mãn-châu); Nguyễn-việt-Triệu, Lê-quí-Thích, Nguyễn-đình-Miên Đạm-thận-Xương, Lê-văn Trương đày ra bến Trương-gia ở Nhiệt-hà (thuộc tỉnh Trực-lệ). Chỉ đề Phạm đình-Thiện, Đinh nhĩ-Hành ở lại hầu hạ vua Lê.

Vua Chiêu-thống nghe chuyện ấy lo lắng chua xót, ruột nóng như lửa dốt, sáng hôm sau cưỡi ngựa đến nhà Kim-Giản, để kêu oan cho mấy người phải đi đày, gặp Kim-Giản vào chầu vua nhà Thanh ở vườn Viên-miền, vua Chiêu-thống đi vào cửa vườn, bị lính giữ vườn ngăn cấm không cho đi. Bấy giờ có người Nguyễn-văn-Quyên 阮文淵 đi theo hầu vua, thấy lũ lính vô lễ, mới nổi giận lên mà chửi mắng rằng: « Lũ chó Ngô kia sao chúng bay được làm nhục đến vua tao! » Rồi lấy gạch ném vào chúng nó. Chúng nó xúm nhau lại đánh Văn-Quyên về thành bệnh mà chết.

Tự đó vua Chiêu-thống trong bụng buồn bã rầu rĩ, không dám nói đến việc xin binh nữa. Qua sang tháng năm năm nhâm tí (1792) hoàng-tử lên đậu mất. Vua nhân việc đó phải bệnh một ngày một nặng, đến tháng mười năm qui-sửu (1793) thì mất, thọ được 28 tuổi.

Vua nhà Thanh sai theo lễ tước công mà táng ở ngoài cửa Đông-trực.

Tháng 11 năm kỷ-mùi (1799) đời vua Gia-khánh thì bà Hoàng-thái-hậu mất.

Đến năm nhâm-tuất (1802) nhân khi bên An nam ta vua Thế-tô nhà Nguyễn đã thống nhất cả nam bắc, và có sứ ta sang cầu phong, các quan nhà Lê mới nhân dịp dâng biểu xin đem ma Thái-hậu và Cố quân về nước. Vua Gia-khánh nhà Thanh cho tất cả những người An nam theo vua Lê sang Tàu về nước.

Sử chép rằng khi đào đất lên để cải táng ma Cố-quân, thì thấy da thịt đã tiêu cả, chỉ còn có quả tim không nát, vẫn đỏ như thường. Ai trông thấy cũng động lòng thương xót. Dẫu chuyện đó thực hư thế nào mặc lòng, nhưng tưởng đến tình cảnh vua Chiêu-thống lúc bấy giờ, thì ai cũng ái ngại thay cho ông vua một nước phải đầy đọa đến nỗi như thế, có thể làm được một bài bi kịch thảm xót muôn đời. Tuy rằng tại vua tôi nhà Lê vụng tinh cho nên bị người ta đánh lừa, nhưng cũng nên trách vua quan nhà Thanh xử tệ bạc đãi một ông vua vong quốc, đem thân đến nương nhờ nước mình. Ấy cũng là một thời giã-man về đời áp-chế, khiến cho cái oan khổ của người ta muôn đời về sau không tiêu thoát đi được.

Khi đem ma bà Thái-hậu và vua Chiêu-thống về đến An-nam, thì bà Hoàng-phi trước phải ẩn nấp ở đất Kinh bắc, nay lên đến Ai-quan đón rước, rồi về đến Thăng-long cũng nhận ăn mà tự tử.

Ngày 24 tháng 11, rước ma Cố-quân, Thái-hậu, Hoàng-phi, và Hoàng-tử về táng ở lăng Bàn-thạch ở Thanh hóa.

7. Chính-trị của vua Quang-trung — Vua Quang-trung đã chịu vua nhà Thanh phong rồi, tự xử theo cách Hoàng-đế, lập bà Ngọc-Hân con vua Hiến-tôn nhà Lê làm Bắc-cung Hoàng-hậu, lập con là Quang-Toản 光 纘 làm Thái tử. Lại lấy thành Nghệ-an là đất giữa nước, và lại là đất tổ khi xưa ở đó, mới sai thợ thuyền tải vận đá, gỗ, gạch, ngói, sửa sang đền đài cung điện, và sai quân các đạo đào lấy đá ong để xây nội thành, gọi là Phượng-hoàng trung-

Đô 鳳凰中郡. Cải thành Thăng-long là Bắc thành 北城, chia đất Sơn nam ra làm hai trấn, gọi là Sơn-nam-thượng, Sơn-nam-hạ¹.

Mỗi trấn đặt quan Trấn-thủ 鎮守 và quan Hiệp trấn 協鎮. Mỗi huyện, văn thì đặt chức phân-tri 分知 để xét việc kiện cáo, võ thì đặt chức phân-suất 分率 để coi việc binh lương.

8. Quan-chế. — Quan-chế thời bấy giờ thì không thấy sử chép rõ, nhưng xem các dã-sử thì thấy có tam công 三公, tam thiếu 三少, có Đại-chủng-tề 大冢宰, Đại-tư-đồ 大司徒, Đại-tư-khẩu 大司寇, Đại-tư-mã 大司馬, Đại-tư-không 大司空, Đại-tư-hội 大司會, Đại-tư-lệ 大司隸, Thái úy 太尉, Đại-tổng-quản 大總管, Đại-đồng-lý 大董理, Đại-đô-đốc 大都督, Đại-đô-bộ 大都護 v. v. Lại có Trung-thư-tỉnh 中書省, Trung-thư-lệnh 中書令, Đại-học-sĩ 大學士, Hiệp-biên-đại-học-sĩ 協辦大學士, Thị-trung-ngự-sử 侍中御史, Lục-bộ-thượng-thư 六部尙書, Tả-hữu-đồng-nghị 左右同議, Tả-hữu-phụng-nghị 左右奉議, Thị-lang 侍郎, Tư-vụ 司務, Hàn-lâm 翰林 v. v. . . .

Về đường quân binh thì đặt ra tiền-quân, hậu-quân, trung-quân, tả-quân, hữu-quân v. v.

9. Việc đinh điền. — Đinh thì chia ra làm ba hạng: từ 2 tuổi đến 17 tuổi làm hạng « vị cập cách », từ 18 đến 55 tuổi làm tráng hạng; từ 56 đến 60 tuổi làm lão hạng; từ 61 trở lên làm lão nhiều.

Ruộng cũng chia ra làm ba hạng: nhất đẳng điền mỗi mẫu phải nộp 150 bát thóc, nhị đẳng điền mỗi mẫu 80 bát, tam đẳng điền mỗi mẫu 50 bát. Lại thu tiền *thập-vật* 什物 mỗi mẫu một tiền và tiền *khoán-khố* 券庫 mỗi mẫu 50 đồng.

Ruộng tư điền cũng đánh thuế: nhất đẳng điền mỗi mẫu nộp 40 bát thóc, nhị đẳng điền mỗi mẫu 30 bát, tam đẳng điền mỗi mẫu 20 bát. Tiền *thập-vật* cũng theo như ruộng công điền, còn tiền *khoán-khố* thì mỗi mẫu phải nộp 30 đồng.

¹(1) Trấn lý Sơn-nam-thượng ở Châu-cầu, trấn lý Sơn-nam-hạ ở Vị-hoàng

10 Việc học hành. — Đời Tây-sơn việc cai-trị thường hay dùng chữ nôm. Nhà vua muốn rằng người An-nam thì phải dùng tiếng An-nam, để gây thành cái tinh thần của nước nhà, và cái văn-chương đặc biệt, không phải đi mượn tiếng mượn chữ của nước Tàu. Vậy nên khi thi cử thường bắt quan ra bài bằng chữ nôm và bắt sĩ tử làm bài bằng chữ nôm. Thời bấy giờ nhiều người không hiểu rõ cái ý nghĩa sau xa ấy, cho là vua Tây-sơn dùng hà chính mà ức hiếp nhân dân.

11. Việc làm chùa chiền. — Vua Quang-trung thấy làng nào cũng có chùa chiền, mà những người đi tu hành thì ngu dốt, không mấy người đạt được cái đạo cao sâu của Phật, chỉ mượn tiếng thần thánh mà đánh lừa kẻ ngu dân, ngài xuống chiếu bắt bỏ những chùa nhỏ ở các làng, đem gỗ gạch làm ở mỗi phủ mỗi huyện một cái chùa rất to rất đẹp, rồi chọn lấy những tăng nhơn có học thức, có đạo đức ở coi chùa thờ Phật. Còn những người không xứng đáng thì bắt về làm ăn. Ý vua Quang-trung muốn rằng chỗ thờ Phật phải cho tôn nghiêm, mà những người đi tu hành thì phải là người chân tu mộ đạo mới được.

Những việc cải cách ấy rất có nghĩa lý, nhưng vì thuở ấy có nhiều sự chiến tranh và nhà Tây-sơn cũng không làm vua được bao lâu, cho nên thành ra không có công-hiệu gì cả.

12. Việc định đánh Tàu. — Trước vua Quang-trung cầu hòa với nước Tàu và chiu phong, là cốt để đợi ngày có đủ sức mà đánh báo thù, cho nên từ khi trong nước đã dẹp yên rồi, ngày đêm trù tính việc đánh Tàu. Định-thần ai cũng bàn nên xét số dân định cho dịch thực để kén lấy lính. Vua bèn xuống lệnh cho các trấn bắt dân xã làm lại sổ đinh, ai ai cũng phải biên tên vào sổ, rồi cấp cho mỗi người một cái thẻ bài, khắc bóng chữ THIÊN HẠ ĐẠI TÍN 天下大信, chung quanh ghi tên họ quê quán, và phải điểm chỉ làm tin. Người nào cũng phải đeo thẻ ấy gọi là

tin bài 信牌. Ai không có thẻ là dân lậu, bắt sung vào quân phòng, và bắt tội tổng trưởng, xã trưởng. Nhân có việc ấy, những kẻ lại dịch hiệp với xã trưởng đi lại làm bậy: thường vào làng vấy bắt hỏi thẻ, làm cho dân giặc nhiều động, nhiều người phải trốn vào rừng mà ở.

Sở đình làm xong rồi cứ ba tên đình kén lấy một người linh.

Quân thì chia ra làm đạo, cơ, đội. Đạo thì thống các cơ, cơ thì thống các đội. Cơ đội nào theo về cơ đội ấy, bắt phải diễn tập luôn luôn.

Bấy giờ ở bên Tàu có những giặc Tàu-ô, quấy nhiễu ở miền bề bị quân nhà Thanh đánh đuổi, chạy sang xin phụ thuộc nước ta, vua Quang-trung cho người tướng Tàu-ô làm chức tổng-binh, sai sang quấy nhiễu ở mặt bề nước Tàu. Lại có người thuộc về đảng Thiên-địa-hội 天地會 làm giặc ở Tứ-xuyên vua cũng thu dùng cho làm tướng.

Công việc xếp đặt đâu vào đấy rồi, đến oăm nhâm-tí (1792) vua Quang-trung sai sứ sang Tàu, xin cầu hôn và xin trả lại cho An-nam đất lương Quảng. Việc ấy tuy không phải là bản ý, nhưng muốn mượn chuyện để thử s vua nhà Thanh. Không ngờ vua Quang-trung phải bệnh mất, các quan gìm việc cầu hôn và việc xin trả đất đi, không cho Thanh triều biết.

18. Vua Quang-trung mất. — Vua Quang-trung mất năm nhâm-tí (1792), làm vua được 5 năm, thọ được 40 tuổi, hiệu là Thái-tổ Võ-hoàng-đế 太祖武皇帝.

Triều thần bấy giờ là bọn Bùi-đắc-Tuyên 裴得宣, Trần-quang-Diệu 陳光耀¹, Vũ-văn-Dũng 武文勇 lập Thái-tử là Nguyễn quang loãn lên nối ngôi làm vua, rồi sai sứ sang Tàu dâng biểu cáo tang và cầu phong. Trong biểu nói dối rằng khi vua Quang-trung mất có dặn lại rằng phải đem chôn ở Tây-hồ gần Bắc-thành, để tỏ cái bụng quyến luyến

(1) Có sách chép là Nguyễn-quang-Diệu

trông về Thiên-triều. Vua nhà Thanh xem biểu tượng là thật, khen là trung, đặt tên thụy cho là *Trung-Thuân* 忠純, lại ngự chế một bài thơ sang viếng, sai quan An sát Quảng-tây là Thành-Lâm sang tế, và phong cho Quang-Toản làm An-nam quốc vương. Trong bài văn tế có câu rằng :

*Chầu ngôi Nam cực,
Lòng trung nghĩa hết đạo thờ vua ;
Chôn đất Tây - hồ
Nghĩa thần tử vẫn còn mền Chúa.*

12. Vua Cảnh thịnh (1782-1802). — Khi vua Quang-trung mất thì Thái-tử là Nguyễn Quang-Toản mới lên 10 tuổi, triều-dình tôn lên làm vua, đặt niên-hiệu là Cảnh-thịnh 景盛, sau thành Phú-xuân thất thủ, vua tới nhà Tây-sơn chạy ra Bắc-hà, lại đổi niên-hiệu là Bảo-hung 寶興.

Vua Cảnh-thịnh tuy đã lên ngôi nhưng mà việc gì cũng do ở Thái-sư là Bùi-đắc Tuyên quyết đoán cả. Bùi-đắc-Tuyên là anh ruột bà Thái hậu, cho nên uy quyền lại càng hống-hách lắm. Các quan văn võ có nhiều người không phục, bởi vậy cho nên về sau trong Triều phân ra bè đảng, các đại thần giết hại lẫn nhau. Vả lại lúc bấy giờ có vua Thế-tổ Cao-hoàng nhà Nguyễn là một bậc có tài trí, quyết chí phục thù, cho nên cơ nghiệp nhà Tây-sơn không được bao lâu mà đổ nát vậy.

CHƯƠNG XII

NGUYỄN-VƯƠNG NHẤT THÔNG NƯỚC NAM

1. Nguyễn-vương Ánh ở Tiêm-la. — 2 Nguyễn-vương về lấy Gia-định. — 3 Nguyễn-vương sửa sang mọi việc ở Gia-định — 4 Việc khai khẩn điền thổ. — 5. Việc buôn bán. — 6. Ông Ba-đa-lộc và Hoàng tử Cảnh ở Pháp về. — 7. Nguyễn-vương đánh Qui-nhơn lần thứ nhất. — 8 Thế lực Tây-sơn. — 9. Nguyễn-vương đánh Qui-nhơn lần thứ hai. — 10. Nguyễn-vương đánh Qui-nhơn lần thứ ba. — 11. Quân Tây-sơn vây thành Bình-định. — 12. Nguyễn-vương thu phục Phú-xuân. — 13 Võ-tính tử tiết — 14. Trận Trấn-ninh. 15. Nguyễn-vương chính ngôi tôn. — 16 Quân Nam ra lấy Bắc-hà.

1. Nguyễn-vương Ánh ở Tiêm-la. — Tháng tư năm Ất-tị (1785), ông Nguyễn-Huệ phá quân Tiêm-la ở Mỹ tho. Nguyễn-vương thế cô, lại phải sang nương nhờ nước Tiêm. Đến khi các tướng sĩ đã biết ngài ở Tiêm la, đều lục tục kéo sang bãi yết, bấy giờ có quan cũ là Lê-văn-Quân 黎文勾 đem 600 người sang theo giúp. Vua nước Tiêm để cho người An-nam ở riêng một chỗ, gọi là Long-kỳ, ở ngoài thành Vọng-các (Bangkok).

Nguyễn-vương bèn phân tri mọi người đi làm các việc : người thì đi làm ruộng để lấy thóc gạo nuôi quân, người thì đi ra các đảo làm sẵn chiến thuyền, người thì đi lên về Gia định chiêu tập những kẻ nghĩa dũng để đợi ngày khôi phục.

Lúc bấy giờ nhân có quân Duyệt-điện sang đánh Tiêm-la, Nguyễn-vương cùng với bọn Lê-văn-Quân 黎文勾 Nguyễn-văn Thành 阮文誠 đem quân bản bộ đi đánh giúp nước Tiêm. Nguyễn-vương lại có công trừ được những giặc Mã-lai, thường vẫn hay đến quấy nhiễu ở mặt bể. Bởi vậy cho nên nước Tiêm lại càng trọng đãi vua tôi nhà Nguyễn lắm.

2. Nguyễn-vương về lấy Gia-định. — Trong khi Nguyễn-vương còn phải nương náu ở đất Tiêm-la, ông

Nguyễn-Huệ tiến binh ra Bắc hà giết Trịnh Khải, tôn vua Lê, rồi về được phong là Bắc-bình-vương, đóng ở Phú xuân. Ông Nguyễn-Nhạc xưng là Trung-ương Hoàng-đế, phong cho Nguyễn-Lữ làm Đông-định-vương vào giữ đất Gia-định.

Nhưng chẳng được bao lâu Nguyễn-Nhạc và Nguyễn-Huệ không hòa với nhau. Nguyễn-Huệ đem quân Phú-xuân vào vây thành Qui-nhơn nguy cấp lắm Nguyễn-Nhạc phải vội dò-đốc Đặng-văn-Chân 鄧文真 đem quân ở Gia-định ra cứu.

Từ đó quân thế của Tây-sơn ở Gia-định đã kém, ở các nơi lại có nhiều đảng theo về chúa Nguyễn, rồi nổi lên đánh phá, làm cho quân Tây-sơn càng ngày càng thêm khó giữ. Và trong mấy anh em Tây sơn chỉ có ông Nguyễn-Huệ là anh-hùng kiệt-hiệt hơn cả, mà đã ra chuyên giữ mặt bắc. thì công việc mặt nam phó mặc Nguyễn-Lữ là một người tầm-thường, cho nên thế Tây-sơn ở mặt ấy thành ra suy nhược.

Lúc bấy giờ Nguyễn-vương ở Tiêm-la vẫn có người đi về tin tức, biết có cơ-hội lấy được đất Gia-định, mà cũng biết rằng người Tiêm-la đã không giúp được cho mình lại còn có bụng ghen ghét : như năm đình-vị (1787) có người Bồ-đào-nha đưa quốc thư sang cho Nguyễn-vương xin đem binh và thuyền ở thành Goa¹ lại giúp. Vua Tiêm-la biết việc ấy lấy làm không bằng lòng Nguyễn-vương phải từ chối và tạ ơn người Bồ-đào-nha.

Đến khi được tin rằng đất Gia-định có thể lấy được, vương bèn đề thư lại từ tạ vua Tiêm-la, rồi nửa đêm đem vương mẫu và cung quyến xuống thuyền về nước. Bấy giờ là tháng bảy năm đình-vị (1787).

Nguyễn-vương đi qua đảo Cồ-cốt có người nhà Thanh tên là Hà-hí-Vân 何喜文 thuộc về Thiên-địa-hội 天地會 đem mấy người đến xin theo giúp. Vương về đến Hà-tiên cho người đưa vương mẫu và cung quyến ra ở Phú quốc, rồi cùng mọi người về đóng ở Long-xuyên.

(1) Đất thuộc địa của Bồ-đào-nha ở Ấn-độ.

Lúc bấy giờ Nguyễn-vương đi đến đâu, những người hào kiệt ra theo rất nhiều. lại có tướng Tây sơn là Nguyễn Văn-Trương 阮文張 đem 300 quân 15 chiếc thuyền ra hàng. Qua tháng 9 vương vào cửa Cần-giờ, quân thế to lắm, Đông-dinh-vương Nguyễn-Lữ khiếp sợ, để quân thái-phó Phạm-văn-Tham 范文參 ở lại giữ thành Sài còn rồi lui về đóng ở Lạng-phụ thuộc Biên-hòa.

Nguyễn-vương sai người trá làm một cái thư của Nguyễn-Nhạc gửi cho Nguyễn-Lữ, trong thư bảo phải giết Phạm-văn-Tham đi rồi vương sai người giả tăng đưa lăm cho Phạm-văn-Tham. Phạm-văn-Tham bắt được cái thư ấy sợ hãi, lập tức về Lạng-phụ để phân giải tình oan với Nguyễn-Lữ, nhưng Nguyễn-Lữ tuấy tự nhiên Phạm-văn-Tham kéo quân đến, lại có cờ trắng đi trước tưởng là Văn-Tham đã hàng nhà Nguyễn rồi vội vàng bỏ thành chạy về Qui-nhơn, được ít lâu thì mất.

Phạm-văn-Tham trở về giữ thành Gia-định đánh phá được quân nhà Nguyễn. Nguyễn-vương phải rút về miền Mỹ-tho, chỉ còn được 300 quân và vài mươi chiếc thuyền, thế lực đã núng lắm. Nhưng nhờ có mộ thêm được mấy nghìn quân Cao-miên, và lại có mấy toán quân Tây-sơn về hàng, cho nên quân thế mới hơi vững.

Bấy giờ lại nhờ có ông Võ-Tính 武性 là tướng giỏi ra giúp, cho nên Nguyễn-vương lại tiến lên đánh ở Nước xoáy, Phạm-văn-Tham lui về đóng ở Ba-thắc.

Võ-Tính là người ở Biên-hòa, có người anh tên là Võ-Nhân làm thuộc-tướng Đồ-thanh-Nhân 杜清仁. Sau Thanh-Nhân bị giết. Võ-Nhân tụ quân Đông-sơn làm phản, đánh lại chúa Nguyễn, nhưng chẳng bao lâu cũng bị bắt, phải giết. Võ-Tính mới đem dư đảng Đông-sơn của anh về giữ Vườn-trâu (thuộc Gia-định, rồi sau lại về đóng ở Gò-công, xưng là Tổng-nhung, thủ hạ có mấy vạn người, quân Tây sơn đã bị đánh phá nhiều lần thường nói rằng: « Trong bọn tam hùng đất Gia-định Võ-Tính là anh-hùng nhất, không nên phạm đến. » Khi Nguyễn-vương ở Tiêm-la về có sai Nguyễn-dức-Xuyên 阮德川 đến dụ Võ-Tính về giúp. Bến

khi Nguyễn vương về đóng ở Nước-xoáy, Võ-Tĩnh đem bộ-hạ đi đuổi đánh Phạm-văn-ham rồi đến tháng tư năm mậu thân (1788) mới đem bọn Võ-văn-Lượng 武文諒, Nguyễn-văn-Hiếu 阮文孝, Mạc-văn-Tô 莫文蘇, Trần-văn-Tin 陳文信 đến hành tại bãi kiến Nguyễn-vương. Nguyễn vương mừng rỡ, phong cho làm Tiền-phong-dinh Chưởng-cơ và lại gả cho bà Ngọc du công-chúa là em ngài. Bọn Võ văn Lượng đều được phong làm cai cơ

Qua tháng 7 năm ấy (1788) Nguyễn-vương đem quân về đóng ở Tam-phụ rồi sai ông Tôn thất Hội 尊室會 và Võ-Tĩnh đem binh vào đánh quan đốc-chiến Tây-sơn là Lê-văn-Minh 黎文明 ở đồn Ngũ-kiều 伍標, đốt phá cả đồn trại, bắt được tướng sĩ rất nhiều. Lại có tướng là Nguyễn-văn-Nghĩa 阮文義 phá được quân Tây-sơn ở Lộc-giã (tức là Đồng-nai). Tháng tám thì Nguyễn vương vào thành Gia-định, chiêu yên trăm họ, sửa sang phép tắc, và phong thưởng cho các tướng sĩ.

Bấy giờ quan thái-bảo Tây-sơn là Phạm-văn-Tham vẫn đóng ở Ba-thắc 巴武; vương sai giữ các cửa bể không cho quân Tây-sơn chạy thoát, rồi sai Nguyễn-văn-Nhân 阮文開 sang Tiêm-la báo tiếp; sai Nguyễn văn Nhân 阮文仁 và Trương-phúc-Giáo 張福教 ra Phú quốc đón vương mẫu và cung quyến về Gia-định.

Sang năm kỷ-dậu (1789) Phạm-văn-Tham ở Ba-thắc đem binh xuống thuyền định ra bể về Qui-nhơn, nhưng Nguyễn-vương đã sai Lê-văn-Quân Tôn thất Hội, Võ-Tĩnh, Nguyễn-văn-Trương hợp binh lại đánh ở Hồ-châu quân Phạm-văn-Tham không phá được vây, lại phải lui về Ba-thắc. Văn-Tham chờ không thấy viện binh liệu thế giữ không nổi, bèn đem quân ra hàng, được ít lâu bị tội phải giết.

Từ đó toàn đất Gia-định thuộc về nhà Nguyễn cả.

3. Nguyễn-vương sửa sang mọi việc ở Gia định.

Nguyễn-vương thu phục được đất Gia-định, rồi, lập ra luật pháp, không cho dân gian đánh cờ bạc, lại nghiêm

cắm phủ thủy và đồng bóng để giữ phong tục cho khỏi sự mê hoặc

Trước hết vương lo chỉnh đốn những việc thuế khóa, việc canh nông, để lấy lương tiền nuôi tướng sĩ và tu bổ việc vũ bị. Lại đặt ra các sở công-đồng để các quan văn võ hội nghị mọi việc quốc quân, và lo sự tiến binh đánh Tây sơn.

4. Việc khai khẩn điền thổ — Đất Gia-định lúc bấy giờ chia ra làm 4 doanh là : Phiên-trấn 藩鎮, Trấn-biên 鎮邊, Trấn-vĩnh 鎮永 và Trấn-định 鎮定, nhưng vì phải loạn lạc mãi, dân sự đói khổ, ruộng đất bỏ hoang, lương thực không đủ. Nguyên-vương bèn sai bọn văn thần là Trịnh hoai-Đức 鄭懷德, Lê-quang-Định 黎光定, Ngô-tùng Chu 吳從周, Hoàng-minh-Khánh 黃明慶 cả thảy là 12 người làm điền-tuấn-quan để khuyên nhủ quân dân cố sức làm ruộng. Từ lính phủ-binh cho đến người cùng cố đều bắt phải đi làm ruộng cả. Hễ ai không chịu làm thì bắt phải làm lính để thay cho phủ-binh.

Đến mùa thóc chín thì cứ mỗi người cày ruộng đồng-bằng phải nộp 100 cơ¹. mà ai cày ruộng núi thì phải nộp 70 cơ trở lên. Ai nộp đủ lệ ấy, như phủ-binh thì được miễn cho một năm không phải đi đánh giặc, mà dân đinh thì được miễn cho một năm giao dịch. Ai không nộp đủ thì không được dự vào lệ miễn ấy.

Lại mộ những dân ở các nơi đến làm ruộng gọi là điền-tốt 田卒. Quan điền tuấn 田峻官 lấy ruộng đất bỏ hoang cấp cho để cày cấy. Ai không có đủ trâu bò và cày bừa thì quan cũng cấp cho, rồi đến mùa phải trả bằng thóc.

Nguyên vương lại phát trâu bò và điền khí cho quác dân, bắt đi khai khẩn những nơi rừng núi để làm ruộng, gọi là đồn-điền, rồi đến mùa lấy thóc để vào kho, gọi là đồn-điền khố 屯田庫.

Các quan văn võ đều phải mộ người lập thành đội, gọi là đồn-điền đội 屯田隊, mỗi năm mỗi người phải nộp 6

(1) Mỗi một cơ là 42 bát.

học thóc. Còn dân mà ai mộ được 10 người trở lên, thì cho làm cai-trại và được trừ sưu dịch.

Cách Nguyễn-vương khai khẩn đất Gia-dinh thật là khôn khéo, khiến cho đất Nam-kỳ trước là một chỗ đất bỏ hoang, không có người ở, mà sau thành ra một xứ rất đông người và rất trù phú trong nước Nam ta. Ấy cũng là một cái công lớn của ông Nguyễn-phúc Anh vậy.

5. Việc buôn-bán. — Nguyễn-vương lập lệ: phạm những thuyền của khách mà có chở những đồ gang, sắt, kẽm và lưu hoàng thì quan mua để làm binh-khí, và cho cứ theo số hàng nhiều ít, được chở thóc gạo về nước. Bởi vậy những khách buôn bán cũng vui lòng đem đồ hàng đến bán. Vương lại sai quan ở doanh Trấn-biên cứ theo giá chợ mà mua lấy đường cát để đổi cho những người lấy đường mà lấy đồ binh-khí.

6. Ông Bá-da-Lộc và Hoàng-tử Cảnh ở Pháp về. — Từ mùa đông năm giáp thìn (1784), ông Bá-da-Lộc đem Hoàng-tử Cảnh cùng với bọn Phạm-văn-Nhân, Nguyễn-văn-Khiêm xống tàu sang Tây; đi qua Ấn-độ-dương vào thành Phong-ti-thê-ri (Pondichéry) đất Ấn độ, ở lại gần 20 tháng, rồi đến mùa xuân năm丁未 (1787), thì chiếc tàu chở ông Bá-da-Lộc mới vào cửa Lorient ở phía tây nước Pháp-lâu-tây.

Ông Bá-da-Lộc đưa Hoàng-tử Cảnh vào yết-kiến Pháp hoàng Louis XVI. Pháp hoàng lấy vương-lê tiếp đãi Hoàng-tử, và giao cho thượng-thư Ngoại-giao bộ là de Montmorin bá-tước, thương-nghị với ông Bá-da-Lộc việc sang giúp Nguyễn-vương.

Đến ngày 28 tháng Novembre 1787 thì ông Bá-da-Lộc và de Montmorin bá-tước ký tờ giao ước, đại-lược nói rằng :

1. Vua nước Pháp thuận giúp cho Nguyễn-vương 4 chiếc tàu chiến, và một đạo binh: 1.200 lục-quân, 200 pháo-binh, 250 hạc-binh ở Phi-châu (Cafres) và đủ các thứ súng ống thuốc đạn.

2. Vì vua nước Pháp có lòng giúp như thế, Nguyễn-vương phải nhường đất cho nước Pháp cửa Hội-an (Faifo) và đảo Cô-lôn (Poulo-Condor).

3. Nguyễn-vương phải để cho người nước Pháp ra vào buôn bán tự do ở trong nước, ngoại giặc không cho người nước nào ở Âu-châu sang buôn bán ở nước Nam nữa.

4. Khi nào nước Pháp có cần đến lính thủy, lính bộ, lương thực, tàu bè ở phương đông, thì Nguyễn-vương phải ứng biện cho đủ giúp nước Pháp.

5. Khi Nguyễn-vương đã khôi phục được nước rồi, thì phải cứ mỗi năm làm một chiếc tàu, y như tàu của nước Pháp đã cho sang giúp, để đem sang trả cho Pháp-hoàng ⁽¹⁾.

Tờ giao-ước ký xong rồi, Pháp-hoàng xuống chiếu giao cho quan tổng-trấn thành Pondichéry ở đất Ấn-độ tên là de Conway bá-tước, kinh-lý việc sang giúp Nguyễn-vương.

Ngày mồng 8 tháng chạp tây, năm 1787, ông Bá-đa-Lộc vào bái tạ Pháp-hoàng Louis XVI, rồi đem hoàng-tử Cảnh xuống tàu về nước Nam. Nhưng đến khi sang tới thành Pondichéry, vì ông de Conway bá-tước có chuyện bất hòa với ông Bá-đa-Lộc, cho nên bá-tước mới tìm cách ngăn trở việc giúp Nguyễn-vương, rồi làm sớ về tâu Pháp-hoàng xin bãi việc ấy đi, lấy cớ rằng sự đem binh sang cứu viện Nguyễn-vương là việc rất khó mà không có lợi gì.

Pháp-dinh thấy sớ của de Conway bá-tước nói như vậy, cũng lấy làm nản; vả lại lúc bấy giờ chính-phủ còn đang bối rối về việc trong nước dân cách-mệnh đã rục rịch cả mọi nơi, cho nên bỏ việc ấy không nói đến nữa.

Ấy cũng vì có de Conway bá-tước, cho nên việc sang cứu viện Nguyễn-vương không thành, bởi vậy sau ông Faure chép chuyện ông Bá-đa-Lộc, có tiếc rằng: « Vì bằng lúc bấy giờ chính-phủ nước Pháp mà sẵn lòng giúp ông Bá-đa-Lộc, thì có lẽ ông ấy đã lập nên cho nước Pháp thành cuộc bảo hộ ở nước An-nam ngay từ cuối đời thập-bát

(1) Tờ giao-ước nay hiện còn ở ngoại giao-bộ ở Paris, và đã biên về ở sách ông Gossehn.

thế-kỹ, khiến cho về sau khỏi phải dùng đến sự chiến-tranh mới xong công việc ».

Ông Bá đa-Lộc thấy ông de Conway không chịu xuất binh thuyền, bèn đứng lên đi mộ người, mua tàu và súng ống khí giới để đem sang giúp Nguyễn-vương.

Đến tháng 6 năm kỷ-dậu 1789, ông Bá đa-Lộc và hoàng-tử Cảnh đi chiếc tàu chiến Méduse về đến Gia-định. Các tàu buôn chở súng ống thuốc đạn cũng lục tục sang sau.

Bấy giờ những người Pháp tên là Chaigneau (Nguyễn-văn-Thắng), tức là chúa tàu Long, Vaunier (Nguyễn-văn-Chấn, tức là chúa tàu Phụng), de Forçant (Lê-văn-Lãng)



Ông Chaignean (Nguyễn Văn-Thắng) chúa tàu Long

Victor Ollivier (ông Tín), Dayot v. v. cả thầy đến non 20 người theo ông Bá đa-Lộc sang giúp Nguyễn-vương, vương phong quan tước cho cả mọi người, để luyện tập quân-sĩ. làm tàu, đúc súng, và chỉnh đốn mọi việc vũ-bị.

Từ đó, thế lực của Nguyễn-vương mỗi ngày một mạnh, tướng tá mỗi ngày một đông, lương thực nhiều, quân sĩ giỏi, việc đánh phá Tây-sơn đã chắc lắm rồi.

Tháng tư năm tân-hợi (1791), bà thứ-phi sinh ra hoàng tử thứ tư tên là Đám 瞻, tức là vua Thánh-lỗ, ở làng Tân-lộc, gần Sài-gòn bảy giờ. Đến tháng ba năm quý-sửu (1793), thì vương lập hoàng-tử Cảnh làm Đông-cung, phong chức nguyên-súy, lĩnh tả-quân-doanh.

7. Nguyễn-vương đánh Qui-nhơn lần thứ nhất. — Nguyễn-vương đã khôi phục được đất Gia-định rồi, nghỉ ngơi hơn một năm để chỉnh đốn mọi việc. Đến tháng tư năm canh-tuất (1790) mới sai quan chưởng-tiền-quân là Lê Văn-Quân 黎文勾 đem 5.000 quân thủy và quân bộ ra đánh lấy Bình-thuận, sai Võ-Tĩnh 武性 và Nguyễn-văn-Thành 阮文誠 đem quân đi làm tiên-phong. Chẳng bao lâu quân nhà Nguyễn lấy được đất Phan-ri và hạ được thành Bình-thuận. Nhưng vì Lê-văn-Quân và Võ-Tĩnh hai người không chịu nhau, Nguyễn-vương bèn lưu Lê văn Quân ở lại giữ Phan-ri, triệu Võ-Tĩnh và Nguyễn-văn-Thành về Gia-định. Lê-văn-Quân đem quân ra đóng ở Phan-rang bị quân Tây-sơn đến vây đánh, phải cho người đi gọi Võ-Tĩnh và Nguyễn-văn-Thành trở lại cứu, nhưng Võ-Tĩnh không chịu trở lại, chỉ có Nguyễn-văn-Thành đưa binh đến đánh giải vây rồi cùng Lê-văn-Quân về giữ Phan-ri.

Lê-văn-Quân lấy điều bại binh ấy làm thẹn, xưng bệnh không ra coi việc binh nữa. Đến khi về Gia-định nghị tội phải cách hết chức tước, Lê văn Quân uống thuốc độc tự tử¹.

Quân nhà Nguyễn ra đánh Tây-sơn lần ấy không lợi; và bấy giờ là mùa tháng 7, gió bắc thổi mạnh, cho nên Nguyễn-vương truyền rút quân về Gia-định để đợi mùa gió nam lại tiến binh. Lúc bấy giờ hai bên cứ chờ mùa gió thuận thì mới đem quân đi đánh nhau, cho nên người đời bấy giờ gọi là *giặc mùa*.

(1) Lê văn-Quân là một người công thần đã theo phò Nguyễn chú trong lúc gian nan, nay cũng bất đắc kỳ tử.

Năm nhâm-tí (1792) tháng ba, nhân khi mùa gió nam thổi mạnh, Nguyễn vương sai tướng là Nguyễn-văn-Trương cùng với Nguyễn-văn-Thành, Dayot và Vannier (Nguyễn-văn-Chấn đem chiến thuyền từ cửa Càn-giờ ra đốt phá thủy trại của Tây-sơn ở cửa Thi-nại (cửa Qui-nhơn), rồi lại về.

Tháng ba năm quý-sửu (1793) Nguyễn-vương để Đông-cung ở lại giữ đất Gia-dinh, sai Tôn-thất-Hội cùng Nguyễn hoàng-Đức và Nguyễn-văn-Thành đem bộ binh ra đánh Phan-ri. Nguyễn-vương cùng với Nguyễn-văn-Trương và Võ-Tinh đem thủy sư đi đánh mặt bể. Đến tháng năm thì chiến thuyền của Nguyễn-vương vào cửa bể Nha-trang rồi lên đánh lấy phủ Diên-khánh và phủ Bình-khang, sau lại ra đánh lấy phủ Phú-yên.

Mất thủy, Nguyễn-vương được loạn thắng, còn mặt bộ, thì Tôn-thất-Hội chỉ lấy được phủ Bình-thuận mà thôi. Vương bèn sai người đưa thư giục Tôn-thất-Hội phải kịp tiến binh lên hội với thủy-sư, để hai mặt cùng ra đánh Qui-nhơn.

Khi quân của Nguyễn-vương vào cửa Thi-nại, vua Tây-sơn là Nguyễn-Nhạc sai thái-tử là Nguyễn-Bảo 阮寶 đem binh ra chống giữ. Nguyễn-vương bèn mật sai Võ-Tinh đem binh lên đi hội với toàn quân Tôn-thất-Hội và Nguyễn-văn-Thành để đánh tập hậu. Quân của Nguyễn-Bảo bị hai mặt đánh lại, chống không nổi, phải bỏ chạy về Qui-nhơn. Từ đó quân thủy và quân bộ của Nguyễn-vương tương thông được với nhau. Vương bèn sai bọn Tôn-thất-Hội, Võ-Tinh, Nguyễn hoàng-Đức, Nguyễn-văn-Thành đem binh tiến lên đánh thành Qui-nhơn.

Nguyễn-Nhạc phải sai người ra cầu cứu ở Phú xuân.

Bấy giờ vua Quang-trung đã mất rồi, vua Cảnh-thịhi, tức là Nguyễn quang Toàn, sai quan thái-ủy là Phạm-công Hưng 范公興, quan hộ-giá là Nguyễn-văn-Huấn 阮文訓, quan đại-tur-lệ là Lê-Trung 黎忠 và quan đại-tur-mã là Ngô-văn-Sơ 吳文楚 đem 17.000 bộ-binh và 80 con voi đi đường bộ, và sai quan đại-thống-linh là Đặng-văn-Chân 鄧文真 đem hơn 30 chiếc thuyền đi đường bể, cả hai đạo cùng tiến vào cứu Qui-nhơn.

Nguyễn - vương thấy viện binh đã đến, liệu thế chống không nổi, rút quân về Diên-khánh (tức là Khánh-hòa bảy giờ) rồi về Gia-định. Để nguyên-văn-Thành 阮文誠 ở lại giữ Diên khánh, Nguyễn-hoàng-Đức 阮黃德 ở lại giữ Bình-thuận

Đến tháng 11, Nguyễn-vương lại sai Đông-cung Cảnh và ông Bá-đa-Lộc, Phạm-văn-Nhân, Tống-phúc-Khê ra giữ thành Diên khánh.

8. Thế lực Tây-sơn. — Bọn Phạm-công-Hưng giải được vây rồi, kéo quân vào thành Qui-nhơn, chiếm giữ lấy thành trì và tịch biên cả các kho tàng.

Ông Nguyễn Nhạc thấy vậy, tức giận đến nổi thổ huyết ra mà chết. Ông làm vua được 16 năm.

Vua Cảnh-thịnh ở Phú-xuân thấy ông Nguyễn-Nhạc mất rồi, phong cho Nguyễn-Bảo làm Hiến-công, cho ăn lộc một huyện, gọi là *tiền-triều* 小朝 rồi để Lê Trung và Nguyễn văn-Huấn ở lại giữ thành Qui-nhơn.

Từ đó các tướng Tây sơn mới vận động hơn trước. Tháng ba năm giáp-dần (1794) Nguyễn-văn-Hưng đem bộ binh vào đánh Phú yên, và Trần-quang Diệu vào vây thành Diên khánh.

Đông-cung Cảnh cho người về Gia-định cầu viện, Nguyễn-vương bèn đem đại binh đến đánh giải vây. Trần quang-Diệu rút quân về

Nguyễn-vương thấy thế Tây-sơn còn mạnh và lại đến mùa gió-bắc, cho nên vương đem Đông-cung về Gia-định; để Võ-Tĩnh ở lại giữ thành Diên-khánh.

Tháng giêng năm ất-mão (1795) Trần-quang Diệu lại đem quân vào đánh Diên-khánh, Võ-Tĩnh hết sức chống giữ, Quang-Diệu đánh mãi không được. Đến tháng hai, Nguyễn-vương để Đông-cung ở lại giữ Gia-định, đem thủy-sư ra cứu Diên-khánh.

Trong khi hai bên còn đang chống giữ nhau ở đất Diên-khánh, thì ở Phú-xuân các quan đại-thần nhà Tây-sơn, giết hại lẫn nhau, gây thành mối loạn.

Nguyên tự khi vua Quang trung mất rồi, vua Cảnh thịnh lên ngôi, nhưng quyền về cả thái sư Bùi-đắc-Tuyên, các quan có nhiều người oán giận. Năm ất-mão (1795) Bùi-đắc-Tuyên sai Ngô văn-Sở ra Bắc-hà thay cho Võ-văn-Dũng. Văn-Dũng về Phú-xuân, đi đến trạm Hoàng giang ¹ gặp quan trung-thư-linh là Trần Văn-Kỷ 陳文紀 phải tội đày ra ở đấy. Văn-Kỷ nhân đang căm tức Bùi Đắc-Tuyên, bèn xui Võ Văn-Dũng rằng: « Thái-sư ngôi trùm cả nhân thần, cho ai sống được sống bất ai chết phải chết; nếu mà không sớm trừ đi, thì rồi có chuyện bất lợi cho nhà nước. Ông nên liệu sớm đi ».

Võ văn-Dũng xưa nay vẫn tin trọng Văn-Kỷ, nay thấy nói như vậy, bèn nghe lời ấy, về mưu với Phạm công-Hung và Nguyễn văn-Huấn, lừa đến đêm đem quân vây nhà Bùi-đắc-Tuyên bắt bỏ ngục, rồi sai Nguyễn-văn Huấn vào Qui nhơn bắt con Đắc-Tuyên là Bùi-đắc-Trụ 裴得宙, và cho người đưa thư ra Bắc hà truyền cho quan tiết-chế là Nguyễn-quang Thùy 阮光垂 em Nguyễn-quang Toản) bắt giải Ngô-văn Sở về Phú-xuân.

Bọn Nguyễn-văn-Dũng bèn đặt chuyện ra vu cho những người ấy làm phản, đem gìm xuống sông giết đi. Vua Cảnh-thịnh không sao ngăn giữ được, chỉ gạt nước mắt khóc thầm mà thôi.

Lúc bấy giờ Trần-quang-Diệu đang vây thành Diên-khánh nghe tin ấy, thất kinh đi, nói với các tướng rằng: « Chúa-thượng không phải là người cứng cỏi, để cho đại-thần giết lẫn nhau. Nếu trong mà không yên, thì ngoài đánh người ta thế nào được. »

Quang-Diệu bèn giải vây rút quân về. Khi về đến Qui nhơn, Nguyễn-văn-Huấn đến tạ tội trước. Trần quang-Diệu không hỏi đến, rồi dẫn quân về đến làng An-cự đóng bên bờ sông mé nam.

Võ-văn-Dũng cùng với nội hầu Từ 賜 cũng đem quân bản bộ ra đóng ở mé bắc bờ sông, ý mệnh Vua ra cự nhau với Trần-quang Diệu.

(1) Có nơi chép là trạm Hán-xuyên.

Vua Cảnh-thịnh sợ hãi sai quan ra khuyên giải cả hai bên, Trần-quang Diệu mới đem các tướng vào châu, rồi cùng với bọn Võ-văn-Dũng giảng hòa.

Từ đó Trần-quang-Diệu 陳光耀 làm thiếu-phó, Nguyễn-văn-Huấn 阮文訓 làm thiếu-bảo, Võ-văn-Dũng 武文勇 làm đại-tur-đồ, Nguyễn-văn-Danh 阮文名 (hay là Nguyễn-văn-Từ 阮文賜) làm đại-tur-mã, gọi là tứ trụ đại-thân. Nhưng chẳng được bao lâu có người gièm pha, Trần-quang-Diệu bị thu hết cả binh-quyền, chỉ được giữ chức tại triều mà thôi. Thế lực Tây-sơn từ đây về sau mỗi ngày một kém: trên vua thì còn nhỏ dại, không có đủ uy quyền để sai khiến các quan, dưới tướng tá thì vị lòng ghen ghét rồi cứ tìm cách mà giết hại lẫn nhau. Bởi vậy cho nên đến khi quân Nguyễn-triều ở nam ra đánh, chẳng phải mất bao nhiêu công phu mà lập nên công lớn vậy.

9. Nguyễn-vương đánh Qui-nhơn lần thứ hai. — Từ khi quân của Trần-quang-Diệu giải vây Diên-khánh về Phú-xuân rồi, Nguyễn-vương cũng rút quân về Gia-định sửa sang việc quân lương, và sai người đi do thám mọi nơi, để chiêu mộ người về đánh Tây-sơn.

Đến năm đinh-tị (1797) Nguyễn-vương đề Tôn-thất-Hội ở lại giữ Gia-định, rồi cùng Đông-cung-Cảnh đem binh thuyền ra đánh Qui-nhơn. Lại sai Nguyễn-văn-Thành và Võ-Tính ra đánh Phú-yên.

Quân thủy của Nguyễn-triều ra đến Qui-nhơn thấy Tây-sơn đã phòng bị, liệu đánh không dễ được, Nguyễn-vương bèn ra đánh Quảng-nam. Được vài tháng quân nhu không đủ, lại phải đem quân về Gia-định, sai Nguyễn-văn-Thành 阮文誠 và Đặng-trần-Thường 鄧陳常 ở lại giữ thành Diên-khánh.

10. Nguyễn-vương đánh Qui-nhơn lần thứ ba. — Nguyễn-vương về Gia-định rồi, một mặt sai Nguyễn-văn-Thụy 阮文瑞 sang Tiêm-la xin với quốc-vương nước ấy đem quân đi đường Vạn-trượng, hoặc sang đánh Thuận-hóa, hoặc sang đánh Nghé-an, để chặn đường quân ở Lạc-hà

vào. Một mặt sai quân binh-bộ tham-trí là Ngô nhân Tĩnh 吳仁靜 sang sứ nhà Thanh, để do thám mọi việc.

Năm mậu-ngọ (1798) Tiều-triều là Nguyễn-Bảo cầm tức vua Cảnh thịnh là Nguyễn-quang-Toản chiếm giữ mất đất Qui-nhon, bèn định bỏ về hàng Nguyễn triều. Vua Cảnh-thịnh biết mưu ấy, sai tướng vào bắt Nguyễn-Bảo đưa về giam xuống sông giết đi.

Lại có người nói gièm rằng việc Tiều-triều làm phản, là tại quan trấn-thủ Lê Trung. Vua Cảnh-thịnh triệu Lê-Trung về Phú-xuân, sai võ-sĩ bắt chém đi. Được ít lâu quan thiếu-phó Nguyễn Văn-Huân cũng bị giết. Từ đó tướng sĩ Tây-sơn ai cũng nản lòng, có nhiều người bỏ theo về Nguyễn triều.

Bấy giờ có người con rể Lê-Trung là Lê Chất 黎質 vốn là người đánh trận giỏi có tiếng, quan làm đến chức đại-đô-đốc; đến khi thấy vua Tây-sơn hay nghi kỵ mà giết hại các công-thần như vậy, bèn bỏ trốn sang hàng nhà Nguyễn. Nguyễn-vương trọng dụng cho làm chức tướng-quân.

Nguyễn-vương thấy thế Tây-sơn đã suy nhược, đến tháng ba năm kỷ-vị (1799) bèn cử đại binh ra đánh Qui-nhon. Đến tháng tư thủy-quân của Nguyễn triều vào cửa Thi-nại, rồi Nguyễn-vương sai quan hậu-quân Võ-Tĩnh, hữu-quân Nguyễn hoàng Đức đem quân lên bộ đóng ở Trúc-khe 竹溪. Ngay lúc bấy giờ quan Khâm-sai tiền-quân chưởng-cơ Nguyễn-văn-Thành đem bộ-binh ra đánh lấy Phú-yên, rồi tiến quân lên tiếp ứng cho toàn quân Võ-Tĩnh.

Đến tháng năm, thì quân của Nguyễn-vương đến vây thành Qui-nhon. Ở Phú-xuân sai Trấn quan-Diệu và Vũ-văn-Dũng đem binh vào cứu. Nhưng mà vào đến Quảng-nghĩa gặp quân của Nguyễn-văn-Thành giữ ở Thạch-lân 石津, cho nên không cứu được Qui-nhon.

Sử chép rằng khi đạo quân của Vũ-văn-Dũng vào đến Chung-xá 終舍, đóng lại ở đấy, đến đêm có con nai ở trong

rừng chạy ra, có người trông thấy kêu to lên rằng: *con nai!* Quân Tây-sơn nghe lầm là: *quân Đổng-nai!* Mọi người luống quổng bỏ chạy. Các quân đội Tây-sơn tưởng là quân nhà Nguyễn đã đến vây đánh, đều vỡ tan cả. Quân nhà Nguyễn thừa thế đánh đuổi, thành ra quân Tây-sơn thua to.

Quan trấn-thủ Qui-nhơn là Lê-văn Thanh 黎文清 không thấy viện binh đến, mà lương thực ở trong thành thì hết cả, bèn cùng các tướng mở cửa ra hàng. Nguyễn-vương đem quân vào thành rồi đổi tên Qui-nhơn gọi là Bình-định.

Vua Tây-sơn được tin Qui-nhơn thất thủ, liền cử đại binh vào đóng ở Trà-khúc 茶曲 (thuộc Quảng-nghĩa), để đốc các tướng tiến binh đánh quân nhà Nguyễn. Nhưng vì phải độ trái mùa gió, thủy chiến không tiện, cho nên các quan đều can xin rút quân về. Vua Cảnh-thịnh bèn sai Nguyễn-văn-Giáp 阮文甲 ở lại giữ Trà-khúc, sai Trần-quang Diệu và Võ-văn-Dũng giữ Quảng nam.

Nguyễn-vương cũng đem quân về Gia định, để Võ-Tĩnh 武性 và Ngô-tòng Chu 吳從周 ở lại giữ thành Bình đ. nh. Năm ấy (1799) ông Bá-đa-Lộc 百多祿 đi tòng chinh, mất ở cửa Thi nại. Nguyễn-vương đem về hậu táng ở Gia định, tặng phong làm Thái-tử thái-phó Bi-nhu quận-công 太子太傅悲柔郡公.

11. Quân Tây-sơn vây thành Bình-định. — Khi quân nhà Nguyễn ra vây đánh thành Qui-nhơn vua Tây-sơn sai Trần-quang-Diệu và Võ-văn-Dũng đem binh vào cứu, nhưng vì quân của Văn-Dũng không đánh mà tan, đến nỗi bại binh. Việc ấy là tội Văn-Dũng, nhưng nhờ có Quang-Diệu giấu đi, cho nên không ai biết. Văn-Dũng hàm ơn ấy, cho nên mới kết nghĩa sinh tử với Quang-Diệu.

Bấy giờ ở Phú-xuân có nhiều người ghét Quang-Diệu, muốn nhân dịp ấy mà đổ tội cho Quang-Diệu, bèn tâu vua xin sai người đưa một thư ra cho Vũ-văn-Dũng để giết Quang-Diệu đi. Vũ-văn-Dũng tiếp được thư ấy đưa cho Trần-quang-Diệu xem. Trần-quang-Diệu sợ hãi, lập tức đem quân về Phú-xuân, đóng ở mé nam sông Hương-giang, nói rằng về bắt những người loạn-thần. Vua Tây-sơn sai

người ra giảng hòa. Không ai dám đi, sau phải bắt mấy người nộp cho Quang-Điệu. Quang-Điệu mới vào châu. Vua Cảnh thịnh cũng tìm lời giảng dụ, khuyên phải hết sức giúp đỡ nhà nước.

Quang-Điệu khóc lạy rồi xin cùng Văn Dũng đem thủy bộ quân vào lấy lại thành Qui-nhon.

Đến tháng giêng năm canh-thân (1800), quân của Trần-quang Diệu và Vũ-văn-Dũng tiến đến gần thành Qui-nhon. Võ Tinh giữ vững, không ra đánh. Quang-Điệu sai đắp lũy chung quanh thành và chia quân ra vây bốn mặt. Văn-Dũng thì đem hai chiếc tàu lớn và hơn 100 chiến thuyền ra đóng giữ cửa Thi-nại, xây đồn và đặt súng đại bác ở hai cửa bể, để phòng ngự thủy quân của nhà Nguyễn.

Nguyễn-vương được tin quân Tây-sơn ra vây thành Bình-định, liền cử đại binh ra cứu viện. Sai Nguyễn-văn-Thành đem bọn Lê Chắt, Nguyễn đình-Dắc, Trương-tiến Bảo, chia làm ba đạo ra đánh lấy đồn Hội-an ở Phú-yên, rồi kéo ra đóng ở Thi-giã 柿野 (thuộc Bình-định). Nguyễn-vương đem thủy binh ra đến Qui-nhon đóng thuyền ở ngoài cửa Thi-nại. Bấy giờ quân bộ của Nguyễn-văn-Thành và quân thủy của Nguyễn-vương không thông được với nhau, cho nên sự cứu viện không có công hiệu gì cả.

Đến tháng giêng năm tân-dậu (1801), Nguyễn-vương sai Nguyễn-văn-Trương 阮文張, Tống-phúc-Lương 宋福樞 đem quân tiên-đạo đến đánh đồn thủy của Tây-sơn, và sai Lê-văn-Duyệt 黎文悅, Võ-di-Nguy 武藝 嶽 đem thủy-quân vào đánh cửa Thi-nại. Võ-di-Nguy trúng đạn chết, còn Lê-văn-Duyệt ra sức xông đột, đốt được cả tàu và thuyền của Tây-sơn.

Tướng Tây-sơn là Vũ-văn-Dũng phải bỏ cửa Thi-nại đem binh về hợp với Trần-quang-Điệu để phòng giữ mọi nơi.

Nguyễn-vương lấy được cửa Thi-nại rồi, cho người đưa tin về Gia-định báo cho tướng sĩ các nơi đều biết.

Năm ấy, Đông-cung Cảnh lên đậu, mất ở Gia-định, thọ được 22 tuổi. Được một tháng, hoàng-tử thứ hai tên là Hi cũng mất ở Diên-khánh, đem về táng ở Gia-định.

12 Nguyễn vương thu phục Phú xuân. — Nguyễn-vương đánh được trận thủy ở Thi nại rồi, bèn sai bọn Nguyễn-văn-Trương đem thủy quân ra đánh Quảng-nam, Quảng-nghĩa, và lại thấy quân Tây-sơn vây thành Qui-nhơn một cách cần mật lắm đánh phá không được. Vương cho người lên vào thành báo Võ-Tĩnh và Ngô-tòng-Chu bỏ thành mà ra. Nhưng Võ-Tĩnh phúc thư lại rằng: Quân tinh binh của Tây-sơn ở cả Qui-nhơn, vậy xin đừng lo việc giải vây vội, hãy nên kịp ra đánh lấy Phú-xuân thì hơn.

Nguyễn-vương bèn để Nguyễn-văn-Thành ở lại chống giữ với Trần-quang-Điệu và Võ-văn-Đĩnh, rồi đem đại-quân ra đánh Phú-xuân.

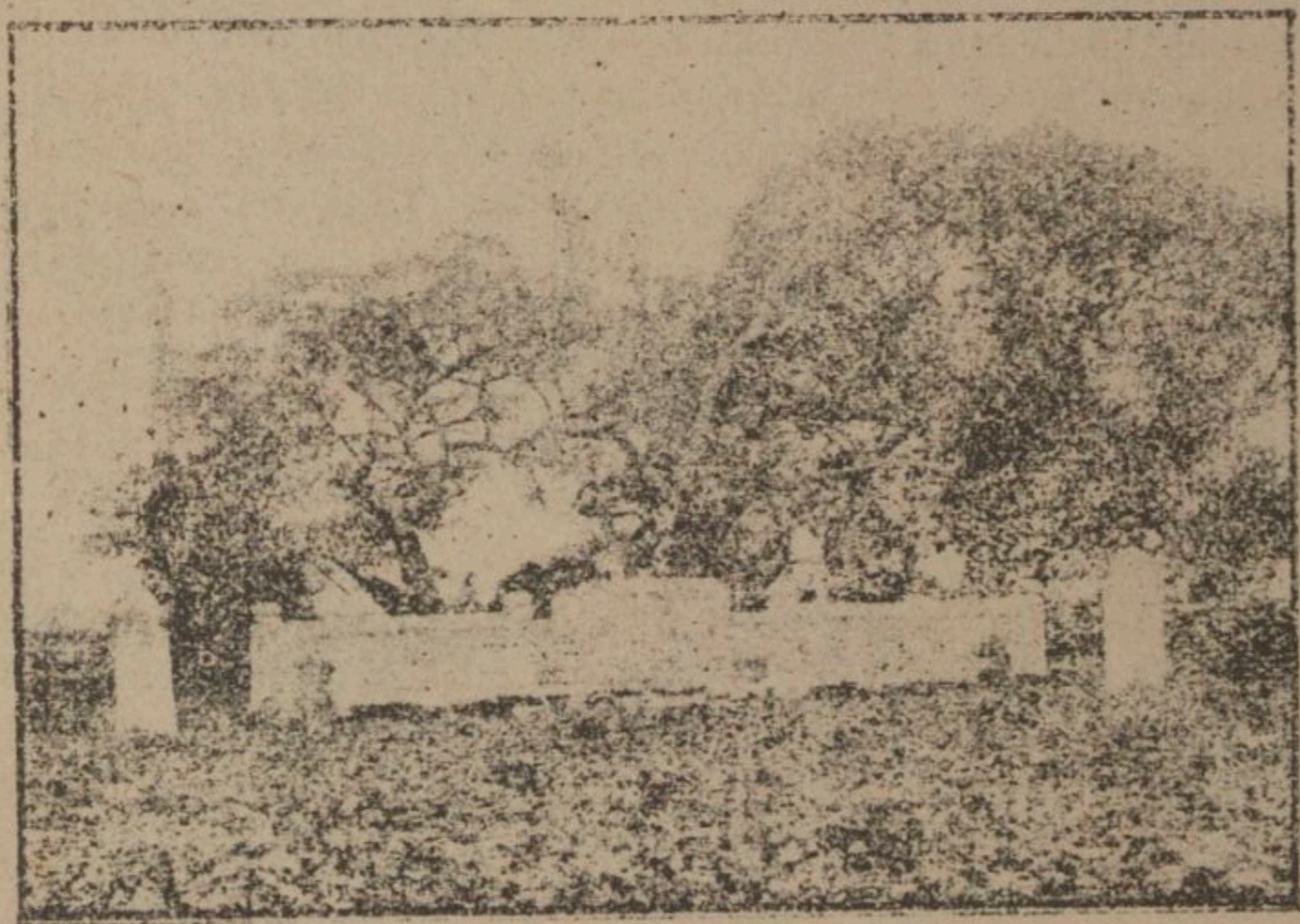
Bấy giờ nhà Tây-sơn cũng bối rối lắm: ở Nghệ-an thì có tướng nhà Nguyễn là Nguyễn-văn-Ihuy 阮文瑞 và Lưu-phúc-Tường 劉福祥 đem quân Vạn-tượng sang đánh phá; ở Thanh-hóa thì có phiên thân là Hà-công-Thái 何功泰 khởi binh giúp nhà Nguyễn; ở Hưng-hóa thì có thổ-ti là Phan-bá-Phụng 潘伯奉 nổi lên quây nhiễu. Còn ở các trấn xứ Bắc-hà thì rồi vì những việc tôn-giao: các đạo-trưởng và đạo-đồ đạo Thiên-chúa cũng nổi lên, có ý giúp nhà Nguyễn; dân-tinh thì bị quan quân những lạm hà hiếp, ai ai cũng có lòng oán giận. Ở Phú-xuân, vua thì hèn, các quan đại thân thì cứ ghen ghét nhau rồi tìm kế giết hại lẫn nhau, việc chính-trị không sửa sang gì cả. Bởi vậy nhân dân đều mong mỏi chúa Nguyễn, cho nên có câu hát rằng: « Lạy trời cho chóng gió nồm, để cho chúa Nguyễn dong buồm thẳng ra.

Nguyễn-vương thấy lòng người đã không theo Tây-sơn nữa, bèn đem binh ra đánh Phú-xuân, đến tháng năm (1801), thủy sư vào cửa Tư-dung. Tướng Tây-sơn là phó-mã Nguyễn-văn-Trị 阮文治 đem quân ra lập đồn giữ ở núi Qui-sơn. Tiên quân nhà Nguyễn đánh không được. Nguyễn-vương sai Lê-văn-Duyệt và Lê-Chất đem thủy-binh ra đánh tập hậu, Nguyễn-văn-Trị phải bỏ đồn mà chạy. Quân Nguyễn-triều vào cửa Nhuận-hải (cửa Thuận-an) rồi kéo lên đánh thành Phú-xuân. Vua Tây-sơn phải ngự gia đem quân ra chống giữ, hai bên đánh nhau đến giữa

trưa, thì quân Tây-sơn vỡ tan. Quân Nguyễn-triều liền lên đuổi đánh, thu phục được đô thành. Bấy giờ là ngày mồng 3 tháng 5 năm tân-dậu (1801).

Nguyễn-vương vào thành Phú-xuân treo biển yên dân, rồi sai Lê-Chất đem bộ binh đuổi đánh quân Tây-sơn, sai Nguyễn-văn-Trương đem thủy-binh ra chặn ở Linh-giang, để đánh quân Tây-sơn chạy ra Bắc. Lại sai Phạm-văn-Nhân ra giữ cửa Nhuyễn-hải, sai Lưu-phúc-Tường đem quân đi đường Cam-lộ sang Vạn-lượng truyền bảo các Mường giữ đường yếu lộ không cho quân Tây-sơn chạy tràn sang.

13. Võ-Tinh tử-tiết. — Trần-quang-Diệu và Võ-văn-Dũng đang vây đánh thành Qui-nhơn, được tin Phú-xuân thất-thủ, liền sai tướng đem quân ra cứu, nhưng ra đến Quảng nam, gặp quân của Lê-văn-Duyệt kéo vào đánh chặn đường quân Tây-sơn phải lui trở lại. Từ đó Trần-quang-Diệu ngày đêm hết sức đốc quân đánh thành. Quân Nguyễn-triều ở trong thành hết cả lương thực, không thể chống giữ được nữa, quan trấn-thủ là Võ-Tinh 武性 bèn viết thư sai người đưa ra cho Trần Quang-Diệu nói rằng:



Mộ ông Võ-Tinh ở Bình-dịnh.

Phận sự ta làm chủ tướng, thì đánh liều chết ở dưới cờ. Còn các tướng sĩ không có tội gì, không nên giết hại. Đoạn rồi sai người lấy rom cỏ chất ở dưới lầu Bát-giác, đổ thuốc súng vào tự đốt mà chết. Quaa hiệp-trấn là Ngô-tòng-Chu 吳從周 cũng uống thuốc độc tự tử.

Trần-quang-Diệu vào thành Qui nhơn tha cho cả bọn tướng sĩ và sai làm lễ liệm táng ông Võ-tinh và ông Ngô-tòng-Chu, rồi sai đại-đô đốc Trương-phúc-Phượng 張福鳳 và tư-khấu Định 定, đem binh đi đường thượng đạo ra đánh Phú-xuân. Đi được nửa đường, thì quân hết lương. Trương-phúc-Phượng về hàng nhà Nguyễn còn tư-khấu Định thì đánh thua chạy vào chết ở trong Mường. Trần-quang-Diệu lại sai Lê-văn-Điềm vào đánh Phú-yên, cũng không được.

Bấy giờ Trần-quan-Diệu tuy đã lấy được thành Qui nhơn, nhưng một mặt thì có quân của Lê-văn-Duyệt và Lê-Chất ở Quảng-nam, Quảng-nghĩa đánh vào, một mặt thì quân của Nguyễn-văn-Thành ở cửa Thi-nại đánh lên, còn ở phía nam lại có quân của Tống-viết-Phúc và Nguyễn-văn-Tính ở Phú-yên đánh ra. Ba mặt thù địch, quân Tây-sơn phải hết sức chống giữ, để chờ quân ở Bắc-hà vào cứu viện.

14. **Trạo Trấn-ninh.** — Từ khi thất thủ Phú-xuân, vua Cảnh-thịnh ngày đêm kíp ra Bắc-hà, đổi niên-hiệu là Bảo-hưng 寶興 và truyền hịch đi các trấn để lấy viện binh, rồi sai em là Nguyễn-quang-Thùy 阮光垂 đem binh mã vào giữ Nghệ-an. Đến tháng 11, vua Tây-sơn đem quân 4 trấn ở xứ Bắc và quân Thanh-hóa, Nghệ-an, cả thảy được non 3 vạn người, sang sông Linh-giang. Lại sai tướng đem hơn 100 chiếc chiến thuyền vào giữ cửa Nhật-lệ. Bấy giờ có vợ Trần-quang-Diệu là Bùi-thị-Xuân 裴氏春 cũng đem 5.000 thú hạ đi tòng chinh.

Quan-Chưởng-trung-quân Bình-tây đại-tướng-quân Nguyễn-văn-Trương 阮文張 cùng với Tống-phê-Lương 宋福樑, Đặng-trần-Thường 鄧陳常 giữ ở Linh-giang, thấy quân Tây-sơn thế mạnh phải lui về giữ Đồng-bới. Nguyễn-vương được tin ấy, liền thân chinh đem đại-binh ra tiếp ứng, sai Phạm-vân-Nhân và Đặng-trần-Thường

đem quân ra giữ mặt bộ, sai Nguyễn-văn-Trương ra giữ mặt bể.

Tháng giêng năm nhâm-tuất (1802), vua Tây-sơn sai Nguyễn-quang-Thùy tiến quân lên đánh lũy Trấn-ninh; đánh mãi không đổ. Vua Tây-sơn đã loãn rút quân về, nhưng Bùi thị Xuân không chịu, xin cho ra đốc quân đánh trận. Đánh từ sáng sớm đến chiều tối, chưa bên nào được thua. Bỗng có tin rằng thủy quân của Tây-sơn ở cửa Nhật-lệ (cửa Đông-hới) đã bị Nguyễn-văn-Trương phá tan cả. Quân Tây-sơn khiếp sợ bỏ chạy, tướng là Nguyễn-văn Kiên阮文堅 về hàng nhà Nguyễn.

Vua Tây-sơn đem tàn quân chạy về Bắc, để Nguyễn-văn-Thận阮文慎 ở lại giữ Nghệ-an.

Nguyễn-vương phá được quân Tây-sơn ở thành Trấn-ninh rồi đem quân về Phú-xuân, để Trung-quân Nguyễn-văn-Trương giữ Đông-hới để Tống-phúc-Lương và Đặng-trần-Thường giữ Linh-giang.

Trần-quang-Điệu và Võ-văn-Dũng ở Qui-nhơn được tin quân Tây-sơn thua ở Trấn-ninh, liền chống không nổi, bèn đến tháng 3 năm nhâm-tuất (1802) bỏ thành Qui-nhơn, đem binh tượng đi đường thượng đạo qua Ai-lao ra Nghệ-an, để hội với vua Tây-sơn mà lo sự chống giữ.

15. Nguyễn-vương lên ngôi tôn -- Nguyễn-vương từ khi khởi binh ở Gia-định tuy đã xưng vương, nhưng vẫn theo các chúa đời trước không đặt niên-hiệu. Đến nay khôi phục được Phú-xuân, thanh thế lừng lẫy, bắc phá đại quân của Tây-sơn, nam lấy lại thành Qui-nhơn; đất An-nam bấy giờ từ sông Linh-giang vào đến Gia-định lại thuộc về nhà Nguyễn như trước. Các quan triều thần đều xin Nguyễn-vương đặt niên-hiệu và lên ngôi tôn.

Tháng 5 năm nhâm-tuất (1802) ngài lập đàn tế cáo trời đất, rồi thiết triều để các quan châu mừng và đặt niên-hiệu là Gia-long-nguyên-niên 嘉隆元年.

16. Quân Nam ra lấy Bắc-hà. -- Nguyễn-vương đã

lên ngôi làm vua rồi, sai Trịnh Hoài-Đức 鄭懷德 và Ngô Nhân-Tĩnh 吳仁靜 đem các đồ phẩm vật và những ấn sách của nhà Thanh phong cho Tây-sơn sang nộp Thanh triều và xin phong. Ngài lại dinh ngự giả đi đánh Bắc-hà, bèn sai Nguyễn Văn-Trương lĩnh thủy binh, Lê Văn-Duyệt và Lê-Chất lĩnh bộ binh, nài mặt thủy bộ cùng tiến.

Tháng 6, thì quân bộ sang sông Linh giang tiến lên đóng ở Hà trung, quân thủy vào cửa Hội thống rồi lên đánh phá các đồn lũy của Tây sơn. Quan tran-thủ Nghệ-an là Nguyễn-văn-Thận bỏ thành chạy ra giữ đồn tiền lý ở Diên-châu.

Bấy giờ Trần-quang-Điền đi đượng Ai-lao ra đến châu Qui-hợp, xuống huyện Hương-sơn thấy quân nhà Nguyễn đã lấy được Nghệ-an rồi, bèn cùng với Bùi thị về huyện Thanh-chương, bao nhiêu quan sĩ đều bỏ cả, được mấy hôm hai vợ chồng cũng bị bắt. Còn Vũ-văn-Dũng chạy ra đến Nông-công cũng bị dân bắt được đem nộp.

● Quân Nguyễn-triều kéo tràn ra lấy Thanh-hóa, đi đến đâu quân Tây sơn chưa đánh đã tan, chỉ trong một tháng đã ra đến Thăng long.

Vua Tây sơn thấy thế mình không chống giữ được nữa, bèn cùng với em là Nguyễn quang-thùy 阮光垂, Nguyễn-quang-thiệu 阮光紹, và mấy người bề tôi là bọn đồ-đốc Tú 秀 và Nguyễn-văn-Từ 阮文賜 sang sông Nhị-hà chạy về phía bắc, nhưng lên đến địa hạt Phượng-nhơn, bị dân ở đấy bắt được. Nguyễn quang thùy tự tử, đồ đốc Tú và vợ cũng tự vẫn. Còn vua tôi nhà Tây-sơn mấy người đều bị đóng cũi đem về nộp ở Thăng long.

Nhà Tây sơn khởi đầu từ năm mậu tuất (1778), ông Nguyễn Nhạc xưng đế ở Qui-nhơn, đến năm nhâm tuất (1802) cả thấy được 24 năm. Nhưng ông Nguyễn-Nhạc chỉ làm vua từ đất Quảng-nam, Quảng-nghĩa trở vào mà thôi, còn từ Phú-xuân trở ra, thì thuộc về nhà Lê. Đến năm mậu-thân (1788), vua Quang-trung xưng đế hiệu, rồi ra đánh giặc Thanh, lấy lại đất Bắc-hà, sửa đổi việc chính-trị. Từ đó nước Nam mới thuộc về nhà Tây sơn.

Vậy kể từ năm mậu-thân (1783), đến năm nhâm tuất (1802) thì nhà Tây sơn chỉ làm vua được có 14 năm mà thôi.

Trong bấy nhiêu năm phải đánh nam dẹp bắc luôn, không mấy lúc nghỉ việc chiến tranh, cho nên nhà Tây-sơn không sửa sang được việc gì. Và sau khi vua Quang-trung mất rồi, vua thì hèn, quaa thì những. binh-trị bỏ nát, lòng người oán giận, ai cũng mong mỗi được thời thịnh trị để yên nghiệp mà làm ăn. Bởi vậy cho nên khi vua Thế-tổ Cao-hoàng nhà Nguyễn cất quân ra Bắc, lòng người theo phục, chỉ một tháng trời mà binh được đất Bắc-hà, đem giang-sơn về một mối, nam bắc một nhà, làm cho nước ta thành một nước lớn ở phương nam vậy.

TIỀN-NGUYỄN (TÂY-SƠN) THẾ PHỔ 前阮 (西山) 世譜

Hồ-Phi-Phúc
胡丕福

THÁI-ĐỨC-ĐẾ NGUYỄN-NHẠC 1. THÁI-TỔ VÕ-HOÀNG-ĐẾ NGUYỄN-HUỆ
泰德帝阮岳 阮侶 太祖武皇帝阮惠

Nguyễn Bao
阮寶
(Tiền-triều)

2. Canh-tỉnh-đế Nguyễn Quang-Toản
景盛帝阮光纘

Quang-Thùy 光垂

Quang-Thiệu 光紹

Quyển V

CÁN KIM THỜI ĐẠI

近 今 時 代

HOÀNG TRIỀU NGUYỄN THI

皇 朝 阮 氏

CHƯƠNG I

THÊ - TÔ (1802 - 1819)

Niên-hiệu : Gia-long 嘉隆

1. Thê-tô xưng đế hiệu. — 2. Việc cai-trị trong nước. — 3. Bình chử.
— 4. Việc tái chinh. — 5. Công vụ. — 6. Pháp luật. — 7. Việc học hành.
8. Việc giao-thiệp với nước Tân. — 9. Việc giao thiệp với nước Chân-lạp và nước Tiêm-la. — 10. Việc giao thiệp với nước Hồng-mao. — 11. Việc giao-thiệp với nước Pháp-lan-tây. — 12. Sự giết hại công-thần. — 13. Kết công việc của vua Thê-tô.

1. Thê-tô xưng đế hiệu. — Thê-tô khởi binh chống nhau với Tây-sơn ở đất Gia định từ năm mậu-tuất (1778), kể vừa 24 năm, mới dứt được nhà Tây-sơn, thu phục được giang sơn cũ của chúa Nguyễn khi xưa, và hợp cả nam bắc lại làm một mối. Khi việc đánh dẹp xong rồi, ngài xưng đế, đặt quốc-hiệu là Việt-Nam 越南, đóng Kinh-dô ở Phú-xương tức là thành Huế bây giờ.

Khi vua Thê-tô lấy được đất Bắc hà rồi, ngài xuống chỉ thị cho dân nộp vụ thuế, và thăng thưởng cho các tướng sĩ. Ngài lại phong tước cho con cháu nhà Lê, nhà Trịnh,

cấp cho ruộng đất và trừ giao dịch cho dòng dõi hai họ ấy, để giữ việc thờ phụng tổ tiên.

Hoạn rồi, ngài dời Bắc-hà là Bắc thành, đặt quan tổng-trấn 總鎮, triệu Nguyễn Văn-Thành 阮文誠 ở Qui-nhon ra sung chức ấy, để coi mọi việc. Lại đặt ra tam-tào 三曹 là tào Hộ, tào Binh, tào Hình sai Nguyễn Văn-Khiêm 阮文謙, Đặng Trần-Thường 鄧陳常 và Phạm Văn-Đặng 范文登 ra coi các tào ấy, để giúp Nguyễn Văn-Thành.

Đến tháng bảy năm nhâm-tuất (1802), Thế-tổ về Kinh, đem vua tôi nhà Tây-sơn về làm lễ hiến phù ở đền Thái-miếu 太廟, rồi đem ra tậu pháp xử trị. Lại sai quật mã vua Thái-đức Nguyễn-Nhạc và vua Thái-tổ Nguyễn-Huệ lên, đem vứt thây đi, còn đầu thì đem bỏ giam ở trong ngục tối.

Những bọn văn thần nhà Tây-sơn như Ngô Thời-Nhậm 吳時任, Phan Huy-Ích 潘輝益 ra hàng, đều phải đem về Kinh, sau lại giải ra Bắc-thành, đem nọc ra đánh ở trước Văn-miếu, rồi tha cho về. Lúc bấy giờ có Ngô Thời-Nhậm vì trước có hiềm với Đặng Trần-Thường, cho nên đến khi đánh ở Văn-miếu Đặng Trần-Thường sai người danh chết.

Vua Thế tổ định tội, thưởng công xong rồi, lo sửa sang mọi việc: làm đền Cẩn-chính 勤政殿 để lập thượng triều, đền Thái-hòa 太和殿 để lập đại triều; lại sai quân dân xây thành Kinh-đô và hoàng-thành cùng các thành trì ở ngoài các doanh trấn

Tuy rằng ngài đã đặt niên-hiệu, lên ngôi tôn từ năm nam-tuất (1802), nhưng mà đến năm giáp-tí (1804) tức là Gia long tam niên, vua nhà Thanh mới sai sứ sang phong vương, và đến năm bính-dần (1806), ngài mới làm lễ xưng đế hiệu ở đền Thái-khoa. Định triều-nghe, cứ ngày rằm và ngày mồng một thì thiết đại triều; ngày mồng 5, mồng 10, 20 và 25 thì thiết tiểu triều.

Lúc ngài đánh xong Tây-sơn, thì chính-trị trong nước đồ nát, phong tục hủy hoại, việc gì cũng cần phải sửa sang lại. Bởi vậy ở trong thì ngài chỉnh đốn pháp-luật, và mọi việc cai trị cũng là sửa-sang phong tục, cấm dân giàu

không cho lấy việc thần phật mà bày ra rượu chè ăn uống, nghiêm dụ quan lại không được sinh sự nhiều dân. Ở ngoài thì ngài lo sự giao hiếu với nước Tàu, nước Tiêm, nước Chân Lạp, khiến cho nước Việt-Nam lúc bấy giờ trong ngoài đều được thịnh trị.

2. Việc cai-trị trong nước. — Nước Việt-Nam lúc bấy giờ từ nam đến bắc chia ra làm 23 trấn và 4 doanh. Từ Thanh-hóa ngoài (tức là Ninh bình bây giờ) trở ra, gọi là Bắc-thành 北城, thống cả 11 trấn, chia ra làm 5 nội-trấn: Sơn-nam-thượng 山南上, Sơn-nam-hạ 山南下, Sơn-tây 山西, Kinh-bắc 京北, và Hải-dương 海陽; 6 ngoại trấn: Tuyên-quang 宣光, Hưng-hóa 興化, Cao-bằng 高平, Lạng-sơn 諒山, Thái-nguyên 太原, Quảng-yên 廣安. Từ Bình-thuận trở vào, gọi là Gia-định-thành 嘉定城, thống cả 5 trấn: Phiên-an 藩安, (địa-hạt Gia-định), Biên-hòa 邊和, Vĩnh-thảo 永清, (tức là Vĩnh-long và An-giang), Vĩnh-trừng và Hà-tiên 河僊.

Còn ở quãng giữa nước, thì đặt Thanh-hóa trấn 清化鎮 (gồm cả Thanh-hóa nội và Thanh-hóa ngoài). Nghệ-an trấn 乂安鎮, Quảng-nghĩa trấn 廣義鎮, Bình-định trấn 平定鎮, Phú-yên trấn 富安鎮, Bình-hòa trấn 平和鎮 (tức là Khánh-hòa) và Bình-thuận trấn 平順鎮. Đất Kinh-kỳ thống bốn doanh: là Trục-lệ Quảng-đức-doanh 直隸廣德營 (tức là Thừa-thiên bây giờ), Quảng-trị doanh 廣治營, Quảng-bình doanh 廣平營, Quảng-nam doanh 廣南營.

Ở Bắc-thành và Gia-định-thành đều đặt chức tổng-trấn 總鎮, và phó tổng-trấn, để coi mọi việc. Ở các trấn thì đặt quan lưu-trấn 留鎮 hay là quan trấn-thủ 鎮守, quan cai-ba và quan ký-lục để coi việc cai-trị trong trấn.

Trấn lại chia ra phủ, huyện, châu, tổng, xã đặt chức tri phủ, tri-huyện, tri-châu để coi việc cai-trị.

Những trấn ở Nghệ-an, Thanh-hóa và 5 nội-trấn ở Bắc-thành, thì dùng những quan cựu-thần nhà Lê làm quan cai-trị. Còn 6 ngoại-trấn ở Bắc-thành, thì giao quyền cai-trị cho những thổ-hào sở-tại.

Ở trong triều thì đặt lục-bộ. Mỗi bộ có quan Thượng-thư 尚書 làm đầu, quan tả hữu tham-tri 參知, tả hữu thị-lang 侍郎, cùng các thuộc viên như là lang-trung, viên-ngoại-lang, chủ-sự và bát cửu phẩm tho-lại v. v.

Bộ Lai 吏部 coi việc thuyên bổ quan văn, thường tự phẩm cấp, khảo xét công-trạng, phong tước tước ấm, thảo những tờ chiếu sắc cáo mệnh và làm những sổ các hàng quan lại v. v.

Bộ Hộ 戶部 coi việc định điền thuế má, tiền bạc chuyên thông kho tàng chứa chất, hóa vật đắt rẻ v. v.

Bộ Lễ 禮部 coi việc triều-hội, khánh-hạ, tế tự, tôn-phong, cũng là cách thức học-bành thi cử, tính biểu cho người sống lâu, người cõ tiết nghĩa, phong thụy cho các thần nhân v. v.

Bộ Binh 兵部 coi việc thuyên bổ võ chức, gián duyệt quân lính, sai khiến quân đi thù hoặc đi đánh dẹp, kêu chọn binh đinh, xét người có công kẻ có lỗi v. v.

Bộ Hình 刑部 coi việc hình danh pháp luật, tra nghi đảng tấu, duyệt lại những tội nặng án ngờ, xét kỹ những tù giam ngục cấm.

Bộ Công 工部 coi việc làm nhà làm cửa, xây thành đào hào, tu tạo tàu bè, đặt làm kiểu mẫu, thuê thợ thuyên, mua vật liệu v. v.

Ngoài lục bộ lại có Đô-sát-yện 都察院 để giữ việc can gián vua, và đàn hạch các quan. Cấp-sự-trung 給事中 các khoa và giám-sát-ngự-sử 監察御史 các đạo, đều thống thuộc về viện ấy. Trong viện có tả hữu đô-ngự-sử và tả hữu phó đô-ngự-sử.

Bấy giờ vua Thế-tổ lại đặt ra Tào-chính 曹政 để coi việc vận tải cùng là thuế má tàu bè. Có quan Tào-chánh-sứ 曹正使 và Tào phó-sứ 曹副使 làm đầu.

3. Binh chễ. -- Khi vua Thế-tổ đánh được Tây-sơn rồi, ngài ban thưởng cho các tướng sĩ, tặng phong và làm đến

thờ những người tử trận. Còn những quân lính già nua thì cho về quê quán. Đặt ra phép giản-binh : lệ định các trấn, từ Quảng-bình vào đến Bình-thuận, thì cứ ba tên đinh kén lấy một tên lính ; từ Biên-hòa trở vào, thì cứ 5 tên đinh kén lấy một tên lính ; từ Hà-tĩnh trở ra đến 5 nội-tiền ở Bắc-thành, thì cứ 7 tên đinh kén lấy một tên lính. Còn 6 ngoại-trấn là Tuyên-quang, Hưng-hóa, Cao-bằng, Lạng-son, Thái-nguyên, Quảng-yên, thì cứ 10 tên đinh kén lấy một tên lính.

Ở chỗ Kinh-thành thì đặt ra thân-binh 親兵, cấm binh 禁兵, tinh binh 精兵. Lính thân binh mỗi vệ có 500 người và có 50 người tập quân nhạc. Ở các trấn thì đặt ra lính cơ, lính mộ. Lại đặt ra biên-binh ban-lệ, nghĩa là các binh lính chia ra làm 3 phiên, 2 phiên về quán, còn một phiên ở lại ban, luân lưu thay đổi cho nhau.

Những binh-khí thì dùng gươm giáo, mã tấu, và lại có súng lớn bằng đồng gọi là súng đại-bác, súng nhỏ gọi là súng thạch cơ điều phương, nghĩa là bắn thì mồi bằng máy đá lửa. Ở chỗ Kinh-thành lập ra ba sở xạ trường để quân lính tập bắn.

Ở các cửa bể đều sai đồn đặt súng để phòng giữ và để xem xét những tàu bè ngoại quốc đi lại.

Nước Việt-nam ta có nhiều bể cần phải giữ gìn, bởi vậy vua Thế-tổ lưu tâm về việc chỉnh đốn binh thuyền : lấy người ở gần bể về doanh Quảng-dực và doanh Quảng-nam làm 6 vệ thủy-quân đóng tại Kinh-thành. Còn ở các hải-khẩu, mỗi nơi có một cơ lính thủy coi giữ Nhà vua lại làm một thứ thuyền lớn ngoài bọc đồng, để đi lại tuần phòng ở miền bể.

4. Việc tài chính. — Thuế đinh, thuế điền đều định lại cả. Thuế điền thì chia ra làm ba hạng : Nhất đẳng điền mỗi mẫu đồng niên nộp thóc 20 thăng ; nhị đẳng điền 15 thăng ; tam đẳng điền 10 thăng. Còn thứ ruộng mùa đông miền phải nộp 10 thăng.

Thuế đình thì lệ định : từ Nghệ-an ra đến ngoài Thanh-hóa, mỗi suất đồng niên phải chịu :

Thuế thân	1 quan 2 tiền
Mãn tiền	1 tiền
Cước mễ	2 bát

5 nội-trấn Bắc-thành và phủ Phụng-thiên⁽¹⁾, mỗi suất đình đồng niên phải chịu :

Thuế thân	1 quan 2 tiền
Mãn tiền	1 tiền
Điền tiền (tạp dịch)	6 tiền
Cước mễ	2 bát

6 ngoại trấn Bắc-thành, mỗi suất đình đồng niên phải chịu ;

Thuế thân	6 tiền
Mãn tiền	1 tiền
Điền tiền	3 tiền
Cước mễ	1 bát

Lệ giảm thuế. — Thuế lệ tuy định như vậy, nhưng năm nào ở đâu mất mùa như là bị hoạn trúng, đại hạn hay là nước lụt, v. v. thì nhà nước chiếu theo sự thiệt hại nhiều ít mà giảm thuế cho dân. Lũ lụt 10 phần thiệt hại 5 phần thì khoan giảm cho hai phần thuế ; thiệt hại 5 phần thì giảm cho 3 ; thiệt hại 6 phần thì giảm cho 4 ; thiệt hại 7 phần thì giảm cho 5 ; thiệt hại 8 phần thì giảm cho 6 ; thiệt hại 9 phần thì giảm cho 7 ; thiệt hại hết cả thì giảm cả. Hoặc nhà nước có lấy dân đình đi làm đường, đào sông, xây thành v. v. thì cũng được giảm thuế.

Vụ thuế. — Nhà vua lại tùy từng địa phương mà định vụ thuế. Từ Quảng-bình đến Bình-thuận cứ mỗi năm một vụ thu thuế, khởi đầu từ tháng 4 đến tháng 7 thì hết. Từ Nghệ-an ra đến Thanh-hóa ngoài, cũng các trấn ở Bắc-thành,

(1) Lục lộ phủ Hoài-đức bảy giờ.

mỗi năm thu thuế làm 2 vụ : mùa hạ thì khởi từ tháng 4 đến tháng 6 thì hết ; mùa đông thì khởi từ tháng 10 đến tháng 11 thì hết.

Đinh bạ. — Lệ định 5 năm một lần làm sổ đinh, trong làng từ chức-sắc cho đến quân dân, đều phải vào sổ. Kể từ 18 tuổi trở lên, 59 trở xuống, đều phải khai vào sổ.

Điền bạ. — Các làng, hoặc ruộng mùa, hoặc ruộng chiêm, hoặc ruộng hai mùa, hoặc có đất hạng nào, bao nhiêu mẫu, sào, thước, tấc, tọa lạc tại đâu, đông tây tứ chí phải chua cho rõ ràng. Mỗi làng phải làm 3 quyển sổ, cứ 5 năm làm một lần đệ vào bộ đóng dấu kiểm, rồi một bản lưu tại bộ, để phòng khi xét đến ; còn hai bản giao về tỉnh, tỉnh để một bản lưu chiếu, còn một bản giao giả dân xã lưu thủ.

Cấm bán ruộng công-diễn. — Từ khi nhà Lê mất ngôi, dân xã có nơi thì đem công-diễn dời ra làm tư-diễn, có nơi thì đem cố bán đi, bởi vậy năm Gia-long thứ hai (1803) nhà vua lập lệ cấm dân xã không được mua bán công-diễn công-thổ, chỉ trừ lúc nào xã thôn có công dụng điều gì, thì mới được phép cho diễn cố, hạn hết 3 năm lại phải trả lại. Ai giữ quá hạn ấy thì phải tội.

Thuế các sản vật. — Năm Gia-long thứ hai (1803), định lệ các quế-hộ ở Nghệ-an, đồng niên phải nộp các hạng quế 120 cân. Ở Thanh-hóa phải nộp 70 cân, và đều được miễn trừ thuế thân cả. Những người tìm được cây quế, phải trình quan để cấp cho văn-bằng mới được dẫn. Dẫn xong rồi một nửa nộp quan, một nửa cho người tìm được.

Năm Gia-long thứ tư (1805), định lệ những người đi lấy yến-sào ở các đảo về hạt Quảng-nam, mỗi người đồng niên phải nộp thuế yến 8 lạng, và được tha việc binh-đạo.

Còn những thuế hương, thuế sâm, thuế chiếu, thuế gỗ, đều có lệ riêng, định cho nộp bằng tiền hay là bằng sản vật.

Vua Thế-tổ lại định lệ đánh thuế những thuyền các nước vào buôn bán, cứ đo thuyền lớn nhỏ mà định số thuế phải nộp.

Những mỏ đồng, mỏ thiếc, mỏ kẽm, cũng cho người Khách khai để đánh thuế.

Đúc tiền. — Năm Gia long thứ hai (1803), mở sở đúc tiền ở Bắc-thành, để đúc tiền đồng và tiền kẽm; tại đúc ra nén vàng nén bạc lượng vàng, lượng bạc, để cho tiện sự giao thông buôn bán trong nước.

Mỗi đồng tiền kẽm nặng 7 phân, một mặt in chữ « Gia-long thông-bảo », một mặt in chữ « thất phân », mỗi quan tiền nặng 2 cân 10 lạng.

Giá vàng ở Bắc-thành thì định cứ một lượng vàng đổi lấy 10 lượng bạc.

Về sau mở thêm lò đúc tiền ở Gia-định-thành và ở các trấn.

Thước áo. — Vua Thế-to chế tạo ra kiểu thước đồng đo ruộng, một mặt khắc 7 chữ « Gia-long cứu niên thu bát nguyệt », một mặt khác 10 chữ « ban hành đặc điển xích công bộ đường kính tạo ». Chuẩn định lại các thước vuông đo ruộng khi trước, chế tạo ra thước đồng, một mặt khắc 7 chữ « Gia-long cứu niên thu bát nguyệt », một mặt khác 12 chữ « ban hành đặc điển cự kinh xích, công bộ đường khâm tạo ».

Phép cân. — Năm Gia-long thứ 12 (1813), chế tạo ra cân thiên-bình, cấp cho các doanh các trấn, để cân đồng, sắt, chì, thiếc và các sản vật. Còn vàng và bạc thì dùng cân trung-bình.

5. Công vụ. — Vua Thế-tồ lại sửa sang những đường sá, xoi đào các sông ngòi, đắp các đê điều, để cho việc làm ăn của dân gian được tiện lợi.

Đường quan lộ. — Đường sá trong nước là sự khẩn yếu cho việc chính-trị, vậy nên vua Thế-tồ mới định lệ sai quan ở các doanh, các trấn phải sửa sang đường quan lộ: bắt dân sở tại phải đắp đường làm cầu, lệ cứ 15.000 trượng đường, thì phát cho dân 10.000 phương gạo.

Lại từ cửa Nam quan (thuộc Lạng-sơn) vào đến Bình-thuận, cứ đó 4.000 trượng phải làm một cái nhà trạm ở cạnh đường qua-lộ để cho quan khách đi lại nghỉ ngơi. Cả thảy có 98 trạm.

Còn từ Bình thuận trở vào phía nam đến Hà tiên thì đi đường thủy.

Sông ngòi và đê điều. — Những sông ngòi và đê điều, đều là sự khẩn yếu cho việc canh nông bởi vậy vua Thế-tổ truyền cho quan ở các trấn phải xoi đào sông ngòi và các cửa bể, và nhất là ở Bắc thành phải giữ gìn đê điều cho cẩn thận: chỗ nào không cố thì đắp thêm, chỗ nào hư hỏng thì phải sửa lại. Ở các trấn lại đất ra kho chứa thóc gạo, để phòng khi mất mùa đói kém thì lấy mà phát cho dân.

6 Pháp luật. — Nguyên khi trước vẫn theo luật nhà Lê nhưng nay nhà Nguyễn đã nhất thống cả nam bắc, vua Thế-tổ bèn truyền cho đình thần lập ra pháp luật rõ ràng, để cho tiện sự cai-trị. Năm tân-mùi (1811) sai Nguyễn văn-Thành 阮文誠 làm tổng-tài, coi việc soạn ra sách luật: lấy luật cũ của đời Hồng-dức 洪德 nhà Lê, mà tham chước với luật nhà Thanh làm thành một bộ cả thảy 22 quyển, có 398 điều.

Đến năm ất-hợi (1815), thì in sách luật ấy phát ra mọi nơi. Bộ luật ấy tuy nói theo luật Hồng-dức nhưng kỳ thực là chép luật của nhà Thanh và chỉ thay đổi đi ít nhiều mà thôi.

7. Việc học hành. — Thời bấy giờ nhờ có võ công mới dựng nên cơ nghiệp, cho nên lúc ấy các quan đầu triều là quan ngũ-quân đó thống, và quan tòng-trấn Nam Bắc hai thành đều là quan võ cả. Nhưng vua Thế-tổ cũng biết rằng sự trị nước cần phải có võ có văn, bởi vậy đêm ngay ngay lựa y về việc học hành thi cử trong nước.

Ngài lập nhà Văn miếu ở các doanh các trấn, thờ đức Khổng tử, để tỏ lòng trọng nho-học. Đại Quốc-tử-giam ở

Kinh-đô, để dạy con các quan và các sĩ-tử. Mở khoa thi Hương để kén lấy những người có học hành ra làm quan.

Đặt thêm chức đốc-học ở các trấn, và dùng những người có khoa mục ở đời nhà Lê, để coi việc dạy dỗ.

Vua Thế-tổ lo cả đến địa dư và quốc-sử, bởi vậy ngài sai quan Binh-bộ thượng-thư là Lê-quang Định 黎光定 kê cứu ở trong các trấn các doanh, từ Lạng sơn đến Hà-liên, xem sơn xuyên hiểm trở, đường sá xa gần, sông bể, cầu quán, chợ búa, phong tục, thổ sản, có những gì, làm thành sách « *Nhất thống địa-dư-chi* 一統地輿志 » để dâng lên. Đến năm binh-dẫn (1806), bộ sách ấy làm xong cả thảy được 10 quyển.

Năm tân-mùi (1811), ngài sai quan tìm những sách già-sử nói chuyện nhà Lê và nhà Tây-sơ, để sửa lại quốc sử.

Thời bấy giờ văn quốc âm cũng thịnh lắm. Một đời khi nhà vua cũng dùng chữ nôm mà làm văn tế Bài văn tế tướng sĩ khi quan Tiền-quân Nguyễn Văn-Thành, tổng-trấn Bắc-thành ra chủ tế, không rõ là ai làm, nhưng thật là một bài văn-chương đại bút. Lại có những chuyện như « Hoa tiên » của ông Nguyễn-lai Thạch, « Kim Vân-Kiều » của quan Hữu-tham-tri bộ Lễ là ông Nguyễn-Du 阮攸¹, cũng phát hiện ra thời bấy giờ.

Truyện « Kim-Vân-Kiều » là một tập văn-chương rất hay, diễn được đủ cả nhân-tình thế-cố, tả được cả mọi cảnh trong đời, mà chỗ nào văn-chương cũng tao nhã, lời lẽ cũng lý thú. Nói theo tiếng đời nay thì truyện « Kim Vân-Kiều » thật là một tập văn-chương đại trước tác của nước ta vậy.

8. Việc giao-thiệp với nước Tàu. — Khi vua Thế-tổ dứt được nhà Tây-sơn và lấy được đất Bắc-hà rồi, sai quan thượng-thư Binh-bộ là ông Lê-quang Định 黎光定 làm chánh-sứ sang Tàu cầu phong và xin đổi quốc-hiệu là

(1) Ông Nguyễn-Du người làng Tiên-diễn, huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà-Nam.

Nam Việt 南越, lấy lẽ rằng Nam là An-nam và Việt là Việt thường. Nhưng vì đất Nam-Việt đời nhà Triệu ngày trước gồm cả đất lương Quảng, cho nên Thanh-triều mới đổi chữ Việt lên trên, gọi là Việt Nam 越南 để cho khỏi lầm với tên cũ

Đến năm giáp-ti (1804) Thanh-triều sai quan án-sát sứ tỉnh Quảng tây là Tề-bố Sâm 齊布森 sang tuyên phong, Hoan rồi, vua sai ông Lê bá Phẩm 黎伯品 làm chánh sứ đem đồ cống sang tạ và từ đó cứ chiếu lệ hạ năm một lần sang cống

Đồ cống phẩm là :

Vàng	200 lượng
Bạc	1000 —
Lúa và bắp mỗi thứ . . .	100 cây
Sừng tê giác	2 bộ
Ngà voi và quế mỗi thứ .	100 cân

8. Việc giao-thiệp với nước Chân-lạp và nước Tiêm-la. — Nguyên lúc còn Lê-triều thì chúa Nguyễn vẫn giữ quyền bảo-hộ nước Chân-lạp. Sau vua nước ấy là Nặc ông Tôn¹ bị anh em hiếp chế, phải chia quyền ra làm ba, để cho Nặc ông-Vinh làm vua đầu, mình làm vua thứ hai, em là Nặc ông-Thâm làm vua thứ ba. Được ít lâu Nặc ông-Vinh giết cả Nặc ông-Tôn và Nặc ông-Thâm giữ lấy quyền làm vua một mình.

Lúc bấy giờ Nguyễn-vương còn ở Gia-định mới sai ông Đỗ-thanh-Nhân 杜清仁 sang đánh Nặc ông-Vinh và lập con Nặc ông-ôn là Nặc ông-Ấn 匿蟬印 lên làm vua. Nặc ông-Ấn bấy giờ mới có 8 tuổi. Nguyễn-vương sai ông Hồ-văn-Lân 胡文璘, ở lại bảo hộ. Nhưng đến khi đất Gia-định thất thủ quyền bảo-hộ nước Chân-lạp thuộc về nước Tiêm-la.

(1) Xem ở chương VI, quyền IV.

Năm bình thin (1796), Nặc-ông Ân mất truyền ngôi lại cho con là Nặc-ông-Chân 匿 璠 禎. Vua Tiêm-la sai sứ sang phong như thế là vua Chân-lạp phải thần phục vua Tiêm-la.

Đến năm đinh-mão (1807), Nặc-ông-Chân lại bỏ Tiêm-la mà xin về thần phục vua Việt-Nam ta, theo lệ cống tiến, cứ ba năm một lần.

Đồ cống vật là

Voi đực cao 5 thước	2 con
Sừng tê giác	2 chiếc
Ngà voi	2 cái
Hột sa nhân	50 cân
Đậu khấu	50 —
Hoàng-lạp	50 —
Cánh kiến	50 —
Sơn đen	20 lạng

Nặc-ông-Chân có ba người em tên là Nặc-ông-Nguyên, Nặc-ông-Lem, Nặc-ông-Đôn muốn tranh quyền của anh, mới sang cầu cứu nước Tiêm-la. Tiêm-la bắt Nặc-ông-Chân phải chia đất cho các em. Nặc-ông-Chân không chịu, quân Tiêm-la bèn sang đánh thành La-bích. Nặc-ông-Chân chạy sang Tân châu, rồi dâng biểu cầu cứu. Quan tổng-trấn Gia-định thành bấy giờ là Nguyễn-văn-Nhân 阮 文 仁 mới đem việc ấy tâu về triều-đình.

Năm tân-mùi (1811), vua Thế-tổ cho sứ đưa thư sang trách nước Tiêm-la sinh sự. Năm sau, vua Tiêm-la sai sứ sang phúc thư lại rằng: Việc ấy là muốn giảng hòa cho anh em Nặc-ông-Chân, chứ không có ý gì cả. Vậy xin để Việt-Nam xử trí thế nào, Tiêm-la cũng xin thuận.

Qua năm quí-dậu (1813), vua Thế-tổ sai quan tổng-trấn Gia-định-thành là Lê-văn-Duyệt 黎 文 悅 đem hơn 10.000 quân, hội-dồng với sứ nước Tiêm-la, đưa Nặc-ông-Chân về nước.

Nước Tiêm-la tuy không dám kháng cự, nhưng vẫn lưu quân ở lại giữ tỉnh Bắc lăm-bôn (Battambang), nói rằng để đất ấy phong cho các em Nặc-ông-Chân Lê-văn-Duyệt mới viết thư sang trách nước Tiêm-la về điều ấy, quân Tiêm mới rút về.

Lê-văn-Duyệt dâng sớ xin xây thành Nam-vinh (Pnom-Penh) và thành La lêm. Khi những thành ấy xây xong, thì vua Thế-tổ sai Nguyễn-văn-Thụy 阮文瑞 đem 1.000 quân ở lại bảo-hộ nước Chân-lạp. Từ đó quyền bảo-hộ Chân-lạp lại về nước ta.

I. Việc giao-thiệp với nước Hồng-mao. — Năm quý-hợi (1 03), nước Hồng-mao (tức là Anh-cát-lợi) sai sứ là ông Robert đem đồ phương vật sang dâng và xin cho vào mở cửa hàng buôn bán ở Trà-sơn 茶山, thuộc Quảng-nam. Vua Thế-tổ không nhận đồ, và cũng không cho mở cửa hàng. Sau người Hồng-mao còn đưa thư sang hai ba lần nữa, nhưng ngài vẫn một niềm từ chối không chịu.

II. Việc giao-thiệp với nước Pháp lau-tây. — Đối với nước Pháp thì vua Thế-tổ có biệt nhơn hơn, là vì khi ngài còn gian truán, ngài có nhờ ông Bá-đa-Lộc đem Hoàng-tử Cảnh sang cầu cứu ở bên nước Pháp. Tuy sự không thành, nhưng ông Bá-đa-Lộc có đem mấy người sang giúp ngài. Đến khi xong việc đánh dẹp rồi, còn có ông Chaigneau, ông Vannier và ông Despiau làm quan tại triều, mà vua Thế-tổ cũng có lòng trọng đãi, cho mỗi người 50 tên lính hầu, và đến buổi chiều thì không bắt lay.

Vả trong khi vua Thế-tổ làm vua ở nước Việt-Nam, thì ông Nã-pha Luân đệ nhất (Napoléon I) làm vua bên nước Pháp đang còn phải đánh nhau với các nước, cho nên tàu Pháp cũng không hay đi lại ở phía Viễn-đông này. Đến khi ông Nã-pha Luân thất thế, dòng dõi nhà vua cũ lại trung-hưng lên, bây giờ sự chiến tranh đã yên, thì mới có tàu sang buôn bán ở phương Á-đông. Năm đinh-sửu (1817), có chiếc tàu « la Paix » của hiệu Balguerie, Sarget et Cie chở đồ hàng sang bán, nhưng mà những đồ hàng ấy, người

An-nam ta không dùng được, lại phải chở về. Vua Thế-tổ tha không đánh thuế. Qua tháng sáu năm ấy, có chiếc tàu binh tên là Cybèle của nước Pháp, vào cửa Đà-nẵng. Quan thuyền-trưởng là de Kergarion bá-tước nói rằng Pháp-hoàng Louis XVIII sai sang xin thi hành những điều ước của ông Bá đa Lộc ký năm 1787 về việc nhường cửa Đà-nẵng và đảo Côn-lôn. Vua Thế-tổ sai quan ra trả lời rằng những điều ước ấy nước Pháp trước đã không thi hành thì nay bỏ, không nói đến nữa.

Năm kỷ-mão (1819), có hai chiếc tàu buôn ba cột tên là « Rose » và « le Henri » vào cửa Đà-nẵng. Lần này hàng hóa đem sang bán được, lại chở chẻ và lựa về. Năm ấy ông Chaigneau xin nghỉ ba năm, đem vợ con xuống tàu « le Henri » về Pháp.

12. Sự giết hai công-thần. — Những người công-thần như ông Nguyễn-văn-Thành 阮文誠 và ông Đặng-trần-Thường 鄧陳常 đều bị giết hại trong khi vua Thế-tổ còn đang trị vì.

Nguyễn-văn-Thành, nguyên là người ở Thừa-thiên, nhưng vào ở Gia-định đã hai ba đời. Theo vua Thế-tổ từ khi ngài mới khởi binh đánh Tây-sơn, chịu hết mọi đường khổ sở. Sau ra đánh Tây-sơn ở Qui-nhơn, lập được công lớn, đứng đầu hàng công-thần.

Khi vua Thế-tổ ra lấy Bắc-hà, triệu ông ra làm tổng-trấn, giao cho xếp đặt mọi việc, chỉ có mấy năm mà đất Bắc-hà được yên trị. Sau về kinh làm chức trung-quân.

Ông có học thức, cho nên triều-đình cứ làm tổng-tài việc làm sách luật và quốc-sử.

Nguyễn-văn-Thành có người con tên là Nguyễn-văn-Thuyên 阮文詮 thi đạt cử-nhân, thường hay làm thơ đề giao du với những kẻ văn-sĩ. Bây giờ nghe người ở Thanh-hóa là Nguyễn-văn-Khuê 阮文奎 và Nguyễn-đức-Nhuận 阮德潤 có tiếng hay chữ, Văn-Thuyên làm bài thơ sai tên Nguyễn-trương-Hiệu 阮張效 cầm đi mời vào chơi.

Bài thơ rằng :

Văn đạo Ái-châu đa tuấn kiệt,
Hư hoài trắc tịch dục cầu ty.
Vô tâm cứu bão Kinh-sơn phác,
Thiện tướng phương tri Ký bắc kỳ.
U-cốc hữu hương thiên lý viên,
Cao cương minh phượng cứu thiên tri.
Thư hồi nhược đặc sơn trung tề,
Tá ngã kinh luân chuyền hóa kỳ.

Dịch nôm là :

Ái châu nghe nói lắm người hay,
Ao ước cầu hiền đã bấy nay.
Ngọc phác Kinh-sơn tài sẵn đó,
Ngựa kỳ Ký-bắc biết lâu thay.
Mùi hương hang tối xa nghìn dặm,
Tiếng phượng gò cao suốt chín mây.
Sơn tề phen này dù gặp gỡ,
Giúp nhau xoay đời hội cơ này.

Tưởng bài thơ này chẳng qua là lời lẽ của người thiếu niên nói ngông mà thôi, không ngờ tên Hiệu đưa cho Nguyễn-hữu-Nghi 阮祐儀 xem, Hữu-Nghi xui tên Hiệu đi cáo với Lê-văn-Duyệt. Lê-văn-Duyệt vốn ghét Nguyễn-văn-Thành, nay thấy bài thơ này nắm lấy đem vào tâu vua, vua sai bắt Nguyễn Văn-Thuyên đem bỏ ngục. Bấy giờ triều thần có nhiều người bẻ tội ông Thành. Một hôm bãi triều rồi, ông Thành chạy theo nắm lấy áo vua mà kêu khóc rằng: « Thần theo Bệ-hạ từ thừa nhỏ đến bây giờ, nay không có tội gì mà bị người ta cấu xé, Bệ-hạ nữ lòng nào ngồi nhìn để người ta giết thần mà không cứu ! » Vua Thế tổ giật áo ra đi vào cung, rồi tự đó cấm không cho ông Thành vào chầu nữa, và sai Lê-văn-Duyệt đem con Nguyễn-văn-Thành ra tra hỏi, bắt phải nhận tội. Nguyễn-văn-Thành sợ tội uống thuốc độc mà chết, còn Nguyễn Văn-Thuyên thì phải chém.

Đặng-trần-Thường 鄧陳常 người ở Chương-đức (tức là huyện Chương-mỹ, tỉnh Hà-đông bây giờ) có tài văn học, trốn Tây-sơn vào Gia-định theo giúp vua Thế-tổ làm đến Binh bộ thượng-thư. Sau vì làm gian sắc phong thần, cho Hoàng-ngũ-Phúc là tướng nhà Trịnh vào bực phúc-thần, triều-đình làm án phải tội chém. Nhưng rồi lại được tha. Đặng Trần-Thường vốn có hiềm với Lê-Chất, cho nên Lê-Chất mới bởi những việc như là khi ra coi tào-binh ở Bắc-thành, có chiếm giữ đầm ao và ăn lậu đình điền, v. v. Lại bắt bỏ ngục và xử phải tội giảo.

Tương truyền rằng Đặng Trần-Thường ở trong ngục có lam bài Hà-vương-tôn phú bằng quốc âm để ví mình như Hàn-tin đời Hán.

13. Xét công việc của vua Thế-tổ. — Vua Thế-tổ là ông vua có tài-trí, rất khôn ngoan, trong 25 năm trời, chống nhau với Tây-sơn, trải bao nhiêu lần hoạn nạn, thế mà không bao giờ ngã lòng, cứ một niềm lo sự khôi phục. Ngài lại có cái đức-tính rất tốt của những kẻ lập nghiệp lớn, là cái đức-tính biết chọn người mà dùng, khiến cho những kẻ hào kiệt ai cũng nức lòng mà theo giúp. Bởi vậy cho nên không những là ngài khôi phục được nghiệp cũ, mà lại thống nhất được sơn-hà, và sửa sang được mọi việc, làm cho nước ta lúc bấy giờ thành một nước cường đại, tự xưa đến nay, chưa bao giờ từng thấy.

Công nghiệp của ngài thì to thật, tài trí của ngài thì cao thật, nhưng chỉ hiềm có một điều là khi công việc xong rồi, ngài không bảo toàn cho những công-thần, mà lại lấy những chuyện nhỏ nhặt đem giết hại những người có công với ngài, khiến cho hậu-thế ai xem đến những chuyện ấy, cũng nhớ đến vua Hán-Cao, và lại thở dài mà thương tiếc cho những người ham mê hai chữ công danh về đời áp-chế ngày xưa!

Vua Thế-tổ mất năm kỷ-mão (1819), trị vì được 18 năm, thọ 59 tuổi, miếu-hiệu là Thế-tổ Cao hoàng-đế 世祖高皇帝.

CHƯƠNG II

THÁNH-TỔ (1820-1840)

Niên-hiệu Minh mệnh 明命

1. Đức độ vua Thánh-tổ. — 2. Việc chính-trị trong nước. — 3. Nội-các — 4. Cơ-mật-viện. — 5. Tôn-nhà-phủ. — 6. Quan-chế — 7. Đặt tổng-dộc, tuần-phủ ở các tỉnh — 8. Lương bổng của các quan. — 9. Tiên dưỡng liêm. — 10. Sự học-hành thi-cử. — 11. Sách vở. — 12. Việc sửa phong-tục. — 13. Nhà dưỡng lễ. — 14. Việc đình điền và thuế má. — 15. Việc võ bị

1. Đức độ vua Thánh-tổ. — Tháng giêng năm can-thìn (1820), Hoàng thái-tử huy là Đóm 瞻 lên ngôi, đặt niên-hiệu là Minh-mệnh 明命.

Vua Thánh-tổ là một ông vua có tư chất minh mẫn, có tính hiếu học và lại hay làm; phàm có việc gì, ngài cũng xem xét đến, và có châu phê rồi mới được thi hành.

Ngài tinh thâm nho học, sùng đạo Khổng Mạnh, cho nên không ưa đạo mới, cho là một tà-đạo lấy trời thánh ra mà làm mê hoặc lòng dân. Bởi vậy, ngài mới nghiêm cấm và trừng trị những người theo đạo Gia-tô.

Về sau có nhiều nhà làm sử, vị ý riêng mà cho ngài là bạo-quân, thì thiết tưởng điều ấy không hợp với lẽ công bằng.

Phải biết rằng nước ta từ xưa đến nay, điều gì cũng theo nho giáo, lấy tam-cương ngũ-thường làm căn bản cho sự ăn ở. Vua tôi, cha con, vợ chồng, ấy là cái khóa luân-lý của xã hội mình. Ai tháo cái khóa ấy ra thì cho là không phải loài người nữa. Vậy con phải theo cha, tôi phải theo vua, ai trái với cái đạo ấy là phải tội nặng, đáng chém giết.

Lúc trong nước mình từ vua quan cho chí dân sự, ai ai cũng lấy cái lý-tưởng ấy làm phải, làm hay hơn cả, mà lại thấy có người bỏ đi theo đạo khác, nói những chuyện mà lạc bấy giờ lại không mấy người hiểu rõ ra thế nào,

thì tất cho là theo tả-đạo, làm hư hỏng cái phong-lục hay của mình. Bởi vậy cho nên nhà vua mới cấm, không cho người trong nước đi theo đạo mới.

Một ông vua nghiêm khắc như đức Thánh-tổ mà cấm không được, thì tất là phải giết. Trong khi cấm và giết như vậy, là vẫn tưởng mình làm việc bổn-phận làm vua của mình, chứ có biết đâu là mình làm sự thiệt hại cho dân cho nước.

Vả, bao giờ cũng vậy, hễ người ta đã sùng tín một tôn-giáo nào, thì tất cho cái tôn-giáo của mình là hay hơn, và cho người theo tôn giáo khác là thù nghịch với mình, rồi hễ có quyền thế là làm thế nào cũng dùng cách mà hà hiếp người khác đạo với mình. Cũng vì lẽ ấy, cho nên ngày trước vua Philippe II nước I-pha-nho, vua Louis XIV nước Pháp-lan tây giết hại bao nhiêu người trong nước. Mà chắc rằng lúc bấy giờ các ông ấy cũng tưởng là mình làm điều phải chứ có biết đâu là mình làm điều trái lẽ.

Vẫn biết rằng sự giết đạo là sự không lành, nhưng phải hiểu cái trí não người An-nam ta lúc bấy giờ, không rõ cái tôn chỉ đạo Thiên-chúa ra thế nào, cho nên đâu không phải là vua Thánh-tổ nữa. thì ông vua khác cũng không chắc đã tránh khỏi cái lỗi giết đạo ấy.

Nhà làm sử lại đồ cho vua Thánh-tổ giết ông Nguyễn-văn Thành thì xét trong các chuyện như sách *Thực-lục chính biên* và sách *Đại nam chính biên liệt-truyện*, thì chỉ thấy chép rằng ông Nguyễn văn-Thành bị tội phải uống thuốc độc mà tự-tử năm Gia-long thứ 15 mà thôi. Còn như án ông Lê-văn-Duyệt và ông Lê-Chất thì có hẹp hòi thật, nhưng khi các ông ấy đã mất rồi và lại vì có bọn tên Khởi khởi loạn cho nên mới truy tội hai ông ấy mà làm án, chứ lúc hai ông ấy còn sống, thì vua Thánh-tổ, tuy có bụng nghi ngờ, nhưng vẫn không bực đãi.

Việc ngài giết chị dâu là bà vợ ông Hoàng-Cảnh và các cháu, thì không thấy sách nào chép cả, chỉ thấy một đôi người truyền-ngôn như thế mà thôi. Vậy việc ấy thực hư thế nào không rõ.

Còn việc không biết giao thiệp với các nước ngoài-dương, thì không phải là cái lỗi riêng một mình ngài. Lúc bấy giờ người mình ai cũng chỉ biết có nước Tàu là văn-minh hơn, còn thì cho là man-di cả. Phóng sử có ai là người biết mà nói ở thiên hạ còn có nhiều nước văn minh hơn nữa cũng không ai tin. Bởi thế, hễ thấy người ngoại quốc vào nước mình, thì không những là sợ có sự phản-trác và sợ đem đạo mới vào nước mà thôi, lại còn sợ lây phải cái phong-tục giã-man nữa, cho nên không muốn giao thông với ngoại quốc làm gì. Như thế thì có nên riêng trách một mình ai không?

Cái nghĩa-vụ người làm sử, tưởng nên kê cứu cho tường tận, rồi cứ sự thực mà nói, chứ không nên lấy lòng yêu ghét của mình mà xét đoán. Dầu người mình ghét mà có làm điều phải, mình cũng phải khen; người mình yêu mà có làm điều trái, mình cũng phải chê. Vua Thánh-tổ là một ông vua chuyên-chế, tất thế nào cũng có nhiều điều sai lầm, và có nhiều điều tàn ác, nhưng xét cho kỹ, thì thật ngài cũng có lòng vì nước lắm. Trong lo sửa sang mọi việc, làm thành ra nền nếp chính tề; ngoài đánh Tiêm dẹp Lào, làm cho nước không đến nỗi kém hèn.

Vậy cứ bình tình mà xét, thì dầu ngài không được là ông anh quân nữa, thì cũng không phải là ông vua tầm-thường, cứ xem công việc của ngài làm thì hiểu rõ.

2. Việc chính-trị trong nước — Vua Thánh-tổ đã 30 tuổi mới lên ngôi vua, cho nên việc triều chính ngài đã am hiểu lắm. Việc gì ngài cũng muốn biết. Có khi xong buổi chầu rồi, ngài đòi một vài quan đại-thần lên bàn mọi việc kinh lý và hỏi những sự tích đời xưa, những nhân-vật và phong-tục ở các nước xa lạ. Ngài chăm xem xét mọi việc, có khi đêm thắp đèn xem chương, sơ đến trống hai, trống ba mới thôi. Thường thường ngài nói với các quan rằng: Lòng người thì ai cũng muốn ở yên, mà không muốn sinh sự ra để thay đổi luôn, nhưng lúc trẻ mạnh mà không sửa sang mọi việc, thì tới đến lúc

giả, yếu mỗi một còn làm gì được. Bấy vậy cho nên trăm không dám lười biếng lúc nào¹.

Ở trong triều, thì ngài đặt thêm ra các tự 寺 và các viện 院, Bấy giờ có Nội-các 內閣 và Cơ-mật-viện 機密院 là quan trọng hơn cả.

3. Nội-các. - Đời vua Thế-tổ đã đặt Thị-thư-viện 侍書院 làm chốn cơ yếu ở trong điện, để có điều gì thì vua hỏi hạp và làm các việc như biểu, sách, chế, cáo, chương, tấu sắc, mệnh v. v. Đại khái cũng tự hồ phòng thư ký riêng của vua vậy.

Năm canh-thìn (1820) là năm Minh-mệnh nguyên niên, vua Thánh-tổ cải làm Văn-thư-phòng; đến năm Minh-mệnh thứ mười (1829), đổi làm Nội-các 內閣, lấy quan tam tự phẩm ở các bộ, viện vào quản lĩnh mọi việc.

4. Cơ-mật-viện. - Năm giáp-ngọ (1834) là năm Minh-mệnh thứ 15, nhân vì việc quân quốc cơ yếu là việc rất quan trọng, vua Thánh-tổ mới theo như Khu-mật-viện nhà Tống và Quân cơ-xứ nhà Thanh mà chằm chước đặt ra Cơ-mật-viện 機密院, cho có trách-nhiệm riêng. Các quan đại-thần sung chức trong viện ấy thì dùng 4 viên, văn võ từ tam phẩm trở lên, phụng chỉ kén dùng. Thuộc-viện thì có viên-ngoại lang, chủ-sự, tự-vụ, biên-tu, đều kén ở trong các bộ, viện, ra sung bổ. Các quan đại thần ở Cơ-mật-viện có đặc chỉ cho đeo kim-bài để phân biệt với các quan khác. Kim-bài khởi đầu có từ đây.

5. Tôn-nhân-phủ. - Năm bính-thân (1836) là năm Minh-mệnh thứ 17, vua Thánh-tổ đặt ra Tôn-nhân-phủ 尊人府 và đặt quan chức để coi mọi việc ở trong họ nhà vua.

Nhà vua thờ tiên tổ có 7 miếu: những miếu phía tả gọi là chiếu 昭, những miếu phía hữu gọi là mục 穆. Con cháu các dòng chiểu hay là mục phải phân biệt chi nào ra chi ấy.

Đặt tôn-nhân-linh một người, tả hữu tôn-chính hai người, tả hữu tôn-nhân hai người, để coi việc hoàng-tộc và việc phân biệt thứ tự hàng chiểu hàng mục, ghi

(1) Minh-mệnh chính yếu, quyền căn-chính.

chép hàng lượt người thân người sơ, việc nuôi nấng và cấp trước lộc cho mọi người trong hoàng-tộc, lại đặt tả hữu tôn-khanh hai người, tả hữu tả lý hai người, để coi thứ trật mọi người tôn-thất và việc cấp dưỡng cho kẻ có ấu, giúp đỡ những việc tang hôn v. v. . .

6. **Quan-chế.** — Vua Thánh-tổ đặt lại các-phẩm cấp quan-chế, từ nhất phẩm đến cửu phẩm, mỗi phẩm chia ra làm chánh và tòng hai bậc.

CHÁNH NHẤT PHẨM :

Văn : Cần chính điện đại-học-sĩ 勤政殿大學士, Văn minh-điện đại-học-sĩ 文明殿大學士, Võ-hiến-điện đại-học-sĩ 武顯殿大學士, Đông-các đại-học-sĩ 東閣大學士.

Võ : Ngũ-quân Đô-thống-phủ đô-thống chưởng-phủ sự 五軍都統府都統掌府事.

TÒNG NHẤT PHẨM :

Văn : Hiệp-biện đại học-sĩ 協辦大學士.

Võ : Ngũ-quân Đô-thống phủ, đô-thống 五軍都統府都統.

CHÁNH NHỊ PHẨM :

Văn : Thượng-thư, tòng-đốc, tả hữu đô-ngự-sứ.

Võ : Thống-chế, đề-đốc.

TÒNG NHỊ PHẨM :

Văn : Tham-tri tuần-phủ, tả hữu phó-đô-ngự-sứ.

Võ : Chưởng-vệ, khinh-xa đô-úy, đô-chỉ huy-sứ, phó đề-đốc.

CHÁNH TAM PHẨM :

Văn : Chưởng-viện học-sĩ, thị-lang, đại-lý tự-khanh, thái-thường tự-khanh, bố-chính-sứ, trực-học-sĩ, thông-chính-sứ, thiêm-sự, phủ doãn.

Võ : Nhất-dãng thị-vệ, chỉ-huy-sứ, thân-cấm-binh vệ-úy, lãnh-binh.

TỔNG TAM PHẨM :

Văn : Quang-lộc tự khanh, thái-bộc tự khanh, thông-chính phó-sứ.

Võ : Binh-mã-sứ, tinh-binh vệ-úy, thân-cấm-binh phó vệ-úy, phó lãnh-binh, kiêu-ky đô-úy, phó-mã đô-úy.

CHÁNH TỬ PHẨM :

Văn : Hồng-lô tự-khanh, đại-lý-tự thiếu-khanh, thái-thường-tự thiếu-khanh, tế-tâu, lang-trung, th-độc học sĩ, thiếu-thiêm-sự, thái-y viện-sứ, tào chính-sứ, phủ-thừa, án sát-sứ.

Võ : Quân-cơ, nhị-dãng thị-vệ, binh-mã phó-sứ, tinh-binh phó vệ-úy, thành-thủ-úy.

TỔNG TỬ PHẨM :

Văn : Quang lộc-tự thiếu-khanh, thái-bộc-tự thiếu-khanh chương-ão, cấp-sự-trung, thị giảng-học-sĩ, kinh-ky đạo ngự-sứ, tự-nghiệp, từ-tế-sứ, quân-dạo.

Võ : Phó quân-cơ, tuyên-úy-sứ, kị-đô-úy.

CHÁNH NGŨ PHẨM :

Văn : Hồng-lô-tự thiếu-khanh, giám-sát ngự-sứ, hàn-lâm-viện thị-độc, viên-ngoại-lang, trưởng-sứ, từ-tế phó-sứ, ngự-y, giám-chánh, tào-chánh phó-sứ, đốc-học, phó quân-dạo.

Võ : Tam-dãng thị-vệ, thân-cấm-binh chánh-đội-trưởng, phòng-thủ-úy.

TỔNG NGŨ PHẨM :

Văn : Hàn-lâm-viện thị-giảng, hàn-lâm-viện thừa-chỉ, miếu-lang, giám-phó, phó trưởng-sứ, phó ngự-y, tri-phủ.

Võ : Tinh-binh chánh-đội, tứ-dãng thị-vệ, thân-cấm-binh chánh-đội-trưởng suất-đội, tuyên-phó-sứ, phi-kị-úy.

CHÁNH LỤC PHẨM :

Văn : Hàn-lâm-viện trước-tác, chủ-sự, đồng tri-phủ, kinh-huyện, tri-huyện, y-tả viện-phẩu, ngũ-quan-chánh.

Võ : Ngũ-đẳng thị-vệ, cầm-y hiệu-úy, tinh-binh chánh-đội-trưởng suất-đội thổ-binh chánh-đội, trợ-quốc-lang.

TÔNG LỤC PHẦM :

Văn : Hàn-lâm-viện tu-soạn, tri-huyện, tri-châu, miếu-thừa, học-chánh, thông-phán, thổ tri-phủ, y-hữu viện-phán.

Võ Thân-cầm binh chánh-đội-trưởng, ân-kị-úy, thổ-binh chánh-đội-trưởng suất-đội.

CHÁNH THẤT PHẦM :

Văn : Hàn-lâm-viện biên-tu, tư-vụ, lục-sự, giám-thừa giám-linh đài-lang, giáo-thụ, kinh-lịch.

Võ : Thân-cầm-binh chánh-đội-trưởng, nội-tạo tư-chánh-tượng, tinh-binh chánh-đội-trưởng.

TÔNG THẤT PHẦM :

Văn : Hàn-lâm-viện kiểm-thảo, y-chánh, tinh-linh đài-lang, thổ tri-huyện, tri-châu.

Võ : Tinh-binh-đội-trưởng, phụng-ân-úy, dịch-thừa, tông thất-phẩm thiên-hộ, nội-tạo phó tư-tượng.

CHÁNH BÁT PHẦM :

Văn : Hàn-lâm-viện điền-tịch, huấn-đạo, chánh bát-phẩm thơ-lại.

Võ : Chánh bát-phẩm-đội-trưởng, chánh bát-phẩm bá-hộ, dịch-mục, chánh bát-phẩm chánh tư-tượng.

TÔNG BÁT PHẦM :

Văn : Hàn-lâm-viện điền-bạ, y-phó, tông bát-phẩm thơ-lại.

Võ : Tông bát-phẩm-đội-trưởng, tông bát-phẩm bá-hộ, thừa-ân-úy, tông bát-phẩm phó tư-tượng.

CHÁNH CỬU PHẦM :

Văn : Hàn-lâm-viện cung-phụng, chánh cửu-phẩm thơ-lại, tri-y y-chánh, tự-thừa phủ-lại-mục.

Võ : Chánh cửu-phẩm-đội-trưởng, phủ-lệ-mục, chánh cửu-phẩm bá-hộ, chánh cửu-phẩm tượng-mục.

TÔNG CỬU PHẠM :

Văn : Hàn lâm viện đãi chiếu, tông cửu-phạm thơ lại, y sinh, huyện lại mục, chánh tông.

Võ : Tông-cửu phạm đội trưởng, tông cửu-phạm bá hộ huyện lệ mục, tông cửu phạm tượng mục.

7. Đặt tông đốc tuần-phủ ở các tỉnh — Nguyên trước nước Nam ta chia ra làm từng trấn, có quan Trấn-thủ, hay là quan Lưu-trấn để coi việc trong trấn. Từ đời Gia-long trở đi, ở Bắc-thành và Gia-định-thành đặt quan Tông-trấn và quan Hiệp-trấn, để coi việc quân và việc dân trong cả toàn xứ.

Hết năm tân-mão (1831) là năm Minh-mệnh thứ 12, vua Thánh-tổ mới theo lối nhà Thanh, đổi trấn làm tỉnh và đặt chức tông-dốc 總督, tuần-phủ 巡撫, bố-chính-sứ 布政使, án-sát-sứ 按察使 và lĩnh-binh 領兵.

Tông-dốc thì coi việc quân dân, khảo hạch quan lại, sửa sang bờ cõi ở trong hạt; tuần-phủ thì coi việc chính-trị giáo-dục và giữ gìn phong-tục; bố-chính-sứ thì coi việc thuế má, đình điền, lính tráng và triều-dinh có ân trách hay là cấm lệnh điều gì, thì phải tuyên đạt cho mọi nơi biết; án-sát-sứ thì coi việc hình luật và kiêm cả việc tra vấn dịch vụ truyền; lĩnh-binh thì chuyên coi binh lính.

Từ tuần-phủ trở xuống đều phải theo lệnh quan tông-dốc. Thường thì tỉnh nào lớn, có lắm việc quan trọng, mới đặt tông-dốc, để quản trị cả hai ba tỉnh. Còn những tỉnh nhỏ thì chỉ đặt tuần-phủ là quan đầu tỉnh¹.

8 Lương bổng của các quan viên. — Năm kỷ-hợi (1839) là năm Minh-mệnh thứ 20, vua Thánh-tổ định lương bổng đồng niên và tiền xuân-phục của các quan viên.

Chánh nhất phạm : tiền 400 quan, gạo 300 phương, tiền xuân-phục 70 quan.

(1) Đời vua Thế-tổ nước Nam ta có 27 trấn, đến đời vua Thánh-tổ đặt thêm 4 tỉnh nữa là Hưng-yên, Ninh-bình, Hà-tĩnh và An-giang, cả thảy thành ra 31 tỉnh.

Tổng nhất phẩm : tiền 300 quan, gạo 250 phương, tiền xuân-phục 60 quan.

Chánh nhị phẩm : tiền 250 quan, gạo 200 phương, tiền xuân-phục 50 quan.

Tổng nhị phẩm : tiền 180 quan, gạo 150 phương, tiền xuân-phục 30 quan.

Chánh tam phẩm : tiền 150 quan, gạo 120 phương, tiền xuân-phục 20 quan.

Tổng tam phẩm : tiền 120 quan, gạo 90 phương, tiền xuân-phục 16 quan.

Chánh tứ phẩm : tiền 80 quan, gạo 60 phương, tiền xuân-phục 14 quan.

Tổng tứ phẩm : tiền 60 quan, gạo 50 phương, tiền xuân-phục 10 quan.

Chánh ngũ phẩm : tiền 40 quan, gạo 35 phương, tiền xuân-phục 9 quan.

Tổng ngũ phẩm : tiền 35 quan, gạo 30 phương, tiền xuân-phục 8 quan.

Chánh lục phẩm : tiền 30 quan, gạo 25 phương, tiền xuân-phục 7 quan.

Tổng lục phẩm : tiền 25 quan, gạo 22 phương, tiền xuân-phục 6 quan.

Chánh thất phẩm : tiền 25 quan, gạo 20 phương, tiền xuân-phục 5 quan.

Tổng thất phẩm : tiền 22 quan, gạo 20 phương, tiền xuân-phục 5 quan.

Chánh bát phẩm : tiền 20 quan, gạo 18 phương, tiền xuân-phục 4 quan.

Tổng bát phẩm : tiền 20 quan, gạo 18 phương, tiền xuân-phục 4 quan.

Chánh cửu phẩm : tiền 18 quan, gạo 16 phương, tiền xuân-phục 4 quan.

Tổng cứu phẩm : tiền 18 quan gạo 16 phượng, tiền xuân phục 4 quan.

Lại dịch binh tượng : mỗi tháng tiền một quan, gạo một phượng.

Hậu bổ : mỗi tháng tiền 2 quan, gạo 2 phượng.

Từ nhất phẩm đến tam phẩm, mỗi năm hai kỳ trình giấy lĩnh bổng ; tự tứ phẩm đến thất phẩm, mỗi năm 4 lần, đến tháng cuối mùa xuân, hạ, thu, đông, trình giấy lĩnh bổng ; tự bát cứu phẩm trở xuống, thì cứ mỗi tháng đến lĩnh một kỳ.

Tiền lương bổng của các quan viên lúc bấy giờ mà so sánh với bây giờ, thì thật là ít ỏi quá. Nhưng mà chắc là sự ăn tiêu thừa trước rở rúng không hết bao nhiêu. Nhà vua lại sợ những phủ huyện thiếu thốn mà những lạm của dân, cho nên mỗi năm lại phát thêm tiền *duỡng liêm*.

9. Tiền duỡng liêm. — Tri-phủ : tối yếu huuyệt cho 50 quan, yếu khuyệt 40 quan kbuyệt 30 quan, giản khuyệt 25 quan.

Đồng tri-phủ : tối yếu khuyệt cho 50 quan, yếu khuyệt 40 quan, khuyệt 30 quan, giản khuyệt 25 quan

Tri-huyện, tri-châu tối yếu kbuyệt cho 40 quan, yếu khuyệt 30 quan, trung khuyệt 25 quan, giản khuyệt 20 quan.

10. Sự học-hành thi-cử. — Việc trị nước cần phải có văn học, cho nên từ đời vua Thế-tổ cũng đã lưu ý về việc mở mang sự học-hành. Đến đời vua Thánh-tổ thì ngài lại trọng sự văn học lắm, ngài thường nói với các quan rằng : Đạo trị nước thì trước hết cần phải gây lấy nhân tài. Bởi vậy ngài có lòng yêu dùng những người có văn học, cho các hương cống vào làm hành-tầu ở trong lục bộ, để học tập việc chính-trị. Mở quốc-tử-giám 國子監 cho các giám-sinh được lương bổng ở ăn học.

Đời vua Thế tổ thì chỉ có thi Hương mà thôi, đến năm nhâm ngọ (1822) là năm Minh-mệnh thứ 3, mới mở khoa

thi Hội, thi Đình, để lấy tiến-sĩ, đến năm Minh-mệnh thứ 10 (1829), nhà vua lại cho những người trúng cách, nhưng không cấp phôi, được đỗ phó-bảng. Phó-bảng khởi đầu có từ đây.

Nguyên trước cứ 6 năm một khóa thi, nay đổi lại làm 3 năm một khóa, cứ năm *ti*, *ngọ*, *mão*, *dậu*, thi Hương, năm *thìn*, *tuất*, *sửu*, *mùi*, thi Hội, thi Đình.

Phép thi thi vẫn theo như đời Gia long; nghĩa là kỳ đệ nhất : kinh nghĩa; kỳ đệ nhị : tứ lục; kỳ đệ tam : thi phú; kỳ đệ tứ : văn sách. Trước ai đỗ tam trường, gọi là sinh đồ, ai đỗ tứ trường, gọi là hương cống, nay đời sinh-đồ là tú-tài 秀才, hương-cống là cử-nhân 舉人.

Vua Thánh-tổ là một ông vua thông minh, ngài vẫn biết sự học của nước ta sai lầm, những sĩ phu trong nước chỉ học theo lối cử-nghiệp, nghĩa là cốt học lấy thi đố, chứ không mấy người có thực học. Thường ngài nói chuyện với các quan rằng : « Lâu nay khoa cử làm cho người ta sai lầm. Trăm nghĩ văn chương vốn không có qui củ nhất định, mà nay những văn cử-nghiệp chỉ cầu nề cái hủ xáo, khoe khoang lẫn với nhau, biệt lập mỗi nhà một lối, nhân phẩm cao hay thấp do tự do, khoa bảng lấy hay bỏ cũng do tự do. Học như thế thì trách nào mà nhân tài chẳng mỗi ngày một kém đi. Song tập tục đã quen rồi khó đổi ngay được, về sau nên dần dần đổi lại » Vua Thánh-tổ thật là biết rõ cái tật của những người đi học ở trong nước ta, nhưng chỉ vì thói quen lâu ngày khó bỏ. Vả lại đầu óc muốn đổi, thì để thường cũng không biết đổi ra thế nào cho hay hơn được, cho nên sự học của mình vẫn nguyên như cũ.

11. Sách vở. — Vua Thánh-tổ mới lên ngôi ngài đã lo việc làm sách vở; ngài đặt ra quốc-sử-quán 國史館 để gộp nhất những chuyện làm quốc sử. Ngài lại lưu ý về việc trông-lê cho những người làm ra sách vở. Bởi vậy, ngài xuống chiếu : hễ ai tìm được sách cũ, hay là làm ra sách mới thì được ban thưởng. Tự đó ông Trịnh-hoài-

Đức 鄭懷德 dâng sách : Gia-dinh thông chí 嘉定通志 và sách Minh bát di hán văn thảo 明勅遺渙花草 ; ông Hoàng-công Tài 黃公才 dâng một bản Bản triều ngọc phả 本朝玉譜 2 bản kỷ sự 紀事 ; ông Cung văn Hi 龔文璣 người ở Quảng đức dâng 7 quyển Khai quốc công nghiệp diên chí 開國功業廣志 ; ông Nguyễn-dinh Chính 阮廷正 người Thanh-hóa dâng 34 quyển Minh-trung-thời cáo lục 明良啓告錄 ; ông Vũ văn Bưu 武文鏞, người Quảng-nghĩa, dâng 1 quyển Cố sự biên lục 故事編錄.

Vua Thánh-tổ lại sai quan soạn xong bộ Liệt thánh thực lục tiền biên 列聖實錄前編 bộ Khâm định tiền biên bình lương kỷ phi khẩu phương lược 欽定勳平兩圻匪寇方略, còn của ngài soạn ra có hai bộ là Ngự-chế tiền biên Nam-kỳ tác khẩu thi tập 御製勳平兩圻取寇詩集 và Ngự-chế thi tập 御製詩集.

12 Việc sửa phong tục — Mấy năm về cuối đời vua Thánh-tổ trong nước lâm giặc giã, phong tục thành ra kiêu bạc dân sự lắm người cờ bạc rượu chè và hay mê hoặc những tà-giáo. Nhà vua lấy sự ấy làm lo, bèn soạn ra 10 điều huấn dụ, ban ra mọi nơi, để dạy bảo ngu dân.

1. Đôn nhân luân 惇人倫 (Trọng tam cương ngũ thường).
2. Chính tâm thuật 正心術 (Làm việc gì cũng cốt phải giữ bụng dạ cho chính đính trong sạch).
3. Vụ bản nghiệp 務本業 (Giữ bổn-phận chăm nghề nghiệp của mình).
4. Thượng tiết kiệm 尙節儉 (Chuộng đường tiết kiệm.)
5. Hậu phong tục 厚風俗 (Giữ phong tục cho thuần hậu).
6. Huấn tử đệ 訓子弟 (Phải dạy bảo con em).
7. Sùng chính học 崇正學 (Chuộng học đạo chính).
8. Giới dân thắc 戒淫惡 Răn giữ những điều gian tà dâm dục.
9. Thận pháp thủ 慎法守 (Cẩn thận mà giữ pháp luật).
10. Quảng thiện hạnh 廣善行 (Động sự làm lành).

Năm bình-thần (1836) là năm Minh-mệnh thứ 17, có quan giám-sái ngự-sứ là Bùi-mậu-Tiên 裴茂先 dâng sớ

tàu rằng: « Các làng ở ngoài Bắc-thành nhiều kẻ hào cường trái phép, mà dân thì biếng nhác, chỉ cờ bạc rượu chè; việc tế lễ quỷ thần thì hay dùng cách xa xỉ, việc táng tế thì chuộng đường xa hoa, thậm chí có kẻ bán sạch cửa nhà cơ nghiệp để đền nợ miệng, thực là trái với nghĩa tương bảo tương lân ».

Vua Thánh-tô bèn xuống chiếu trách cứ các quan địa phương phải đem những điều huấn dụ đã ban ra trước, mà khuyên bảo dân sự, và phải chuyển sức cho tổng lý: hễ thấy ai biếng nhác rong chơi cờ bạc rượu chè thì phải cấm chỉ đi. Những kẻ hào cường trong làng mà ý thể hống hách, điều toa kiện tụng chống cưỡng với quan trên, dâm dọa kẻ bình dân, thì phải theo phép mà trừng trị. Còn những lễ thờ thần và lễ táng tế thì Lê-bộ đã định ra phép tắc, hễ ai không tuân theo thì phải tội.

13. Nhà dưỡng tế. — Không những là vua Thánh-tô chỉ lo việc dạy dân mà thôi, ngài lại thương đến những kẻ nghèo khổ, vậy nên ngài truyền cho các quan ở các trấn ngoài Bắc-thành được quyền lấy tiền kho mà lập một sở dưỡng-tế: hễ những kẻ quan quả cô độc và kẻ tàn tật không có nơi nương nhờ, phải đến ở đó, thì mỗi ngày cấp cho mỗi tên 20 đồng tiền và nửa bát quan-đồng gạo.

14. Việc đinh điền và thuế má — Thuế đinh và thuế điền thì đại khái cũng theo như đời vua Thế-tô đã định. Chỉ có năm bình-thân (1836), là năm Minh-mệnh thứ 17, xứ Nam-kỳ đạc điền xong, tính ra được hơn 630.675 mẫu và định lại các thứ thuế điền thổ ở xứ ấy. Còn như số dân đinh và điền thổ trong nước thì cứ theo sổ bộ tổng cộng lại được 970.516 suất đinh và 4.063.892 mẫu ruộng và đất.

Những dân Tàu sang lập thành hương ấp ở nước Nam ta gọi là Minh-hương 明鄉 thì có lệ định mỗi người đồng niên phải nộp hai lượng bạc và được trừ dao dịch. Những người lão hạng và tàn tật thì phải chịu một nửa.

Còn những người nhà Thanh sang buôn bán ở nước Nam, phạm người nào mà có vật lỵc thì đồng niên phải đóng 6 quan năm tiền; ai không có vật lỵc thì phải nộp một nửa, hạn cho 3 năm. thì chiêu lệ thu cả thuế.

Nhà vua lại đặt lệ đánh thuế muối. Cứ mỗi ruộng muối đồng niên phải nộp bằng muối tự 6 phương cho đến 10 phương. Mỗi phương nộp bằng tiền thì phải tự 3 tiền cho đến 4 tiền 30 đồng.

Còn các thứ thuế mỏ, thuế sản vật v. v. thì đại khái cũng theo lệ đời vua Thế-tổ đã định, chứ không thay đổi mấy tí.

15. Việc vũ-bị -- Khi vua Thánh-tổ lên nối nghiệp làm vua, thì trong nước đã được yên trị, nhưng ngài vẫn biết việc trị nước cần phải có vũ-bị, cho nên thường thường ngài vẫn có du truyền bảo các quan phải luyện tập binh mã để phòng khi hữu sự.

Ở những nơi hiểm yếu thì lập đồn ải, ở các cửa bể và các đảo thì lập pháo đài. Và lại làm tàu đồng, tập thủy quan để phòng giữ mặt bể.

Binh chế thì có bộ-binh, thủy-binh, tỵng-binh, kỵ-binh và pháo-thủ-binh.

Bộ-binh thì có kinh-binh 京兵 và cơ-binh 奇兵. Kinh binh thì chia ra làm doanh, vệ, đội, hoặc để đóng giữ ở Kinh-thành, hoặc sai đi đóng giữ các tỉnh. Mỗi doanh có 5 vệ mỗi vệ có 10 đội, mỗi đội là 50 người, có suất-đội và đội-trưởng cai quản.

Những binh khí của mỗi vệ thì có hai khẩu súng thần-công 200 khẩu điều-thương và 21 ngọn cờ.

Cơ binh là lính riêng của từng tỉnh, cũng chia ra làm cơ ian, đội. Cơ thì có quân-cơ, mà đội thì có suất-đội cai quản.

Tỵng-quân thì chia ra thành đội, mỗi đội là 40 con voi. Số voi ở Kinh-thành 150 con, ở Bắc-thành 110 con, ở Gia-dịnh-thành 75 con, ở Quảng-nam 35 con, ở Bình-dịnh 30 con, ở Nghệ-an 21 con, ở Quảng-binh, Quảng-nghĩa, Thanh-

hóa mỗi nơi 15 con, Quảng trị Phú-yên, Bình-thuận, Ninh-bình mỗi nơi 7 con.

Thủy quân thì có 15 vệ chia ra làm 3 doanh, mỗi doanh có quan chương vệ quản lĩnh, và có quan đô-thống coi cả 3 doanh.

Vua Thánh-tổ vẫn biết rằng nước ta ở dọc bờ bể, thủy binh là việc rất yếu trọng cho sự phòng bị. Thường ngài bắt quan đem binh thuyền ra để luyện tập.

Đại khái việc binh cơ ngài không bỏ trễ chút nào. Ngài lập toán giáo-dưỡng binh để cho con các quan võ, từ suất-đội trở lên, ai muốn tình nguyện vào học thì cho lương bổng, và cử quan đại-thần ra dạy võ nghệ.

Còn như khi nào có quân lính đi đâu thì nhà vua đặt lệ sai mấy người y-sinh đi theo để điều hộ.

Tuy nhà vua muốn lưu ý về việc binh lính, nhưng người mình lúc bấy giờ ai cũng trọng văn khinh võ ngày bình nhật thì không ai lo gì đến việc quân lính khi giới. Hễ có làm sự thì mới rổi lên. Dầu rằng nhà vua nay có chỉ dụ ra tập binh mai có chỉ dụ ra tập trận mặc lòng, các quan chỉ làm cho xong việc, rồi lại bỏ mặc bọn quân đội làm thế nào thì làm. Thành ra quân số ở trong sổ sách thì nhiều, mà thế lực thì vẫn không đủ; ấy là về đời vua Thánh-tổ mà còn thế, huống chi đến những đời sau, lại còn suy nhược nữa.

CHƯƠNG III

THÀNH TÔ (1820-1840)

(tiếp theo)

1. Sự giặc-giã — 2. Giặc ở Bắc kỳ. — 3. Phan-bá-Vanh. — 4. Lê dny-
ung 5. Nùng văn-Vân. — 6. Giặc ở Nam-kỳ — 7. Ân Lê-van
Đặng và Lê-Chất. — 8. Giặc Tiêm-la — 9. Việc Ai-lao — 10. Việc
Chân-lạp — 11. Việc giao-thiệp với những nước ngoài đương. —
12. Sự cầm đạo — 13. Vua Thành-tô mất.

1. Sự giặc-giã. — Vua Thành-tô thật là hết lòng lo việc chính-trị, điều gì ngài cũng xem xét đến, việc gì ngài cũng sửa sang lại, có ý muốn cho nước thịnh dân giàu, nhưng phải mấy năm về sau, trong nước có lắm giặc-giã, quan quân phải chinh nam phạt bắc, phải đánh Tiêm đệp-Lào, thành ra dân sự không được yên nghiệp mà làm ăn.

Xét sự giặc-giã về đời vua Thành-tô là do ở ba lẽ cốt yếu :

Một là khi nhà Nguyễn thất thế ở xứ Nam, quân họ Trịnh thua ở xứ Bắc, nhà Tây-son còn phải lo việc trong nước, lúc bấy giờ nước Tiêm-la nhân lấy dịp ấy mà giữ quyền bảo-hộ nước Chân-lạp và hiếp chế các nước ở đất Lào. Đến khi vua Thế-tô nhất thống nam bắc, thanh thế hưng-lẫy, nước Chân-lạp lại xin về thần phục nước Nam, và các nước Ai-lao, Vạn-trương, đều sang triều cống nhà Nguyễn. Từ đó nước Tiêm-la đối với nước Nam, bề ngoài tuy không ra mặt cứu địch, nhưng bề trong chỉ tìm cách mà sinh sự để cướp lại cái quyền bảo-hộ ở Chân-lạp và ở các nước Lào. Bởi vậy cho nên về phía tây và phía nam, bao giờ cũng có giặc Tiêm và giặc Lào quấy nhiễu mãi.

Hai là ở đất Bắc-kỳ tuy đã là thống thuộc về nhà Nguyễn rồi, nhưng còn có người mong nhớ nhà Lê, thỉnh thoảng

lại có nơi nổi lên. hoặc muốn khôi-phục cho nhà Lê, hoặc để chống cự với quan nhà Nguyễn, bởi thế cho nên đất Bắc-kỳ cứ phải loạn lạc luôn.

Ba là bọn quan lại cứ hay những nhiễu, làm cho lòng người không được thỏa thuận, và trong đám quan trường thương hay có thói bới móc nhau để tăng công tăng cán. Nhà vua lại có tính hẹp hòi, không bao dung cho những kẻ công thân, hay tìm chuyện làm uất ức mọi người, mà ở với thần dân thì nghiêm khắc quá, cho nên mới thành ra nhiều sự rối loạn.

Bởi những lẽ ấy, cho nên ở ngoài thì có giặc Tiêm đánh phá, ở trong thì có ngụy Khởi dấy loạn ở phía nam, Lê-Duy-Lương và Nông Văn-Vân dấy binh ở phía bắc. Lúc bấy giờ cũng nhờ có tài hiền tướng giỏi như ông Trương minh Giảng 張明講, ông Tạ-quang-Cự 謝光巨, ông Lê-văn Đức 黎文德, ông Nguyễn-công-Tru 阮公著 v. v. đều ra công đánh dẹp, cho nên không nhưng là giặc trong nước dẹp yên được, mà lại mở thêm được bờ cõi rộng rãi hơn ca những đời trước vậy.

2. Giặc ở Bắc kỳ — Sự giặc-giã ở Bắc-kỳ thì từ năm Minh mệnh thứ hai (1822), trở đi, thỉnh thoảng ở các trấn vẫn có những giặc cỏ quấy nhiễu ở các châu huyện. Còn những giặc có thanh thế to mà quan quân phải đánh dẹp khó nhọc, thì có Phan-bá-Vành 潘伯鏢 khởi ở Nam-dịnh, Lê-Duy-Lương 黎維良 khởi ở Ninh-bình và Nông Văn-Vân 農文雲 khởi ở Tuyên-quang.

3. Phan-bá-Vành. — Năm Minh mệnh thứ 7 (1826), ở Nam-dịnh có bọn Võ-dức-Cát 武德葛 cùng với Phan-bá-Vành 潘伯鏢 và Nguyễn-Hạnh 阮幸 khởi binh đánh phủ Trà lý và Lân hải, giết quan thủ-ngự là Đặng-dinh-Miền 鄧廷勉 và Nguyễn-trung-Diễn 阮忠演. Quan trấn thủ ở Nam-dịnh là Lê-mậu-Cúc 黎茂菊 đem quân xuống đánh, cũng bị giặc giết mất. Quan quân ở các trấn phải về tiêu trừ, bắt được tên Võ-dức-Cát. Còn tên Vành và các đảng

thì chạy tan cả. Nhưng đến tháng chạp năm ấy, Phan bá-Vành và Nguyễn-Hạnh lại thông với đảng giặc Khách đi cướp ở ngoài bể, rồi lại đem quân về đánh phá ở huyện Tiên-minh và huyện Nghi-dương ở Hải-dương.

Nhà vua thấy thế giặc to lắm, bèn sai quan Tham biện Thanh-hóa là Nguyễn-công-Trứ 阮公著, quan tham-biện Nghệ-an là Nguyễn-đức Nhuận 阮德潤 đem binh thuyền ở Thanh. Nghệ ra cùng với quan Hiệp-trấn Bắc-thanh là Nguyễn Hữu-Thận 阮有慎 đi đánh giặc.

Tháng giêng năm đinh-hợi (1827) là năm Minh-mệnh thứ 8, tên Vành lại về đánh lấy phủ Thiên-trường và phủ Kiến-xương, sau lại về vây quan quân ở chợ Quán. Ông Phạm-văn Lý và ông Nguyễn-công-Trứ đem quân đến đánh giải vây, tên Vành thua chạy về giữ Trà-lũ. Quan quân vây đánh, bắt được tên Vành và cả đảng hơn 765 người.

4. Lê-duy-Lương. — Khi dẹp xong giặc Vành thì trong xứ yên được một độ, nhưng còn có dòng dõi nhà Lê muốn khôi-phục nghiệp cũ, bởi vậy đến tháng ba năm quý-tỵ (1833) là năm Minh-mệnh thứ 14, ở Ninh-bình có Lê Duy-Lương 黎維良, là con cháu nhà Lê nổi lên, xưng là Đại-Lê-Hoàng-tôn 大黎皇孫, cùng với bốn thổ-ti là Quách-tất-Công 郭必功, Quách-tất-Tế 郭必濟, Đinh-thế-Đức 丁世德, Đinh công-Trịnh 丁功鄭 đem binh đi đánh phá các phủ huyện và chiếm giữ được 3 châu huyện là Lạc-thồ, Phụng-hóa, Yên-hóa. Lê-duy-Lương lại sai quân đến vây đánh thành Hưng-hóa nguy cấp lắm.

Vua Thánh-tổ sai quan tổng-dốc Nghệ Tĩnh là Tạ-quang-Cự 謝光巨 đem quân ra Ninh-bình cùng với tổng-dốc Thanh-hóa là Nguyễn-văn Trọng 阮文仲 đi đánh Lê-duy-Lương.

Lê duy Lương ở Ninh-bình thế cô lắm, chống không nổi mấy đạo quan quân, chỉ đương được vài ba tháng thì bị bắt, đóng cũi giải về Kinh-trị-tôi. Còn bọn Quách-tất-Công Quách-tất-Tế thì chẳng được bao lâu mà tan.

Vì có chuyện Lê-duy-Lương dấy binh, cho nên nhà vua truyền bắt dòng dõi nhà Lê đem đày vào ở Qunag-nam, Quảng-nghĩa, Bình-định, cứ chia cho 15 người ở một huyện và phát cho 10 quan tiền và 2 mẫu ruộng để làm ăn.

5. Nông Văn Vân. — Ở Bắc-kỳ cهن đang dẹp loạn Lê Duy-Lương chưa xong, thì ở Nam-kỳ Lê Văn-Khôi 黎文懷 làm phản, chiếm giữ thành Gia-đinh. Nguyên tên Khôi là người Bắc-kỳ, có họ hàng bà con ở mạn Tuyên-quang, Cao-bằng bởi vậy nhà vua sai quan tìm bắt anh em nó đem về Kinh làm tội. Bấy giờ ở Tuyên-quang có người anh vợ tên Khôi là Nông Văn-Vân 農文雲 bị quan bắt bớ, bèn nổi lên đánh phá trong hạt Tuyên-quang, Thái-nguyên, Cao-bằng và Lạng-son. Giặc Nông khởi từ tháng 7 năm qui-tỵ (1833) cho đến tháng 3 năm ất-mùi (1835) dai dẳng trong non hai năm trời, làm cho quan quân thật là vất vả.

Nông Văn-Vân làm tri-châu châu Bảo-lạc. Nhân thấy quan quân tìm bắt họ hàng tên Lê Văn-Khôi, bèn nổi lên tự xưng là Tiết chế thượng-tướng-quân 節制上將軍, và bắt viên tỉnh-phái-thích chữ vào mặt rằng: « Quan tỉnh hay ăn tiền của dân », rồi đuổi về.

Nông Văn-Vân chia quân ra đánh phá các tỉnh, quan sở-tại chớng không nổi, phải xin quân cứu viện. Vua Thánh-tổ được tin ấy, bèn sai Sơn-Hung-Tuyên Tổng-đốc là Lê Văn-Đức 黎文德 làm Tam-tuyên Tổng-đốc quân-vụ, và sai Hải An thự tổng-đốc là Nguyễn-công Trứ 阮公著 làm tham-tán, đem quân hội với Ninh-Thái Tổng-đốc là Nguyễn Đình-Phổ 阮廷普 đi tiêu trừ giặc Nông.

Quân giặc vây đánh Cao-bằng và Lạng-son ngặt quá, nhà vua lại sai An-Tĩnh tổng-đốc là Tạ-quang-Cự 謝光巨 làm tổng thống đại-thần, lên đánh ở mạn Cao-bằng và Lạng-son.

Nông Văn-Vân nhân được chỗ nương náu làm núi nhiều rừng, bèn chia quân đi tản ra mọi nơi, tìm chỗ hiểm yếu mà ẩn nấp, hễ có quan quân đến, đánh được thì được, không đánh được thì lui, cứ ra vào bất trắc, lui tới

không nhất định. Quan quân đi đánh thật là khó nhọc và lại hao binh tổn tướng rất nhiều.

Tháng chạp năm quý-tị (1833), đạo quân của ông Tạ-quang-Cự giải được vây lĩnh Lạng-sơn và lấy lại được thành Cao-bằng. Đạo quân của ông Lê-văn-Đức và ông Nguyễn Công-Trứ vào đến Vân-trung 雲中 (tức là Bảo-lạc) là chỗ sào huyệt của giặc. Nông Văn-Vân phải chạy trốn sang Tàu.

Nhưng rồi khi quan quân rút về, thì Nông Văn-Vân lại về rồi dặng đánh phá như cũ. Nhà vua lại sai các đạo quân tiến lên phòng giữ các tỉnh mạn ngược.

Đến tháng 9 năm giáp-ngọ (1834) Lê-văn-Đức 黎文德 và Phạm-văn-Điền 范文典 đi từ Sơn-tây lên Tuyên-quang; Tạ-quang-Cự 謝光巨, Nguyễn-tiến-Lâm 阮進林, và Hồ-Hữu 胡佑 đi từ Cao-bằng; Nguyễn-đình-Phổ 阮廷普 và Nguyễn-công-Trứ 阮公著 đi từ Thái-nguyên, ba mặt quân cùng tiến lên mà hội tiêu. Quan quân đi đường sá khó khăn, lương thực vận tải không tiện, nhưng mà quân sĩ đều cố hết sức, đi đến đâu quân giặc tan đến đấy. Tháng chạp năm ấy thì cả ba đạo cùng đến hội ở Vân-trung, rồi sai người đưa thư sang nói với quan nhà Thanh phong giữ, đừng cho quân giặc chạy sang bên ấy. Quả nhiên Nông Văn-Vân lại chạy sang Tàu, bị quân Tàu đuổi bắt, lại phải trở về Tuyên-quang.

Tháng 3 năm ất-mùi (1835), Phạm Văn-Điền được tin biết chỗ tên Văn-Vân ở, liền đem quân đi đuổi, Văn-Vân chạy ẩn vào trong rừng. Phạm Văn-Điền sợ nó chạy mất, mới vây 4 mặt, rồi phóng hỏa đốt rừng. Văn-Vân bị chết cháy. Quan quân chém lấy đầu đem về Kinh báo tiếp.

6. **Giặc ở Nam-kỳ.** — Đất Nam-kỳ là đất của nhà Nguyễn khai sáng ra, và cũng bởi đấy mà vua Thế-tổ lập nên cơ nghiệp bản-triều bây giờ, thế mà lại có sự phản nghịch, là tại làm sao? Có phần là tại vua Thánh-tổ không dong thư cho những kẻ cựu thần, có phần là tại những người gian nịnh, muốn chiều ý vua để lấy công, làm ức hiếp người ta, cho nên mới thành ra sự loạn lớn ấy.

Nguyên mấy năm trước ông Lê Văn-Duyệt làm Tổng-trấn 總鎮 ở Gia-định-thành, có uy quyền lắm; mà lòng người ai cũng kính phục. Chỉ vì ông ấy là quan võ, lính khi nông nấy, làm khi ở chỗ triều-đường, lâu đời không được hợp thể, vua Thánh-tổ lấy làm không bằng lòng, nhưng ông ấy là bậc khai-quốc công-thần, cho nên ngài cũng làm ngơ đi. Đến khi ông ấy mất, thì vua Thánh-tổ bãi chức Tổng-trấn thành Gia-định, và đặt chức tổng-đốc, tuần-phủ, bố-chính, án-sát, lĩnh-binh, như các tỉnh ở ngoài Bắc.

Tỉnh Phan-an (tức là tỉnh Gia-định) có Nguyễn-văn-Quế 阮文桂 làm tổng-đốc, Bạch-xuân-Nguyên 白春元 làm bố-chính, Nguyễn-chương-Đạt 阮章達 làm án-sát. Nhưng Bạch-xuân-Nguyên vốn là người tham lam tàn ác; khi đến làm bố chính ở Phan-an nói rằng phụng mệnh chỉ truy xét việc riêng của ông Lê văn-Duyệt, rồi đòi hỏi chứng cứ, trị tội bọn dây tơ của ông Duyệt ngày trước.

Trong bọn ấy có tên Lê-văn-Khôi 黎文猷 Nguyễn trước nó tên là Nguyễn Hữu-Khôi 阮祐猷, người ở Cao-bang, nhân nó khởi binh làm loạn, bị quan quân đuổi dẫu mới chạy vào Thanh-hóa, gặp ông Lê văn-Duyệt làm kinh-lược ở đấy, nó mới xin ra thú. Ông Duyệt tin dùng cho nó làm con nuôi, đặt họ là Lê-văn-Khôi, rồi đem về Gia-định cất nhắc cho nó làm đến chức phó-vệ-uy.

Hãy giờ Lê-văn-Khôi bị bắt giam, phần thì tức giận, phần thì sợ tội, bèn mưu với mấy người đảng của nó để khuấy loạn; ở Gia-định lại có những người có tội ở Bắc-kỳ đem dây vào, hoặc cho ra làm ăn với dân sự, hoặc bắt làm lính, gọi là lính hời-lương 餉兵; những lính ấy đều theo tên Khôi cả.

Đến đêm ngày 18 tháng năm, năm quý-tị (1833 là năm Minh mệnh thứ 14, tên Khôi cùng với 27 người lính hời-lương vào dinh quan Bố, giết cả nhà Bạch-xuân-Nguyên, rồi ra gặp quan tổng-đốc là Nguyễn-văn-Quế đem người đến cứu, nó cũng giết nốt. Còn quan Án và quan Lĩnh thì chạy thoát được.

Bấy giờ những quân kinh đóng ở Phan an phần nhiều theo về Lê-văn-Khôi. Lê-văn-Khôi bèn tự xưng làm Đại-nguyên sùý 大元帥, phong cho đảng mình là bọn Thái-công Triều 蔡公朝 và Lê-dắc-Lực quân trung quân, Nguyễn-văn-Đà và Nguyễn-văn Tông quân tiền quân, Dương-văn-Nhã, Hoàng-nghĩa-Thư quân tả quân Võ-vĩnh-Tiền và Võ-vĩnh-Tái quân hữu quân, Võ-vĩnh-Lộc và Nguyễn-văn-Bột quân hậu quân, Lưu-Tin và Trần-văn-Tha quân thủy quân, Nguyễn-văn-Tâm và Nguyễn-văn-Chân quân tượng quân v. v. Lại đặt các quan chức như một triều-đình riêng vậy. Đoạn rồi, Lê-văn-Khôi sai bọn Thái-công Triều đem quân đi lấy các tỉnh thành, chỉ trong một tháng mà 6 tỉnh Gia-định thuộc về giặc cả.

Triều-đình được tin ấy, liền sai Tống phúc-Lương 宋福榮 làm Thảo-nghịch tả-tướng-quân 討逆左將軍 và Nguyễn Xuân 阮春 làm tham-tán, sai Phan-văn-Thúy 潘文瑞 làm Thảo-nghịch hữu-tướng-quân, Trương-minh-Giang 張明講 làm tham-tán, cùng với Bình-khâu tướng-quân là Trần-văn-Năng 平寇將軍陳又能 đem thủy bộ binh tượng vào đánh Lê-văn-Khôi.

Khi quan quân vào đến Gia-định không biết tại có gì, mà trung-quân của ngụy là Thái-công-Triều xin về đại tội lập công Nguyễn Thái-công-Triều là người ở Thừa-thiên, trước làm quan vệ-úy, coi vệ hiển-binh đóng ở Gia-định, sau theo tên Khôi làm phản. Nay lại trở về với triều-đình, đem quân đi đánh Lê-văn-Khôi lấy lại các tỉnh.

Lê-văn-Khôi biết thế không chống nổi, vào thành Phan-an 番安 đóng cửa lại, rồi chia quân ra chống giữ, và lại sai người đi sang Tiêm-la cầu cứu. Quân Tiêm nhân dịp ấy, chia làm mấy đạo sang đánh nước Nam. Việc ấy sẽ nói ở mục sau.

Quan quân một mặt thì đánh đuổi quân Tiêm, một mặt thì vây đánh thành Phan-an, Lê-văn-Khôi hết sức chống giữ, nhưng đến tháng chạp năm ấy thì phải bệnh chết. Tuy vậy, quân ngụy ở trong thành cứ chống giữ mãi, non ba năm trời, quan quân mới hạ được thành.

Thành Phan-an là thành của ông Lê Văn-Duyệt xây xong năm Minh-mệnh thứ 11 (1830). Xây toàn bằng đá ong, thành cao và rộng, hào sâu, ở trong thành lại có đủ cả lương thực khi giới, cho nên quan quân đánh thành lần nào cũng bị chết hại nhiều người, mà không được. Mãi đến tháng 7 năm át-tị 1835, quân nguy ở trong thành đã mỗi mệt lắm rồi, tướng-quân là Nguyễn-Xuân 阮春 và Nguyễn-văn Trọng 阮文仲 mới hạ được thành và vào bắt giết quân giặc cả thấy đến 1.831 người, đem chôn vào một chỗ, nay gọi là « mã nguy ». Còn những người thủ phạm thì đóng cũi đem về Kinh trị tội.

Ông J. Silvestre chép chuyện Lê-văn-Khôi khởi loạn ở Gia định ¹ nói rằng trong 6 người thủ phạm phải đóng cũi giải về Huế thì có một ông linh-mục người nước Pháp tên là Marchand (bấy giờ gọi là cố Du), một người khác tên là Mạch-tấn-Giai và một đứa con tên Khôi, mới lên 7 tuổi

Việc ông cố Marchand thì đã nhiều người bàn đi bàn lại : người thì bảo ông ấy có ý muốn làm như ông Bá-da-Lộc, để giúp Lê-văn-Khôi lập nên một nước theo đạo Thiên-chúa ở đất Gia-dịnh, người thì bảo ông ấy bị Lê-văn-Khôi bắt vào trong thành. Việc ấy vẫn phân vân không rõ hẳn ra thế nào.

Đến khi về đến Huế thì ông Marchand và 5 người kia đều phải tội lăng-tri. Thiết tưởng dầu thế nào mặc lòng, đem một đứa trẻ con vô tội và 2 người ngoại quốc ra làm cái tội thảm hình ấy thì thật gớm ghê quá. Tục Á-đông ta trước hay dùng những nhục hình như là tội lăng-tri, tội ngựa xé, tội voi dày v. v. thì thật là dã-man vô cùng ; ngày nay ai nghĩ đến cũng phải ghê-minh.

(1) Xem tập tạp chí « Revue Indochinoise » số 7-8 năm 1915 và quyển An-nam sử lược « Abrégé de l'histoire d'Annam » của ông A. Schreiner

7. An Lê-văn-Duyệt và Lê-Chất. — Quan quân hình xong giặc Lê-văn-Khôi 黎文僎 rồi, vua Thánh-tổ sai phá thành Phan an đi, xây lại chỗ khác và ngài xuống chiếu định truy tội ông Lê-văn-Duyệt 黎文悅, và tội ông Lê Chất 黎質.

Cứ bình tình mà xét, thì chẳng qua là vua Thánh-tổ vốn có ý không ưa hai ông ấy, rồi dinh-thần lại nhân đó mà bới việc ra để chiều ý ngài, cho nên thành ra hai cái án thật là không đáng.

Nay cứ theo trong sách • Đại nam chính-biên liệt-truyện 大南正編列傳 •, mà chép ra, để mọi người đều được lấy lẽ công-bằng mà phán-đoán.

Từ khi tên Khôi 僎 khởi loạn, vua Thánh-tổ thường ban trách ông Lê-văn-Duyệt che chở quân phi đảng, để gây nên bọn loạn.

Năm ất-vị (1835), ở Đô-sát viện có ông Phan bá Đạt 潘伯達 dâng sớ nói rằng: « Lê-văn-Duyệt trước ở Gia-định, lấy bọn nghịch Khôi 僎, nghịch Nhã 雅, làm tráo nhà, lấy binh Bắc-thuận, Hồi-lương¹ làm tâm phúc. Bọn ấy vốn là quân hung ác, không phải là loài lương thiện, cho nên Duyệt mất chưa bao lâu mà bọn nghịch Khôi, nghịch Nhã, đã đem quân Hồi-lương, Bắc-thuận cùng với bọn thù hạ giữ thành làm phản; lại làm phiến hoặc nhân tâm, để vạ lây đến các tỉnh Nam-kỳ, mà khó nhọc đến đại đội quan quân phải tiến tiêu. Năm tỉnh nay dầu thu phục rồi song thành Phan-an, tặc đảng vẫn còn thiết cứ, quan quân tiến tiêu, lắm người thương vong, cái vạ ấy nói sao cho xiết. Nay Duyệt mất rồi, sự trạng dầu không có thể tường cứu được, nhưng cứ xem con nuôi là Lê-văn-Hán 黎文漢, trước đây vào ra trong thành, nhập đảng với nghịch Khôi, và đem Bạch-xuân-Nguyên 白春元 làm đuốc đề tế từ-đường, thì tâm tích của Duyệt, tưởng không phải xét cũng

(1) Bắc-thuận 北順, Hồi-lương 回良, là những người ở Bắc-kỳ bị tội phải đày vào làm lính ở Nam-kỳ.

đã rõ. Nếu không bắt tội e không làm gương được cho đời sau. Vậy xin truy đoạt quan chức của Duyệt, còn vợ con thì giao về Hình-bộ tra minh nghiêm nghị, để tỏ phép nước. »

Vua dụ Nội-các rằng: « Lê-văn-Duyệt xuất thân từ kẻ yếm hoạn, vốn là một đứa đầy tớ trong nhà. Xảy gặp hồi trung-hung, rông mây gặp gỡ, đánh dẹp Tây-sơn, cũng dự có phần công lao. Đức Hoàng khảo ta nghĩ tới nó thuở nhỏ sai khiến ở trong cung, mới đem lòng tin cậy, nhiều lần cho nó cầm quyền đại-tướng. Không ngờ bọn ấy phần nhiều là quân bất lương, mỗi ngày sinh ra kiêu căng, manh tâm phản nghịch, sinh chỉ làm càn, ăn nói hỗn xược. Vì nó còn e Hoàng khảo ta thành minh, cho nên dẫu có lòng gian mà chưa dám lộ. Mà Hoàng khảo ta đến vãn niên cũng đã biết rõ. Nhưng lại nghĩ hấn dẫu có lòng gian, song thiên hạ đã yên rồi, thần dân ai còn theo kẻ thị hoạn đó thì chắc hấn cũng chẳng làm gì được. Đến khi trẫm lên ngôi, cừu thần không còn mấy, vả lại nghĩ nó tuổi đã già, cho nên cũng tạm khoan dung, hoặc là hấn biết nghĩ mà chưa đi, để cho toàn vẹn công danh, thì cũng là việc hay. Không ngờ kẻ kia lòng như rắn rết, tinh tựa sài lang, càng ngày càng sinh kiêu ngạo, dám nói xấu Triều-đình trước mặt chúng nhân, mà khoe cái tài riêng của mình. Năm trước, các quân tù phạm xứ Thanh, Nghệ, cũng là những kẻ hung ác, hấn đều chiêu dụ ra thú, tâu xin ghép vào trướng-hạ để làm nanh vuốt. Lê-văn--Khôi là quân vô-lại, thì tiên cử đến chức vệ-úy, theo dưới cờ hấn, để làm phúc tâm. Thổ hào như bọn Dương-văn Nhã 楊文雅 Đặng-vĩnh-Ung 鄧永膺 thì hấn ^đngăm ngăm với dưng; nhân thích như bọn Võ-vĩnh-Tiền 武永錢, Võ-vĩnh-Độc 武永祿 thì hấn âm thầm lập đảng. Những kẻ tù phạm Bắc-kỳ phát phối vào đó, hấn cho ở trong thành, rồi tha cho làm lính; lại kén lấy những voi khỏe đem ra nơi đồn thú; vét lấy những thuyền bè khi giới trong 6 tỉnh Nam-kỳ, chừa vào thành Phan-an; rồi lại nghe tên Trần-nhật-Vĩnh 陳日永 mà

hút hết cao huyết của dân Nam-kỳ. Đắp thành Phan-an, tiếm bằng Kinh-thành, hào thi đào sâu hơn Nếu bảo thành cao hào sâu để phòng giặc Tiêm, thì đường bề phải phòng ở Hà-tiên, đường bộ phải phòng ở Chân-lạp, có lẽ nào bỏ bốn tỉnh An, Hà, Long Tường không giữ, mà lại giữ ở Phiên-an hay sao? Thế là rõ ràng phòng Triều-đình, chớ không phải phòng ngoại hoạn. Cứ suy điều đó, thì ruột gan hần, dẫu người đi đường cũng biết, ai không cảm tức, chỉ giận vì không ai chịu nói rõ cho Triều-đình biết sớm mà thôi. Đến nỗi ngày nay như nuôi cái dọt bọc để nên đau mỗi ngày mồm và một lớn, cho nên kẻ quyền yếm dẫu chịu tội mình tru, mà bọn nhỏ nhất còn dám giữ thành làm phản. Ví dụ qua cai trị không hèn đốn như Nguyễn-văn-Quế 阮文桂, tham tàn như Bạch xuân-Nguyên 白春元, thì chúng nó cũng có ngày làm phản, chớ không sao khỏi được. Vì bọn tiêu-hạ hần, toàn là quân hung-đồ, quen làm những việc bất thiện. Chúng nó đã quen thấy bản dõi chúa, lẩn trên, đều bắt chước hần. Thậm chí hần nói với người ta rằng hần vào trấn Gia-định, vốn là phong vương để giữ lấy đất, chớ không phải như các tể-g-trấn tầm thường khác. Mả của cha hần, em hần, cũng tiếm gọi là lão; hoặc dám đối với người ta, tự xưng là Cô, để cho bộ-hạ tập quen thành thói, chỉ biết có Lê-văn-Duyệt, mà không biết đến Triều-đình. Thầy Hữu-tử 有子 có nói rằng: « Không ưa phạm người trên mà ưa làm loạn, chưa có lẽ ấy bao giờ », Vậy thì ưa phạm người trên mà không ưa làm loạn, cũng chưa có lẽ thế bao giờ. Mỗi vạ gây nên đã lâu, lẽ nào mà muốn cho bọn tiêu-hạ không làm phản được? Vậy nên hần chết chưa bao lâu, mà bọn Lê-văn-Khỏi đã khởi loạn, cháu hần cũng đồng tình tạo phản, để cho cả bọn bộ khúc của hần đều theo giặc cả không một tên nào trốn đi. rồi nó kết tử-đang, cây có thành cao hào sâu, lờng thực như núi, khí giới tinh nhuệ, đồ đảng lại nhiều, kháng cự lại vương sự, trày đến 3 năm trời, nhiều lần mở đường sống cho nó, mà chúng nó vẫn không biết hối tội đầu thành, vương sự, chày đến 7 năm trời, nhiều lần mở đường sống cho nó, mà chúng nó vẫn không biết hối tội đầu thành,

đến nỗi binh dân gan óc lấy đường, nói ra đau xót, xét đến gốc nguồn thì tội hẳn kẻ từng cái tóc cũng không xuê. Nay hãy đem những công việc của hắn làm, rõ ràng ở tai mắt người ta, để gây nên họa loạn, hiểu thì cho ai nấy đều biết. Còn như Lê văn-Duyệt và con cháu hắn nên xử tội thế nào, thì giao cho đình-thần nghĩ xử.

Vài hôm sau, nội-các là Hà-Quyền 何權, Nguyễn-tri-Phương 阮知方, Hoàng-Quỳnh 黃翊 tâu rằng Duyệt che chở cho quân phi loại, gây nên sự biến, cái thai vạ, tích lại đã lâu. Nay xét những giấy má của y ngày trước, rõ ra bình tích bội nghịch, có 6 điều :

1. Năm Minh-mệnh thứ 4, y tự tiện sai người riêng là bọn Phan-Đạt 潘達 giả danh đi thám, đi thuyền sang nước Diên-diện. Trong thư chắc có giao-thông. Cứ lấy nghĩa « làm tôi không có phép được giao thông với nước ngoài », thì tâm sự của y đã rõ ra rồi, ấy là một tội.

2. Đến khi sứ thần nước Diên-diện đến thành, mới tâu vào Triều-đình. Đã có dụ-chỉ nói việc đó quan hệ đến đại-nghĩa, không nên khinh thường nghe lời ngoài mà bỏ tình hòa hiếu, gây việc cừ thù. Vậy mà y cố xin dung nạp. May mà Triều-đình giả đồ cống vật, cho sứ Diên-diện về nước thì danh nghĩa nước lớn ta mới tỏ giải ra thiên-hạ. Thế là y chẳng những mưu việc nước không ra gì, mà lại cố giữ lấy ý riêng để che điều lỗi, ấy là hai tội.

3. Năm Minh-mệnh thứ 7, tàu hạt phong nước Anh cát-lợi đậu vào cửa Bình-thuận, đã có chỉ sai sở-tại hộ tống, mà y cố xin đưa vào Gia-định, và nói rằng : « Quan trấn kiểm thúc không bằng thần có quyền, khiến cho kẻ kia sợ tướng lĩnh và biết binh oai » Hai chữ « có quyền » từ xưa vẫn lấy làm răn mà y dám ngất ngưỡng tự nhận, kiêu từ dường nao, ấy là ba tội.

4. Năm Minh-mệnh thứ tư thì vệ là Trần-văn-Tình 陳文情 nhân việc công-sai ở Gia-định về, có tâu việc Trần nhật-Vĩnh làm riêng phố ngôi, mua trộm các món.

Y nghe chuyện làm vậy, năm sau vào châu, cố xin bắt Trần-văn-Tĩnh giao cho y để y chém, nếu không giao thì y xin giã chức tổng-trấn; rồi y xin từ chức thực. Có ý yêu quân như vậy, tội gì còn to bằng tội ấy. Vả y xin giết một Trần-văn-Tĩnh, thế là bắt người ta phải khóa lưỡi không cho ai dám nói nữa, rất là dụng tâm nham hiểm ấy là hôn tội.

5. Trần-nhật-Vĩnh đã có chỉ bổ thu ký-lục Vĩnh-thanh, mà y cố xin lưu ở lại trong thành. Lê đại-Cương 黎大綱 có chỉ tuyên triệu, mà y cố xin lưu lại làm việc phủ Lạc-hóa, đều là có ý vi chiếu. Trong tập tâu của y lại nói rằng: « Chuẩn cho thần cầu xin việc ấy, thì hầu có ích cho việc ngoài biên cương »; lại ở trong tập tâu xin chỉ bằng cho bọn thơ-lại, cơ, đội, các vệ, có câu rằng: « Lão thần xa ở ngoài biên khốn, chỉ e Triều-dinh tin đang không được vững bền ». Trong nhời nhẽ ấy đều là không kính, ấy là năm tội.

6. Năm Minh-mệnh thứ 6, y tâu xin tặng thơ cho Lê-Chất có nói rằng: « Ấy là vị thánh-được khởi từ hồi sinh, tiếc gì mà không làm ». Y là chức chiên khôn dám kết đảng tư tình như thế, rất trái với đạo làm tội, ấy là sáu tội. Vả lại nghe y bình nhật thường khoe chuyện với người ta rằng y xin được quẻ thẻ có 4 câu thơ:

Tá Hán tranh tiên chư Hán tướng,
Phụ Chu ninh hậu thập Chu thần.
Tha niên tái ngộ Trần-kiều sự,
Nhất đán hoàng bào bức thử thân.

DỊCH NÔM

Giúp Hán há thua cùng tướng Hán,
Phò Chu nào kém bọn tôi Chu.
Trần-kiều nếu gặp cơn binh biến,
Mảnh áo hoàng bào để ép nhau!

Giả y không phải là người sẵn có bụng bất trung, thì không khi nào dám khoe bài thơ ấy với người ta. Bởi vậy

bọn tiêu hạ tập quen thành thói, cho nên thầy y chưa lạnh, mà đã có việc này. Vậy xin giao cả lời tâu này cho đình-thần kết án để chính tội. Vua ưng cho.

Đến khi nghị án xong, trích ra các nhời nói, việc làm, bội nghịch, có 7 tội nên trảm :

1. Sai người đi riêng sang Diên-điện, âm kết ngoại giao.
2. Xin giao tâu Anh-cát-lợi đến thành, để tỏ có quyền.
3. Xin giết thị-vệ là Trần văn-linh, để khóa miệng người ta.
4. Kháng sớ xin lưu quan viên bỏ đi chỗ khác.
5. Lập đảng mà xin tăng thọ cho Lê-Chất.
6. Giấu chứa giấy ngự bảo.
7. Mò cha, tiệm gọi là lãng, đối với người ta, tự xưng là cô.

Có hai tội nên giảo : 1. cố xin dung nạp Diên-điện để che chở cái lỗi của mình ; 2. nói chuyện với người ta xin được quẻ thẻ có câu thơ hoàng bào.

Một tội nên phát quân) tự tiện sai biên binh tư tạo tâu thuyền.

Sự biến Phiên-an, y thực là đầu vạ nên chiếu theo luật mưu-phản, khép vào tội lãng-tri ; song y đã chịu minh-tru, vậy xin truy đoạt cáo sắc, bỏ quan quách giết thầy, để tỏ gương răn cho người khác. Còn như tăng-tổ, tổ, phụ của y, được phong tặng cáo sắc thì xin truy đoạt cả ; tiên phần có tểm dụng trái phép nào thì tước hủy đi ; con, cháu, vợ cả, vợ lẽ, đều phân biệt nghĩ tội ; tài sản thì tịch biên hết.

Án ấy đệ lên. Những tội nguyên nghĩ trảm quyết đổi làm giam-hậu, con cháu từ 15 tuổi trở xuống, tạm hãy nghiêm cấm ; trẻ thơ ấu chưa biết gì thì tha không bắt ; 13 họ phải phát nô cũng đều tha ; nguyên nghĩ lục-thi cũng thôi.

Lại sai Hình-bộ sao bản văn án phát cho tổng đốc, tuần phủ các tỉnh, cho cứ ý-kiến riêng mà tâu về. Hộ-phủ Lạng Bình là Trần huy-Phác 陳輝樸 xin đều khép tội

trăm quyết. Hộ phủ Quảng-yên là Lê-dục Đức 黎育德 xin người nào từ 16 tuổi trở lên đều chém, còn thì đều y như định nghị. Tổng-đốc Bình Phú là Võ-xuân-Cần 武春謹, Tổng-đốc Ninh Thái là Hoàng văn Trám 黃文站 cũng đều xin y định nghị. Lại nói kèm một câu rằng: Hoặc nên lấy công bù tội, chám chước ít nhiều thí tự Thiên ân.

Dụ rằng: xem vậy thì đủ biết lẽ giới không sai, mà công đạo ở lòng người không ai giấu được. Kẻ quyền gian kia gây vạ, thiên-hạ ai ai cũng căm tức, muôn miệng cùng lời, đủ tỏ cái án sắt nghìn xưa. Tội Lê-văn-Duyệt nhờ từng cái tóc mà kẻ cũng không hết, nói ra đau lòng, dù có bỏ quan quách mà giết thây, cũng là đáng tội. Song nghĩ hãn chết đã lâu, và đã truy đoạt quan tước, xương khô trong mã, không bề gia hình. Vậy cho tổng-đốc Gia định đến chỗ mã hãn, san làm đất phẳng và khắc đá dựng bia ở trên viết to những chữ « *Chỗ này là nơi quyền-yêm Lê-văn-Duyệt phục pháp* », để chính tội danh cho kẻ đã chết, mà tỏ phép nước về đời sau, làm gương cho kẻ quyền gian muôn đời.

Và không những Lê-văn-Duyệt là họa thủ tội khôi, mà tên cháu y là Lê-văn-Hán cũng giao-thông với giặc, thì thân thuộc phải tội, trong luật đã có điều nói rõ rồi. Song nghĩ nó chẳng qua cường đại một lúc, qua lại với giặc mà thôi, sánh với kẻ trước sau theo giặc kháng cự quan quân, hơi có khác nhau. Và đã xử cực hình, cũng đủ tỏ phép nước rồi. Những kẻ thân thuộc khác, khép tội trăm-giam hậu, cũng đủ cho nó phục tội. Lối dụ này chuẩn lục tông phát cho mỗi tỉnh một đạo, để cho ai nấy đều biết Triều-đình xử rất công, rõ ràng cái cân ba thước mà nghiêm như rìu búa nghìn thu.

Án ông Lê-Chất. — Án ông Lê-văn-Duyệt phát ra năm trước thì năm sau có quan Lại-bộ tả thị-lang là Lê bá-Tú 黎伯秀 truy tham những tội bất thần của ông Lê Chất 黎質, có 6 tội nên chết:

1. Chặt cùng Duyệt toan mưu lăm việc Y, Hoắc (phé lập), bị hai đũa ở nói hở ra ngoài, bèn giết chúng nó để buộc miệng, là một tội

2. Máy lần cố xin thưởng cho hoàng tử để làm con nuôi, muốn bắt chước lối cũ của Dương-Kiên, là hai tội.

3. Muốn cho con gái chính vị trong cung, không được thỏa chí, nói ra những lời oán vọng, là ba tội.

4. Thường nói chuyện với Lê-văn-Duyệt rằng : « Người ta thường nói trời, vua và cha mẹ, người làm con, làm tôi dù có điều bất bình, cũng không dám giận, mà một mình tôi dám giận » là bốn tội.

5. Lại nói rằng : « Vua cậy có Trịnh-hoài-Đức, Nguyễn-hữu-Thận làm phúc-tâm, chỉ đem độ vài trăm người vào châu, quát to một tiếng, bọn ấy cũng phải phục xuống đất, rồi ta muốn làm gì ta làm » là năm tội.

6. Lại nói rằng quốc tính đời làm tôn-thất, đều là bọn Hoài-Đức a dua xui giục, nên đem chém ở trước cửa miếu để chính tội, là sáu tội.

Lại có 10 tội tiếm lạm : 1. Khi y ở Bắc-thành : đầu năm điếm binh, dám lên lầu Ngũ-môn ngồi chính giữa.

2. Đệ niên thuyền tải ngoài bể, y lấy cửa riêng mà tải vào thuyền công.

3. Cùng với Lê-văn-Duyệt dâng biểu từ chức để bắt bí nhà vua.

4. Việc sinh sát dữ đoạt, hay tự tiện

5. Trái phép ăn lễ, giấu đến nghìn vạn.

6. Tấu sớ không hợp phép, có chỉ không cho, mà cứ nhất định nộp lại, có Lê-văn-Duyệt ngăn đi mới thôi.

7. Nuôi những cung nữ tiên triều, không biết kiêng nể gì.

8. Nơi công-sảnh tiếm làm gác chuông, gác trống.

9. Tội án Lê-duy.Thanh đã thành, lại còn cùng với Lê-văn-Duyệt cố xin nghị lại.

10. Điền bổ cơ binh, phủ binh, xin lấy chức quan văn mà thi hành.

Vậy xin giao cho đình nghị, đề chính tội danh, làm gương cho kẻ gian trăm đời.

Vua dụ rằng : Chắt, tính vốn sai-lang, nét như ma quỷ. Làm tội thì bất trung bất chính, xử việc thì đại ác đại gian, việc nào cũng can rõ, ai là chẳng tức giận, chẳng những là 16 tội mà thôi đâu. Trước kia trăm nghĩ hầu cùng với Lê-văn-Duyệt, dẫn mang lòng bất thần, nhưng người ta không chịu theo, thì chắc không dám gây sự. Vả hầu là phát phạm đại-thần, dù có mưu gian, mà thần dân chưa cáo tố, thì không nỡ bắt tội. Kể đến hầu lại chịu tội minh-tru rồi, thì lưới trời trướng cũng không thoát, cho nên cũng chẳng kể làm gì nữa. Nay đã có người tham hạch, vậy thì phải trái cho công, đã có triều-đình pháp luật. Chuẩn cho đình thần đem 16 điều tội của hầu mà định rõ tội danh, vợ con cũng án luật mà nghĩ xử, duy con gái nào đã xuất giá, cũng là cháu giai còn nhỏ thì tha.

Đình-thần nghị rằng : Chắt, bất pháp bất trung, đại gian đại ác, có 6 tội nên lăng-trì, 8 tội nên trảm, 2 tội nên giáo. Những tội phạm phạm, âm mưu điều bất quĩ, thì khép vào tội bán-nghịch mà xử lăng-trì. Song y đã chịu tội minh-tru, vậy xin truy đoạt cáo sắc, bỏ áo quan, lục thầy, khiêu thủ để thị giới. Còn cáo sắc phong cho cha mẹ y, cũng xin truy đoạt ; vợ là Lê-thị Sai 黎氏 妻 từng đồng mưu hại với chồng, nghĩ trảm lập quyết. Lại phát cho các lòng-độc, tuần-phủ, mỗi nơi một đạo văn án, để cho đem ý riêng bày tỏ tâu về, cho công lòng chúng. Các địa phương tâu về, đều xin y đình-nghị.

Ngài dụ rằng : Như vậy đủ rõ lẽ trời ở tại lòng người, công luận không bao giờ mất. Kẻ gian thần chưa vạ, muốn miệng cũng một lời, đủ làm án sát thiên cổ. Vả Lê-Chắt cùng với Lê-văn-Duyệt, dựa phau làm gian, tội ác đầy chứa, nhờ từng cái tóc mà tội cũng không hết, giá thử

bỏ áo quan giết thây, cũng không là quá Song lại nghĩ Chắt tội cũng như Duyệt, trước kia Duyệt đã không bỏ áo quan giết thây, thì năm xương khô của Chắt, nay cũng chẳng trảng bắt tội. Vậy cho lòng-độc Bình-Phú Võ xuân-Cần 武春謹 sau phẳng mộ của hắn, khắc bia dựng lên trên đề to mấy chữ « Chỗ này là nơi Lê Chắt phục pháp » đề làm gương cho kẻ gian tặc muôn đời. Còn vợ hắn là Lê thi-Sai cũng ở một nhà dự biết mưu bặt-nghịch, xú vào cực hình, cũng là phải, song kẻ đàn bà, chẳng cần tội vàng chính pháp. Vậy Lê-thi-Sai cùng bọn con là Lê-Cần 黎瑾, Lê-Trương 黎張, Lê-Thường 黎常, Lê-Kỵ 黎騎 đều cải làm trăm-giam-hậu. Lại tịch biên gia sản, được hơn 12 000 quan tiền, giao tỉnh chứa cả vào kho¹.

8. Giặc Tiêm-la. — Nước Tiêm-la 暹羅 tự khi mất quyền bảo hộ ở Châu Lạp, vẫn có ý muốn sinh sự với nước Nam, nhưng còn sợ thế lực Nguyễn triều, chưa dám làm gì, chỉ thỉnh thoảng sang sinh sự với những nước ở Lào. Hễ khi nào Tiêm và Lào đánh nhau, thì nhà vua sai quan quân phòng giữ những chỗ biên thùy, và sang cứu viện những nước bị người Tiêm bắt nạt. Như năm đình hội (1827) là năm Minh-mệnh thứ 8, nước Tiêm đánh lấy nước Vạn tượng (Vientiane). Quốc-trưởng nước ấy là A-Nô 阿弩 chạy sang cầu cứu, vua Thánh-tổ sai quan thống

(1) Đến năm Tự-đức nguyên-niên (1847) quan Đông-các Đại-học-sĩ là Võ xuân-Cần 武春謹 làm sứ tâu xin gia ân cho con cháu bọn ông Nguyễn-văn-Thành. Trong bài sớ có lăm câu thăm thiết. Có chỗ nói rằng : « Bọn Nguyễn-văn-Thành, Lê-văn-Duyệt và Lê-Chắt đều có lòng theo mây dơi gió, xông pha chỗ mũi tên hòn đá, thân làm đại tướng trước đến Quận-công, sau hoặc vì con đại, hoặc vì cây công mà làm thành tội Dù bọn Nguyễn-văn-Thành có tội, thì tội đã trị rồi, mà công thì không hỏi đến, chẳng tốn ra đem cái công lao bách chiến mà để đến nỗi cái tên hòn phải bọ vơ như ma-trơi ngoài đồng, khác nào quỉ Mạc Ngao không ai thợ cũng không ? » Vua Dục-tôn xem bài sớ ấy lấy làm cảm động, bèn truy phong cho bọn ông Nguyễn-văn-Thành, và cấp phẩm hàm cho các con cháu.

chê là Phan-văn-Thúy 潘文瑞 làm kinh-lược biên-vụ đại-thần, đem binh tượng sang cứu A-Nô.

Tháng chừ năm ấy, bọn Lê-đức-Lộc 黎德祿, Nguyễn-công-Tiến 阮公進 đem binh ở Nghệ-an chia làm hai đạo đi đường Qui-hợp và đường Lạc-phàm qua Trấn-ninh sang cứu A-Nô. Đi đến đâu vẽ những sông núi hình thế hiểm trở rồi gửi về kinh.

A Nô mất nước không lấy lại được, phải theo quân An-nam về Nghệ-an, đợi thu xếp quân sĩ để về đánh báo thù. Đến năm mậu-tí (1828). A-Nô nói rằng quân Lào tụ họp được đủ rồi, xin cho quan quân đưa về nước. Vua Thánh-tổ sai Phan-văn-Thúy 潘文瑞 làm kinh-lược đại-thần, Nguyễn-văn-Xuân 阮文春 làm phó, Nguyễn-khoa-Hào 阮科豪 làm tham-tán, đem 3.000 quân và 24 con voi, đưa A-Nô về Trấn-ninh.

Đến Trấn-ninh, A-Nô xin tự đem quân Lào về Viên-chân (Vientiane). Phan-văn-Thúy cho hai đội quân Thần-sách đi hộ tống. Về đến Viên-chân, A-Nô đem binh đi đánh quân Tiêm, quân sĩ chết hại rất nhiều, rồi lại sai người sang Nghệ-an xin viện binh.

Vua Thánh-tổ thấy A-Nô hay sinh sự đánh nhau mà không được việc gì, bèn không cho quân sang cứu, chỉ xuống lệnh truyền cho các hạt ở Lào phải phòng giữ những chỗ biên thùy. A-Nô không có quân cứu viện, bị quân Tiêm đến đánh, lại phải bỏ thành mà chạy sang Trấn-ninh. Được ít lâu, Chiêu-Nội 昭內 là thủ-lĩnh Trấn-ninh bắt A-Nô đem nộp cho Tiêm-la.

Quân Tiêm-la phá được Vạn-tượng, rồi lại xâm vào đến các châu phụ thuộc về nước Nam, ở mạn gần Quảng-trị. Thánh-tổ sai thống-chế Phạm-văn-Điền 范文典 kinh lý mọi việc ở Cam-lộ, sai Lê-dăng-Doanh 黎登瀛 làm tham-tán quân vụ, cùng với quân các đạo ở Lào đi liệu trừ.

Bọn Phạm-văn-Điền, một mặt thì cho người đem thư sang trách nước Tiêm-la sinh sự, một mặt thì chia quân làm ba đạo tiến lên đánh.

Tướng Tiêm viết thư trả lời một cách khiêm nhường lắm, rồi rút quân về. Từ đó nước Tiêm bề ngoài vẫn thông sứ đi lại để giữ sự hòa hiếu, nhưng ngầm cứ tìm cách quấy nhiễu nước Nam. Ở phía tây-nam người Tiêm vẫn dùng túng những người phản nghịch nước Chân-lạp, mà ở phía tây-bắc thì vẫn cứ hà-hiếp Vạn-tượng và các nước nhỏ khác. Dầu thế mặc lòng, vua Thánh-tổ không muốn gây việc binh đao, cứ dùng lời nói ngọt mà trang trái mọi việc.

Đến cuối năm qui-tị (1833), nhân có nguy Khôi khởi loạn ở đất Gia-định, và tên Khôi lại cho người sang cầu cứu, vua Tiêm-la bèn sai quân thủy bộ chia ra làm 5 đạo sang đánh Việt-nam.

Đạo thứ nhất thủy quân đem hơn 100 chiếc thuyền vào đánh lấy Hà-tiên; đạo thứ nhì bộ quân sang đánh Nam-vịnh (Pnom penh), rồi tiến lên đánh lấy Châu-đốc và An-giang; đạo thứ ba đánh mặt Cam-lộ; đạo thứ tư đánh Cam-cát, Cam môn; đạo thứ năm đánh Trấn-ninh.

Tuy rằng quân nghịch năm đạo cùng tiến, nhưng chủ đích của Tiêm-la là cốt đánh Chân-lạp và Nam-kỳ, còn các đạo khác là để phân quân lực của nước Nam mà thôi.

Vua Thánh-tổ được tin báo cấp, liền xuống chiếu sai quan quân phòng ngự các nơi. Phía tây nam thì sai quân thứ ở Gia-định, chia quân cho Trương-minh-Giang 張明講 và Nguyễn-Xuân 阮春 đi tiến tiêu ở mặt An-giang. Phía tây-bắc thì sai Lê-văn-Thụy 黎文瑞 giữ mặt Cam-lộ, thuộc Quảng-trị Phạm-văn-Điển 范文典 giữ mặt Nghệ-an. Lại sai Nguyễn-văn-Xuân 阮文春¹ làm kinh-lược đại-sứ đi tiêu trừ quân Tiêm và quân Lào ở Trấn-ninh.

Bọn Trương-minh-Giang và Nguyễn-Xuân đại phá quân Tiêm-la ở sông Cồ-cảng. Quân Tiêm-la ở Chân-lạp cũng bị người bản xứ đánh phá. Chỗ nào quân nghịch cũng

(1) Nguyễn-Xuân 阮春 thì làm Tham-tán đại-thần theo Trương-minh-Giang. Nguyễn-văn-Xuân 阮文春 thì làm hữu-quân lĩnh An-Tĩnh tổng-đốc đi đánh mặt Trấn-ninh,

thua to, chết hại rất nhiều ; chỉ trong một tháng mà quân quân lấy lại Hà-liên và Châu-đốc, đuổi quân Tiêm ra ngoài bờ cõi, rồi tiến lên đánh lấy lại thành Nam-vinh và đưa vua Chân Lạp là Nặc-ông Chân về nước.

Trương-minh-Giang và Nguyễn-Xuân từ Nam-vinh tiến lên đánh quân Tiêm, liền phá mấy trận, chém tướng bắt binh, lấy được súng ống khí giới không biết ngàn nào mà kể. Tướng Tiêm-la là Phi-nhã-chất-tri 丕雅質知 đem hai binh chạy về nước, quan quân đuổi đánh lấy lại thành Phú-túc (Pursat) rồi cho người Chân Lạp ở lại giữ các nơi : chỗ nào hiểm yếu thì làm đồn đắp lũy, để phòng ngự quân giặc.

Những đạo quân Tiêm và quân Lào sang đánh ở mặt Quảng trị, Nghệ an và Trấn-ninh, đều bị tướng-quân là bọn Nguyễn-văn-Xuân 阮文春, Phạm-văn-Điền 范文典 và Lê-văn-Thụy 黎文瑞 đánh đuổi, chỗ nào quan quân cũng được toàn thắng, giữ được bờ cõi nguyên như cũ cả.

Quân Tiêm sang đánh từ tháng giêng năm giáp-ngo (1834), đến tháng năm năm ấy, thì quan quân đã bình xong cả mọi nơi. Vua Thánh-tổ mừng rỡ, ban thưởng cho các tướng sĩ và bố cáo ra cho mọi nơi đều biết.

9. Việc Ai-lao. — Nước Nam ta về đời vua Thánh-tổ thì to rộng hơn cả, là vì quân Tiêm la cứ hay saug quấy nhiễu, cho nên các xứ ở Lào đều xin về nội thuộc nước ta.

Năm đinh-hợi (1827), người Nam-chương (Luang-Pra-bang) thông với Tiêm-la, rồi cứ đem quân xuống quấy nhiễu đất Trấn-ninh. Tù-trưởng là Chiêu-Nội 昭內 xin đem đất Trấn-ninh về nội thuộc Việt-Nam Vua Thánh-tổ phong cho Chiêu-Nội làm Trấn-ninh phòng ngự-sứ 防禦使 cai quản cả 7 huyện, lại phong cho những thổ-mục làm thổ tri-huyện và thổ huyện-thừa. Chiêu-Nội dâng sổ dân đinh và điền thổ, cả thấy được 3 000 suất đinh và 28 sê ruộng.

Lại có đất Tam động và Lạc phân (trước thuộc về Vạn-tượng) cũng xin nội thuộc, Triều-đình chia những đất ấy ra làm 2 phủ là Trấn-tĩnh-phủ 鎮靖府 và Lạc-biên-phủ 樂邊府. Năm ấy lại có xứ Xa hồ (?), Sầm-tộ (Sam-teu) Mưong-soạn (?), Mang lan (Mưong lam) Trinh-cổ (Xieng-khó), Sầm nưá (Sam neua) Mưong duy (?) và ở Ngọc-ma có Cam-cát (kham-keut) Cam-môn, và Cam-linh (?) đều xin về nội thuộc. Vua Thánh-tổ chia những đất ấy ra làm ba phủ là Trấn-biên 鎮邊, Trấn-định 鎮定 và Trấn-man 鎮蠻.

Phủ Trấn-biên có 4 huyện là Xa-hồ, Sầm-tộ, Mang-soạn, Mang lan; phủ Trấn-định¹ có 3 huyện là Cam-cát, Cam-môn và Cam-linh. Hai phủ ấy đều thuộc về Nghệ an. Còn phủ Trấn-man có 3 huyện là Trinh-cổ, Sầm-nưá, Man-day thì thuộc về Thanh-hóa.

Ở miền Cam-lộ thuộc Quảng-trị, lại có những mưong Mang-vang (?), Nà-bi (?), Thượng-kế (?), Tả-bang (?), Xương-thịnh (?), Tầm-bồn (?), Ba-lan (?), Mang-bồng (?), Lang-thời (?) xin về nội-thuộc, chia ra làm 9 châu, cho chiếu lệ triều-cống.

Đại khái là đất Sầm-nưá, đất Trấn-ninh, đất Cammon và đất Savannkahet bây giờ, thuở ấy thuộc về Việt Nam ta cả.

10. Việc Chân-lạp. — Ở nước Chân-lạp thì từ khi quan quân phá được giặc Tiêm rồi, tướng quân là Trương-minh-Giảng 張明講 và tham-táo là Lê-dại-Cương 黎大綱 lập đồn An man ở gần Nam-vinh để bảo hộ Chân-lạp.

Cuối năm giáp-ngọ (1834), vua nước Chân-lạp là Nặc-ông-Chân mất, không có con trai, quyền cai-trị trong nước về cả mấy người phiên-liêu là bọn Trà-Loug 茶龍 và La-Kiên 羅堅. Những người này đều là người Chân-lạp mà lại nhận quan chức Việt-Nam. Đến năm ất-vi (1835), Trương-minh-Giảng xin lập người con gái của Nặc-ông-Chân tên là Ang-Mey lên làm quận-chúa, gọi là Ngọc-vân

(1) Ở gần địa hạt Hà-tĩnh bây giờ

công-chúa 玉雲公主, rồi dời nước Chân Lạp ra làm Trấn-tây-thành 鎮西城, chia ra làm 32 phủ và 2 huyện. Đặt một tướng-quân 將軍, một tham-tán đại-thần 參贊大臣, một đề-dốc 提督, một hiệp-tán 協贊 và 4 chánh phó lĩnh-binh 領兵, để coi mọi việc quân dân. Ở các chỗ yếu hại, lại đặt chức tuyên-phủ 宣撫, an phủ 安撫 để phòng ngự.

Năm canh-tí (1840), nhà vua sai Lê-văn Đức 黎文德 làm hàm-sai đại-thần, Doãn-Uần 尹蘊 làm phó và cùng với Trương-minh-Giang để kinh lý mọi việc ở Trấn-tây-thành, khám xét việc buôn bán, đo ruộng đất, định thuế điền, thuế điền và thuế các sản vật, đặt thuế quan tầu để thu thuế thuyền bè buôn bán dưới sông.

Nhưng vì quan lại Việt-nam ta sang làm nhiều điều trái lẽ, những nhiều dân sự, lại bắt Ngọc-vân quận-chúa đem về ở Giã-dinh, bắt bọn Trà-Long và La-Kiên đày ra Bắc-kỳ, dân Chân Lạp ai cũng oán giận, chỗ nào cũng có giặc đã nổi lên đánh phá. Lại có em Nặc-ông-Chân là Nặc-ông-Đôn 匿翁墩 khởi nghĩa, có người Tiêm-la giúp đỡ, thành ra quan quân đánh mãi không được. Về sau đến khi vua Thánh-tổ mất rồi, quan quân phải bỏ thành Trấn-tây mà rút về An giang.

Ấy cũng là vì người mình không biết bênh vực kẻ hèn yếu, chỉ đem lòng tham tàn mà ức hiếp người ta, cho nên thành ra hao tổn binh lương, hoặc một tướng sĩ, mà lại phải sự bại hoại, thiệt là thiệt hại cho nước mình.

11. Việc giao-thiệp với những nước ngoài dương.

— Việc giao-thiệp của nước Nam ta với các nước ngoài-dương mà ngẫu trở, là bởi có hai lẽ: một là vì sự cấm giảng đạo Thiên chúa; hai là vì người nước mình lúc bấy giờ không hiểu thời thế, cứ tự đắc mình là văn minh hơn người, không chịu học tập như người ta, mà theo đường tiến bộ.

Nước ta từ đời thập-thất thế-kỷ về nhà Hậu-Lê đã có người Âu-la-ba ra vào buôn bán, hoặc ở Phố-hiến (Hưng-

yên), hoặc ở cửa Hội-an (Faifo), đều không có việc gì ngăn trở cả. Chỉ có sự giảng đạo Thiên chúa ở trong nước là hay bị sự ngăn cấm. Ngày trước chúa Trịnh và chúa Nguyễn đã có dụ nghiêm cấm. Đến đời Tây-sơn thì trong nước rối loạn, còn phải lo việc chiến tranh, cho nên không nói đến việc cấm đạo. Về sau, khi vua Thế-tổ nhất thống cả nam bắc, thì ngài nhờ ơn bên đạo có công giúp rập trong lúc gian truân, vẫn để các giáo-sĩ được phép đi giảng đạo mọi nơi. Mãi đến đời vua Thánh-tổ thì việc nước đã yên, nhà vua lưu ý về sự giáo hóa, lấy Nho đạo làm chính đạo và cho các tôn-giáo khác làm tả đạo, bắt dân gian phải bỏ tà theo chính. Sự cấm đạo lại khởi đầu phát ra lần nữa.

Mà cũng vì sự cấm đạo, cho nên sự buôn bán của những người ngoại-dương ở nước ta, thành ra ngăn trở. Bởi vì Triều-đình thấy thỉnh thoảng có chiếc tàu buôn lại, thì lại có một vài người giáo-sĩ vào giảng đạo, ngăn cấm thế nào cũng không được, tưởng là có ý do thám gì chẳng, cho nên lại càng nghi ngờ lắm.

Vả lại về đời nhà Nguyễn lúc bấy giờ, ở trong nước cũng không có người ngoại quốc ra vào buôn bán, chỉ có mấy người Pháp-lan-tây trước đã theo giúp vua Thế-tổ, rồi ở lại làm quan tại triều, là bọn ông Chaigneau và ông Vannier. Khi vua Thế-tổ hãy còn, thì ông Chaigneau có xin về nước Pháp nghỉ ba năm, đến năm tân-tị (1821), ông ấy trở sang thì lại nhận chức 1.ub-sự và chức khâm-sai của vua Louis XVIII, đem đồ phẩm vật và tờ quốc-thư sang điều đình việc thông thương với nước Nam. Ông Chaigneau sang đến nơi, thì vua Thế-tổ mất rồi, vua Thánh-tổ tiếp đãi ông Chaigneau cũng tử tế, và ngài sai quan trả lời cho Pháp-hoàng rằng nước Nam và nước Pháp không việc gì mà phải làm điều ước về việc thương-mại. Việc vào buôn bán ở nước Nam, thì cứ theo luật nước Nam, không điều gì ngăn trở cả.

Năm nhâm ngọ (1822), có chiếc tàu chiến của Pháp tên là Cléopâtre vào cửa Đà-nẵng, người quản tàu tên là Cour-

sen de la Ville Héliot nhờ ông Chaigneau xin phép cho vào yết kiến vua Thánh-tổ ngài không cho. Tháng 7 năm ấy, có tàu Anh-cát-lợi vào cửa Đà-nẵng xin thông thương, nhà vua cũng không cho.

Ông Chaigneau thấy nhà vua càng ngày càng nhạt nhẽo với mình, và cũng không làm được công việc gì có ích, bèn cùng với ông Vannier xin từ chức, rồi đến cuối năm giáp thân (1824), hai người xuống tàu đi qua Gia-định về Pháp.

Tháng giêng năm ất-dậu (1825), lại có quan thủy-quân đại tá nước Pháp là ông Bougainville đem hai chiếc tàu chiến là Thétis và Espérance vào cửa Đà-nẵng, đem đồ phẩm vật và quốc thư, xin vào yết kiến vua Thánh-tổ. Ngài nói rằng nước Pháp và nước Anh là hai nước cừu địch, mà nước ta trước đã không tiếp sứ Anh-cát-lợi, lẽ nào nay lại tiếp sứ nước Pháp. Và lúc bấy giờ ông Chaigneau và ông Vannier đã về cả rồi, ngài bèn sai quan đem đồ vật ra ban thưởng cho sứ nước Pháp, và nói rằng ở trong Triều không có ai biết tiếng Pháp, cho nên không thể tiếp được.

Qua năm sau (1826), chính-phủ Pháp lại sai châu ông Chaigneau sang làm lĩnh-sự thay cho chú, nhưng sang đến nơi, Triều-đình nước ta không nhận, đến năm kỷ-sửu (1829) lại phải trở về.

Từ đó cho đến 10 năm về sau, nước Pháp tuyệt giao với nước Nam ta. Mà lúc bấy giờ chỉ trừ mấy người giáo-sĩ đi giảng đạo ở chỗ thôn giã ra thì trong nước cũng không có người ngoại dương nào ở nữa.

12. Sự cấm đạo. — Từ khi vua Thánh-tổ lên ngôi, ngài đã có ý không muốn cho người ngoại-quốc vào giảng đạo ở trong nước. Đến năm ất-dậu (1825), khi chiếc tàu Thétis vào cửa Đà-nẵng, có một người giáo-sĩ tên là Rogerot ở lại, đi giảng đạo các nơi, vua Thánh-tổ nhân dịp ấy mới có dụ cấm đạo, và truyền cho các quan phải khám xét các tàu bè của ngoại quốc ra vào ở các cửa bể. Trong

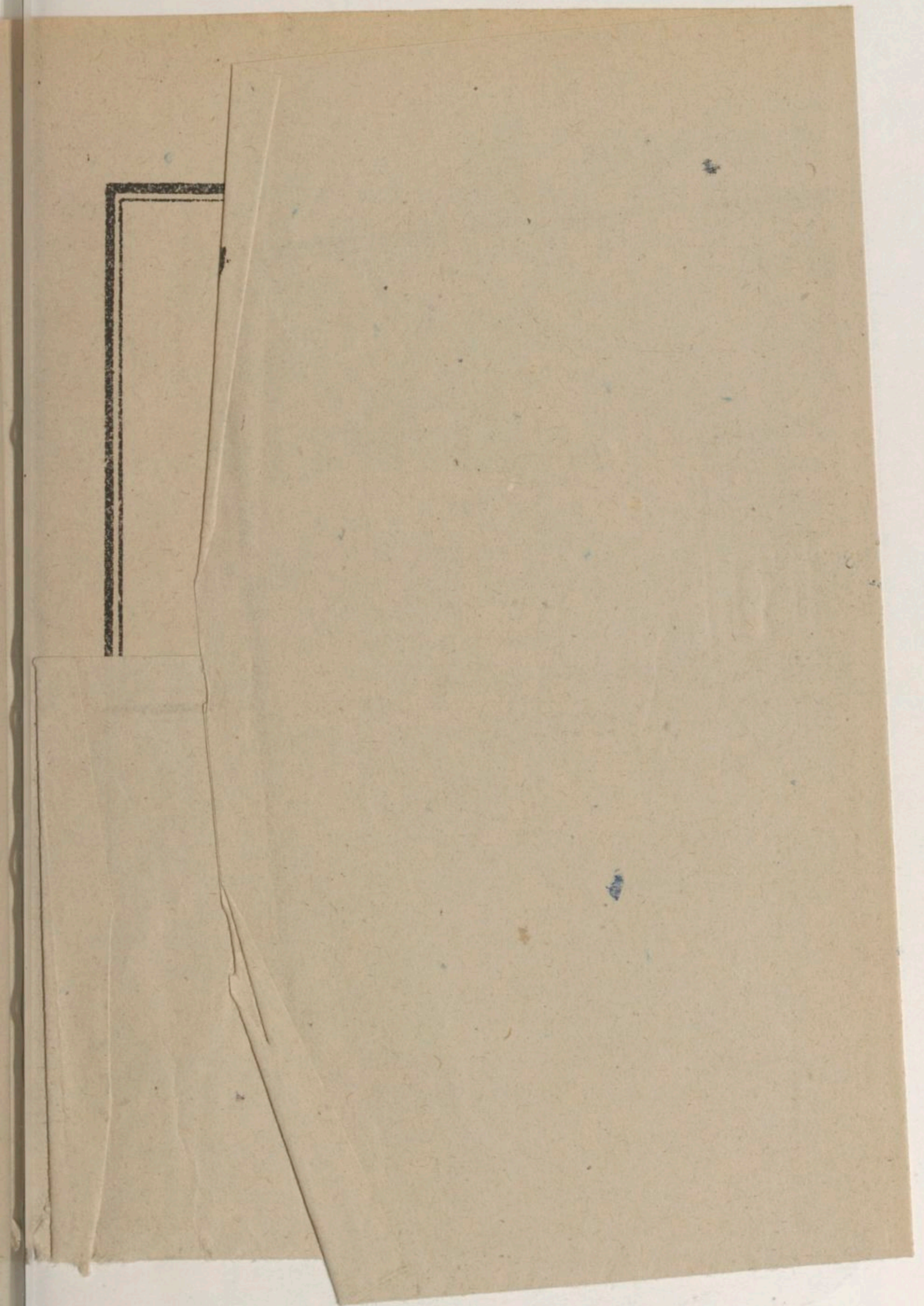
đạo nói rằng : « Đạo phương Tây là tà đạo, làm mê hoặc lòng người và hủy hoại phong tục, cho nên phải nghiêm cấm để khiến người ta phải theo chính đạo ».

Ngài lại sai tìm bao nhiêu những giáo-sĩ ở trong nước đem cả về Huế để dịch những sách Tây ra chữ An-nam, chủ-ý là không phải vì việc dịch sách, nhưng là để cho khỏi đi giảng đạo ở chỗ hương thôn.

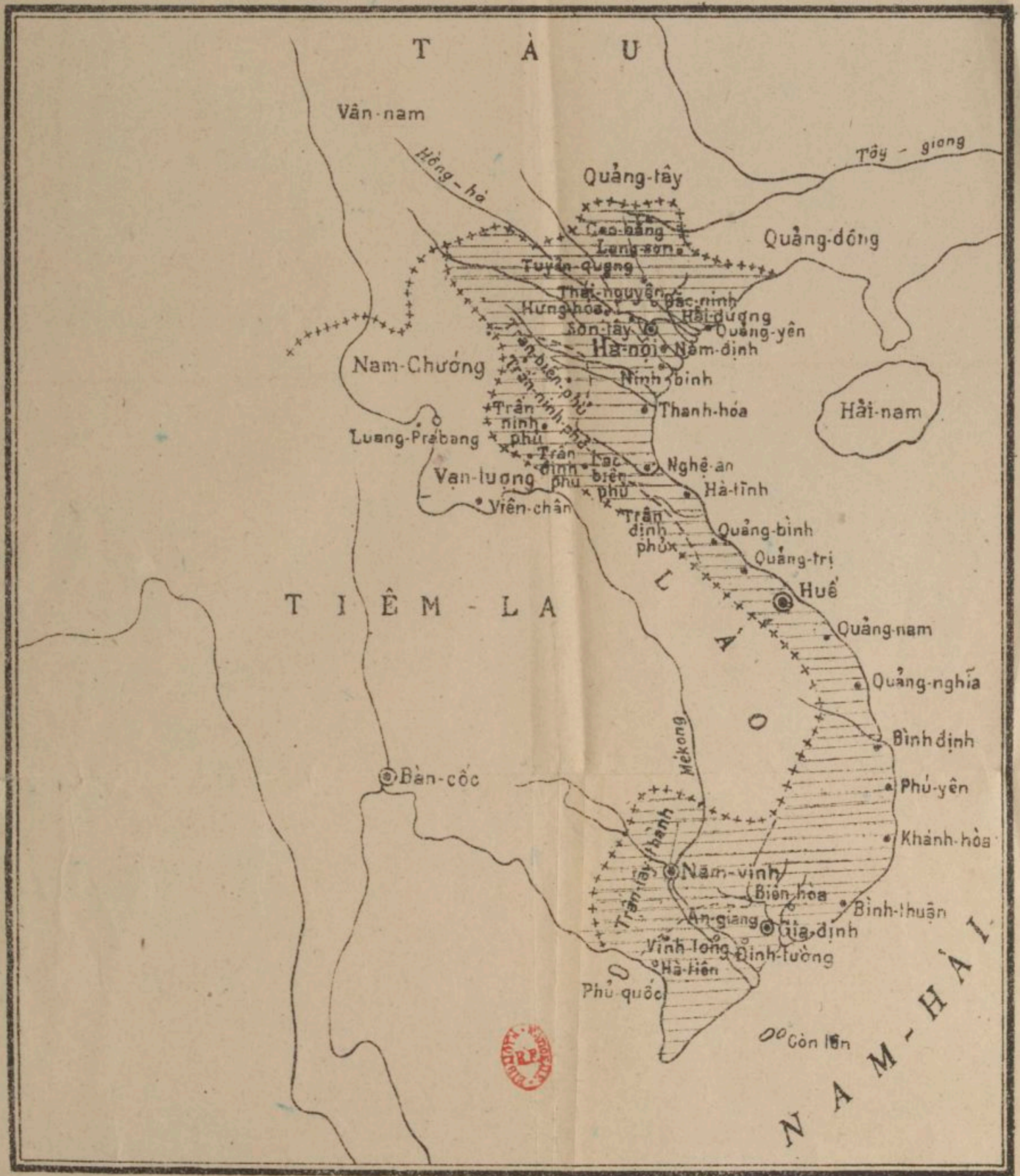
Lúc bấy giờ không phải là một mình vua Thánh-tổ ghét đạo mà thôi, phần nhiều những quan lại cũng đều một ý cả, cho nên sự cấm đạo lại càng nghiêm thêm. Nhưng mà dầu cấm thế nào mặc lòng, trong nước vẫn có người đi giảng đạo, nhà vua lấy điều đó làm trái phép, lại có dụ ra lần nữa, truyền cho dân bên giáo phải bỏ đạo, và ai bắt được giáo-sĩ đem nộp thì được thưởng. Năm ấy ở Huế có một người giáo-sĩ phải xử giáo, và ở các nơi cũng rối loạn vì sự bắt đạo và giết đạo.

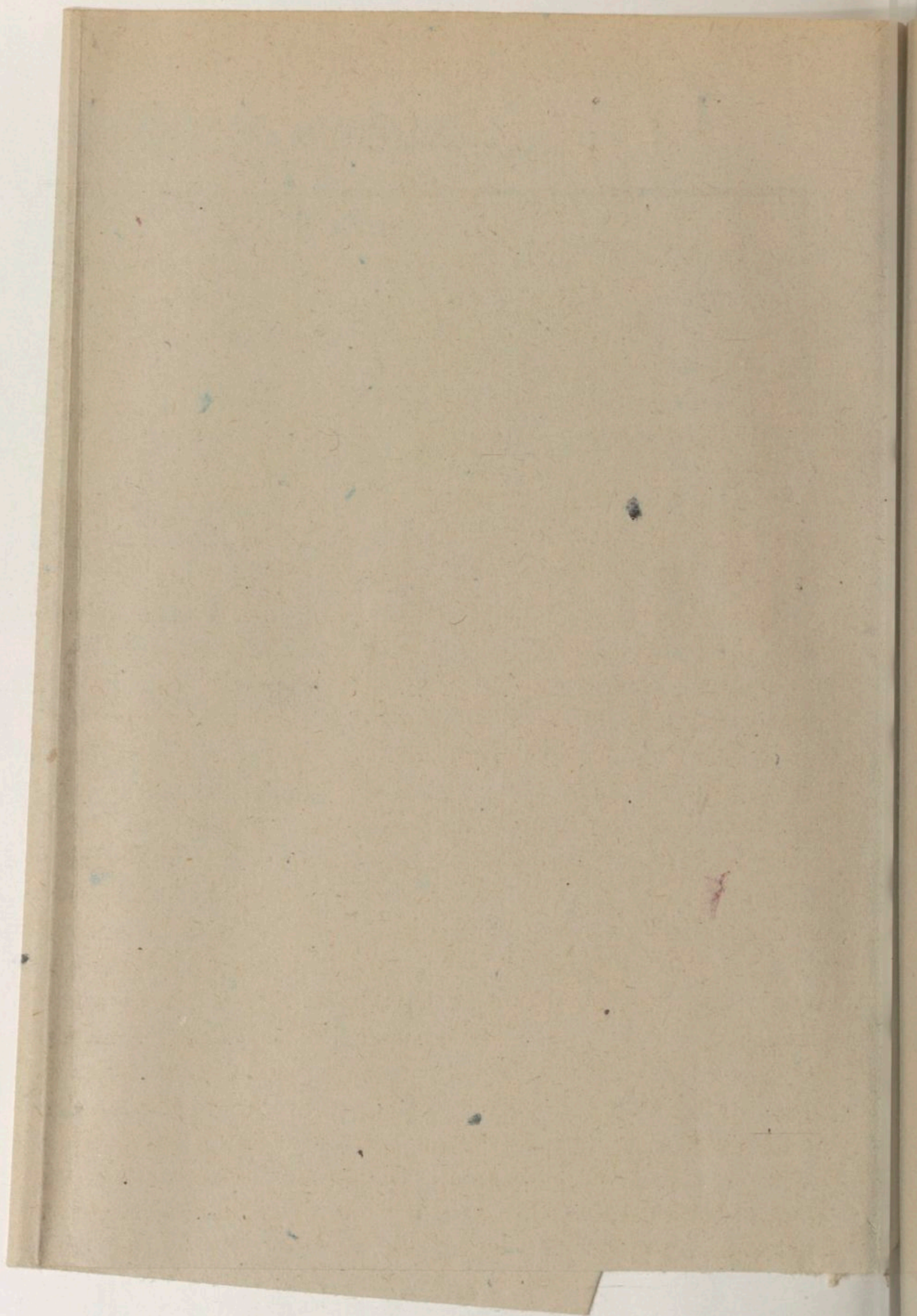
Từ đó trở đi, trong Nam ngoài Bắc, chỗ nào cũng có giặc giã nổi lên, nhà vua ngờ cho dân bên đạo theo giúp quân giặc, lại càng cấm nghiêm ; từ năm giáp ngọ (1831) cho đến năm mậu-tuất (1838), có nhiều giáo-sĩ và đạo-đồ bị giết, nhất là từ khi bắt được cố Du (P. Marchand) ở Gia-định rồi sự giết đạo lại dữ hơn trước nữa.

Nhà vua một mặt thì cấm đạo, một mặt thì ban những huấn-diệu ra để khuyên dân giữ lấy đạo chính. Nhưng nhà vua mà dùng uy quyền để giết hại bao nhiêu, thì dân sự lại khổ sở bấy nhiêu, như lòng tin-tưởng của người ta, không sao ngăn cấm được. Và lại đạo Thiên-chúa cũng là một đạo tôn nghiêm, dạy người ta lấy lòng nhân ái, việc gì mà làm khổ dân sự như thế ? Các giáo-sĩ bấy giờ cứ một niềm liêu sống chết đi truyền giáo cho được, có người phải đào hầm mà ở dưới đất hàng mấy tháng để dạy đạo. Những người có chí bền chặt như vậy, sự bình phạt cũng vô ích mà thôi. Năm mậu-tuất (1838), vua Thánh-tổ thấy cấm thế nào cũng không được những người đi giảng đạo ở trong nước, ngài bèn sai sứ sang nước Pháp để điều đình với chính-phủ Pháp về việc ấy.



NƯỚC NAM VỀ ĐỜI MINH-MỆNH





Song khi sứ thần Việt-nam ta sang đến nơi, thì hội Ngoại-quốc-truyền-dạo, xin Pháp-hoàng là vua Louis Philippe đừng tiếp¹. Sứ-thần ta phải trở về không; khi về đến Huế, thì vua Thánh-tổ đã mất rồi.

Về sau việc cấm đạo cứ dai dẳng mãi đến khi nước Pháp sang bảo-hộ mới thôi.

13. Vua Thánh-tổ mất. — Vua Thánh-tổ mất năm canh-ti (1840), thọ được 50 tuổi, và trị vì được 21 năm, miếu-hiệu là Thánh-tổ Nhân-hoàng-đế 聖祖仁皇帝.

Trong đời vua Thánh-tổ làm vua, pháp luật chế độ, điều gì cũng sửa sang lại cả, làm thành một nước có cương-kỷ. Nhưng chỉ vì ngài nghiêm khắc quá, cứ một mực theo cổ, chứ không tùy thời mà biến hóa phong-tục; lại không biết khoan dung cho sự sùng-tin, đem giết hại những người theo đạo, và lại tuyệt giao với ngoại-quốc, làm thành ra nước Nam ta ở lẻ loi một mình.

Đã hay rằng những điều làm lỗi ấy, là trách chung cả Triều-dinh và cả bọn sĩ phu nước ta lúc bấy giờ, chứ không riêng chỉ một mình ngài, nhưng ngài là ông vua chuyên chế một nước, việc trong nước hay dở thế nào, ngài cũng có một phần trách nhiệm rất to, không sao từ chối được. Vậy cứ bình tình mà xét, thì chính trị của ngài tuy có nhiều điều hay, nhưng cũng có nhiều điều dở: ngài biết cương mà không biết nhu, ngài có uy quyền mà ít độ lượng, ngài biết có dân có nước mà không biết có thời thế tiến-hóa. Bởi vậy cho nên nói rằng ngài là một ông anh-quân thì khi quá, mà nói rằng ngài là ông bạo-quân thì không công bằng. Dầu thế nào mặc lòng, ngài là một ông vua thông minh, có quả cảm, hết lòng lo việc nước, tưởng về bản triều nhà Nguyễn chưa có ông vua nào làm được nhiều công việc hơn ngài vậy.

(1) Sách Histoire de la Cochinchine Française của ông Cultru.

CHƯƠNG IV

HIỂN-TỔ (1841-1847)

Niên-hiệu : Thiệu-trị 紹治

1. Đức độ vua Hiến-tổ — 2. Việc Chân-lạp. — 3. Việc Tiêm-la. —
4. Việc giao-thiệp với nước Pháp.

1. Đức độ vua Hiến-tổ — Tháng giêng năm tân sửu (1841) hoàng-thái-tử húy là Miên-tôn 綿宗 lên ngôi ở điện Thái-hòa, đặt niên-hiệu là Thiệu-trị.

Tính vua Hiến-tổ thuần hòa, không hay bày ra nhiều việc, và cũng không được quả-cảm như vua Thành-tổ. Trong đời ngài làm vua, học-hiệu, chế-độ, thuế-mã điều gì cũng theo như triều đức Thành-tổ cả. Đây tới lúc bấy giờ có bọn ông Trương Đăng-Quế 張登桂, Lê văn-Đức 黎文德, Doãn-Uần 尹蘊, Võ-văn-Dải 武文解, Nguyễn Tri-Phương 阮知方, Lâm-duy-Hiệp 林維浹, trong ngoài ra sức giúp rập. Nhưng mà đất Nam-kỳ có giặc dã, dân Chân-lạp nổi loạn, quân Tiêm-la sang đánh phá, nhà vua phải dùng binh đánh dẹp mãi mới xong.

2. Việc Chân-lạp — Nguyên từ cuối đời đức Thành-tổ, đất Nam-kỳ và đất Chân-lạp đã có giặc dã, bọn ông Trương-minh-Giang, Nguyễn-tiến-Lâm, Lê-văn-Đức, Nguyễn-công-Trứ cứ phải đem quân đi tiêu trừ mãi, đánh được chỗ này thì chỗ kia nổi lên. Sau ở Nam-kỳ lại có tên Lâm-Sâm 林森 cùng với bọn thầy chùa làm loạn ở Trà-vinh; ở Chân-lạp thì những người bản xứ cùng với người Tiêm-la đánh phá. Quan quân chống không nổi. Triều-đình lấy việc ấy làm lo phiền. Năm Thiệu-trị nguyên-niên (1841), ở trong Triều, bọn ông Tạ-quang-Cự 謝光巨 tâu xin bỏ đất Chân-lạp, rút quân về giữ An-giang. Vua nghe lời ấy, xuống chiếu truyền cho trông-quản là

Trương-minh-Giang rút quân về. Ông Trương-minh-Giang về đến An-giang thì mất. Bởi vì việc kinh lý đất Chân-lạp là ở tay ông cả, nay vì có biến loạn quan quân phải bỏ thành Trấn-tây mà về, ông nghĩ xấu hổ và buồn bực đến nỗi thành bệnh mà chết.

8. Việc Tiêm-la, — Khi quân của Nguyễn-tiến-Lâm và Nguyễn-công-Trứ dẹp xong giặc Lâm-Sâm ở Nam-kỳ, thì quân Tiêm-la lại đem binh thuyền sang cùng với quân giặc để đánh phá. Vua bèn sai ông Lê-văn-Đức làm tổng-thống đem binh tướng đi tiêu trừ. Sai Nguyễn-tri-Phương và Nguyễn-liễn-Lâm giữ mặt Tiền-giang, Nguyễn-công-Trứ và Nguyễn-công-Nhân giữ mặt Vĩnh-tế. Phạm-văn-Điền và Nguyễn-văn-Nhân giữ mặt Hậu-giang. Ba mặt cùng tiến binh lên đánh, quân Tiêm và quân giặc thua to, phải rút về giữ Trấn tây. Quan quân đuổi được quân Tiêm-la ra ngoài bờ cõi rồi, đặt quân giữ các nơi hiểm yếu để đợi ngày tiến tiến.

Nguyên là Nặc-ông-Đôn¹ đem quân Tiêm-la về cứu viện để đánh lấy lại nước. Nhưng đến khi quân Việt-nam rút về rồi, quân Tiêm la tàn bạo, người Chân-lạp lại không phục, có người sang cầu cứu ở Nam-kỳ, vua bèn sai Vũ-văn-Đãi sang kinh lý việc Chân-lạp.

Tháng sáu năm ất-tị (1845), là năm Thiệu-trị thứ năm, Vũ-văn-Đãi vào đến Gia-định, cùng với Nguyễn-tri-Phương, Doãn-Uần, Tôn-thất-Nghị, tiến binh sang đánh Chân-lạp, phá được đồn Dây-sắt, lấy lại thành Nam-vinh, người Chân-lạp về hàng kể hơn 23.000 người.

Đoạn rồi, Nguyễn-tri-Phương và Doãn-Uần đem binh đuổi đánh quân Tiêm-la và quân Chân-lạp, vây Nặc-ông-Đôn và tướng Tiêm la là Chắt-tri ở Ô-đông (Oudon).

Tháng chín năm ấy, Chắt-tri sai người sang xin hòa. Qua tháng mười thì Nguyễn-tri-Phương, Doãn-Uần và Chắt-

(1) Nặc-ông-Đôn là em Nặc-ông-Châu, chú nàng Ang-kay là Ngọc-vân-quận chúa.

Hai ký tờ hòa-ước ở nhà hội quán, hai nước đều giải binh. Nguyễn-Tri Phương rút quân về đóng ở Trấn Tây, đợi quân Tiêm thi hành những điều ước đã định.

Tháng chạp năm bình-ngo (1846), Nặc Ông-Đôn dâng biểu tạ tội và sai sứ đem đồ phẩm-vật sang triều cống.

Tháng hai năm đinh-vị (1847) là năm Thiệu-trị thứ bảy Triều-đình phong cho Nặc Ông-Đôn làm Cao-mên quốc-vương và phong cho Mỹ-lâm quận-chúa làm Cao-mên quận-chúa. Lại xuống chiếu truyền cho quân thứ ở Trấn Tây rút về An-giang.

Từ đó nước Chân-lạp lại có vua, và việc ở phía nam mới được yên vậy.

4. Việc giao-thiệp với nước Pháp. — Từ khi vua Hiến-tô lên trị vì, thì sự cấm đạo hơi nguôi đi được một ít. Nhưng mà Triều-đình vẫn ghét đạo, mà những giáo-sĩ ngoại quốc vẫn còn đương phải giam cả ở Huế. Có người đưa tin ấy cho quan trung tá nước Pháp, tên là Favin-Lévêque coi tàu Héroïne. Ông Favin Lévêque đem tàu vào Đà-nẵng xin cho năm người giáo sĩ được tha.

Qua năm ất-ti (1845) là năm Thiệu-trị thứ năm có một ông giám-mục tên là Lesèbvre phải án xử tử. Bấy giờ có người quản tàu Mỹ-lợi-kiên ở Đà-nẵng xin mãi không được, mới báo tin cho hải-quan thiên-tướng nước Pháp là Cécile biết. Thiệu-tướng sai quan đem chiếc tàu Alcène vào Đà-nẵng lĩnh giám-mục ra.

Năm đinh-vị (1847), quan nước Pháp được tin rằng ở Huế không còn giáo-sĩ phải giam nữa mới sai đại-tá de Lapière và trung-tá Rigault de Genouilly đem hai chiếc chiến thuyền vào Đà-nẵng xin bỏ những chỉ dụ cấm đạo và để cho người trong nước được tự do theo đạo mới.

Lúc hai bên còn đang thương nghị về việc ấy, thì quan nước Pháp thấy thuyền của ta ra đóng gần tàu của Pháp, và ở trên bờ lại thấy có quân ta sắp sửa đồn lũy mới nghi có sự phản trắc gì chăng, bèn phát súng bắn đắm cả những thuyền ấy, rồi nhổ neo kéo buồm ra bể.

Vua Hiến tổ thấy sự trạng như thế, tức giận vô cùng, lại có dụ ra cấm người ngoại quốc vào giảng đạo, và trị tội những người trong nước đi theo đạo.

Việc tàu nước Pháp vào bán ở Đà Nẵng xong được mấy tháng, thì vua Hiến tổ phải bệnh mất. Bấy giờ là tháng chín năm Đinh-vị (1847), năm-Thiệu-trị thứ bảy. Ngài làm vua được bảy năm, thọ 37 tuổi, miếu-hiệu là Hiến-tổ Chương-hoàng-đế 憲祖章皇帝.

CHƯƠNG V

DỤC-TÔN (1847-1883)

Niên-hiệu : Tự-đức 嗣德

1. Đức độ vua Dục-tôn. — 2. Triều-dình. — 3. Việc ngoại-giao. —
4. Việc cấm đạo — 5. Việc thuế má — 6. Việc học hành. — 7. Việc
binh lính. — 8. Tình thế dân nước Nam.

1. Đức độ vua Dục-tôn. — Vua Hiến-tổ mất, truyền ngôi lại cho hoàng-tử thứ hai húy là Hồng-Nhậm 洪任. Bấy giờ hoàng-tử mới có 19 tuổi, nhưng học hành đã thông thạo. Đến tháng 10 năm đinh-vị (1847, thì ngài lên ngôi hoàng-đế ở điện Thái-hòa, đặt niên-hiệu là Tự-đức 嗣德, lấy năm sau là năm mậu-thân (1848) làm Tự-đức nguyên-niên.

Vua Dục-tôn 翼宗 đối với vận hội nước Nam ta, thật là quan hệ, vì là đến đời ngài thì nước Pháp sang bảo-hộ, đổi xã-hội mình ra một cảnh-tượng khác. Bởi vậy cho nên ta cần phải biết rõ ngài là người thế nào, để xét đoán những công việc thời bấy giờ cho khỏi sai lầm. Quan tổng đốc Thân-trọng-Huê 申仲鶴 đã được trông thấy dung nhan của ngài và đã tả rõ chân-tượng của ngài ra như sau này : « Ngài hình-dung như một người nho-sĩ, không cao, « không thấp, trạc người bậc trung, không gầy không béo, « có phần hơi gầy một tí. Da không trắng không đen. Mặt « hơi dài, cằm hơi nhỏ, trán rộng mà thẳng, mũi cao mà « tròn, hai con mắt tinh mà lạnh.

« Ngài hay chít cái khăn vàng mà nhỏ, và mặc áo vàng, « khi ngài có tuổi thì hay mặc quần vàng đi giầy hàng « vàng của Nội-vụ đóng. Ngài không ưa trang sức mà cũng « không cho các bà nội cung đeo đồ nữ-trang, chỉ cốt lấy « sự ăn mặc sạch sẽ làm đẹp.

« Tinh ngài thật là hiền lành. Những người được
« hầu gần ngài nói chuyện rằng : Một hôm ngài ngự
« triều tại điện Văn-minh, ngài cầm cái hoa-mai¹ sắp hút
« thuốc, tên thái-giám đứng quạt hầu, vô ý quạt mạnh
« quá, lửa hoa-mai bay vào tay ngài. Tên thái-giám sợ
« xanh mặt lại, mà ngài chỉ xoa tay, chứ không nói gì cả.

« Ngài thờ đức Từ-dạ 慈裕 rất là có biểu. Lệ thường
« cứ ngày chẵn thì châu cung, ngày lẻ thì ngự triều :
« trong một tháng châu cung 15 lần, ngự triều 15 lần, trừ
« khi đi vắng và khi se yếu². Trong 36 năm, thường vẫn
« như thế, không sai chút nào.

« Khi ngài châu cung thì ngài tâu chuyện này chuyện
« kia, việc nhà việc nước, việc xưa việc nay. Đức Từ-dạ
« thuộc sử sách đã nhiều, mà biết việc đời cũng rộng.
« Khi đức Từ-dạ ban câu chi hay, thì ngài biên ngay vào
« một quyển giấy gọi là *Từ-huấn-lục*.

« Một hôm rảnh việc nước, ngài ngự bắn tại rừng
« Thuận-trực³, gặp phải khi nước lụt. Còn hai ngày nữa
« thì có kị đức Hiến-tổ, mà ngài chưa ngự về. Đức Từ-
« dụ nóng ruột, sai quan đại-thần là ông Nguyễn-tri-
« Phương đi rước. Ông Nguyễn-tri-Phương đi được nửa
« đường, vừa gặp thuyền ngự đương chèo lên, mà nước
« thì chảy mạnh, thuyền không đi mau được. Gần tối
« thuyền ngự mới tới bến. Khi ấy trời đang mưa, mà
« ngài vội vàng lên kiệu trần đi thẳng sang cung, lạy xin
« chịu tội Đức Từ-dạ ngồi xoay mặt vào màn, chẳng
« nói chẳng rằng chi cả. Ngài lấy một cây roi mây, dâng
« lên để trên ghế trát kỹ, rồi ngài nằm xuống xin chịu
« đòn. Cách một hồi lâu, đức Từ-dạ xoay mặt ra, lấy tay
« hất cái roi mà ban rằng :

(1) Hoa-mai là một sợi dây làm bằng chỉ để thắp lửa mà hút thuốc.

(2) Se-yếu là đau yếu. Tiếng se ở Huế nói cách tôn kính, như vua đau thì nói vua se mình.

(3) Cách Kinh-thành chừng độ 15 ki-lô-mét, ở bên bờ sông Lợi-giang, có một cái rừng cấm, gọi là rừng Thuận-trực. Chỗ ấy nhiều chim, đức Dục-tôn thường ngự đến bắn ở đấy.

* — Thôi, tha cho ! Đi chơi để cho quan quân cực
* khổ thì phải ban thưởng cho người ta, rồi sớm mai
* đi hẳn đi.

* Ngài lấy tạ lui về, nội đêm đó ngài phê thưởng cho
* các quan quân đi hẳn ngựa. Quan thì mỗi người được
* một đồng tiền bạc, quân nhỏ tùy theo phẩm, còn lính
* thì mỗi tên được một quan tiền kẽm. Đến sáng ngài ngự
* ra điện Long-an lấy lễ. Xem cách ngài thờ mẹ như thế,
* thì từ xưa đến nay, thực là ít có.

* Thấy ngài siêng năng, sáng chững năm giờ, ngài đã
* ngự tánh, nghĩa là thức dậy, chững sáu giờ, ngài đã ra
* triều. Cho nên các quan ở Kinh buổi ấy cũng phải dậy
* sớm để mà đi chầu. Thường thấy các quan thắp đèn ăn
* cháo để vào Triều cho sớm.

* Thường ngài ngự triều tại điện Văn-minh, ở bên tả
* điện Cần-chính. Các quan đến sớm quan văn thì ngồi
* chực tại tả-vu, quan võ tại hữu vu. Khi ngài đã ngự ra,
* thì thái-giám tuyên triệu các quan vào chầu. Các quan
* đều mặc áo rộng xanh, đeo thẻ bài đi vào, quan văn
* bên hữu, quan võ bên tả¹.

* Khi các quan theo thứ tự đứng yên rồi, quan bộ Lại,
* hay là quan bộ Binh tâu xin cho mấy ông quan mới
* được thăng tâu yên bài mạng. Các quan bài mạng thì
* phải chực ở ngoài, đợi bộ Lại hay là bộ Binh tâu xong
* mới được vào. Quan văn thuộc bộ Lại, quan võ thuộc
* bộ Binh. Bài mạng thì phải mặc áo đại-trào.

* Các ông bài mạng xong rồi, bộ nào có việc gì tâu thì
* đến chỗ tâu-sự quí tâu. Như bộ nào có tâu việc gì thì
* các quan ầu-quan trong bộ ấy đều quí chỗ tâu-sự, rồi
* ông nào tâu, thì đọc bài điện-tâu. Một bên các quan tâu-
* sự lại có một ông quan Nội các và một ông ngự-sứ đều

(1) Khi ngài ngự điện Thái-hóa, hay là điện Cần-chính, ông là đi
hạnh lễ điện Phục-hiến, thì quan văn lại đứng bên tả, quan võ
bên hữu, đợi ở điện Văn-minh thì quan võ bên tả, quan văn bên
hữu, không biết tại làm sao.

• qui. Quan Nội các đề biên nhờ ngài ban ; quan ngự-sứ
• đề đàn hạch các quan phạo phép

• « Đức Đức-tôn đã thuộc việc mà lại chăm, cho nên nhiều
• bữa ngài ban việc đến chín mười giờ mới ngự vào Nội.

• « Ngài thường làm việc ở chái dòng điện Cẩn-chánh.
• Trong chái ấy lát ván đánh bóng. Gần cửa kính có
• mấy chiếc chiếu, trên trái một chiếc cạp bằng vàng
• vàng, để một cái yên voi ngiên bút, một trái dưa
• (cái gỏi dưa), chứ không hay ghế bàn gì cả. Cách
• một khoảng có để một cái đầu-hồ với thềm. Ngài làm việc
• mỗi thì đứng dậy đánh đầu-hồ, hay là đi bách-bộ. Ngài
• ngồi làm việc một mình, vài tên thị-nữ đứng hầu để mài
• son, thắp thuốc hay là đi truyền việc.

• « Lễ nước ta xưa nay các quan không được vào chỗ
• ngự-tọa, làm giúp việc cho vua, cho nên việc lớn việc
• nhỏ, ngài phải xem cả.

• ; Phiến sớ các nơi đều gửi về Nội-các. Nội-các đề trong
• tráp tấu-sự, đưa cho giám, giám đưa cho nữ-quan dâng
• lên ngài. Ngài xem rồi giao cho Nội-các. Nội-các giữ bản
• chính có châu điểm, châu-phê lục bản pho ra cho các
• bộ pha.

• « Nay xem các nguyên bản trong Các, thì thấy có nhiều
• tờ phiến ngài phê dài hơn của các quan tấu. Chữ đã tốt
• mà văn lại hay, ai cũng kinh cái tài của ngài.

• « Ngài vốn là người hiếu học. Đêm nào ngài cũng xem
• sách đến khuya. Có ba tập *Ngự-chế thi-văn* của ngài đã
• in thành bản. Ngài lại làm sách chữ nôm để dạy dân cho
• dễ hiểu, như là sách *Thập-diệu*, *Tự-học điển-ca* *Luân-*
• *ngữ điển-ca* v. v. . . .»

• Xem cái chân tượng của vua Đức-tôn như thế, thì ngài
• không phải là người to béo vạm vỡ¹, mà cũng không phải

• (1) Ta thường trong thấy có cái tranh vẽ một người to béo vạm
• vỡ, mặt mũi giữ tợn mà mặc áo đội mũ không ra lối làng gì cả. Ở
• dưới cái tranh có chữ đề là vua Tự-dức.

• Cái tranh ấy chắc là của một người nào tưởng tượng mà vẽ ra
• chứ không phải là chân dung của ngài. Vì là thừa trước chỉ trừ

là ông vua tàn ác bạo ngược như người ta thường nói. Chỉ vì ngài làm vua về một thời-dại khó khăn, trong nước lắm việc, mà những người phò tá thì tuy có người thanh-liêm như ông Trương Đăng-Quế, ông Vũ Trọng-Bình, trung-liệt như ông Phan-thanh-Giản, ông Nguyễn-tri-Phương, ông Hoàng-Diệu v. v., nhưng mà các ông ấy đều là người cũ, không am hiểu cái thời thế mới. Và lại cái thế lực lúc bấy giờ kém hèn quá, dầu có muốn cải-lương duy-tân, cũng không kịp nữa, cho nên mọi việc đều hỏng cả.

2. Triều-đình. -- Từ đầu thập-cửu thế-kỷ trở đi, sự sinh-hoạt và học-thuật của thiên-hạ đã tiến-bộ nhiều mà sự cạnh-tranh của các nước cũng kịch-liệt hơn trước. Thế mà những người giữ cái trách-nhiệm chính trị nước mình, chỉ chăm việc văn-chương, khéo nghề nghiên bút, bàn đến quốc sự thì phi Nghiên, Thuấn, lại Hạ, Thương, Chu, việc mấy nghìn năm trước cứ đem làm gương cho thời hiện tại, rồi cứ ngheù ngheù tự xưng mình là hơn người, cho thiên-hạ là giả-man. Ấy là Triều-đình nước Nam ta lúc bấy giờ phần nhiều là những người như thế cả. Tuy có một vài người đã đi ra ngoài, trông thấy cảnh-tượng thiên-hạ, về nói lại, thì các cụ ở nhà cho là nói bậy, làm hủy hoại mất kỷ-cương! Thành ra người không biết thì cứ một niềm tự-đắc người biết thì phải làm cảm làm điếc, không thở ra với ai được, phải ngồi khoanh tay mà chịu.

Xem như mấy năm về sau, nhà vua thường có hỏi đến việc phú quốc cường binh, các quan bàn hết lẽ nọ lẽ kia, nào chiến, nào thủ, mà chẳng thấy làm được việc gì ra trò. Và thời bấy giờ, cũng đã có người hiểu thời thế, chịu đi du học và muốn thay đổi chính trị. Như năm bình dân (1866 là năm Tự đức thứ 19, có mấy người ở Nghệ-an là Nguyễn-đức-Hậu 阮德厚 Nguyễn-trường-Tô 阮長祚 Nguyễn-Điền 阮條 đi du học phương tây. Sau Nguyễn-trường-Tô

những quan đại-thần và những người được vào hầu cận, vua ta không cho ai trông thấy mặt, mà cũng không bao giờ có hình ảnh gì cả.

về làm một bài điều trần rất dài, kể hết cái tình thế nước mình, và cái cảnh-tượng các nước, rồi xin nhà vua phải mau mau cải lương mọi việc, không thì mất nước. Vua giao tờ điều-trần ấy cho các quan duyệt nghị. Đình-thần đều lấy làm sự nói càn, không ai chịu nghe.

Năm mậu-thìn (1868) là năm Tự-đức thứ 21, có người ở Ninh bình tên là Đinh-văn-Điền 丁文田 dâng tờ điều-trần nói nên đặt doanh điền, khai mỏ vàng, làm tàu hỏa, cho người các nước phương tây vào buôn bán, luyện tập sĩ tốt, đề phòng khi chiến thủ, thêm lương thực cho quan quân, bớt sưu dịch cho dân sự, thưởng cho những kẻ có công, nuôi nấng những người bị thương, tàn-giật, v. v. Đại để là những điều ích quốc lợi dân cả, thế mà đình-thần cho là không hợp thời thế, rồi bỏ không dùng.

Các quan đi sứ các nơi về tàu bày mọi sự, vua hỏi đến đình-thần thì mọi người đều bác đi, cái gì cũng cho là không hợp thời. Năm kỷ-mão (1879) là năm Tự-đức thứ 32, ông Nguyễn-Hiệp 阮協 đi sứ Tiêm-la về nói rằng khi người nước Anh-cát-lợi mới sang xin thông thương, thì nước Tiêm-la lập điều ước cho ngay, thành ra người Anh không có cơ gì mà sinh sự để lấy đất, rồi Tiêm-la lại cho nước Pháp, nước Phổ, nước Ý, nước Mỹ v. v. đặt lĩnh-sự để coi việc buôn bán. Như thế mọi người đều có quyền lợi, không ai hiếp chế được mình. Năm tân-tị (1881) là năm Tự-đức thứ 34, có ông Lê-Đĩnh 黎挺 đi sứ ở Hương-cảng về, tàu rằng : Các nước Thái-tây mà phú cường là chỉ cốt ở việc binh và việc buôn bán. Lấy binh lính mà bênh vực việc buôn bán, lấy việc buôn bán mà nuôi binh lính. Gần đây Nhật-bản theo các nước Thái-tây cho người đi buôn bán khắp cả mọi nơi. Nước Tàu cũng bắt chước cho người ngoại-quốc ra vào buôn bán. Nước ta, người khôn ngoan, lại có lắm sản vật, nên theo người ta mà làm, thì cũng có thể độc lập được.

Năm ấy lại có quan hàn-lâm-viện tu-soạn là Phan-Liêm 潘簾 làm sở mật tâu việc mở sự buôn bán, sự chung vốn lập hội, và xin cho người đi học nghề khai mỏ. Giao

cho đình thần xét, các quan đều bàn rằng việc buôn bán không tiện, còn việc khác thì xin để hỏi các tỉnh xem thế nào, rồi sẽ xét lại. Ấy cũng là một cách làm cho trôi chuyện, chứ không ai muốn thay đổi thói cũ chút gì cả. Nhân việc đó vua Dục-tôn khuyên rằng các quan xét việc thì nên cẩn thận và suy nghĩ cho chín, nhưng cũng nên làm thế nào cho tiến bộ, chứ không tiến, thì tức là thoái vậy.

Xem lời ấy thì không phải là vua không muốn thay đổi. Chỉ vì vua thì ở trong cung điện, việc đời không biết rõ, phải lấy các quan làm tai làm mắt, mà các quan thì lại số người biết thì ít, số người không biết thì nhiều. Những người có quyền lực thì lắm người trông không rõ nghe không thấy, chỉ một niềm giữ thói cũ cho tiện việc mình. Lại có lắm người tự nghĩ rằng mình đã quyền cả ngôi cao thì tất là tài giỏi hơn người, chứ không hiểu rằng cái tài giỏi không cần phải nhiều tuổi hay là ít tuổi, sự khôn ngoan không phải làm quan to hay là quan nhỏ. Cái phẩm giá con người ta, cốt ở tu-tướng, học-thức, chứ không phải ở tiền của hay là ở quyền lực.

Đến khi nước Pháp đã sang lấy đất Nam-kỳ, đã ra đánh Bắc-kỳ, tình thế nguy cấp đến nơi rồi, thế mà cứ khư khư giữ lấy thói cũ, hề ai nói đến sự gì hơi mới một tí thì bác đi. Như thế thì làm thế nào mà không hỏng việc được.

Đã hay rằng vua có trách-nhiệm vua, quan có trách-nhiệm quan, dầu thế nào vua Dục-tôn cũng không tránh khỏi cái lỗi với nước nhà, nhưng mà xét cho xác lý, thì cái lỗi của đình-thần lúc bấy giờ cũng không nhỏ vậy.

3 Việc ngoại giao - Việc chính trị đời vua Dục-tôn là nhất thiết không cho người ngoại quốc vào buôn bán. Như năm canh-tuất (1850) là năm Tự-dức thứ 3, có tàu Mỹ-lợi kiên vào cửa Đà-nẵng đem thư sang xin thông thương, nhà vua không liếp thư.

Từ năm ất-mão (1855) cho đến năm đinh-sửu (1877) tàu Anh-cát-lợi ra vào mấy lần ở cửa Đà-nẵng, cửa Thi nại (Bình-định) và ở Quảng-yên, để xin buôn bán, cũng không

được. Nước I-pha-nho và nước Pháp-lan-tây xin thông thương, cũng không được.

Về sau đất Gia-dinh đã mất rồi, việc ngoại giao một ngày một khó, nhà vua mới đặt Biab-chuân-ti 卑 卑 司 để coi việc buôn bán, và Thương học viện 商 船 院 để coi việc giao thiệp với người ngoại đưong. Tuy vậy nhưng cũng không thấy ai là người hiểu việc buôn bán và biết cách giao-thiệp cả.

4. Việc cấm đạo. — Việc cấm đạo thì từ năm mậu thân (1848) là năm Tự đức nguyên niên, vua Tự-đức mới lên ngôi, đã có dụ cấm đạo. Lần ấy trong dụ nói rằng những người ngoại quốc vào giảng đạo thì phải tội chết, những người đạo-trưởng ở trong nước mà không chịu bỏ đạo thì phải khắc chữ vào mặt, rồi phải đẩy đi ở chỗ nước độc. Còn những ngu đàn thì các quan phải ngăn cấm, đừng để cho đi theo đạo mà bỏ sự thờ cúng cha ông, chứ đừng có giết hại v. v. . .

Đến năm tân hợi (1851) là năm Tự-đức thứ 4, lại có dụ ra cấm đạo. Lần này cấm nghiêm hơn lần trước, và có mấy người giáo-sĩ ngoại quốc phải giết.

Sức đã không đủ giữ nước mà lại cứ làm điều tàn ác đã không cho người ngoại-quốc vào buôn bán, lại đem làm tội những người đi giảng đạo, bởi thế cho nên nước Pháp và nước I-pha-nho mới nhân cơ ấy mà đánh nước ta vậy.

5. Việc thuế má. — Thuế má trong nước đời bấy giờ thì đại khái cũng như đời vua Thánh tổ và Hiến tổ, duy chỉ từ khi nước Pháp và nước I-pha-nho vào đánh lấy mấy tỉnh Nam kỳ rồi lại phải bồi tiền binh phí mất 4 triệu nguyên, nhà nước mới tìm cách lấy tiền, bèn cho người khách tên là Hãn lợi Trinh 韓 利 貞 trưng thuế bán thuốc nha-phiến từ Quảng-binh ra đến Bắc kỳ. Sử chép rằng đồng niên nhà vua thu được có 302.200 quan tiền thuế nha-phiến.

Nhà vua lại định lệ cho quyền từ 1.000 quan trở lên thì được hàm cửu phẩm, lên đến 10.000 quan thì được hàm

lục phạm, nghĩa là lại phải dùng lối đời trước bản quan đề lấy tiền.

6. Việc học hành. — Vua Dục-tôn là một ông vua hay chữ nhất đời nhà Nguyễn, cho nên ngài trọng sự nho học lắm. Ngài chăm về việc khoa giáp, sửa sang việc thi cử, đặt ra nhã-sĩ-khoa 雅士科 và cát-sĩ-khoa 吉士科, để chọn lấy người văn học ra làm quan.

Ngài lại đặt ra tập-hiến viện 集賢院 và khai-kinh-diên 開經筵, để ngài ngự ra cùng với các quan bản sách vở, làm thơ phú hoặc nói việc chính-trị. Lại sai quan soạn bộ Khâm-định Việt-sử 欽定越史, từ đời thượng-cổ cho đến hết đời nhà Hậu-Lê.

7. Việc binh chế. — Đời vua Dục-tôn lắm giặc-dã, nhà vua cần đến việc võ, nên chi năm tân-dậu (1861) là năm Tỵ đức thứ 14 mới truyền cho các tỉnh chọn lấy những người khỏe mạnh để làm lính võ-sanh. Đến năm ất Sửu (1865) là năm Tỵ đức thứ 18 lại mở ra khoa thi võ-tiến sĩ.

Tuy rằng lúc bấy giờ nước mình có lính võ-sanh, có quan võ-tiến-sĩ, nhưng mà thời đại đã khác đi rồi, người ta đánh nhau bằng súng nạp-hậu, bằng đạn trái-phá, chứ không bằng gươm bằng giáo như trước nữa. Mà quân lính của mình mỗi đội có 50 người thì chỉ có 5 người cầm súng điều-thương cũ phải chằm ngồi mới bắn được, mà lại không luyện tập, cả năm chỉ có một lần tập bắn. Mỗi người lính chỉ được bắn có 6 phát đạn mà thôi; hễ ai bắn quá số ấy thì phải bồi thường.

Quân lính như thế, binh khí như thế, mà quan thì lại cho lính về phòng, mỗi đội chỉ đề độ chừng 20 tên tại ngũ mà thôi. Vậy nên đến khi có sự, không lấy gì mà chống giữ được.

8. Tình thế dân nước Nam. — Dân nước Nam lúc bấy giờ tuy nói rằng có 4 nghề : sĩ, nông, công, thương, nhưng mà nghề công và nghề thương thì thật là không ra gì. Người đi làm thợ làm thuyền, chẳng qua là những người hèn hạ đi làm thuê làm mướn, quanh năm ngày tháng, chỉ được đủ

ân mã thối. Mà những công nghệ trong nước thì chỉ có sự làm muối, làm mắm, đánh chài, đánh lưới, quáy tơ, dệt vải, xắt xít, hoặc là làm thợ mộc, thợ chằm, lật vật, chứ cũng không có công nghệ gì to lớn mà làm cho thật là giàu sang được.

Đến việc đi buôn bán thì người mình lại còn kém hèn lắm nữa. Người ta đi buôn nước này bán nước nọ, xuất cảng nhập cảng, kê hàng ức hàng triệu, mình thì cả đời không đi đến đâu, người nhà quê thì không ra khỏi làng, người thành thị thì ở đâu biết đấy, chỉ chăm nom ở chỗ cái cửa hàng con con, bán mấy cái đồ tạp hóa của người Khách đem bên Tàu sang. Thành ra bao nhiêu những cái lợi lớn, người ta ăn mất cả, mình chỉ đi góp nhặt những cái lật vật. Thỉnh thoảng có một vài người có độ giãm ba chiếc mảnh chớ hàng tỉnh nọ đi tỉnh kia, quanh quẩn trong nước, lưng vốn độ vài ba vạn quan tiền, thì đã cho vào hang cự phú.

Công nghệ như thế, buôn bán như thế, bảo nước mình phú cường làm sao được. Rút cục lại thì chỉ còn có nghề sĩ và nghề nông. Nghề sĩ là nghề những người đi học để thi đỗ làm quan, mong được nhờ ơn vua lộc nước, làm sang làm giàu, ấy là cái cực-điểm của mọi người trong nước. Nghĩa là ai đi học cũng chỉ cốt đi làm quan, chứ không phải là học lấy hay lấy giỏi, lấy biết sự nọ vật kia để làm một bậc người tôn trọng. Mà sự học đã hạ xuống bậc tầm thường như vậy thì cái nhân trí cũng không tiến-bộ được. Và lại học thì có những gì? Quanh đi quẩn lại, hết Tứ Thư 四書 thì đến Ngũ Kinh 五經 và mấy quyển sử nước Tàu. Mà thi cử bao giờ cũng chỉ có kinh-nghĩa, từ lục, thi, phú, văn-sách. Ấy là dùng cái hư văn mà xét tài thực dụng, đem sự hoa mỹ chơi bời làm mục thước cho cái tài kinh luân. Bởi vậy ai hay kinh nghĩa thì đã nghĩ mình hơn người, ai tài thi phú thì đã tưởng mình giỏi nghề trị nước. Việc đời thì lồi tăm mờ mịt mà lại tự phụ và kêu căng, cho thiên-hạ như rơm như rác, coi mình như thánh như thần.

Đại để cái nhân phẩm của bọn sĩ-phu trong nước ta lúc bấy giờ phần nhiều là như thế, cho nên vận nước suy đến nơi, mà hèn người vẫn không tỉnh cứ mê mê mẩn mẩn ở chỗ ảo mộng, chứ không biết mở con mắt ra mà nhìn sự thực ở đời. Bọn sĩ-phu là bọn có học thức trong nước, làm tai mắt cho mọi người mà còn như thế, thì dân gian bảo khôn ngoan làm sao được ?

Còn như số nhiều trong nước là số người làm ruộng. Dân nước Nam ta trừ những người thật là nghèo khổ, phải đi làm thuê làm mướn ra không kể, còn thì kể ít người nhiều, ai cũng có một vài sào ruộng, nghĩa là nghề làm ruộng là cái nghề gốc của người nước mình vậy. Nhưng vì khí-hậu nước ta không được điều hòa, nắng mưa thất thường, việc cấy cấy cũng phải lắm điều ngăn trở. Dân ở nhà quê thì chỉ ăn nhờ về ruộng nương, hễ năm nào mưa hòa gió thuận, mùa màng tốt, thì năm ấy được no ấm, mà hễ năm nào mưa lụt hay là hạn hán, mùa màng mất cả, thì khô sở vất vả, chết đói chết rét.

Vả lại trong nước công nghệ không có, buôn bán thì không ra gì, trừ việc đi cấy đi cấy ra, thì người nghèo đói không có nghề nghiệp gì mà làm ăn nữa, cho nên lúc bấy giờ tuy hơn cơm rẻ gạo, một tiền được hơn 4 bát gạo, mà vẫn có người chết đói, vì rằng giá gạo tuy rẻ nhưng kiếm được đồng tiền thật là khó. Người đi làm thuê có tài có khéo thì mới được một ngày một tiền, chứ không thì chỉ được 18 hay là 30 đồng mà thôi. Sự làm-ăn ở nhà quê đã vất vả, mà lại phải nhiều điều áp chế : ai có đồng tiền ở trong nhà thì phải lo sợ đủ mọi đường : nào sợ kẻ gian phi trộm cắp, nào sợ giặc đêm giặc ngày cướp phá, cho nên cứ phải chôn phải giấu cho kín.

Cách ăn mặc thì chỉ đồ vải đồ nan, người nghèo khổ chỉ có manh áo cánh, và thường thì đóng cái khố, có đi đâu thì mới mặc cái quần vải dài đến trên đầu gối. Ai sung túc thì mới có vài cái áo vải nâu đen và vài cái quần hoặc nhuộm nâu hoặc để trắng, chứ phép nhà vua cấm không cho những người thường dân được mặc áo nhiễu, áo vóc

và đi giầy; và lại cấm không cho làm nhà to lớn rộng rãi. Những nhà làm lối chữ công 工, hay là chữ môn 門 và nhà có gác đều cho là lộng hành. Nghĩa là luật nước cấm không cho dân được trưng hoang xa xỉ, và chỉ để cho những người làm quan có cái đặc-quyền được ăn mặc hơn người mà thôi. Nhưng cũng vì thế mà làm mất cả công nghệ và buôn bán đi, thành ra dân vẫn khổ và nước vẫn nghèo. Mà cũng vì thế cho nên người trong nước ai cũng chỉ mong đi làm quan, để cho hiển đạt cái thân mình và cho rõ-ràng cha mẹ, chứ không ai lo nghĩ làm việc gì khác nữa. Hễ ai đi học hành mà thi không đỗ, làm quan không được, thì bực chí quay ra làm giặc để tìm sự hiển vinh. Bởi vậy cho nên trong nước thường hay có giặc dã, nhà vua cứ phải đánh dẹp luôn, mà dân sự thì thật là khổ sở.

Người nước mình thì chỉ lấy làng làm cốt. Mà mỗi một làng là một nước riêng ở trong nước. Làng nào cũng có phong-tục và luật-lệ riêng, không làng nào giống làng nào. Cách cai-trị trong làng thì có kì dịch để trông nom mọi việc, có lý-trưởng và phó-lý để trực-tiếp với quan; có tuần-định để phòng giữ những đứơc gian-phi. Lắm khi dân làng nọ sang làng kia không được, tự hồ người hai nước đối địch với nhau vậy. Mà có việc gì thì quan trách cứ làng, cho nên đi đâu hay là làm việc gì cũng phải giữ lấy làng làm gốc. Có người đi ra khỏi làng như là đi ra ngoài quốc vậy, cho nên cả đời chỉ biết việc ở trong làng mà thôi, chứ không biết việc nước và việc thiên-hạ là gì nữa. Dân thì ngu dại và khổ sở, lòng ái-quốc không ra đến ngoài cái bờ tre chung quanh làng mình, những sĩ-phu thì chỉ trói buộc ở chỗ câu thơ bài phú, việc đời thì mịt mờ cả. Đến khi trong nước có biến, nhà vua không biết trông cậy vào đâu, người trong nước không hiểu ra thế nào, rồi lại phân ra bè nọ đảng kia giết hại lẫn nhau. Ấy cũng là bởi cái chính-trị của mình có nhiều điều sai lầm, cái phong-tục của mình có nhiều điều hủ bại, cho nên sự nguy biến mới xảy ra vậy.

CHƯƠNG VI

NƯỚC PHÁP LẤY ĐẤT NAM-KỲ

1. Quân Pháp đánh Đà-nẵng. - 2. Quân Pháp hạ thành Gia-dinh. -
3. Mất tỉnh Bình-tướng. - 4. Mất tỉnh Biên-hóa và tỉnh Vĩnh-tong.
- 5. Hòa-tước năm nhâm-tuất (1862) - 6. Sự Việt-nam ta sang Tây. - 7. Việc bảo-hộ Cao-mên. - 8. Nước Pháp lấy ba tỉnh phía tây đất Nam-kỳ.

1. Quân Pháp đánh Đà-nẵng — Trong thời đại khó khăn như đời vua Dục-tôn, mà vua quan cứ khư khư giữ lấy thói cũ, không biết theo thời mà mở nước cho người ta vào buôn bán, không biết nhân dịp mà khai hóa dân trí, lại vì sự sùng-tín mà đem giết hại người trong nước, và đem làm tội những người đi giảng đạo. Bởi những sự lầm lỗi ấy, cho nên nước Pháp mới dùng binh lực, để báo thù cho những người giáo-sĩ bị hại.

Nguyên từ năm tân-hợi (1851) là năm Tự đức thứ 4 về sau, nghĩa là từ khi có tờ dụ cấm đạo lần thứ hai, ở Bắc-kỳ có mấy người giáo-sĩ là ông Bonnard, ông Charbonnier, ông Matheron và một ông giám-mục I pha-nho tên là Diaz bị giết. Còn những giáo-sĩ khác thì phải đào hầm đào hố mà ở, hoặc phải trốn tránh ở trong rừng trong núi để giảng đạo. Những tin ấy về đến bên Tây, các báo-quán ngay ngày kể những thảm trạng của các người giáo-sĩ đi truyền đạo ở nước ta, lòng người nào động cả lên.

Chính-phủ nước Pháp bên sai ông Leheur de Ville-sur-Are, đem chiếc chiến thuyền « Calinat » vào cửa Đà-nẵng, rồi cho người đem thư lên trách Triều đình Việt-nam về việc giết đạo. Sau thấy quan ta lối thói không trả lời, quân nước Pháp ben hầu phá các đồn lũy ở Đà-nẵng, rồi bỏ đi. Bấy giờ là tháng 8 năm binh-thìn (1856) là năm Tự-dec thứ 9.

Được 3 tháng sau thì sứ-thần nước Pháp là ông Montigny ở nước Tiêm-la sang, đề điều-định mọi việc. Chiếc tàu của ông Montigny đi vào đóng ở cửa Đà-nẵng, rồi cho người đưa thư lên nói xin cho người nước Pháp được tự-do vào thông thương, đặt linh-sự ở Huế, mở cửa hàng buôn bán ở Đà-nẵng, và cho giáo-sĩ được tự-do đi giảng đạo. Trong bấy nhiêu điều, Triều-đình nước ta không chịu điều nào cả.

Bấy giờ bên nước Pháp đã lập lại đế-biểu, cháu ông Nã-phá-luân đệ-nhất là Nã-phá-Luân đệ-tam lên làm vua. Triều chính lúc bấy giờ thì thuận đạo, lại có bà Hoàng hậu Eugénie cũng sùng tín. Và chẳng khi chiếc tàu « Catinat » vào cửa Đà-nẵng, có ông giám-mục Pellerin trốn được xuống tàu, rồi về bệ kiến Pháp-hoàng, kể rõ tình cảnh các người sang giảng đạo ở Việt-nam.

Ông P. Cultru chép ở trong sách Nam-kỳ sử-ký (Histoire de la Cochinchine) rằng: Lúc bấy giờ có nhiều người quyền thế như ông chủ-giáo thành Rouen là Mgr de Bonchose và có lẽ cả bà Hoàng-hậu cũng có nói giúp cho ông giám-mục Pellerin. Bởi vậy Pháp-hoàng mới quyết ý sai quan đem binh thuyền sang đánh nước ta. Lại nhân vì những giáo-sĩ nước I-pha-nho cũng bị giết, cho nên chính-phủ hai nước mới cùng nhau để trừ-tình việc sang đánh nước Việt-nam. Ấy cũng tại vua quan mình làm điều trái đạo, giết hại những người vô tội, cho nên mới có tai biến như vậy.

Tháng 7 năm mậu-ngọ (1858) là năm Tự-đức thứ 11, quan hải-quân Trung-tướng nước Pháp là Rigault de Genouilly đem tàu Pháp và tàu I-pha-nho cả thảy 14 chiếc, chở hơn 3.000 quân của hai nước vào cửa Đà-nẵng, bắn phá các đồn lũy, rồi lên hạ thành An-hải 安海 và thành Tôn-hải 尊海

Triều-đình được tin ấy liền sai ông Đào-Trí 陶致 ra cùng với quan lỏng-đốc Nam-Nghĩa là Trần-Hoàng 陳弘 hiệu ngự. Ông Đào-Trí ra đến nơi thì hai cái hải-thạch đã

mất rồi. Triều-đình lại sai quan hữu quân Lê-đình-Lý 黎廷理 làm tổng-thống đem 2.000 cấm binh vào an ngự.

Ông Lê-đình-Lý vào đánh với quân Pháp một trận ở xã Cẩm lệ 錦荔 bị đạn, về được mấy hôm thì mất.

Vua Dục tôn lại sai quan kinh lược-sứ là ông Nguyễn-tri-Phương 阮知方 vào làm tổng-thống. Ông Chu-phúc-Minh 朱福明 làm đề-đốc cùng với ông Đào-Tri chống giữ với quân Pháp và quân I pha-nho.

Ông Nguyễn-tri-Phương lập đồn Liên-tri 蓮池屯 và đắp lũy dài từ Hải-châu cho đến Phúc-ninh, rồi chia quân ra phòng giữ. Cứ như sách Nam-kỳ-sử của ông Cultru thì ý quan trung-tướng Rigault de Genouilly định lấy Đà-nẵng



Hải-quân trung tướng Rigault de Genouilly.

song rồi, lên đánh Huế nhưng mà đến lúc bấy giờ thấy quan quân phòng giữ cũng rất, và lại có người đem tin cho trung tướng biết rằng có hơn 10.000 quân ở Huế sắp kéo xuống. Trung-tướng không biết rõ tình thế ra làm sao, mà dường sợ lại không thuộc, cho nên cũng không dám tiến quân lên.

Nhân vì khi trước các giáo-sĩ đều nói rằng hễ quân Pháp sang đánh, thì dân bên đạo khác nổi lên đánh giúp, đến nay không thấy tin tức gì, mà quân lính của trung-tướng thì tiến lên không được, ở Đà-nẵng thì chỗ ăn chỗ ở không có, lại phải bệnh dịch tả chết hại mất nhiều người. Bởi vậy trung-tướng lấy làm phiền lăm. Bấy giờ có ông giám-mục Pellerin cũng đi theo sang ở dưới tàu Ménésis trung-tướng cứ trách ông giám-mục đánh lừa mình. Giám-mục cũng tức giận bỏ về ở nhà tu dạy đạo tại thành Pénang gần đất Âu-dộ.

Được mấy tháng, trung-tướng liệu thể đánh Huế chưa được, bèn định kế vào đánh Gia-định là một nơi dễ lấy, và lại là một xứ trù phú của nước Nam ta.

2. Quân Pháp vào đánh Gia-định. — Trước đã có người bàn với trung-tướng Rigault de Genouilly ra đánh Bắc-kỳ, nói rằng ở Bắc-kỳ có hơn 40 vạn người đi đạo, và lại có đảng theo nhà Lê, có thể giúp cho quân Pháp được thành công. Trung-tướng cho đi do thám, biết rằng đất Nam kỳ dễ lấy hơn, và lại là đất giàu có, nhiều thóc gạo. Đến tháng giêng năm kỷ-mùi (1859) là năm Tư-dực thứ 12, trung tướng giao quyền lại cho quan đại tá Loyon ở lại giữ các đồn tại Đà nẵng, rồi còn bao nhiêu binh thuyền đem vào Nam-kỳ. Quân Pháp vào cửa Cần giờ, bắn phá các pháo đài ở hai bên bờ sông Đông-nai, rồi tiến lên đánh thành Gia-định.

Ở Gia-định thì bấy giờ tuy có nhiều binh-khí, nhưng quân lính không luyện tập, việc võ bị bỏ trễ-nải, cho nên khi quân Pháp ở cửa Cần giờ tiến lên, quan hộ-đốc là ông Vũ duy Ninh 武維寧 vội vàng tu đi các tỉnh lấy binh về cứu viện, nhưng chỉ trong hai ngày thì thành vỡ. Ông Vũ duy-Ninh tự tận. Quân nước Pháp và nước I-pha nhô vào thành, lấy được 200 khẩu súng đại-buc 8 vạn rưỡi kilos thuốc súng và dọ chung 18 vạn phit lãng (francs) cả

tiền lân bạc, còn các binh khí và thóc gạo thì không biết bao nhiêu mà kể.

Trung tướng Rigault de Genouilly lấy được thành Gia-định rồi, đốt cả thóc gạo và đàn phỉ thành tri làm bình địa, chỉ để một cái đồn ở phía nam, sai quan thủy-quân trung-tá Jauréguiberry đem một đạo quân ở lại chống giữ với quân của ông Tôn-thất Hợp 尊室合 đóng ở đất Biên-hòa.

Trung-tướng lại đem quân trở ra Đà-nẵng, rồi tiến lên đánh một trận ở đồn Phúc-ninh 福寧. Quân ông Nguyễn-tri-Phương thua phải lui về giữ đồn Nại-hiền 耐軒 và đồn Liên-tri 蓮池.

Trung-tướng muốn nhân dịp đó mà định việc giảng-hòa, nhưng mà Triều đình cứ để lời thối mãi, người thì bàn hòa, kẻ thì bàn đánh, thành ra không xong việc gì cả¹. Mà quân Pháp lúc bấy giờ ở Đà-nẵng khổ sở lắm, nhiều người có bệnh tật; trung-tướng Rigault de Genouilly cũng đau, phải xin về nghỉ.

Chính-phủ Pháp sai hải-quân thiếu-tướng Page Ba du sang thay cho trung-tướng Rigault de Genouilly và nhân thể để chủ việc giảng-hòa cho xong. Đến tháng 10 năm kỷ-mùi (1859) thì thiếu-tướng sang đến nơi, và cho người đưa thư bàn việc hòa, chỉ cốt xin đừng cấm đạo, để cho các giáo-sĩ được tự do đi giảng đạo, đặt lính sự coi việc buôn bán ở các cửa bể và đặt sứ thần ở Huế. Đại để thì cũng như những điều của ông Montigny đã bàn năm trước. Nhưng chẳng may lúc bấy giờ ở trong Triều không ai hiểu thời thế mà chủ chương việc ấy, hóa ra làm mất cái dịp hay cho cả hai nước.

(1) Chỗ này sách tây có quyền chép rằng khi hai bên đang bàn việc hòa, thì vua Tự-đức sai ông Nguyễn-tri-Phương đánh quân Pháp ở Gia-định. Và xem sử ta lúc bấy giờ thì ông Nguyễn-tri-Phương đang ở Quảng-nam mới đến tháng 5 năm canh-thân (1860) ông ấy mới vào Nam kỳ. Vậy việc đánh ở Gia-định là ông Tôn-thất-Hợp, chứ không phải là ông Nguyễn-tri-Phương.

Thiếu tướng thấy cuộc hòa không xong nên liền binh lên đánh, trận ấy bên quân hạp chết mất một viên lục quân trung-tá là Dupré-Déroulède.

Khi quân Pháp và quân I-pha-nho sang đánh, nước ta ở Đà-nẵng và ở Gia-định, thì quân nước Anh và quân nước Pháp đang đánh nước Tàu ở mạn Hoàng-hải 黃海. Đến bấy giờ quân Pháp cần phải tiếp sang bên Tàu, chính phủ nước Pháp mới truyền cho thiếu-tướng Page phải rút quân ở Đà-nẵng về, và chỉ để quân giữ lấy Gia-định, còn bao nhiêu binh thuyền phải đem sang theo hải-quân trung-tướng Charner đi đánh Tàu. Bởi vậy đến tháng ba năm canh-thân (1860), quân Pháp đổi cả dinh trại ở Trà-sơn rồi xuống tàu. Về đến Gia-định, thiếu-tướng Page để hải-quân đại-tá d'Ariès ở lại giữ Gia-định, còn bao nhiêu binh thuyền đem lên phía bắc hội với binh thuyền của nước Anh để đánh nước Tàu.

Triều đình ở Huế thấy quân Pháp bỏ Đà-nẵng đi bên sai ông Nguyễn trí Phương 阮知方, ông Phạm thế Hiển 范世顯 vào Nam kỳ, để cùng với ông Tôn-thất Hợp 尊室合 sung Gia-định quân-thứ.

Đến tháng 7 năm canh-thân (1860) bọn ông Nguyễn Trí-Phương khởi hành. Lúc gần đi, ông ấy có tàu bày mấy lễ về việc giữ nước, và nói rằng việc đánh nhau với nước Pháp bây giờ khó gấp năm gấp bảy lúc trước, nhưng ông ấy xin cố hết sức để đền ơn nước, còn ở mặt Quảng-nam mà có việc gì, thì ông Phan Thanh-Giản 潘清簡 và ông Nguyễn Bá-Nghí 阮伯儀 có thể càng đang được.

Quân Pháp và quân I-pha-nho ở Sài-gòn lúc bấy giờ chỉ có độ 1.000 người, mà quân của Việt-nam ta thì có đến hơn một vạn người. Nhưng mà quân ta đã không luyện tập, lại không có súng ống như quân Tây. Mình chỉ có mấy khẩu súng cổ, bắn bằng đá lửa, đi xa độ 250 hay là 300 thước tay là cùng; còn súng đại-bác thì toàn là súng nạp-tiền mà bắn mười phát không đau một. Lấy những quân lính ấy, những khí giới ấy, mà đối địch với quân đã tập theo lối mới, hẳn

bằng súng nạp hậu, và bằng đạn trái-phá, thì đánh làm sao được! Bởi vậy cho nên xem trận đồ của Việt-nam ta từ đầu cho đến cuối, chỉ có cách đào hầm đào hố để làm thế thủ, chứ không bao giờ có thế công, mà người Tây thì lợi cả công lẫn thủ. Tuy vậy, ông Nguyễn Tri-Phương cùng với quan tham-tán đại-thần Phạm Thế-Hiến vào xếp đặt ở Gia-dinh một cách rất có thứ tự, đắp dãy đồn Kỳ-hòa (người Pháp gọi là dãy đồn Chi-hòa) cũng hợp qui thức, để chống nhau với quân của quan đại-tá d'Ariès. Hai bên đã từng đánh nhau hai ba trận, đều bị thiệt hại cả.

Đến tháng 9 năm canh-thân (1860), thì nhà Thanh bên Tàu ký tờ hòa-trước với nước Anh và nước Pháp, hai bên bãi sự chiến tranh. Chính-phủ nước Pháp sai hải-quân trung-tướng Charner đem binh thuyền về chủ trương việc lấy Nam-kỳ:

Tháng giêng năm tân-dậu (1861), trung-tướng Charner đem cả thủy 70 chiếc tàu và 3.500 quân bộ về đến Gia-dinh 1. Được 20 ngày thì trung-tướng truyền lệnh tiến quân lên đánh lấy đồn Kỳ-hòa. Hai bên đánh nhau rất dữ trong hai ngày. Quân Pháp chết hơn 300 người, nhưng mà sông Tây bắn hăng quá, quân ta địch không nổi, phải thua bỏ đồn chạy về Biên-hòa.

Trận ấy bên Tây thì có quan lục-quân thiếu-tướng Vassoigne, quan đại-tá I-pha-nho Palanca và mấy người nữa bị thương; mà bên ta thì ông Nguyễn Tri-Phương 阮知方 bị thương, em ngài là ông Nguyễn-Duy 阮惟 từ trận, quan tham-tán là Phạm Thế-Hiến 范世顯 về đến Biên-hòa, được mấy hôm cũng mất, còn quân sĩ thì chết hại rất nhiều.

(1) Sử ta chép rằng quân Pháp lúc bấy giờ có hơn 1 vạn người, mà các sách chép việc lấy Nam-kỳ thì chỉ nói có 3.500 người mà thôi, và trong số ấy lại có mấy đội lính mộ An nam nữa. Thiết tưởng số 3.500 có lẽ thật hơn.

3. Mất tỉnh Định-tường. — Pháp được đại đồn Kỳ-hòa rồi, trung-tướng Charner truyền cho quân thủy bộ tiến lên đuổi đánh, quan quân vỡ tan cả. Tàu thủy của Pháp lên lấy Thủ-dầu-một và Tây-ninh. Trung-tướng lại sai người đưa thư sang cho vua Cao-mên là Norodom (Nặc-ông-Lân), đại lược nói rằng: chủ-ý nước Pháp định lấy đất Gia-định làm thuộc-địa, và nay mai sẽ đánh lấy My-tho (Định-tường), để cho tiện đường giao-thông với nước Cao-mên.

Bấy giờ bại quân của ông Nguyễn Tri-Phương rút về đóng ở Biên-hòa, còn đang rối loạn, chưa dám làm gì, quân Pháp bèn quay về phía tây đánh tỉnh Định-tường. Trước trung-tướng đã cho tàn đi dò các ngọn sông xem đi đường nào tiện, đến cuối tháng 2 năm tân-dậu (1861), một mặt trung-tướng sai trung-tá Bourdais đem tàu đi đường sông, tiến lên đánh các đồn, một mặt thì sai thiếu-tướng Page đi đường bẻ, theo cửa sông Mékong vào, hai mặt cùng tiến lên đánh lấy thành My-tho. Quan hộ-dốc là Nguyễn Công-Nhân 阮公開 phải bỏ thành chạy.

Tự khi hạ xong thành My-tho rồi, trung-tướng đặt đồn lũy ở các nơi hiểm yếu, và có ý hoãn việc binh để sửa sang việc cai-trị trong địa-hạt đã lấy được, chớ nên cũng không đánh các tỉnh khác.

Triều-đình ở Huế được tin quan quân thất thủ đại đồn Kỳ-hòa và thành My-tho cũng thất thủ rồi, sai quan Thượng-thư Hộ-bộ là Nguyễn Bá-Nghi 阮伯儀 làm Khâm-sai đại-thần vào kinh-lý việc Nam-kỳ. Nguyễn Bá-Nghi biết thế không chống nổi với quân Pháp, dâng sớ về xin giảng hòa. Nhưng ở trong Triều lúc bấy giờ có bọn ông Trương Đăng-Quế 張登桂 không chịu, bắt phải tìm kế chống giữ.

Có nhà chép sử trách ông Nguyễn Bá-Nghi rằng tuy ông ấy muốn giảng hòa, nhưng không chịu nhượng đất, cứ lấy lý mà cãi, chớ không biết rằng thời buổi cạnh tranh này, hễ cái sức đã không đủ, thì không có cái lý gì là phải cả.

Vả chẳng quân nước Pháp đã sang đánh lấy mấy tỉnh ở Nam-kỳ, là cốt để làm thuộc-địa, lẽ nào tự-nhiên lại đem trả lại. Bởi vậy sự giảng-hòa cứ lồi-thời mãi không xong. Mà ở trong địa-hạt tỉnh Gia-định và tỉnh Định-tường lúc ấy lại có mấy người như tri-huyện Toại 遼, phó-quản-co Trương-Định 張定, thiên-hộ Dương 楊 rủ những người nghĩa-dũng nổi lên đánh phá quân Pháp. Quân Pháp cứ phải đánh dẹp mãi, dân tỉnh cũng bị làm điều cực khổ.

Đến tháng 10 năm tân-dậu (1861), chính-phủ Pháp sai quan hải-quân thiếu-tướng Bonard sang thay cho trung-tướng Charner về nghị.

4. Mất tỉnh Biên-hòa và tỉnh Vĩnh-long — Thiếu-tướng Bonard thấy quan quân ta cứ chống giữ mãi, bèn quyết ý đánh lấy tỉnh Biên-hòa và tỉnh Vĩnh-long. Đến tháng 11 năm ấy, thì quân Pháp chia làm 3 đạo, cùng tiến lên đánh lấy thành Biên-hòa, rồi lại tiến lên mặt đông-nam đánh lấy đồn Ba-ri-a. Qua tháng 3 năm sau là năm nhâm-tuất (1862), thiếu-tướng Bonard lại đem 11 chiếc tàu và hơn 1.000 quân đi đánh Vĩnh-long. Tỉnh thần ở đây chống giữ được 2 ngày thì thành phá. Tổng-đốc Trương Văn-Uiển 張文璣 giải đem quân lui về phía tây sông Mékông.

5. Hòa-ước năm nhâm-tuất (1862). — Lúc bấy giờ ở ngoài Bắc-kỳ có tên Phụng 奉, tên Trường 長, đánh phá ở mặt Quảng-yên và Hải-dương ngật lắm, lại có tên Nguyễn Văn-Thịnh 阮文盛, tức gọi là cai-tổng Vàng, quấy nhiễu ở Bắc-ninh, mà trong Nam-kỳ thì lại mất thêm hai tỉnh nữa. Triều-đình lấy làm lo sợ lắm, bèn sai ông Phan Thanh-Giản 潘清簡 và ông Lâm Duy-Hiệp 林維浹 vào Gia-định giảng-hòa.

Đến tháng 4 thì sứ-thần nước ta theo chiếc tàu Forbin (1) vào Sài-gòn. Đến hôm 9 tháng 5 thì thiếu-tướng Bonard và

(1) Nguyễn trước thiếu-tướng Bonard có sai trung-tá Simon đem chiếc tàu Forbin vào cửa Thuận-an để đợi xem Triều-đình ở Huế có xin hòa không. Nay chiếc tàu ấy đem thuyền của sứ-thần Việt-nam ta về Cầu-định.

sứ-thần nước Nam ta là ông Phan Thanh-Giản và ông Lâm Duy-Hiệp ký tờ hòa-ước.

Tờ hòa-ước ấy có 12 khoản, nhưng cốt có những khoản sau này là quan-trọng hơn cả:

1. Nước Nam phải để cho giáo sĩ nước Pháp và nước I-pha-nho được tự-do vào giảng đạo, và để dân-gian được tự-do theo đạo.

2. Nước Nam phải nhường đất cho nước Pháp, tỉnh Biên-hóa, tỉnh Gia-định và tỉnh Định-tường, và phải để cho chiến-thuyền của Pháp được ra vào tự-do ở sông Mékong.

3. Nước Nam không được đem binh-khi, thuốc đạn đi qua những tỉnh đã nhường cho nước Pháp.

4. Hễ nước Nam có giao-thiệp với nước nào khác, thì phải cho chính-phủ Pháp biết, và khi nào muốn nhường đất cho nước nào, thì phải tùy ý nước Pháp có thuận cho mới được.

5. Người nước Pháp và nước I-pha-nho được ra vào buôn bán tự-do ở cửa Đà-nẵng, cửa Ba-lạt và cửa bể ở Quảng-yên.

6. Nước Nam phải trả tiền binh-phí 4.000.000 nguyên, chia làm 10 năm, mỗi năm trả 40 vạn nguyên.

7. Nước Pháp trả tỉnh Vĩnh-long lại cho nước Nam, nhưng quân Pháp cứ đóng ở tỉnh-lỵ cho đến khi dẹp yên giặc giã ở tỉnh Gia-định và tỉnh Định-tường thì mới rút về.

Sự giảng hòa xong rồi, thì Triều-đình sai ông Phan Thanh-Giản làm tổng-đốc Vĩnh-long, ông Lâm Duy-Hiệp làm tuần-phủ Khánh-Thuận, để giao-thiệp với quân nước Pháp ở Gia-định.

Bấy giờ nước I-pha-nho cũng nhường quyền lấy đất làm thuộc-địa cho nước Pháp, chỉ nhận tiền binh-phí và quyền được cho giáo-sĩ đi giảng đạo mà thôi.

Tháng 2 năm qui-hợi (1863) là năm Tự-đức thứ 16, thiếu-tướng Bonard và đại-lá nước I-pha-nha là Palanca vào Huế triều yết vua Dục-tôn, đề công nhận sự giảng hòa của ba nước. Đoạn rồi thiếu-tướng Bonard về Pháp nghỉ. Hải-quan thiếu-tướng de la Grandière sang thay.

6. Sứ Việt-nam ta sang Tây. — Vua Dực-tôn tuy thế bất-đắc-dĩ phải chịu nhường đất ba tỉnh Nam-kỳ cho nước Pháp, nhưng trong bụng vẫn muốn cố hết sức để chuộc lại, vì là đất Gia-định là đất khai nghiệp của nhà Nguyễn và lại là đất quê ngoại của ngài, nên chi hòa-ước đã ký rồi, mà ngài vẫn sai quan thương nghị với quan nước Pháp về việc ấy. Mà chủ-ý người nước Pháp lúc bấy giờ thì không những là chỉ giữ lấy ba tỉnh mà thôi, lại còn định mở rộng thêm ra nữa. Vậy lẽ nào lại đem trả lại cho mình?

Vua Dực-tôn thấy việc ở bên này bàn không xong, bèn sai quan hiệp-biện đại-học-sĩ Phan Thanh-Giản 潘清簡, quan tả-tham-trì lại-bộ Phạm Phú-Thứ 范富庶 và quan án-sát sứ tỉnh-Quảng-nam là Ngụy Khắc-Đản 魏克儼 đem phẩm vật sang sứ nước Pháp và nước I-pha-nho. Còn việc giao-thiệp ở trong Nam-kỳ thì giao lại cho quan tổng-đốc tỉnh Vĩnh-long là Trương Văn-Điền 張文璣.

Tháng 6, các sứ-thần xuống tàu « Echo » vào Gia-định, rồi sang tàu « Européen » cùng với quan nước Pháp và quan nước I-pha-nho sang Tây. Đến tháng 8 thì tàu « Européen » về tới nước Pháp, sứ-thần nước ta lên Paris, xin vào triều-yết Pháp-hoàng Nã-phá-luân đệ tâu. Nhưng bấy giờ Pháp-hoàng sắp đi ngự mát, sứ-thần ta phải ở lại chờ đến hơn một tháng mới được vào yết-kiến. Ông Phan Thanh-Giản tâu bày mọi lẽ về việc xin chuộc ba tỉnh Nam-kỳ. Pháp-hoàng ban rằng việc đó để đình nghị xem thế nào rồi sau trả lời cho triều-đình Huế.

Mấy hôm sau, bọn ông Phan Thanh-Giản đi sang I-pha-nho, rồi đến cuối năm thì các sứ-thần xuống tàu « Japon » trở về.

7. Việc bảo-hộ Cao-mên. — Trong khi sứ nước ta sang Tây lo việc chuộc lại mấy tỉnh ở Nam-kỳ, thì ở bên này thiếu-tướng de la Grandière một mặt cứ đánh dẹp mọi nơi, xếp đặt cách cai-tạ, định thuế lệ và mở trường dạy chữ

Pháp và chữ quốc-ngữ⁽¹⁾; một mặt sai quan đi kinh doanh việc bảo-hộ nước Cao-mên (Chân-lạp).

Nguyên từ năm kỷ-mùi (1859), vua nước Cao-mên là An-đương (tức là Nặc Ông-Đôn) mất rồi, người con trưởng tên là Norodom (Ông-Lân) lên nối ngôi. Đến năm tân-dậu (1861), thì người em Norodom là Si-Vattha nổi lên tranh ngôi của anh. Norodom phải chạy sang Tiêm-la. Sang năm nhâm-tuất (1862), vua Tiêm-la sai quân đem Norodom về nước, rồi đặt quan ở Ó-đông để bảo-hộ Cao-mên,

Lúc bấy giờ ở Cao-mên có ông giám-mục tên là Miche khuyên vua Norodom về với nước Pháp, thì Tiêm-la không dám bắt-nạt. Bên này thiếu-tướng de la Grandière cũng sai quan đại-ủy Doudart de Lagrée sang kinh doanh việc bảo-hộ Cao-mên. Ông Doudart de Lagrée sang Cao-mên trong một năm trời thu xếp mọi việc, đến năm giáp-ti (1864), thì nước Tiêm-la phải rút quân về, nhường quyền bảo-hộ cho nước Pháp.

8. Nước Pháp lấy ba tỉnh phía tây đất Nam kỳ -- Ở bên Pháp lúc bấy giờ thì chính-phủ cũng còn phân vân, chưa quyết hẳn lấy hay là trả đất Nam-kỳ, mà Pháp-hoàng thì thấy đường-sá xa xôi cũng ngại, bèn sai quan hải-quân trung-tá Aubaret (Ha-ba-lý) sang điều đình với triều-đình ở Huế về việc cho chuộc ba tỉnh Nam-kỳ.

(1) Nguyên người nước ta tự xưa tuy có tiếng nói riêng mà không có chữ viết. Học-hành, văn-chương, án-lưu, việc gì cũng làm bằng Hán-tự cả. Từ đời nhà Trần về sau đã có người dùng Hán-tự mà đặt ra chữ nôm để viết tiếng quốc-ngữ. Nhưng mà những nhà văn-học không hay dùng đến chữ nôm. Đến cuối đời nhà Lê có các giáo sĩ Bồ-đào-nha sang giảng đạo ở nước ta, thấy Hán-tự khó học và không mấy người hiểu, mới mượn chữ La-tinh mà đặt ra chữ quốc-ngữ, để cho tiện sự giảng dạy. Ngày nay ta cũng nhờ có chữ quốc-ngữ ấy mà làm thành ra nước ta có một lối chữ riêng rất tiện.

Vua Dục-tôn lại sai quan Lại-bộ thượng-thư là ông Phan Thanh-Giản, ra sung chức toàn-quyền cùng với Trần Tiễn-Thành 陳踐誠 và Phan Huy-Vĩnh 潘輝泳 để thương-nghị với sứ-thần nước Pháp.

Ông Aubaret đưa bản thảo tờ hòa-vớc, đại-lược nói rằng: Nước Pháp trả lại ba tỉnh: Gia-đinh, Biên-hòa và Định-tường cho nước Nam, chỉ giữ Saigon, My-tho và Thủ-đầu-một để đóng quân. Nhưng nước Nam phải để nước Pháp được quyền bảo-hộ cả sáu tỉnh Nam-kỳ. Nước Nam lại phải chịu mỗi năm là 2 000.000 nguyên tiền thuế.

Sứ-hai nước cứ bàn đi bàn lại mãi không xong, mà ở bên Pháp thì có nhiều người không muốn trả lại đất Nam-kỳ. Cuối năm giáp-ti (1864), quan thượng-thư Hải-quân-bộ là hầu-tước de Chasseloup-Laubat dâng sớ tâu với Pháp hoàng nhất định xin không cho nước Nam chuộc ba tỉnh. Pháp hoàng nghe lời ấy bên xuống chỉ truyền cử chiếu tờ hòa-vớc năm nhâm-tuất (1862) mà thi hành.

Năm ất-sửu (1865), quan thượng-thư de Chasseloup-Laubat muốn biết rõ tình thế bên Việt-nam này bên gọi thiếu-tướng de la Grandière về hội nghị và sai hải-quân thiếu-tướng Roze sang thay. Thiếu-tướng de la Grandière về Pháp cả đi lẫn về mất 7 tháng, lại trở sang kinh-lý việc Nam-kỳ.

Lúc bấy giờ việc cai-trị ở ba tỉnh của Pháp đã thành nếp rồi, thiếu-tướng de la Grandière ở Pháp sang đã quyết ý lấy nốt ba tỉnh phía tây. Lại nhân từ khi trước nước Pháp sang lấy Nam-kỳ, người bản xứ bình-thẳng vẫn nổi lên đánh phá, quân Pháp dẹp mãi không yên. Ở Cao-mên lại có tặc sư Pu Kâm-bô xưng là cháu Nặc-ông-Chân cũng nổi lên đánh vua Norodom. Sứ-phủ ở Sài-gòn đồ cho quan Việt-nam ta xui giục và giúp đỡ những người làm loạn, bên sửa soạn việc lấy tỉnh Vĩnh-long, tỉnh An-giang và tỉnh Hà-tiên.

Ở Huế tuy Triều-đình còn cứ mong chuộc lại đất ba tỉnh, nhưng vẫn biết ý suy-phủ ở Sài-gòn rồi tất lấy cả ba tỉnh phía tây, cho nên năm binh-dãn (1866), lại sai ông Phan Thanh-Giản vào làm kinh-lược-sứ để tìm kế chống giữ.

Ở bên nước Pháp, thì từ năm đinh-mùi (1867), quan hải-quân trung-tướng Rigault de Genouilly lên làm thượng-thư Hải-quân-bộ⁽¹⁾ ra sức giúp thiếu-tướng de la Grandière cho xong việc. Bởi vậy suy-phủ ở Sài-gòn chỉ đợi dịp để khởi sự.

Tháng 6 năm đich-mão (1867, là năm Tự-đức thứ 20, thiếu-tướng de la Grandière hội hơn 1.000 quân ở Mỹ-tho, rồi định ngày kéo sang lấy Vĩnh-long, An-giang và Hà-tiên. Ông Phan Thanh-Giản biết thế không chống nổi, bảo các quan danh



Quan Nam kỳ Kinh lược-sứ Phan Thanh-Giản.

(1) Lúc lấy giờ Hải-quân bộ kiêm cả Thuộc-địa bộ.

chịu nộp thành tri cho khỏi sự tai hại, rồi ông uống thuốc độc mà tự tận, giặc lại con cái phải cày ruộng mà ăn, chứ không được nhận quan chức gì ở Nam-kỳ.

Bấy giờ ông già đã ngoài 74 tuổi, làm quan thật là thanh liêm, nhưng chẳng may gặp phải khi nước có biến, biết thế mình không làm gì được, đem tấm lòng son sắt mà báo đền ơn nước, cho hết hồn phận người làm tôi.

Từ đó đất Nam-kỳ toàn cảnh thành ra đất thuộc địa của Pháp, thuế má, luật lệ, điều gì cũng do sù-y-phủ ở Sài-gòn quyết định cả.

CHƯƠNG VII

GIẶC GIÃ Ở TRONG NƯỚC

1. Mối loạn trong nước. — 2. Giặc Tam-Đường. — 3. Cao Bá Quát.
— 4. Giặc lên Phụng. — 5. Sự phản nghịch ở Kinh-thành. — 6. Giặc Khách ở Bắc-kỳ.

1. Mối loạn trong nước. — Vua Dực-tôn vốn là ông vua có lòng chăm chỉ về việc trị dân, ngay từ năm canh-tuất (1850), là năm Tự-đức thứ 3, ngài đã sai ông Nguyễn Tri-Phương 阮知方 làm Kinh-lược đại-sứ 6 tỉnh Nam-kỳ; ông Phan Thanh-Giản 潘清簡 làm Kinh-lược đại-sứ Bình-định, Phú-yên, Khánh-hòa và Bình-thuận; ông Nguyễn Đăng-Giai 阮登楷 làm Kinh-lược đại-sứ Hà-tĩnh, Nghệ-an và Thanh-hóa. Các ông ấy đi khám xét công việc các quan lại, và sự làm ăn của dân gian, có điều gì hay dở phải gờ tâu về cho vua biết.

Tuy vậy mặc lòng, không có đời nào lắm giặc giã bằng đời ngài làm vua. Chỉ được vài ba năm đầu thì còn hơi yên trị, còn từ năm tân-hợi (1851) là năm Tự-đức thứ 4 trở đi, thì càng ngày càng nhiều giặc. Mà nhất là đất Bắc-kỳ có nhiều giặc hơn cả, bởi vì đất Bắc-kỳ là đất của nhà Lê cũ, dân tình cũng còn có nhiều người tưởng nhớ đến tiền triều, nên chỉ những người muốn làm loạn, hoặc tự nhận là dòng dõi nhà Lê, hoặc tìm một người nào giả nhận là dòng dõi nhà Lê, rồi tôn lên làm minh chủ 盟主 để lấy cờ mà khởi sự.

Lại nhân lúc bấy giờ bên Tàu có giặc Thái-bình nổi lên đánh nhà Thanh, đến khi giặc ấy tan, thì dư đảng chạy tràn sang nước ta cướp phá ở mạn thượng-du. Nào giặc khách, nào giặc ta, quan quân cứ phải đi đánh dẹp luôn. Ở trong nước thì thỉnh-thoảng lại có tai biến, như nước lụt, đê vỡ.

v. v. Ở Hưng-yên, đê Văn-giang vỡ 18 năm liền, cả huyện Văn-giang thành ra bãi cát bỏ hoang, dân gian đói khổ, nghề nghiệp không có, cho nên người đi làm giặc càng ngày càng nhiều vậy.

2. Giặc Tam-Đường. - Năm tân-hợi (1851) là năm Tự-đức thứ 4, có giặc khách là bọn Quảng-nghĩa-Đường 廣義堂. Lục-thắng-Đường 六勝堂. Đức-thắng-Đường 德勝堂. v. v.. tục gọi là giặc Tam-đường 三堂, quấy nhiễu ở mặt Thái-nguyên, vua sai ông Nguyễn Đăng-Giai 阮登楷 ra kinh-lược Bắc-kỳ. Ông ấy dùng cách khôn khéo dụ được chúng nó về hàng. Bởi vậy trong hạt lại được yên một độ. Nhưng đến cuối năm giáp-dần (1854) là năm Tự-đức thứ 7, ông Nguyễn Đăng-Giai mất, đất Bắc-kỳ lại có loạn.

3. Giặc châu-châu. - Năm Tự-đức thứ 7 (1854), ở tỉnh Sơn-tây có một bọn người, đem Lê Duy-Cự 黎維矩 là dòng dõi nhà Lê ra lập lên làm minh-chủ để khởi sự đánh nhà Nguyễn. Lúc ấy có Cao Bá-Quát 高伯适, người làng Phú-thụy, huyện Gia-lâm, tỉnh Bắc-ninh, thi đỗ cử-nhân, ra làm quan, được bổ chức giáo-thụ phủ Quốc-oai (Sơn-tây). Cao Bá-Quát có tiếng là người văn-học giỏi ở Bắc-kỳ, mà cứ bị quan trên đè nén, cho nên bức chí, bỏ quan về đi dạy học, rồi theo bọn ấy xưng là quốc-sư, để dấy loạn ở vùng Sơn-tây và Hà-nội. Tháng chạp năm ấy quan phó Lĩnh-binh tỉnh Sơn-tây là Lê-Thuận đi đánh bắt được Cao Bá-Quát đem về chém tại làng.

Nhân vì mùa tháng năm năm ấy ở vùng tỉnh Bắc-ninh và Sơn-tây có nhiều châu-chấu ra phá hại mất cả mùa-màng, rồi đến cuối năm lại có giặc ấy, cho nên người thời bấy giờ gọi là giặc châu-chấu.

Cao Bá Quát chết rồi, bọn Lê Duy-Cự còn quấy rối đến mấy năm sau mới dẹp yên được. Từ đó trở đi, không năm nào là năm không có giặc, nhưng kiệt-hiệt hơn cả là có giặc tên Phụng 奉 và giặc Khách ở mạn Thượng-du.

4. Giặc tên Phụng. - Năm tân-đậu (1861), quân nước Pháp và nước I-pha-nho sang đánh Quảng-nam, có mấy người ở Bắc-kỳ theo vào làm lính mộ. Trong bọn ấy có tên Tạ Văn-Phụng 謝文奉, trước đã theo giáo sĩ ra ngoài quốc đi học đạo, sau lại theo trung-tướng Charner về đánh Quảng-nam.

Đến tháng chạp, thì tên Phụng ra Bắc-kỳ, mạo xưng là Lê Duy-Minh 黎維明 đồng dõ nhà Lê 黎, rồi tự xưng làm minh-chủ, cùng với một người đạo-trưởng tên là Trương 長 làm mưu-chủ, và bọn tên Ước 約, tên Độ 度 dấy binh ở Quảng-yên. Đàng tên Phụng đem quân giặc Khách ở ngoài bể vào đánh lấy phủ Hải-ninh, rồi lại thông với giặc Khách và giặc ta ở các tỉnh, đề làm loạn ở Bắc-kỳ.

Tháng ba năm nhâm-tuất (1862), ở Bắc-ninh có tên cai-tổng Nguyễn Văn-Thịnh 阮文盛 (lục gọi là cai-tổng Vàng) xưng làm nguyên-sứ, lập tên Uẩn 穩, mạo xưng là con cháu nhà Lê, lên làm minh-chủ, rồi nhập đảng với bọn tên Phụng, đem binh đi đánh phủ Lạng-giang, huyện Yên-dũng, và vây thành Bắc-ninh.

Bấy giờ quan bố-chính tỉnh Hà-nội, là Nguyễn Khắc-Thuật 阮克述, quan bố-chính tỉnh Sơn-tây là Lê-Dụ 黎裕 và quan phó hinh-binh tỉnh Hưng-yên là Võ-Tảo 武早 đem quân ba tỉnh về đánh giải vây cho tỉnh Bắc. Ông Võ-Tảo đánh nhau với quân giặc hơn 10 trận mới phá được quân giặc.

Ở phía đông thì tên Phụng vây đánh thành Hải-dương, tỉnh-thần dâng sớ cáo cấp. Triều-đình bèn sai quan Thượng-thư bộ Hình là Trương Quốc-Dụng 張國用 ra làm tổng-thống Hải-an¹ quân vạ, cùng với bọn ông Phan Tam-Tỉnh 潘三省, Đặng-Hạnh 鄧杏, Lê-Xuân 黎春, đem quân Kinh và quân Thanh, Nghệ ra tiến tiêu. Lại sai ông Đào-Trí 陶致 làm tham-tán đại-thần, ông Nguyễn Bá-Nghị 阮伯德 làm Sơn-Hung-Tuyên² tổng-đốc, đề cùng với ông Trương Quốc-Dụng đánh giặc ở Bắc-kỳ.

(1) Hải dương và Quảng-an.

(2) Sơn-tây, Hưng-hóa và Tuyên-quang.

Lúc ấy tỉnh Thái-nguyên thì có giặc Nông và giặc Khách đánh phá, tỉnh Tuyên-quang thì có bọn tên Uân 溫, tên Nông Hùng-Thạc 農雄碩 quấy nhiễu, tỉnh Cao-bằng thì bị tên giặc Khách Lý Hợp-thắng 李合勝 vây đánh, tỉnh Bắc-dinh thì có tên cai-tổng Vàng cướp phá, các quan to rồi cả lên. Vua Dục-tôn lại sai ông Nguyễn Tri-Phương 阮知方 ra làm tây bắc tổng-thống quân-vụ đại-thần, cùng với Phan Đình Tuyển 潘廷選 và Tôn-thất Huệ 尊室穗 ra đánh mặt Bắc-ninh, Thái-nguyên và Tuyên-quang.

Tháng 3 năm qui-hợi (1863) ông Vũ-Tảo 武早 đánh lấy lại thành Tuyên quang và bắt được tên Uân đóng cũi giải về trị tội. Qua tháng 4, ông Nguyễn Tri-Phương dẹp xong giặc ở Bắc-dinh rồi, đem binh lên lấy lại thành Thái-nguyên, bắt được tên Thanh 清, tên Đắc 得, tên Văn 雲, và lại phá được sào huyệt của giặc ở núi Ma-hiến, thuộc châu Bach-thông.

Còn ở mặt Hải-dương và Quảng-yên thì tuy bọn ông Trương Quốc-Dụng và ông Đào-Tri đã giải được vây cho thành Hải-dương, nhưng thế quân giặc ở mặt bể còn mạnh lắm. Vua Dục-tôn lại sai ông Nguyễn Tri-Phương làm tổng-thống Hải-an quân-vụ. Trương Quốc-Dụng làm hiệp-thống đem quân ra đánh mặt ấy.

Lúc bấy giờ bọn tên Phụng có sai người vào cầu viện quan thiếu-tướng Bonard ở trong Nam-kỳ, ước hễ lấy được Bắc kỳ thì xin để nước Pháp bảo-hộ. Nhưng vì trong Nam-kỳ còn lắm việc, mà sự giảng hòa với Triều-đình ở Huế đã sắp xong, cho nên thiếu-tướng không nhận. Đàng tên Phụng vẫn chiếm giữ đất Quảng-yên và những đảo ở ngoài bể, đề làm sào huyệt, rồi cho binh thuyền đi cướp phá các nơi. Quan quân đi đánh, nhiều người bị hại.

Cuối năm qui-hợi (1863) là năm Tự-dức thứ 16, quân giặc họp hơn 500 chiếc thuyền ở đảo Cát-bà và ở núi Đồ-son, có ý muốn đem quân vào đánh đất Kinh-kỳ, nhưng chẳng may phải bão, thuyền đắm mất nhiều. Quan đề-đốc là Lê Quang-Tiên 黎光薦 và quan hộ-phủ Bùi Huy-Phan 裴輝璠

được tin ấy liền đem quân ra đánh, bị quân giặc đánh tập hậu, quau quân bỏ chạy, ông Lê Quang-Tiến và ông Bùi Huy-Phan phải nhảy xuống bể tự tận.

Đến tháng 6 năm giáp-ti (1864) là năm Tự-đức thứ 17, quan hiệp-thống Trương Quốc-Dụng 張國用, quan tán-lý Văn Đức-Khue 文德圭, quan tán-tương Trần Huy-Sách 陳輝册 và quan chưởng-vệ Hồ-Thiên 胡善 đánh nhau với giặc ở đất Quảng-yên, bị giặc giết mất cả. Trận ấy quan quân thua to, quân sĩ thiệt hại rất nhiều.

Tháng 4 năm ất-sửu (1865), quân giặc đem ba trăm chiếc thuyền phân ra làm 3 đạo vào cướp ở mạn Hải-dương. Ông Nguyễn Tri-Phương sai ông Nguyễn Văn-Vĩ 阮文偉 đem quân ra đón đánh, bắt và chém được rất nhiều. Từ đó, quan đề-dốc Mai-Thiên 枚善 quan tán-lý Đặng Trần-Chuyên 鄧陳顯, quan đốc-binh Ông Ích-Khiêm 翁益兼 phá được quân giặc hơn 10 trận. Quân giặc lui về giữ mặt Hải-ninh.

Tháng 7 năm ấy, ông Nguyễn Tri-Phương sai bọn ông Đặng Trần-Chuyên, Ông Ích-Khiêm đem binh ra Quảng-yên, ước với quan nhà Thanh ở Khâm-châu để đánh lấy lại thành Hải-ninh. Quân giặc thua to, đem hơn 70 chiếc thuyền chạy ra bể. Quau quân đem binh thuyền ra đuổi đánh, tên Phụng, tên Ước thì chạy vào mạn Quảng-bình, Quảng-trị, còn những đồ đảng, đũa thì phải bắt, đũa thì chạy trốn được. Sau tên Phụng và tên Ước cũng bị bắt đem về trị tội ở Huế.

Giặc Phụng khởi từ cuối năm tân-dậu (1861) đến cuối năm ất-sửu (1865) mới dẹp xong, kể vira 4 năm trời, nhà-nước tổn hại rất nhiều. Khi giặc Phụng ở Quảng-yên dẹp gần xong, thì ở mạn Cao-băng đã có giặc Khách đánh lấy tỉnh thành. Quan Kinh-lược Võ Trọng-Bình 武仲平 và quan tuần-phủ Phạm Chi-Hương 范芝香 đem binh lên Lạng-son rồi chia quân đi đánh các nơi, từ tháng 9 năm ất-sửu (1865) cho đến tháng 3 năm binh-dần (1866), thì tướng giặc là Trương Cận-Bang 張觀邦 mới xin về hàng, và mới thu phục lại được thành Cao-băng.

Việc đánh dẹp ở Quảng-yên và ở Cao-bằng xong rồi, ông Nguyễn Tri-Phương và ông Võ Trọng-Bình về Kinh coi việc triều chính.

5. Sự phản nghịch ở Kinh-thành. — Việc ngoài Bắc mới hơi nguôi nguoi, thì ở trong Kinh-đô lại có việc làm cho nao động lòng người.

Nguyên vua Dực-tôn là con thứ mà được nối ngôi, là vi người anh ngài là ông Hồng-Bảo 洪保 phóng đảng, không chịu học hành cho nên không được lập. Ông ấy lấy điều đó làm tức giận, bèn đồ mưu với một nước ngoài quốc để tranh ngôi vua. Chẳng may sự lộ ra, ông ấy phải bỏ ngục, rồi uống thuốc độc mà chết. Còn con ông ấy thì được tha mà phải đổi tên là Đinh-Đạo 丁導

Đến năm binh-dẫn (1866) là năm Tự-đức thứ 19, nhà vua đang xây Vạn-niên-cơ tức là Khiêm-lăng bảy giờ, quân sĩ phải làm lưng khò sở, có nhiều người oán giận. Bảy giờ ở Kinh có tên Đoàn-Trung 段徵 cùng với em là Đoàn Hữu-Ái 段有愛, Đoàn Tư-Trực 段司直, và bọn tên Trương Trọng-Hòa 張仲和, Phạm-Lương 范梁, kết làm « Sơn-đông-thi-tửu-hội 山東詩酒會 » để mưu việc lập Đinh-Đạo 丁導 lên làm vua. Bọn tên Trương mới chiêu dụ những lính làm ở Vạn-niên-cơ và cùng với quan hữu-quân Tôn-thất Cúc 尊室菊 làm nội ứng, định ngày khởi sự.

Đến đêm hôm mồng 8 tháng 8, bọn tên Trương đem quân vào cửa tả-dịch, chực xông vào điện giết vua Dực-tôn. May nhờ có quan chưởng-vệ là Hồ-Oai 胡威 đóng được cửa điện lại, hô quân bắt được tên Trương, tên Trực và cả bọn đồng đảng.

Đinh-Đạo phải tội giảo, Tôn-thất Cúc thì tự-vẫn chết, còn các quan có trách-nhiệm đều phải chiếu tội nặng nhẹ, hoặc phải giáng, hoặc phải cách.

Lúc ấy ngoài thì có giặc cướp đánh phá, trong thì có nghịch-thần làm loạn. Ở mặt Quảng-nghĩa lại có giặc mọi Đả-vách

cứ hay xuống quấy nhiễu dân gian, may nhờ có quan tiểu-phủ Nguyễn-Tấn 阮經 ra sức đánh dẹp mới yên được. Việc giao-thiệp với nước Pháp thì càng ngày càng khó. Ở Bắc-kỳ thì giặc Khách một ngày một mạnh, đến nỗi quan quân đánh không được, phải nhờ quân Tàu sang dẹp họ. Triều-đình cũng bối rối không biết tính ra thế nào cho khỏi được sự biến loạn vậy.

6. Giặc Khách ở Bắc-kỳ. — Ở bên Tàu lúc bấy giờ cũng rối loạn : ngoài thì đánh nhau với nước Anh-cát-lợi và nước Pháp-lan-tây. Triều-đình phải bỏ Kinh-đô mà chạy ; trong thì có giặc Thái-bình nổi lên đánh phá, tí nữa ngôi vua nhà Thanh cũng đổ nát

Nguyên từ năm Đạo quang thứ 29, là năm kỷ-dậu (1849), tức là bên ta năm Tự-đức thứ 2, ở Quảng-tây có tên Hồng Tú-Toàn 洪秀全 cùng với bọn Dương Tú-Thanh 楊秀清, Tiêu Triều-Quy 蕭朝貴, Lý Tú-Thành 李秀成, nổi lên xưng là Thái bình-thiên-quốc 太平天國, rồi chiếm giữ đất Kim-lăng và các tỉnh ở phía nam sông Dương-lử. May nhờ có bọn ông Tăng Quốc-Phiên 曾國藩, ông Tả Tôn-Đường 左宗棠, ông Lý Hồng-Chương 李鴻章, hết sức đánh dẹp, và lại có thể ngoại-quốc tư giúp, cho nên đến năm Đồng-trị thứ hai là năm quý-hợi (1863), tức là bên ta năm Tự-đức thứ 16, quan nhà Thanh mới bắt được các tướng Thái-bình, người Hồng Tú-Toàn phải uống thuốc độc tự tử, Triều-đình nhà Thanh lại thu phục được các tỉnh ở phía nam nước Tàu.

Lúc ấy có dư đảng của Hồng Tú-Toàn là bọn Ngô-Côn 吳鯤 chạy tràn sang nước ta, trước còn nói xin hàng, rồi sau đem quân đi cướp phá các tỉnh, quan quân đánh mãi không được.

Năm mậu-thìn (1868) là năm Tự-đức thứ 21, Ngô-Côn chiếm giữ tỉnh thành Cao-băng. Triều-đình sai quan tổng-đốc Phạm Chi-Hương 范芝香 viết thư sang cho quan nhà Thanh đề xin quân Tàu sang tiêu trừ. Nhà Thanh sai phó-tướng Tạ Kế-Quý 謝繼貴 đem quân sang cùng với quan

tiêu phủ Ông Ich-Khiêm 翁益兼 và quan đề-đốc Nguyễn Việt Thành 阮日成, đánh phá quân của Ngô-Côn ở Thất-khê. Nhưng đến tháng 7 năm ấy, quân ta đánh thua ở Lạng-son, quan tham-tán Nguyễn-Mại 阮勵, quan phó đề-đốc Nguyễn Việt-Thành 阮日成 tử trận, quan thống-đốc Phạm Chi-Hưng 范芝香 bị bắt.

Triều đình sai ông Vũ Trọng-Bình 武仲平 ra làm Hà-ninh tổng đốc kiêm chức Tuyên-Thái-Lạng quân-thứ khâm-sai đại-thần, đề hội với quan đề-đốc tỉnh Quảng-tây là Phùng Tử-Tài 馮子材 mà đánh giặc Ngô-Côn.

Quân hai nước cùng đồng sức đánh dẹp, đến tháng 5 năm kỷ-tị (1869) thì mới khôi phục lại được tỉnh thành Cao bằng. Đến cuối năm canh-ngọ (1870), Ngô-Côn đem quân vây đánh tỉnh thành Bắc-ninh, quan tiêu-phủ Ông Ich-Khiêm 翁益兼 đánh một trận bắn chết Ngô-Côn và phá tan quân giặc.

Ngô-Côn tuy chết, song còn có những đồ đảng là bọn Hoàng Sùng-Anh 黃崇英, hiệu cờ vàng; Lưu Vĩnh-Phúc 劉永福, hiệu cờ đen; Bàn Văn-Nhị 盤文二, Lương Văn-Lợi 梁文利, hiệu cờ trắng, vẫn cứ quấy nhiễu ở mạn Tuyên-quang, Thái-nguyên, quan quân phải hết sức chống giữ thật là vất vả. Triều-đình sai quan trung-quản Đoàn-Thọ 段壽 ra làm tổng-thống quân-vụ ở Bắc-kỳ.

Ông Đoàn-Thọ vừa mới ra, kéo quân lên đóng ở tỉnh thành Lạng-son, bọn giặc Khách là Tô-Tứ 蘇泗 nổi lên, nửa đêm vào lấy thành, bắt ông ấy giết đi, còn ông Vũ Trọng-Bình thì vượt thành chạy thoát được.

Tin ấy vào đến Huế, Triều-đình vội vàng sai ông Hoàng Kế-Viêm 黃繼炎¹ ra làm Lạng-Bình-Ninh-Thái thống-đốc quân-vụ đại-thần, cùng với quan tán-trưng Tôn-thất Thuyết 尊室說 đi dẹp giặc ở Bắc-kỳ. Qua tháng tư năm sau (1871), nhà vua lại sai quan Hình-bộ thượng-thư là Lê-Tuấn 黎倬 làm chức khâm-sai thị-sư đề cùng với ông Hoàng Kế-Viêm lo việc đánh dẹp.

(1) Có sách chép là Hoàng Tá-Viêm 黃佐炎.

Tháng 11 năm tân-múi (1871), ở Quảng-yên lại có tên Hoàng-lê 黃齊 nổi lên, thông với giặc Tô-Từ và giặc Tàu-ô ở ngoài bể, rồi đem binh thuyền đi cướp phá các nơi. Ông Hoàng Kế-Viêm giữ mạn Sơn-tây, ông Lê-Tuấn ra cùng với tinh thần Hải-dương đem quân đi đánh giặc Tề. Được ít lâu, quân thứ tỉnh Hải-dương bắn chết tên Tề ở huyện Thanh-lâm, dư đảng giặc ấy đều tan cả.

Ở mạn thượng-du thì đảng Cờ-đen là bọn Lưu Vĩnh-Phúc và đảng Cờ-vàng là bọn Hoàng Sùng-Anh quấy nhiễu ở đất Tuyên-quang. Bao nhiêu thuế má ở mạn ấy, chúng nó thu cả, sau hai đảng ấy lại thù khích nhau, đánh phá nhau thật là tàn hại. Đảng Cờ-đen về hàng với quan ta, nhà vua bèn dùng Lưu Vĩnh-Phúc cho ở đất Lao-kay, được thu cả quyền lợi ở chỗ ấy, để chống giữ với đảng Cờ-vàng, đóng ở mạn Hà-giang.

Đất Bắc-kỳ cứ giặc già mãi, quan quân đánh dẹp thật là tổn hại mà không yên được. Đến tháng 7 năm nhâm-thân (1872), Triều-đình lại sai ông Nguyễn Tri-Phương 阮知方 làm Tuyên-sát đồng-sứ đại-thần 宣察董飭大臣 ra thay mặt vua xem xét việc đánh giặc ở Bắc-kỳ. Nhưng lúc bấy giờ việc giặc ở trong nước chưa xong, thì sự giao-thiệp với nước Pháp đã sinh ra lắm mối khó khăn, khiến việc nước lại rối thêm ra nữa.

CHƯƠNG VIII

QUÂN NƯỚC PHÁP LẤY BẮC-KỲ

Lần thứ nhất

1. Người Pháp tìm đường sang Tàu. — 2. Bồ-phô-Nghĩa. — 3. Đại-úy Francis Garnier ra Hà nội. — 4. Hạ thành Hà-nội năm quý-dậu (1873). — 5. Lấy mấy tỉnh ở Trung châu. — 6. Đại-úy Francis Garnier chết. — 7. Ông Philastre ra Hà-nội. — 8. Hòa-uớc năm giáp-tuất (1874).
-

1. Người Pháp tìm đường sang Tàu. — Từ khi nước Pháp lấy xong đất Nam-kỳ rồi, sù-y-phả ở Sài-gòn sửa-sang mọi việc, và cho người đi xem xét tình thế và sông núi ở Trung-kỳ và Bắc-kỳ để mở-mang sự giao-thông. Lại có ý muốn tìm đường thông sang nước Tàu, bởi vậy tháng 5 năm bính dần (1866), thiếu-tướng de la Grandière sai quan trung-tá Doudard de Lagrée cùng với quan đại-úy Francis-Garnier (Ngạc-nhi) và mấy người Pháp nữa theo sông Mé-kông đi tìm đường sang Tàu. Đến tháng 3 năm mậu-thìn (1868), non hai năm trời, ông Doudard de Lagrée mới sang đến đất Vân-nam, Nhưng chẳng may ông ấy phải bệnh đau gan mà chết. Bọn ông Francis Garnier đem xác ông ấy đi qua nước Tàu, rồi xuống tàu thủy về Sài-gòn.

Đến năm canh-ngọ (1870) là năm Tự-dức thứ 23, ở bên Tây, nước Pháp đánh nhau với nước Phổ; quân Pháp thua, Pháp hoàng tá Nã-phá-luân đệ-tam bị bắt. Dân nước Pháp bỏ đế-quốc mà lập Dân-chủ cộng-hòa. Tuy ở bên Pháp có sự chiến-tranh, nhưng ở bên Viễn-đông này, quân Pháp vẫn giữ vững đất Nam-kỳ. Và Triều đình ở Huế còn bận dẹp giặc Khách ở Bắc-kỳ, cho nên cũng không sinh sự lợi thời gì cả.

2. Đồ-phổ-Nghĩa (Jean Dupuis). — Thuở ấy, có một người Pháp tên là Jean Dupuis, ta gọi là Đồ-phổ-Nghĩa 涂普義, mấy năm trước đã đi du lịch ở các tỉnh bên Tàu, để tìm cách buôn bán, biết có sông Hồng-hà từ đất Vân-nam chảy qua Bắc-kỳ ra bể, là một đường tiện lợi hơn, bèn nhận với quan nhà Thanh ở Vân-nam để chở đồ binh khí sang bán.

Đồ-phổ-Nghĩa về cùng với một người Pháp nữa tên là Millot buôn bán ở Thượng-hải, trừ tính việc chở binh khí sang Vân-nam, đoạn rồi về Pháp để mua hàng. Khi trở sang bên này, Đồ-phổ-Nghĩa vào Sài-gòn xin Sứy-phủ giúp thanh thế cho, để đi qua Bắc-kỳ. Quan thống-đốc Nam-kỳ lúc bấy giờ là lục-quân thiếu-tướng d'Arbaud, có hứa với Đồ-phổ-Nghĩa cho chiếc tàu Bourayne đi theo.

Đồ-phổ-Nghĩa sang Hương-cảng để cùng với Millot đem ba chiếc tàu con là Hồng-giang, Lao-kay và Sơn-tây chở đồ binh khí và hàng hóa vào Quảng-yên. Trong lúc ấy quan hải-quân trung-tá Sénès đã đem tàu Bourayne ra Bắc-kỳ, rồi lên Hải dương, Hà-nội, Bắc-ninh đi xem các nơi.

Trung-tá ở Bắc-ninh nghe tin bọn Đồ-phổ-Nghĩa đã đến Quảng-yên, liền trở ra để cùng bàn với quan Khâm-sai Lê-Tuấn 黎俊 về việc thông-thương ở sông Hồng-hà.

Ông Lê-Tuấn không có liách Triều-dinh, không dám tự tiện, nói xin đợi vài mươi hôm để có mệnh nhà vua ra sẽ hay.

Ông Đồ-phổ-Nghĩa và ông Millot thấy đợi lâu, bèn cứ đem tàu lên đóng ở Hà-nội, rồi thuê thuyền chở đồ lên Vân-nam. Bấy giờ là cuối năm nhâm-thân (1872), là năm Tự-đức thứ 25. Thuyền của Đồ-phổ-Nghĩa đi qua những đồn của quan ta của giặc Cờ-vàng và giặc Cờ-đen đều vô sự cả. Khi lên đến Vân-nam, quan nhà Thanh cho chở đồ khoáng-vật xuống, đến tháng tư năm quý-dậu (1873), thì Đồ-phổ-Nghĩa và Millot lại trở về đến Hà-nội, đem một bọn lính Cờ-vàng về theo. Millot thì vào Sài-gòn nói cho Sứy-phủ biết tình thế

ở Bắc-kỳ, và nhân thể đem đồ khoáng-vật sang bán ở Hương-cảng. Còn Đồ-phổ-Nghĩa thì ở lại Hạ-nội, đóng ở Phố-mới bây giờ, rồi cùng với mấy người khách là Bành Lợi Ký 彭利記, Quan Tá-Đình 關佐庭 mua gạo, mua muối chở lên Vân-nam.

Bấy giờ luật nước ta cấm không cho chở muối sang Tàu, mà việc thông thương ở sông Hồng-hà cũng chưa định rõ thế nào, nhưng ông Đồ-phổ-Nghĩa tự xưng là có lệnh quan Tàu cho, thì không cần phải theo luật nước Nam, vì nước Nam là một nước phải thần phục nước Tàu.

Ông Đồ-phổ-Nghĩa không hiểu rõ sự giao-thiệp nước Tàu và nước ta ngày trước. Đối với Tàu thì bề ngoài nước ta tuy xưng là cống-thần, nhưng kỳ thực vẫn là độc-lập. Khi có việc gì, phải có sứ hai nước sang thương nghị rồi mới thi-hành. Mà có khi sứ nước Tàu sang bàn điều gì, nước ta không thuận cũng thôi, chứ không có phép tự-tiện mà làm được. Chỉ trừ lúc nào nước Tàu ý thế mạnh mà bắt nạt, như đời nhà Nguyên, nhà Minh và nhà Thanh, thì lại có ông Trần Hưng-đạo, ông Lê Thái-tổ và ông Nguyễn Quang-trung tỏ cho người Tàu biết rằng nước Nam vốn không phải đất thuộc-địa của Tàu.

Tuy vậy, quan ta phải nể ông Đồ-phổ-Nghĩa là người nước Pháp, sợ có việc gì, thì thành ra bất hòa với Sứy-phủ ở Sài-gòn, cho nên cứ dùng lời nói ngọt để can ông ấy đừng làm điều trái với luật nước. Nhưng ông ấy cứ một niềm tự ý mình mà làm. Quan ta nhờ cả ông giám-mục Puginier ở Kẻ-sở lên can cũng không được.

Sau quan ta có bắt tên khách Bành Lợi-Ký và Quan Tá-Đình về sự đem thuyền chở muối và gạo lên Vân-nam, thì ông Đồ-phổ-Nghĩa đem người đi bắt quan phòng-thành Hà-nội và quan huyện Thọ-xương, đem xuống thuyền giam lại. Quan ta cũng ngỡ ngác không biết ra thế nào: Một bên thì cố tình sinh sự, một bên thì mệnh nhà vua ra không được lời thời điều gì.

Bấy giờ Triều-đình sai quan hữu-tham-tri bộ Binh là Phan Đình-Bình 潘廷評 làm khâm-phái ra giao cho ông Nguyễn Tri-Phương 阮知方 phải thu xếp cho yên chuyện ấy. Ông Nguyễn Tri-Phương mới sai quan bố-chính là Vũ-Đường 武堂 đình ngày mời ông Đồ-phổ-Nghĩa đến hội-quan Quảng-đông, đề hội-nghị. Khi hai bên đến hội-đồng, quan ta nói rằng sự giao-thiệp nước Pháp với nước Nam đã có tờ hòa-ước năm nhâm-tuất (1862), và sự đem muối và gạo lên bán ở Vân-nam là trái với tờ hòa-ước ấy, và lại trái với luật bản-quốc. Ông Đồ-phổ-Nghĩa cãi rằng ông ấy có lệnh quan Tầu cho là đủ, không cần phải xin phép gì nữa, rồi đứng dậy ra về.

Triều-đình ở Huế thấy việc lồi thối mãi, sợ đề lâu thành ra nhiều sự, mới sai ông Lê-Tuấn 黎俊, ông Nguyễn Văn-Tường 阮文祥 và ông Nguyễn Tăng-Doãn 阮增隄 vào sứ Sài-gòn, đề thương-nghị về việc ba tỉnh phía tây đất Nam-kỳ và nhân thể nhờ Sứ-phủ phân xử việc Đồ-phổ-Nghĩa cho xong.

3. Đại-úy Francis Garnier (Ngạc-nhi) ra Hà-nội — Quan thống-dốc Nam-kỳ bấy giờ là hải-quân thiếu-tướng Dupré vốn đã lưu ý về việc Bắc-kỳ. Trước đã viết thư về cho



Hải-quân đại-úy Francis-Garnier

quan Thượng-thư Thuộc-địa-bộ ở Paris nói rằng : « Đất Bắc-kỳ là đất tiếp giáp với những tỉnh tây nam nước Tàu, ta nên chiếm giữ lấy, thì sự cai-trị của ta ở Viễn-đông này mới được chắc chắn ».

Nhưng bên Pháp bấy giờ mới đánh nhau với nước Phổ vừa xong, không muốn gây chuyện khác, bên điện sang cho thiếu-tướng rằng : « Không được sinh sự ở Bắc-kỳ. » Đến khi ông Millot về Sài-gòn kể công việc ở Bắc-kỳ, thiếu tướng lại điện về Paris nói rằng : « Việc Đồ-phổ-Nghĩa ở Bắc-kỳ đã thành công rồi. Cần phải lấy xứ Bắc-kỳ và giữ lấy con đường thông sang Tàu. Không cần phải viện binh. Thành công chắc lắm ». Ngay hôm ấy thiếu-tướng lại viết thêm một cai thư về nói rõ mọi lẽ, và quyết rằng xin chính-phủ để cho thiếu-tướng được tự-tiện, hề có việc gì, thì thiếu-tướng xin chịu lỗi 1.

Đang lúc ấy thì Triều-dinh ở Huế sai bọn ông Lê-Tuấn vào xin thiếu-tướng ra điều-dinh việc Đồ-phổ-Nghĩa ở Bắc-kỳ.

Cứ như ý của thiếu-tướng Dupré điện về cho chính-phủ Pháp, thì thiếu-tướng chỉ mong có cái cơ-hội gì để đem quân ra Bắc-kỳ. Nay thấy Triều-dinh ta vào nhờ Sứy-phủ ở Sài-gòn phân xử việc Đồ-phổ-Nghĩa, thật là gặp được cái dịp mệnh đang mong, thiếu-tướng liền gọi quan hải-quân đại-úy Francis-Garnier ở Thượng-hải về, rồi sai ra Hà-nội, nói rằng ra phân xử việc Đồ-phổ-Nghĩa 2.

Ông Francis-Garnier đem mấy chiếc tàu con và 170 người lính ra đến cửa Thuận, nghỉ lại mấy hôm để đợi quan khâm-sai cặng ra Bắc-kỳ. Đến tháng 10 năm quí-dậu (1873), thì các quan ra đến Hà-nội.

(1) Sách « L'Empire d'Annam » của capitaine Ch. Gosselin

(2) Ông Đồ-phổ-Nghĩa (Jean Dupuis) có làm quyển sách « Le Tonkin de 1872 à 1886 » kể những công việc của ông ấy ở Bắc-kỳ, và nói rõ tình ý của các quan coi việc Sứy-phủ ở Sài-gòn lúc bấy giờ là thế nào. Ta cũng nhờ có sách ấy mà kê cứu ra được nhiều việc rất là tường tận,

Bấy giờ ai cũng tưởng là đại-úy Francis-Garnier ra chuyển này thì mọi việc xong cả, cho nên đi đến đâu quan ta cũng tiếp đãi rất trọng hậu. Nhưng xem những thư từ của đại-úy lúc bấy giờ, thì cốt ra có chủ-ý khác. Khi ở Sài-gòn sắp đi, đại-úy viết thư về cho người anh ở bên Pháp, nói rằng: «Lệnh của Sứy-phủ cho, là được tự-tiện. Việc gì hải-quân thiêu-tướng cũng ủy thác cho tôi cả. Vậy vì nước Pháp mà tôi phải cố sức.» Đến khi ra đến Hải-dương, đại-úy vào ở Kẻ-sặt, rồi viết thư sai người đưa cho ông Đồ-phổ-Nghĩa, báo tin cho ông ấy biết cái chủ-dịch của mình, và lại nói rằng trăm sự đại-úy trông cậy vào ông ấy chỉ bảo cho, bởi vì ông ấy đã quen biết mọi việc ở Bắc-kỳ.

Ông Đồ phổ-Nghĩa tiếp được thư, liền đem chiếc tàu Man-hoa đi đón đại-úy. Lên đến Hà-nội, đại-úy đem mấy người đi thẳng vào thành ra mắt ông Nguyễn Tri-Phương, và đòi đem quân đóng ở trong thành. Quan ta nói mãi, đại-úy mới thuận ra đóng ở Trường-thị. Đoạn rồi đại-úy viết thư mời ông giám-mục Puginier ở Kẻ-sở lên Hà-nội, để nhờ làm thông-ngôn. Đại-úy lại làm tờ hiệu dụ cho dân biết, nói rằng: «Bản-cước ra Bắc-kỳ cốt để dẹp cho yên giấc giã, và để mở mang sự buôn bán».

4. Hạ thành Hà-nội năm quý-dậu (1873). — Quan ta thấy đại-úy không nói gì đến việc Đồ-phổ-Nghĩa, mà lại nói những việc dẹp giặc và mở sự buôn bán, thì đều lấy làm phàn vân. Sau lại thấy tàu và quân ở Sài-gòn tiếp ra, quan ta lại càng lo lắng. Được mấy hôm, đại-úy không báo hỏi gì đến quan ta, tự-tiện làm tờ tuyên bố sự mở sông Hồng-hà cho người nước Pháp, nước I-pha-nho và nước Tàu được ra vào buôn bán.

Quan ta lúc bấy giờ cũng bối rối quá. Việc giao-thiệp và việc buôn bán với nước Pháp thì đã định rõ ở trong tờ hòa-ước năm nhâm-tuất (1862), nay thấy đại-úy Francis-Garnier đương đột làm như thế, thì cũng lấy làm lo, cho nên cũng

có tìm cách phòng bị. Mà đại-úy cũng đã biết trước rằng thế nào quan ta cũng không chịu, cho nên đã định kế đánh thành Hà-nội.

Đến đầu tháng 10, một mặt đại-úy viết thư cho ông Nguyễn Tri-Phương, trách quan ta làm ngăn trở việc buôn bán của ông Đỗ-phổ-Nghĩa; vậy vì sự vãn-minh và cái quyền-lợi của nước Pháp, cho nên Sứy-phủ ở Sài-gòn sai đại-úy ra mở sự buôn-bán ở Bắc-kỳ. Dầu quan Việt-nam có thuận hay không cũng mặc, đại-úy cứ theo lệnh của Sứy-phủ mà thi-hành. Một mặt đại-úy bàn định với ông Đỗ-phổ-Nghĩa định ngày đánh thành và bắt ông Nguyễn Tri-Phương giải vào Sài-gòn.

Cứ như sách của ông Đỗ-phổ-Nghĩa, thì lúc bấy giờ có cả những người mạo xưng là đảng nhà Lê, cũng xin theo đại-úy để vào thành làm nội-úy.

Đến sáng hôm rằm tháng 10 năm quý dậu (1873), thì quân Pháp phát súng bắn vào thành Hà-nội. Ông Nguyễn Tri-Phương cùng với con là phó mã Nguyễn Lâm 所林 hoảng hốt lên thành giữ cửa Đông và cửa Nam. Được non một giờ đồng hồ thì thành vỡ, phó-mã Lâm trúng đạn chết, ông Nguyễn Tri-Phương thì bị thương nặng. Quân Pháp vào thành bắt được ông Nguyễn Tri-Phương và quan khâm phái Phan Đình-Bình đem xuống tàu.

Ông Nguyễn Tri-Phương nghĩ mình là một bậc lão thần thờ vua đã trải ba triều, danh nam đẹp bậc đã qua mấy phen, nay chẳng may vì việc nước mà bị thương, đến nỗi phải bắt, ông quyết chí không chịu được thuốc và nhịn ăn mà chết.

Ông Nguyễn Tri-Phương là người ở Thừa thiên, do lại-điền xuất thân, làm quan từ đời vua Thánh-đỗ, trải qua ba triều, mà nhà vẫn thanh bạch, chỉ đem trí lực mà lo việc nước, chứ không thiết của cải. Nhưng chỉ vì ngài cũng như phần nhiều các quan lúc bấy giờ, không hiểu thời thế, cứ một niềm chông cự với nước Pháp, cho nên đến nỗi cả nhà cha con, anh em đều mất vì việc nước. Thật là một nhà trung liệt xưa nay ít có vậy.

• 5. lấy mấy tỉnh ở Trung-châu. — Thành Hà-nội thất thủ rồi, quan ta thì trốn tránh đi cả, giặc cướp lại nhân dịp nổi lên. Đại-úy Francis-Garnier cho những người theo với mình đi làm quan các nơi để chống với quan triều, rồi lại sai người đi đánh lấy tỉnh Ninh-bình, Nam-định và Hải-dương.

Quan ta ở các tỉnh đều ngờ ngác không biết ra thế nào, hễ thấy người Tây đến là bỏ chạy. Bởi vậy, chỉ có ông Hautefeuille và 7 người lính tây mà hạ được thành Ninh-bình, và chỉ trong 20 ngày mà 4 tỉnh ở Trung-châu mất cả.

6. Đại-úy Francis Garnier chết. — Triều-đình được tin biến ở Bắc-kỳ, vội vàng sai ông Trần Đình-Túc 陳廷肅, ông Nguyễn Trọng-Hợp 阮仲合, ông Trương Gia-Hội 張嘉會 cùng với ông giám-mục Binh (Mgr Bohier) và linh-mục Đàng (Dangelzer) ra Hà-nội, để điều đình mọi việc và sai ông Hoàng Kế-Viem 黃繼炎 ở Sơn-tây làm tiết-chế quân-vạ, để phòng giữ các nơi. Lại sai ông Lê-Tuấn 黎俊 làm toan-quyền, ông Nguyễn Văn-Tường 阮文祥 làm phó, vào thương thuyết với Sứy-phủ ở Sài-gòn về việc đại-úy Francis-Garnier đánh Bắc-kỳ.

Lúc bấy giờ ông Hoàng Kế-Viem đóng ở Sơn-tây, có đảng Cờ-đen là bọn Lưu Vĩnh-Phúc 劉永福 về giúp. Vua phong cho Lưu Vĩnh-Phúc làm đề-đốc, để cùng với quan



Lưu Vĩnh-Phúc, chủ tướng Cờ-đen.

quân chống giữ quân Pháp. Lưu Vĩnh-Fúc đem quân về đóng ở mạn phủ Hoài đức. Khi ông Trần Đình-Túc và ông Nguyễn Trọng-Hợp đang thương thuyết với đại-úy Francis-Garnier, thì quân Cờ-đen về đánh Hà-nội. Đại-úy đem quân đi đuổi đánh, lều đến Cầu-giấy thì bị phục quân giết mất.

7. Ông Philastre ra Hà-nội. -- Nguyên khi thiếu-tướng Dupré sai đại-úy Francis-Garnier ra Bắc-kỳ là tự ý mình, chứ chính-phủ nước Pháp vào không thuận, bởi vậy khi được tin đại-úy đã khởi sự đánh Hà-nội, thiếu-tướng liền sai quan hải-quân đại-úy, kiêm chức thống-soát việc hình luật ở Nam-kỳ, là ông Philastre (ta gọi là Hoắc-đạo-sinh 霍道生) cùng với quan phó-sứ nước ta là ông Nguyễn Văn-Tường 阮文祥 ra điều đình mọi việc ở Bắc-kỳ.

Đến Cửa-cấm thì ông Philastre và ông Nguyễn Văn-Tường mới biết rằng đại-úy Francis-Garnier đã bị quân Cờ-đen giết mất rồi. Sự chép rằng khi được tin ấy, ông Philastre tức giận vô bàn mà bảo ông Nguyễn Văn-Tường rằng: « Việc không xong rồi, phải trở về đợi lệnh sūy-phủ mới được ». Ông Nguyễn Văn-Tường sợ ông Philastre giận quá mà làm nhỡ việc, mới ứng dụng mà nói rằng: « Việc đánh lấy Hà-nội, sūy-phủ bảo không phải là bản ý, mà quân bản-quốc ở 4 tỉnh Bắc-kỳ cũng không có tranh giành gì cả. Vậy hai bên không có làm điều gì trái nhau. Nay ông Francis-Garnier chết, hoặc là vì giặc giết, hoặc là vì dân nổi lên làm loạn, việc đó ta chưa rõ. Huống chi trả thành lại để đình hòa ước cho xong, ấy là lệnh của quý sūy-phủ, mà thu lấy thành rồi mới nghĩ hòa, ấy là mệnh của bản-quốc. Còn như việc Hà-nội giết ông Francis-Garnier thì cũng như ông Francis-Garnier giết ông Nguyễn Tri-Phương, việc đó xuất ư ý ngoại, chứ có phải lỗi chung ta đâu. Bây giờ chúng ta ra đây mắt chưa trông rõ việc gì cả, mới nghe thấy tin báo mà đã bỏ về thế chẳng hèn ra mình đi nông mất công không hay sao? Chứ bằng ta cho người đưa thư lên Hà-nội báo đem tâu xuống đôn, chúng ta sẽ lên tới nơi, hoặc là cứ theo mệnh lệnh mà làm, hoặc là xét rõ duyên do tại làm sao mà đại-úy Francis-

Garnier chết, rồi sẽ báo tin, thế chẳng ổn việc làm hay sao.» Ông Philastre nghe lời ấy, bèn sai người đưa thư lên cho Hà-nội biết.

Ngay lúc ấy có tàu « Decrès » còn đóng ở gần Đồ-sơn, ông Philastre muốn sang tàu ấy để cho chiếc tàu mình đi là « D'Estrées » trở về báo tin cho Sài-gòn biết. Nguyễn Văn-Tường ngăn đi rằng: « Tàu của mình đã vào cửa rồi lại trở ra, nhờ sĩ-dân biết, lại bắt-chức Hà-nội mà làm bậy, thì làm thế nào mà ngăn cấm được; sợ có việc gì tổn hại, thì lấy lẽ gì mà bằm với qui sụy. Vậy nay xin sai chiếc tàu « Decrès » ra bề, đuổi đánh những giặc Tàu-ô, còn ta cứ đem tàu « D'Estrées » vào đến Hải-phòng, rồi ta lên Hải-dương, đem trả tỉnh thành lại cho bản-triều, để tỏ cái lòng tin cho sĩ-dân biết, sau ta lên Hà-nội, tra hỏi cả mấy thành kia, và tra hỏi việc đại-úy Francis-Garnier chết ra thế nào sẽ bằm cho qui sụy biết. »

Ông Philastre vốn là một người rất công bằng, lại thấy ông Nguyễn Văn-Tường nói hợp lẽ, bèn thuận nghe, và lên Hải-dương truyền trả thành lại cho quan ta, rồi lên Hà-nội làm tờ giao ước trả lại cả 4 thành cho quan ta coi giữ. Còn những tàu bè và quân lính của Pháp ở các tỉnh thì thu cả về Hà-nội, rồi định ngày lui quân ra đóng ở Hải-phòng đợi đến ngày ký tờ hòa-ước xong, thì rút về. Bấy giờ là tháng giêng năm giáp-tuất (1874), là cửa Tự-đức thứ 27.

Đỗ-phổ-Nghĩa thấy ông Philastre phá mất cả những việc của mình đã làm với đại-úy Francis-Garnier, bèn vào Sài-gòn kêu với sụy-phủ và đòi liền phí tổn non một triệu nguyên.

8 Hòa-ước năm giáp-tuất (1874). — Mọi việc ở Hà-nội xếp đặt xong rồi, sụy-phủ ở Sài-gòn sai ông Rheinart (Lê Na) ra thay cho ông Philastre. Ông Philastre cũng với ông Nguyễn Văn-Tường về Nam kỳ, định sự hòa-ước cho kịp ngày quan thiếu-tướng Dupré về Pháp.

Ngày 27 tháng giêng năm giáp-tuất (1874), là năm Tự-đức thứ 27, quan hải-quân thiếu tướng Dupré và ông Lê-Tuấn, ông Nguyễn Văn-Tường ký tờ hòa-ước cả thấy 22 khoản, đại-lược có những khoản này là quan trọng hơn cả.

Khoản II. -- Quan thống-linh nước Pháp nhận quyền độc lập của vua nước Nam không phải thần phục nước nào nữa, và khi nào vua nước Nam có cần đến việc gì để đánh dẹp giặc giã, thì nước Pháp sẵn lòng giúp mà không yêu cầu điều gì.

Khoản III. -- Vua nước Nam phải tuân nhận y theo chính-lược ngoại giao của nước Pháp, và chính-lược ngoại giao hiện lúc bấy giờ thế nào phải để nguyên như thế, không được đổi khác gì.

Quan Thống-linh nước Pháp lại tặng vua nước Nam:

1. -- 5 chiếc tàu có đủ máy móc súng ống.
2. -- 100 khẩu súng đại bác, và mỗi khẩu có 200 viên đạn.
3. -- 1000 khẩu súng tay và 5000 viên đạn.

Khoản IV. -- Quan Thống-linh nước Pháp hứa cho quan binh sang giúp vua nước Nam để dạy tập lính thủy lính bộ; cho những kỹ sư sang dạy làm mọi việc, và cho những người giỏi việc tài-chính sang tổ-chức việc thuế-má và việc thương-chính, v. v.

Khoản V. -- Vua nước Nam phải thuận nhường đứt đất 6 tỉnh Nam-kỳ cho nước Pháp.

Khoản IX. -- Vua nước Nam phải để cho giáo-sĩ được tự-do đi giảng đạo, và để cho dân trong nước được tự-do theo đạo.

Khoản XI. -- Vua nước Nam phải mở cửa Thi-nại (Qui-nhơn), cửa Ninh-hải (Hải-phóng), thành Hà nội và sông Hồng-hà, cho ngoại-quốc vào buôn bán.

Khoản XIII. -- Nước Pháp được quyền đặt linh-sự ở các cửa bể và các thành-thị đã mở ra cho ngoại quốc vào buôn bán.

Khoản XV. -- Người nước Pháp hay là người ngoại-quốc, hễ có giấy thông-hành của quan linh-sự Pháp và có chữ quan Việt nam phê nhận thì được phép đi xem các nơi ở trong nước.

Khoản XVI. -- Người nước Pháp và người ngoại quốc có điều gì kiện tụng tại đất Việt-nam, thì do linh-sự Pháp phân xử.

Khoản XX. -- Khi nào tờ hòa-ước này ký xong, thì quan Thống-linh nước Pháp đặt sứ-thần ở Huế, để chiếu những điều đã giao ước mà thi-hành. Vua nước Nam cũng được quyền đặt sứ-thần ở Paris và ở Sài-gòn.

Tờ hòa ước ấy ký xong, thì quan chánh-sứ Lê-Toán mất, ông Nguyễn Văn Tường về Huế. Thiếu-tướng Dupré giao mọi việc ở Nam-kỳ cho hải-quân thiếu-tướng Krantz quyền lữ, rồi về Pháp.

Tháng 6 Triều đình ở Huế lại sai quan Hình-bộ Thượng-thư là Nguyễn Văn Tường 阮文祥 và quan Lại-bộ thị-lang là Nguyễn Tăng-Doãn 阮增院 vào Sài-gòn cùng với thiếu-tướng Krantz định các lệ về sự buôn bán ở nước Nam, đến 20 tháng 7, thì tờ thương-ước lập xong.

CHƯƠNG IX

TÌNH THẾ NƯỚC NAM TỪ NĂM GIÁP - TUẤT VỀ SAU

1. Giặc Văn-thân ở Nghệ-Tĩnh. — 2. Giặc ở Bắc-kỳ. — 3. Sự giao-thiệp với nước Tàu. — 4. Sự giao-thiệp với nước Pháp.

1. Giặc Văn-thân ở Nghệ-Tĩnh. — Nhờ có ông Philastre và ông Nguyễn Văn-Tường 阮文祥 thu xếp việc Bắc-kỳ vừa xong, thì ở mạn Nghệ-Tĩnh có loạn.

Nguyên lúc bấy giờ dân trong nước ta chia ra làm hai phái ; bên lương, bên giáo, hai bên vẫn không ưa nhau. Đến khi xảy ra việc ông Francis-Garnier lấy Hà-nội, bọn sĩ-phu ở mạn Nghệ-Tĩnh thấy giáo dân có nhiều người theo giúp ông ấy, thì lấy làm tức giận lắm, bèn rủ nhau nổi lên đánh phá.

Tháng giêng năm giáp-tuất (1874), là năm Tự-dức thứ 27, đất Nghệ-an có hai người tú-tài là Trần-Tân 陳璠 và Đặng Như-Mai 鄧如梅 hội tập cả các văn-thân trong hạt, rồi làm một bài lịch, gọi là : « *Bình tây sát tử* », đại lược nói rằng : « Triều-dinh dẫu hòa với Tây mặc lòng, sĩ-phu nước Nam vẫn không chịu, vậy trước nhất xin giết hết giáo dân, rồi sau đánh đuổi Tây cho hết, để giữ lấy cái văn-minh nho-giáo của ta đã hơn 1000 năm nay, v. v. ». Bọn Văn-thân cả thấy độ non ba nghìn người, kéo nhau đi đốt phá những làng có đạo.

Nước ta mà không chịu khai hóa ra như các nước khác là cũng bởi bọn sĩ-phu cứ giữ thói cũ, không chịu theo thời thế mà thay đổi. Nay sự suy nhược của mình đã sờ-sờ ra đây, thế mà vẫn cứ không chịu mở mắt ra mà nhìn, lại vì sự tức giận một lúc, mà làm việc nông nổi càng rõ, để cho thiệt-hại thêm, như thế thì cái tội trách của bọn sĩ-phu đối với nước nhà chẳng to lắm ru.

Lúc bấy giờ quan tổng-đốc Nghệ-an là ông Tôn-thất Triệt 尊室澈 lại có ý dung túng bọn Văn-thân, cho nên họ càng đắc thế càng phá dữ. Triều-đình thấy vậy, mới truyền bắt quan quân phải dẹp cho yên. Bọn Văn-thân thấy quan quân đuổi đánh, bèn cùng với bọn giặc Trần Quang-Cán 陳光澆, Trương Quang-Thủ 張光首, Nguyễn Huy-Điền 阮輝璘 đánh lấy thành Hà-tĩnh, rồi ra vây phủ Diên-châu.

Triều-đình thấy thế giặc càng ngày càng to, bèn sai ông Nguyễn Văn-Tường 阮文祥 ra làm khâm-sai, và ông Lê Bá-Thận 黎伯慎 làm tổng-thống, đem quân ra đánh dẹp, từ tháng hai đến tháng 6 mới xong.

2. Giặc ở Bắc-kỳ. — Thuở ấy ở mạn Thượng-du đất Bắc kỳ lúc nào cũng có giặc, quan quân đánh mãi không được, phải nhờ quân Tàu, sang đánh giúp cũng không xong.

Ở mạn Hải-dương và Quảng-yên thì vẫn có những người mạo xưng là con cháu nhà Lê, cứ quấy rối mãi. Khi ông Francis-Garnier ra lấy Hà-nội, những người ấy về xin theo đi đôngh quan ta, nhưng vì sao nước Pháp trả lại các tỉnh ở Bắc-kỳ, họ lại tản đi. Và từ khi nước ta và nước Pháp đã ký hòa-ước rồi, quan Pháp có đem binh thuyền đi đánh giúp, cho nên mới liệt được đảng ấy.

Còn ở mạn Tuyên-quang, thì có giặc Cờ-vàng những nhiều đã lâu. Quan quân phải đánh dẹp mãi không được. Đến tháng 8 năm át-hợi (1875), là năm Tự-đức thứ 28, tướng Cờ-vàng là Hoàng Sùng-Anh 黃崇英 đem quân về đóng ở làng Châu-thương, thuộc phủ Vĩnh-trương. Bấy giờ quan tán-trung quân-vụ tỉnh Sơn-tây là ông Tôn-thất Thuyết 尊室說 về đôngh một trận, bắt được Hoàng Sùng-Anh và giết được quân Cờ-vàng rất nhiều. Giặc ấy từ đó tan dần.

Năm sau, ông Tôn-thất Thuyết lại giết được tên giặc Trần ở làng Cổ-loa, và dẹp yên được mạn Sơn-tây. Nhưng đến năm mậu-dần (1878), ở Lạng-son lại có tên giặc Khách là Lý Dương-Tài 李揚才 nổi lên.

Lý Dương-Tài trước làm quan hiệp-trấn ở Tâm-châu, thuộc tỉnh Quảng-tây, sau bị cách mới nổi lên làm giặc và đem quân tràn sang đánh lấy tỉnh Lạng-sơn. Quan ta đem thư sang cho quan Tàu biết. Quan đề-đốc Quảng-tây là Phùng Tử-Tài 馮子材 đem quân 26 doanh sang cùng với quân ta hội tiêu. Đến tháng 9 năm kỷ-mão (1879), quan quân mới bắt được Lý Dương-Tài ở núi Nghiêm-hậu, thuộc tỉnh Thiêng-uyên, đem giải sang Tàu.

Vì đất Bắc-kỳ cứ có giặc giã luôn, cho nên Triều-đình định đặt ra chức Tĩnh-biên-sứ 靖邊使 để giữ các nơi về đường ngược. Năm canh-thìn (1880), đặt ra Lạng-giang-đạo và Đoan-hùng-đạo, sai hai viên Tĩnh-biên phó-sứ là Trương Quang-Đản 張光燾 đóng ở Lạng-giang và Nguyễn Hữu-Độ 阮有度 đóng ở Đoan-hùng, lại phong cho Hoàng Kế-Viem 黃繼炎 làm Tĩnh-biên-sứ, kiêm cả hai đạo.

8. Sự giao-thiệp với nước Tàu. — Nước ta từ xưa đến nay tuy là độc-lập, nhưng vẫn giữ lệ triều cống nước Tàu, lấy cái nghĩa rằng nước nhỏ phải tôn kính nước lớn. Cho nên khi chiến tranh, dầu ta có đánh được Tàu nữa thì rồi nhà nào lên làm vua, cũng phải theo cái lệ ấy; mà đời nào cũng lấy điều đó làm tự nhiên, vì rằng triều cống cũng không tổn hại gì mấy, mà nước vẫn độc lập và lại không hay có việc lói thối với một nước láng giềng mạnh hơn mình. Bởi vậy hễ vua nào lên ngôi cũng chiếu lệ sai sứ sang Tàu cầu phong, và cứ ba năm sai sứ sang cống một lần..

Các vua đời nhà Nguyễn cũng theo lệ ấy, nhưng các đời vua trước, thì vua phải ra Hà-nội mà tiếp sứ Tàu và thụ phong, đến đời vua Dục-tôn thì sứ Tàu vào tại Huế phong vương cho ngài.

Còn những cống phẩm thì cứ theo lệ, mà thường chỉ đưa sang giao cho quan Tổng-đốc lưỡng Quảng đề đệ về Kinh, chứ không mấy khi sứ ta sang đến Yên-kinh. Trong đời vua Dục-tôn, thì sứ chép rằng năm mậu-thìn (1868), có ông Lê-Tuấn 黎綬, ông Nguyễn Tư-Giản 阮思健 và ông Hoàng-Tĩnh 黃並 sang sứ Tàu. Năm quý-dậu (1873), lại có bọn ông

Phan Sĩ-Thục 潘仕俶, ông Hà Văn-Khai 何文開 và ông Nguyễn-Tu 阮修 sang sứ Tàu, đề bày tỏ việc đánh giặc Khách ở Bắc-kỳ.

Từ năm giáp-tuất (1874) trở đi, Triều-đình ở Huế đã ký tờ hòa-ước với nước Pháp, công nhận nước Nam độc-lập, không thần phục nước nào nữa, nhưng lúc bấy giờ vì thế bất đắc dĩ mà ký tờ hòa-ước, chứ trong bụng vua Dục-tôn vẫn không phục, cho nên ngài cứ theo lệ cũ mà triều cống nước Tàu, có ý mong khi hữu sự, nước Tàu sang giúp mình. Bởi vậy năm bính-ti (1876), vua Dục-tôn sai bọn ông Bùi Ân-Niên 裴殷年, tức là ông Bùi-Dy 裴異, ông Lâm-Hoảng 林宏 và ông Lê-Cát 黎吉 sang sứ nhà Thanh. Năm canh-thìn (1880), lại sai bọn ông Nguyễn-Thuật 阮述, Trần Khánh-Tôn 陳慶祚, Nguyễn-Hoan 阮懽 sang Yên-kinh dâng biếu xưng thần và các đồ cống phẩm. Năm sau, Triều-đình nhà Thanh sai người Đường Đĩnh-Canh 唐廷庚 sang Huế bàn việc buôn bán và lập cuộc chiêu thương 招商局, chủ ý là để thông tin cho chính-phủ Tàu biết mọi việc bên nước ta.

Một bên đã hòa với nước Pháp, nhận theo chính lược ngoại giao của nước Pháp mà độc lập¹; một bên cứ triều cống nước Tàu, có ý đề cầu viện, bởi thế cho nên chính-phủ Pháp lấy điều đó mà trách Triều-đình ta vậy.

4. Tình thế nước Tàu. — Xưa nay ta vẫn công nhận nước Tàu là thượng quốc và vẫn phải giữ lễ triều cống. Hễ khi nào trong nước có việc biến loạn là vẫn trông mong nước Tàu sang cứu viện. Không ngờ từ thế-kỷ thứ 19 trở đi, thế lực các nước bên Âu-tây mạnh lên, người phương Tây đi lược địa rất nhiều, mà tình thế nước Tàu thì rất là suy nhược. Năm Đạo-quang thứ 19 (1839) tức là năm Minh-mệnh thứ 2) bên ta, vì việc cấm thuốc nha-phiến ở Quảng-dông thành ra sự chiến-tranh với nước Anh-cát-lợi. Quân nước Anh đánh phá thành Ninh-ba, Thượng-hải, v. v. Vua Đạo-quang phải

(1) Tờ hòa-ước năm giáp-tuất 1874.

nhân những điều hòa-ước năm nhâm-dần (1842) làm tại thành Nam-kinh, nhường đảo Hương cảng cho nước Anh và mở những thành Quảng-châu, Hạ-môn, Phúc-châu, Ninh-ba và Thượng-hải ra cho ngoại-quốc vào buôn bán.

Cuộc hòa-ước ở Nam-kinh định xong, các nước ngoại-dương vào buôn bán ở nước Tàu và đặt liub-sự ở Quảng-châu, Ninh-ba, Thượng hải, v. v.

Đến năm Hàm-phong thứ 8 (1858) tức là năm Tự-đức thứ 11, nước Anh và nước Pháp ký tờ hòa-ước với nước Tàu, đặt sứ-thần ở Bắc-kinh. Doạn nước Tàu có điều trái ước, gây thành việc chiến tranh với hai nước ấy. Quân nước Anh và nước Pháp đánh lấy các hải-khẩu, rồi kéo lên đánh lấy Bắc-kinh. Vua Hàm-phong lại phải nhân những điều hòa-ước năm canh-thân (1860) làm tại Thiểm-lân.

Từ đó nước Tàu cứ bị các nước thách nhiễu mọi điều, và bị đè nén nhiều cách. Lúc ấy nước Tàu chẳng khác gì cái nhà lớn đã hầm nát sắp đổ, mà ta vẫn không tỉnh ngộ, cứ mê mộng là nước ấy còn cường thịnh, có thể giúp ta được trong khi nguy hiểm. Bởi vậy khi quân nước Pháp đã lấy Bắc-kỳ rồi, người mình còn trông cậy ở quân cứu-viện của nước Tàu. Phương-ngôn ta có câu rằng: « Chết đuối vớ phải bọt » thật là đúng lắm. Nếu người Tàu có đủ thế lực cứu được ta, thì trước hết họ hãy cứu lấy họ đã. Nhưng lúc bấy giờ từ vua quan cho chí bọn sĩ-phu trong nước ta, ai là người hiểu rõ cái tình thế ấy? Cho nên không những là ta không chịu cái cách chính-thể của ta cho hợp thời, mà lại còn làm những điều ngang-ngạnh để cho chóng hỏng việc. Ấy cũng là cái vận nước chẳng may, song những người đương lộ lúc ấy cũng không sao tránh được cái lỗi của mình vậy.

5. Sự giao-thiếp với nước Pháp. — Từ khi ông Philastre ra điều đình mọi việc ở Bắc-kỳ xong rồi ông Rheinart ra thay ở Hà-nội, đợi cho đến ngày ký hòa-ước thì chiếu mọi khoản mà thi-hành. Ông Rheinart ở được mấy tháng, rồi lại về Sài-gòn, giao quyền lại cho quan lục-quân thiếu-

tá Dujardin (La-Đấng). Thiếu-tá có đem binh thuyền giúp quan ta đi đánh giặc ở mạn Hải-dương và Quảng-yên

Đến khi tờ hòa-ước và tờ thương-ước đã ký xong, thì Triều-đình sai ông Nguyễn Tăng-Doãn 阮增琿 ra Bắc-kỳ để cùng với quan thiếu-tá Dujardin chọn đất ở Hà-nội và ở Ninh-hải (Hải-phòng) để làm dinh làm trại cho quan quân nước Pháp đóng, và tại sai quan thụ thượng-thư bộ Hộ là ông Phạm Phú-Thứ 范富庶 ra làm Hải-An tông đốc sung chức tổng-lý thương-chánh đại-thần, cùng với ông Nguyễn Tăng-Doãn và ông Trần Hi-Tăng bàn định việc thương-chánh ở Bắc-kỳ.

Tháng 6 năm Ất-hợi (1875) chính-phủ nước Pháp sai ông Rheinart sang làm khám-sứ ở Huế, ông Truc làm lãnh-sứ ở Hải-phòng, và ông Kerzardec (Kê-la-đích) làm lãnh-sứ ở Hà-nội. Triều-đình ta sai ông Nguyễn Thành-Y 阮成慈 vào làm lãnh-sứ ở Sài-gòn.

Ông Rheinart ở Huế đến tháng 10 năm bính-tí (1876), thì cáo bệnh xin về, ông Philastre ra thay.

Triều-đình lúc bấy giờ cũng đã hiểu rằng hễ không theo tân học thì không tiến hóa được, cho nên mới định cho người đi du-học. Năm mậu-dần (1878), bên Pháp có mở hội vạn quốc đấu-xảo ở Paris, vua sai ông Nguyễn Thành-Y 阮成慈 và ông Nguyễn Tăng-Doãn 阮增琿 đem đồ đi đấu-xảo và cho người sang học ở Toulon.

Nhưng vì năm tân-tị (1881), Triều-đình lại sai quan Lễ-bộ thi-lang là Phạm-Binh 范炳 sang Hương-cảng đem 12 đứa trẻ con đi học ở trường Anh-cát-lợi, rồi lại sai sứ đi sang Tiêm-la và sang Tàu mà không cho sứ-thần nước Pháp biết. Bởi vậy chính-phủ Pháp lấy những điều đó mà trách Triều-đình ở Huế không theo hòa-ước năm giáp-tuất (1874)

Khi ông Philastre còn ở Huế, vì ông ấy là một người công chính và lại có học chữ nho, cho nên Triều-đình ta trọng đãi, và có điều gì trang trái cũng còn dễ. Từ năm kỷ-mão (1879) về sau ông ấy về Pháp rồi, sự giao-thiệp càng ngày càng khó thêm: phần thì vì người mình không biết cách

giao-thiệp với ngoại quốc, phần thì cái quyền lợi nước ta và nước Pháp lúc bấy giờ tương phản với nhau, cho nên hai bên không có lòng tin cậy nhau, thành ra sự giao-thiệp không được thân thiết lắm.

Và về sau, sự cai-trị ở Nam-kỳ đã thành nếp, giặc giã đã yên cả; ở bên Pháp thì thế lực đã mạnh, và đã có nhiều người bàn đến việc bên Viễn-đông này và việc bảo-hộ ở Bắc-kỳ. Lại nhân có những nước I-ta-ly, I-pha-nho, Anh-cát-lợi và Hoa-kỳ muốn sang thông với nước Nam mà có ý không muốn chịu để quan nước Pháp phân xử những việc can thiệp đến người những nước ấy. Bởi vậy nước Pháp muốn lập hẳn cuộc bảo-hộ để cho khỏi mọi sự lồi thối, bên bờ lệ đặt quan hải-quân kiêm lĩnh chức thống-đốc ở Nam-kỳ, mà sai quan văn sang sung chức ấy để trừ tình mọi việc.

Tháng 6 năm kỷ-mão (1879), quan thống-đốc mới là ông Le Myre de Vilers sang nhận chức ở Sai-gon và ông Rheinart lại sang làm khâm-sứ ở Huế để thay cho ông Philastre.

Ở Bắc-kỳ thì người Pháp đã ra vào buôn bán, nhưng vì quan ta không biết lo sự khai hóa, việc thông thương không được tiện lợi, và ở mạn thượng-du thì quân Cờ-đen tuy là mượn tiếng theo lệnh quan ta, nhưng kỳ thực chúng nó làm gì cũng không ai ngăn cấm được. Bởi vậy, chính phủ Pháp mới lấy những điều đó mà trách quan ta và định đem quân ra Bắc-kỳ để mở mang sự buôn bán.

CHƯƠNG X

QUÂN NƯỚC PHÁP LẤY BẮC-KỲ

Lần thứ hai

1. Đại-tá Henri-Rivière ra Hà-nội. — 2. Hạ thành Hà-nội lần thứ hai.
- 3. Việc cứu cứu nước Tàu. — 4. Quân Pháp lấy Nam-định. —
5. Đại-tá Henri Rivière chết.

1. Đại-tá Henri Rivière ra Hà-nội. — Cuối năm tân-tị (1881)⁽¹⁾, nhân có hai người Pháp tên là Courtin và Villeroi được giấy thông-hành đi lên Vân-nam, nhưng lên đến gần Lào-kay, bị quân Khách làm ngăn trở, không đi được. Quan thống đốc Le Myre de Vilers bèn gửi thư về Pháp, nói rằng nước Pháp nên dùng binh lực mà dẹp cho yên đất Bắc-kỳ. Sang tháng 2 năm nhâm-ngọ (1882) một mặt thống-dốc sai quan hải quân đại-tá Henri-Rivière sắp sửa binh thuyền



Hải-quân đại-tá Henri-Rivière.

(1) Độc-giã hiểu cho rằng những ngày tháng chép trong sách này là theo ngày tháng Việt-nam, chứ không phải là theo ngày tháng tây.

ra Hà-nội; một mặt viết thư vào Huế đại lược nói rằng: Đất Bắc kỳ loạn lạc, luật nhà vua không ai theo. Người nước Pháp có giấy thông-hành của quan An-nam cấp cho, mà đi đến đâu cũng bị quân Khách ngăn trở. Ở Huế thì quan Việt-nam thất lễ với quan khâm-sứ Rheinart. Vậy nên nước Pháp phải dùng cách để bênh vực quyền lợi của người nước Pháp.

Được ít lâu, đại tá Henri Rivière đem 2 chiếc tàu và mấy trăm quân ra đến Hải-phòng, rồi đi tàu nhỏ lên Hà-nội, đóng ở Đồn-thủy.

2. Hạ thành Hà-nội lần thứ hai. — Quan tổng-đốc Hà-nội bấy giờ là ông Hoàng-Diệu 黃耀 thấy binh thuyền nước



Quan Tổng-đốc Hà nội Hoàng-Diệu.

Thuyết làm tờ xin phép bằng chữ nôm gửi sang bên Khâm-sứ. Quan Khâm-sứ không nghe, bắt phải làm bằng chữ nho. Đến ngày 27 tháng 6 thì quan đại-tá và quan Khâm-sứ đi cửa chính vào điện làm lễ phong vương cho vua Hàm-nghi. Xong rồi quân Pháp lại trở ra Hà-nội.

CHƯƠNG XII

SỰ CHIẾN TRANH VỚI NƯỚC TÀU

1. Trận Bắc-lệ. - 2. Đánh Phúc-châu và vây Đài-loan. - 3. Trận đồn-Chũ và đồn Kép. - 4. Trận Yên-bạc. - 5. Lấy thành Lạng-sơn. - 6. Thành Tuyên-quang bị vây. - 7. Mất thành Lạng-sơn. - 8. Hòa-ước Thiên-tân.

1. Trận Bắc-lệ. — Ở Bắc-kỳ thì quân Pháp tưởng là việc hòa-ước với nước Tàu đã xong, chỉ còn đợi ngày quân Tàu rút về thì lên thu nhận lấy thành Lạng-sơn, Cao-bằng và Lao-kay. Cứ theo như tờ hòa-ước của quan trung-tá Fournier ký ở Thiên-tân, thì vào chừng rằm tháng 5 quân Tàu ở Lạng-sơn, Thất-khê và Cao-bằng phải rút về. Vây đến cuối tháng 5, thì thống-tướng Millot sai quan trung-tá Dugenne đem 1.000 quân lên thu lại các thành ấy. Ngày mồng một tháng 5 nhận thì quân Pháp lên đến đồn Bắc-lệ 北 靉. Khi quân Pháp sang qua sông Thương, thì quân Tàu bắn vào quân Pháp, phải 3 người bị thương. Được một chốc bên quân Tàu sai người đưa thư sang nói rằng quân Tàu đã biết có hòa-ước, nhưng chưa được lệnh rút quân về, vậy xin hoãn lại 6 ngày để đợi lệnh Bắc-kinh. Quan trung-tá Dugenne không chịu; đến quá trưa, trung-tá cho người đưa thư sang bảo quân Tàu rằng: Trong một giờ nữa mà quân Tàu không rút về, thì quân Pháp cứ việc tiến lên. Đoạn rồi trung-tá truyền lệnh tiến binh; đi được một lúc, thì quân Tàu phục hai bên đường bắn ra. Quân Pháp dàn trận ra đánh nhau đến lốt. Sáng ngày hôm sau, quân Pháp thấy quân Tàu sắp vây cả bốn mặt, bèn rút về bên này sông Thương, để đợi quân cứu viện ở Hà-nội lên. Trận ấy quân Pháp bị 28 người tử trận, 46 người bị thương, còn những phu phen chết, không biết bao nhiêu ma kẻ

Triều đình ở Huế không chịu, lại thấy có quân Tàu sang đóng ở các tỉnh, bèn một mặt sai ông Charles Thomson sang làm thống-đốc Nam-kỳ, để thay cho ông Le Myre de Vilers về Pháp; một mặt tiếp quân ra cho đại-tá Henri Rivière và triệu quan khâm-sứ Rheinart ở Huế về.

Nguyên trước đại-tá Henri Rivière ở Hà-nội chỉ có độ 400 lính, sau lại tiếp được 750 người nữa, đại-tá bèn đề quan đại-úy Berthe de Villers với 400 quân ở lại giữ Hà-nội, còn bao nhiêu đem đi đánh Nam-định. Ngày 28 tháng 2 năm quí-mùi (1883), thì quân Pháp khởi sự đánh thành. Đánh từ sáng đến trưa thì quân Pháp vào thành; quan tổng-đốc Vũ Trọng-Bình 武仲平 bỏ chạy, quan đề-đốc Lê Văn-Điểm 黎文店 tử trận, quan án-sát-sứ Hồ Ba-Ồn bị thương.

5. Đại-tá Henri Rivière chết. - Quan ta thấy quân Pháp tiến binh, và lại cậy có quân Tàu sang cứu, bèn quyết ý đòi thế hòa ra thế công. Một mặt quan tổng-đốc Bắc-ninh là Trương Quang-Đản 張光澗 cùng với quan phó kinh-lược Bùi Ân-Niên 裴殷年 đem binh về đóng ở Giốc-gạch, thuộc huyện Gia-lâm chức sang đánh Hà-nội. Đại-úy Berthe de Villers đem quân ở Hà-nội sang đánh đuổi, quan quân phải lui về phía Bắc-ninh. Một mặt quan tổng-đốc Hoàng Kế-Viêm 黃繼炎 sai Lưu Vĩnh-Phúc 劉永福 làm tiên phong đem quân về đóng phủ Hoài-đức, để đánh quân Pháp.

Đại-tá Henri Rivière lấy xong Nam-định rồi, về Hà-nội thấy quân ta và quân Cờ-đen sắp đến đánh, bèn truyền lệnh tiến binh lên đánh mặt phủ Hoà-đức. Sáng hôm 13 tháng 4 thì đại-tá đem 500 quân ra đánh ở mạn Cầu-giấy, bị quân Cờ-đen phục ở chung quanh đổ ra đánh, quân Pháp chết và bị thương đến non 100 người. Đại-tá Henri Rivière tử-trận đại-úy Berthe de Villers bị thương nặng.

Ở Sài-gòn được tin đại-tá Henri Rivière mất, quan tổng-đốc Thomson liền điện về cho chính-phủ Pháp biết. Lúc bấy giờ ở Paris hạ-nghị-viện còn đang do dự về việc đánh

hãy Bắc kỳ khi tiếp được điện báo ở Sài-gòn về, nghị-viện liền thuận cho chính-phủ trích ra 5 triệu rưỡi phật-lãng để chi tiêu về việc binh phí, và lại thuận cho một viên quan văn làm toàn-quyền, sang kinh lý mọi việc ở Bắc-kỳ.

Chính-phủ Pháp liền điện sang truyền cho lục-quán thiếu-tướng Bouët ở Nam-kỳ ra thống-đốc quân vụ ở Bắc-kỳ, sai quan hải-quân thiếu-tướng Courbet đem một đội chiến-thuyền sang tiếp ứng, và lại cử ông Harmand là sứ-thần Pháp ở Tiêm-la ra làm toàn-quyền.

Ngày mồng 3 tháng 5, thì quan thiếu-tướng Bouët đem 200 lính tây, 300 lính tập ra đến Hải-phòng. Lập tức thiếu-tướng sửa-sang sự chống giữ ở Hà-nội và ở Nam-dinh, và lại cho Georges Vlavianos (ông Kiền) là người theo Đờ-phổ-Nghĩa ngày trước, được phép mộ lính Cờ-vàng đi làm tiền quân.

Quan ta đem quân về đánh quân Pháp ở Hà-nội, ở Hải-phòng và ở Nam-dinh, nhưng chỗ nào cũng không được.

Quan ta bấy giờ không có thống nhất, ai cũng lên mộ được giùm ba trăm người, cho mang gươm mang giáo đi đánh, hễ phải đổ vai ba phát đạn trái-phé thì xô đẩy nhau mà chạy; còn quân của nhà vua thì không có luyện tập, súng đại-bác thì không biết bắn, súng tay thì ít và xấu. Như thế thì chống làm sao được với quân Pháp là quân đã quen đánh trận và lại có đủ súng ống?

Bấy giờ cuộc hòa-đội ra cuộc chiến, suy-phủ ở Sài-gòn đuổi quan lĩnh-sự Việt nam ta là ông Nguyễn Thành-Ý 阮誠意 về Huế. Trong khi việc nước đang rối cả lên như thế, thì vua Dục-tôn mất.

Ngài mất ngày 16 tháng 6 năm quí-mùi (1883), trị vì được 36 năm, thọ 55 tuổi, miếu-hiệu là Dục-tôn Anh-hoàng-đế 宣宗英農帝.

CHƯƠNG XI

BẢO-HỘ

1. Sự phế lập ở Huế: vua Hiệp hòa — 2. Quân Pháp lấy cửa Thuận-an. — 3. Hòa ước năm qui-mùi (1883). — 4. Việc ở Bắc-kỳ. — 5. Vua Hiệp-hòa bị giết. — 6. Vua Kiến phúc. — 7. Sự đánh lấy các tỉnh ở Bắc-kỳ. — 8. Lấy tỉnh Sơn tây. — 9. Lấy thành Bắc-ninh. — 10. Lấy Hưng hóa. — 11. Lấy Tuyên quang. — 12. Hòa ước Fournier. — 13. Hòa-ước Palenôtre tháng 6 năm giáp-thân. — 14. Việc Triều đình ở Huế. — 15. Vua Hàm-nghi.

1. Sự phế lập ở Huế: Vua Hiệp-hòa. — Bản-triều nhà Nguyễn truyền ngôi đến hết đời vua Dục-tôn thì mất quyền tự chủ. Nước Nam tự đó thuộc về nước Pháp bảo-hộ. Nghĩa là ngôi nhà vua tuy vẫn còn, nhưng quyền chính-trị phải theo nhà-nước Bảo hộ xếp đặt.

Ấy cũng vì thời đại biến đổi, mà người mình không biết biến đổi, cho nên nước mình mới thành ra suy đồi. Về lúc ấy ở ngoài Bắc-kỳ thì rối loạn, ở trong Triều thì quyền thần chuyên chế, bởi vậy cho nên lại sinh ra lắm việc khổ khăn 1.

Vua Dục-tôn không có con, nuôi 3 người cháu làm con nuôi: trưởng là Dục-đức 育德, phong Thụy-quốc-công 瑞國公, thứ là ông Chánh-mộng 正蒙, phong Kiên-giang-quận-công 堅江郡公, ba là ông Dưỡng-Thiện 養善. Khi

(1) Những chuyện ở trong Triều lúc bấy giờ, phần nhiều ta lấy ở quyển « *Hạnh-thục-ca* 幸蜀歌 » của Lê-tân Nguyễn Nhược-thị 禮嬪阮若氏. Bà ấy là một người cung-phi của vua Dục-tôn sau lại làm thư-ký cho bà Từ-dạ, cho nên những việc trong Triều bà ấy biết được rõ.

(2) Dục-đức, Chánh-mộng, Dưỡng-thiện là tên nhà học của những ông Hoàng con nuôi vua Dục-tôn, gọi là Dục-đức-đương, Chánh-mộng-đương, v. v. Lúc các ông Hoàng ở, chưa được phong, thì người ta cứ lấy tên nhà học mà gọi.

ngài sắp mất, có đề di chiếu nói rằng: Đứơc-tịch ông Đứơc-đức không đáng làm vua, mà ý ngài muốn lập ông Đứơng-thiện, nhưng vì ông ấy còn bé, mà việc nước cần phải có vua lớn tuổi, cho nên phải lập con trưởng. Ngài lại cho ông Trần Tiên-Thành 陳踐誠, ông Nguyễn Văn-Tường 阮文祥 và ông Tôn-thất Thuyết 尊室說 làm phụ-chính.

Được ba ngày thì ông Nguyễn Văn-Tường và ông Tôn-thất Thuyết đòi tờ di- chiếu, bỏ ông Đứơc-đức mà lập em vua Đứơc-tôn là Lạng-quốc-công 朗國公 lên làm vua. Triều-thần ngo ngác, không ai dám nói gì, chỉ có quan ngự-sử Phan Đình-Phùng 潘廷逢 đứng dậy can rằng: « TỰ-quân chưa có tội gì, mà làm sự phể lập như thế, thì sao cho phải lẽ ». Nguyễn Văn-Tường và Tôn-thất Thuyết truyền đem bắt giam ông Phan Đình-Phùng lại, rồi cách chức đăđi về.

Lạng-quốc-công, húy Hồng-Dật 洪佚, lên làm vua, đặt niên-hiệu là Hiệp-hòa 協和. Còn ông Đứơc-đức thì đem giam ở Đứơc-đức giảng-dường 育德講堂.

2. Quân Pháp lấy cửa Thuận-an — Vua Hiệp-hòa vừa lập xong, thì quan Toàn-quyền mới, là ông Harmand đến Hải-phòng, rồi hội quan hải-quân thiếu-tướng Courbet và lục-quân thiếu-tướng Bouët, đề bàn định mọi việc.

Định một mặt thì thiếu-tướng Bouët đem quân lên đánh lấy đồn phủ Hoài; một mặt thì thiếu-tướng Courbet đem tàu vào đánh lấy cửa Thuận-an, đề bắt Triều-đình phải nhận nước Pháp bảo hộ.

Ngày 12 tháng 7, thiếu-tướng Bouët lên đánh quân Cờ-đen ở mạn làng Vòng. Hai bên đánh nhau non ba ngày trời. Sau quân Cờ-đen phải lùi lên đóng ở đồn Phụng. Nhưng vì lúc bấy giờ nước lũ lên to, đê vỡ, cho nên quân Pháp không tiến lên được.

Ngày 16, lục-quân trung-tá Brionval ở Hải-phòng đem quân lên lấy thành Hải-dương.

Quân Pháp tuy thắng, nhưng quân Cờ-đen còn mạnh, nên chỉ thiếu-tướng Bouët phải điện về Paris xin thêm quân tiếp ứng

Trong khi lục-quân thiếu-tướng Bouët tiến quân đánh tại Bắc-kỳ, thì hải-quân thiếu-tướng Courbet cùng với quan Toàn-quyền Harmand đem tàu vào đánh cửa Thuận-an, từ ngày 10 đến ngày 18 tháng bảy thì thành Trấn-hải vỡ. Quan trấn thành là bọn ông Lê-Sĩ 黎仕, Lê-Chuần 黎準 tử trận; ông Lâm-Hoảng 林宏, ông Trần Thúc-Nhân 陳叔訥 thì chạy xuống sông tự tử.

3. Hòa-ước năm quý-mùi (1883). — Triều-đình thấy sự nguy cấp, liền sai quan ra xin hòa. Quan Toàn-quyền Harmand bắt quan ta phải giải binh cả mọi nơi, rồi cùng với ông de Champeaux lên Huế đề nghị hòa. Triều-đình sai quan Hiệp-biên hữu-trí là ông Trần Đình-Túc 陳廷肅 làm Khâm-sai toàn-quyền, và ông Nguyễn Trọng-Hợp 阮仲合 làm phó, để cùng với quan Pháp hội nghị.

Ngày 23 tháng 7 thì tờ hòa-ước lập xong, có chữ ông Harmand, ông de Champeaux, ông Trần Đình-Túc và ông Nguyễn Trọng-Hợp cùng ký.

Tờ hòa-ước ấy có 27 khoản: *Khoản thứ nhất* nói rằng: Nước Nam chịu nhận nước Pháp bảo hộ, có việc gì giao-thiệp với ngoại quốc thì phải do nước Pháp chủ trương. *Khoản thứ hai*: Tỉnh Bình-thuận thuộc về Nam-kỳ. *Khoản thứ ba*: Quân Pháp đóng giữ ở núi Đèo-ngang và ở Thuận-an. - *Khoản thứ sáu*: Từ tỉnh Bình-thuận ra đến Đèo-ngang thì quyền cai-trị thuộc về Triều-đình.

Những khoản sau nói rằng quan khâm-sứ ở Huế được quyền tự-do ra vào yết-kiến nhà vua. Còn đất Bắc-kỳ kể từ Đèo ngang trở ra thì nước Pháp đặt công-sứ¹ ở các tỉnh để kiểm sát những công việc của quan Việt-nam. Nhưng quan Pháp không dự vào việc cai-trị ở trong hạt.

Tờ hòa ước ấy ký xong, gửi về Paris để chính-phủ duyệt y, rồi mới hô giao, nghĩa là mới tuyên cáo cho thiên-hạ biết.

(1) Résident tức là lưu trú-quan, nhưng lúc bấy giờ ta chưa quen dùng chữ ấy, và nhân có chữ consul cho nên mới dùng chữ công-sứ.

Ông de Champeaux ở lại Huế làm khâm-sứ, quan Toàn-quyền Harmand ra Bắc-kỳ để kinh-lý việc đánh dẹp.

4 Việc ở Bắc-kỳ. — Triều-dinh ở Huế nhận hòa-ước xong rồi, sai quan Lại-bộ Thượng-thư Nguyễn Trọng-Hợp 阮仲合 làm Khâm-sai đại-thần, quan Công-bộ Thượng-thư Trần Văn-Chuân 陳文準 và quan Lại-bộ tham-tri, Hồng-Phí 洪肥 làm phó khâm-sai, ra Bắc-kỳ để cùng với quan Toàn-quyền Harmand hiểu dụ nhân dân và bãi quân thú ở các nơi.

Bấy giờ ở Bắc-kỳ có quan nhà Thanh là Đường Cảnh-Tùng 唐景松 đóng ở Sơn-tây, Từ Diên-Húc 徐延旭 đóng ở Bắc-ninh, lại có quân Cờ-đen của Lưu Vĩnh-Phúc 劉永福 đóng ở đồn Phụng.

Triều-dinh tuy có chỉ ra truyền cho quan ta phải rút quân về Huế, nhưng quan ta còn có nhiều người muốn ở nước Tàu mà chống giữ với quân Pháp, cho nên không ai phụng chỉ. Bởi vậy cuộc chiến-tranh ở Bắc-kỳ mãi không xong được.

5. Vua Hiệp-hòa bị giết. — Ở trong Huế thì vua Hiệp-hòa cũng muốn nhận chính sách bảo-hộ để cho yên ngôi vua, nhưng các quan có nhiều người không chịu, và lại thấy Nguyễn Văn-Tường và Tôn-thất Thuyết chuyên chế thái quá, muốn dùng kế mà trừ bỏ đi, bèn dõng Nguyễn Văn-Tường sang làm Binh-bộ Thượng-thư, Tôn-thất Thuyết làm Lại-bộ Thượng-thư, để bớt binh quyền của Tôn-thất Thuyết.

Hai người thấy vua có lòng nghi, sợ dè lâu thành vạ, bèn vào tâu với bà Từ-dụ Thái-hậu 慈禧太后 để lập ông Dương-thiện 養善 là con nuôi thứ ba vua Dục-tôn, rồi bắt vua Hiệp-hòa đem ra phủ ông Dục-dực cho uống thuốc độc chết. Vua Hiệp-hòa làm vua được hơn 4 tháng, sử gọi là Phế-đế 廢帝.

Nguyễn Văn-Tường và Tôn-thất Thuyết đã giết vua Hiệp-hòa rồi, lại thấy quan Phụ-chính Trần Tiên-Thành 陳踐誠 không theo ý mình, cũng sai người giết nốt.

6. Vua Kiến-phúc. -- Ngày mồng 7 tháng 10 năm quimúi (1883), ông Dương-thiện, húy là Ung-Đặng 膺 登 lên ngôi làm vua, đặt niên-hiệu là Kiến-phúc 建福. Bấy giờ ngài mới có 15 tuổi, việc gì cũng ở Nguyễn Văn-Tường và Tôn-thất Thuyết quyết định cả.

Ở Bắc-kỳ thì ông Hoàng Kế-Viêm 黃繼炎 còn đóng tại Sơn-tây, ông Trương Quang-Đản 張光愷 còn đóng tại Bắc-ninh, cùng với quân Tàu chống giữ quân Pháp. Quan khâm-sứ ở Huế lấy điều đó trách Triều-dinh. Triều đình lại có dụ ra truyền cho bọn ông Hoàng Kế-Viêm và Trương Quang-Đản phải về Kinh.

Các quan bấy giờ cũng có ông về, cũng có ông nạp ân trả Triều-dinh, rồi hoặc đi chiêu mộ những người nghĩa-dũng, hoặc đi theo quan nhà Thanh, để chống nhau với quân Pháp. Bấy giờ có quan đề-đốc Nam-dịnh là Tạ Hiện 謝現 lĩnh chức đề-đốc của Tàu; và quan án sát-sứ Phạm Vụ-Mân 范務敏 và quan tri-phủ Kiến-xương Hoàng Văn-Hòe 黃文槐 bỏ chức mà đi; quan tan-tướng quân-vụ ở Sơn-tây là ông Nguyễn Thiện-Thuật 阮善述 bỏ về Hải-dương, đi mộ quân đề chống giữ với quân Pháp.

7. Sự đánh lấy các tỉnh ở Bắc-kỳ. - Quan Toàn-quyền Harmand ra Bắc-kỳ sửa sang sự cai-trị, lập ra những đội lính tuần-cảnh, tục gọi là lính *khố-xanh*, để phòng giữ các nơi, và bãi lính Cờ-vàng của quan thiếu-tướng Bouët đã cho mộ được mấy trăm, vì những lính ấy hay cướp phá dân gian. Nhưng vì quan Toàn-quyền xâm vào quyền quan binh, cho nên thiếu-tướng Bouët lấy làm bất bình.

Ngày mồng một tháng 8, thiếu-tướng đem quân lên đánh Cờ-đen ở đồn Phụng. Hai bên đánh nhau rất dữ. Quân Cờ-đen tuy phải lui, nhưng chưa thực là thua. Thiếu-tướng thấy đánh giặc chưa được và lại có ý bất hòa với quan Toàn-quyền, bèn xin về Pháp, giao binh quyền lại cho lục-quân đại-tá Bichot.

Được ít lâu, có quân tiếp ở Sài-gòn ra, đại-tá bèn vào lấy tỉnh Ninh-binh.

8. Lấy Sơn-tây. — Ngày 25 tháng 9, chính-phủ Pháp điện sang cho hải-quân thiếu-tướng Courbet làm thống-đốc quân-vụ, kiêm chức Toàn quyền ở Bắc-kỳ. Quan nguyên Toàn-quyền Harmand xin về Pháp.

Từ đó việc binh nhung, việc cai-trị và việc giao thiệp, ở cả tay thiếu-tướng Courbet. Trong khi thiếu-tướng còn phải sửa sang mọi việc và đợi quân tiếp ở Pháp sang, thì quan ta đem quân về đánh Hải-dương, đốt phá cả phố xá. Quan Pháp nghi tình thần thông với văn-thần, bèn bắt đẩy vào Côn-lôn.

Đến khi thiếu-tướng tiếp được quân ở bên Pháp sang, số quân Pháp ở Bắc-kỳ bấy giờ được hơn 9.000 người, thiếu-tướng chia ra làm hai đạo, đem cả thủy bộ tiến lên đánh thành Sơn-tây. Đánh từ sáng ngày 13 đến hết ngày 16 mới hạ được thành. Quân Cờ-đen chống giữ hăng lắm, nhưng quân Tàu và quân ta thấy súng của Pháp bắn lên mạnh quá, đều bỏ thành rút lên mạn ngược, quân Cờ-đen cũng phải chạy theo. Trận ấy quân Pháp bị 83 người tử trận và 319 người bị thương.

9. Lấy thành Bắc-ninh. — Quân Pháp tuy đã lấy được Sơn-tây, nhưng quân Tàu càng ngày càng sang đông, thiếu-tướng phải chờ có quân tiếp thêm mới đi đánh chỗ khác. Bên Pháp lại sai một lữ-đoàn 旅團¹ sang Bắc kỳ và sai lục-quân trung-tướng Millot sang làm thống-đốc quân vụ thay cho hải-quân thiếu-tướng Courbet.

Ngày 16 tháng giêng năm giáp-thân (1884), quan thống-tướng Millot sang nhận chức, thiếu-tướng Courbet được thăng lên hải-quân trung-tướng và lại ra coi hải quân để giữ

(1) Mỗi một lữ-đoàn (brigade) có 2 vệ quân, độ chừng bảy tám nghìn người, có quan thiếu tướng coi. Hai lữ-đoàn là một sư-đoàn (division), có quan trung-tướng coi.

mặt bè. Bảy giờ quân Pháp cả thấy được hơn 1 vạn 6 nghìn người và 10 đội pháo-thủ, chia ra làm hai lữ-đoàn. Một lữ-đoàn ở bên hữu ngạn sông Hồng-hà thì đóng ở Hà-nội, có thiếu-tướng Briere de l'Isle coi; một lữ-đoàn ở bên tả-ngạn sông Hồng-hà, thì đóng ở Hải-dương, có thiếu-tướng de Négrier coi.

Bảy giờ con đường từ Hà-nội sang Bắc-ninh, chỗ nào cũng có quân Tàu và quân ta đóng. Thống-tướng MilLOT bèn truyền lệnh cho thiếu-tướng Briere de l'Isle đem quân qua sông Hồng-hà, rồi theo sông Đuống (tức là sông Thiên-đức), đi về phía đông. Còn toàn quân của thiếu-tướng de Négrier ở Hải-dương, đi tàu đến Phả-lại lên bộ, để tiếp vào với toàn quân của thiếu-tướng Briere de l'Isle, rồi cả thủy bộ theo sông Cầu (sông Nguyệt-đức) tiến lên đánh Bắc-ninh.

Hai bên khởi sự đánh nhau từ ngày 11 tháng 2, đến ngày 16, thì lấy được Đáp-cầu. Quân Tàu thấy quân Pháp chặn mất đường lên Lạng-son, bèn bỏ Bắc-ninh rút lên mạn Thái-nguyên. Tối ngày 16, thì quân Pháp vào thành Bắc-ninh. Trận ấy quân Pháp chỉ mất có 8 người và 40 người bị thương mà thôi.

Thiếu-tướng Briere de l'Isle đem quân lên lấy Yên-thế, rồi đến ngày 23 thì lên lấy thành Thái-nguyên.

10. Lấy Hưng-hóa. — Hạ được thành Bắc-ninh và thành Thái-nguyên rồi, quân Pháp quay về mạn sông Hồng-hà để đánh lấy Hưng-hóa và Tuyên-quang. Thiếu-tướng Briere de l'Isle đem lữ-đoàn thứ nhất theo con đường Sơn-tây lên Hưng-hóa, rồi dàn trận ở bên này sông Đà-giang. Hai bên khởi sự đánh nhau từ sáng ngày rằm tháng 3, đến 2 giờ chiều ngày hôm ấy thì quân Pháp sang sông ở chỗ gần địa-hạt huyện Bất-bạt. Chín giờ sáng ngày 16, thì thiếu-tướng de Négrier đem lữ-đoàn thứ nhì tiếp đến, cả hai lữ-đoàn cùng hợp lực tiến lên đánh. Quân Tàu và quân Cờ-đen thấy thế không chống được, bèn đốt cả phố xá, rồi bỏ thành

Hung-hóa rút lên mạn ngược. Còn bọn ông Hoàng Kế-Viêm thì kéo lên mạn núi, rồi đi đường thượng-đạo rút về Kiph. Trưa ngày 17 thì quân Pháp vào thành Hưng-hóa. Lập tức thiếu-tá Coronna' đem một toán quân lên đánh phá đồn Vàng.

11. Lấy Tuyên-quang. — Lấy xong Hưng-hóa rồi, chỉ còn có thành Tuyên-quang là chỗ quân Cờ-đen còn đóng giữ. Thống-tướng Millo' ben sai quân đem tàu đi dò xem sông Lô-giang tàu thủy lên được đến đâu. Hoạn rồi sai trung-tá Duchesne đem đạo quân ở Hưng-hóa, và một đội năm chiếc tàu binh lên đánh Tuyên-quang. Quân của trung-tá Duchesne đóng ở Việt-tri khởi hành từ hôm mồng 3 tháng 5, đến ngày mồng 8 thì đến Tuyên-quang. Chỉ đánh độ một giờ đồng hồ thì quân Cờ-đen bỏ thành chạy.

12. Hòa-ước Fournier. — Bảy giờ tuy các tỉnh ở mạn trung-châu đất Bắc-kỳ đều thuộc về quân Pháp cai-quản cả. Nhưng quân Tàu còn đóng ở Lạng-son, Cao-bằng và mạn Lao-kay. Bởi vậy chính-phủ Pháp muốn dùng cách giao-thiệp mà trang trải với nước Tàu, để chính phủ Tàu nhận cuộc bảo-hộ của nước Pháp ở nước Nam cho xong. Lại nhân bấy giờ có quan hải-quân trung-tá Pháp tên là Fournier quen một người nước Đức tên là Détring làm quan bên Tàu coi việc thương-chánh ở Quảng-dông. Détring vốn thạo với quan tổng-dốc Trục-lệ là Lý Hồng-Chương 李鴻章. Một hôm Détring gặp quan trung-tá Fournier nói chuyện việc hòa với nước Tàu. Détring điện về cho Lý Hồng-Chương biết. Hai bên đều có ý muốn hòa cho êm chuyện.

Chính-phủ Pháp ben sai trung-tá Fournier lên Thiên-tân để cùng với Lý Hồng-Chương nghị hòa. Đến ngày 18 tháng 4, năm giáp-thần (1884), thì lập xong tờ hòa-ước. Đại lược nói rằng nước Tàu thuận rút quân đóng ở Bắc-kỳ về, và từ đây về sau chính-phủ Tàu thuận nhận tờ giao-ước của nước Pháp lập với nước Nam. Nghĩa là nước Tàu để cho nước Pháp được tự-do xếp-dặt mọi việc ở đất Việt-nam.

13. Hòa-ước Patenôtre tháng 5 năm giáp-thân (1884). Tờ giao-ước ký xong thì trung-tá Fournier điện cho thống-tướng Millet ở Bắc-kỳ biết sự hòa-ước đã xong, và quan Tán ở Bắc-kỳ phải rút về.

Lúc bấy giờ công-sứ nước Pháp ở Bắc-kinh là ông Patenôtre ở bên Pháp sang, đi qua đến Sài-gòn, chính-phủ ở Paris điện sang sai ông ấy ra Huế sửa lại tờ hòa-ước của ông Harmand đã lập xong ngày 23 tháng 7 năm quý-mùi (1883).

Ông Patenôtre và ông Rheinart ra Huế cùng với Triều-dinh thương nghị mấy ngày, rồi đến ngày 13 tháng 5 năm giáp-thân là ngày mồng 6 tháng juin năm 1884, ông Patenôtre cùng với ông Nguyễn Văn-Tường 阮文祥, ông Phạm Thận-Đuật 范慎通 và ông Tôn-thất Phan 尊室瀾 ký tờ hòa-ước mới. Cả thấy có 19 khoản, đại thể thì cũng như tờ hòa-ước của ông Harmand, chỉ đổi có mấy khoản nói về tỉnh Bình-thuận và 3 tỉnh ở ngoài Đèo ngang là Hà-tĩnh, Nghệ-an, Thanh-hóa vẫn thuộc về Trung-kỳ.

Chính lược nước Nam ta ngày nay hiện còn theo tờ hòa-ước ấy.

Tờ hòa-ước ký xong, ông Rheinart ở lại làm Khâm-sứ ở Huế, và ông Patenôtre hội cả các quan, bắt đem cái ấn của Tán phong cho vua Việt-nam, thụt bẽ nẫu lên mà hủy đi, nghĩa là từ đó nước Nam thuộc về nước Pháp bảo-bộ, chứ không thần-phục nước Tàu nữa,

14. Việc triều-chính ở Huế. - Triều-dinh lúc bấy giờ thì việc gì cũng do ở hai quan Phụ-chính là ông Nguyễn Văn-Tường và ông Tôn-thất Thuyết.

Ông Tôn-thất Thuyết là người tinh nóng-nảy, dữ-dội, ai cũng khiếp sợ. Nhưng tài năng thì kém, mà lại nhất gan, cho nên đa nghi và hay chém giết. Ông Nguyễn Văn-Tường là người ở Quảng-trị, thi đỗ cử-nhân năm Tự-đức thứ 5, thì thật là một người có tài trí, giỏi nghề giao-thiệp; nhưng chỉ có tính tham lam và lại tàn nhẫn.

Hai ông ấy chuyên giữ triều-chính. Quan lại thì ở tay ông Tường, binh quyền thì ở tay ông Thuyết. Nhưng mà thương thì việc gì cũng do ở ông Tường xui khiến cả. Trong Triều từ hoàng-thần quốc-thích cho đến các quan, ai có điều gì trái ý hai ông ấy, là bị giam chấp hay là chém giết cả.

Ông Thuyết thì mộ quân *phấn-nghĩa* để giữ mình, và thường hay tiếm dùng nghi vệ của vua; ông Tường thì chịu tiền-hối-lộ của những người Khách, cho chúng nó đem *tiền sênh*, là một thứ tiền, niên-hiệu Tự-đức, mỏng và xấu, đúc ở bên Tàu đem sang, bắt dân phải tiêu. Ai không tiêu thì phải tội. Và lúc ấy vua hãy còn trẻ tuổi chưa biết gì, cho nên hai ông ấy lại càng chuyên chế lắm nữa.

Vua Kiến-phúc trị vì đến ngày mồng 6 năm giáp-thân (1884), vừa được hơn 6 tháng thì ngài phải bệnh mất⁽¹⁾, niên-hiệu là Giản-tôn Nghi-hoàng-đế 簡宗毅皇帝.

15. Vua Hàm nghi. — Vua Kiến-phúc mất, đang lẽ ra con nuôi thứ hai của vua Dực-tôn là ông Chánh-mông 正蒙 lên nối ngôi thì phải. Nhưng ông Tường và ông Thuyết không muốn lập người lớn tuổi, sợ mình mất quyền, bèn chọn người em ông Chánh-mông là ông Ưng-Lịch 應歷, mới 12 tuổi, lập lên làm vua, đặt niên-hiệu là Hàm-nghi 咸宜.

Quan Khâm-sứ Rheinart trước đã tư giấy sang cho Triều-đình Huế rằng: Nam-triều có lập ai lên làm vua thì phải xin phép nước Pháp mới được. Nhưng ông Tường và ông Thuyết cứ tự tiện lập vua, không cho quan Khâm-sứ biết.

Quan Khâm-sứ thấy vậy, viết thư ra Hà nội. Thống-tướng Millet bèn sai quan tham-mưu là đại-tá Guerrier đem 600 quân và một đội pháo-binh vào Huế, bắt Triều-đình phải xin phép lập ông Ưng Lịch lên làm vua. Ông Tường và ông

(1) Có chuyện nói rằng: Khi vua Kiến-phúc se mình, nằm trong điện, đêm thấy ông Nguyễn Văn-Tường vào trong cung, ngài có quẻ máng. Đến ngày hôm sau, thì ngài ngộ thuốc mà mất.

Pháp tự nhiên ra Bắc-kỳ, lấy làm nghi kỵ lắm, tuy có sai quan tuần-phủ Hoàng Hữu-Xưng 黃有秤 ra tiếp đãi tử-tế, nhưng trong bụng vẫn lo, cho nên mới sai sửa dọn thành trì đề phòng bị. Đại-tá Henri-Rivière vào thành thấy vậy, có ý không bằng lòng, bèn quyết ý đánh thành.

Sáng 5 giờ ngày mồng 8 tháng 3 năm nhâm-ngọ (1882) quan tổng đốc tiếp được tờ tối-hậu-thư của đại-tá hạn cho đến 8 giờ phải giải binh, và các quan văn võ Việt-nam phải ra đợi lệnh ở Đồn-thủy. Đúng 8 giờ thì quân Pháp khởi sự đánh thành, 11 giờ thì thành đổ. Ông Hoàng-Diệu trèo lên cây thất cồ mà tự tận, còn các quan thì bỏ chạy cả.

Lúc tiếp được thư của đại-tá, thì ông Hoàng-Diệu có sai án-sát-sứ là Tôn-thất Bá 尊室瀾 ra thương thuyết. Ông Tôn-thất Bá ở trên thành bỏ thang trèo xuống vừa xong, thì quân Pháp bắn súng vào thành, ông ấy bỏ trốn mất. Đến khi hạ được thành rồi, đại-tá sai tìm ông Tôn-thất Bá về quyền lĩnh mọi việc 1.

Vua Đức-tôn được tin thành Hà-nội thất thủ, bèn xuống chiếu truyền cho quan Kinh-lược chánh phó sứ là ông Nguyễn-Chính 阮政 và ông Bui Ân-Niên 裴殷年 đem binh lui về mặt Mỹ-đức để cùng với Hoàng Kế-Viem 黃繼葵 tìm cách chống giữ. Nhưng quan khâm-sứ Rheinart sang thương thuyết rằng, việc đánh thành Hà-nội không phải là chủ-ý của nước Pháp, và xin sai quan ra giữ lấy thành trì. Triều-đình bèn sai quan nguyên Hà-Ninh tổng-dốc là Trần Đình-Túc 陳廷肅 làm khâm-sai đại-thần, quan Tĩnh-biên phó-sứ là Nguyễn Hữu-Độ 阮有度 làm phó khâm-sai, ra Hà-nội để cùng với đại-tá Henri-Rivière thu xếp mọi việc. Đại-tá trả thành Hà-nội lại cho quan ta, nhưng vẫn đóng quân ở trong Hành-cung. Hai bên thương nghị mãi. Đại-tá đòi 4 khoản: 1. nước

(1) Về sau có bài Chinh-khi ca nói về việc quan ta giữ thành Hà-nội lúc bấy giờ, và ai hay ai dở cũng chép rõ ràng. Bài ca ấy không biết ai làm.

Nam phải nhận nước Pháp bảo-hộ; 2. phải nhường thành thị Hà-nội cho nước Pháp; 3. dứt thương-chánh ở Bắc-kỳ; 4. sửa lại việc thương-chánh ở các nơi, và giao quyền cho người Pháp cai quản.

Bọn ông Trần Đình-Túc đệ những khoản ấy về Kinh. Triều-đình hội nghị, các quan có nhiều người nói rằng: Nước ta trong cơn có Lưu Vĩnh-Phúc 劉永福, ngoài còn có nước Tàu, nhẽ nào lại bó tay mà chịu. Bèn trả lời không chịu.

Đến tháng 10 thì ông Trần Đình-Túc về Huế, ông Nguyễn Hữu-Độ ở lại làm Hà-Ninh tổng-đốc.

3. Việc cầu cứu nước Tàu. — Triều-đình ta bấy giờ nghĩ nước Pháp có ý chiếm đoạt, và lại tưởng rằng nước Tàu có thể bênh vực được mình cho nên mới sai ông Phạm Thận-Duyệt 范慎透 sang Thiên-tân cầu-cứu. Chẳng qua là người mình hay có cái tính ý-lại, cho nên mới đi kêu cầu người ta, chứ không biết rằng người Tàu giữ nước Tàu không xong, còn đi cứu ai được. Tuy vậy, không những là nó cứu mình không được, mà nó lại còn muốn nhân dịp để mượn tiếng sang lấy nước mình. Xem như khi thành Hà-nội thất thủ, quan tổng-đốc lưỡng Quảng là Trương Thụ-Thanh 張樹聲 làm mặt sứ về tâu với vua nhà Thanh, đại lược nói rằng: « Nước Nam và nước Tàu tiếp giáp với nhau, mà thế lực nước Nam thật là suy hèn, không có thể tự chủ được nữa, vậy ta nên mượn tiếng sang đánh giặc mà đóng giữ ở các tỉnh thượng-du. Đợi khi có biến thì ta chiếm lấy những tỉnh ở về phía Bắc sông Hồng-hà ». Bởi vậy Triều-đình nhà Thanh mới sai bọn Tạ Kính-Buru 謝敬彪, Đường Cảnh-Tùng 唐景松, đem quân sang đóng ở Bắc-ninh và ở Sơn tây, sau lại sai quan bố-chính Quảng-tây là Từ-Diên-Húc 徐延旭 đem quân sang tiếp ứng.

4. Quân Pháp lấy Nam định. — Chính-phủ Pháp thì trước cũng muốn thu xếp dân dân cho xong việc bảo-hộ ở nước Nam, và cho khỏi sự chiến-tranh, nhưng sau thấy

Thống-tướng Millot tiếp được tin quân Pháp thua ở Bắc-lê, liền sai thiếu-tướng de Négrier đem 2 đại đội quân bộ, 2 đội pháo-binh và một toán công-binh đi đường Phú-lạng-thương, qua làng Kép, lên tiếp ứng cho trung-tá Dugenne. Khi tiếp được quân của trung-tá rồi, thiếu-tướng Millot trừu thiếu-tướng de Négrier về Hà-nội, để chờ lệnh và quân ở bên Pháp sang.

2. Đánh Phúc-châu và vây Đài-loan. — Chính-phủ bên Pháp tiếp được sự khai chiến ở Bắc kỳ, liền điện truyền cho hải-quân trung-tướng Courbet đem tàu sang đóng gần thành Phúc-châu là tỉnh-lỵ Phúc-kiến, và lại truyền cho ông Patenôtre là công-sứ Pháp ở Bắc-kinh đòi nước Tàu phải trả 250 triệu tiền binh-phí về việc chiến tranh ở Bắc-kỳ. Chính-phủ 2 nước thương thuyết mãi đến ngày 29 tháng 6, thì chính-phủ Pháp gửi tờ tối-hậu-thư đòi nước Tàu 80 triệu phật-lãng tiền binh-phí, hạn cho trả làm 10 năm. Đến ngày mồng ba tháng 7 năm giáp-thân (1884), thì trung-tướng Courbet được lệnh khởi sự đánh Phúc-châu.

Trung-tướng truyền lệnh cho các chiến-thuyền bắn lên cả pháo-dài và phá các xưởng làm binh-khí ở Phúc-châu và lại đánh cả chiến-thuyền của Tàu đóng ở trong sông Mân-giang. Trung-tướng bắn phá ở Phúc-châu rồi đem binh thuyền ra vây đánh đảo Đài-loan.

Hải-quân của Pháp vây Đài-loan và các cửa bể mãi đến ngày tháng 6 năm ất-dậu (1885), nước Tàu ký hòa ước, rồi mới thôi.

3. Trận đồn Chũ và đồn Kép. — Trong khi hải-quân của Pháp đánh phá ở mặt bể, quân Tàu ở Quảng-đông, Quảng-tây kéo sang Bắc-kỳ càng ngày càng nhiều, mà quân tiếp ứng của Pháp mãi không thấy sang, đến trung tuần tháng 7, thống-tướng Millot bèn cáo bệnh xin về, giao quyền lại cho thiếu-tướng Brière de l'Isle.

Được ít lâu, thiếu-tướng Brière de l'Isle tiếp được 6 nghìn quân ở Pháp sang, số quân bấy giờ cả thấy được non 2 vạn người, thiếu-tướng bèn chia ra làm 4 đạo để đi đánh quân Tàu và quân ta; thiếu-tá Servière đem một đạo quân lên mạn Đông-triều; trung-tá Donnier đem một đạo quân theo sông Lục-nam đến đánh đồn Chũ và đồn Đám; trung-tá Defoy đem một đạo quân lên mạn sông Thương; thiếu-tá Mibielle và thiếu-tướng de Négrier thì đóng đại-dồn ở Lạng-thương. Ngày 20 tháng 8 quân Pháp tiến lên đánh đồn Chũ, đồn Bảo-lạc và đồn Kép. Quân Tàu chống lại được một ngày, mà quân hai bên đánh nhau ở đồn Kép hàng hơn cả. Quân Tàu chết có đến 2.000 người; còn bên quân Pháp thì thiếu-tướng de Négrier bị thương ở chân, 27 người tử trận và 109 người bị thương. Quân Tàu chết hai mất nhiều người, phải bỏ đồn Kép, đồn Bảo-lạc và đồn Chũ chạy lui trở về.

Ở mạn đông-bắc, quân Tàu đã lui, thiếu-tướng Brière de l'Isle bèn sai đại-tá Duchesne đem 700 quân lên đánh quân Cờ-đen của Lưu Vĩnh-Phúc ở mạn Tuyên-quang và lại sai trung-tá Berger đem quân lên giữ Thái-nguyên.

4. Trận Yên-bạc. — Quân Tàu tuy đã thua ở đồn Chũ và đồn Kép, nhưng vẫn còn đóng ở địa-hạt Lạng-son và Quảng-yên. Đến trung tuần tháng 11, quân Tàu lại về đóng ở gần An-châu, thiếu-tướng de Négrier đem quân bộ và quân pháo-binh đi theo tả ngạn sông Lục-nam lên đánh quân Tàu ở núi Bóp. Quân Tàu chết đến hơn 600 người, quân Pháp thiệt hại mất 19 người tử trận và 65 người bị thương.

5. Lấy thành Lạng-son. — Đầu năm 1885 là quang tháng 11 năm giáp-thân, thiếu-tướng Brière de l'Isle được thăng chức trung-tướng và lại tiếp được hơn 1.000 quân ở bên Pháp sang. Qua tháng chạp ta trung-tướng mộ non 7.000 phu để tải đồ, và đem 7.500 quau, chia làm 2 đạo lên đánh

Lạng-sơn. Đạo thứ nhất thì thuộc quyền thiếu-tướng de Négrier, đạo thứ nhì thì thuộc quyền đại-tá Giovanninelle.

Con đường đi từ Kép lên Lạng-sơn là đường hẻm trong núi, mà chỗ nào cũng có quân Tàu đóng, cho nên quân Pháp mới dùng kế đánh ngang từ đồn Chũ đánh lại, để lấy đồn Tuần-muội¹. Thiếu-tướng de Négrier trước đã lên đồn Kép, dương thanh thế tiến binh, rồi lên về đồn Chũ đem quân qua đèo Vân, lấy đồn Đông-sơn tức là Đồn-sung, rồi sang lấy Tuần-muội. Quân Tàu đang giữ ở mạn Bắc lệ, thấy quân Pháp đã chặn mất đường về, liền rút quân chạy. Thiếu-tướng de Négrier đem quân đánh tràn lên đến Lạng-sơn, trưa hôm 29 tháng chạp ta thì lấy được thành. Đánh từ ngày 25 đến 29 tháng chạp, quân Pháp thiệt hại mất 40 người tử trận, và 222 người bị thương.

Lấy xong thành Lạng-sơn, quân Pháp nghỉ ngơi mấy ngày, rồi lại tiến lên đánh Đồn-đăng. Quân Tàu chạy phân ra làm hai ngã: một ngã chạy lên Thất-khê, một ngã chạy lên cửa Nam-quan về Tàu. Đến ngày mồng 8 tháng giêng năm ất-dậu (1885), thì thiếu-tướng de Négrier lên đến cửa Nam-quan, truyền phá Ai-quan, rồi trở về giữ Lạng-sơn.

6. Thành Tuyên-quang bị vây. — Khi quân Pháp đi đánh mất Lạng-sơn thì quân Tàu và quân Cờ-đen ở mạn sông Hồng-hà và sông Lô-giang, lại kéo về đánh Tuyên-quang. Bấy giờ quân Pháp ở trong thành cả thấy độ hơn 600 người, thuộc quyền quan thiếu-tá Domine. Từ đầu tháng mười năm giáp-thân (1884), quân Cờ-đen của Lưu Vĩnh-Phúc đã kéo về đóng ở gần phủ Yên-bình và phủ Đoan-hùng. Đến tháng 11 thì quân Tàu giữ cả các chỗ hiểm-yếu, để chặn đường không cho quân Pháp ở trung-châu lên tiếp ứng, rồi bọn Lưu Vĩnh-Phúc đem quân lên đánh thành Tuyên-quang; đánh mãi đến 15 tháng chạp mới vây được thành. Quan Cờ-

(1) Tức là ải Chi-lang ngày trước.

đem dùng đủ kế để phá thành, mà quân Pháp ở trong thành cũng cố hết sức để chống giữ.

Lúc ấy quân Pháp đã lấy được thành Lạng-sơn rồi, trung-tướng Brière de l'Isle liền đề thiếu-tướng de Négrier ở lại giữ thành, đến ngày mồng 2 tết, đem quân đi đường đò Chũ về Hà-nội, rồi lập tức lên cừu Tuyên-quang. Ngày 13 tháng giêng năm ất-dậu, thì lên đến Đoàn-hùng, rồi sang sông Chảy. Quân Tàu và quân Pháp giao chiến từ đó cho đến ngày 17, mới giải được vây. Trận ấy quân hai bên thiệt hại cũng nhiều, nhưng quân Tàu không địch được quân Pháp, phải vội-vàng giải vây mà rút lên mạn ngược.

7. Mất thành Lạng-sơn. -- Thành Tuyên-quang vừa giải vây xong, thì ở Lạng-sơn lại khởi sự giao chiến. Quân Tàu tuy đã thua phải bỏ thành Lạng-sơn, nhưng quan đề-đốc Quảng-tây là Phùng Tử-Tài 馮子材 vẫn đóng đại-đồn ở Long-châu, chực sang đánh lấy lại Lạng-sơn.

Ngày mồng 6 tháng 2 năm ất-dậu (1885), quân Tàu sang đánh Đông-dăng, thiếu-tướng de Négrier đem quân lên cừu, rồi chực đánh sang Long-châu. Quân Pháp đánh trong 2 ngày, chết hai mất non 200 người. Đến mồng 8, thiếu-tướng rút quân về Lạng-sơn, còn những người bị thương thì đem về đò Chũ. Quân Pháp đóng ở Lạng-sơn bấy giờ có 3.500 người.

Ngày 13 thì quân Tàu tràn sang đánh Kỳ-lừa, thiếu-tướng de Négrier bị thương nặng, phải giao quyền lại cho trung-tá Herbinger, để chống với quân nghịch. Nhưng bấy giờ quân Tàu sang đông quá, trung-tá phải bỏ thành Lạng-sơn rút về Tuần-mười, rồi về đò Chũ và đò Kép.

Trung-tướng Brière de l'Isle tiếp được tin bại trận ở Lạng-sơn, liền điện cho chính-phủ Pháp đề xin tiếp quân sang cứu viện, và lập tức đi tàu lên đò Chũ để phòng sự chống giữ.

Quân Tàu lấy được Lạng-sơn, rồi chia quân giữ các chỗ hiểm-yếu, chực không dám đuổi xa. Còn ở mạn sông Hồng-

hà, thì quân Cờ-đen và quân của các quan cựu-thần ta, lại về đánh phá ở mạn gần Hưng-hóa và Lâm-thao

8. Hòa-ước Thiên-tân. — Bên Pháp tiếp được điện tin của trung-tướng Brière de l'Isle đánh về nói quân Pháp phải bỏ thành Lạng-sơn, thì lòng người nào động cả lên, quan thủ-tướng Jules-Ferry phải từ chức. Chính-phủ Pháp thấy sự chiến tranh không lợi, bèn ký tờ giao-ước đình-chiến với nước Tàu. Rồi một mặt thì truyền lệnh cho sứ-thần nước Pháp ở Bắc-kinh là ông Patenôtre lập tờ hòa-ước với chính-phủ Tàu; một mặt thì cho quân sang tiếp ứng Bắc-kỳ và sai trung-tướng Roussel de Courcy làm Thống-đốc quân dân sự-vụ, trung-tướng Warnel làm tham-mưu tổng-trưởng, cùng với thiếu-tướng Jamont và thiếu-tướng Prudhomme đem hai sư-đoàn sang Bắc-kỳ.

Chính-phủ Tàu thấy sự chiến-tranh không có lợi, bèn thuận ký tờ hòa-ước, và lập tức sai quan sang Hà-nội truyền lệnh cho quân Tàu phải rút về. Ngày 27 tháng 4 năm ất-dậu (1885) là năm Quang-tự thứ 11, ông Patenôtre và ông Lý Hồng-Chương 李鴻章 ký tờ hòa-ước, đại lược nói rằng nước Tàu nhận cuộc bảo-hộ của nước Pháp ở nước Việt-nam, và lại hòa thuận buôn bán như cũ. Nước Pháp thì trả lại các chỗ mà hải-quân đã chiếm giữ ở mặt bể, và thuận bỏ cái khoản tiền binh-phí không đòi nữa. Ngay hôm quan hai nước ký tờ hòa-ước ấy ở Thiên-tân, thì quan hải-quân trung-tướng Courbet phải bệnh mất ở gần đảo Đài-loan. Hải-quân của Pháp cũng chiếu theo điều ước mà rút quân về.

CHƯƠNG XIII

SỰ LOẠN Ở TRUNG-KỲ

1. Thống-tướng de Courcy vào Huế. — 2 Triều-đình chạy ra Quảng-trị — 3. Nguyễn Văn-Tường ra thú. — 4. Xa-giá các bà Thái-hân về Khiêm-lãng. — 5. Văn-thần nổi loạn. — 6. Vua Đông-khánh. — 7. Thống-tướng de Courcy phải triệt về. — 8. Vua Hàm-nghi ở Quảng-bình. — 9. Ông Paul-Bert. — Lập Toàn-quyền-phủ.

1. Thống-tướng de Courcy vào Huế. — Việc đánh nhau với Tàu xong, thì tức là cuộc bảo-hộ ở nước Nam thành. Nhưng ở các nơi, những quan cũ ta còn chống nhau với quân Pháp, mà ở Huế thì ông Nguyễn Văn-Tường và ông Tôn-thất-Thuyết chuyên chế đủ mọi đường.

Tháng 9 năm giáp-thân (1884) hai ông ấy đem ông Duc-dức giam vào nhà tội, không cho ăn uống để chết đói, đồ tội cho là thông mưu với giặc. Hai ông ấy lại mộ quân tập lính và lập đồn Tân-sở 新所 ở gần Cam-lô thuộc tỉnh Quảng-trị, đem đồ báu ngọc vàng bạc ra đây, phòng khi có việc gì thì đem quân ra đờ dề chống nhau với quân Pháp. Không biết rằng nước mình đã suy đồi, học thuật thì kém, binh lính không luyện tập, súng ống không ra gì, thì chống lại làm sao được, mà cứ nhắm mắt làm liều, bày trò trẻ con ra làm cho nước nguy dân khổ. Cũng vì các ông ấy có ý muốn kháng cự, cho nên quân Pháp đã chiếm giữ Mang cá ở thành Huế và lại bắt bỏ súng đại-bác ở trên thành đi.

Ngày 18 tháng 4 năm ất-dậu (1885), thống-tướng de Courcy sang tới Bắc-kỳ. Bấy giờ sự hòa-ước với Tàu đã xong, bởi vậy thống-tướng mới định vào Huế để bắt Triều-đình ta phải chịu quyền Bảo-hộ. Thống-tướng lên Hà-nội đã nói chuyện với quan Tây và quan ta thì cũng đã biết tình hình ở trong

Huế là thế nào. Đến ngày 19 tháng 5 thì thống-lũong đem non 500 quân đi tàu vào Huế. Triều đình cử hai quan đại-thần theo quan Khâm-sứ Pháp là ông de Champeaux ra đón quan thống-tướng ở cửa Thuận-an. Sáng hôm sau, thống-tướng cho đòi hai quan Phụ-chính sang bên Khâm-sứ đề định việc vào yết kiến vua Hàm-nghi.

Hai ông lúc bấy giờ còn đang ứng lã, việc Triều-chính ở tay mình cả, mà thấy thống-tướng làm sự đùng-dột như thế, cũng đã tức giận lắm, lại cứ như lời mấy ông quan cựu-thần nói huyên, thì ông Thuyết là quan văn làm tướng võ, nhưng hình dáng thì không được thanh tú: đầu thì trọc, người thì béo mà đen, cách đi đứng thì không được chững-chạc, sự giao-thiệp và đối đáp thì không sành. Nửa nay chỉ lấy quyền thế mà đè nén người ta, hơi một tí thì lấy sự chém giết làm oai. Đến khi phải ra theo lễ bang-giao mà đối với một người tướng ngoại quốc như ông de Courcy, thì trong bụng khiếp sợ không biết ra thế nào.

Ông Tường thì là một tay giao thiệp giỏi. lại có nhiều mưu cơ và tài nghề ứng biến, cho nên lúc ấy chỉ có một mình ông Tường sang ra mặt quan thống-lũong de Courcy mà thôi, còn ông Thuyết thì cáo bệnh không sang. Thống-tướng thấy vậy, bảo đầu cũng phải kiêng sang.

Tôn-thất Thuyết thấy quan Pháp ra oai như thế, phần thì tức giận, phần thì sợ, lại nhân lúc bấy giờ mới có điềm động đất, mới nghĩ bụng rằng đây là điềm trời xui khiến, bèn quyết ý sửa soạn để đánh nhau.

Quan thống-tướng de Courcy dịnh đến hôm vào điện yết kiến vua Hàm-nghi, thì phải mở cửa chính, không những là để quan nước Háp đi mà thôi, nhưng lại phải để cả quân lính cũng đi vào cửa ấy. Triều-dinh thấy điều ấy trái với quốc-lễ, xin để thống-tướng đi cửa giữa, theo như sứ Tàu ngay trước, còn quân lính thì xin để đi cửa hai bên, thống-tướng nhất định không chịu.

2. **Triều-dinh chạy ra Quảng-trị.** — Trưa hôm 22 các quan ở Cơ-mật-viện sang Khâm-sứ xin vào bàn định cho xong việc đi cửa binh, cửa bên, nhưng thống-tướng de Courey không tiếp. Bà Từ-du Thái-hậu sai quan đem đồ lễ vật sang tặng thống-tướng, thống-tướng cũng khước đi không nhận.

Các quan thấy thống-tướng làm dũ-dội như vậy, đều ngạc nhiên không hiểu ra ý tứ gì mà khinh mạn Triều-dinh đến như thế. Bọn ông Tôn-thất Thuyết càng thấy thế càng lấy làm tức giận, thối thì sống chết cũng liều một trận, họa may Trời có giúp kẻ yếu hèn gì chẳng. Ấy là tướng sĩ lúc bấy giờ ai cũng tưởng như thế, cho nên mới định đến nửa đêm khởi sự phát súng bắn sáng Khâm-sứ và đánh trại lính của Pháp ở Mang-cá.

Chiều hôm ấy thống-tướng làm tiệc đãi các quan Pháp. Tiệc vừa tan xong, thì súng ở trong thành nổ ra đùng đùng, rồi những nhà ở chung quanh Khâm-sứ cháy, lửa đỏ rực trời. Quân Pháp thấy bất thình-linh nửa đêm quân ta đánh phá như vậy, chưa biết ra thế nào, chỉ yên lặng mà chống giữ. Đến sáng ngày 23 mới tiểu lên đánh, thì quân ta thua chạy¹, Ông Nguyễn Văn-Tường 阮文祥 cho người vào điện tâu xin rước vua và các bà Thái-hậu tạm lánh lên Khiêm-lăng². Khi xa-giá ra gần đến cửa hữu, thì gặp ông Nguyễn Văn-Tường đã chờ sẵn ở đấy để đi hộ giá; nhưng lệnh truyền cho ông Tường ở lại, để thu xếp mọi việc. Ông Tường vâng mệnh trở lại. Xa-giá đi qua làng Kim-long 金龍, lên đến chùa

(1) Việc ông Tôn-thất Thuyết đánh quân Pháp ở Huế thì sử ta không nói rõ số quân ta là bao nhiêu. Mà sách Tây thì có nơi chép là 2 vạn, có nơi chép là 3 vạn. Nhưng cứ những người biết việc ở Huế lúc bấy giờ, thì quân ta cả thấy độ chừng non 2 vạn trở lại, chứ không hơn.

(2) Khiêm lăng là lăng của vua Dục-tôn, có khi gọi là Khiêm-cung cũng là đấy.

Thiên-mụ, thì Tôn-thất Thuyết 尊室說 đem quân chạy đến truyền rước xa-giá quay trở về Trường-thị 1.

Lúc bảy giờ vương-tôn công tử, người đi ngựa, kẻ đi chân, dân gian thì trẻ công già, dân-bà dật trẻ-con, ai nấy chạy hết hoảng tim đường tránh cho khỏi chỗ binh đao.

Xa-giá đến Trường-thị vào nghỉ được một lát, thì Tôn-thất Thuyết lại giục lên đường, nói rằng quân Pháp đã sắp đuổi tới. Tối ngày 23, xa-giá vào nghỉ nhà một người bá-hộ, sáng ngày 24 ra đi, đến tối mới tới thành Quảng-trị. Quan tuần-phủ Trương Quang-Đản 1 ra rước xa-giá vào Hành-cung và đặt quân lính để phòng giữ.



Quan Phụ-chính Nguyễn Văn-Tường

(1) Trường-thị thuở bấy giờ ở làng Đa-chữ cách Kinh-thành 10 cây ki-lô mét.

(2) Trương Quang Đản trước làm tổng-đốc Bắc ninh, chống nhau với quân Pháp, sau về Kinh phải giáng xuống làm-phủ ra giữ thành Quảng trị.

Trận đánh nhau ở Huế, quân Pháp chết mất 16 người và 80 người bị thương. Sách tây chép rằng quân ta chết đến vài nghìn người, còn bao nhiêu khí-giới lương-hực và hơn một triệu tiền của đều mất cả.

3. **Nguyễn Văn-Tường ra thú.** — Ở Huế, cả buổi sáng hôm 23, quân Pháp chiếm lấy thành-trị và giữ gìn các nơi. Còn quan ta, người thì đi theo xa-giá, người thì ẩn nấp một nơi, chưa biết thế nào, chưa ai dám ra. Đến trưa hôm ấy, ông Nguyễn Văn-Tường 阮文祥 vào ăn cơm nhà ông giám-mục Caspard, rồi nhờ ông ấy đưa ra thú với thống-tướng de Courcy. Thống-tướng cho ông Nguyễn Văn-Tường ra ở Thương-bạc-viện, giao cho quan đại-úy Schmitz và một toán lính Pháp phải coi giữ, và hẹn cho ông Tường trong hai tháng phải làm thế nào cho yên mọi việc.

4. **Xa-giá các bà Thái-hậu về Khiêm-lăng.** — Ông Nguyễn Văn-Tường viết sớ ra Quảng-trị xin rước xa-giá trở về Kinh để cho yên lòng người. Nhưng lúc ấy vua Hàm-nghi và tam Cung là bà Từ-dụ Thái-hoàng thái-hậu, mẹ đức Dực-tôn; bà Hoàng-thái-hậu là vợ đức Dực-tôn và mẹ nuôi ông Dục-dực; bà Hoàng-thái-phi là vợ thứ đức Dực-tôn và mẹ nuôi vua Kiến-phúc, bị bọn Tôn-thất Thuyết 尊室說 gin giữ, sớ của Nguyễn Văn-Tường gửi ra vẫn an, ông ấy đem giấu đi, không cho vua biết. Ai cũng muốn xin rước xa-giá lên Tân-sở, để lo liệu sự khôi phục. Đức Từ-dụ và hai bà Thái-hậu nhất định không chịu đi.

Ngày 27, Tôn-thất Thuyết nghe tin có tàu Pháp sắp đến, bèn xin tam Cung ở lại Quảng-trị và xin rước vua lên Tân-sở. Khi sắp đi vua Hàm-nghi vào lạy ba bà Thái-hậu: tình ly biệt, nỗi sầu thăm, kể sao cho xiết! Vua đi khỏi độ một giờ đồng-hồ, thì bọn nội giám đều trở lại nói rằng Tôn-thất Thuyết không cho đi. Đến ngày 28 thì tam Cung mới tiếp được tin của Nguyễn Văn-Tường ra nói xin rước xa-giá trở về Huế, mọi việc đã thu xếp xong rồi. Bà Từ-dụ cho người đi rước vua

trở lại đề cùg về Huế, nhưng tìm mãi không biết vua ở đâu, chỉ tiếp được thư của Tôn-thất Thuyết gửi về nói Nguyễn Văn-Tường phản trặc họ kia xin đừng có nghe. Người bàn đi, kẻ bàn lại, ai nấy phân vân chưa biết ra thế nào. Ngày 30 lại tiếp được sớ của Nguyễn Văn-Tường ra giục xa-giá trở về. Đức Từ-dụ mới quyết ý về Kinh, định ngày mồng 4 thì lên đường, sai quan tuân-phủ Trương Quảng-Đản đem quân đi hộ-giá. Đến chiều tối ngày mồng 5, xa-giá các bà Thái-hậu về đến Khiêm-cung. Ông Nguyễn Văn-Tường dâng sớ lên thỉnh an và kể tình đầu mọi việc.

Trong khi vua còn đi vắng, thống-tướng de Courcy đặt ông Thọ-xuân 壽春 lên làm giám-quốc, giao quyền Binh-bộ thương-thư cho quan Khâm-sứ de Champeaux, để bãi việc binh lính của ta đi, và gọi quan Kinh-lược ở Bắc-kỳ là ông Nguyễn Hữu-Độ 阮有度 và quan tổng-đốc Nam định là ông Phan Đình-Binh 潘廷評 về cùng với ông Nguyễn Văn-Tường 阮文祥 coi việc Cơ-mật. Vì hai ông ấy ở Bắc-kỳ đã hiểu mọi việc và đã biết theo chính sách bảo-hộ, cho nên thống-tướng đem về, để thu xếp mọi việc cho chóng xong. Ông Nguyễn Văn-Tường và Nguyễn Hữu-Độ không hợp ý nhau, ông Nguyễn Hữu-Độ lại trở ra Bắc-kỳ.

5. Văn-thân nổi loạn. — Tôn-thất Thuyết ở Quảng-binh à m lịch căn-vương truyền đi các nơi, bởi vậy chỉ trừ những chỗ chung quanh Kinh-thành ra, còn tự Bình-thuận trở ra cho đến Nghệ-an, Thanh-hóa, chỗ nào sĩ dân cũng nổi lên, đồ cho bên đạo gây nên mối loạn, rồi rủ nhau đi đốt phá những làng có đạo. Sách tây chép rằng từ đầu tháng 6 cho đến cuối tháng 8, dân bên đạo phải 8 ông cố và hơn 2 vạn người bị giết.

Thống-tướng de Courcy thấy chỗ nào cũng có loạn cả bên trở ra Bắc-kỳ, hội các tướng lại, đề bàn sự đánh dẹp. Thống-tướng đã định sai đại-ta Pernot đem 1.500 quân ở Huế ra đuổi Tôn-thất Thuyết, lại sai thiếu-tướng de Négrier đem

một đạo quân đi từ Thanh-hóa đánh vào. Nhưng chính-phủ ở Paris điện sang không cho thống-tướng khởi sự dùng đại-binh, và lại nhân lúc bấy giờ ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ có bệnh dịch-tả, quân Pháp chết hại đến ba bốn nghìn người, bởi vậy cho nên việc dùng binh phải đình lại.

Ở Huế thì mãi không ai biết vua Hàm-nghi ở đâu. Triều-dinh thì mỗi ngày một rối, việc lập vua mới thì tuy rằng đã định rồi, nhưng còn lồi-thối chưa xong.

Đến ngày 27 tháng 7, vừa hết hạn 2 tháng của thống-tướng de Courcy hẹn cho ông Nguyễn Văn-Tường, và bấy giờ ở Bắc-kỳ lại có nhiều người ghét ông Nguyễn Văn-Tường, xin thống-lương đem trị tội. Bởi vậy sang ngày 28 thống-tướng bắt quan nguyên Phụ-chính Nguyễn Văn-Tường 阮文祥, quan Hộ bộ thượng-thư Phạm Thận-Duyệt 范慎遠 và ông Tôn-thất Đình 尊室訂 là ông thân sinh ra Tôn-thất Thuyết đem đày ra Côn-lôn. Ông Phạm Thận-Duyệt đang đi tàu thì mất, phải ném xuống bể, ông Nguyễn Văn-Tường thì sau lại phải đày ra hải-đảo Haiti ở Thái-bình-dương, được ít lâu cũng mất, chò đem xác về chôn ở quê nhà.

6. Vua Đồng-khánh. — Thống-tướng de Courcy đày bọn ông Nguyễn Văn-Tường đi rồi, đem ông Nguyễn Hữu-Độ 阮有度 về cùng với ông Phan Đình-Bình 潘廷評 coi việc triều-chính, sai ông Nguyễn Trọng-Hợp 阮仲合 ra quyền Kinh-lược ở Bắc-kỳ. Thống-tướng lại sai ông de Champeaux lên Khiêm-cung yết-kiến đức Từ-dụ xin lập ông Chánh-mông 正蒙 là Kiên-giang quận-công lên làm vua.

Ngày mồng 6 tháng 8, ông Chánh-mông phải thân-hành sang bên Khâm-sứ làm lễ thụ phong, rồi về làm lễ tấn-tôn, đặt niên-hiệu là Đồng-khánh 同慶.

Vua Đồng-khánh tinh hiền lạnh, hay trang sức và cũng muốn duy tân, ở rất được lòng quan Pháp; diên-thần thì nhiều người đã biết theo chính-sách Bảo-hộ, cho nên mọi việc trong Triều đều được yên ổn. Nhưng vua Hàm-nghi còn

ở mạn Quảng-bình, kéo cờ nghĩa để chống nhau với quân Pháp, truyền lịch cần-vương đi các nơi để mong đường khởi phục. Lúc bấy giờ lòng người còn tưởng nhớ chúa cũ, cho nên từ tỉnh Bình-thuận trở ra, chỗ nào cũng có người nổi lên đánh phá để toan sự khởi phục.



Vua Đông-khách.

Ở Quảng-uam thì bọn thân hào lập ra Nghĩa-hội 義會, có quan sơn-phòng-sứ là Trần Văn-Dự 陳文與 làm chủ, rồi những tỉnh Phú yên, Bình-định, Bình-thuận đều noi theo mà nổi lên. Ở Quảng-trị có bọn ông Trương Đình-Hội 張廷禧, Nguyễn Tự-Như 阮自如, ở Quảng-bình có quan nguyên tri phủ là Nguyễn Phạm-Tuân 阮范遵; ở Hà-tĩnh có cậu ấm Lê-Ninh 黎寧⁽¹⁾; ở Nghệ-an có bọn ông nghề Nguyễn Xuân-Ôn 阮春溫 và quan sơn-phòng sứ Lê Doãn-Nha 黎允迓; ở

(1) Người ở La-sơn, tỉnh Hà-tĩnh, còn quan nguyên bổ-chính Lê-Kiên.

Thanh-hóa có bọn Hà Văn-Mao 何文旄, v. v. Những người ấy đều xưng lên việc cần-vương, đem quân đi hoặc chiếm giữ tỉnh thành, hoặc đánh lấy các phủ huyện, và đốt phá những làng có đạo. Ở ngoài Bắc-kỳ thì các quan cựu-thần là bọn quan đề-đốc Tạ-Hiện 謝現, quan tán-tương Nguyễn Thiện-Thuật 阮善述 tụ họp ở Bãi-sậy, rồi đi đánh phá ở mạn trung-châu, còn ở mạn thượng-du, thì chỗ nào cũng có quân giặc Tàu quấy nhiễu. Bởi vậy quân Pháp phải chia binh ra đề chống giữ các nơi.

7. Thống-tướng de Courcy phải triệt về. — Thống-tướng de Courcy thấy ở ngoài Bắc có lắm việc, bèn đề thiếu-tướng Prudhomme ở lại Huế, rồi ra Hà-nội kinh-lý mọi việc. Nhưng vì thống-tướng tinh khô-khắc và đa nghi, cho nên công việc càng ngày càng khó thêm. Ở bên Pháp thì có nhiều người không muốn giữ đất Bắc-kỳ, có ý muốn bãi binh. Bởi vậy đến cuối năm 1885 là năm át-dậu, thủ-tướng nước Pháp là ông Brisson xin Nghị-viện thuận cho lấy ra 75 triệu phật-lãng đề chi tiêu về việc Bắc-kỳ. Nghị-viện đặt hội-đồng để xét việc ấy. Hội-đồng định rút quân về và chỉ cho 18 triệu phật-lãng mà thôi. Đến khi đầu phiếu thì đảng theo chính-phủ được 274 phiếu, và đảng phản đối với chính-phủ được 270, nghĩa là đảng muốn giữ đất Bắc-kỳ chỉ hơn có 4 phiếu. Thủ-tướng Brisson thấy trong Nghị-viện có nhiều người háng hợp ý mình bèn xin từ chức.

Ông Freycinet lên làm thủ-tướng, thấy thống-tướng de Courcy ở bên nước Nam làm lắm việc lời thôi, bèn điện sang triệt về Pháp, giao binh quyền lại cho trung-tướng Warnet, và sai ông Paul-Bert là quan vãn sang sung chức thống-đốc, đề kinh-lý mọi việc ở nước Nam.

8. Vua Hàm nghi ở Quảng-bình. — Bảy giờ tuy ở Huế đã lập vua Đông-khánh rồi, nhưng đảng cựu-thần còn có nhiều người theo phò vua Hàm-nghi, quyết chi chống lại với quân Pháp. Quan Pháp bèn sai đại-tà Chaumont đem quân

ra đóng ở thành Quảng-bình, để chặn đường không cho đảng Tôn-thất Thuyết thông với Bắc kỳ. Nhưng ở mạn Thanh-hóa, Nghệ-an, bọn Văn-thân đánh phá rất dữ. Đại-tá Chau-mont bèn đề thiếu-tá Grégoire ở lại giữ thành Quảng-bình, rồi trở về Đà-nẵng lấy thêm binh và tàu chiến đem ra đóng ở thành Nghệ-an, chia quân đi tuần tiễu các nơi.

Tôn-thất Thuyết thấy thế không chống nổi quân Pháp bèn bỏ vua Hàm-nghi ở lại đồn Vê, thuộc huyện Tuyên-hóa (tên cũ là Qui-hợp-châu) tỉnh Quảng-bình, rồi cùng với đề-đốc Trần Xuân-Soạn 陳春撰 đi đường thượng-đạo, nói rằng sang cầu cứu bên Tàu 1.

Vua Hàm-nghi bấy giờ phải nấp ở vùng huyện Tuyên-hóa, có bọn con ông Tôn-thất Thuyết là Tôn-thất Đạm và Tôn-thất Thiệp cùng với đề-đốc Lê-Trực 黎直 và Nguyễn Phạm-Tuân 阮范遵², hết sức giữ gìn và đem quân đi đánh phá ở mạn Quảng-bình và Hà-tĩnh.

Tháng giêng năm bính-tất (1886), trung-tá Mignot đem quân ở Bắc-kỳ vào Nghệ-an rồi chia làm hai đạo: một đạo thì thiếu-tá Pelletier đem lính tập theo sông Ngân-sâu vào mạn Tuyên-hóa; một đạo thì trung-tá Mignot tự đem quân đi đường quan-lộ vào giữ thành Hà-tĩnh, rồi vào đóng ở sông Gianh.

(1) Tôn-thất Thuyết đi đường thượng-đạo ra vùng Hưng-hóa rồi theo thượng-lưu sông Đà lên Lai-châu nương tựa vào họ Điều. Đến lúc nghe tiếng quân Pháp lên đánh, liền bỏ họ Điều mà trốn sang Tàu. Con cháu họ Điều nói chuyện lại rằng: Khi Tôn-thất Thuyết lên đến Lai-châu còn có mấy chục người đi theo. Lên đấy ở một đờ, chém giết gần hết. Xem như thế thì ông Thuyết là một người cường đại mà lại nhát gan. Một người như thế mà làm đại-tướng để giữ nước, thì tài gì mà nước không nguy được.

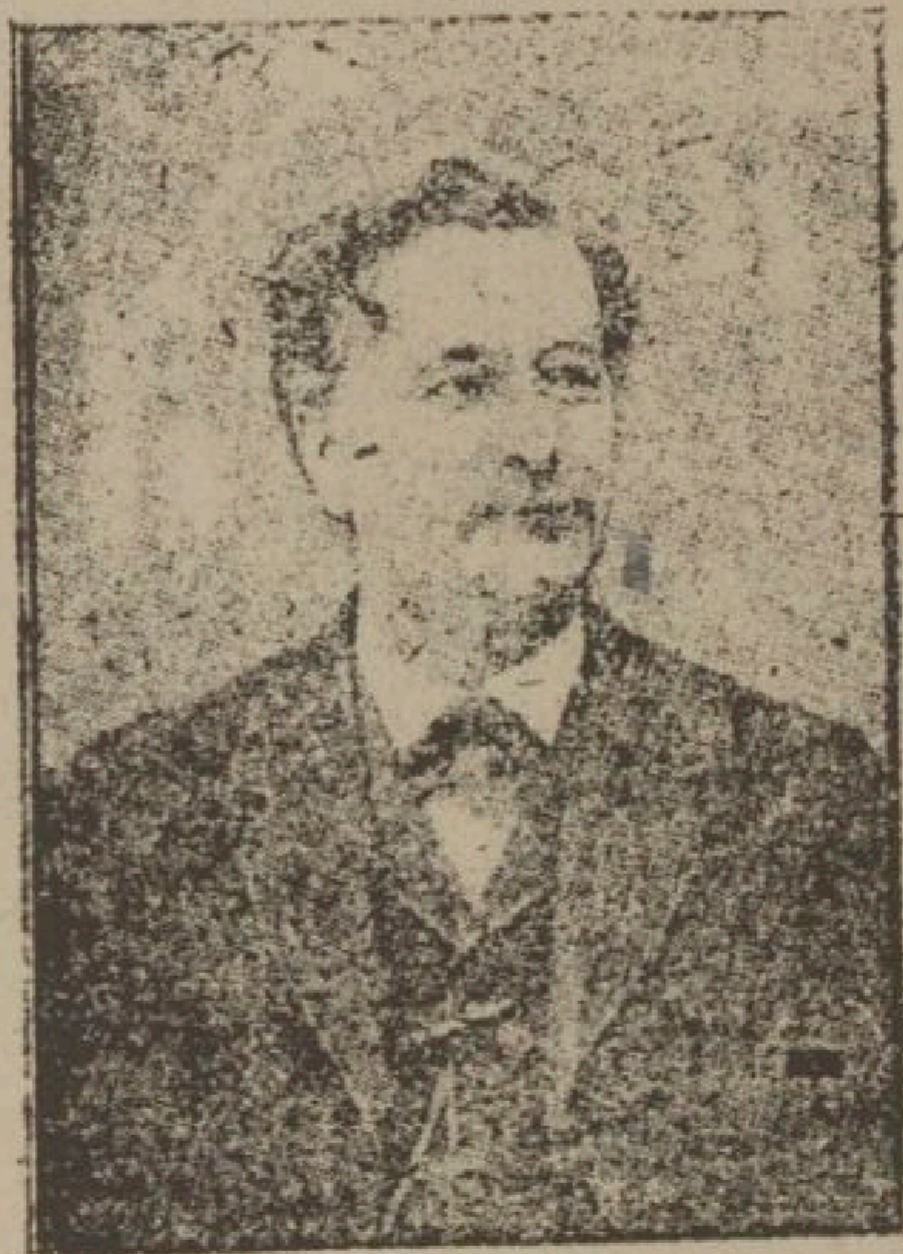
Về sau chết già ở bên đất Quảng-tây.

(2) Sách ông Gosselin chép là Phạm-Thượn. Nhưng xét trong sử nước ta thì không có ai là Phạm-Thượn, chỉ có Nguyễn Phạm-Tuân trước làm tri-phủ, sau theo vua Hàm-nghi chống cự với quân Pháp, rồi bị đàn phải bắt. Vậy Phạm-Thượn tức là Nguyễn Phạm-Tuân.

Ở Huế lại sai trung-tá Metzniger đem một toán quân ra tiếp ứng các đạo. Quân Pháp đóng ở Chợ-dồn và ở Minh-cầm, rồi trung-tá Metzniger đem ông cố Tortuyaux đi làm hướng-đạo để lên lấy đồn Vê. Thế quân Pháp tiến lên mạnh lắm, quân Văn-thân chống lại không nổi, phải tan cả.

Nhưng qua sang tháng hai, ở ngoài Bắc-kỳ có việc, vả lại quan thống-đốc Paul-Bert đã sang đến nơi, chính-sách đổi lại cả, cho nên mới triệt các đạo quân về, chỉ đóng giữ ở Quảng-khê, ở Roon và ở Chợ-dồn mà thôi. Quân Văn-thân thấy quân Pháp rút về, lại trở về đóng ở các đồn cũ.

9. Ông Paul-Bert. -- Ngày mồng 5 tháng 3 năm binh-tuất (1886), quan thống-đốc Paul-Bert sang đến Hà-nội. Lập tức ngài đặt phủ Thống-sứ ở Bắc-kỳ và sở Kiến-sát về việc



Quan Toàn quyền Paul Bert.

tài-chính. Đến cuối tháng 3 thì thống-đốc vào yết kiến vua Đồng-khánh ở Huế, và xin lập nha Kinh-lược ở Bắc-kỳ, cho quan Kinh-lược đại-sứ được quyền cùng với phủ Thống-sứ tự tiện làm mọi việc. Vì rằng ở ngoài Bắc vào đến Huế đương

sá xa-sói, có việc gì phải tâu bẩm vào Bộ, mãi nhiều ngày giờ lắm, bởi vậy xin cho được tự tiện làm việc, rồi trong một năm độ vài kỳ đem các việc tâu về vua biết.

Quau thống-đốc Paul-Bert ở Huế đến cuối trung tuần tháng 4 lại ra Hà nội, rồi một mặt thì lo đánh dẹp, một mặt thì mở Pháp-việt học-đường, lập Thương-nghiệp-viện, đặt tế mở đồn-điền, Chủ ý của thống-đốc là muốn khai hóa đất Bắc-kỳ ra cho chóng được thịnh lợi. Nhưng cũng vì thống-đốc phải lo nghĩ nhiều việc, và lại nay đi kinh-lược chỗ này, mai đi kinh-lược chỗ nọ, thành ra khí lực suy nhược đi, cho nên mới cảm bệnh nặng, đến ngày rằm tháng 10 năm bình-tuất (11 novembre 1886) thì mất. Nhà-nước đem linh-cữu về Pháp mai táng.

Chính-phủ Pháp sai ông Bihourd sang lĩnh chức thống-đốc thay ông Paul-Bert.

10. Lập Tổng-thống toàn-quyền-phủ. — Nước Pháp đã lấy đất Nam-kỳ, lập Bắc-hộ ở nước Cao-mên, rồi lại lập Bắc-hộ ở Bắc-kỳ và ở Trung-kỳ, mở ra một cuộc thuộc-địa lớn ở Viễn-dông này; nhưng buổi đầu thì mỗi xứ có một quan thủ-hiến để coi riêng việc chính-trị. Đến năm đinh-hợi (1887), chính-phủ nước Pháp mới đặt phủ Toàn-quyền, để tổng thống việc chính-trị cả mấy xứ ở nước ta, và nước Cao-mên. Tháng 10 năm đinh-hợi (15 novembre 1887), thì quan Tổng-thống toàn-quyền mới, tức là quan Tổng-thống toàn-quyền trước nhất, là ông Constant sang nhận chức tại Sài-gòn.

Từ đó ở các xứ như Nam-kỳ thì có quan Thống-đốc, Trung-kỳ và Cao-mên thì mỗi xứ có quan Khâm-sứ, Bắc-kỳ và Lào thì mỗi xứ có quan Thống-sứ đứng đầu coi việc cai-trị trong hạt, những việc gì quan hệ đến chính-sách cả toàn cảnh thì phải theo lệnh quan Tổng-thống toàn-quyền mà thi-hành.

CHƯƠNG XIV

VIỆC ĐÁNH ĐẸP Ở TRUNG-KỲ

1. Việc đánh dẹp ở các nơi. — 2. Vua Đồng-khánh ra Quảng-bình. —
3. Hoàng Kê-Viêm ra quân thứ mạn Quảng-bình. — 4. Lập đồn Minh-cầm. — 5. Vua Hàm-nghi bị bắt. 6. Lấy cửa Đà-nẵng, thành thị Hà-nội và Hải-phong làm đất nhượng-địa. — 7. Vua Thành-thái. —
8. Việc ông Phan Đình-Phùng.

1. Việc đánh dẹp ở các nơi. — Trong khi thống-đốc Paul-Bert xếp đặt mọi việc ở Bắc-kỳ, thì ở Trung-kỳ quân cần-vương ở các tỉnh vẫn đánh phá. Quan Pháp phải tìm cách mà đánh dẹp cho yên. Ở mạn Bình-thuận, Phú-yên thì quan thiếu-lá de Lorme và quan Công-sứ Aymonier cùng với Trần Bá-Lộc 陳伯祿 đem lính tây và lính ta ở Nam-kỳ ra đánh dẹp Trần Bá-Lộc dùng cách dữ-dội, chém giết rất nhiều, bởi vậy đất Bình-thuận không bao lâu mà yên, rồi đem quân ra dẹp đảng Văn-thân ở Phú-yên và Bình-định, bắt được bọn cử-nhân Mai Xuân-Thường 枚春賞, Bùi-Điện 裴佃 và Nguyễn Đức-Nhuận 阮德潤 đem chém. Từ tháng 6 năm Bình-tuất (1886), đến tháng 6 năm đinh-hợi (1887), thì những tỉnh ở phía nam đất Kinh kỳ hết cả giặc-giã.

Ở Bắc-kỳ thì các quan cựu-thần tụ họp ở Bãi-sậy rồi đi quấy nhiễu mãi. Quan quyền Kinh-lược là ông Nguyễn Trọng-Hợp 阮仲合 xin cho quan tòng-đốc Hoàng Cao-Khải 黃高啓 lĩnh chức Tiểu-phủ-sứ đem quân đi đánh. Bọn ông Nguyễn Thiện-Thuật 阮善述 phải bỏ sang Tàu, ông Tạ-Hiện 謝現 thì trốn đi mất, còn dư đảng cũng tan cả.

2. Vua Đồng-khánh ra Quảng-bình. — Đất Trung-kỳ từ Quảng-trị trở ra chưa được yên. Vua Đồng-khánh bèn định ra tuần-thứ mặt bắc, để dụ vua Hàm-nghi và những quan

cựu-thần về cho yên việc đánh dẹp. Quan Pháp sai quan đại-
úy Henry Billet đi hộ giá.

Ngày 16 tháng 5 năm bình-tuất (1885) xa-giá ở Kinh đi ra,
mãi đến cuối tháng 7 mới tới Quảng-bình. Xa-giá đi đến đâu
thì đảng cựu-thần vẫn không phục, cứ đem quân đến chống
cự, cho nên việc vua đi tuần-thứ lần ấy, không có công hiệu
gì cả. Ra đến Quảng-bình thì vua Đồng-khánh yếu, ở được vài
mươi ngày rồi phải xuống tàu đi đường hải-đạo trở về Huế.

3. Hoàng Kế-Viem ra quân thứ mạn Quảng-bình.

— Vua Đồng-khánh về Huế được vô sự. Đến tháng 9 vua
khai phục nguyên hàm cho ông Hoàng Kế-Viem 黃德炎 và
phong cho làm Hữu-trực-kỳ An-phủ kinh-lược đại-sứ, được
quyền tiên nghi hành sự, đề ra Quảng-bình dụ vua Hàm-
nghĩ và các quan cựu-thần về. Trong tờ dụ của vua Đồng-
khánh ban cho ông Hoàng Kế-Viem đại lược nói rằng: Nếu
vua Hàm-nghi mà thuận về, thì sẽ phong cho làm Tổng-trấn
ba tỉnh: Thanh-hóa, Nghệ-an và Hà-tĩnh, và lại cấp cho bổng
lộc theo tước vương. Các quan cựu-thần như bọn ông Trương
Văn-Ban 張文班, Nguyễn-Trực 阮直, Nguyễn-Chư 阮誥,
Lê Mộ-Giai 黎模楷, Nguyễn Nguyễn-Thành 阮元誠, Phan
Trong-Mưu 潘仲謀, Nguyễn Xuân-Ôn 阮春溫, Lê Doãn-
Nha 黎允述, Ngô Xuân-Quỳnh 吳春琮, ai về thú thì được
phục nguyên chức, cho vào làm quan ở các tỉnh từ Quảng-
trị trở vào. Còn như bọn ông Trần Xuân-Soạn 陳春撰,
Nguyễn Phạm-Tuân 阮范遵, Phan Đình-Pông 潘廷逢
có chịu về, thì sẽ ba những điều lỗi trước, và sẽ phong cho
chức hàm khác. Những điều ấy đã bàn với quan thống-đốc
Paul-Bert, hai bên đã thuận cho như thế, quyết không sai lời.

Bấy giờ quân của quan đề-đốc Lê-Trực 黎直 đóng ở mạn
Thanh-thủy, thuộc huyện Tuyên-chánh; quân của Tôn-thất
Đam là con Tôn-thất Thuyết thì đóng ở ngàn Hà-tĩnh, về
hạt Kỳ-anh và Cẩm-xuyên. Còn bọn Tôn-thất Thiệp và Nguyễn
Phạm-Tuân thì phò vua Hàm-nghi ở mạn huyện Tuyên-hóa.

Ông Hoàng Kế-Viên ra Quảng-binh, sai người đi dụ bọn ông Lê-Trực về. Nhưng các ông ấy cứ nhất thiết không chịu, chỉ có bọn thủ-bạ lác đác vào người ra thu mà thôi. Bởi vậy, việc ông Hoàng Kế-Viên ra kinh-lược cũng không thành công, cho nên đến tháng 5 năm dich-hợi (1887), lại phải triệt về.

4. Lập đồn Minh-cầm. - Triều-dinh ở Huế thấy dùng cách phu dũ không được, bèn để quyền cho quan Pháp tìm kế đẽu đẹp.

Quan Pháp cũng biết là thế lực của đảng vua Hàm-nghi chẳng được là bao nhiêu, cốt qua đường mà chiếm dần dần thế và sau chuốt nhúng dần dần lấy trong, thì tất thế nào rồi cũng trừ hết được, bởi vậy cho nên không dùng đến đại-binh.

Trước đại-uy Monteaux ở Quảng-binh đã cùng với ông cố Torinyaux đem quân đi đánh lấy đồn của ông Lê-Trực ở Thanh-thủy, nhưng quân của ông ấy vẫn không tan cứ giấu phá mãi. Đến tháng giêng năm dich-hợi (1887), đại-uy Monteaux đem quân lên lập đồn Minh-cầm 明 岑 đóng ở mé trên Thanh-thủy. Đại-uy van biết ông Lê-Trực là một người có nghĩa khí, và trong khi hỏi hán những cứ với nhau, không bao giờ ông ấy làm điều tàn ác, cho nên đại-uy vẫn có ý trong lăm. Trước đó cho người đưa thư lên dụ ông ấy về thế. Ông ấy phúc thư lại rằng: « Tôi vì vua, vì nước, chết sống cũng một lòng làm cho hết việc ôô-phản, chứ không dám tham sự sống mà quên việc nghĩa ».

Từ khi quan Pháp đóng đồn ở Minh-cầm, bọn ông Lê-Trực và Nguyễn Phạm-Tuân phải lui lên mé trên. Ông Lê-Trực thì ra mạn Hà-Tĩnh ông Nguyễn Phạm-Tuân thì lên đóng ở làng Yên-lộc về phía nam sông Gianh.

Qua tháng 3, như có người do thám, biết chỗ ông Nguyễn Phạm-Tuân 阮 范 端 đóng, đại-uy Monteaux bèn đem quân lên vây làng Yên-lộc, bọn ông Nguyễn Phạm-Tuân, trong khi bất ý, đều bị bắt cả. Ông Nguyễn Phạm-Tuân phải dọn bữa ăn uống sườn, sống được mấy ngày thì mất.

Quan Pháp tuy đã bắt được ông Nguyễn Phạm-Tuân nhưng ông Lê-Trực-khay còn, và vẫn chưa biết rõ vua Hàm-nghi ở chỗ nào, sau có chúng người ra thú, mới rằng muốn bắt vua Hàm-nghi thì như với tên Trương Quang-Ngọc 張光玉. Tên ấy là người bán xir ở đây và từ khi vua ra ở vùng ấy nó được vào hầu cận, và lại là một đứa khi đó tiền nhân, thì chắc có lẽ mua chuộc nó được. Đại-úy dùng tên này để thông với tên Ngọc cho người đi dò thám, biết tên Ngọc hiện ở đâu ở làng Chá-mạt, bèn đem quân lên vây làng ấy. Nhưng khi lên đến nơi, tên Ngọc thấy động, chạy thoát được. Đại-úy sai tìm trong làng chỉ thấy có một bà lão, đại-úy bèn đưa cái thư viết cho tên Ngọc, nhờ bà lão ấy đưa cho nó, rồi rút quân về đồn Minh-cầm.

Được mấy hôm kỹ dịch những làng quê trên về thú ở đồn Minh-cầm, đại-úy đưa cho chánh-tổng những dân ấy mấy làng thuốc phiện và mấy bị gạo trắng để gửi cho tên Ngọc, và nhờ bảo nó dò vua Hàm-ngai về. Tên Ngọc nhận những đồ ấy và trả lời xin hết lòng giúp quan Pháp, nhưng cần phải dễ dàng-thể, sợ việc tiết lộ ra thì không thành.

Từ đó việc bắt vua Hàm-ngai chủ-trọng cậy vào tên Ngọc. Nhưng bấy giờ có người con tuý Tôn-thất Thuyết là Tôn-thất Thiệp giữ gìn vua Hàm-ngai một cách nghiêm mật quá. Tôn-thất Thiệp thế sống chết không để cho quân Pháp bắt được vua. Bởi vậy, bèn nói đến sự về thú thì bắt chừa ngay, cho nên bọn tên Ngọc tuy đã bội tâm, nhưng chưa dám hạ thủ.

Ở miền ngoài thì bọn ông Lê-Trực và Tôn-thất-Dora, bèn đánh chỗ này mai phá chỗ kia, mà không sao bắt được. Đại-úy Montcaux đánh đuổi lâu ngày nhọc mệt, bèn xin về Pháp ngai.

8. Vua Hàm-ngai bị bắt. — Qua tháng giêng năm nhâm-tí (1883), quan đại-tá coi đạo quan ở Huế ra Quang-bình, với chia quân đi tuần đều, để dò vua Hàm-ngai và đuổi bắt

hơn ông Lê-Trực và ông Tôn-thất Đàm. Đến tháng 9 năm ấy, quân lính mỗi mệt mà không thành được công hiệu gì. Quan Pháp đã toan rút về giữ những đồn ở gần mạn bể, bỗng dung có tên suất-đội Nguyễn-Định-Tĩnh 阮定情 hầu can vua Hàm-nghi ra thú ở đồn Đông-cả, phía trên đồn Minh-cầm, và khai rõ tình cảnh cùng chỗ vua đóng. Quan Pháp bèn sai tên Tinh đem thư lên dụ tên Ngọc về. Được mấy hôm tên Ngọc và tên Tinh về tỉnh nguyện xin đi bắt vua Hàm nghi.

Quan Pháp truyền cho hơn tên Ngọc phải làm thế nào mà bắt sống được vua Hàm-nghi, còn những người khác hề ai chớng cự lại thì cứ giết đi.

Ngày 26 tháng 9, tên Ngọc và tên Tinh đem hơn 20 đứa thủ-hạ, người ở làng Thanh-lang và Thanh-cuộc lên vây làng Tả-bảo⁽¹⁾ là chỗ vua Hàm-nghi đóng. Đến độ nửa đêm, khi chúng nó xông vào thì Tôn-thất Thiệp còn đang ngủ, hoảng hốt cầm gươm nhảy ra, bị chúng nó đâm chết. Vua Hàm-nghi trông thấy tên Ngọc làm phản như vậy, cầm thanh gươm đưa cho nó mà bảo rằng: « Mày giết tao đi con hơn đưa tao về nộp cho Tây ». Ngài vừa nói dứt lời, thì bọn chúng nó có một đứa lên ra sau lưng ôm quàng lấy ngài rồi gửi thanh gươm ra. Từ khi ngài bị bắt rồi, ngài không nói năng gì nữa.

Sáng ngày hôm sau bọn tên Ngọc vớng ngài ra đến bến Ngã-hai rồi đem xuống cái bè, đi mất 2 ngày mới về đến đồn Thanh-lang, nộp cho quan đại-ủy coi đồn ấy là ông Boulanger. Đại-ủy lập tức đem ngài về đồn Thuận-~~trai~~ 順排 đóng ở tả ngạn sông Gianh, gần Chợ-dồn.

Vua Hàm-nghi bấy giờ đã 18 tuổi, quan Pháp lấy vương-lễ mà tiếp đãi. Tuy vậy ai hỏi gì ngài cũng không nói, chỉ

(1) Những chuyện nói về việc bắt vua Hàm nghi là phần nhiều lấy ở trong sách « Empire d'Annam » của quan đại-ủy Gosselin, cho nên những tên làng tên đất nơi ở đoạn này viết không được đúng dấu. Nhưng đại-đế là những làng mừng ở vùng sông Gianh thuộc huyện Tuyên-hóa tỉnh Quảng-binh.

nhất thiết chối rằng mình không phải là vua. Nhưng đến lúc vào trong buồng ngồi một mình, thì hai hàng nước mắt chứa chan, buồn vì nỗi nước đổ nhà tan, thân mình phải nhiều nỗi gian truân.

Quan Pháp đem vua Hàm-nghi xuống tàu về Thuận-an, rồi đem sang để ở bên xứ Algérie, là xứ thuộc-địa của nước Pháp, ở phía bắc châu A-phi-ly-gia, mỗi năm cấp cho 2 vạn rưỡi phật-lăng 1.

Tên Trương Quang-Ngọc được thưởng hàm lĩnh-binh; tên Nguyễn Định-Tinh cũng được thưởng hàm quan-võ. Còn bọn thủ hạ đưa thi được thưởng hàm suất-đội, đưa thi được thưởng mấy đồng bạc.

Tôn-thất Đạm ở ngân Hà-tiêu, nghe tin vua Hàm-nghi bị bắt bên hội cả bọn tướng sĩ lại, truyền cho ra thú để về yên nghiệp mà làm ăn, rồi viết hai bức thư: một bức đề dâng vua Hàm-nghi, xin tha tội cho mình làm tội không cứu được vua, và một bức gửi cho quan thiếu-tá Dabat, đóng ở đồn Thuận-bái, xin cho bọn thủ-hạ ra thú. Viết xong thư rồi, Tôn-thất Đạm nói rằng: « Bây giờ quan Pháp có muốn bắt ta thì vào tìm thấy má ta ở trong rừng! » Đoạn rồi thất cồ mà tự-tận 2.

Ông Tôn-thất Thuyết làm đại-tướng mà cư-xử ra một cách rất hèn nhát, không đáng là người trượng-phu chút nào. Nhưng hai người con thì thật là bậc thiếu-niên anh-hùng, có thể che được cái xấu cho cha vậy.

Quan đề-đốc Lê-Trực 黎直 cũng đem hơn 100 quân ra thú ở đồn Thuận-bái. Triều-đình ở Huế xem cái tờ xin ra thú,

(1) Hiện nay vua Hàm-nghi còn ở Algérie, và đã lấy một người nước Pháp, được mấy đứa con.

(2) Hai bức thư ấy dịch ra chữ Pháp in ở trong sách « Empire d'Annam của quan đại-ủy Gosselin ». Lời lẽ thì thật là cương nghị đáng bậc thiếu-niên anh-hùng. Nhưng vì thư ấy đã dịch ra chữ Pháp, nếu nay lại theo chữ Pháp mà dịch ra chữ ta thì sợ không đúng với bản chính, cho nên không đem vào đây.

thấy lời lẽ của quan đề đốc cũ nói khẳng khái, không được khiêm-tốn, có ý muốn bắt tội, nhưng quan Pháp thấy là một người trung nghĩa, có lòng quý trọng, tha cho về yên nghiệp ở nhà.

Ông Tôn-thất Đàm và ông Lê-Trực là người phản đối với nước Pháp lúc bấy giờ, nhưng các ông ấy vì việc nước mà hết lòng làm việc bổn-phận, cho nên quan Pháp cũng biết lượng tình mà thương tiếc. Sau ông Lê-Trực về ở làng Thanh-thủy, thuộc huyện Tuyên-hóa, tỉnh Quảng-bình, quan Pháp thường vẫn đi lại thăm nom và có ý kính trọng lắm. Người bản quốc thấy vậy ai cũng lấy làm cảm phục.

6. Lấy cửa Đà-nẵng, thành-thị Hà-nội và Hải-phong làm đất nhượng địa. — Tháng 3 năm mậu-ti (1888), ông Richaud sang làm Tổng-thống toàn-quyền. Tháng 8 năm ấy, Triều-đình ở Huế làm tờ nhượng cửa Đà-nẵng, thành-thị Hà-nội và Hải-phong cho nước Pháp làm đất nhượng-địa, nghĩa là ở trong những đất mà nhà vua đã nhượng đi, quyền cai-trị thuộc cả về quan Pháp.

Ngày 27 tháng chạp năm mậu-ti, là ngày 28 tháng giêng năm 1888, vua Đồng-khánh phải bệnh mất, thọ 25 tuổi, làm vua được 3 năm, miếu-hiệu là Cảnh-tôn Thuận-hoàng-đế 景宗純皇帝.

7. Vua Thành thái. — Bấy giờ ông Rheinart lại sang làm Khâm-sứ ở Huế, thấy con vua Đồng-khánh còn nhỏ, và lại nhớ ông Dục-dực ngày trước, khi vua Dục-tôn hãy còn, thường hay đi lại với quan Pháp, bởi vậy quan Khâm-sứ nghĩ đến tình cũ mà truyền lập ông Bửu-Lân là con ông Dục-dực lên làm vua.

Ông Bửu-Lân bấy giờ mới lên 10 tuổi, đang cùng với mẹ phải giam ở trong ngục. Triều-đình vào rước ra, tôn lên làm vua, đặt niên-hiệu là Thành-thái, cử ông Nguyễn Trọng-Hợp 阮紳合 và ông Trương Quang-Đản 張光儼 làm Phụ-chính.

8. Việc ông Phan Đình-Phùng. Từ năm kỷ-sửn (1889) là năm Thành-thái nguyên niên, cho đến năm qui-tị (1893) là năm Thành-thái ngũ niên, đại Trung-kỳ không có việc gì quan hệ lắm. Các quan cựu-thân, người thi về thù, người thi ân nấp ở chỗ sơn lâm. Họn ông Phan Đình-Phùng thì về mở đồn điền ở Vũ-quang 武光 về phía bắc huyện Hương-khê, thuộc tỉnh Hà-tĩnh, rồi cho người đi sang Tàu, sang Tiêm, học đúc súng đúc đạn, đề đợi ngày khởi sự.

Ông Phan Đình-Phùng 潘廷逢 người tỉnh Hà-tĩnh, thi đỗ đình-nguyên về đời vua Dục-toa, quan làm đến ngự sử, bị họn quyên-thân là Nguyễn Văn-Tường và Tôn-thất Thuyết cách chức đỗi về. Sau ông ấy đứng đầu đảng Văn-thần đề chống cự với quân Pháp. Ông ấy không những là một người có tài văn-chương mà thôi, mà lại là một nhà có thao lược, sửa sang quân lính có cơ ngũ, luyện tập tượng sĩ có kỹ-luật, cho nên quan đại-uy Gosselin làm quyền sách « *Empire d'Annam* » có khen rằng: « Quan đình-nguyên Phan Đình-Phùng có tài kinh doanh việc quân binh, biết luyện tập sĩ tốt theo phép Thái-tây, áo quân mặc mới lối, và đeo súng kiểu 1874, những súng ấy là súng của người quan Đình-nguyên đúc ra thật nhiều mà may móc cũng hết như súng Pháp, chỉ vì lòng súng không sẽ rách, cho nên đạn không đi xa được ».

Đến cuối trung-quần tháng 11 năm qui-tị (1893), ông sai người đến vây nhà họ Trương Quang-Ngọc ở làng Thanh-lang, huyện Tuyên-hóa, bắt tên-Ngọc chém lấy đầu, đề báo thù về việc tên ấy làm sự phỉa ác. Từ đó quân của quan Đình-nguyên vây vùng ở mạn Hương-khê, đảng Văn-thần cũ lại về tụ họp ở đây.

Bấy giờ quan Pháp không muốn dùng đại binh sợ náo-dộng lòng người ở bên Pháp, cho nên chỉ sai quan đem lính tập đi đánh. Đánh từ cuối năm qui-tị (1893) cho đến cuối năm ất-tỵ (1895) suốt 2 năm trời mà không dẹp yên được, quan Pháp chết hai cũng nhiều. Triều đình ở Huế thấy việc

giai-giảng mãi không xong, mới xin chính-phủ Bảo-hộ để sai quan tống-dốc Bình-dịnh là ông Nguyễn-Thần 阮紳 làm Khâm-mạng tiết-chế quân-vụ đem quân ra tiêu trừ. Ông Phan Đình-Phùng lúc bấy giờ tuổi đã già, mà thể lực mỗi ngày một kém, lại phải nay ăn chõ này, mai chạy chỗ kia, thật là lao khổ vô cùng, bởi vậy khi quân trong Kinh ra đến Hà-tĩnh, thì ông đã phải bệnh mất rồi. Ông Nguyễn-Thần sai người đuổi đánh, tìm thấy mã, đao lấy xác đem về xin quan Pháp, cho đem đốt lấy tro trộn với thuốc súng mà bắn đi. Có người nói rằng việc ấy tuy ông Nguyễn-Thần trước định thế, nhưng sau lại cho đem chôn, vì muốn để làm cái tang chứng cho đảng phản đối với chính-phủ Bảo-hộ là quan Đình-nguyên đã mất rồi. Từ đó đảng Văn-thân tan vỡ, ai trốn đi mất thì thôi, ai ra thú thì phải đem về Kinh chịu tội.

Ông Nguyễn-Thần về Kinh được thăng làm Phụ-chính thay cho ông Nguyễn-Trọng-Hợp về hưu.

Từ đó việc đánh dẹp trong nước yên cả. Tuy về sau thỉnh-thoảng có những đám giặc cỏ nổi lên làm loạn, nhưng chẳng phải bao lâu mà quân của chính-phủ Bảo hộ cũng dẹp yên được.

CHƯƠNG XV

CÔNG VIỆC CỦA BẢO-HỘ

Chính-phủ Bảo-hộ chỉnh-dồn mọi việc. 2. Tổng-kết.

1. **Chính-phủ Bảo-hộ chỉnh-dồn mọi việc.** — Từ khi cuộc Bảo-hộ lập xong rồi, một mặt thì quan quân đi đánh dẹp, một mặt thì lo liệu sửa sang mọi việc. Trước hết phải mở đường-sá để cho tiện sự giao thông trong nước, vì rằng có đường-sá thì sự đánh dẹp mới chóng có công hiệu, và việc buôn bán, việc công nghệ, mới chóng mở mang ra được. Bởi vậy thoát đầu tiên đã có thương cục làm tàu thủy để chở hàng-hóa và hành-khách đi trong các sông ở xứ Bắc-kỳ.

Năm tân-mão (1891), ông de Lanessan sang làm Tổng-thống toàn-quyền, mở đường xe lửa từ Phú-lạng-thương lên đến Lạng-sơn, đến năm giáp-ngọ (1894), con đường ấy mới xong. Chủ đích là để cho tiện sự phòng giữ ở chỗ biên-thùy.

Chính-phủ Bảo-hộ lại lo mở mang thêm bờ cõi về phía Lào. Nguyên đất Lào ngày trước vẫn thần phục nước Nam ta: những xứ như Trấn-ninh, Cam-mơa, Cam-cát, v. v. về đời vua Minh-mệnh đã lập thành phủ hay huyện và đặt quan cai-trị cả. Nhưng về sau nước ta suy nhược lại có việc chiến tranh với nước Pháp, cho nên nước Tiêm-la mới nhân dịp mà sang chiếm giữ lấy. Đến đầu năm quí-tị (1893), quan Pháp sang lấy lại những đất cũ thuộc về nước Nam ta trước. Bấy giờ quan Tiêm-la ở mạn Cam-mơa giết mất một người quân binh của Pháp, quan Pháp bèn sai hải-quân đem hai chiếc tàu chiến vào sông Mê-nam, lên đóng ở gần thành Băng-cốc (Bangkok). Ngày 24 tháng 8 năm ấy, nước Tiêm-la phải ký tờ hòa-ước, nhượng những đất Lào cho nước Pháp bảo-hộ, hậu trong một tháng phải rút quân đóng ở bên tả ngạn sông Mê-kông về, lại phải bồi thường 2 triệu phật-lãng, và phải trị tội những người dám chống cự với quan Pháp.

Quan Pháp lập phủ Thống-sứ ở Vientiane để cai-trị các địa-hạt bên Lào.

Năm ất-vị (1895), quan Toàn-quyền Rousseau sang thay ông de Lanessan, thấy con nhiều giặc-giã bên vay nước Pháp cho xứ Bắc-kỳ 89 triệu phật-lãng, đề chỉ tiêu về việc đánh dẹp và việc mở-mang.

Năm đinh-dậu (1897), ông Doumer sang làm Toàn-quyền chính đôn lại tài-chiến và việc chính trị. Lập ra sổ chi-thu chung cả toàn cảnh Đông-pháp, định các thứ thuế: thuế đinh, thuế điền, thuế thổ, thuế xuất cảng, nhập cảng, v. v., và cho lĩnh trưng thuế rượu, thuế muối, thuế nha phiến. Bỏ nhà Kinh-lược ở Bắc-kỳ, giao quyền lại cho quan Thống-sứ (tháng 6 năm đinh-dậu 1897); vay nước Pháp 200 triệu phật-lãng, để mở đường hỏa-xe trong xứ Đông-pháp và mở-mang thêm việc canh-nông và việc công-nghệ.

Năm nhâm-dần (1902), ông Doumer về Pháp, ông Beau sang làm Toàn-quyền. Ông Beau chú việc khai-hóa dân-trí, lo mở-mang sự học hành và đặt ra Y-tế-cục, làm nhà Thương, nhà Bệnh, để cứu giúp những kẻ yếu đau nghèo khổ. Ấy là những công việc ngay nay còn dang sửa sang, mà ta hết lòng trông mong cho mỗi ngày một tiến bộ thêm.

2. Tổng-kết. — Vận-mệnh nước Nam ta bây giờ là ở tay người nước Pháp, việc hay dở tương-lai nhờ ở cái độ lượng của các quan Bảo-hộ. Nhưng mà người bản-quốc ta phải biết rằng phạm sự tiến-hóa của một nước, là cốt ở trí lực của người trông nước, vậy ta phải cố gắng hết sức mà học tập, giữ lấy những điều hay của mình vẫn có, bắt-chước lấy những điều hay của người ta, bỏ những điều dở của mình đi, việc gì ta cũng phải đồng tâm hiệp lực mà làm cho được. Nếu ai ai cũng chú ý vào con đường tiến-bộ mà noi theo, thì mai sau này, biết đâu là con cháu nhà Hồng-Lạc ta lại không có ngày được vẻ-vang với thiên-hạ hay sao? Đây là cái nghĩa-vụ chung của cả chúng-loại Việt-nam, và lại là cái hi-vọng chính-dang của chúng ta vậy.

HOÀNG-TRIỀU THẾ PHỔ 皇朝世譜

1. THẾ-TỔ CAO-HOÀNG-ĐẾ (GIA-LONG)
世祖高皇帝(嘉隆)

2. THÀNH-TỔ NHÂN-HOÀNG-ĐẾ (MINH MẠNH)
聖祖仁皇帝(明命)

3. HIẾM-TỔ CHƯƠNG-HOÀNG-ĐẾ (THIỆU-TRỊ)
憲祖章皇帝(紹治)

Hồng-bào 4. DỤC-TON ANH-HOÀNG-ĐẾ (TỰ-DỨC) Thụy-thái-vương
洪保 英宗英皇帝(嗣統) 瑞太王

Khiên-thái-vương 5. HIỆP-HÒA PHẾ-ĐẾ
堅太王 協和廢帝

Thụy-quốc-công (Dục-dức) 8. CẢNH-TON THUẦN-HOÀNG-ĐẾ (ĐÔNG-KHÁNH) 6. GIẢN-TÔN NGHỊ-HOÀNG-ĐẾ (KIẾN-PHÚC) 7. HÀM-NHỊ-ĐẾ
瑞國公(育德) 景宗純身帝(同慶) 簡宗毅皇帝(建福) 咸亨帝

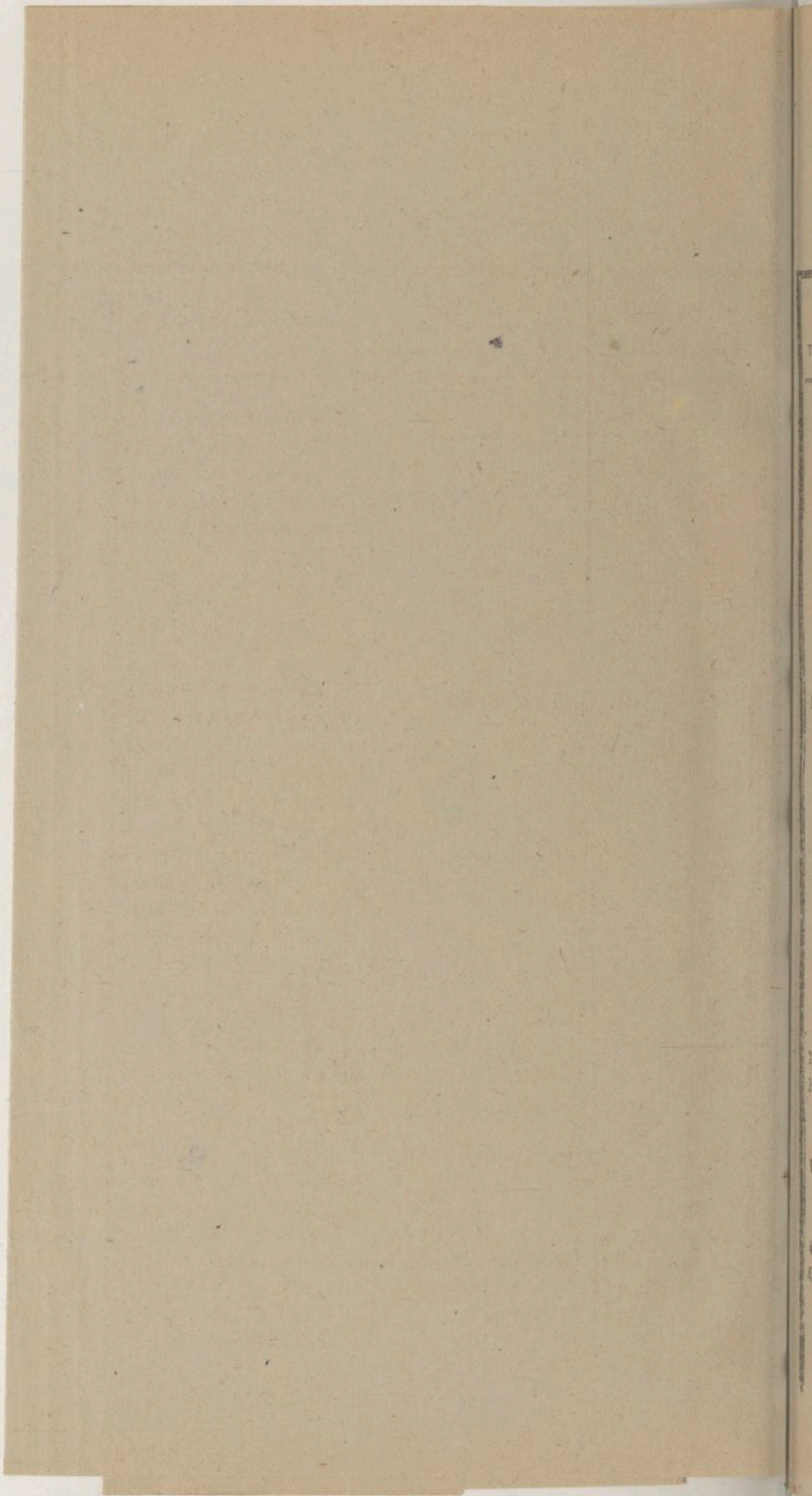
9. THÀNH-THAI PHẾ-ĐẾ
咸泰廢帝

11. KHẢI-DỊNH-ĐẾ
啓定帝

10. DUY-TÂN PHẾ-ĐẾ
維新廢帝

12. BẢO-ĐẠI-ĐẾ
保大帝





NIÊN - BIỂU

NĂM Theo Tây lịch	NƯỚC NAM Các đời vua và những sự biến-cố trong nước	NƯỚC TÂY	NƯỚC PHÁP
		Phục-hi thị (4180-4305 trước Tây-Hịch kỷ nguyên). Họ Phục-hi truyền được 15 đời, cộng là 1260 năm.	
		Thần-nông thị (3220-3080). Họ Thần-nông truyền được 8 đời, cộng là 520 năm.	
2819-268 trước Tây lịch kỷ nguyên.	Họ Hồng bang	Viên-hiến thị Hoàng đế (2700-2600). Họ Viên-hiến truyền được 8 đời, cộng là 341 năm mới đến vua Đế Nghiêu.	
		Bào Dương thị Đế Nghiêu (2359-2259)	
		Miền Ngô thị Đế Thuấn (2256-2203)	
		Hạ (2205-1766)	
		Thường (1766-1122)	
		Chu (1122-256)	
258-207	Nhà Thương	Tân (221-206)	
207-111	Nhà Triệu	Tây Hán (202 trước Tây lịch - 8 sau Tây lịch)	Ngồi La mã lấy đất Gaulle (151 trước Tây lịch)
111 trước Tây lịch - 33 sau Tây lịch	Bắc thuộc lần thứ nhất	Tây Hán	Tướng Jules Cesar bình định đất Gaulle (57-51 trước Tây lịch)
43-43	Trưng Nữ-vương	Tân, Vương Mang (9-23)	
53-544	Bắc thuộc lần thứ hai	Đông Hán (25-220)	
		Đông Hán	La mã đế quốc. Auguste xưng đế (39-14 trước Tây lịch)
187-226	Sĩ Nhiếp.	Tam quốc, Đông Ngô (222-265)	
243	Triệu Ân.		

NĂM theo Tây lịch	NƯỚC NAM Các đời vua và những sự hiếu-cổ trong nước	NƯỚC TÀU	NƯỚC PHÁP
399-413	Giặc Lâm ấp.	Tấn (265-420). Nam Bắc triều: Tống (420-477). Tề (478-501).	Quân Bắc - địch (Barbares chiếm giữ đất Gaule (406 sau Tây lịch) Họ Mérovingiens (481-752).
544-602 554 549 571	Nhà Tiền Lý Tiền Lý Nam-đế. Triệu Việt-vương. Hậu Lý Nam-đế.	Lương (502-556). Trần (557-587).	Clovis I xưng vương ở nước Pháp (481-511).
603 939 722	Bắc-thuộc lần thứ ba Mai Hắc đế.	Tây (589-617). Đường (618-907).	Họ Carlevingiens (762-987)
791	Bố-cái đại-vương	Đường Thái-tôn (627-650).	Pépin le Bref (752-768).
862	Giặc Nam chiến Cao-Biên.	Đường Huyền-tôn (713-756).	Charlemagne (768-814).
906-923	Họ Khúc -	Ngũ-qui (907-959).	Chư-hầu phân
939-944	Nhà Ngô	Tống (960-1278).	tranh từ thế-kỷ
945-967	"hập nhị sứ-quân	Tống Thái-tổ (960-	thứ IX đến thế
968-980	Nhà Đinh	976).	kỷ thứ XIV mới
981-1009	Nhà Tiền Lê		smy.
1010-1225	Nhà Lý		Họ Capétiens (987
1010	Lý Thái-tổ lên ngôi và dời đô ra Thăng-long		1328).
1048	Giặc Nông Tri-Cao.		Hughes Capet
1069	Vua nhà Lý lấy đất Chiêm - Đi mở ra đất Quảng-binh Quảng-trị.		(987-996).
1073	Lý Thường - Kiệt đánh Tầu	Tống Thần-tôn (1088-1085).	Louis VI (1108
1225-1400	Nhà Trần		1137).
1225	Trần Thái-tôn lên ngôi		Saint Louis (1226
			1270).

NĂM Theo Tây lịch	NƯỚC NAM Các đời vua và những sự biến-cố trong nước	NƯỚC TÀU	NƯỚC PHÁP
1257	Quân Mông cổ đánh Vân-nam, tràn sang nước Nam.		
1284	Thoát-Hoan đánh nước Nam lần thứ nhất.	Nguyên (1280-1311)	Philippe le Bel (1285-1314)
1287	Thoát Hoan đánh nước Nam lần thứ hai.	Nguyên Thế tổ (1280-1294)	Mở quốc-hội để giảm quyền Chư- hầu (1302).
1306	Vua Chiêm-thành dâng đất Thừa- thiên.	Minh (1358-1628)	Họ Capétiens, chi Valois (1328- 1589)
1383	Vua Chế-Bồng-Nga đánh kinh-thành Thăng-long.	Minh Thái-tổ (1368-1398)	Cuộc chiến-tranh một trăm năm (1338-1453).
1396	Hồ Quý-Lý dời đô vào Tây-đô.		
1400-1407	Nhà Hồ		
1400	Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần.		
1402	Nhà Hồ lấy đất Chiêm-thành mở ra đất Quảng-nam, Quảng-nghĩa.	Minh Thành-tổ (1403-1424)	
1406	Nhà Minh đánh nhà Hồ.		
1407-1427	Thuộc chế Minh		
1408	Nhà Hậu Trần dấy bình đánh quân Minh.		Charles VII (1422-1461)
1418-1427	Ông Lê-Lợi khởi nghĩa.		
1427-1527	Nhà Lê		
1428	Lê Thái-tổ lên ngôi.	Minh Nhân-tôn (1425-1426)	Jeanne d'Arc cứu chúa (1429-1431)
1470	Lê Thánh-tôn đánh Chiêm-thành lấy đất Bình-định.	Minh Tuyên-tôn (1426-1436)	Louis XI (1461- 1483) Louis XII (1498- 1515)

NĂM Theo Tây lịch	NƯỚC NAM Các đời vua và những sự biến cố trong nước	NƯỚC TÂY	NƯỚC PHÁP
1527-1592 1527	Nhà Mạc Mạc Đăng - Dung cuộc ngôi nhà Lê	Minh Thế-tôn (1522- 1566)	François I (1515- 1547)
1532-1738 1532 1543	Nhà Lê Trung-dương Ông Nguyễn Kim lập vua Lê ở Ai-lao Ông Nguyễn - Kim kởi phục đất Nghệ-an và Thuận - hóa lập ra Lê Nam triều.		
545	Ông Trịnh - Kiểm giữ binh quyền.		
1558	Ông Nguyễn Hoàng vào trấn đất Thuận-hóa.		Họ Capétiens, chi Bourbons 1589
1592	Ông Trịnh - Tùng dời nhà Mạc, khởi phục kinh thành Thăng long.		1792) Henri IV (1589- 1610)
1611	Ông Nguyễn-Hoàng đánh Chiêm-thành lấy đất P ú yển.		Louis XIII 1610 (1643)
1627-1672	Chùa Trịch và chùa Nguyễn đánh nhau ở Quảng-binh và Hà-tĩnh.	bành (1644-1911) Thanh Thế tổ, (Thuận-trị) (1644- 1661)	Louis XIV (1643- 1715)
1693	Chúa Nguyễn lấy hết đất Chiêm- thành vào đến Bình-thuận.	Thanh Thánh tổ (Khang hi) (1662- 1722)	
1693-1757	Chúa Nguyễn lấy đất Cao-mên lập ra sáu tỉnh Nam-kỳ.	Thanh Thế tôn (Ung-chinh) (1723- 1735)	Louis XV (1715- 1774)
1771	Ông Nguyễn-Nhạc khởi binh đánh chúa Nguyễn ở Qui-nhơn.	Thanh Cao-tôn (Càn-long) (1736- 1795)	Louis XVI (1774- 1793)

NĂM Theo Tây lịch	NƯỚC NAM Các đời vua và những sự biên-có trong nước	NƯỚC TÁU	NƯỚC PHÁP
1775	Chúa Trịnh sai Hoàng Ngũ - Phúc vào lấy thành Phú xuân và đất Quảng nam. Chúa Nguyễn chạy vào Gia-dinh.		
1776	Anh em ông Nguyễn Nhạc đánh lấy đất Gia-dinh.		
1778	Ông Nguyễn-Nhạc xưng đế ở Qui nhơn.		
1780	Ông Nguyễn Anh xưng vương ở Nam-ky.		
1782	Loan kiến-binh ở kinh-thành Thăng-long.		
1783	Nguyễn-vương nhờ ông Ba đa-lộc đem hoàng tử Cảnh về Pháp cầu cứu.		
1784	Ông Nguyễn - Huệ phá quân Tiêm-la ở đất Gia-dinh.		
1786	Ông Nguyễn - Huệ lấy thành Phú-xuân rồi ra Bắc hà diệt họ Trịnh.		
1787	Yü Vâu-Nham đánh Bắc-hà. Nhà Lê mất ngôi.		
1788	Nguyễn - vương ở Tiêm-la về khôi phục Gia-dinh.		

NĂM Theo Tây lịch	NƯỚC NAM Các đời vua và những sự biến-cổ trong nước	NƯỚC TÀU	NƯỚC PHÁP
1788 1802	Nhà Nguyễn Tây-sơn		
1789	Ông Nguyễn - Huệ lên ngôi hoàng-đế rời ra phá quân Thanh ở Thăng- long.		Cuộc đại Cách mệnh (1789) Dân-quốc-cộng-hòa lần thứ nhất (1792 1804)
1792	Vua Quang-trung mất.	Thạch Nhãn-tôn (Gia-khánh) (1796- 1820)	
1799	Nguyễn-vương-khôi phục thành Qui- nhơn.		
1801	Nguyễn-vương-khôi phục thành Phú- xuân.		
1802-	Nhà Nguyễn		
1802	Nguyễn Thế-tổ (Gia- long) lên ngôi rồi ra đánh lấy Bắc hà.		Đế-quốc lần thứ nhất (1804-1814) Nạ - phá - luân I xung đế (1804)
1819	Nguyễn Thế tổ mất		
1820	Nguyễn Thành-tổ (Minh-mệnh) lên ngôi.	Thanh Tuyên-tôn (Đạo-quang) (1821- 1851)	Họ Capétions, chi Bourboas trung burg (1814-1818) Louis XVIII (1814- 1824)
1826	Giặc Phan Bá Vành ở Nam-dinh.		
1833	Lê Duy-Lương khởi bình ở Ninh-bình. Lê Văn Khôi khởi ngụy ở Gia-dinh. Nông Văn-Vân dấy loạn ở Bắc-kỳ.		Charles X (1824- 1830) Cuộc cách-mệnh lần thứ hai (1830) Louis Philippe (1830 18 8)
1834	Giặc Tiêm-la.		
1835	Lấy nước Cao-mên lập ra Trấn-tây thành.		
1840	Nguyễn Thành-tổ mất.		

NĂM Theo Tây lịch	NƯỚC NAM Các đời vua và những sự biến-cổ trong nước	NƯỚC TAU	NƯỚC PHÁP
1841	Nguyễn Hiến - tổ (Triệu-trị) lên ngôi Lập lại nước Cao-mên.		
1847	Chiến thuyền của Pháp bắn vào các đồn ở Đà-nẵng Nguyễn Hiến - tổ mất.		
1848	Nguyễn Dực - tôn (Tự-dực) lên ngôi.	Loạn Thái - bình thiên-quốc (1849-1864)	Cuộc Cách-mệnh lần thứ ba (1848)
1858	Chiến thuyền của Pháp và của 1 pha-nho đánh Đà-nẵng.	Thanh Văn-tôn (Hàm - phong) (1851-1861)	Dân-quốc công-hòa lần thứ hai (1848 1851) Đế-quốc lần thứ hai (1851 1870)
1859	Quân Pháp đánh lấy Gia-định.		Nạ-phá-luân H-xung đế (1851)
1861	Đồn Kỳ - hòa thất thủ.		
1862	Hòa-ước nhường ba tỉnh phía đông Nam-kỳ.	Thanh Mục-tôn (Đồng - trị) (1862-1874)	
1864	Lập cuộc Bảo-hộ ở nước Cao-mên.		
1867	Lấy ba tỉnh phía tây Nam-kỳ. Phan Thanh-Giản tự tận		
1872	Đồ-phổ-nghĩa đem thuyền vào Hà-nội		Phổ Pháp chiến-tranh (1870-1871)
1873	Francis Garnier hạ thành Hà - nội. Nguyễn Tri-Phương tử tiết.		Dân-quốc công-hòa lần thứ ba (1870-....)
1874	Hòa-ước trả lại đất Bắc kỳ.	Thanh Đức tôn (Quang-tự) (1875 1909)	

NĂM Theo Tây lịch	NƯỚC NAM Các đời vua và những sự hiển cố trong nước	NƯỚC TÂY	NƯỚC PHÁP
1882	Henri Rivière hạ thành Hà - nội. Hoàng-Diện tử tiết.		
1883	Quốc Bảo-hộ của nước Pháp		
1883	Vua Dục-tôn mất. Hòa - ước nhận cuộc Bảo hộ		
1884	Hòa-ước Patenôtre định các thể - lệ Bảo-hộ.		
1885	Tôn - thất Thuyết đánh phủ Khâm- sứ ở Huế.		
1888	Vua Hàm nghi bị hất.		
1893	Phan Đình Phùng khởi sự ở Hà-tĩnh		



MỤC LỤC

QUYỂN IV

Nam Bắc phân tranh thời-dại

	Trang
CHƯƠNG I. — Lịch Triều lược ký	1 đến 12
CHƯƠNG II. — Nam-Triều, Bắc-Triều	13 — 26
CHƯƠNG III. — Trịnh Nguyễn phân tranh	27 — 30
CHƯƠNG IV. — Sự chiến tranh	31 — 45
CHƯƠNG V. — Công việc họ Trịnh làm ở xứ Bắc	46 — 64
CHƯƠNG VI. — Công việc họ Nguyễn làm ở xứ Nam	65 — 79
CHƯƠNG VII. — Người Âu-châu sang nước An-nam	80 — 85
CHƯƠNG VIII. — Vận trung suy của chúa Nguyễn	86 — 96
CHƯƠNG IX. — Họ Trịnh mất nghiệp Chúa	97 — 103
CHƯƠNG X. — Nhà Hậu-Lê mất ngôi Vua.	104 — 108
CHƯƠNG XI. — Nhà Tây-sơn	109 — 126
CHƯƠNG XII. — Nguyễn-vương nhất thống nước Nam.	127 — 149

QUYỂN V

Cận kim thời-dại

CHƯƠNG I. — Hoàng-triều Nguyễn-thị-Thế-tổ	150 — 165
CHƯƠNG II. — Thánh-tổ	166 — 180
CHƯƠNG III. — Thánh-tổ (tiếp theo)	181 — 207
CHƯƠNG IV. — Hiến-tổ	208 — 211
CHƯƠNG V. — Dực-tôn	212 — 223
CHƯƠNG VI. — Nước Pháp lấy đất Nam-kỳ	224 — 238
CHƯƠNG VII. — Chiếm giữ ở trong nước	239 — 247

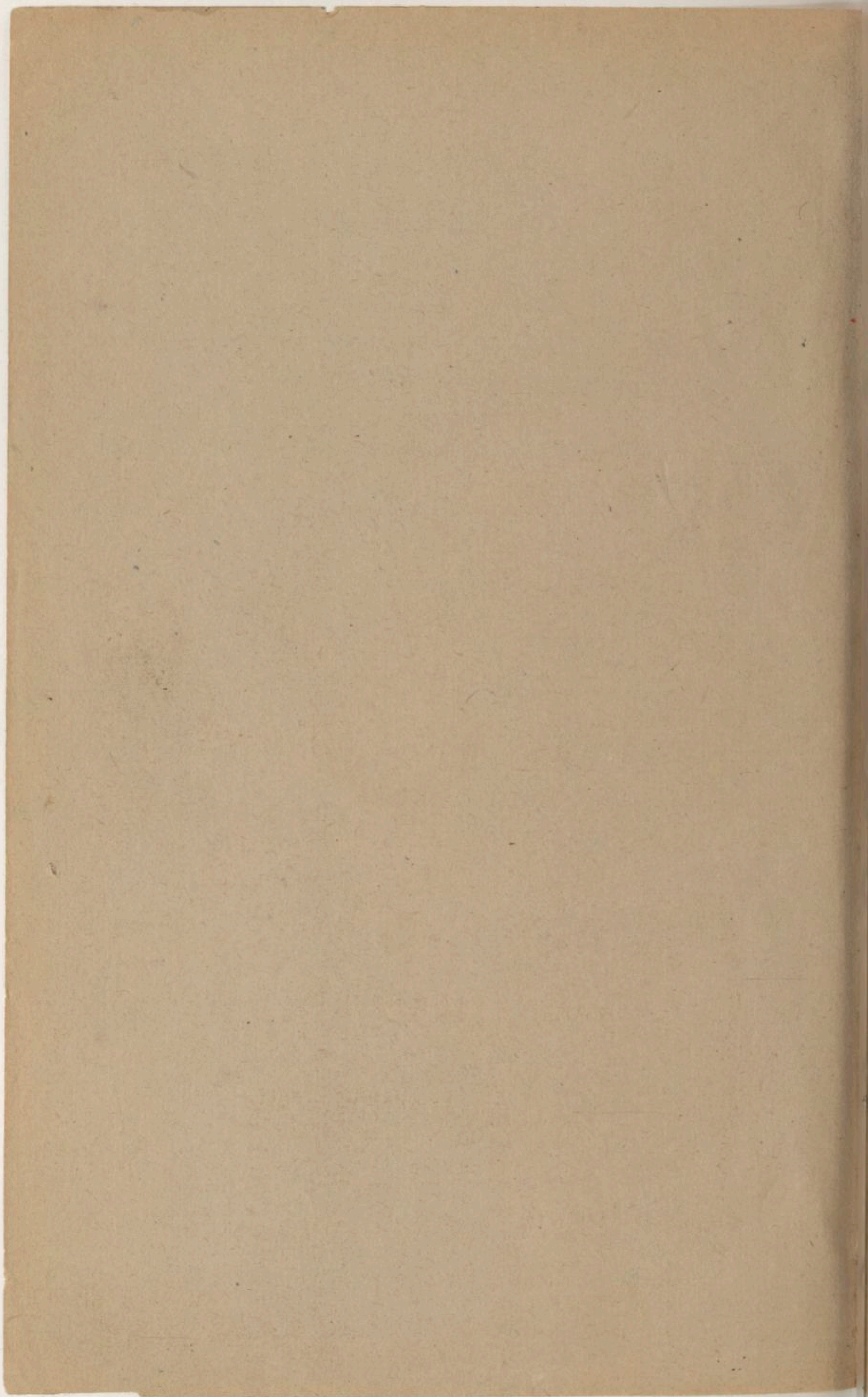
		Trang
CHƯƠNG VIII	— Quân nước Pháp lấy Bắc-kỳ, lần thứ nhất	248 — 259
CHƯƠNG IX.	— Tình thế nước Nam từ năm Giáp-tuất về sau	260 — 266
CHƯƠNG X.	— Quân nước Pháp lấy Bắc-kỳ, lần thứ hai	267 — 272
CHƯƠNG XI.	— Bảo-hộ	273 — 283
CHƯƠNG XII.	— Sự chiến tranh với nước Tàu.	284 — 289
CHƯƠNG XIII.	— Sự loạn ở Trung-kỳ	290 — 301
CHƯƠNG XIV.	— Việc đánh dẹp ở Trung-kỳ.	302 — 310
CHƯƠNG XV.	— Công việc của Bảo hộ	311 — 312
	Niên-biểu.	313 — 320

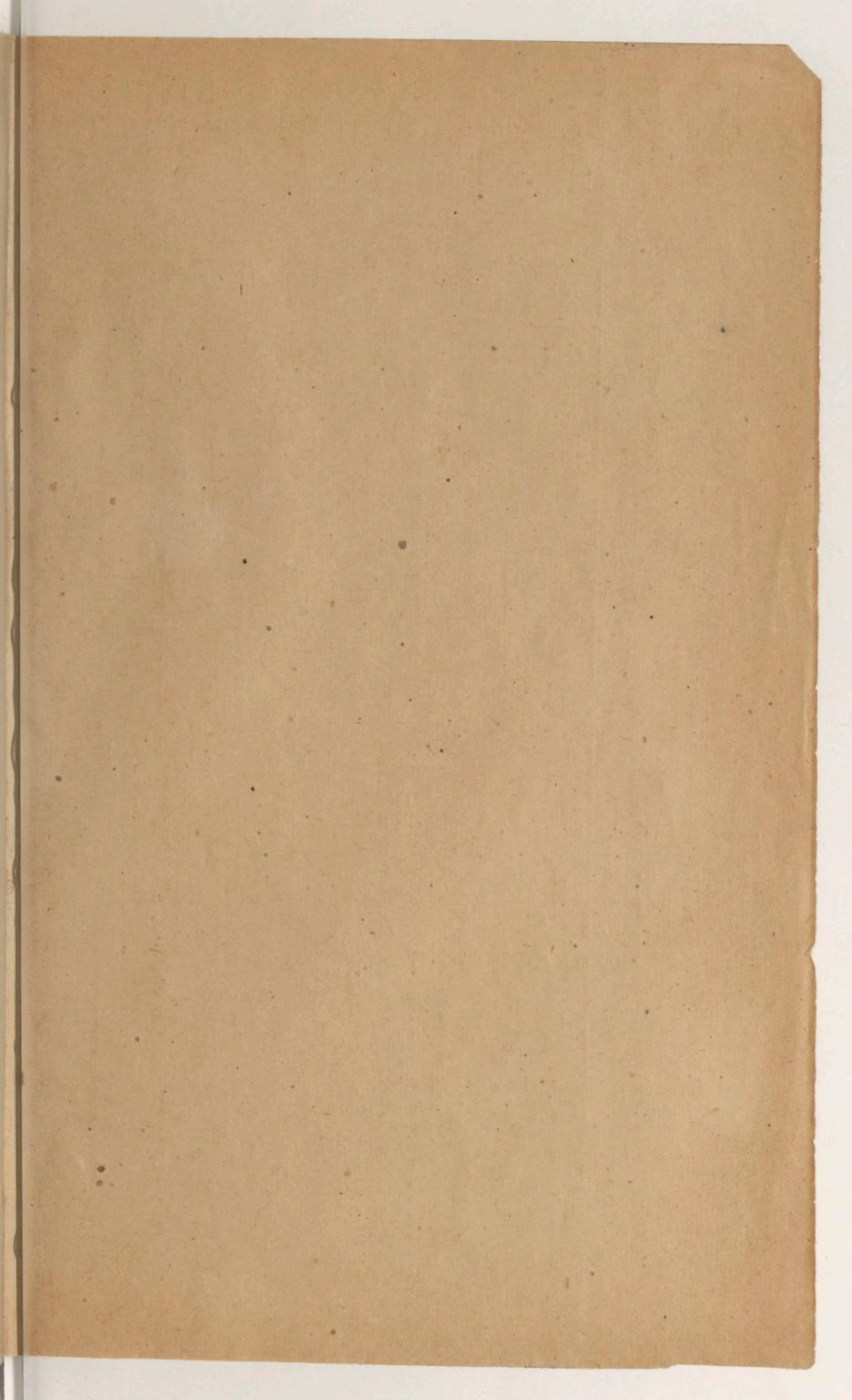


BẢN-ĐỒ

Bản-đồ nước Nam về đời chúa Trịnh và húa Nguyễn. 44 *bis*
Bản-đồ nước Nam về đời Minh mệnh 206 *bis*







also the way 22/10/48

6-12-48 = Cambridge (30/12)

